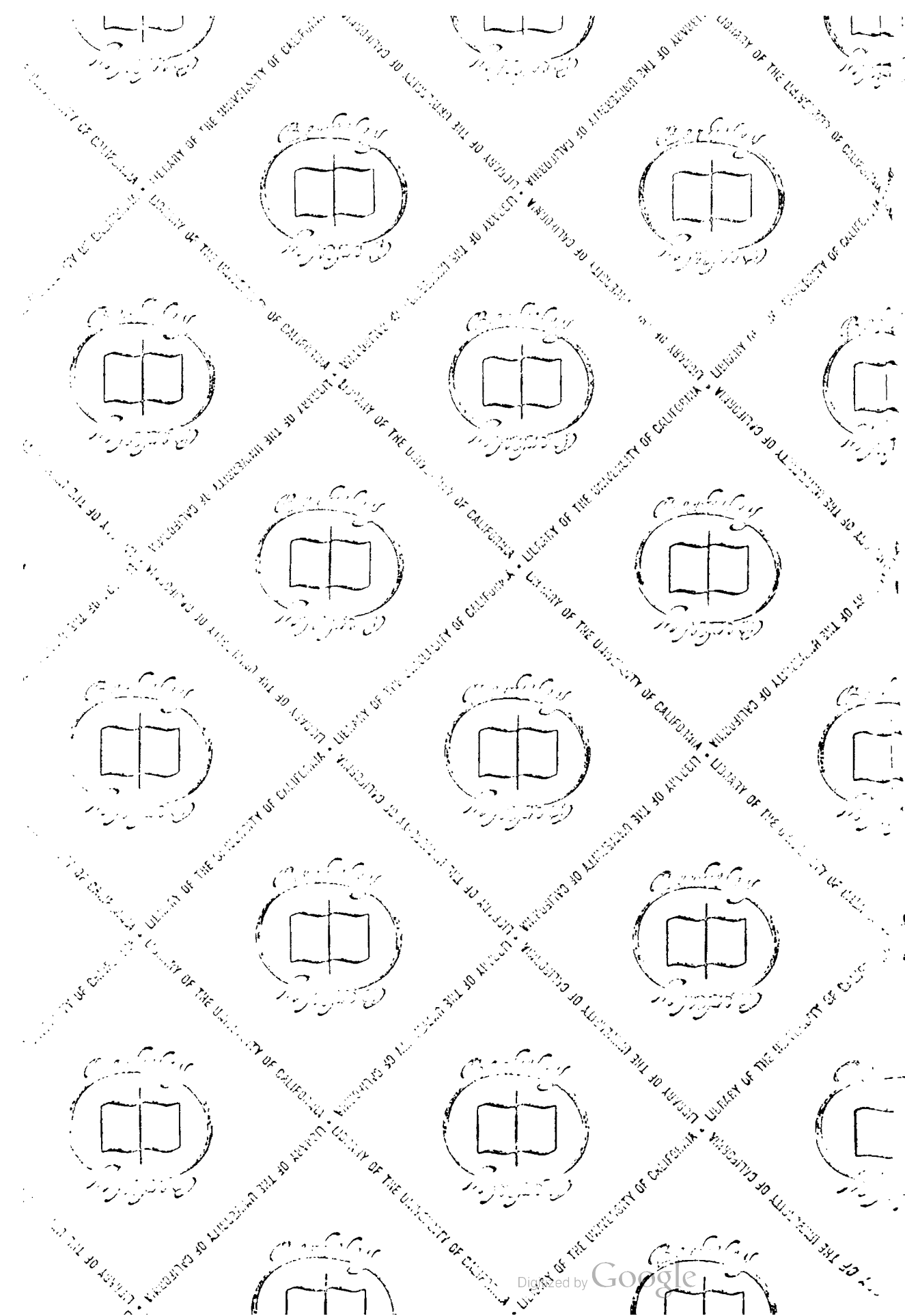
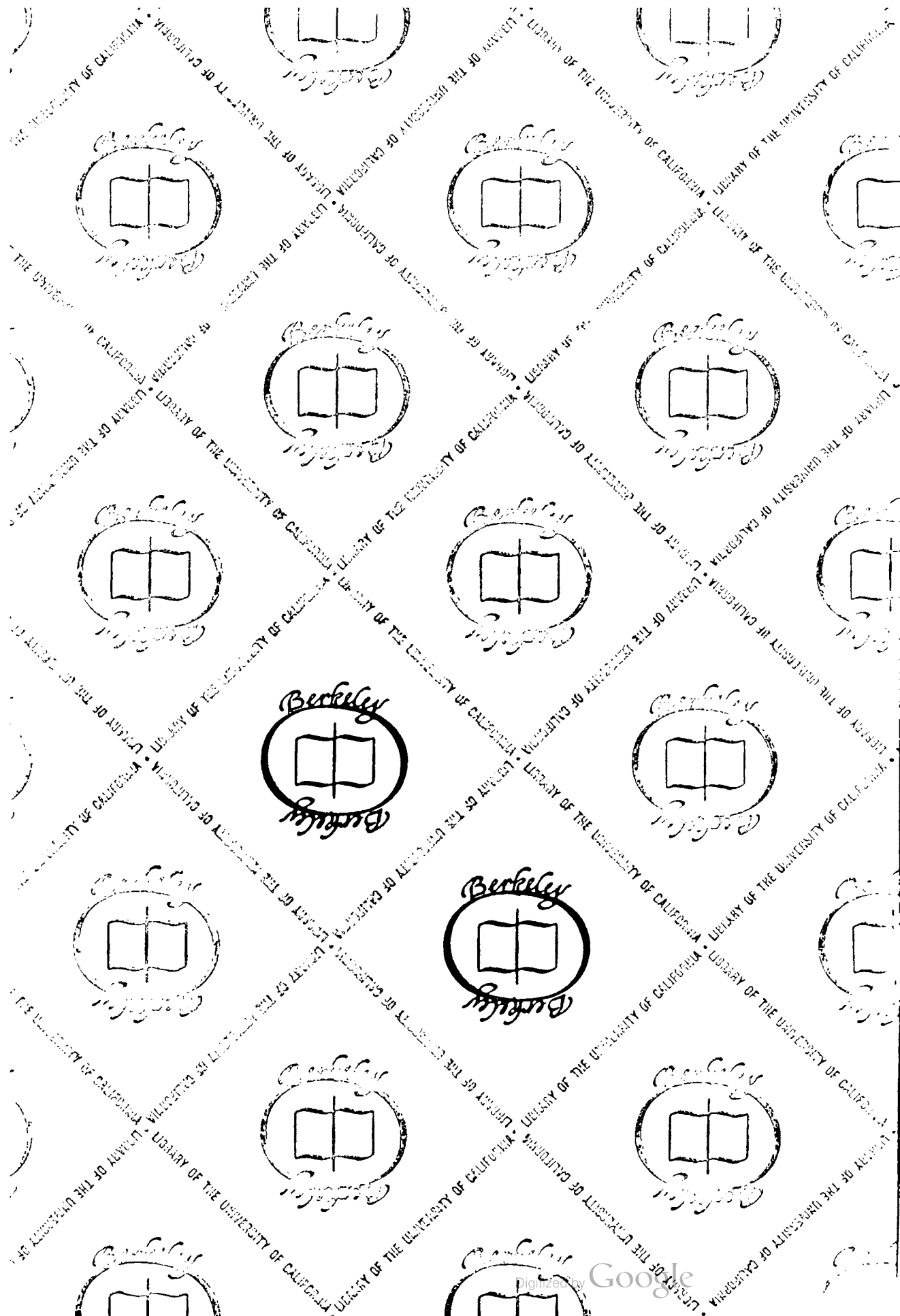


UC-NRLF



B 4 955 651





K9
5
53
- 19965
o. 15
AIN

Tạp chí Công sản

ne Library - UC Berkeley
received on: 12-05-95
Tap Chi Cong San



15
11-1995



CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP **CENTRIMEX**

- Địa chỉ : 48 Trần Phú, Nha Trang - Khánh Hòa
 - ĐT : 21239 - 22239 - 22747 - 21253
 - CN. TPHCM : 13 Trần Khắc Chân, Q.1 - ĐT : 903886
- Fax : 84.58.2191
Fax : 84.8.44788



★ Công ty XNK Tổng hợp 3 là một trong Công ty kinh doanh XNK Tổng hợp của Bộ Thương mại. Phục vụ nhu cầu XNK, hợp tác, đầu tư kinh doanh, liên kết, gia công may mặc, chế biến hàng xuất khẩu, làm dịch vụ đại lý bán hàng... trên toàn miền Trung Việt Nam.

XUẤT KHẨU : Nông, lâm, hải sản, khoáng sản, hàng Công nghiệp, ...

NHẬP KHẨU : Phân bón, vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng.

PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN : L/C, hàng, chuyển tiền bằng điện qua Vietcombank Nha Trang, Vietcombank Qui Nhơn, Vietcombank Đà Nẵng, Vietcombank Hà Nội, và Eximbank TPHCM.

TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM CÔNG TY THI CÔNG CƠ GIỚI NÔNG NGHIỆP

- Địa chỉ : Km9, Quốc lộ 14, Xã Eatu, TP. Buôn Ma Thuột, Daklak
- ĐT : 01.50.52218

Doanh nghiệp nhà nước được lập thành theo :

- Thông báo số 10- ngày 26/1/1993 của Văn phòng chính phủ
- Quyết định số 97NN - TCCB/QĐ - ngày 28/1/1993 của Bộ trưởng Bộ NN - CNTP
- Đăng ký kinh doanh số 101162 - ngày 7/4/1993 của Trọng tài kinh tế Daklak



- Giấy phép hành nghề xây dựng số 37 GP ngày 28/7/1993 của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi.

Công ty có đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật lành nghề nhiều năm, phương tiện thi công hiện đại đồng bộ.

Đảm nhận thi công : các công trình hoang xây dựng đồng ruộng - Xây dựng các công trình thủy lợi - Xây dựng công trình giao thông nông thôn.

Với chất lượng tốt, tiến độ nhanh, giá thành hạ trên địa bàn Tây nguyên và miền Trung

CÔNG TY CHÚNG TÔI RẤT MONG ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 483

BỘ BIÊN TẬP : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062

Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,

Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

	NGUYỄN KHÁNH - Cải cách hành chính - một trong những khâu then chốt của tiến trình đổi mới	3
	NGUYỄN VĂN THẢO - Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo nguồn lực phát triển đất nước	8
	NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Mấy vấn đề về xây dựng và hoàn thiện nhà nước ta hiện nay	11
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	BÙI MINH THẮNG - Về những đòi hỏi vô lý đối với sự lãnh đạo của Đảng	14
	NHẬT TÂN - Về sự xuyên tạc và bôi nhọ Cách mạng Tháng Mười	19
	NGUYỄN QUANG DU - Giá trị bền vững của một đảng kiểu mới theo tư tưởng của Lê-nin	22
	VÕ KHÁNH VINH - Vai trò pháp luật trong việc tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân	27
	NGUYỄN TÀI THƯ và HỒ TRỌNG HOÀI - Một vài suy nghĩ về Phật giáo ở Việt nam hiện nay	30
	TRẦN ĐẮC - Điện ảnh Việt nam trước yêu cầu hội nhập với điện ảnh thế giới	34
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN SINH CÚC - Nông nghiệp, nông thôn sau hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII)	38
	NGUYỄN VŨ BÌNH - Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn và vai trò quản lý của chính quyền cấp xã	41
	ĐỖ MINH NGHĨA và VŨ LÂN - Nơi tập hợp công nhân, lao động khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	44
ĐIỀU TRA	NGUYỄN KHẮC HIỀN và LÊ THANH BÌNH - Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài	48
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	THÁI SƠN - Tri thức và quyền lực	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VŨ HIỀN : Quan hệ Bắc - Nam	53
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	*** "Công ty" là mô hình tổ chức kinh doanh có thể áp dụng ở Trung quốc	57
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Tổng sản phẩm trong nước. Tổng sản phẩm quốc gia	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện "Cải cách một bước nền hành chính nhà nước"	60

Bìa 1 : V.I Lê-nin, người cô vũ và nhà tổ chức công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

Tranh : P. Bê-lô-u-xốp

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ХАНЬ - Реформа административной аппаратуры - одно из основных звеньев обновления. НГУЕН ВАН ТХАО - Усиливая реформу административной аппаратуры, создавать ресурсы для развития страны. НГУЕН ЧОНГ ФУК - Некоторые вопросы в строительстве и совершенствовании нашего государства на нынешнем этапе. БУИ МИНЬ ТХАНГ - По поводу необоснованных претензий к руководящей роли партии. НЯТ ТАН - Об искажениях и очернении в отношении Октябрьской революции. НГУЕН КУАНГ ЗУ - Долговечная ценность партии нового типа следующей ленинским идеям. ВО ХАНЬ ВИНЬ - Роль законодательства в развёртывании реализации народной власти. НГУЕН ТАЙ ТХЫ и ХО ЧОНЬ ХОАЙ - О нынешнем буддизме во Вьетнаме. ЧАН ДАК - Вьетнамская кинематография перед требованием интернациональной интеграции. НГУЕН СИНЬ КУК - Сельское хозяйство и деревня после двух лет исполнения резолюций 5^{ого} пленума ЦК КПВ 7^{ого} созыва. НГУЕН ХАК ХИЕН и ЛЕ ТХАНЬ БИНЬ - Эффективность использования непосредственных иностранных инвестиций. ВУ ХИЕН - Отношения "Север - юг".

CONTENTS

NGUYỄN KHÁNH - Administrative reform - one of the key stages of renovative process. NGUYỄN VĂN THAO - Keeping on strengthening the administrative reform to create a power source for the country's development. NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Some issues on the construction and perfection of our State at present. BUI MINH THẮNG - On unreasonable claims raised to the leadership of the Party. NHẬT TÂN - On the distorting and smearing arguments on the October Revolution. NGUYỄN QUANG DU - Solid values of a newly formed party according to the Lenin's theory. VÕ KHÁNH VINH - The role of law in organising the implementation of the people's power. NGUYỄN TÀI THỤ and HỒ TRỌNG HOÀI - Some reflections on the Buddhism in Vietnam nowadays. TRẦN ĐẮC - Vietnamese Cinematography facing the demand of international integration. NGUYỄN SINH CÚC - Agriculture and the countryside after 2 years of implementation of the 5th Resolution of the Party's Central Committee (7th term). NGUYỄN KHÁC HIẾN and LÊ THANH BÌNH - The efficiency in using the direct foreign investment capital. VŨ HIẾN - 'North-South' relationship.

SOMMAIRE

NGUYỄN KHÁNH - La réforme administrative - un des maillons-clé du processus du renouveau. NGUYỄN VĂN THAO - Continuons à impulser la réforme administrative, créant des sources puissantes pour le développement national. NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Sur quelques problèmes de l'édification et du perfectionnement de l'Etat vietnamien à l'heure actuelle. BUI MINH THẮNG - A propos des exigences irraisonnables relatives à la direction du Parti. NHẬT TÂN - Sur les allégations déformatrices et calomnieuses contre la Révolution d'Août. NGUYỄN QUANG DU - La valeur solide et stable d'un parti de type nouveau armé de la pensée de Lénine. VÕ KHÁNH VINH - Le rôle des lois dans l'organisation de l'exercice des pouvoirs du peuple. NGUYỄN TÀI THỤ et HỒ TRỌNG HOÀI - Quelques réflexions sur le Bouddhisme au Vietnam à l'heure actuelle. TRẦN ĐẮC - Le cinéma vietnamien face aux besoins de son intégration au cinéma mondial. NGUYỄN SINH CÚC - L'agriculture et le secteur rural après deux ans de l'exécution de la Révolution du 5e Plénum du Comité central du PCV (issu du VIIe Congrès national). NGUYỄN KHÁC HIẾN et LÊ THANH BÌNH - L'efficacité de l'utilisation d'investissement direct de l'étranger. VŨ HIẾN - Relations Nord - Sud.

SUMARIO

NGUYỄN KHÁNH - Reforma administrativa - uno de los eslabones claves del proceso de la renovación. NGUYỄN VĂN THAO - Continuar la reforma administrativa para crear la fuerza de desarrollo del país. NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Algunos problemas sobre la edificación y perfeccionamiento de nuestro Estado en la actualidad. BUI MINH THẮNG - Acerca de las irrazonables exigencias sobre la dirección del Partido. NHẬT TÂN - Sobre la tergiversación y el deslustre de la Revolución de Octubre. NGUYỄN QUANG DU - El sólido valor de un partido del nuevo tipo a la ideología de V.I. Lenin. VÕ KHÁNH LINH - El papel legístico en el trabajo de materializar el poder del pueblo. NGUYỄN SINH CÚC - La agricultura y el campo tras dos años de realización de la Resolución V del C.C. del Partido (Séptimo Congreso). TRẦN ĐẮC - La cinematografía de Vietnam ante la exigencia de integración a la cinematografía mundial. NGUYỄN KHÁC HIẾN y LÊ THANH BÌNH - Eficiencia de la utilización del fondo de inversión directa del extranjero. VŨ HIẾN - Relación Norte-Sur.

目錄

●阮慶：〈行政改革—革新過程中的關鍵環節之一〉●阮文草：〈繼續推進行政改革，為國家發展挖掘力量的源泉〉●阮仲福：〈目前健全國家的一些問題〉●裴明勝：〈對黨的領導權的一些無理要求〉●日新：〈對十月革命的歪曲與抹黑〉●阮光攸：〈一個新型列寧主義政黨的牢固價值〉●武慶榮：〈法律在組織實現人民的權力中所起的作用〉●阮才書和胡仲懷：〈對目前越南佛教的一些想法〉●陳得：〈越南電影與融入世界電影的要求〉●阮生劬：〈執行七屆五中全會中央決議兩年後的農村、農業情況〉●阮克賢和黎青平：〈外國直接投資資金的使用效果〉●武賢：〈北—南關係〉

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH MỘT TRONG NHỮNG KHÂU THEN CHỐT CỦA TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI²★

NGUYỄN KHÁNH *

CẢI cách hành chính là một chủ trương được đề ra trong văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng. Trong những năm 1992, 1993, 1994, Chính phủ đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng chương trình và chỉ đạo một số việc về cải cách hành chính như đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hành chính, chấn chỉnh tổ chức bộ máy quản lý, xây dựng quy chế công chức, tiến hành sửa đổi một số thủ tục hành chính v.v..

Năm 1995, Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) có Nghị quyết về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính nhà nước. Chính phủ đã có chương trình thực hiện nghị quyết đó. Chương trình này tập trung vào 3 việc lớn:

- Cải cách thể chế hành chính.
- Điều chỉnh tổ chức và các mối quan hệ trong bộ máy hành chính.
- Xây dựng đội ngũ công chức.

Đến nay, qua 9 tháng thực hiện cải cách một bước nền hành chính nhà nước, chúng ta có thể nêu ra một số nhận xét chung sau đây :

1 - Thực tiễn cho thấy cải cách hành chính đã trở thành một trong những khâu then chốt của tiến trình đổi mới và phát triển đất nước. Đồng thời thực tiễn cũng chỉ rõ cải cách hành chính là một công cuộc khó khăn, phức tạp và rộng lớn, gắn liền với việc kiện toàn nhà nước pháp quyền xã hội

chủ nghĩa nói chung, lại đụng chạm nhiều đến những lợi ích cục bộ, lợi ích cá nhân ngay trong bộ máy nhà nước.

Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương tiến hành cải cách hành chính một cách khẩn trương nhưng vững chắc, có trọng điểm ; trước mắt, năm 1995 và năm 1996, tập trung làm một số công việc bức xúc để chấn chỉnh một bước tổ chức và hoạt động hành chính, lập lại trật tự kỷ cương nhà nước, chuẩn bị cho những bước tiếp theo vào những năm sau.

9 tháng thực hiện là thời gian còn rất ngắn, và một số kết quả đã thu được, tuy còn khiêm tốn, song là bước đầu quan trọng, và điều quan trọng nhất là chủ trương cải cách hành chính đã được nhân dân đồng tình, ủng hộ và tham gia có hiệu quả vào những công việc cụ thể để lập lại trật tự kỷ cương nhà nước.

2 - Thực tiễn cũng cho thấy mối quan hệ chặt chẽ, quện chặt với nhau, thúc đẩy lẫn nhau giữa cải cách kinh tế và cải cách hành chính. Mối quan hệ này cần được nhận thức rõ và thể hiện rõ trong hành động của các cấp, các ngành qua từng phần, từng việc của cải cách kinh tế cũng như của cải cách hành chính. Các chủ trương, biện pháp cải cách kinh tế phải tạo thuận lợi và thúc đẩy cải cách hành chính, thiết lập và giữ vững

★ Trích Báo cáo đọc tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa IX, ngày 12-10-1995

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó thủ tướng Chính phủ

trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về kinh tế, cũng như các chủ trương, biện pháp cải cách hành chính phải có tác dụng thúc đẩy cải cách kinh tế, hoàn thiện cơ chế kinh tế.

3 - Chính phủ đã đề ra nhiều chủ trương, kế hoạch chỉ đạo cụ thể, có khả năng thực thi, nhưng việc thực hiện còn chậm. Các bộ và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng có kế hoạch triển khai, thành lập Ban chỉ đạo, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đã trực tiếp chỉ đạo công tác này, nhưng kết quả thực hiện không đều, một số nơi đạt kết quả thấp là do chỉ đạo chưa sâu, kém chủ động, kiểm tra thanh tra không chặt chẽ, không kiên quyết xử lý các vi phạm.

Kinh nghiệm thực tế là : để thực hiện có kết quả các chủ trương về cải cách hành chính, Thủ tướng Chính phủ và các bộ trưởng, các chủ tịch ủy ban nhân dân phải thực hiện rất ráo riết các biện pháp đôn đốc, kiểm tra, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các lệch lạc, xử lý nghiêm minh các hành vi phạm pháp, vi phạm kỷ luật hành chính, trước hết là trong các cơ quan quản lý nhà nước.

4 - Cải cách hành chính là công việc liên quan đến chính sách, cơ chế, pháp luật, tổ chức, cán bộ,... nên các chủ trương phải thật rõ, các biện pháp và kế hoạch phải thật cụ thể, chỉ đạo phải tập trung, kiên quyết, liên tục, đồng thời phải thông tin thông báo, phổ biến công khai, rộng rãi để nhân dân biết, hưởng ứng, và tích cực tham gia thực hiện và giám sát các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện, thì mới mang lại kết quả tốt và bền vững.

Các công việc về cải cách hành chính phải được sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự ủng hộ và tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, thực sự tạo được sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước và nhân dân, cùng hợp lực để giải quyết những công việc bức bách, khó khăn.

*
* *

Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành trung ương Đảng đã xác định mục tiêu của cải cách hành chính là nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước hiện đại hóa để quản lý có hiệu lực và hiệu quả công việc của nhà nước, thúc đẩy xã hội phát triển lành mạnh, đúng hướng, phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật trong xã hội.

Cải cách hành chính phải phục vụ nhiệm vụ phát triển và đổi mới toàn diện đất nước mà trọng tâm là phục vụ đắc lực cải cách kinh tế, tăng cường năng lực quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phương hướng và nguyên tắc chung chỉ đạo việc chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính là:

- Chính phủ và cơ quan hành chính các cấp tập trung chủ yếu vào quản lý kinh tế vĩ mô, chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, duy trì hiệu lực của pháp luật, củng cố quốc phòng, an ninh, thi hành chính sách đối ngoại ; không can thiệp trực tiếp vào việc điều hành sản xuất kinh doanh; tiến tới xóa bỏ chế độ chủ quản đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế kinh doanh.

- Vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ sát hợp với chức năng chỉ đạo, điều hành của hệ thống hành chính và với đặc điểm của từng ngành, từng lĩnh vực. Xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các cấp hành chính, trước hết là về lập quy và về ngân sách.

- Xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm tập thể và cá nhân ; bảo đảm sự lãnh đạo tập thể về những vấn đề quan trọng, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của thủ trưởng cơ quan trong công tác điều hành.

Theo các phương hướng và nguyên tắc chung đó, chương trình cải cách hành chính của Chính phủ trong những tháng cuối năm

1995 và năm 1996 tiếp tục hướng vào việc tăng cường hơn nữa mối quan hệ mật thiết giữa chính quyền các cấp với nhân dân, xác định rõ hơn chức trách, thẩm quyền của các cấp hành chính và mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và các địa phương, điều chỉnh một bước tổ chức bộ máy hành chính, xây dựng và từng bước thực hiện chế độ công vụ và quy chế công chức, đẩy mạnh việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức nhà nước.

1 - Chính phủ *tiếp tục chỉ đạo việc nghiên cứu để sửa đổi thủ tục hành chính* trong các lĩnh vực tác động trực tiếp tới đời sống và sản xuất kinh doanh của nhân dân; trước mắt sẽ ban hành một số thủ tục mới về xuất, nhập khẩu; thành lập doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh, về công chứng, hộ khẩu, hộ tịch, thi hành án, đăng ký xe máy, về hoạt động văn hóa và dịch vụ,...

Chính phủ sẽ quy định cụ thể thẩm quyền ban hành các thủ tục hành chính trên nguyên tắc bảo đảm sự thống nhất về thủ tục hành chính nhà nước ở các ngành, các cấp, tập trung thẩm quyền này vào Chính phủ và một số bộ, lập lại trật tự trong việc ban hành thủ tục hành chính.

Về thể chế hành chính, Chính phủ sẽ chỉ đạo nghiên cứu để trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số luật, pháp lệnh hoặc Chính phủ ban hành các văn bản pháp quy tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa và cho việc tiến hành cải cách hành chính, như chế độ quản lý tài chính và tài sản công, quy chế về tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính, phân định thẩm quyền hành chính, các chế độ công vụ, công chức và công sở, chế độ tài phán hành chính, v.v..

Để cho thể chế hành chính có khả năng thực hiện, phải tăng cường công tác lập quy của Chính phủ, tiếp tục đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng các công việc của Chính phủ về nghiên cứu và ban hành các văn bản pháp quy.

Chính phủ sẽ dành nhiều thời gian hơn nữa để thảo luận các dự án luật, pháp lệnh và thông qua các văn bản của Chính phủ, đề cao hơn nữa trách nhiệm của các thành viên chính phủ và các cơ quan của Chính phủ trong việc xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, các nghị định của Chính phủ.

Chính phủ sẽ rà soát lại chương trình lập quy, tập trung có trọng điểm vào một số vấn đề cấp bách về kinh tế, văn hóa, trật tự an toàn xã hội, không đề ra quá nhiều công việc. Kiên quyết khắc phục tình trạng văn bản pháp quy ban hành không kịp thời, không cụ thể, không rành mạch, thậm chí chồng chéo, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện.

Trong quá trình soạn thảo các văn bản, pháp quy, Chính phủ và các bộ sẽ phối hợp chặt chẽ với các hội đồng và ủy ban của Quốc hội, với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tranh thủ ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia, các cán bộ quản lý.

2 - Trong bộ máy hành chính hiện nay vẫn diễn ra khá phổ biến tình trạng làm việc và điều hành một cách tùy tiện, trái pháp luật. Chưa thể nói được rằng Nhà nước ta đã tạo ra được một môi trường pháp luật thật tốt để mỗi người dân, mỗi tổ chức an tâm làm ăn dưới sự bảo hộ của pháp luật và bộ máy hành chính. Cùng với những hiện tượng tùy tiện, trái pháp luật là tình trạng buông lỏng sự kiểm soát của nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, đối với việc thi hành pháp luật của nhà nước. Vì vậy, cần phải khẩn trương chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, *lập lại trật tự trong chính bản thân bộ máy hành chính, giải quyết những vấn đề cơ bản về tổ chức và quản lý của cơ quan hành chính.*

Trước hết, xác định rõ hơn chức năng và trách nhiệm quản lý của cơ quan hành chính ở các cấp trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của nhà nước, làm cho nhận thức về chức

năng và trách nhiệm quản lý nhà nước được quán triệt trong toàn bộ hệ thống cơ quan hành chính.

Vai trò và trách nhiệm quản lý kinh tế vĩ mô của cơ quan hành chính nhà nước tập trung vào việc *khuyến khích, tạo các điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển trong một hành lang pháp luật thống nhất, đồng bộ và ổn định*; điều hành và kiểm soát chặt chẽ kinh tế vĩ mô bằng *lực lượng kinh tế nhà nước* bao gồm hệ thống tiền tệ, tài chính, ngân hàng, lực lượng dự trữ quốc gia, lực lượng doanh nghiệp nhà nước và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế; *kiểm tra và kiểm soát kinh tế vĩ mô thuộc các thành phần* bằng lực lượng thuế, kiểm toán, hệ thống kế toán thống nhất, hệ thống thanh tra nhà nước kết hợp với các cơ quan tài phán của hệ thống tư pháp.

Cơ quan quản lý hành chính nhà nước phải thực hiện chức năng công ích, chăm lo các công việc về phát triển xã hội, các phúc lợi chung về giáo dục, y tế, văn hóa cho quảng đại quần chúng, chăm sóc người có công, hỗ trợ người nghèo và những người có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng hạ tầng cơ sở kinh tế và xã hội.

Làm được như trên, thì bộ máy hành chính sẽ dần dần thoát khỏi các hoạt động sự vụ không cần thiết, xóa dần được chức năng "chủ quản" của cơ quan hành chính nhà nước đối với doanh nghiệp, các bộ và ủy ban nhân dân các cấp tập trung được năng lực, công sức vào nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Một trong những biện pháp để tạo điều kiện xóa bỏ chức năng "chủ quản" của các cơ quan hành chính là sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, xây dựng một số *tổng công ty nhà nước* có vị trí quan trọng và quy mô tương đối lớn, có khả năng hoạt động tự chủ và có hiệu quả. Việc này phải được tiến hành phù hợp với nhu cầu phát triển của bản thân các doanh nghiệp, gắn liền với việc đổi mới các thể chế quản lý doanh nghiệp phù hợp với tính chất của từng loại doanh nghiệp.

Quốc hội và Chính phủ sẽ quy định rõ hơn mối quan hệ giữa Chính phủ và các bộ với chính quyền địa phương, chủ yếu là cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bổ sung, sửa đổi chế độ phân cấp quản lý nhà nước trên các lĩnh vực ngân sách, quy hoạch phát triển kinh tế văn hóa, quyền lập quy, quyền cấp đất là những vấn đề bức thiết hiện nay.

Các pháp lệnh về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, về thẩm quyền giám sát, hướng dẫn kiểm tra của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ đối với hội đồng nhân dân dự kiến ban hành trong quý IV năm 1995 sẽ tạo điều kiện tăng cường các cơ quan hành chính, giải đáp được nhiều vấn đề về mối quan hệ giữa trung ương và địa phương.

Trên cơ sở xác định rõ chức năng, trách nhiệm và phương thức quản lý nhà nước, sẽ tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính ở trung ương và các địa phương theo hướng giảm dần số lượng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, quy định cụ thể tổ chức bộ máy ở trung ương và các cấp với quy chế hoạt động thích hợp với từng ngành, từng lĩnh vực.

Trong việc điều chỉnh tổ chức bộ máy, phải xây dựng các phương án cụ thể của từng ngành, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các bộ cho phù hợp với tình hình và yêu cầu mới, nhất là sau khi bộ không còn làm chức năng "chủ quản" các doanh nghiệp nữa; loại bỏ những loại việc trùng lặp giữa các bộ, làm rõ phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của từng bộ trong những loại việc liên quan đến nhiều ngành. Trong từng bộ cũng soát lại chức năng, nhiệm vụ của các cục, vụ, ban, phòng, bỏ đi những khâu thừa, chồng chéo, định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, từng đơn vị, từ đó mà bớt giấy tờ, bớt phiền hà, công việc nhanh hơn và có hiệu quả hơn.

3 - Cuối năm 1995, Chính phủ sẽ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội các dự thảo

pháp lệnh về chế độ công vụ và quy chế công chức.

Chế độ công vụ bao gồm những vấn đề về trách nhiệm và kỷ luật đối với công chức, về đạo đức của người công chức trong khi thi hành nhiệm vụ, quy định cụ thể những loại việc mà người công chức nhà nước không được làm để bảo đảm sự trong sạch, uy tín và hiệu quả quản lý của cơ quan nhà nước. Cần có một quy chế công vụ chung cho tất cả các cơ quan hành chính nhà nước; và quy chế công vụ riêng của từng bộ, từng ngành.

Quy chế công chức quy định cụ thể các công việc về tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng công chức, chế độ lương, bảo hiểm xã hội, khen thưởng, kỷ luật và phân cấp trách nhiệm quản lý công chức. Năm 1996, Chính phủ sẽ ban hành và chỉ đạo thực hiện từng bước quy chế tuyển dụng công chức mới qua thi tuyển và đề bạt cán bộ quản lý qua kiểm tra, sát hạch bằng những hình thức thích hợp.

4 - Năm 1996, Chính phủ sẽ tiến hành khẩn trương việc bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước theo các tiêu chuẩn chức danh, tổ chức tập huấn cho cán bộ, viên chức ở tất cả các ngành, các cấp về chế độ công vụ và quy chế công chức.

Thủ tướng Chính phủ đã duyệt kế hoạch mở lớp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ hành chính nhà nước của Học viện hành chính quốc gia. Năm 1996, sẽ mở trên 90 lớp cho 8 700 cán bộ, bao gồm các cán bộ lãnh đạo ủy ban nhân dân các tỉnh, thành và huyện, quận, chuyên viên hành chính ở các cơ quan trung ương, cán bộ phụ trách văn phòng các bộ và các ủy ban nhân dân. Hiện nay, đang chuẩn bị mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng thẩm phán hành chính cho các tòa án hành chính. Các trường chính trị và trường hành chính các tỉnh, thành phố cũng tăng cường quy mô đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý của các địa phương.

Trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức nhà nước, sẽ rất chú trọng

bồi dưỡng, đào tạo lại các công chức chuyên ngành về quản lý kinh tế, trước hết là các cán bộ quản lý kinh tế vĩ mô hoạt động trong các cơ quan và tổ chức của Chính phủ, của ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đi đôi với bồi dưỡng, đào tạo các cán bộ trực tiếp quản lý kinh doanh, quản lý doanh nghiệp.

Thời gian thực hiện chương trình của Chính phủ về cải cách một bước nền hành chính theo Nghị quyết Trung ương 8 mới được trên 9 tháng. Song thực tiễn đã làm rõ thêm tính bức xúc và phức tạp của cải cách hành chính. Có những vấn đề có thể giải quyết ngay trước mắt, có những vấn đề còn phải tiếp tục nghiên cứu cả về lý luận và thực tiễn, bởi vì cải cách hành chính có quan hệ mật thiết đến cải cách kinh tế, đến các vấn đề về tư tưởng và về tổ chức, đến việc tăng cường tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta nói chung.

Chính phủ sẽ chỉ đạo khẩn trương để giải quyết kịp thời những vấn đề trước mắt như đã trình bày ở trên và tiếp tục chỉ đạo nghiên cứu những vấn đề cơ bản để trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội thảo luận và quyết định trong năm 1996 và những năm sau.

Kết quả bước đầu đã đạt được cho phép chúng ta tin tưởng rằng : có sự quan tâm lãnh đạo của Đảng, có những quyết định kịp thời và sự giám sát chặt chẽ của Quốc hội, có sự phối hợp và hỗ trợ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, có sự cố gắng vươn lên của tất cả cán bộ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước, đặc biệt là có sự hưởng ứng ủng hộ và giám sát của nhân dân, công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước ta trong thời gian tới sẽ được tiến hành khẩn trương, liên tục và có kết quả, bộ máy quản lý hành chính trong cả nước sẽ được chấn chỉnh, tăng cường và hoạt động có chất lượng, có hiệu lực, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta □

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, tạo nguồn lực phát triển đất nước

NGUYỄN VĂN THẢO *

QUÁ trình đổi mới toàn diện ở nước ta trong những năm qua đã đem lại nhiều chuyển biến sâu sắc, quan trọng. Nó đặt ra yêu cầu phải đẩy mạnh đổi mới tổ chức hoạt động của các cơ quan hành chính, từ Chính phủ, các bộ đến cơ quan chính quyền địa phương các cấp. Nếu không, sẽ gây cản trở cho quá trình đổi mới, nhất là cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Cùng với cải cách kinh tế, chúng ta đã tiến hành một bước cải cách hành chính, tổ chức lại các cơ quan hành chính trung ương, các tỉnh, hợp lý hóa chế độ làm việc của Chính phủ và Thủ tướng, đặt chức danh và tiêu chuẩn viên chức nhà nước... Nghị quyết Hội nghị Trung ương tám (khóa VII) của Đảng đã đề ra những chủ trương và giải pháp cơ bản để tiến hành cải cách hành chính một cách cơ bản và mạnh mẽ. Các cơ quan hành chính đã cố gắng triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương. Nhưng thực tế cho thấy những cố gắng đó chưa đáp ứng được yêu cầu. Cải cách hành chính vẫn đang là một trong những công việc đột phá nhằm phục vụ tốt đời sống kinh tế xã hội và đời sống bình thường của công dân.

Mọi người đều biết, cải cách kinh tế và cải cách hành chính có mối quan hệ khăng khít. Kinh tế có phát triển được hay không, phải do bộ máy nhà nước tạo điều kiện, khởi xướng, khuyến khích, tạo hành lang an toàn cho nó vận hành ; bộ máy hành chính được thiết lập là để phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Cải cách

kinh tế đã được tiến hành một bước mà chậm cải cách hành chính thì có thể gây nên những lực cản đối với tiến trình kinh tế - xã hội.

Đối với bộ máy hành chính ở nước ta hiện nay, bên cạnh mặt ưu điểm và tiến bộ, phải thừa nhận là còn không ít nhược điểm và yếu kém, trong đó có những yếu kém đang có chiều hướng phát triển. Đó là tình trạng thiếu trong sạch và tham nhũng ; bộ máy cồng kềnh, nặng nề, quá nhiều bộ phận cắt ngang, cắt dọc, chồng chéo, giẫm đạp, phân tán, cửa quyền, rất khó phối hợp. Tình trạng đó làm cho bộ máy hành chính hoạt động kém hiệu lực.

Chính sự yếu kém đó đã góp phần làm chậm tiến trình đổi mới ở nước ta, làm cho công dân giảm niềm tin vào nhà nước. Yêu cầu về đổi mới kinh tế, phát huy dân chủ, xây dựng và hoàn thiện một nhà nước của dân, do dân, vì dân, đang đòi hỏi cấp bách phải cải cách hành chính ở nước ta.

Đội ngũ cán bộ viên chức hành chính đuổi tầm so với yêu cầu cũng đang đòi hỏi phải có sự đào tạo, bồi dưỡng đặc cách cho họ, đó cũng là một nội dung hết sức quan trọng của cải cách hành chính.

Như thế, việc tiến hành cải cách hành chính ở nước ta là do đòi hỏi khách quan của tình hình ; cải cách hành chính không tách rời với đổi mới toàn bộ hệ thống, đổi mới mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, đổi mới mối quan hệ

* Viện nghiên cứu khoa học pháp lý. Bộ tư pháp

giữa các cơ quan chính quyền với các đoàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Có nghĩa là, phải đặt cải cách hành chính trong sự đổi mới chung của toàn bộ hệ thống chính trị.

Trong tình hình hiện nay, cải cách hành chính cần tập trung vào các mục tiêu sau đây :

Thứ nhất, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân. Cơ quan hành chính phải đặt mục tiêu của mình là phục vụ lợi ích chính đáng của dân, không gây phiền hà, khó khăn cho dân khi dân có yêu cầu đề nghị cần đến sự giúp đỡ của mình. Đối với mọi yêu cầu và đề nghị (như xin phép kinh doanh, đầu tư, đi lại trong nước, ra nước ngoài, xây cất nhà cửa, xin giấy khai sinh, khai tử, giá thú, chứng thực các giấy tờ, xin cấp đất, v.v.), cần giải quyết nhanh gọn, không gây phiền phức, theo đúng pháp luật của Nhà nước.

Mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân còn thể hiện ở một cơ chế kiểm soát có hiệu quả của nhân dân đối với các cơ quan hành chính. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi các cơ quan hành chính phải hoạt động trên cơ sở pháp luật và chỉ được làm những gì mà pháp luật quy định. Khi giải quyết công việc cho dân, cơ quan hành chính không thể và không được tạo cho mình một thẩm quyền tuyệt đối tùy theo ý muốn chủ quan của mình. Đồng ý hay không đồng ý, cho phép hay không cho phép, chấp nhận hay không chấp nhận, chứng thực hay không chứng thực,... trước một yêu cầu hay đề nghị nào đó - tất cả đều phải trên cơ sở pháp luật. Nếu làm khác thì với một cơ chế bảo đảm sự khiếu kiện của nhân dân, người dân có quyền đưa vấn đề đó ra trước pháp luật.

Thứ hai, giải quyết tốt hơn mối quan hệ trong hệ thống cơ quan hành chính, giữa chính phủ, các bộ với chính quyền địa phương.

Hội đồng nhân dân là cơ quan do nhân dân địa phương bầu ra, nên cần coi hội đồng nhân dân là cơ quan có vị trí tự quản lý rất cao về những vấn đề có tính địa phương.

Những vấn đề này rất phong phú, như : mở các chợ, các lễ hội, xây dựng các công trình phúc lợi chung (giao thông vận tải, công viên, trường học, bệnh xá, nhà nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, người tàn tật, người già...).

Với thẩm quyền tự quản lý, hội đồng nhân dân phải có một ngân sách riêng thu từ các loại thuế, lệ phí do pháp luật quy định và tự phân bổ ngân sách chi tiêu cho các công ích địa phương theo các quy định của pháp luật dưới sự kiểm tra của Chính phủ và cơ quan hành chính cấp trên, không cần sự phê duyệt.

Với phương pháp tăng cường các quyền đích thực đó cho hội đồng nhân dân, cần nghiên cứu một cơ chế bảo đảm cho cử tri quyền bãi miễn các ủy viên hội đồng nhân dân không đủ tư cách, làm cho hội đồng nhân dân thực sự là cơ quan đại diện cho nhân dân địa phương.

Bên cạnh thẩm quyền tự quản lý trong phạm vi các vấn đề có tính địa phương, hội đồng nhân dân không phải là cơ quan có trách nhiệm giải quyết các vấn đề có tính toàn quốc thuộc trách nhiệm của cơ quan hành chính trung ương. Vì vậy, không thể giao cho hội đồng nhân dân quản lý cả các công việc như nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng, an ninh, giao thông, bưu điện, văn hóa giáo dục v.v.. Giao như vậy là quá sức hội đồng nhân dân. Không những thế, còn tạo nên sự chia cắt, phân tán, dễ gây tâm lý cục bộ, địa phương, làm vô hiệu sự quản lý tập trung của trung ương về những vấn đề có tính toàn quốc. Đối với những vấn đề này, Chính phủ và các bộ sẽ ủy quyền cho chính quyền địa phương giải quyết tại chỗ dưới sự chỉ đạo của Chính phủ.

Thứ ba, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa cơ quan hành chính chủ quản với các doanh nghiệp nhà nước, giữa các bộ với các doanh nghiệp trực thuộc, giữa các ủy ban nhân dân, các sở với các doanh nghiệp nhà nước thuộc địa phương, tạo cho các doanh nghiệp nhà nước hoàn toàn chủ động trong quản lý kinh doanh đúng pháp luật. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước với chức

năng quản lý kinh doanh không có nghĩa là hạ thấp, buông lỏng vai trò của nhà nước đối với kinh tế, mà chính sự phân định đó sẽ làm cho cơ quan hành chính tập trung sức lực vào chức năng quản lý nhà nước đối với kinh tế thị trường, một chức năng có nhiều nội dung rất mới, khác với chức năng quản lý nhà nước về kinh tế ở thời kỳ bao cấp.

Ở tầm vĩ mô, các công cụ pháp luật, tài chính, tín dụng, thuế v.v. theo một chiến lược kinh tế tổng thể, phải có tác dụng lớn điều tiết nền kinh tế thị trường. Ở tầm trung và vi mô, các chủ trương và giải pháp của cơ quan hành chính các cấp từ trung ương đến cơ sở đối với các thành phần kinh tế và công dân phải nhằm kích lệ mọi người đầu tư vào xây dựng và phát triển kinh tế. Các thẩm quyền như cho phép, ra lệnh, thừa nhận, kiểm tra, bắt buộc và cưỡng chế, là những nhiệm vụ quản lý nhà nước có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển hay cản trở các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, cần phân làm *hai* loại : một loại gồm các doanh nghiệp *công ích*, một loại gồm các doanh nghiệp *hoàn toàn thương mại*. Các doanh nghiệp công ích không hướng vào kinh doanh, tìm kiếm lợi nhuận. Các xí nghiệp như xí nghiệp quốc phòng, an ninh chủ yếu phục vụ cho các nhiệm vụ chính trị và xã hội của nhà nước. Các doanh nghiệp phúc lợi chung (chăm lo người già, trẻ em mồ côi, người tàn tật, các đối tượng chính sách mà nhà nước phải quan tâm nhiều hơn), là nhằm mục đích thực hiện công bằng xã hội. Mỗi loại doanh nghiệp sẽ có một chế độ pháp lý riêng ; nội dung chức năng chủ quản của các cơ quan hành chính (bộ, ủy ban nhân dân, sở) đối với mỗi loại doanh nghiệp cũng khác.

Thứ tư, từng bước xây dựng được đội ngũ viên chức ngang tầm với nhiệm vụ, thông thạo và có phẩm hạnh, tận tâm phục vụ nhân dân ; chuẩn bị một bước để những năm sau tiến tới hiện đại hóa nền hành chính

quốc gia, nâng nó lên ngang hàng với nền hành chính các nước trên thế giới.

Điều quan trọng là đào tạo có hệ thống một đội ngũ viên chức trẻ, có kiến thức cao, trình độ chính trị vững, đồng thời bồi dưỡng đặc cách cho các viên chức đang làm việc để đội ngũ viên chức đủ năng lực giải quyết mọi công việc.

Một chế độ tiền lương thỏa đáng cùng với chế độ công vụ nghiêm, đề cao tinh thần trách nhiệm và kỷ luật, sẽ tạo khả năng khắc phục từng bước các biểu hiện tiêu cực phổ biến hiện nay.

Một chế độ công vụ bảo đảm được tính khách quan và vô tư của viên chức hành chính khi giải quyết công việc theo yêu cầu của công dân, một chế độ công vụ ngăn chặn được sự thao túng của các quan hệ tình cảm trong quá trình giải quyết công việc - đó là mục tiêu của cải cách hành chính.

Một chế độ công vụ có khả năng ngăn ngừa các hành vi của viên chức hành chính móc nối tiêu cực với hoạt động kinh doanh là chế độ *hồi tị cáo tị* trong nền hành chính, một chế độ đã được thực hiện trong lĩnh vực xét xử của tòa án. Chế độ đó tạo cho công dân có quyền đề nghị thay đổi một thẩm phán xét xử một vụ án cũng như tạo cho thẩm phán có quyền từ chối không xét xử một vụ án cụ thể, thay vào đó là một thẩm phán khác.

Còn rất nhiều công việc quan trọng mà công cuộc cải cách hành chính phải thực hiện, như : hiện đại hóa công sở hành chính : ứng dụng tin học vào các hoạt động hành chính ; thực hiện một kế hoạch chức năng trong các cơ quan hành chính để phát hiện những công việc trùng lặp giữa các cơ quan, những công việc chưa có cơ quan nào làm, và những bộ phận thừa trong nền hành chính.

Xây dựng chế độ tài chính công để phân biệt với chế độ quản lý tài chính toàn xã hội và chế độ quản lý công sản, đặc biệt là đất đai, cũng là nội dung quan trọng của cải cách hành chính ở nước ta ┐

Mấy vấn đề về

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

CÁCH mạng Tháng Tám năm 1945 đã đánh đổ chính quyền thực dân, phong kiến, thành lập chính quyền nhân dân. Ngay sau đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã khẩn trương xây dựng và phát huy vai trò của bộ máy nhà nước mới để bảo vệ thành quả cách mạng, tiến hành kháng chiến và kiến quốc.

Chỉ trong một thời gian ngắn, hệ thống chính quyền từ trung ương đến cơ sở đã được xây dựng trên cả nước. Sau 6 tháng, Chính phủ trung ương và chính quyền địa phương các cấp đã chuyển từ lâm thời sang chính thức thông qua cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Hơn một năm sau ngày tuyên bố độc lập, nước Việt nam mới đã có bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên (11-1946). Đặt trong hoàn cảnh lịch sử cực kỳ khó khăn như "ngàn cân treo sợi tóc" lúc đó, chúng ta mới thấy hết sự nỗ lực của Đảng và nhân dân ta trong việc xây dựng chính quyền, và vai trò quan trọng của chính quyền cách mạng.

Cùng với những biện pháp nhằm xây dựng chính quyền cách mạng, Hồ Chí Minh đã sớm nêu ra những quan niệm về một nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, ngày 3-9-1945, Hồ Chí Minh đã đề ra "những nhiệm vụ cấp bách của nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa". Tháng 10-1945, Hồ Chí Minh gửi thư cho ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng nêu rõ : "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật"⁽¹⁾. Người còn nhấn

manh : Việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh. Hồ Chí Minh đã chỉ ra "những lầm lỗi" trong bộ máy chính quyền như : trái phép, cậy thế, hủ hóa, tư túng chia rẽ, kiêu ngạo. Người cho rằng : "Chúng ta không sợ sai lầm, nhưng đã nhận biết sai lầm, thì phải ra sức sửa chữa"⁽²⁾. Trong "Thư gửi các đồng chí Bắc bộ" đề ngày 1-3-1947, Hồ Chí Minh nhắc nhở phải kiên quyết tẩy sạch những khuyết điểm : Địa phương chủ nghĩa. Óc bè phái. Óc quân phiệt, quan liêu. Óc hẹp hòi. Ham chuộng hình thức. Làm việc lười biếng. Vô kỷ luật, kỷ luật không nghiêm. Ích kỷ, hủ hóa.

Như vậy, chỉ trong vòng 16 tháng, Hồ Chí Minh với tư cách người đứng đầu nhà nước, đã hai lần nhắc nhở bằng văn bản những lầm lỗi và khuyết điểm trong bộ máy chính quyền. Điều đó cho thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta ngay từ đầu đã rất quan tâm và coi trọng việc xây dựng một bộ máy nhà nước thật sự vững mạnh, sáng suốt, trong sạch, thật sự của dân, do dân và vì dân.

Nhà nước ta do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo là một cơ cấu chính quyền do nhân dân lao động xây dựng và quản lý. Chính quyền từ cấp trung ương đến cơ sở đều do dân cử ra. Nhân dân nắm chính quyền và thông qua bộ máy chính quyền để thực hiện quyền lực của mình và phục vụ lợi ích của chính mình.

* PTS khoa học lịch sử, Trường khoa lịch sử Đảng. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 36

(2) Sđd, t 4, tr 37

Chính quyền cách mạng phải gắn bó với nhân dân, dựa vào sức mạnh của nhân dân, tổ chức thực thi quyền làm chủ của nhân dân. Quyền làm chủ của dân phải được thể chế hóa bằng hiến pháp và hệ thống pháp luật ; bằng quy chế, quy tắc và các chính sách kinh tế, xã hội.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta hiện nay là *tổ chức tập trung quyền lực của nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân*. Nhà nước thực hiện đúng đắn và đầy đủ chức năng của mình cũng có nghĩa là thực hiện quyền lực của nhân dân. Từ Đại hội VI của Đảng đến nay, Đảng ta luôn luôn nhấn mạnh việc đổi mới một cách căn bản tổ chức và hoạt động của các cơ quan dân cử, làm cho Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp thật sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, hoạt động có hiệu quả dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sức mạnh của Nhà nước ta phụ thuộc một cách quyết định vào việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh và nội dung cơ bản của pháp chế xã hội chủ nghĩa chính là quyền làm chủ của nhân dân, quyền lực thuộc về nhân dân. Vì vậy, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước đi vào quy chế, luật pháp cũng chính là tôn trọng quyền làm chủ và lợi ích của nhân dân.

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và yêu cầu mở rộng dân chủ hiện nay càng đòi hỏi phải khẩn trương xây dựng và đổi mới hệ thống pháp luật ; bổ sung, sửa đổi những văn bản pháp quy hiện hành ; đồng thời ban hành một số luật mới, bảo đảm việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội nước ta hiện nay. Đó là nhiệm vụ rất nặng nề của các cơ quan dân cử, tức là các cơ quan lập pháp. Mấy năm nay, Quốc hội đã tập trung công sức, trí tuệ để xây dựng các bộ luật. Luật pháp của Nhà nước ta ngày càng thể hiện được ý chí, nguyện vọng của nhân dân và nhân dân đã tích cực tham gia vào quá trình xây dựng pháp luật.

Nói đến vai trò, chức năng quản lý của nhà nước là nói đến hệ thống quản lý hành chính. Bộ máy quản lý hành chính ở trung

ương là Chính phủ và ở địa phương là ủy ban nhân dân các cấp. Đây là những cơ quan có vai trò đặc biệt trong quản lý đất nước, quản lý xã hội. Hệ thống quản lý hành chính là cơ quan hành pháp trực tiếp thực hiện những quyết định của cơ quan dân cử thông qua hoạt động quản lý, điều hành của mình để thực hiện quyền lực của nhân dân. Hiệu lực và kết quả quản lý, điều hành của hệ thống quản lý hành chính không chỉ biểu thị sức mạnh của nhà nước mà còn biểu hiện cụ thể nhất mức độ dân chủ, bản chất cách mạng và tính chất nhân dân của nhà nước mới. Quản lý xã hội là một khoa học. Việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy hành chính trong xã hội càng là một công việc hết sức nghiêm túc và khoa học. Muốn đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước, ngoài tinh thần hăng hái đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội còn phải có đầy đủ kiến thức. Đảng ta cũng phải qua một thời gian dài lãnh đạo chính quyền mới xác định rõ được chức năng, quyền hạn của hệ thống quản lý hành chính các cấp. Thí dụ, trong lĩnh vực kinh tế, phải phân biệt rõ *chức năng quản lý nhà nước về kinh tế* với *quản lý của các tổ chức sản xuất, kinh doanh*. Nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế bằng pháp luật và hệ thống các chính sách, quy chế, điều tiết các quan hệ kinh tế chứ không làm thay, không giải quyết những công việc thuộc quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế.

Dưới chế độ ta, nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình không chỉ ở việc xây dựng bộ máy nhà nước, mà còn tham gia quản lý nhà nước. "Trong công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, dù là quản lý hành chính hay quản lý sản xuất, kinh doanh, quản lý trật tự, trị an, đều cần có sự tham gia của quần chúng. Việc phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội cần được các cơ quan lãnh đạo và quản lý đặt ra và thực hiện đúng ngay từ khi chuẩn bị và quyết định chủ trương, chính sách"⁽³⁾. Phải bằng công tác tổ chức công phu, tỉ mỉ, linh hoạt và thích hợp mới có thể lôi cuốn nhân dân vào mọi mặt hoạt động quản lý nhà nước.

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, NXB Sự thật, Hà nội, 1987, tr 111

quản lý xã hội và đời sống. Chính Lê-nin đã lưu ý rằng, chúng ta không phải là những người không tưởng, do đó không thể quan niệm một anh nầu bếp hay một chị lao công cũng có thể tham gia quản lý nhà nước được. Bởi vậy, phải nâng cao dân trí, nâng cao trình độ hiểu biết của người dân, trước hết là hiểu biết về pháp luật, về chính sách, về chính nội dung hoạt động quản lý của nhà nước, để họ có khả năng tham gia quản lý nhà nước.

Với tư cách người tổ chức công cuộc xây dựng xã hội mới, nhà nước cần lôi cuốn nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Vì lẽ đó, chính quyền các cấp phải điều hành công việc theo chức năng của quản lý nhà nước, đồng thời phải làm tốt công tác vận động quần chúng, tạo điều kiện để nhân dân tham gia xây dựng, củng cố chính quyền.

Là chính quyền của dân, do dân và vì dân, đương nhiên, chính quyền của ta phải phục vụ nhân dân. Đây là điều mà Lê-nin và Bác Hồ thường nhắc nhở. Phục vụ nhân dân không phải là khẩu hiệu chung chung hay những lời sáo rỗng mang tính chất mị dân mà phải được xây dựng thành chế độ trách nhiệm rõ ràng, cụ thể trên từng lĩnh vực. Các cơ quan nhà nước, đặc biệt là những ngành, những đơn vị có quan hệ trực tiếp với dân, cần quy định các tiêu chuẩn cụ thể về trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ, nhân viên chính quyền, công bố để nhân dân biết và kiểm tra việc thực hiện. Hội nghị lần thứ 8 BCH TƯ Đảng (khóa VII) nhấn mạnh : trọng tâm hiện nay là cải cách nền hành chính quốc gia, làm sao tổ chức tốt bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính, để nhà nước làm tốt vai trò quản lý trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Chính quyền được xây dựng để phục vụ nhân dân, để "gánh việc chung cho dân". Những người không có ý thức phục vụ nhân dân, chỉ muốn "thống trị" dân, hoặc mắc khuyết điểm mà không sửa chữa thì không thể để trong bộ máy chính quyền.

Trong tác phẩm *Nhà nước và cách mạng*, Lê-nin đã từng yêu cầu phải thực hành chế độ

tuyển cử toàn diện, chế độ bãi miễn bất cứ lúc nào, đối với hết thảy mọi viên chức không trừ một ai. Chế độ tuyển cử ở nước ta mấy năm nay đã đổi mới và đi dần vào thực chất hơn, nhưng chế độ bãi miễn, quyền bãi miễn của nhân dân đối với những đại biểu của mình thì vẫn chưa được thực hiện. Việc này cần được xây dựng thành chế độ, quy chế rõ ràng mới có thể thực hiện nghiêm túc việc bãi miễn những đại biểu nhân dân và thi hành kỷ luật đối với những cán bộ chính quyền có khuyết điểm nặng, không được nhân dân tín nhiệm. Chế độ này không chỉ biểu hiện mối quan hệ giữa chính quyền với nhân dân mà còn phản ánh bản chất của chính quyền nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo.

Trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước có các cơ quan bảo vệ pháp luật, đảm bảo cho pháp luật được thi hành nghiêm chỉnh trong toàn xã hội. Pháp luật là kết tinh ý chí, nguyện vọng của nhân dân và đường lối của Đảng. Bảo vệ pháp luật và buộc mọi người tuân thủ pháp luật cũng là bảo vệ lợi ích của nhân dân và đường lối của Đảng. Một xã hội càng dân chủ càng đòi hỏi giữ nghiêm kỷ cương, pháp luật. Khi mọi công dân tự giác tuân thủ kỷ luật, pháp luật, cũng là lúc họ thấy được giá trị đích thực của tự do. Dân chủ phải đi đôi với chuyên chính, bởi chuyên chính đúng đắn là biện pháp cần thiết để bảo vệ dân chủ, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân.

Là chính quyền của nhân dân, cho nên từng người dân chẳng những có trách nhiệm tham gia xây dựng chính quyền, thực hiện tốt nhất nghĩa vụ của mình mà còn phải biết kiểm tra, giám sát hoạt động của các cấp chính quyền, của các cơ quan nhà nước và của từng cán bộ, nhân viên nhà nước. Với ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm, mỗi người dân không chỉ đóng góp xây dựng pháp luật, chính sách của nhà nước mà còn phát hiện những gì không đúng, không hợp lý để nhà nước sửa đổi, phát hiện những sai phạm của cơ quan và cán bộ, xử lý kịp thời, không để cho những sai phạm và tiêu cực đó kéo dài. Một khi nhân dân có ý thức chính trị, coi công việc của nhà nước là của mình, thì họ có đủ khả năng và biện pháp để giám sát hoạt động của nhà nước,

(Xem tiếp trang 37)

VỀ NHỮNG ĐÒI HỎI VÔ LÝ ĐỐI VỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

BÙI MINH THẮNG

HIỆU rõ Đảng cộng sản Việt nam là người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của nhân dân ta, các thế lực thù địch không ngừng công kích, vu khống, bôi nhọ, hòng làm mất uy tín của Đảng và chia rẽ Đảng với nhân dân.

Sau sự kiện Liên xô và khối các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, những kẻ chống cộng bên ngoài phối hợp với một số người bất mãn trong nước lớn tiếng đòi Đảng ta phải từ bỏ quyền lãnh đạo, phải "tự nguyện lột xác" và "sám hối những sai lầm", phải chấp nhận dân chủ - đa nguyên, để cho các tổ chức chính trị đối lập được tham gia lãnh đạo đất nước. Giọng lưỡi của họ lúc thì cay độc tức tưởi, lúc thì ngon ngọt thiết tha, lúc lại lên mặt "quân sư chiến lược", ngồi trong một góc phố tính từng đường đi nước bước cho cuộc "cách mạng hung lụa", sắp đặt chỗ đứng cho Đảng ta trong cái "thực thể chính trị pháp định" do họ vẽ ra, cái "thực thể" mà thực chất là tư bản chủ nghĩa, được dựng lên bởi sự phù phép của đồng đô la và các phương tiện tuyên truyền của phương Tây được mệnh danh là "dân chủ" ! Có người còn cảnh báo Đảng ta rằng : "nếu cứ khăng khăng nếp cũ, không chịu đổi mới triệt để về chính trị, Đảng cộng sản Việt nam chắc chắn sẽ sụp đổ và bị lịch sử nguyên rủa muôn đời !" Rồi họ in tài liệu, phát tán trong Nam ngoài Bắc, truyền bá những quan điểm sai trái đó, và thậm chí kêu gọi lật đổ. *Lý lẽ mà họ đòi Đảng ta phải từ bỏ quyền lãnh đạo là gì ? Họ thường xoay vào ba điểm :*

1 - Theo họ, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã lỗi thời ; chủ nghĩa xã hội hiện thực đã sụp đổ ; Việt nam phải tìm con đường khác, không thể tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội để lao vào vết xe đổ của Liên xô và Đông Âu, cho

nên từ nay không cần sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam !

2 - Phát triển kinh tế nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường là con đường cứu nguy, phù hợp quy luật vận động của thế giới ; nhưng nền kinh tế nhiều thành phần tất sẽ dẫn tới thể chế chính trị đa nguyên tương ứng. Trong điều kiện đó, dù muốn Đảng cũng không thể giữ được địa vị lãnh đạo độc tôn. Và lại, Đảng có nhiều kinh nghiệm đấu tranh vũ trang, nhưng Đảng đâu có kinh nghiệm và tài nghệ gì trong lãnh đạo kinh tế !

3 - Đất nước muốn nhanh chóng phát triển, thoát ra khỏi thân phận chư hầu hèn mọn, trở nên một nước cường thịnh thì phải "hòa hợp, hòa giải, đồng thuận dân tộc" ; nhưng Đảng cộng sản Việt nam theo đuổi một ý thức hệ biệt lập, lỗi thời, nếu giữ mãi quyền "độc tôn lãnh đạo", Đảng sẽ không quy tụ được công đồng dân tộc, chỉ gây thêm "ngहि ky, thù hằn, hiềm khích, chia rẽ" (!), v.v..

Trong phạm vi một bài báo ngắn, tôi muốn trao đổi về một vài lý lẽ trên đây.

1 - Về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sự lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Mấy người bài bác chủ nghĩa Mác cho rằng, chủ nghĩa này là thứ lý thuyết tư biện, không thể thực hiện được trong thực tế. nên Lê-nin đã phải vận dụng khác đi, mà về thực chất là đã xét lại Mác ! Phải công nhận là mấy người này tào bạo thật, tào bạo trong việc nói liều, bất chấp thực tế lịch sử và sự thật khách quan. Họ cố tình quên đi rằng chính là từ nghiên cứu thực tế, khoa học, sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản mà Mác đã

phát hiện rất chính xác những quy luật vận động của chủ nghĩa tư bản, và chỉ ra sự thay thế tất yếu chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội. Dĩ nhiên chủ nghĩa Mác, như Mác từng nói, không phải là thứ kinh thánh đóng kín, trái lại cần được phát triển, bổ sung, theo sự vận động phát triển của hiện thực. Nhưng phát triển, bổ sung, là làm cho nó phong phú thêm chứ không phải sỗ toẹt những nguyên lý cơ bản của nó. Đối với chủ nghĩa xã hội, đúng là Mác mới đưa ra những nét phác thảo, còn Lê-nin thì mới thể nghiệm những bước đi ban đầu trong một đất nước kinh tế kém phát triển, lại vừa trải qua nội chiến. Nhưng cái thực thể xã hội chủ nghĩa mà Liên xô và một số nước Đông Âu trước đây đã xây dựng được *quyết không phải là một hình bóng phản chiếu những sai lầm của chủ nghĩa Mác*. Trái lại, nó là *một thực thể xã hội sinh động, có sức sống mạnh mẽ trong hơn nửa thế kỷ qua*, bắt nguồn từ những lý tưởng nhân văn cao cả mà Mác nêu ra. Sự sụp đổ của nó có nguyên nhân sâu xa từ chỗ nhận thức không đúng và vận dụng máy móc chủ nghĩa Mác trong việc xây dựng mô hình phát triển kinh tế ; có nguyên nhân trực tiếp là sự tiến công của chủ nghĩa đế quốc và sự hữu khuynh, phản bội của một số người lãnh đạo chớp bu... Song, điều đó không có nghĩa là chủ nghĩa Mác - Lê-nin sụp đổ, những nguyên lý cơ bản của nó là sai lầm. Trái lại, chính vì không nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, buông lỏng rồi từ bỏ sự lãnh đạo của Đảng, lúi búi trong cuộc đấu tranh tư tưởng, mất cảnh giác với kẻ thù bên ngoài, không chuyên chính với các thế lực thù địch và phá hoại ở bên trong, nên mới tan tành cơ nghiệp.

Mấy người chống chủ nghĩa xã hội *lúc thì* chia cắt chủ nghĩa xã hội thành hai thứ chủ nghĩa xã hội *lý thuyết* và chủ nghĩa xã hội *hiện thực*, để nhận xét rằng hai thứ đó "mỗi đằng một nẻo", chẳng ăn nhập gì nhau, nên không khoa học ; *lúc thì* lại cho cả hai thứ đó vào cùng một rọ để kết luận : chủ nghĩa xã hội hiện thực đã không thực hiện được thì chủ nghĩa xã hội lý thuyết (tức chủ nghĩa Mác - Lê-nin) chỉ là "suy tưởng", "giả tưởng", không có giá trị đích thực. Họ hàm hồ phê phán

phương pháp luận của chủ nghĩa Mác là siêu hình, không có khả năng tranh luận, trong khi tư duy của họ lại lộn xộn, phiến diện cắt xén, tự mâu thuẫn trong các nhận định và lập luận.

Chúng ta quan niệm chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội là một chỉnh thể khoa học. Nó đã và sẽ được phát triển, bổ sung cho phù hợp với đặc điểm của từng quốc gia, dân tộc và thời đại, nhưng những nguyên tắc lớn, những đường hướng lớn mà nó phác định và dự báo cho bước đi tới của xã hội loài người thì không thay đổi. Không chỉ chúng ta, nhiều học giả phương Tây có thái độ khách quan, khoa học, sau sự kiện Liên xô và Đông Âu sụp đổ, vẫn khẳng định chủ nghĩa Mác không chết, nó vẫn sống với loài người, và thậm chí thế kỷ 21 vẫn sẽ là thế kỷ của chủ nghĩa Mác. Có nhà tương lai học cỡ lớn của phương Tây dự báo thế kỷ 21 là thế kỷ cực thịnh của nền văn minh tin học. Ông diễn giải, với nền văn minh này, chủ nghĩa tư bản sẽ đem lại cho thế giới sự ngập chìm trong của cải vật chất ! Và, và... Nhưng càng diễn giải, ông càng cho người đọc cái cảm nhận khách quan rằng : lực lượng sản xuất *càng phát triển vượt bậc như thế*, của cải vật chất *càng ngồn ngộn lên như thế*, thì quả thật *sức ôm chứa của chủ nghĩa tư bản càng trở nên chật hẹp*. Loài người không thể co mình trong cái rọ chật hẹp và ích kỷ của chủ nghĩa tư bản, mà phải vươn ra để bằng nhiều cách khác nhau đi tới chỗ có được một chế độ xã hội nhân đạo và tốt đẹp hơn. Đó chính là chủ nghĩa xã hội khoa học mà Mác từng phác thảo.

Đảng ta, nhân dân ta, từ trong những ngày còn sống tăm tối trong vòng nô lệ, chưa có chính quyền, đã cảm nhận được cái tất yếu mà nhân loại sẽ phải đi qua, đã chọn con đường đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, cách mạng giải phóng dân tộc đã hoàn thành. Trong chặng đầu đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta gặp không ít khó khăn, thậm chí mắc một số sai lầm duy ý chí muốn đốt cháy giai đoạn, áp dụng rập khuôn mô hình kinh tế cứng nhắc của nước ngoài. Nhưng chúng ta đã kịp thời phát hiện, sửa chữa và đã có được những kinh nghiệm mới rất quan

trọng, rất có ý nghĩa. Không lẽ gì, trước sự đòi hỏi phi lý của một số ít người nào đó mà chúng ta lại từ bỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và từ bỏ luôn vai trò lãnh đạo của Đảng.

2 - Nền kinh tế nhiều thành phần và sự lãnh đạo của Đảng.

Mấy người không tán thành sự lãnh đạo của Đảng cho rằng, đã nói đến kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, thì phải nói tới đa nguyên, đa đảng; phải thay đổi chính trị theo hướng tư bản chủ nghĩa cho phù hợp với kinh tế. Tôi nghĩ, không nhất thiết như vậy. Kinh tế thị trường (kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường) là sản phẩm loài người sáng tạo ra trong quá trình sản xuất và trao đổi của cải vật chất. Nó ra đời từ trước chủ nghĩa tư bản. Chủ nghĩa tư bản đã tạo miếng đất tốt cho nó phát triển đến cao độ cả hai mặt tích cực và tiêu cực. Sai lầm của mô hình kinh tế ở một số nước xã hội chủ nghĩa trước đây là loại bỏ những yếu tố tích cực của kinh tế thị trường; nhưng giờ đây chúng ta lại có thể sai lầm nếu tiếp nhận nguyên xi cả những tiêu cực của nó. Đảng ta chủ trương sử dụng mặt tích cực của kinh tế thị trường làm yếu tố thúc đẩy kinh tế phát triển với nhịp độ nhanh, nhưng hướng nó đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội để hạn chế đến mức thấp nhất mặt tiêu cực. Chúng ta chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, *nhưng phải theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước và do Đảng cộng sản lãnh đạo*. Mục đích là phát huy hết mọi năng lực sản xuất tiềm tàng trong nước để làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, chứ không phải phát triển theo kiểu hằm bà làng, mạnh ai nấy được, vô tổ chức, vô chính phủ. Để giữ cho xã hội phát triển trong trật tự, ổn định, theo hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải thông qua sự quản lý của nhà nước mà tăng cường vai trò lãnh đạo của mình.

Có người nói kinh tế đa nguyên, chính trị độc đảng là chiếc ghế què, không thể vững mạnh cả chính trị và kinh tế. Họ quên rằng, ở nước ta, nửa đầu thế kỷ 20 đã có lúc nhiều

đảng phái đua nhau hoạt động. Nào đảng lập hiến, nào đảng nông dân, rồi Phục việt đảng, Quốc dân đảng cùng tồn tại một thời với Đảng cộng sản. Nhưng hoặc do đường lối, phương pháp sai lầm, hoặc do không chịu nổi đòn tra tấn của thực dân Pháp, các đảng đó đã lần lượt tan rã. Chỉ có Đảng cộng sản Việt nam với đường lối và phương pháp đúng, chấp nhận mọi hy sinh và vượt qua tù ngục, gươm súng của kẻ thù, đã lãnh đạo nhân dân cả nước đứng lên giành được chính quyền. Đến khi có chính quyền trong cả nước rồi, vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, Đảng ta vẫn nhường một số ghế cho đại biểu Quốc dân đảng trong chính phủ liên hiệp những ngày đầu dựng nước. Nhưng thử hỏi bọn họ đã làm được gì ngoài âm mưu phá rối, lật đổ, và khi không thực hiện được thì vơ vét đến đồng bạc cuối cùng của công quỹ để chạy ra nước ngoài theo bọn quan thầy? Đến thời kháng chiến chống Mỹ, ở miền Nam, ngoài Đảng cộng sản bị bọn đế quốc và ngụy quyền truy bức, đẩy ra ngoài vòng pháp luật, vẫn còn bao nhiêu đảng phái. Nhưng trong cái xã hội đa đảng ấy, các đảng phái có đại diện được cho nền kinh tế đa thành phần của miền Nam lúc đó hay không? Có xây dựng được một xã hội miền Nam dân chủ không? Hay bấy giờ, thực chất chỉ có một đảng thống trị đại diện cho các thế lực tư sản mại bản, làm tay sai cho bọn xâm lược, bóp nghẹt bầu không khí dân chủ trong nước?

Mấy người chống đối còn nói: "Dẫu không chấp nhận đa nguyên, cứ ôm giữ quyền lãnh đạo, thì Đảng cộng sản Việt nam cũng không có năng lực lãnh đạo kinh tế để đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo"! Họ cố làm ngơ trước những thành tựu bước đầu nhưng rất quan trọng của công cuộc đổi mới, đang đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Với sự khiêm tốn và cầu thị, Đảng ta chưa bao giờ nhận mình lăm tài năng và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh tế, nhưng những quyết định cực kỳ sáng suốt của Đảng trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế, trong bối cảnh đột ngột mất nguồn viện trợ và thị trường quen thuộc ở Đông Âu và Liên xô cũ, đã giữ cho nền kinh tế nước ta không rối loạn, không sụp đổ, mà tạo được đà cho bước phát triển mới.

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 do Đảng ta khởi thảo và thông qua tại Đại hội VII năm 1991, tới nay mới qua bốn năm thực hiện, đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu. Nhịp độ tăng bình quân hàng năm của *tổng sản phẩm quốc nội* (GDP) dự kiến trong kế hoạch 5 năm (1991-1995) là 5,5 - 6%, nay đã vượt, đạt 8,2%. Mức tăng bình quân hàng năm hiện nay của *sản xuất công nghiệp* là 13,3%, và của *sản xuất nông nghiệp* là 4,5% (so với 5,9% và 3,6% trong những năm 1986 - 1990). *Cơ cấu kinh tế* cũng có sự chuyển dịch theo hướng tiến bộ : tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,6% (năm 1990) đã tăng lên 30,3% (năm 1994) ; tỷ trọng dịch vụ từ 38,6% đã tăng lên 42,5%. Kim ngạch xuất khẩu bình quân hàng năm tăng 20%. Đầu tư từ trong nước và nước ngoài tăng liên tục. Bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát được kiềm chế : từ 67,1 % năm 1991 giảm xuống 14,4% năm 1994. Đời sống các tầng lớp dân cư được cải thiện rõ rệt.

Nhiều nhà kinh tế và chính khách tên tuổi nước ngoài vào thăm, tìm hiểu thực tế đổi mới ở nước ta, đã không thể phủ nhận sự khởi sắc và những tiến bộ bất ngờ. Họ dự báo sự cất cánh của một con rồng mới trong khu vực. Họ thừa nhận Chính phủ Việt nam điều hành vĩ mô nền kinh tế có hiệu quả ; thừa nhận Đảng ta - người kiến trúc sư và trực tiếp lãnh đạo công cuộc đổi mới - là một đảng rất dũng cảm và rất thông minh. Ấy thế mà mấy người xấu bụng trong nước phù hợp với luận điệu chống cộng ở bên ngoài cứ la lối rằng công cuộc đổi mới của ta là nửa vời ! Họ miêu tả xã hội ta "là một xã hội khắp khểnh : chính trị tráo trở, kinh tế chup giật, đạo đức băng hoại, văn hóa suy đồi, cuộc sống không còn kỷ cương, một cảnh chợ chiều vừa độc tài vừa vô chính phủ..."(!)

Thái độ yêu nên tốt, ghét nên xấu của họ đã làm họ mất đi tính trung thực, khách quan. Sự xuyên tạc và phủ nhận sạch trơn của họ không lừa bịp nổi những người dân bình thường biết yêu sự thật, nói chỉ đến chuyện về đường cho Đảng ta từ bỏ vai trò lãnh đạo,

để cho họ đưa đất nước đi vào cái "thể chế chính trị pháp định" tư bản chủ nghĩa.

3 - Đảng lãnh đạo và vấn đề đoàn kết dân tộc

Những người bài bác sự lãnh đạo của Đảng cho rằng lúc này Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động thì vừa cổ lỗ vừa không quy tụ, đoàn kết được dân tộc. Sự thật hoàn toàn ngược lại. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã tập hợp, đoàn kết nhân dân ta, giúp nhân dân ta làm nên những kỳ tích trong hơn nửa thế kỷ qua và trong công cuộc đổi mới hôm nay. Là con đẻ của phong trào yêu nước và phong trào công nhân, Đảng ta không có mục đích nào khác ngoài việc phục vụ lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Khỏi đại đoàn kết mà Đảng ta xây dựng, lấy công nông liên minh và tầng lớp trí thức yêu nước làm nền tảng, lấy nhà nước pháp quyền của dân do dân và vì dân làm trụ cột, đoàn kết rộng rãi với các tầng lớp nhân dân khác. Tin theo Đảng, nhân dân ta trước đây đã tập hợp trong các mặt trận Việt minh, Liên Việt, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam..., và ngày nay trong Mặt trận Tổ quốc Việt nam, do Đảng lãnh đạo. Đây là những tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn, thu hút 80 - 90% số dân trong nước, có sức mạnh hùng hậu để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Không phủ nhận nổi sự thật hiển nhiên này, những người chống đối lại đòi : "không được lấy cơ sở giai cấp làm nền tảng", "không được lấy số đông làm nòng cốt để đoàn kết với số ít". Theo họ, phải đoàn kết theo "kiểu bàn tròn" ; "bình đẳng", "đồng thuận" với cả mấy người hiện đang chống đối, hoặc đang nhúng tay vào những hoạt động phá hoại, thì mới gọi là thực tâm đoàn kết ! Đó là kiểu đoàn kết theo quan điểm của họ, phục vụ ý đồ riêng tư của họ. Còn chúng ta, theo tôi nghĩ, không thể thực hiện kiểu đoàn kết hủ lớn như họ vẽ đường. Chúng ta lấy đại nghĩa dân tộc làm trọng, như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười từng nói. Chúng ta chấp nhận cả những người khác

chính kiến, những người trước đây đứng phía bên kia nhưng giờ đây cùng chung một mục tiêu phấn đấu cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; chúng ta sẵn sàng mời những người có đủ đức tài tham gia quản lý đất nước. Sự chấp nhận rộng rãi trong một Mặt trận đoàn kết chính đại quang minh như vậy chẳng những tạo ra sự thống nhất ý chí, niềm tin của tuyệt đại đa số nhân dân trong nước mà ngày càng thu hút nhiều kiều bào ta ở nước ngoài hướng về Tổ quốc, đem trí tuệ, tài năng và của cải trở về xây dựng quê hương. Những kẻ cam tâm làm tay sai cho bọn chông cộng ở nước ngoài tìm đủ cách hăm dọa, vu khống, giết hại không ít Việt kiều yêu nước. Ở Ca-li-phoóc-ni-a hay Oa-sinh-tơn, ở Ác-linh-tơn hay Phe-phắc, bọn chúng đều rình rập theo dõi đồng bào. Ai muốn yên thân thì phải tự nhận mình là người chống cộng. Bằng không, chúng sẽ bắn chết ngay tại nhà, như đã bắn chết ông Lê Triết ở Phe-phắc năm 1990. Ấy vậy mà có người cứ cho rằng Đảng ta phải từ bỏ quyền lãnh đạo thì mới đoàn kết được với họ, ngược lại sẽ gây nghi kỵ, hiềm khích, thù hằn. Họ vờ như không hay biết gì về những tội ác tày trời mà bọn chống cộng đã gây nên ở miền Nam nước ta trong những năm Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược. Bấy giờ, ở miền Nam chúng lê máy chém đi chặt đầu những người yêu nước suốt ngày đêm. Những đoàn xe mật vụ của Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Trần Kim Tuyến... hoạt động khắp nơi. Chúng muốn bắt ai thì bắt, thủ tiêu ai thì thủ tiêu. Riêng ở miền Trung con số bị thủ tiêu đã lên tới 30 vạn. Người dân chịu bao nỗi thống khổ, oan ức chẳng biết kêu ai. Hàng triệu người còn phải chết vì bom đạn và thuốc độc màu da cam của Mỹ.

Ngày nay, sống lưu vong trên đất quan thầy, mấy kẻ chống cộng vẫn chứng nào tật ấy không hòa hợp được với mấy mươi vạn người là đồng bào mình đang định cư bên đó, nói chi đến chuyện khi về nước nắm được quyền hành trong tay mà chúng chịu đồng thuận, hòa hợp với mấy chục triệu đồng bào đã theo Đảng làm cách mạng. Không thể có chuyện cả cộng đồng dân tộc Việt nam sẽ hòa

hợp khi những kẻ phản dân bán nước nắm được chính quyền. Lịch sử cách mạng nước ta và kinh nghiệm thực tế ở nhiều nước cho thấy, chỉ có Đảng cộng sản mới thực sự đại biểu cho lợi ích của đông đảo nhân dân lao động và dân tộc. Chỉ có Đảng cộng sản Việt nam theo tư tưởng Bác Hồ, mới có khả năng chấp nhận một sự đoàn kết, hòa hợp rộng rãi, chân thành với tất cả những ai vì sự nghiệp chung; mới có thể thực hiện cuộc đại xá chưa từng có trong lịch sử đối với những kẻ từng phạm tội ác với đồng bào mình 20 năm trước ; mới có thể vì đại nghĩa dân tộc sẵn sàng xóa bỏ thù hận, quên đi chuyện cũ để hướng tới tương lai. Khi chính quyền rơi vào tay các thế lực cực hữu, chống cộng, thì ngược lại chỉ có sự trả thù, sự xua đuổi, săn lùng và bắn giết. Lý sự của mấy người chống đối cho rằng Đảng ta phải từ bỏ quyền lãnh đạo đất nước mới xóa được hiềm khích, chia rẽ, thù hằn, là thứ lý sự xảo trá, lật ngược sự thật khách quan, chỉ lừa mị được những ai nhẹ dạ.

*
* *

Đất nước ta đang đứng trước những thời cơ lớn để phát triển, đồng thời cũng đang phải đối mặt với những nguy cơ lớn. Một số thế lực bên ngoài đang ra sức thực hiện "diễn biến hòa bình", hòng đánh quy Việt nam bằng đồng đô la, điều mà bằng súng đạn 20 năm trước Mỹ đã không thực hiện được. Thông qua các hoạt động kinh tế, đầu tư, du lịch, ngoại giao, ... người ta đang cố tìm cách buộc Việt nam phải chuyển hóa về chính trị, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Những người a dua đòi Đảng ta phải từ bỏ vai trò lãnh đạo, có nghĩ đến một tai họa khủng khiếp đối với nhân dân và đất nước ta khi chiến lược của thế lực thù địch được triển khai kết quả hay không ? Tôi nghĩ, ngày nay đối với đất nước ta, hơn lúc nào hết càng cần phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng □

Về sự xuyên tạc và bôi nhọ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

NHẬT TÂN

NGAY sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã có không ít kẻ bôi nhọ, xuyên tạc hoặc phủ nhận ý nghĩa vĩ đại của nó. Ngày nay, nhân việc Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu đổ vỡ, những cái loa tuyên truyền cho sự vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản lại được thể lớn tiếng xuyên tạc và bôi nhọ Cách mạng Tháng Mười. Những luận điệu xuyên tạc và bôi nhọ này vẫn cũ rích như trước đây. Chỉ có khác là những luận điệu đó được tuyên truyền với thái độ trắng trợn hơn, ngạo mạn hơn. Nào là Cách mạng Tháng Mười là một cuộc cách mạng "ngược đời", một thứ "xét lại chủ nghĩa Mác" (!) Cách mạng Tháng Mười Nga chẳng qua chỉ là "một cuộc phiêu lưu" mà những người tiến hành nó không có gì trong tay ngoài một mớ tư tưởng (!) Nào là Cách mạng Tháng Mười Nga chỉ là một thứ "đề non", chưa có những tiền đề vật chất chín muồi. Cách mạng Tháng Mười Nga đã chết (? !) V. v và v.v..

**Phải chăng Cách mạng
Tháng Mười Nga là "ngược đời",
là "xét lại" chủ nghĩa Mác ?**

Những người cho Cách mạng Tháng Mười là "ngược đời" lập luận như sau : Cách mạng vô sản của Mác chỉ là việc đặt cái dấu chấm trên thân của chữ I (hiểu là kinh tế tư bản chủ nghĩa), để chuyển sang một hình thái kinh tế-xã hội mới thông qua một giai đoạn quá độ tạm thời gọi là "cải biến cách mạng", chủ yếu là trấn áp phản cách mạng. Còn Cách mạng Tháng Mười Nga thì lại đặt cái dấu chấm vô sản trước, rồi sau đó mới tạo ra cái thân chữ I (kinh tế) và coi cả thời kỳ xây dựng này là giai đoạn quá độ. Chính với điều đó, Cách mạng Tháng Mười Nga đã biến chủ nghĩa Mác- Lê-nin thành một thứ ý thức hệ để dựa vào nó và nhân danh nó mà giải quyết những vấn đề đặc biệt của mình, không liên quan gì

đến Mác. Lập luận trên rõ ràng là không hiểu gì về Cách mạng Tháng Mười. Đầu phải Cách mạng Tháng Mười nhân danh chủ nghĩa Mác để giải quyết những vấn đề riêng của nước Nga.

Cái mà ai đó gọi là "ngược đời" thì chính lại là điều đóng góp lớn của Cách mạng Tháng Mười cho nhân loại. Điều này đã được Lê-nin chứng minh khi người phê phán cuốn hồi ký của N. Xu-kha-nốp. Quan điểm của Người là không thể cứ chờ đợi có một trình độ phát triển đầy đủ về lực lượng sản xuất rồi mới bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vấn đề là phải "bắt đầu trước hết từ việc giành lấy những điều kiện tiên quyết cho trình độ nhất định đó bằng con đường cách mạng để về sau, nhờ có một chính quyền công nông, nhờ có chế độ xô viết mà tiến lên đuổi kịp những dân tộc khác" ⁽¹⁾. Thực tế đã chứng minh quan điểm trên của Lê-nin là đúng. Nhờ có chính quyền xô viết do Cách mạng Tháng Mười tạo ra, những người cộng sản và nhân dân lao động Nga đã có thể đưa nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới từ một nước phát triển trung bình nhanh chóng trở thành một trong hai siêu cường hùng mạnh nhất thế giới.

Còn những người cho Cách mạng Tháng Mười là sự "xét lại" Mác thì lập luận: Khi nghiên cứu sâu sắc chủ nghĩa tư bản và phong trào công nhân ở thế kỷ XIX, Mác đã đưa ra một kết luận khoa học nổi tiếng là "cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể giành được thắng lợi khi nó đồng loạt nổ ra ở các nước tư bản phát triển", nhưng Lê-nin lại không tuân theo điều đó mà tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một trong những nước kém phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Thực tế lịch sử đã cho thấy, đến thời Lê-nin nếu thực hiện nguyên xi tư tưởng nói trên của Mác thì sẽ là máy móc và không tránh khỏi thất bại. Bởi vì lúc đó, do quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản, tình thế cách mạng xuất hiện ở những nước kém phát triển chứ không phải ở những nước phát triển

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 432-433

cao trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Tình thế ấy cho phép cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra và thành công ở nước tư bản chủ nghĩa nào là khâu yếu nhất trong hệ thống đó. Là nhà mác-xít chân chính, Lê-nin đã không bỏ lỡ thời cơ, lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản Nga đột phá vào khâu yếu nhất của sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa, làm nên thắng lợi Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, mở ra một thời đại *mới*, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Chúng ta mãi mãi đánh giá cao Lê-nin về lòng trung thành của ông đối với học thuyết của Mác và sự vận dụng sáng tạo, tài tình học thuyết đó vào hoàn cảnh cụ thể của nước Nga. Ngay từ *Luận cương Tháng Tư*, Lê-nin đã phê phán thái độ sùng bái theo kiểu chủ nghĩa bái vật đối với lý luận, một thái độ dẫn người ta tới chỗ giáo điều, sùng bái một cách nô lệ đối với một quan niệm nào đó không còn phù hợp với thực tiễn. Lê-nin luôn luôn nghiền ngẫm, rút ra những bài học từ thực tế, và căn cứ vào đó mà đưa ra những ý tưởng mới phản ánh được tất cả những mặt phức tạp của nó để có thể cải tạo nó. Không thường xuyên thông qua thực tế để kịp thời đổi mới những ý tưởng cho phù hợp với hoàn cảnh mới đòi hỏi, thì chủ nghĩa Mác đâu còn là chủ nghĩa Mác như ngày nay, mà từ lâu đã trở thành một thứ quyết định luận vô vị kiểu tôn giáo; còn các nhà chính trị mác-xít thì từ lâu đã trở thành các nhà biên niên. Chủ nghĩa Mác chân chính không phải là một hệ thống khép kín bao gồm những chân lý tuyệt đối, mà là một hệ thống mở, một cơ thể mãi mãi trẻ trung và không ngừng phát triển. Nguồn gốc của sự phát triển của chủ nghĩa Mác là phép biện chứng duy vật. Việc điều chỉnh luận điểm của Mác "về sự thắng lợi của cách mạng vô sản" cho phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể là một đóng góp to lớn của Lê-nin. Đó cũng chính là hành động bảo vệ học thuyết Mác một cách thiết thực nhất chứ không phải là xét lại Mác như một số người xuyên tạc.

Cách mạng Tháng Mười Nga còn là một mẫu mực về vận dụng học thuyết của Mác về sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng. Phủ nhận Cách mạng Tháng Mười Nga có

nghĩa là phủ nhận con đường cách mạng bạo lực, một trong những con đường không thể thiếu để đập tan chế độ bóc lột, xây dựng chế độ mới. Quan điểm nói trên gần giống với quan điểm truyền thống của những người xã hội - dân chủ về sự chuyển biến dần dần của chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa xã hội, một quan điểm chưa bao giờ được thực tiễn xác nhận. Hơn nữa, khi nhấn mạnh sự cần thiết phải sử dụng bạo lực cách mạng của quần chúng, Lê-nin cũng như những người mác-xít chân chính không hề phủ nhận, trong những điều kiện nhất định, có thể tiến hành cách mạng bằng con đường hòa bình. Lê-nin từng nói đến việc tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự phát triển hòa bình của cách mạng. Tất nhiên, quá độ hòa bình lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình hết sức lâu dài và đầy khó khăn. Chủ nghĩa tư bản với lực lượng quốc tế của nó không bao giờ dễ dàng từ bỏ vị trí mà không chống lại. Trước bạo lực phản cách mạng, quần chúng lao động làm thế nào để giành thắng lợi nếu không sử dụng bạo lực cách mạng?

Phải chăng Cách mạng Tháng Mười Nga là "đề non" ?

Với chúng ta, Cách mạng Tháng Mười Nga mãi mãi là câu trả lời *lịch sử* của loài người tiến bộ đối với *cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản* nổ ra hồi đầu thế kỷ. Nó chứng tỏ chủ nghĩa tư bản đã bị loài người lên án và sớm muộn sẽ phải nhường chỗ cho một chế độ xã hội *mới*, tốt đẹp hơn, là *chủ nghĩa xã hội*. Thật vậy, chỉ vì muốn giành phần hơn trong việc phân chia lại toàn bộ lãnh thổ thế giới đã bị chủ nghĩa đế quốc thống trị, các nước đế quốc đã gây ra cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), đẩy nhân dân các nước khắp các châu lục vào cuộc chém giết chưa từng thấy. Để chặn đứng cuộc tàn sát khủng khiếp ấy, chỉ có cách là biến cuộc chiến tranh đế quốc diễn ra ở các nước có điều kiện chín muồi thành nội chiến cách mạng. Ở Nga lúc đó, theo Lê-nin, đã có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những điều kiện đó là : 1) Chính quyền trong tay Nga hoàng và bọn Kê-ren-xki đã thối nát và sa đọa tới cực độ. 2) Công nhân, nông dân và thợ thủ công đã bị bóc lột tới cùng cực, không

thể chịu thêm được nữa. 3) Giai cấp công nhân ở Nga đã trưởng thành, và xét theo tiêu chuẩn quốc tế, nó là giai cấp vô sản đã phát triển, chứ không phải chỉ là "giai cấp vô sản chân trần" như có kẻ nói bừa. Hơn nữa, nó rất quyết tâm và đủ năng lực lãnh đạo nhân dân Nga làm cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng Tháng Mười Nga đã nổ ra và thắng lợi trong điều kiện như vậy, chứ đâu phải là "đề non" như có ai đó nói.

Phải chăng Cách mạng Tháng Mười đã chết ?

Dựa vào sự đổ vỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu để cho rằng Cách mạng Tháng Mười Nga đã chết, những thành quả của nó trên nửa thế kỷ đã tan biến, chẳng còn mấy may ý nghĩa tích cực nào, v.v. và v.v. chỉ là sự quy chụp vô đoán, hoàn toàn sai lầm về phương pháp luận triết học và lô gích học. Bởi vì, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga và sự đổ vỡ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đều nằm trong cùng một phạm trù.

Chúng ta hiểu rằng, sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu cùng với sự chứng lại sau đó của phong trào cộng sản thế giới, đã ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và của các dân tộc đang đấu tranh cho hòa bình và tiến bộ xã hội. Sự thất bại này thực tế đã làm cho khó khăn của chúng ta tăng lên gấp bội, làm cho bước tiến của chủ nghĩa xã hội trên thế giới bị chậm lại. Song điều đó tuyệt nhiên không phủ nhận ý nghĩa lịch sử vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười Nga. Cách mạng Tháng Mười Nga vẫn là đầu tàu của lịch sử, vẫn là cái mốc bằng vàng chói lọi đánh dấu sự ra đời của một thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Bởi lẽ, con đường đi lên của cách mạng các nước có bao giờ thẳng tắp, trơn tru ? Lịch sử đã chứng minh: từ chế độ nô lệ, phong kiến đến chế độ tư bản, con đường đi lên của nhân loại thật quanh co khúc khuỷu, khi nhanh, khi chậm, thậm chí có lúc tạm dừng, đi xuống, nhưng nhìn chung vẫn là đi lên. Sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu cùng với sự chứng lại sau đó của phong trào cộng sản thế giới

chỉ là một trong những bước tạm dừng, đi xuống, của cả quá trình không ngừng đi lên của xã hội loài người. Hiện tượng này là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân. Tuy nhiên, có một nguyên nhân tương đối rõ, được dư luận nhất trí cao là : trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, bên cạnh những thành tựu vĩ đại có ý nghĩa quốc tế về nhiều mặt, còn có *những sai lầm chủ quan chậm được phát hiện và sửa đổi*. Đến khi nhận ra sai lầm và đi vào sửa đổi thì lại nóng vội, không có bước đi thích hợp, lại thiếu tỉnh táo để chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế lợi dụng, thực hiện được âm mưu "diễn biến hòa bình" cực kỳ thâm độc. Kết quả là ngay trong đảng cầm quyền, những kẻ ngấm ngấm hoặc công khai thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã có cơ hội tập hợp lực lượng, từng bước chiếm lĩnh những vị trí chủ chốt trong bộ máy đảng và nhà nước gây rối và làm tê liệt bộ máy đảng và nhà nước đến mức ngay những lực lượng tích cực, trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa cũng đành bó tay, không biết phản ứng như thế nào khi người ta công khai thỏa hiệp với kẻ thù, phát động một chiến dịch tổng lực rộng khắp phủ định sạch trơn những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Khi niềm tin của nhân dân đối với chủ nghĩa xã hội đã bị phá vỡ, sự việc phải xảy ra đã xảy ra : chế độ xã hội chủ nghĩa ở những nước này sụp đổ nhanh đến mức ngay những nhà chiến lược của chủ nghĩa đế quốc cũng phải bàng hoàng...

Sự đổ vỡ một mảng lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực là một tổn thất hết sức nặng nề đối với phong trào cách mạng trên toàn thế giới, nhưng nó hoàn toàn không có nghĩa là những thành quả và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười từ nay không còn gì. Thực tế sự nghiệp của Cách mạng Tháng Mười vẫn đang sống trong lòng nhân dân ngay tại các nước mà chế độ xã hội chủ nghĩa đã bị đổ vỡ. Bằng chứng là ở đây những người cộng sản và lực lượng cánh tả ngày càng lấy lại được niềm tin trong quần chúng. Tại các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, sự nghiệp của Cách mạng Tháng Mười vẫn đang sống và phát triển trong sự nghiệp cải cách, đổi mới nhằm khẳng định

những giá trị đích thực của Cách mạng Tháng Mười và con đẻ của nó là chủ nghĩa xã hội hiện thực sống động.

*
* *

Cách mạng Tháng Mười Nga thành công đã chọc thủng một trong những dinh lũy kiên cố của chủ nghĩa tư bản, bác bỏ câu chuyện hoang đường cho rằng trật tự xã hội của chủ nghĩa tư bản là tồn tại vĩnh viễn. Hơn nửa thế kỷ qua, theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga, hàng loạt nước đã đứng lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, tạo thành hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới nằm trên cả ba châu lục Âu, Á, Mỹ với số dân bằng 1/3 số dân thế giới. Nó đã góp phần cổ vũ lớn lao các dân tộc thuộc địa và các nước phụ thuộc đứng lên lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, bước vào con đường phát triển độc lập, và một bộ phận tiên tiến trong họ ngày càng thừa nhận xu hướng xã hội chủ nghĩa là xu hướng của thời đại.

Cùng với những thành tựu không thể phủ nhận được của hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã và đang ảnh hưởng quyết định đến những điều kiện đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản vì lợi ích trước mắt và những mục tiêu lâu dài của mình; giúp họ đạt được những thắng lợi quan trọng trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chính những thắng lợi đó đã và đang buộc chủ nghĩa tư bản *một mặt* phải không ngừng tự thay đổi, điều chỉnh phương thức bóc lột và biện pháp đối xử với giai cấp công nhân và các dân tộc phụ thuộc hòng xoa dịu những mâu thuẫn trong xã hội; *mặt khác*, phải không ngừng cố gắng tận dụng những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới nhằm giữ vững những ưu thế trong lĩnh vực sản xuất vật chất, không để chủ nghĩa xã hội vượt mình trong lĩnh vực này. Có thể nói, chủ nghĩa tư bản có được bức tranh như hôm nay cũng là nhờ có phần đóng góp trực tiếp và gián tiếp rất quan trọng của Cách mạng Tháng Mười Nga. Cách mạng Tháng Mười Nga đã và mãi mãi vẫn là động lực của sự tiến bộ xã hội □

GIÁ TRỊ BỀN VỮNG CỦA MỘT ĐẢNG KIỂU MỚI THEO TƯ TƯỞNG CỦA LÊ-NIN

NGUYỄN QUANG DƯ*

HỌC thuyết về đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân do Lê-nin đề ra là một trong những di sản vô giá, đã trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước, nhằm xóa bỏ thế giới cũ đầy áp bức, bất công, xây dựng thế giới mới vì hạnh phúc và phẩm giá con người.

Vận dụng và phát triển sáng tạo những tư tưởng của Lê-nin về xây dựng một đảng kiểu mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng lập và rèn luyện Đảng ta thành một đảng cách mạng chân chính, bộ tham mưu sáng suốt và kiên cường của giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam. 65 năm qua, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay đang đặt ra hàng loạt vấn đề mới mẻ, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Đảng phải đổi mới nhận thức và phải được bổ sung bằng những kiến thức của thời đại. Song, những nguyên tắc cơ bản về một đảng kiểu mới, chân chính, cách mạng mà Lê-nin đã đặt nền móng vẫn là cơ sở trong quá trình đổi

* PTS triết học, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

mới và chỉnh đốn đảng, làm cho Đảng ta vươn lên có đủ trí tuệ, bản lĩnh và năng lực đáp ứng yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn cách mạng mới.

Hệ thống tư tưởng của Lê-nin về xây dựng một đảng kiểu mới rất phong phú, song nổi bật nhất là những vấn đề cơ bản sau đây mà theo tôi vào thời điểm hiện nay chúng ta rất cần nhắc lại :

1 - *Đảng kiểu mới phải là một đảng thật sự cách mạng, thật sự cộng sản.*

Phát triển sáng tạo tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n, Lê-nin đã xây dựng nên học thuyết về đảng cách mạng của giai cấp công nhân, và xây dựng trong thực tế một đảng mác xít của giai cấp công nhân Nga, với sứ mệnh lịch sử là lực lượng lãnh đạo thực hiện bước quá độ cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Người sớm nhìn thấy ở đảng vô sản cái đòn bẩy có khả năng làm "đảo lộn nước Nga", cải tạo cả chế độ xã hội. Để thực hiện được sứ mệnh lịch sử cao cả đó, theo Người cần phải có một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, thật sự cách mạng, thật sự cộng sản, thay thế cho những đảng kiểu cũ.

Lê-nin đã cho rằng cơ sở đầu tiên làm nên bản chất của đảng kiểu mới, bảo đảm cho nó mang tính cách mạng, tính cộng sản là ở tính chất vô sản nghiêm túc và tính độc lập về giai cấp. Đảng cộng sản là hình thức cao nhất của tổ chức giai cấp, có vai trò lãnh đạo, chỉ đường đối với các tổ chức khác của giai cấp vô sản và của nhân dân lao động.

Cần giữ cho tổ chức đảng thật sự mang tính cách mạng, thực sự mang tính cộng sản. Không có gì nguy hiểm hơn đối với một đảng cộng sản là sự không ổn định về tư tưởng, rệu rã về tổ chức, và để những phần tử cơ hội chủ nghĩa chui vào đảng. Kinh nghiệm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hơn 70 năm qua chứng tỏ,

những thất bại, đổ vỡ, những sai lầm và khuyết điểm của các đảng công nhân thường là hệ quả của tình trạng rệu rã từ trong đảng, tình trạng xa rời lập trường giai cấp công nhân, thiếu tính kiên quyết và không có kỷ luật, thậm chí tồn tại ở trong đảng những con người thù địch với giai cấp công nhân.

Trong tác phẩm *Những người "bạn dân" là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao?*, Lê-nin đã đề ra nhiệm vụ cơ bản và cấp bách cho phong trào cách mạng Nga lúc bấy giờ là phải xây dựng một đảng mác xít của giai cấp công nhân - lực lượng tiên tiến cách mạng của xã hội.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, cũng như trong nhiều tác phẩm, Lê-nin thường xuyên trở lại vấn đề này. Đặc biệt, trong điều kiện của nước Nga lúc bấy giờ, vấn đề giữ vững bản chất giai cấp công nhân của đảng trở thành một nhiệm vụ cấp bách. Đảng cộng sản Nga trở thành đảng lãnh đạo chính quyền, khi trong đảng chưa thanh toán hết mọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa. Hơn nữa, kẻ thù của giai cấp vô sản bằng mọi thủ đoạn ráo riết tìm cách chống lại cách mạng, hòng làm suy yếu đảng cộng sản. Vì vậy, Lê-nin đã kiên trì phấn đấu để xây dựng và bảo vệ Đảng ; đồng thời đề ra những quy định và điều kiện cần thiết để có thể dựng một "bức chắn" vững chắc ngăn ngừa những người không đủ tư cách tràn vào đảng.

Lê-nin luôn luôn coi trọng "chất lượng gấp 10 - 100 lần số lượng", mà trước hết là giữ vững tính chất công nhân của đảng, loại trừ thường xuyên và có hệ thống những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi đảng, làm cho đảng thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

2 - *Đảng phải có lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong.*

Trước khi thành lập ở Nga một đảng cách mạng của giai cấp công nhân, Lê-nin đã chuẩn bị cho nó những tiền đề cần thiết về tư tưởng, lý luận. Dựa vào học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n, dựa vào kinh nghiệm của phong trào công nhân quốc tế và thực tiễn phong trào công nhân Nga, Lê-nin đã phê phán chủ nghĩa xã hội - dân túy tiểu tư sản, đấu tranh không khoan nhượng chống lại các trào lưu tư tưởng cải lương và các trào lưu cơ hội chủ nghĩa khác.

Lê-nin cho rằng, không có đấu tranh về tư tưởng và lý luận thì không thể bảo đảm sự kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào giải phóng, không thể có một đường lối độc lập cho giai cấp vô sản. Chính vì vậy, đảng phải lấy lý luận tiên phong làm gốc, hướng dẫn thì mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong.

Cơ sở cho sự hình thành lý luận của một đảng cách mạng của giai cấp công nhân bắt nguồn từ yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, từ sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản.

Lê-nin đặc biệt chỉ ra ý nghĩa vĩ đại của lý luận cách mạng đối với đảng của giai cấp công nhân. Người nhấn mạnh: "Không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh, nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa lại, để họ rút ra từ trong lý luận đó tất cả những tín điều của họ và đem áp dụng lý luận đó vào những phương pháp đấu tranh và phương sách hành động của họ" (1).

Chúng ta đều biết, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa của người công nhân, người vô sản không hình thành một cách tự phát mà do công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục lý luận. Nhưng dừng lại ở đây vẫn chưa đủ. Giáo dục tư tưởng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa không chỉ ở chỗ vũ trang cho họ những hiểu biết về cách mạng, về chủ nghĩa cộng sản mà còn làm cho họ có thể "vận dụng những nguyên tắc của chủ nghĩa cộng

sản trong thực tế" (2). Xuất phát từ yêu cầu đó, Lê-nin càng đặc biệt coi trọng công tác lý luận, công tác tư tưởng.

Lê-nin cho rằng, không có hệ tư tưởng chung chung, mà bất cứ một hệ tư tưởng nào cũng mang tính giai cấp. Chính vì vậy, việc hạ thấp vai trò của đảng, coi nhẹ công tác lý luận, tư tưởng, xa rời hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều có nghĩa là tăng cường hệ tư tưởng tư sản. Trách nhiệm của đảng, chính là phải kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội, đấu tranh không khoan nhượng chống hệ tư tưởng tư sản, giáo dục ý thức giác ngộ chính trị cho giai cấp công nhân.

Mặt khác, tính tư tưởng, tính lý luận của đảng cộng sản còn được thể hiện ở tinh thần đấu tranh kiên quyết với những hiện tượng tiêu cực, tàn dư của quá khứ trong ý thức con người. Theo Lê-nin, đó cũng là cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh để củng cố vị trí của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Người chỉ rõ, trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giai cấp phải là bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động chống lại những bộ phận, tầng lớp công nhân cứ khư khư giữ mãi những thói quen của chủ nghĩa tư bản, của xã hội cũ.

Để thực hiện được mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong cuộc đấu tranh về lý luận, tư tưởng, sự thống nhất về tư tưởng của đảng là hết sức quan trọng. Trên thực tế, mọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa, cùng các thế lực chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội thường xuyên tấn công quyết liệt, chia rẽ nhón vào đảng cộng sản, nhằm tước bỏ nội dung cách mạng của chủ nghĩa Mác, thủ tiêu sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Chúng thường sử dụng

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 4, tr 232

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 39, tr 406

những phương tiện, công cụ khác nhau, nhằm trước hết là đánh vào nền tảng tư tưởng của đảng, gây rối, chia rẽ, tạo ra sự phân hóa từ trong đảng.

Tình trạng tan rã của Đảng cộng sản Liên xô và các đảng cộng sản ở các nước Đông Âu do nhiều nguyên nhân. Song, có một nguyên nhân là các đảng đó buông lỏng công tác lý luận, tư tưởng, xa rời lập trường giai cấp công nhân, để cho một số phần tử cơ hội phá hoại từ trong nội bộ đảng.

3 - Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân phải là tổ chức hết sức chặt chẽ.

Lê-nin cho rằng, trong quá trình đấu tranh cách mạng, sự thống nhất về tư tưởng của Đảng là điều hết sức quan trọng, nhưng đảng cần phải có sự thống nhất về tổ chức.

Những nguyên tắc về tổ chức của Đảng cộng sản đã được Mác, Ăng-ghe-nơ đưa ra trong *Đồng minh những người cộng sản*. Lê-nin đã đấu tranh để bảo vệ và phát triển những nguyên tắc cơ bản đó. Người khẳng định : không thể lẫn lộn đảng, với tư cách là bộ phận tiên tiến của giai cấp với toàn bộ giai cấp. Là hình thức cao nhất của tổ chức giai cấp, trước hết, đảng phải là hiện thân của sự thống nhất chặt chẽ về tổ chức.

Lê-nin đã nhiều lần nhấn mạnh, *tổ chức nhân sức mạnh của đảng lên nhiều lần*. Một đảng chỉ có được củng cố bằng sự thống nhất của tổ chức mới có thể bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng, ý chí và hành động. "Tính tự giác của đội tiên phong còn biểu hiện ở chỗ là nó biết tự tổ chức. Mà sau khi đã được tổ chức, nó có *một ý chí thống nhất*, và ý chí thống nhất ấy của một nghìn, một trăm nghìn, một triệu người tiên tiến sẽ *trở thành ý chí của giai cấp*"⁽³⁾.

Đối với một đảng cộng sản, không có gì nguy hiểm hơn là tình trạng pha trộn những người có tổ chức với những phần tử vô tổ chức, những người phục tùng sự lãnh

đạo với những phần tử không phục tùng sự lãnh đạo, những người tiên tiến với những kẻ lạc hậu. Lê-nin cho rằng, sự lẫn lộn đó là tai hại và nguy hiểm đối với đảng.

Nguyên tắc cơ bản chỉ đạo trong việc xây dựng tổ chức và hoạt động của đảng là *nguyên tắc tập trung dân chủ*. Đây là thuộc tính vốn có của đảng, được quy định bởi địa vị của giai cấp công nhân trong xã hội. Lê-nin nhấn mạnh : không thể tưởng tượng được một đảng cách mạng chân chính lại không có tập trung và không có cả dân chủ. Không có tập trung thì đảng có nguy cơ trở thành một tổ chức biệt phái xa lạ, thiếu sự thống nhất ý chí và hành động. Không có dân chủ, đảng sẽ có nguy cơ thoái hóa thành một tổ chức quan liêu.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, các đảng cách mạng của giai cấp công nhân một khi đã xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ, mỗi đảng viên và mỗi tổ chức của đảng chỉ hoạt động theo ý mình, không quan tâm đến các nghị quyết đã được tập thể nghiên cứu và quyết định, coi thường đa số thì không thể nói tới sự thống nhất hành động trong đảng.

Kẻ thù của giai cấp vô sản, bọn cơ hội chủ nghĩa đủ mọi màu sắc thường vu cáo đảng cộng sản thực hiện tập trung dân chủ là độc đoán, chuyên quyền. Chúng khuyến khích và ra sức tuyên truyền cho đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Chúng cho rằng đảng nào cũng phải có nhiều đối trọng cạnh tranh mới là dân chủ. Chúng đòi đảng phải mở rộng cửa, thực hiện dân chủ không có giới hạn v.v.. Thực chất, kẻ thù của giai cấp vô sản muốn biến đảng thành "câu lạc bộ cãi vãi" để chia rẽ, phá hoại từ bên trong nội bộ đảng, làm cho đảng mất hết khả năng thống nhất ý chí, hành động và dẫn đến tự tan rã về tổ chức.

(3) *Sđd*, t 24, tr 47 - 48

Đảm bảo được sự thống nhất trong những vấn đề cốt yếu, những nguyên tắc căn bản về tổ chức, sẽ làm cho đảng vững vàng hơn, kiên định hơn trước mọi biến động của lịch sử, cũng như trước sự phá hoại của kẻ thù.

4 - Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân là hiện thân của mối liên hệ, gắn bó máu thịt với nhân dân.

Nếu cho rằng, đảng cộng sản chỉ với sức mạnh của riêng mình cũng có thể xây dựng được xã hội mới là phạm sai lầm nghiêm trọng. Lê-nin nói, những người cộng sản chỉ như giọt nước trong biển cả nhân dân và họ chỉ thắng lợi khi biết dẫn dắt quần chúng công nông, khi toàn thể quần chúng nhân dân lao động thực sự tin tưởng ở sự lãnh đạo của đảng.

Lê-nin luôn luôn đòi hỏi đảng cộng sản không những phải đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn đại biểu trung thành lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Theo Người, cắt đứt mối liên hệ với nhân dân là một trong những tai hại lớn nhất đối với đảng, có khả năng bóp chết sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản. Chính vì vậy, trong khi giải quyết mọi nhiệm vụ, đảng kiểu mới của giai cấp vô sản phải luôn luôn dựa vào quần chúng, sống trong lòng quần chúng, biết rõ tâm trạng và giành được lòng tin tuyệt đối của họ. Mặt khác, năng lực sáng tạo to lớn của quần chúng nhân dân chỉ được phát huy và hướng thật sự vào tiến trình phát triển của xã hội khi được đảng lãnh đạo.

Đảng thường xuyên có mối liên hệ, gắn bó máu thịt với nhân dân được Lê-nin xem là vấn đề có tính nguyên tắc, vấn đề chiến lược của bất cứ một đảng công nhân cách mạng nào. Theo Người, quần chúng nhân dân bao giờ cũng là nguồn sức mạnh vô tận, sáng tạo, quyết định bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, quyết

định sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. "Chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân"⁽⁴⁾.

Lê-nin chỉ rõ, đảng cộng sản phải trở thành người lãnh đạo, cổ vũ và tổ chức cho sự sáng tạo ấy. Tùy theo những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà có những hình thức liên hệ giữa đảng với quần chúng khác nhau. Trong điều kiện nào thì kết quả của sự cải tạo, sự sáng tạo cũng tùy thuộc ở hứng thú và thái độ tự giác đối với sự cải tạo, sự sáng tạo. Việc thuyết phục để có thêm hàng triệu và hàng chục triệu người tin tưởng vào công việc ích lợi này là rất cần thiết.

Hơn 70 năm qua, nhờ vào sức mạnh cổ vũ, tổ chức, động viên to lớn, những tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã đoàn kết được hàng chục, hàng trăm triệu người lao động, cổ vũ họ đứng lên đấu tranh thoát khỏi chế độ áp bức, bóc lột, xây dựng xã hội mới. Không ít đảng công nhân đã giành và giữ được chính quyền. Tuy nhiên, cũng có một số đảng sau khi giành được chính quyền đã biến dạng, không còn giữ vững sự lãnh đạo, xa lánh nhân dân, đứng trên nhân dân, đi ngược lại lợi ích của nhân dân lao động.

Trong cuộc đấu tranh hiện nay, các nhà tư tưởng tư sản, bọn phản động vẫn chưa từ bỏ ý định dùng mọi thủ đoạn mua chuộc, tranh giành, lôi kéo quần chúng, tách quần chúng ra khỏi ảnh hưởng của đảng, nhằm cô lập đảng.

Những người cộng sản coi sứ mệnh của mình là phục vụ nhân dân. Một đảng chỉ thật sự là đảng cách mạng, chân chính, thật sự vững mạnh, tự biết nâng mình lên, xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp khi có sự gắn bó, liên hệ máu thịt với quần chúng nhân dân □

(4) Sđd, t 35, tr 64

CÔNG cuộc đổi mới ở nước ta do Đảng cộng sản Việt nam khởi xướng, diễn ra theo hướng mở rộng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa trong mọi mặt đời sống xã hội ; tăng cường quyền lực của nhân dân trong thực tế ; phát huy tính tích cực về chính trị, trách nhiệm công dân, tiềm năng trí tuệ và khả năng sáng tạo của mọi người; bảo vệ có hiệu quả các quyền và lợi ích chính đáng của con người ; thực hiện công

được những mục tiêu, lý tưởng của chủ nghĩa xã hội.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân lao động *thể hiện, tổ chức và thực hiện* quyền lực của mình thông qua các thiết chế khác nhau (nhà nước, các tổ chức xã hội, các hiệp hội nghề nghiệp) và các chế định chính trị xã hội đa dạng (dân chủ, pháp luật, pháp chế, dư luận xã hội...). Pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, gắn rất chặt với chế độ chính trị của xã hội, với chế độ dân chủ, với cơ chế quyền lực của nhân dân ; là phương thức, hình thức thể hiện và tổ chức thực hiện quyền lực đó trong thực tế.

VAI TRÒ PHÁP LUẬT TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYỀN LỰC CỦA NHÂN DÂN

VÕ KHÁNH VINH *

bằng xã hội... Điều đó đòi hỏi phải nhận thức đúng và sử dụng có hiệu quả chức năng, giá trị và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, đặc biệt trong việc thể hiện và thực hiện quyền lực của nhân dân.

Để giành được quyền lực thực sự, nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân mà hạt nhân lãnh đạo của nó là đảng cộng sản, phải tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ, lâu dài và đầy hy sinh. Quyền lực thuộc về họ là một *hiện thực lịch sử*, một *giá trị cao cả nhất* của chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, điều 2 Hiến pháp năm 1992 của nước ta đã long trọng ghi nhận : "Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức". Vấn đề đặt ra là, khi quyền lực đã thuộc về nhân dân thì phải làm thế nào để *thể hiện, tổ chức và thực hiện* quyền lực đó trong thực tế có hiệu quả nhất, đạt

Trong mối quan hệ với quyền lực nhân dân, pháp luật thể hiện tập trung ở

những điểm sau :

Thứ nhất, pháp luật là một trong những cơ sở chủ yếu của việc tổ chức và hoạt động của quyền lực nhân dân, của những bộ phận cấu thành cơ chế thực hiện quyền lực nhân dân. Nó là cơ sở pháp lý vững chắc, cơ bản để ghi nhận quyền lực thuộc về nhân dân, ghi nhận các chức năng, nhiệm vụ, nội dung và mục tiêu hoạt động của toàn bộ cơ chế thực hiện quyền lực nhân dân, điều chỉnh phạm vi hoạt động của các bộ phận trong cơ chế thực hiện quyền lực đó. Pháp luật là một trong những "mắt xích", "chất keo" liên kết tất cả những bộ phận, thiết chế và chế định khác nhau trong cơ chế quyền lực nhằm thực hiện một cách có hiệu quả quyền lực của nhân dân trong thực tế. Điều đó được thể hiện tập trung và khái quát nhất ở các chương I, VI, VII, VIII, IX và X Hiến pháp năm 1992 và được cụ thể hóa ở các Luật tổ chức Quốc hội.

* PTS luật học, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Thứ hai, pháp luật là một yếu tố, một thuộc tính không thể thiếu được của dân chủ xã hội chủ nghĩa ; và khi dân chủ xã hội chủ nghĩa được hiểu như một hình thức nhà nước trong đó tất cả quyền lực thuộc về nhân dân, thì pháp luật xã hội chủ nghĩa là một yếu tố, một đặc trưng, một thuộc tính của quyền lực nhân dân. Vì hoạt động tổ chức thực hiện quyền lực nhân dân dưới chế độ xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có dân chủ, nên phải tăng cường, triển khai và mở rộng dân chủ trong mọi mặt đời sống xã hội, phải mở rộng các quyền, tự do và nghĩa vụ của công dân cũng như các bảo đảm cho việc thực hiện chúng có hiệu quả trong thực tế. Việc tăng cường, triển khai và mở rộng dân chủ phải được tiến hành trên cơ sở pháp luật; các hình thức dân chủ, nội dung các quyền, tự do và nghĩa vụ của công dân cũng như các bảo đảm cho việc thực hiện chúng, phải được ghi nhận, thể hiện dưới hình thức pháp lý. Thiếu hình thức pháp lý thì không thể có việc ghi nhận một cách chính thức của nhà nước về các quyền, tự do và nghĩa vụ ; thiếu việc thường xuyên đưa pháp luật vào đời sống xã hội thì cũng không thể có việc thực hiện và bảo vệ các quyền và tự do đó của công dân. Như vậy, pháp luật có ý nghĩa đặc biệt to lớn đối với sự phát triển, mở rộng, củng cố và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tính tích cực về chính trị, tính sáng tạo và quyền làm chủ của nhân dân. Ngược lại, việc triển khai và mở rộng dân chủ trong mọi mặt đời sống xã hội lại củng cố cơ sở pháp luật và trật tự pháp luật, làm phong phú thêm các quyền, tự do của công dân và các bảo đảm thực hiện chúng. Trong một đất nước, trạng thái và mức độ phát triển dân chủ có ảnh hưởng rất lớn đến trạng thái và mức độ phát triển của pháp luật, là điều kiện bảo đảm cho trạng thái và mức độ dân chủ hóa mọi mặt đời sống xã hội. Do vậy, dân chủ và pháp luật không thể tồn tại thiếu nhau. Dân chủ về chính trị

và pháp luật chân chính thể hiện bản chất sâu xa của chế độ xã hội chủ nghĩa là tất cả quyền lực thuộc về nhân dân.

Thứ ba, pháp luật là công cụ, phương thức thể hiện và thực hiện quyền lực nhân dân một cách rõ nét nhất, vì nó là phương tiện và cơ sở để ghi nhận, tổ chức, thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực của nhân dân và bảo vệ quyền lực đó. Nói cách khác, pháp luật là cơ sở và hình thức của việc tổ chức và hoạt động của cơ chế quyền lực nhân dân mà về cơ bản là cơ chế quyền lực nhà nước.

Việc ghi nhận quyền lực nhân dân và quyền lực nhà nước, ghi nhận mối quan hệ của quyền lực nhà nước với các quyền lực khác, ghi nhận các mục đích, nhiệm vụ và nội dung của quyền lực nhà nước đều phải dựa vào hình thức pháp lý. Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Quyền lực, quan hệ quyền lực, việc phân công, phân nhiệm trong việc thực hiện quyền lực không thể không gắn với những phạm trù pháp lý nhất định. Xuất phát từ lợi ích của mình, mỗi giai cấp cầm quyền đều đưa ra đòi hỏi ghi nhận về mặt pháp lý đối với quyền lực của mình thông qua việc nhà nước ban hành các đạo luật ghi nhận quyền lực đó.

Pháp luật là cơ sở để nhân dân dựa vào đó và dưới hình thức đó, tổ chức quyền lực nhà nước bằng cách hình thành các thiết chế và thông qua đó, sử dụng quyền lực của mình. Pháp luật đóng vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức cơ chế quyền lực nhà nước và phân định quyền lực, chức năng giữa các bộ phận cấu thành của cơ chế đó. Việc tổ chức cũng như quy định các chức năng, nhiệm vụ của hệ thống các cơ quan quyền lực nhà nước từ Quốc hội đến Hội

đồng nhân dân các cấp ; việc tổ chức cũng như quy định chức năng, nhiệm vụ của hệ thống các cơ quan chấp hành, điều hành từ Chính phủ đến Ủy ban nhân dân các cấp ; việc tổ chức cũng như quy định chức năng, nhiệm vụ của hệ thống các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát từ trung ương đến địa phương, tất cả đều phải dựa vào hình thức pháp luật, trên cơ sở pháp luật. Mặt khác, việc phân quyền và mối quan hệ giữa các hệ thống các cơ quan nói trên trong việc thể hiện quyền lực nhân dân, cũng được hình thành trên cơ sở của chế độ pháp luật.

Việc thực hiện quyền lực nhà nước ở trong nước và trên trường quốc tế, tức là hoạt động thực hiện quyền lực của cơ chế quyền lực nói trên và các bộ phận của nó trong một chỉnh thể vì những mục đích chính trị xã hội nhất định, bao giờ cũng được tiến hành trên một chế độ pháp luật nhất định. Quyền lực nhà nước được thực hiện bằng những thiết chế khác nhau (các cơ quan nhà nước), dưới những hình thức dân chủ khác nhau (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp), bằng các phương thức khác nhau (tư tưởng, tổ chức...). Những hình thức hoạt động thực hiện quyền lực của các thiết chế nói trên và những phương thức mà chúng sử dụng để thực hiện chức năng quyền lực của mình, hoặc những hình thức nhân dân tham gia vào hoạt động của các thiết chế nói trên nhằm thực hiện quyền lực của mình, đều phải dựa vào một chế độ pháp luật nhất định.

Để việc thực hiện quyền lực nhân dân không chệch khỏi những mục đích, lý tưởng chính trị xã hội đã được xác định ; để việc thực hiện quyền lực nhân dân có hiệu quả, đáp ứng ý chí, nguyện vọng và lợi ích của nhân dân, điều cần thiết là có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực trong thực tế. Những hình thức và biện pháp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền lực của toàn bộ cơ chế quyền lực, của từng bộ phận trong cơ chế đó và ngay cả việc nhân dân

trực tiếp tham gia thực hiện quyền kiểm tra, giám sát của mình đối với cơ chế thực hiện quyền lực, đều phải được pháp luật quy định.

Quyền lực nhân dân sau khi được thiết lập và trong quá trình thực hiện nó, cần được bảo vệ. Có nhiều biện pháp (tổ chức, tư tưởng, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế...) để củng cố và bảo vệ quyền lực của nhân dân. Trong các biện pháp đó, pháp luật đóng vai trò quan trọng, vì mọi hoạt động nhằm củng cố và bảo vệ quyền lực nhân dân, chống những hành vi xâm phạm ở những mức độ khác nhau, đều được tiến hành trên cơ sở pháp luật và tuân theo pháp luật.

Với tính cách là một phương thức thể hiện và thực hiện quyền lực của nhân dân, pháp luật có nhiệm vụ tạo ra một môi trường luật làm cơ sở cho việc thể hiện, tổ chức, thực hiện, kiểm tra, giám sát và bảo vệ quyền lực của nhân dân một cách có hiệu quả nhất. Xét ở khía cạnh này, trong điều kiện đổi mới vừa qua và hiện nay, pháp luật của nước ta đang được đổi mới, sửa đổi để ngày càng đáp ứng nhu cầu tăng cường quyền lực của nhân dân. Việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng tăng cường quyền lực của nhân dân ở nước ta đã, đang và cần được tiến hành theo *các hướng cơ bản* sau :

1 - Tiếp tục bổ sung, từng bước hoàn thiện *Hiến pháp* - đạo luật cơ bản của nhà nước - làm cơ sở cho việc đổi mới, hoàn thiện một loạt các ngành luật và hệ thống pháp luật nói chung ;

2 - Bổ sung *những luật về tổ chức và hoạt động của những bộ phận thuộc cơ chế quyền lực nhà nước*, cụ thể là của các cơ quan thực hiện quyền lực của nhân dân (Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp) ; của các cơ quan chấp hành, điều hành (Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp) ; của các cơ quan tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát). Các văn bản pháp luật theo hướng này

tạo ra cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quyền lực của nhân dân ; phân biệt rõ về mặt pháp lý chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, giới hạn hoạt động của các cơ quan, bộ phận cấu thành cơ chế thực hiện quyền lực nhân dân.

3 - *Có thêm những luật về tổ chức và hoạt động của các thiết chế và chế định dân chủ về chính trị* (Luật về giám sát Hiến pháp, Luật về Hiệp hội, Luật về trưng cầu ý dân) và các luật quy định các quyền và tự do của công dân. Loại pháp luật này có nhiệm vụ tạo ra những cơ sở pháp luật cho việc hình thành và hoạt động của những thiết chế, chế định dân chủ mới về chính trị ; là cơ sở để lôi cuốn tất cả các tầng lớp dân cư khác nhau tham gia quản lý xã hội, quản lý nhà nước, giám sát, kiểm tra hoạt động của các thiết chế khác nhau trong hệ thống chính trị nhằm thực hiện đầy đủ quyền lực nhân dân. Điều này có ý nghĩa to lớn trong việc mở rộng và phát huy tính tích cực của các hiệp hội, của các tổ chức xã hội và các tầng lớp dân cư khác nhau trong đời sống chính trị của xã hội, trong việc thực hiện quyền lực nhân dân.

4 - *Hoàn thiện những luật về bảo vệ các quyền, tự do và lợi ích chính đáng của công dân.* Tổ chức và hoạt động của cơ chế thực hiện quyền lực nhân dân phải hướng đến con người, vì con người, bảo vệ con người, bảo vệ các quyền, tự do, nhân phẩm và danh dự của họ. Do vậy, loại pháp luật này có nhiệm vụ tạo ra những bảo đảm pháp luật cho công dân bảo vệ có hiệu quả nhất các quyền, tự do và lợi ích của mình khỏi sự xâm hại của những hành vi vi phạm pháp luật và đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng, với tình hình tội phạm và các hành vi độc quyền và chuyên quyền. Ở đây bao gồm cả những pháp luật vật chất và pháp luật tố tụng liên quan đến việc bảo vệ các quyền, tự do và lợi ích của con người □

Một vài suy nghĩ VỀ PHẬT GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN TÀI THƯ - HỒ TRỌNG HOÀI

PHẬT giáo là tôn giáo lớn nhất ở nước ta hiện nay. Trong khi tín đồ Thiên chúa giáo có 5 triệu, Cao đài có 2,5 triệu, Hòa hảo có 1,5 triệu, Tin lành có 0,5 triệu thì Phật giáo có đến 10 triệu tín đồ ⁽¹⁾. Nếu cộng thêm cả những người tu tại gia mà không kê khai là phật tử, những người đi hành hương và đến chùa chiền lễ bái không đều thì con số người theo đạo Phật còn lớn hơn nhiều.

So với các tôn giáo khác trên lãnh thổ nước ta thì Phật giáo có lịch sử lâu đời hơn cả. Nó được truyền vào ta từ đầu Công nguyên, đến thế kỷ II đã có một vị trí đáng kể trong tín ngưỡng và sinh hoạt tinh thần ở thủ phủ Luy lâu (Thuận thành, Hà bắc ngày nay).

Để được như ngày nay, Phật giáo Việt nam đã trải qua nhiều lần đổi mới cả về nội dung và hình thức sinh hoạt. Không nói các thời xa xưa, chỉ nói từ đầu thế kỷ tới nay, trong nội bộ Phật giáo đã có sự cải cách và đổi mới không ngừng, như phong trào chấn hưng Phật giáo (ở các thập kỷ 20 và 30), phong trào bảo vệ "Phật pháp" (ở những năm 60 và đầu những năm 70)... Sự đổi mới

(1) Theo báo cáo của Ban dân vận trung ương, Ban tôn giáo Chính phủ

đó còn tiếp tục cho đến ngày nay và thể hiện rõ nét trong các quan niệm, chủ trương về tôn giáo và hoạt động tôn giáo.

Sau ngày đất nước thống nhất, nói chung giới Phật giáo đều thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách về tôn giáo của Đảng và Chính phủ, các chủ trương của giáo hội Phật giáo Việt nam. Tuy vậy, cũng còn một số ít người có quan niệm khác về tự do hoạt động tôn giáo, về nhân quyền..., do đó đã gây những rắc rối nhất định trong xã hội, khiến cho không ít người phải băn khoăn, lo lắng.

Tình hình trên đặt ra những vấn đề thuộc lĩnh vực nhận thức có tính cấp bách. Chẳng hạn, Phật giáo liệu có giúp ích gì cho xã hội hiện đại ? Nếu có giúp ích thì thể hiện ở đâu ? Phật giáo có mặt hạn chế, vậy hạn chế đó biểu hiện thế nào ? Để Phật giáo phát triển bình thường, phải khắc phục những tồn tại gì ? Những vấn đề trên đang đòi hỏi một quá trình khảo sát, phân tích, đánh giá và giải quyết. Trong bài này, chúng tôi chỉ xin nêu *một vài suy nghĩ bước đầu*.

*
* *

Tồn tại hàng nghìn năm ở nước ta, Phật giáo đã qua nhiều bước thăng trầm, len lỏi khắp chốn từ nông thôn đến thành thị, trở thành một bộ phận không thể tách rời của sinh hoạt tinh thần trong truyền thống dân tộc. Chính truyền thống này tạo nên chất keo gắn bó Phật giáo với con người Việt nam hiện đại.

Điều quan trọng hơn, ngoài chức năng tôn giáo, Phật giáo còn là một *triết thuyết*, một triết thuyết khá sâu sắc. Chính vì vậy ở Ấn độ ngày nay tuy Phật giáo chỉ còn là

một tôn giáo nhỏ, nhưng những người Ấn có kiến thức đều tự hào về lý luận của nó. Ngay những nhà tư tưởng lớn của thế giới ngày nay, khi nói đến những triết thuyết sâu sắc của Ấn độ, đều không quên đề cập đến Phật giáo. Việt nam trong lịch sử đã dùng lý luận của Phật giáo để quan sát thế giới và con người, để hiểu được sự biến thiên của trời đất. Con người Việt nam ngày nay, dù đã có thể giới quan khoa học là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn đường, vẫn có thể từ trong lý luận của Phật giáo, tìm ra những điều có ích cho tư duy và hành động của mình. Và chính nhờ được trang bị thế giới quan khoa học đó, chúng ta phát hiện được những hạt ngọc của Phật giáo mà trước đây nhiều bậc tiền bối chưa thấy được.

Có thể nói, lý luận của Phật giáo gồm một hệ thống *thế giới quan* và *nhân sinh quan* có kết cấu khá chặt chẽ ; mỗi bộ phận có chức năng riêng nhưng lại là tiền đề và hệ quả của nhau. Vì vậy, chỉ được xem là đầy đủ nếu xét cả thế giới quan và nhân sinh quan của nó.

Thế giới quan Phật giáo bao gồm các lý thuyết về *nhân duyên*, *nhân quả*, về *vô thường*, *vô ngã*, về *nghiệp báo luân hồi*, v.v.. Mỗi thuyết đều chứa đựng một nội dung nhìn nhận về thế giới.

Thuyết "nhân duyên" cho rằng, nhân duyên hòa hợp tạo nên tất cả. Trong đó, *nhân* là cái sinh ra quả, *duyên* là điều kiện để nhân trở thành quả ; hạt là nhân làm nên cây, nhưng để hạt trở thành cây thì phải có những điều kiện như : độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng, công chăm sóc nhất định. Và để phát triển thuyết "nhân duyên", Phật giáo nêu lên thuyết "nhân quả" với nội dung : nhân nào quả nấy, trồng dưa thì được dưa, trồng đậu

thì được đậu, và "nhân quả báo ứng", "nhân quả ba đời" (*tam thế nhân quả*), nói lên việc làm nào cũng có kết quả tương ứng, thiện giả thiện báo, ác giả ác báo. Thuyết "nhân duyên", "nhân quả", "nhân quả báo ứng" nói trên của nhà Phật cho thấy sợi dây liên hệ tất yếu giữa nhân và quả, giữa quá khứ và hiện tại, giữa hiện tại và tương lai. Mối liên hệ này không phải chỉ là sự tưởng tượng, mà còn là sự thực được quan sát, khái quát và nâng lên từ thế giới xung quanh con người.

Thuyết "vô thường" của nhà Phật nêu lên rằng, không có cái gì là *thường*, *hằng*, là *còn mãi*; trái lại, một sự vật và hiện tượng đều vận động không ngừng, biến đổi không ngừng; cái nào cũng đang trong tình trạng chuyển sang cái khác với mình. Chính vì vậy mà Phật giáo nói: "sát-na * vô thường", "niệm niệm vô thường", "chúng sinh vô thường", "chú pháp vô thường", v.v.. Và để nói rõ khái niệm "vô thường", Phật giáo còn đưa ra khái niệm "vô ngã", tức là "không có cái ta, cái thực thể nào hết", bởi vì cái đó là do những cái khác tạo thành và tự nó cũng đang chuyển thành cái khác với nó. Thuyết "vô thường", "vô ngã" cho thấy mối liên hệ và chuyển hóa biện chứng giữa các sự vật và hiện tượng.

Thuyết "nghiệp báo luân hồi" của Phật giáo cho thấy số phận của con người là do con người quyết định; số phận đó không phải chỉ có một kiểu, một loại, mà có thể là kiểu này hay kiểu khác, loại này hay loại khác, tùy theo ý nghĩ, lời nói và việc làm của mình, tùy theo tác động của ý nghiệp, khẩu nghiệp và thân nghiệp mà tạo nên.

Các lý thuyết vừa nêu trên ít nhiều mang tính chất thần bí, hư vô và bịa đặt. Nhưng về cơ bản là *đúng* với sự diễn biến

của thế giới. Bởi vì, chúng được khái quát lên từ thế giới hiện thực, vì chúng là cái phản ánh của thế giới hiện thực. Chúng có ý nghĩa tích cực nhất định, vì nhắc nhở con người phải chú ý và thận trọng trong việc hình thành ý nghĩ, lời nói và hành động của mình, chú ý làm điều thiện. Chúng có thể trở thành công cụ để con người chủ động nhận thức thế giới, khỏi bỡ ngỡ trước sự thay đổi của ngoại cảnh, và từ đó có thể nâng cao phong cách sống, thái độ sống của mình.

Nhân sinh quan Phật giáo là một hệ thống gồm các quan điểm về con người, đời người, thể hiện trong 4 nguyên lý thần diệu cơ bản, gọi là "tứ diệu đế": *khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế*.

Bốn nguyên lý trên cho thấy đời người là khổ và khổ đó là do có các quá trình diễn ra trong bản thân con người (*sinh, lão, bệnh, tử*), do ham sống (*dục vọng*), do không sáng suốt (*vô minh*) đến nỗi phải rơi vào vòng luân hồi. Và điều kiện để thoát khổ là đi vào cõi hư vô tịch diệt (*niết bàn*), nghĩa là đi vào chỗ không phải làm người hoặc làm các sinh vật khác nữa. Cái hạn chế lớn của Phật giáo ở đây là không hề nói tới cái khổ do bị áp bức, bóc lột, do thiếu thốn về mặt vật chất và tinh thần; và do đó không chủ trương đấu tranh mà chỉ sống từ bi, cam chịu. Khổ này mang tính chất *bì quan, yếm thế, đậm nét phi nhân*. Đến nỗi một số người tu hành hiện nay cũng phải nói khác đi: "Con người ta có khổ nhưng cũng có sướng", và họ cầu mong cho con người đến được chỗ an lạc, chứ không phải đến chỗ không còn cái gì.

Tuy nhiên, nỗi khổ được miêu tả đó là hình ảnh của cái khổ hiện thực, bản thân nó

* Có nghĩa là "khoảnh khắc ngắn" - N.T.T.

đòi hỏi một trách nhiệm về đạo làm người. Đó là : không được làm ngơ trước cái khổ của người khác ; trái lại, phải dốc tâm, dốc sức cứu khổ, cứu nạn cho người ta. Đó cũng là *yêu cầu đối với mình* ; mình có làm thiện (thực hiện *ngũ giới, lục độ*) thì mới mong thoát được khổ. Ý nghĩa khách quan và cao cả của nhà Phật là ở chỗ đó.

Thế nhưng, phần lớn những người đi chùa ngày nay không biết đến thế giới quan và nhân sinh quan sâu xa đó của Phật giáo. Họ không biết sử dụng những yếu tố hợp lý của đạo Phật để làm lợi cho mình, cho người, cho nhà, cho nước. Không những thế, họ phụng sự Phật chỉ để cầu may, giải hạn, có phần mang tính vụ lợi nhất thời. Trong nhiều chùa có *hiện tượng* : bên cạnh bàn thờ Phật còn có việc xin thẻ, lấy số tử vi, đồng bóng, v.v.. Thậm chí có người đi chùa là để mong Phật che chở cho hành vi sai trái của mình ; trước bàn thờ Phật họ khẩn vái mong Phật làm cho công an, thuế vụ "có mắt như mù, có tai như điếc, có đầu như không", để việc làm phi pháp của họ được trót lọt, để họ được "trúng quả" trong cơ chế thị trường còn chưa đi vào trật tự. Những việc làm đó rõ ràng chỉ là phỉ báng Phật ; là hạ một tôn giáo có lý trí xuống hàng tín ngưỡng tầm thường và dung tục.

Phát huy những yếu tố tích cực của Phật giáo trong xã hội ngày nay, trước hết là trách nhiệm của giới tăng ni, phật tử. Nhưng do hoàn cảnh, do thói quen tín ngưỡng của họ mà có thể họ không thấy được đầy đủ những yếu tố hợp lý, không phân biệt được cái có giá trị và cái đã lỗi thời trong đạo mình. Chỉ có người đứng ở ngoài cuộc và trên tuyến đầu của cuộc sống xã hội mới có thể có cái nhìn khách quan và toàn diện đối với đạo Phật, mới có thể từ đó lựa chọn, cải

tạo và phát huy những yếu tố còn giá trị đối với ngày nay.

Ở nước ta, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, là học thuyết lãnh đạo đời sống tinh thần xã hội. Đây là định hướng cơ bản, là vấn đề có tính nguyên tắc đã được Đảng ta nhiều lần khẳng định. Tuy nhiên, Đảng ta cũng chỉ rõ rằng, đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta cần nghiên cứu gạn lọc, tiếp thụ mặt tích cực của các trào lưu tư tưởng khác để ngày càng làm phong phú thêm hệ tư tưởng của Đảng. Và chẳng, chính Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin, Hồ Chí Minh đã từng làm như vậy đối với học thuyết của mình.

Với tính chất là một tôn giáo, Phật giáo sẽ còn tồn tại lâu dài với dân tộc. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn còn phải có thời gian tiếp tục nhận thức và giải quyết, như vấn đề "nhập thế" của Phật giáo (tức mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị) ; quan niệm về đạo đức tôn giáo và đạo đức xã hội ; vấn đề niềm tin tôn giáo và niềm tin khoa học ; mối quan hệ giữa tín ngưỡng nói chung và những sinh hoạt văn hóa của nhân dân... Từng vấn đề, có dịp chúng tôi sẽ tiếp tục bàn sâu thêm. Nhưng một điều có thể thấy trước là, chỉ có đạo nào biết phát huy những giá trị chân chính trong lý thuyết của mình thì mới giữ được lòng tin của con người Việt nam hiện tại và tương lai; ngược lại, nếu nó chỉ thiên về việc đáp ứng những tâm lý thiển cận, tầm thường, thì không bao lâu nữa nó sẽ bị thời đại vượt qua. Trình độ khoa học và công nghệ ngày nay là phép thử hiệu nghiệm nhất để sàng lọc, giá trị của tất cả các trào lưu tư tưởng, các tín ngưỡng truyền thống, trong đó có Phật giáo □

QUA một thế kỷ tồn tại, nghệ thuật điện ảnh cùng với vô tuyến truyền hình đã trở thành một bộ môn nghệ thuật với hệ thống âm thanh và hình ảnh có sức mạnh chuyển tải tư tưởng, tình cảm, thông tin toàn diện và có hiệu quả nhất trong xã hội loài người. Nhiều nhà xã hội học qua các thống kê trên nhiều khu vực khác nhau của thế giới, đã phát hiện ra rằng : con người ngày càng tiếp thu thông tin và bổ sung các kiến thức văn hóa, khoa học, chính trị... của mình thông qua ngôn ngữ "nghe nhìn" nhiều hơn là thông qua ngôn ngữ "văn tự".

Hiện nay, với hệ thống máy vi-đê-ô tràn ngập các gia đình, với hệ thống máy thu hình qua dây cáp, qua ăng ten pa-ra-bôn, với hệ thống chiếu bóng liên hoàn với hàng chục buồng chiếu khác nhau, với hàng trăm kênh truyền qua vệ tinh xuống trái đất, hàng triệu, hàng triệu người ở khắp các nước trên thế giới có thể thường xuyên tiếp cận với những kiệt tác của điện ảnh thế giới. Chẳng thế mà ngày nay, chỉ sau khi ra đời một vài năm, điện ảnh các nước đã có đầy đủ khả năng trao đổi, buôn bán mang tính toàn cầu. Người ta đã tính, điện ảnh Mỹ chỉ thông qua hệ thống phim nhựa và băng hình xuất khẩu, đã thu được một khoản tiền khổng lồ, đứng vào hàng thứ hai trong giá trị xuất khẩu toàn quốc (vượt trên cả lợi nhuận thu được của ngành xe hơi).

Với ưu thế riêng của mình, kỹ thuật nghe nhìn có nhiều khả năng nhất vượt ra khỏi ranh giới các quốc gia để giao thoa, hợp tác, thâm nhập lẫn nhau. Và cũng chính vì thế,

ngành nghệ thuật này đòi hỏi một yêu cầu thiết thân là *giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc*. Đây là vấn đề có tính sống còn của các ngành nghệ thuật, nhưng riêng đối với điện ảnh thì lại trở thành vấn đề bức xúc phải giải quyết trên nhiều bình diện khác nhau: từ sáng tác kịch bản, đạo diễn, cho đến diễn viên ; từ ánh sáng, hội họa, âm nhạc cho đến tiếng động...

ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM TRƯỚC YÊU CẦU HỘI NHẬP VỚI ĐIỆN ẢNH THẾ GIỚI

• TRẦN ĐẮC •

ảnh Mỹ chèn ép. Ở châu Âu, để bảo vệ khả năng phát triển độc lập trong nghệ thuật nghe nhìn trước sự bành trướng và lũng đoạn của phim ảnh Mỹ, người ta đã đấu tranh đòi đặt thị trường điện ảnh và vô tuyến truyền hình ra ngoài hiệp định chung về thương mại do tổ chức GATT quy định... Mặt khác, chính châu Âu (nhất là Pháp) đã mở rộng việc cộng tác làm phim với hầu khắp các nước trên thế giới nhằm phát huy ảnh hưởng của mình. Tại châu Á - Thái bình dương, ba nền điện ảnh nổi tiếng Trung hoa, tuy vẫn cạnh tranh nhau kịch liệt về đề tài và về khối lượng phim sản xuất, nhưng cũng đã có nhiều hoạt động liên kết để làm những bộ phim "siêu đẳng" có khả năng thu hút thế giới. Trong thế giới A-rập, những người làm điện ảnh đang đấu sức cùng nhau tạo

Nhìn ra thế giới, chúng ta thấy nhiều hiện tượng đáng quan tâm, chẳng hạn ngay trong lòng kinh đô điện ảnh Hô-ly-út của Mỹ, đã có một vài hãng sản xuất phim lớn bị Nhật bản mua đứt. Trong khi đó, ở chính nước Nhật, nền điện ảnh dân tộc vẫn không tránh khỏi bị phim

* Đạo diễn điện ảnh

ra những bộ phim "rực lửa chiến đấu" nhằm thu hút hàng trăm triệu khán giả lâu nay vẫn bị điện ảnh ngoại lai mê hoặc. Ở châu Mỹ la tinh, các nền điện ảnh mạnh như Ác-hen-ti-na, Bra-xin, Mê-hi-cô, Cu-ba... đang cộng tác với nhau ngày càng chặt chẽ để phát triển yếu tố "hiện thực huyền ảo" vốn là nền tảng của văn học Mỹ la tinh từ ba thập kỷ nay. Châu Phi là lục địa nghèo cực nhất, cơ sở điện ảnh chưa có bao nhiêu, nhưng cũng đã biết tranh thủ tiền tài trợ và kỹ thuật nước ngoài để giữ vững ý đồ sản xuất điện ảnh độc lập. Mặc dù hằng năm chỉ sản xuất chừng vài ba bộ phim truyện dài, nhưng không ít phim châu Phi đã đoạt giải thưởng ở các liên hoan phim quốc tế Can, Vơ-ni-dơ, Béc-lin. Sau bộ phim của Ma-li được tuyển lựa vào thi chính thức ở Can năm nay, đạo diễn - tác giả Xu-lây-man Xít-xê đã tuyên bố rằng : theo quan điểm chung của toàn Hiệp hội các nhà điện ảnh châu Phi mỗi tác phẩm điện ảnh châu Phi dù được sản xuất từ nguồn tài trợ nào thì vẫn phải đặt vấn đề của toàn lục địa, chứ không chỉ chú ý đến những vấn đề riêng của đất nước hoặc bộ tộc mình...

Vậy là, trong điện ảnh thế giới ngày nay, người ta đã thống nhất quan niệm : *tính toàn cầu của điện ảnh chỉ có thể phát huy rộng khắp, khi những đặc điểm của từng nền điện ảnh quốc gia hay khu vực được khai thác và phát huy triệt để*. Và điều quan trọng hơn trong thế giới hiện đại là, phải từ những đặc điểm riêng biệt của từng quốc gia mà vươn tới tầm khái quát chung của toàn nhân loại. Nói rõ ràng hơn : phải biết kết hợp khăng khít giữa tính dân tộc và tính hiện đại trong từng tác phẩm điện ảnh. Những phim sản xuất độc lập của từng quốc gia hoặc những phim hợp tác giữa các quốc gia, đều phải vận dụng nhuần nhuyễn nguyên tắc đó mới mong thành công.

Ở Việt nam, từ thập kỷ sáu mươi đến nay, nhiều nhà điện ảnh thế giới cho rằng đây là xứ sở có nhiều ưu thế hợp tác làm

phim với nước ngoài. Bởi *thứ nhất*, Việt nam có lịch sử đấu tranh giành độc lập và tự do rất oanh liệt, đã từng nêu gương cho nhiều dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên giành quyền làm chủ vận mệnh của mình. *Thứ hai*, đây là quê hương từng bị chia cắt lâu dài nhưng cộng đồng người Việt nam bằng sức mạnh tổng hợp đã thống nhất quốc gia, xóa bỏ hận thù, hòa hợp cô kết, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Trong một thế giới liên tục xảy ra các cuộc đụng độ, đổ máu vì sắc tộc, vì tôn giáo, vì những tranh chấp nhỏ nhặt, thì Việt nam là nơi được nhân loại quan tâm, coi như một mẫu hình của sự đoàn kết vì hòa bình và sự tiến bộ xã hội.

Nhìn lại quá trình tiến triển của điện ảnh Việt nam, nhiều nhà điện ảnh quốc tế đã công nhận chúng ta có một số tác phẩm tốt, đậm đà bản sắc dân tộc, thể hiện được tính hiện đại như *Chim vành khuyên*, *Hai người lính*, *Mẹ vắng nhà*... Phim *Cánh đồng hoang* được cả Nhật bản, châu Âu và châu Mỹ coi là rất độc đáo Việt nam, không những bởi bối cảnh gọn người, mà còn có tầm khái quát cao về tương quan lực lượng giữa xâm lược và chống xâm lược bằng hình tượng điện ảnh chân thực, đầy sức thuyết phục. Những phim như vậy không ít, và từng đoạt giải thưởng cao ở các liên hoan phim quốc tế. Nhưng đó mới chỉ là những bộ phim gọn, nhẹ, chưa đủ quy mô để thể hiện khái quát tầm chân thực lịch sử của cuộc kháng chiến vĩ đại kéo dài trên ba chục năm do máy thế hệ của dân tộc Việt nam tiến hành. Có lẽ loài người tiến bộ vẫn chờ mong ở điện ảnh Việt nam trong thời kỳ đổi mới hiện nay có những tác phẩm tầm cỡ về cuộc chiến anh hùng ấy.

Thế nhưng, dường như chúng ta đang lãng phí và có nguy cơ để tuột khỏi tay một vốn quý tiềm tàng mà không phải nền điện ảnh nào cũng dễ dàng có được. Ở mảng này, dễ nhận thấy chính điện ảnh Việt nam lại đang sa lầy vào con đường mòn, sơ lược, một chiều ở cả nội dung và hình thức thể

hiện. Ở mảng đề tài phản ánh những vấn đề xã hội, do tác động của thị trường phim ảnh và băng hình xấu ngoại lai, phim ảnh Việt nam đã dần dần xa rời những định hướng đúng đắn, sa đà vào những chuyện tình éo le, mùi mẫn, với những mối quan hệ nửa phong kiến, nửa tư sản, trong những bối cảnh ăn chơi, sa đọa, làm sống dậy cả một thời xa lạ, mà chúng ta đã đấu tranh để xóa bỏ. Chính vì vậy, nhiều nhà điện ảnh quốc tế sang Việt nam nghiên cứu gần đây, đã chê phim Việt nam có phần sa sút hơn trước. Họ báo động với chúng ta rằng, có những nền điện ảnh càng sản xuất nhiều phim thì càng lún sâu vào vũng bùn "mất bản sắc dân tộc".

Phim tài liệu nghệ thuật của Việt nam vốn có đóng góp lớn với điện ảnh tài liệu quốc tế trong suốt thời kỳ kháng chiến chống ngoại xâm, nhưng đến thời "kinh tế thị trường" thì gần như "chết" hẳn ! Thật đáng suy nghĩ khi phim tài liệu đang phát triển vượt bậc cùng với đà bùng nổ thông tin trên toàn hành tinh thì ở Việt nam đang mất dần những đề tài quý báu của chính mình, thậm chí còn mất cả quyền đứng ra chủ động làm phim hợp tác.

Việt nam còn là đất nước có bề dày lịch sử, có nhiều phong cảnh đẹp, đa dạng, có nhiều truyền thuyết và chuyện cổ tích chưa được khai thác đưa vào điện ảnh. Không ít nhà làm phim nước ngoài muốn cộng tác với ta trong lĩnh vực này, nhưng chưa thể thực hiện nổi. Bởi chúng ta chưa có cơ sở khoa học để xác định rõ mẫu trang phục và kiến trúc phổ biến của từng triều đại, ở từng vùng đất đang trong, đang ngoài... Những bộ phim "dã sử" mà điện ảnh Việt nam sản xuất mấy năm gần đây, với những nhân vật vua chúa có thật, nhưng bị thể hiện sai lạc, đã làm mất lòng tin của khán giả Việt nam, và khiến cho nhiều nhà điện ảnh nước ngoài chán ngán, không muốn cộng tác.

*
* *

Trong hoàn cảnh còn thiếu thốn nhiều mặt thì con đường ngắn nhất để điện ảnh Việt nam có thể hội nhập được với điện ảnh thế giới, theo tôi, là chủ động chuẩn bị từng bước điều kiện, tiền đề để sẵn sàng hợp tác với bạn bè sáng tạo ra những bộ phim có chất lượng nghệ thuật cao với nội dung mang tầm dân tộc và thời đại. Trên con đường đó, điện ảnh Việt nam sẽ phát huy hết thế mạnh của mình, đồng thời học tập trực tiếp kinh nghiệm của những nền điện ảnh lớn trên thế giới, tháo gỡ dần khó khăn để tiến lên.

Muốn vậy, việc cần làm *trước tiên* là phải "xóc lại" đội ngũ : củng cố, xây dựng, đào tạo lại và đào tạo mới một lực lượng cán bộ có tầm tư tưởng đủ sức nhận thức được những vấn đề lớn của dân tộc và thời đại, một lực lượng giỏi tay nghề, thông thạo chuyên môn, nhạy cảm và nhanh chóng tiếp cận với kỹ thuật hiện đại. Một điều có thể thấy ngay là, điện ảnh thế giới từ mấy chục năm trước đã áp dụng kỹ thuật "thu thanh đồng thời", đến nay đã vươn lên dùng "âm thanh lập thể" (stereo), thì chúng ta hiện nay vẫn đang kéo kẹt ở trạng thái sử dụng "âm thanh đơn" (mono). Điều đó đã khiến ta bần khoản, nhưng điều đáng nói hơn là, cả bốn thế hệ diễn viên điện ảnh của ta đều chưa được huấn luyện để thu thanh theo phương pháp hiện đại, nên càng ngày càng phát triển tật xấu như không thuộc lời, nhịu giọng, phát âm tùy tiện, thiếu tình cảm...

Thứ hai, các chuyên gia của ngành cần tập trung sức rà soát lại toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật, có kế hoạch nâng cấp, nhập thiết bị mới để thay thế cơ sở vừa chắp vá vừa cũ nát từ bốn chục năm nay. Tiếp theo là xây dựng một cơ chế vận hành hiện đại đi liền với một cơ cấu tổ chức hợp lý để từng bộ phận, rồi tiến tới toàn bộ có thể nhịp bước cùng với trình độ chung của điện ảnh thế giới.

Thứ ba, về mặt luật pháp, chúng ta phải nhanh chóng xây dựng cơ sở pháp lý cho

mọi hoạt động hợp tác, dịch vụ với bên ngoài trên lĩnh vực này. Những quy định, quy chế không chỉ giúp cho việc giữ vững chủ quyền, độc lập của ta, mà điều quan trọng là tạo được hiệu quả cao nhất cả về mặt nội dung, quy mô hợp tác, lợi nhuận thu được, giữ vững bản quyền... tránh những hiện tượng tiêu cực không đáng có đã từng xảy ra, vừa làm "mất" cán bộ của ta, vừa làm giảm uy tín của điện ảnh Việt nam trước con mắt của bạn bè thế giới. Nhà nước chẳng thu lại được bao nhiêu.

Thứ tư, thiết lập một mạng lưới vừa phát hành vừa kinh doanh buôn bán phim với nước ngoài. Trong hợp tác sản xuất và buôn bán phim, phía nào bán được phim sẽ được ưu tiên hưởng hơn phía đối tác tới 20% số lãi. Vì vậy ở các nền điện ảnh có kinh nghiệm, người ta thường tổ chức các đầu

mối đàm bán phim ngay từ khi mới có kịch bản. Điều đó giúp cho các nhà làm phim tự tin hơn, có khả năng hạch toán được đầu ra, đầu vào, lỗ lãi, và nâng được tốc độ làm phim. Do thiếu một mạng lưới phát hành phim ra nước ngoài, ta bỏ lỡ không ít cơ hội làm phim hợp tác và dịch vụ, để tuột khỏi tay một nguồn thu rất lớn.

Quả thật, giải quyết hàng loạt vấn đề trên không dễ, phải có thời gian và quyết tâm lớn. Song đã đến lúc nhà nước và cả ngành điện ảnh cần phối hợp với nhiều cơ quan hữu quan làm rõ quan điểm và nhận thức, lập một chương trình hành động thiết thực, khẩn trương để chuẩn bị đủ tiền đề, bước đệm cho quá trình hợp tác, hội nhập nền điện ảnh của ta với điện ảnh thế giới, phục vụ đắc lực cho công cuộc đổi mới của đất nước □

Máy vấn đề...

(Tiếp theo trang 13)

và sẽ hạn chế được khuyết điểm, tiêu cực trong bộ máy nhà nước.

Sự tồn tại và vững mạnh của chính quyền nhân dân là nhờ ở bản chất ưu việt nêu trên. Đó là điều cần được khẳng định cả về phương diện lý luận cũng như phương diện chính trị thực tiễn.

Hiểu rõ bản chất, xây dựng và củng cố một chính quyền thực sự của dân, do dân và vì dân, trên thực tế là một công việc rất khó khăn. Nó đòi hỏi phải có nhận thức, quan điểm đúng đắn, có sự đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phương thức hoạt động, cơ chế quản lý, cải cách nền hành chính nhà nước và cả sự lựa chọn con người đúng với bản chất của chính quyền nhân dân, tẩy trừ có hiệu quả những bệnh tật, làm cho chính quyền ngày càng trong sạch và sáng suốt. Quá trình xây dựng và củng cố một chính quyền như thế đòi hỏi mỗi tổ chức chính quyền, mỗi cơ quan nhà

nước, mỗi cán bộ, viên chức, mỗi người dân cần phải hiểu đầy đủ bản chất của chính quyền để hành động phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

Hội nghị lần thứ 8 BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã nhận định : "Ra đời từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngay buổi đầu, Nhà nước ta đã thể hiện bản chất tốt đẹp của một nhà nước gắn bó chặt chẽ và phục vụ lợi ích của dân tộc, của nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Từ đó đến nay, Nhà nước ta không ngừng lớn mạnh, làm tròn nhiệm vụ của mình, xứng đáng là công cụ đắc lực của nhân dân trong quá trình đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng cuộc sống mới, xã hội mới" ⁽⁴⁾. Tiếp tục giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp đó của Nhà nước ta là đòi hỏi khách quan của việc xây dựng, hoàn thiện bộ máy nhà nước. Đây không chỉ là vấn đề lý luận mà đang là một vấn đề thực tiễn bức bách hiện nay □

(4) Văn kiện Hội nghị lần thứ 8 BCH TƯ khóa VII, Hà nội, 1995, tr 20-21

KÔNG NGHIỆP, KÔNG THÔN SAU HAI NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA VII)

NGUYỄN SINH CÚC *

SAU hai năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII), nông nghiệp và nông thôn nước ta đã có những chuyển biến tích cực và khá ổn định, song khó khăn và mâu thuẫn mới nảy sinh cũng không ít.

1- Những bước phát triển mới

Nét mới thứ nhất là sản xuất nông nghiệp, nhất là lương thực, tiếp tục phát triển với nhịp độ ổn định ở cả hai miền Nam - Bắc, trong điều kiện thời tiết không thuận lợi (sâu rầy năm 1993, lũ lụt lớn năm 1994, hạn hán ở Tây nguyên năm 1995).

Biểu 1 : Kết quả sản xuất và xuất khẩu lương thực 3 năm 1993-1995

	Đơn vị tính	1993	1994	Ước tính 1995	Bình quân 1993-1995	Bình quân 1993-1995 so với bình quân 1989-1992 (%)
A	B	1	2	3	4	5
1. Tổng sản lượng lương thực quy thóc	triệu tấn	23,5	26,2	27,0	26,1	117,5
Trong đó thóc	"	22,8	23,5	24,2	23,4	118,7
2. Lương thực bình quân nhân khẩu/năm	kg/người	359	361	364	360	109
3. Gạo xuất khẩu	triệu tấn	1,73	2,0	2,2	1,97	131
Giá trị	triệu USD	362	420	455	412	

Nét mới thứ hai trong sản xuất lương thực nước ta sau nghị quyết Trung ương 5 là chất lượng lương thực tăng lên, nhất là gạo. Nhiều tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu long, đồng bằng sông Hồng đã khôi phục và mở rộng các giống lúa gạo đặc sản như tám thơm, nàng hương, tám xoan, nếp cái hoa vàng, gạo dự, và nhập ngoại một số giống lúa có hạt gạo dài, ít bạc bụng, phù hợp với yêu cầu lúa gạo của thị trường trong và ngoài nước. Do vậy, giá gạo xuất khẩu của Việt nam từ 170 USD/tấn (năm 1989) đã tăng lên trên 200 USD/tấn từ năm 1993 đến nay. Tỷ lệ gạo 35% tám trước năm 1993 được thay dần bằng loại 5% và 15% tám sau năm 1993. Thị trường gạo Việt nam đã được mở rộng ở nhiều nước trên thế giới, kể cả các nước Nhật, Mỹ, Pháp, vốn yêu cầu chất lượng cao.

Nét mới thứ ba là đã hình thành tương đối rõ nét các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung với quy mô lớn, thâm canh chiều sâu. Đó là vùng lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu long, cà phê ở Tây nguyên, cao su và điều ở Đông Nam bộ, chè ở Trung du miền núi Bắc bộ, bò sữa ở ngoại thành Hà nội, TP Hồ Chí Minh, rau xanh Đà lạt và đồng bằng sông Hồng, vải thiều ở Hải hưng, Hà bắc, cây ăn quả miệt vườn Nam bộ, tôm cá vùng ven biển (Kiên giang, Minh hải, Bình thuận, Khánh hòa, Quảng ninh).

Nét mới thứ tư là cơ cấu kinh tế nông thôn bước đầu được chuyển dịch trong xu thế chuyển dịch cơ cấu chung cả nước. Tỷ trọng nông nghiệp

* PTS khoa học kinh tế, Vụ trưởng Vụ nông lâm, Tổng cục thống kê

giảm dần, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng lên. Đồng thời, trong nông nghiệp, quan hệ giữa ngành trồng trọt và chăn nuôi phát triển theo hướng giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi. Từ tỷ trọng của ngành trồng trọt và chăn nuôi năm 1990 là 75% và 25%, đến năm 1994 là 73,3% và 26,7%. Trong ngành trồng trọt, tỷ trọng nhóm cây công nghiệp và rau đậu tăng dần, góp phần xóa dần tình trạng độc canh cây lương thực ở nhiều vùng, đa dạng hóa cây trồng, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.

Nét mới thứ năm là bộ mặt nông thôn đổi mới. Đến nay 60% số xã trong cả nước đã có điện, (riêng vùng đồng bằng sông Hồng có 98% số xã có điện), 86% số xã có đường ô tô, 91% có trạm xá, 98% có trường học cấp I, 55% có chợ, 49% có trạm biến thế điện... Trong nông thôn 52% số hộ có điện dùng trong sản xuất và sinh hoạt, 64% số hộ có nước sạch, 58% có nhà ở kiên cố và bán kiên cố, trong đó 12% có nhà xây, nhà ngói. Số nhà mái bằng, nhà tầng ở các vùng nông thôn đã tăng lên, thay thế dần nhà tranh, vách đất trước kia. Nông thôn đã có nhiều hộ giàu, cá biệt có hộ tỷ phú. Vậy là ngay cả nghề nông, nếu tận dụng được nguồn lao động, biết cách đầu tư vốn và sử dụng có hiệu quả các nguồn đó vào sản xuất nông nghiệp và ngành nghề, vẫn có thể làm giàu được. Tỷ lệ số hộ

nghèo ở nông thôn giảm xuống, mức độ nghèo nàn cũng không còn như trước.

Như vậy, sau hai năm thực hiện nghị quyết Trung ương 5, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực và cơ bản. Những kết quả đó khẳng định, mục tiêu của Nghị quyết Trung ương 5 đề ra là đúng đắn, có khả năng thực hiện. Nông thôn và nông nghiệp hiện nay đang bước sang trang mới, với những yêu cầu mới, cao hơn và thực tế hơn.

2 - Những mâu thuẫn mới :

Sau Nghị quyết Trung ương 5, không phải mọi vấn đề đều được giải quyết ; ngược lại đã có những vấn đề phức tạp làm phát sinh mâu thuẫn mới bên cạnh những tiến bộ và thành tựu.

Trước hết : Quá trình tích tụ ruộng đất theo hướng chuyên môn hóa bị chậm lại, trong đó có phần do chính sách "hạn điền" và "thuế sử dụng đất" đã và đang hạn chế các hộ nông dân giàu có mở mang đất mới, hoặc nhận chuyển nhượng ruộng đất từ các hộ có ngành nghề phi nông nghiệp (ở miền Nam). Ở nông thôn miền Bắc và miền Trung, tình trạng manh mún, chia nhỏ quỹ đất, đang làm hạn chế quá trình thủy lợi hóa và cơ giới hóa nông nghiệp. Quỹ đất nông nghiệp ít, nhưng lãng phí vẫn còn nhiều, hiệu quả sử dụng chưa cao.



Thứ hai : Khoảng cách về thu nhập giữa bộ phận nông dân nghèo với nông dân giàu ngày càng tăng. Thu nhập bình quân nhân khẩu giữa nhóm hộ giàu với nhóm hộ nghèo hiện nay khoảng từ 11 đến 13 lần, (năm 1990 là 7 lần). Ở nhiều vùng núi cao, vùng đồng bào dân tộc ít người sản xuất độc canh, tự cấp, tự túc còn phổ biến, cơ cấu kinh tế lạc hậu. Tuy phân cực thu nhập chưa dẫn đến phân hóa giai cấp, nhưng sự khác biệt đang tăng lên là một xu hướng cần quan tâm.

Thứ ba : Cơ sở hạ tầng nông thôn tuy có được tăng thêm so với trước, nhưng nói chung còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Đặc biệt, giao thông, thông tin liên lạc ở nông thôn còn thấp kém cả về số lượng và chất lượng, còn nhiều bất cập đối với yêu cầu công nghiệp hóa nông nghiệp.

Thứ tư : Cơ cấu kinh tế nông thôn chuyển dịch chậm, lao động nông nghiệp vẫn dư thừa, việc làm thiếu, thu nhập của nông dân thấp. Vì vậy, xu hướng di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị ngày càng phát triển. Trong khi đó, Nhà nước chưa có giải pháp hữu hiệu để khắc phục, nhất là chưa có đầu tư cho công nghiệp và dịch vụ nông thôn đúng mức, nên khu vực phi nông nghiệp vẫn phát triển tự phát, không ổn định và nói chung rất chậm.

Cuối cùng : Đã xuất hiện xu hướng tụt hậu của nông nghiệp và kinh tế nông thôn so với công nghiệp và dịch vụ. Xu hướng này thể hiện trước hết ở tốc độ tăng trưởng GDP của mỗi ngành và khu vực trong thời kỳ 1991-1994.

Biểu 2 : Tốc độ phát triển GDP theo 3 khu vực tính theo giá thực tế (%)

	1991	1992	1993	1994
Tổng số	8,9	8,6	8,1	8,8
Nông nghiệp	2,2	7,1	3,8	3,9
Công nghiệp	9,0	14,0	13,1	14,0
Dịch vụ	8,3	7,0	9,2	10,2

Khoảng cách quá xa trong tốc độ tăng trưởng giữa nông nghiệp với công nghiệp ở nước ta đã vượt ra ngoài tính phổ biến và quy luật phát triển kinh tế của các nước trong cả 3 khối

nước thu nhập thấp, thu nhập trung bình và thu nhập cao của thế giới.

Biểu 3 : Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân thời kỳ 1960-1978 ở 3 khối nước trên thế giới (%)

Khối nước	Nông nghiệp	Công nghiệp
- Các nước có thu nhập thấp	2,2	4,7
- Các nước có thu nhập trung bình	3,2	6,4
- Các nước có thu nhập cao	1,1	4,5

Hệ số chênh lệch giữa tốc độ phát triển của công nghiệp so với nông nghiệp ở các nước có thu nhập thấp và của thế giới là 2 lần, trong khi đó của nước ta là 4 lần năm 1991 ; 3,45 lần năm 1993 và 3,58 lần năm 1994. Phải chăng nông nghiệp Việt nam đang tụt hậu so với công nghiệp, trước hết về tốc độ tăng trưởng hàng năm ? Và sự tụt hậu này cũng được thể hiện khi so sánh với các nước có cùng điều kiện. Nguyên nhân có nhiều, song trước hết là do chiến lược đầu tư trong nước và thu hút vốn đầu tư nước ngoài hiện nay ở nước ta có xu hướng thiên về các dự án phát triển công nghiệp và du lịch, dịch vụ, chưa chiếu cố đến yêu cầu và điều kiện của khu vực kinh tế nông thôn và ngành nông nghiệp. Tỷ trọng vốn đầu tư cho nông nghiệp trong toàn bộ vốn đầu tư cho nền kinh tế quốc dân giảm từ 15% năm 1990 xuống 11% năm 1994, cho lâm nghiệp chỉ có 2%, cho thủy sản chỉ có 0,8%. Vốn đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp đến 1994 mới đạt 137 dự án với số vốn là 541 triệu USD, chiếm 4,6% tổng số vốn đầu tư nước ngoài ở Việt nam. Số dự án và số vốn ít, số thực tế hoạt động còn ít hơn, trong khi tiềm năng và môi trường thu hút vốn đầu tư còn rất lớn. Nhà nước chưa có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư vào nông thôn và nông nghiệp, nên kết quả đạt được còn xa tiềm năng. Tình trạng thiếu vốn, kỹ thuật lạc hậu, năng suất thấp trong nông thôn và nông nghiệp hiện vẫn còn lớn.

Những khó khăn và mâu thuẫn trên đây đã và đang hạn chế tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Vì vậy, đã đến lúc cần có chính sách và giải pháp để khắc phục nó, đưa nông nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển toàn diện và vững chắc hơn □

I - Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn

Nghiên cứu, khảo sát các hình thức kinh tế hợp tác ở một số xã thuộc huyện Hải hậu tỉnh Nam hà, tôi có một số nhận xét như sau :

Một là, có nhiều loại hình hợp tác trên địa bàn xã. Qua khảo sát 4 xã Hải thịnh, Hải xuân, Hải trung và Trục thái ở huyện Hải hậu, tôi thấy ở đó đã hình thành các loại hình hợp tác xã *dịch vụ* : một hoặc nhiều khâu (giống, thủy nông, bảo vệ thực vật...).

Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn và vai trò quản lý của chính quyền cấp xã

NGUYỄN VŨ BÌNH

Tổ chức dịch vụ này cũng có hai loại : một loại do *ban quản trị hợp tác xã* cũ trực tiếp quản lý điều hành (dựa vào vốn cũ của hợp tác xã nông nghiệp trước đây ; thu phí dịch vụ theo đầu sào, một phần dùng để trả công cho bộ máy quản lý, một phần thì chia cho những hộ trực tiếp làm trong các tổ, đội dịch vụ này) ; một loại khác do một số hộ xã viên đứng ra nhận thầu của hợp tác xã nông nghiệp, góp vốn, tự tổ chức dịch vụ theo yêu cầu của hộ xã viên và kinh doanh theo yêu cầu của thị trường. Ngoài các hợp tác xã dịch vụ giúp các nông hộ trong các khâu liên quan đến nghề nông, còn có các hợp tác xã khác thuộc đủ mọi ngành nghề : mộc, nề, gạch ngói, dệt, cơ khí ; cá ; tín dụng ; mua bán... Các hợp tác xã này do một số hoặc nhiều hộ nông dân tự nguyện góp vốn sản xuất, kinh doanh.

Hai là, đã xuất hiện hình thức *hợp tác cổ phần* trên địa bàn xã. Đây là bước phát triển mới của kinh tế hộ ở nông thôn. Hợp tác xã cổ phần là một tổ chức kinh tế tập thể do xã viên tự nguyện góp vốn để sản xuất kinh doanh một hoặc nhiều mặt hàng. Quy mô và trình độ của sự hợp tác tùy thuộc vào sự phát triển của kinh tế hộ và yêu cầu của ngành nghề kinh doanh. Nét nổi bật của hình thức hợp tác này là các thành viên góp vốn kinh doanh với mục tiêu sinh lời, vì vậy họ không nhất thiết phải là người trực tiếp lao động như trong các hình thức hợp tác

khác. Ở đây, hoạt động kinh doanh được đặt dưới sự chỉ đạo của một ban quản lý do đại hội xã viên bầu ra, theo cơ chế tự chủ, tự vận động theo cơ chế thị trường. Mặt khác, việc phân phối không phải bằng hiện vật và theo lao động, mà bằng *tiền* (phần lợi nhuận thu được) và *theo tỷ lệ vốn góp của từng thành viên*. Tuy xuất hiện chưa lâu, song hình thức hợp tác cổ phần rất đa dạng, phong phú cả về nội dung lẫn hình thức. Qua các hình thức hợp tác của nông dân về *tín dụng* (hợp tác

xã tín dụng xã Trục thái) đến các hình thức hợp tác của nông dân về *sản xuất gạch* (tổ hợp tác sản xuất gạch xã Hải trung), về *ươm cá giống, đánh cá* (tổ hợp tác ươm cá giống, hợp tác xã đánh cá xã Hải xuân) v.v., có thể thấy ưu thế của hình thức hợp tác mới.

Hình thức hợp tác cổ phần về cơ bản được hình thành từ nhu cầu hợp tác của các hộ nông dân trong sản xuất kinh doanh. Nhưng ở nhiều địa phương, ngoài sự ra đời tự nhiên, nó còn được hình thành qua việc hợp tác xã nông nghiệp đầu thầu một phần tài sản của mình. Trong hình thức tổ chức hợp tác này, tham gia góp vốn không chỉ có các hộ nông dân mà có cả hợp tác xã nông nghiệp. Sự đan xen về sở hữu đương nhiên ảnh hưởng tới nội dung hoạt động của các tổ chức hợp tác xã loại này. Phần lợi nhuận thu được ở đây chia theo tỷ lệ vốn

góp. Sở dĩ xuất hiện loại hình hợp tác xã này là do có hợp tác xã nông nghiệp vẫn còn vốn tập thể trước đây để lại và vẫn muốn tiếp tục nắm một số khâu để chi phối (nhờ có tỷ lệ vốn góp cao hơn) tạo thế chủ động cho sản xuất. Có thể nói, các hợp tác xã dạng này gần như hình thức liên doanh giữa kinh tế tập thể và hộ gia đình, nhưng xét dưới góc độ *sở hữu và xu hướng vận động*, chúng là hình thức hợp tác xã cổ phần.

Sự vận động của các hình thức kinh tế hợp tác trong cơ chế thị trường ngày càng cho thấy những hạn chế của hình thức hợp tác dịch vụ một hoặc nhiều khâu so với hình thức hợp tác cổ phần. Hình thức hợp tác cổ phần *thực chất* là hình thức kinh tế tập thể do xã viên tự nguyện góp vốn. Tính ưu việt của nó là huy động được nguồn vốn rộng rãi trong hộ nông dân, người bỏ vốn luôn quan tâm gắn bó với hợp tác xã, cơ chế quản lý linh hoạt, gắn trách nhiệm của các thành viên với kết quả các hoạt động kinh doanh của hợp tác xã. Trong điều kiện một xã có nhiều loại hình hợp tác xã, ban quản lý hợp tác xã nông nghiệp hiện nay không đủ tư cách pháp nhân và khả năng quản lý tập trung thống nhất hoạt động của các đơn vị này. Vì vậy, việc quản lý tập trung thống nhất hoạt động của các loại hình hợp tác xã kiểu mới phải do chính quyền xã đảm nhiệm.

II - Vai trò quản lý của chính quyền cấp xã

1- Những đòi hỏi tất yếu đối với nhiệm vụ quản lý kinh tế của chính quyền cấp xã.

Trước hết, nhiệm vụ quản lý kinh tế của chính quyền xã xuất phát từ yêu cầu về sự thống nhất quản lý kinh tế từ trung ương đến địa phương, được cụ thể hóa trên địa bàn xã. Các chủ trương phát triển kinh tế ở cấp vĩ mô và cấp tỉnh, cấp huyện có được thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả hay không, là tùy vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền cấp xã. Trước đây, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã là do từ trên đưa xuống, ủy ban xã chỉ thực hiện một cách thụ động. Ngày nay, kế hoạch của huyện đối với xã chỉ mang tính hướng

dẫn, gợi ý những hướng đi và giải pháp lớn. Căn cứ vào kế hoạch của huyện, xã sẽ chủ động vạch kế hoạch và các mục tiêu, đề ra giải pháp và hướng dẫn hợp tác xã và hộ xã viên thực hiện. Nếu trước đây theo cơ chế cũ, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã đều do hợp tác xã nông nghiệp tổ chức và quản lý, thì ngày nay theo cơ chế mới, mọi hoạt động kinh tế trên địa bàn xã đều do ủy ban nhân dân xã quản lý, giám sát (theo pháp luật). Trong cơ chế mới, nhiệm vụ của ủy ban nhân dân xã hết sức nặng nề : phải quản lý *toàn diện* các mặt kinh tế, xã hội và an ninh trên địa bàn xã.

Yêu cầu quản lý kinh tế của chính quyền xã còn xuất phát từ thực tiễn phát triển kinh tế hàng hóa trong nông nghiệp và nông thôn. Kinh tế thị trường, bên cạnh mặt tích cực, còn có mặt tiêu cực. Thực tế phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn nước ta trong thời gian qua cho thấy, hiện tượng chạy theo đồng tiền, chạy theo lợi nhuận dẫn tới làm ăn bất chính, lừa đảo như bẻ hụi, làm hàng giả, trốn lậu thuế, vi phạm hợp đồng, v.v. đã xuất hiện. Để hạn chế và khắc phục những hiện tượng tiêu cực ấy, không thể không có vai trò quản lý của nhà nước, mà ở *cấp xã* là chính quyền xã.

Một yêu cầu nữa tuy không mang tính phổ biến, là xuất phát từ những công việc thực tế phải giải quyết khi hợp tác xã muốn chuyển từ hình thức *cũ* sang hình thức *mới*. Đó là chính quyền xã phải trực tiếp giám sát, quản lý chặt chẽ nguồn vốn, tài sản tập thể của các hợp tác xã cũ ; phải cùng với các ban quản lý hợp tác xã cũ giải quyết các khoản nợ tồn đọng, có kế hoạch sử dụng có hiệu quả tài sản và vốn của hợp tác xã cũ trước khi chuyển sang hợp tác xã mới.

2- Chức năng quản lý kinh tế của chính quyền xã.

Sự phát triển của kinh tế hộ đã dẫn tới sự ra đời của ngày càng nhiều tổ hợp tác và hợp tác xã mới trong nông nghiệp và nông thôn. Hoạt động của các tổ chức kinh tế này đặt ra yêu cầu xác định chức năng quản lý kinh tế của chính quyền xã. Xác định đúng

và thực hiện đúng chức năng quản lý kinh tế của chính quyền cấp xã, sẽ tạo cơ sở thuận lợi cho sự hình thành các hợp tác xã kiểu mới. Một số chức năng quản lý kinh tế của chính quyền xã là :

Thứ nhất : Xác lập các nguyên tắc cho các hoạt động kinh tế ở xã, trên cơ sở khảo sát tiềm năng, nhu cầu của các hộ, tổ hợp tác và hợp tác xã kinh doanh trên địa bàn. Điều này bao gồm từ việc xây dựng các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đề ra các biện pháp để kiểm tra những hoạt động và hợp đồng kinh tế, đến việc xác định những ngành nghề được phép hay không được phép kinh doanh ở xã ; nó còn bao gồm cả việc thiết lập quy chế bảo vệ môi trường, quy chế xử phạt những vi phạm của các tổ chức kinh tế. Tóm lại, để cho các hoạt động kinh tế diễn ra có trật tự và hiệu quả trên địa bàn, chính quyền xã cần xác lập những nguyên tắc, tạo môi trường thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh hoạt động.

Thứ hai : Giám sát, kiểm tra và là trọng tài cho các hoạt động kinh tế ở xã. Với chức năng này, chính quyền xã đảm nhận việc xét, duyệt các đề án kinh doanh và cấp giấy phép cho các tổ hợp tác và hợp tác xã hoạt động. Trên cơ sở vốn kinh doanh mà xác định nguồn thu của các đơn vị kinh tế, từ đó căn cứ vào biểu thuế chung của nhà nước mà xác định tỷ lệ thu thuế. Tuy nhiên việc thu thuế nông nghiệp cần căn cứ vào từng thời điểm cụ thể để trong những trường hợp xảy ra thiên tai, sâu bệnh, mất mùa..., có kế hoạch miễn giảm thuế thích đáng nhằm khuyến khích các hộ nông dân và các tổ chức hợp tác hăng hái sản xuất. Hoạt động kiểm tra, giám sát của chính quyền xã sẽ giúp cho các tổ hợp tác và hợp tác xã kinh doanh theo đúng đề án đăng ký, thực hiện đúng các hợp đồng đã ký kết giữa các bên. Khi xảy ra vi phạm những hợp đồng kinh tế, chính quyền xã sẽ là trọng tài cho việc phân xử, đồng thời xử lý hành chính đối với những hành vi phạm pháp.

Thứ ba : Là đầu mối tiếp nhận sự hướng dẫn và hỗ trợ của nhà nước đối với nông

dân trong xã. Đặc trưng của sản xuất nông nghiệp là phụ thuộc vào tự nhiên, mang tính thời vụ, quy trình sản xuất thường diễn ra trên diện rộng. Để bảo đảm sự thống nhất trong các khâu của sản xuất nông nghiệp, cần có sự hướng dẫn thống nhất trong phạm vi một vùng (gồm mấy xã) hoặc một huyện về kỹ thuật và thời vụ (như hướng dẫn về thời điểm gieo cấy, về phun thuốc trừ sâu, về sản xuất giống lúa mới v.v.). Để làm việc này, rõ ràng không thể thiếu được vai trò quản lý, điều hành, hướng dẫn của chính quyền cấp xã. Mặt khác, để các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với nông dân (như chính sách cho hộ nông dân nghèo vay vốn sản xuất, trợ giá vật tư và sản phẩm cho nông dân, giảm thuế nông nghiệp v.v.) tới được cơ sở, rõ ràng cũng cần có sự chỉ đạo của chính quyền xã. Trong hệ thống chính quyền, chính quyền xã là đơn vị cơ sở sát dân, mọi chủ trương chính sách của Đảng và Chính phủ về nông nghiệp và nông thôn có được thực hiện tốt hay không là tùy thuộc vào trình độ tổ chức quản lý của chính quyền xã.

3- Tổ chức bộ máy của chính quyền xã.

Với chức năng quản lý kinh tế đã được xác định, chính quyền xã phải tổ chức bộ máy như thế nào để phát huy được vai trò quản lý kinh tế của mình ? Đây là một vấn đề mới và đầy khó khăn. Bởi vì, phù hợp với xu thế chung về cải cách bộ máy hành chính hiện nay, bộ máy quản lý cần gọn nhẹ nhưng lại phải bảo đảm hoạt động có hiệu quả trong hoàn cảnh phức tạp và sôi động của kinh tế thị trường. Để xác định bộ máy quản lý, trước hết cần căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của chính quyền xã về quản lý kinh tế. Một số nhiệm vụ cụ thể là :

+ Xét, duyệt các dự án đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép hoạt động cho các hộ, tổ hợp tác và hợp tác xã kinh doanh trên địa bàn.

+ Hướng dẫn sản xuất nông nghiệp bằng những thông tin về thời vụ, khoa học kỹ thuật và thị trường.

+ Thu thuế và kiểm tra việc đóng thuế của các hộ và đơn vị kinh doanh.

+ Tổ chức cho các hộ, tổ hợp tác và hợp tác xã trên địa bàn xã học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến và mô hình kinh doanh.

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ trên, chính quyền xã cần có một bộ phận chuyên trách. Bộ phận này nên chẳng do một phó chủ tịch phụ trách với ít nhất hai người giúp việc (một về nông nghiệp và một về lĩnh vực khác). Kinh phí cho việc thực hiện chức năng quản lý kinh tế lúc đầu có thể dựa vào nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ cho hợp tác xã và hộ nông dân. Về sau, nó là một phần trong nguồn thu từ các hoạt động kinh tế ở địa phương sau khi đã trích nộp thuế cho nhà nước. Các khoản xã được trích lại, do huyện và tỉnh quy định. Đây chính là động lực thúc đẩy chính quyền cấp xã quan tâm nuôi dưỡng nguồn thu.

Sự phát triển của các hình thức kinh tế hợp tác có nguồn gốc sâu xa là trình độ phát triển kinh tế hộ. Theo tôi, đỉnh cao về sự phát triển hợp tác xã trong thời gian tới là hình thức hợp tác xã cổ phần. Tuy nhiên, trong những năm trước mắt còn có sự đan xen giữa các hình thức hợp tác trong nông nghiệp và nông thôn. Điều đó thể hiện sự đa dạng, phong phú về trình độ phát triển kinh tế hộ ở các địa phương. Vì vậy, không nên nóng vội, xóa bỏ ngay hình thức hợp tác xã dịch vụ một khâu hay nhiều khâu... như hiện nay. Cần thấy sự phát triển của các hình thức kinh tế hợp tác cổ phần phụ thuộc vào quá trình chuyển biến của kinh tế hộ từ tự cấp, tự túc sang sản xuất hàng hóa.

Tóm lại, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã về quản lý kinh tế là tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho hộ xã viên phát triển sản xuất kinh doanh; giúp hợp tác xã kiểu cũ giải quyết các tồn đọng và chuyển sang các hợp tác xã kiểu mới; gấp rút nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở bằng đào tạo và đào tạo lại ▢

Nơi tập hợp công nhân, lao động khu vực kinh tế ngoài quốc doanh

ĐỖ MINH NGHĨA và VŨ LÂN

TRONG quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng về phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ nảy sinh nhiều vấn đề mới và bức xúc đối với việc xây dựng, hoạt động của các tổ chức xã hội. Do sớm nắm bắt được xu hướng phát triển của thực tiễn, từ năm 1988, Bộ chính trị Trung ương Đảng (khóa VI) đã có Nghị quyết số 16 về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (NQD). Nghị quyết đã chỉ ra những định hướng quan trọng cho sự phát triển kinh tế NQD và khẳng định một trong những nhiệm vụ quan trọng là xây dựng các tổ chức xã hội ở các đơn vị kinh tế này sao cho phù hợp với sự phát triển của sản xuất, kinh doanh.

Vậy đã gần 8 năm kể từ khi có Nghị quyết nêu trên của Bộ chính trị, tình hình xây dựng các tổ chức xã hội trong các cơ sở sản xuất NQD ra sao và nó đang đặt ra những vấn đề gì cần giải quyết ?

Theo thống kê chưa đầy đủ, đến tháng 5-1995, nước ta có trên 20 000 cơ sở kinh tế NQD, thu hút khoảng 2.4 triệu lao động, hoạt động trên nhiều lĩnh vực; trong đó có khoảng 13 722 doanh nghiệp tư nhân (DNTN), 5 120 công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), 133 công ty cổ phần (CTCP) và có khoảng 1 386 doanh nghiệp, công ty nước ngoài đã được cấp giấy phép đầu tư. Tuy khu vực kinh tế NQD ít có những doanh nghiệp lớn, nhưng năm 1994 cùng đã tạo ra khoảng 101 541 tỷ đồng giá trị gia tăng, chiếm khoảng 59,6% tổng sản phẩm

trong nước. Mấy năm qua các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp có xu hướng giảm, đang tìm những hình thức tổ chức mới, thích hợp hơn, nhưng đến năm 1994 vẫn còn 6 000 hợp tác xã trong các lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải, dịch vụ v.v.. Số lao động trong khu vực kinh tế NQD cũng ngày càng tăng : 1,5 triệu (năm 1990) ; 2,1 triệu (năm 1993) ; 2,4 triệu (giữa năm 1995). Ngoài ra, còn có khoảng 1 triệu lao động làm việc trong các hộ kinh doanh nhỏ, ngành nghề không ổn định. Khu vực kinh tế NQD đã thu hút khoảng 22% số lao động từ khu vực doanh nghiệp, cơ quan nhà nước. Khoảng 65% (trong số 80 000 lao động) trong các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài cũng từ khu vực nhà nước chuyển sang. Nói chung, trong những năm trước mắt, khu vực kinh tế NQD vẫn tiếp tục tăng nhanh và thu hút nhiều lao động.

Vấn đề đặt ra hiện nay là việc tập hợp, thu hút công nhân, lao động trong khu vực này như thế nào, trong tổ chức nào để tuyên truyền, giáo dục, rèn luyện họ phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Thực tiễn mấy năm qua cho thấy, tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn là tổ chức phù hợp nhất. Thời gian đầu, tâm lý và nguyện vọng của người lao động nói chung là muốn có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định, bảo đảm cuộc sống cho bản thân, gia đình. Họ thường ít, hoặc không quan tâm đến việc lập các tổ chức xã hội và tham gia các tổ chức này. Về phía chủ doanh nghiệp hầu hết cũng không muốn có các tổ chức xã hội trong doanh nghiệp của mình. Có những chủ doanh nghiệp khi đặt vấn đề thành lập tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp thì lờ đi hoặc khất lần, thậm chí còn ngăn cản. Một số chủ doanh nghiệp còn nói : nếu làm cán bộ quản lý thì không được tham gia tổ chức công đoàn. Vì thế, cán bộ nào làm công tác công đoàn bị thiệt thòi nhiều mặt : thu nhập thấp hơn và dễ bị sa thải hoặc bị cắt hợp đồng lao động.

Trong khi đó tổ chức công đoàn các ngành, các cấp một mặt chưa quan tâm thích đáng đến phong trào, mặt khác cũng chưa tìm ra được phương thức, nội dung hoạt động phù hợp. Người lao động chưa nhận thức rõ và chưa thấy có nhu cầu tham gia tổ chức công đoàn. Luật pháp của Nhà nước ta chưa có, hoặc chưa đầy đủ, cho nên không có sự ràng

buộc về điều kiện giữa chủ doanh nghiệp và luật pháp nhà nước. Tóm lại, vào những năm 1989 - 1991, việc thành lập các tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn trong khu vực kinh tế NQD có nhiều khó khăn, chậm trễ.

Nhưng trong quá trình sản xuất, kinh doanh, những bất đồng, mâu thuẫn về lợi ích (trước hết là lợi ích kinh tế) giữa chủ và thợ dần dần nảy sinh. Ở nhiều doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài, người lao động chỉ nhận được mức lương thấp hơn mức lương tối thiểu do Nhà nước ta quy định. Công nhân phải làm việc từ 10 đến 12 giờ/ngày mà không được trả thêm tiền. Cường độ làm việc ở nhiều doanh nghiệp rất cao, người lao động căng thẳng, mệt mỏi. Bảo hiểm lao động, bảo hiểm xã hội của họ không được quan tâm đầy đủ. Tình trạng khá phổ biến là hợp đồng lao động, thỏa ước lao động giữa chủ và thợ không được ký kết ; hoặc có thì cũng thiếu chặt chẽ và bấp bênh, thiệt thòi thuộc về người thợ. Nhiều chủ doanh nghiệp chỉ ký hợp đồng ngắn hạn để dễ dàng sa thải công nhân. Các quyền lợi, chính sách, chế độ và luật pháp của Nhà nước ta thường không được thực hiện thường xuyên, đầy đủ. Tuy Nhà nước ta đã ban hành Bộ luật lao động, nhưng ở không ít doanh nghiệp cả chủ và thợ đều không biết, hoặc có tình không biết cho nên không thực hiện đầy đủ. Do nhiều nguyên nhân, một số chủ doanh nghiệp có những hành động đánh đập, xúc phạm người lao động, dẫn đến hiện tượng ẩu đả, căng thẳng kéo dài, và những cuộc đình công tập thể đã xảy ra. Từ đầu năm 1995 đến nay đã có hàng chục vụ đình công của người lao động, nhất là ở các công ty liên doanh với nước ngoài.

Từ thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cần thiết phải có tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp NQD để tập hợp người lao động. Tổng liên đoàn lao động Việt nam cũng như tổ chức công đoàn các cấp ngày càng thấy rõ yêu cầu cần thiết đó ; các nghị quyết của Đảng về vấn đề này từng bước được triển khai. Tên gọi Tổng công đoàn đã được đổi thành Tổng liên đoàn lao động Việt nam cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới. Sau Đại hội VII Công đoàn Việt nam, Tổng liên đoàn lao động đã chỉ đạo liên đoàn lao động các tỉnh, thành phố có những biện pháp thích hợp đẩy mạnh việc vận động công nhân lao động, xây dựng các tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp

NQD. Người lao động ngày càng nhận thức rõ tổ chức công đoàn là người thay mặt tập thể đứng ra bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động ; bàn bạc, thỏa thuận, đấu tranh với các chủ doanh nghiệp, nhằm giải quyết những mâu thuẫn ; giúp người lao động tìm hiểu đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta, là nơi tập hợp, liên kết, giúp đỡ người lao động trong sản xuất, trong cuộc sống. Nhiều chủ doanh nghiệp dần dần cũng thấy được vai trò và tác dụng của tổ chức công đoàn trong doanh nghiệp như giúp cho sản xuất, kinh doanh phát triển và tránh được

những mâu thuẫn, bất đồng không đáng có giữa chủ và thợ.

Công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp công nhân lao động khu vực kinh tế NQD thời gian qua đã được gắn với những phong trào xã hội khác như : giải quyết việc làm để tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, giúp nhau làm kinh tế, hoạt động từ thiện, xây dựng nhà tình nghĩa, quỹ tình thương v.v.. do đó đã thu hút được đông đảo công nhân lao động tham gia.

Theo thống kê chưa đầy đủ, số lượng tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn, hội lao động mấy năm qua như sau :

Chỉ số	Số lượng từng năm			
	1989-1991	1992	1993	1994
- Số tổ chức công đoàn cơ sở	199	407	719	1740
Trong đó :				
+ HTX, DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần	168	311	513	1409
+ Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài	24	54	85	135
+ Số tổ chức nghiệp đoàn	7	42	91	196
- Số lượng đoàn viên công đoàn	15000	35024	55846	114554
- Số lượng hội viên lao động	86021	58000	49680	59190
- Tổng số đoàn viên, hội viên	101021	93024	105526	173744
- Tỷ lệ đoàn viên, hội viên so với tổng số công nhân lao động khu vực NQD	4.46%	4.2%	5.4%	6.4%

6 tháng đầu năm 1995 đã phát triển thêm 496 công đoàn cơ sở, bao gồm 36 034 đoàn viên và hội viên, trong đó có 60 đơn vị ở các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài và 93 nghiệp đoàn. Tính đến hết tháng 6-1995, số công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn, hội nghề, hội lao động trong khu vực kinh tế NQD là 2 432 đơn vị, với 209 788 người tham gia. Nói chung, các tổ chức công đoàn đang dần dần hoạt động có nền nếp và đạt hiệu quả thiết thực.

Qua thực tiễn mấy năm thực hiện việc tuyên truyền, tập hợp công nhân, lao động khu vực kinh tế NQD, có thể rút ra một số nhận xét như sau :

Một là, việc tập hợp công nhân, lao động vào các tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn, hội lao động ... là nhu cầu cấp thiết khách quan, là công tác quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế nhiều thành phần, và là một bộ phận trong công tác vận động quần chúng của Đảng.

Hai là, hình thức tập hợp công nhân, lao động vào tổ chức công đoàn thường phù hợp với loại hình doanh nghiệp : có trình độ cao về tổ chức, quản lý ; người lao động có tay nghề vững, làm việc trong một quy trình công nghệ nghiêm ngặt ; mối quan hệ giữa chủ và thợ rõ ràng... Chẳng hạn như các DNTN, công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài. Nhiệm vụ của các tổ chức công đoàn trong các loại hình này thường là : giáo dục, vận động, kiểm tra, giám sát người lao động và chủ doanh nghiệp thực hiện đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước ta ; giúp đỡ, thay mặt người lao động ký kết thỏa ước, hợp đồng lao động ; thương lượng, giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng giữa chủ và thợ trong quá trình sản xuất, kinh doanh; đấu tranh, bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động.

Ba là, hợp tác xã là một tổ chức kinh tế được hình thành với nguyên tắc tự nguyện, cùng góp vốn, góp sức để sản xuất, kinh doanh trên cơ sở tự quản và bình đẳng. Do vậy, tổ

chức công đoàn ở đây thay mặt người lao động tham gia với các cơ quan quản lý về chính sách cho vay vốn, chính sách thuế, tạo điều kiện thuận lợi để hợp tác xã liên doanh, liên kết, mở rộng sản xuất, kinh doanh. Công đoàn cũng tham gia quản lý các mặt phúc lợi, xây dựng chế độ tiền công, chế độ bảo hiểm v.v..

Bốn là, đối với những người lao động trong các tổ hợp sản xuất, hộ sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, hộ dịch vụ, những người lao động tự do hoặc những người vừa là chủ vừa là thợ... thì hình thức tổ chức *ngành đoàn* là phù hợp nhất. Ngành đoàn mang đậm tính chất nghề nghiệp, đồng nghiệp và tính quần chúng rộng rãi. Ngành đoàn chủ yếu đi vào những hoạt động tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau tạo và tìm việc làm, liên kết sản xuất, giúp đỡ nhau khi hoạn nạn, khó khăn. Các ngành đoàn cũng tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cùng chính quyền địa phương giải quyết lợi ích chính đáng của người lao động có liên quan đến luật pháp; đăng ký và phát triển ngành, nghề; góp phần vào việc phát triển kinh tế, ổn định trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Năm là, hội lao động là tổ chức quần chúng rộng rãi của người lao động thuộc các ngành sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ... trên địa bàn phường, xã do công đoàn cấp quận, huyện trực tiếp tổ chức và chỉ đạo. Mục đích của hội lao động là tập hợp, giáo dục người lao động về đường lối, chính sách có liên quan trực tiếp, hướng dẫn cách làm ăn, chăm lo đời sống, tìm công ăn việc làm, hoạt động tương thân, tương ái v.v.. Nội dung hoạt động của hội gần giống như tổ chức công đoàn trong các hợp tác xã.

Nhìn chung, các hình thức tổ chức, đối tượng tham gia và nội dung hoạt động của các loại hình nói trên không phân biệt quá rạch ròi mà có những điểm đan xen, trùng hợp. Hơn nữa các loại hình trên cũng đang trong quá trình hình thành và phát triển, chưa thật ổn định. Nhưng dù sao những kết quả bước đầu trong quá trình tập hợp công nhân, lao động vào các tổ chức xã hội là đáng khích lệ, đem lại nhiều lợi ích thiết thực. Nhiều địa phương như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sông Bé, Đồng Nai... có tốc độ phát triển công đoàn, ngành đoàn,

hội nghề nghiệp khá nhanh, số lượng người tham gia ngày càng đông. Nhiều nơi có những hình thức hoạt động sáng tạo, phong phú, cuốn hút được đông đảo người lao động. 6 tháng đầu năm 1995 số lượng đoàn viên tăng 25% so với cùng thời kỳ năm 1994.

Tuy nhiên, tỷ lệ công nhân, lao động ở khu vực kinh tế NQD tham gia tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn, hội nghề nghiệp còn thấp so với tổng số người lao động. Nội dung, hình thức hoạt động còn lúng túng, hạn chế. Tổ chức công đoàn các cấp cần có những hình thức tuyên truyền, vận động, hoạt động thuyết phục, đạt hiệu quả cao hơn. Thông qua các hoạt động xã hội, tổ chức công đoàn cần giúp đỡ người lao động một cách thường xuyên, thiết thực hơn, góp phần giải quyết khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động hiểu về công đoàn, đến với công đoàn. Từ đó làm cho họ dần dần nhận thấy tổ chức công đoàn thật sự là tổ chức của mình - tổ chức do người lao động, vì người lao động.

Muốn vậy, tổ chức công đoàn phải có một đội ngũ cán bộ bảo đảm phẩm chất có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nắm được pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, am hiểu lĩnh vực kinh tế có liên quan và có năng lực vận động, quy tụ được quần chúng lao động.

Tập hợp công nhân, lao động đồng thời cũng là công tác vận động quần chúng, xây dựng giai cấp công nhân của Đảng ta. Trong công tác của mình, các tổ chức công đoàn cần tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng. Các cấp ủy đảng cần quan tâm hơn nữa và có phương thức lãnh đạo thích hợp với tổ chức công đoàn trong tình hình mới. Một vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng và bức xúc đang đặt ra là Đảng cần có chủ trương, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp NQD. Có như vậy, công tác vận động, tập hợp quần chúng nói chung và đối với các tổ chức xã hội trong khu vực kinh tế NQD nói riêng mới đạt kết quả, góp phần thiết thực trong việc thực hiện đường lối đổi mới do Đảng đề ra □

HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI

NGUYỄN KHẮC HIỀN* và LÊ THANH BÌNH**

I

Riêng trong năm 1994, nước ta đã có 362 dự án về vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép; tổng số vốn đăng ký là 4 074 triệu USD (kể cả vốn của các dự án mới và vốn bổ sung của các dự án cũ, không kể vốn của các dự án đã bị rút giấy phép), trong đó vốn đầu tư đã được thực hiện là 1,5 tỉ USD.

Từ năm 1988 đến năm 1994, tổng số vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp vào ta là 10 774 triệu USD, trong đó vốn đầu tư đã được thực hiện là 3 585 triệu USD. Vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp vào ta tăng khá nhanh: những năm 1988-1992 bình quân mỗi năm tăng 51,6% (riêng năm 1992, bằng 70% của 4 năm trước cộng lại); năm 1993 tăng 40% so với năm 1992; năm 1994 tăng khoảng 26% so với năm 1993. Năm 1995, 8 tháng đầu năm đã cấp giấy phép cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài với tổng số vốn đăng ký là 4,9 tỉ USD (hơn cả năm 1994). Quy mô các dự án tăng dần qua các năm; có nhiều dự án lớn hàng trăm triệu đồng. Về cơ cấu *lĩnh thổ*, các dự án đầu tư cũng ngày càng cân đối hơn. Những năm 1988-1991, các dự án chỉ tập trung vào các tỉnh phía Nam, đặc biệt ở TP Hồ Chí Minh, Vũng tàu, Đồng nai... Từ năm 1992, các dự án đã mở ra các tỉnh phía Bắc và các tỉnh miền Trung. Về cơ cấu *ngành*, các dự án đầu tư cũng có sự thay đổi đáng kể. Từ chỗ tập trung vào các ngành dầu khí, công nghiệp nhẹ, du lịch và khách sạn, các dự án nay đã mở sang các ngành công nghiệp nặng, nông, lâm nghiệp, và bắt đầu đi vào ngành xây dựng kết cấu hạ tầng, như nhà máy điện, đường bộ, các khu chế xuất. Tính

đến cuối năm 1994, vốn đầu tư vào các ngành sản xuất vật chất chiếm 70%, trong đó các dự án công nghiệp chiếm 54%.

Thực tế trên cho thấy, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào ta như vậy là đáng khích lệ. Tuy nhiên so với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, thì còn chưa đủ. Cần thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào ta nhanh hơn nữa và với khối lượng lớn hơn nữa.

Vì sao vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào ta chưa được như mong muốn? Có nguyên nhân về *cơ sở hạ tầng* (đường giao thông, điện nước...), về *luật pháp, chính sách* (mới ban hành và điều chỉnh luật đầu tư nước ngoài và hơn 100 văn bản dưới luật). Nhưng nguyên nhân lớn nhất là thủ tục hành chính còn quá rườm rà, các hiện tượng tiêu cực diễn ra khá phổ biến, thời gian chờ đợi quá lâu.

Ngoài những nguyên nhân trên, còn có nguyên nhân do ta hiểu biết luật pháp quốc tế chưa đầy đủ, hoặc do ta lập các dự án chào mời đầu tư còn chậm chạp hoặc ít hấp dẫn. Ta chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư của Việt kiều sống ở nước ngoài trong lúc số lượng họ không nhỏ, nhiều người nắm được công nghệ hiện đại và muốn làm ăn với ta.

Việc thực hiện các dự án đầu tư ở nước ta cũng còn chậm, hiệu quả thấp. Từ năm 1988 đến năm 1994 mới có 10 dự án hoàn thành giấy phép đầu tư với tổng số vốn 90 triệu USD. Số dự án đang thực hiện là

* Chuyên viên cao cấp kinh tế

** Chuyên viên kinh tế, Bộ tài chính

1 400 với tổng số vốn 3 485 triệu USD (bằng khoảng 30% số vốn đăng ký). Có tới 180 dự án với tổng số vốn 795 triệu USD bị rút giấy phép đầu tư, do các đối tác nước ngoài không có khả năng tài chính để thực hiện dự án. Thực tế cho thấy, có các đối tác xin giấy phép đầu tư vào Việt nam chỉ nhằm mục đích có được giấy phép để bán lại cho các đối tác nước ngoài khác kiếm lời ; khi thấy không bán được thì bỏ luôn. Cũng có đối tác khi lập dự án đầu tư đã không nghiên cứu kỹ các biến động của thị trường và giá cả, nên khi các biến động đó diễn ra làm đảo lộn những tính toán ban đầu, họ buộc phải bỏ dự án nếu không sẽ bị lỗ lớn.

Các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài tới nay mới tạo được 6,5 vạn chỗ cho số làm việc trực tiếp và hơn 10 vạn chỗ cho số làm công việc xây dựng và dịch vụ. Do tiến độ thực hiện dự án chậm, nên xuất khẩu của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ dầu thô) năm 1993 chỉ đạt 169 triệu USD, năm 1994 khoảng 300 triệu USD.

Điều đáng chú ý là ta mới chỉ chú trọng đến việc gọi vốn, mà chưa coi trọng việc nước ngoài chuyển giao cho ta thiết bị, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến, chưa coi trọng việc đào tạo cán bộ, công nhân để sản phẩm của ta có thể thâm nhập thị trường thế giới. Hiện nay, công nghiệp thế giới đã phát triển qua nhiều giai đoạn, còn công nghiệp nước ta chỉ mới đang ở giai đoạn *sơ khai*. Kết quả điều tra ở ta cho thấy, trên hầu hết các lĩnh vực sản xuất công nghệ đều lạc hậu, chấp vá, không đồng bộ, năng suất và hiệu quả thấp. Sản phẩm hàng hóa của ta làm sao thâm nhập được thị trường thế giới nếu như chưa cạnh tranh nổi với hàng ngoại ngay ở thị trường trong nước ? Vì vậy, đổi mới công nghệ là vấn đề sống còn đối với nền kinh tế nước ta trong thời gian tới. Tất nhiên, ta không hy vọng các đối tác nước ngoài trao cho ta cái tốt nhất để cạnh tranh với họ. Nhưng ta phải cố gắng để có được thiết bị, công nghệ tiên tiến, để tạo ra được những sản phẩm có chất lượng tốt, hiệu quả cao, có sức cạnh tranh lớn.

Về công tác quản lý của ta đối với các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, cũng còn lỏng lẻo và có nhiều sơ hở, dẫn đến mất mát ở nhiều khâu. Trước hết là mất ở khâu **khai sản lượng**. Chẳng hạn ở công ty dầu khí, do cán bộ của ta ít hiểu biết về kỹ thuật, không thông thạo về nghiệp vụ, nên họ khai rút sản lượng ở máy đo ; từ 70% xuống còn 50%. Như vậy ta sẽ bị thiệt kép : lợi nhuận được chia (theo tỉ lệ góp vốn) giảm, thuế giảm. Trong khâu **thu thuế**, nhiều địa phương chưa khai thác hết các loại thuế phải thu và các nguồn thu từ các xí nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Còn đề thất thu, đặc biệt là các khoản thuế sau :

1- **Thuế nhập khẩu**. Theo quy định của luật đầu tư nước ngoài, các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chỉ được miễn thuế nhập khẩu đối với số máy móc thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải nào nhập để góp vốn hoặc để xây dựng xí nghiệp, còn đối với số nhượng bán tại thị trường Việt nam thì không được miễn. Trong thực tế, nhiều xí nghiệp đã nhượng bán số đó tại thị trường Việt nam mà không kê khai, việc kiểm tra của cơ quan thuế lại chưa tốt, nên đã để thất thu hàng trăm tỉ đồng tiền thuế nhập khẩu hằng năm.

2- **Thuế lợi tức**. Thuế này cũng thất thu khá lớn. Nhiều xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đặc biệt là các xí nghiệp 100% vốn nước ngoài) đã lợi dụng việc *chuyển giá* giữa công ty mẹ ở nước ngoài với công ty con ở Việt nam để trốn thuế lợi tức phải nộp. Cụ thể là họ tìm cách nâng giá *đầu vào* (các máy móc, thiết bị, vật tư nhập khẩu) và hạ giá *đầu ra* (sản phẩm xuất khẩu) hoặc nâng giá chuyển giao công nghệ và phí quản lý giữa công ty mẹ cho công ty con ...

Ngoài những khoản thuế vừa nói, còn nhiều khoản thu khác đáng lẽ phải thu nhưng chưa thu được vì chưa có chính sách, hoặc đã có chính sách nhưng chưa quy định cụ thể.

Một điều đáng chú ý nữa là rất nhiều cán bộ Việt nam tham gia *hội đồng quản trị* và *ban giám đốc* các xí nghiệp liên doanh

hiện nay đều yếu về kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý và luật lệ. Ngay cả những quyền hạn và trách nhiệm của họ đã được nhà nước ta quy định trong luật đầu tư nước ngoài, họ cũng chưa nắm vững, do đó không bảo vệ được quyền lợi của nhà nước ta trong liên doanh. Đó là chưa kể một số không ít cán bộ quản lý của ta đã bị đối tác đầu tư nước ngoài mua chuộc bằng "phong bao", "quà biếu", nên đã làm ngơ hoặc không dám đấu tranh chống những hành động làm thiệt hại cho nhà nước ta và vi phạm quyền lợi của công nhân ta. Tổ chức công đoàn cũng mới có ở một số ít xí nghiệp liên doanh, phương thức hoạt động còn lúng túng. Đặc biệt, công đoàn vẫn chưa chen chân được vào các công ty trách nhiệm hữu hạn và các đơn vị có 100% vốn nước ngoài. Theo số liệu của Tổng liên đoàn lao động Việt nam, ba tháng đầu năm 1995, trên cả nước đã xảy ra 11 cuộc đình công, có những cuộc đình công quy mô khá lớn, thu hút nhiều người lao động, có nơi lên đến 250 người.

Những tồn tại kể trên đã làm giảm sút đáng kể hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong thời gian qua.

II

Từ thực tế chúng tôi cho rằng, việc **cải thiện môi trường đầu tư**, tăng sự hấp dẫn đối với vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, cần có các giải pháp chủ yếu :

1) *Khẩn trương thực hiện quy chế hình thành, thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài.* Đặc biệt, cần chú ý những điểm sau đây :

+ *Nguyên tắc "một cửa"*. Trên một hoặc một số loại công việc, có một cơ quan làm đầu mối giao dịch và giải quyết công việc, không bắt nhà đầu tư phải chạy vòng quanh hết cơ quan nhà nước này đến cơ quan nhà nước khác. Nên thiết kế lại quy chế làm việc từ trung ương đến địa phương, xác định cụ thể quan hệ giữa cơ quan đầu mối với cấp trên và các ngành liên quan, phù hợp với điều kiện của cấp trung ương và từng địa phương.

+ Khi nhận được kiến nghị, cơ quan cần *trả lời* cho đương sự *trong thời gian quy định*. Quá thời gian quy định mà không trả lời thì coi như đồng ý với kiến nghị và chịu trách nhiệm về kiến nghị đó.

+ Phía đối tác Việt nam *chuẩn bị kỹ dự án đầu tư trước khi tiếp xúc với bên nước ngoài* để rút ngắn thời gian đàm phán, nâng cao chất lượng hồ sơ dự án.

+ Thời gian thẩm định và cấp giấy phép đầu tư cho dự án *nhóm A* nên từ 60 đến 65 ngày, *nhóm B* là 45 ngày (không kể thời gian chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ dự án), thay vì 3 tháng như đã định. Việc xét cho thuê đất tiến hành đồng thời với việc thẩm định dự án để trong vòng 30 ngày sau khi có giấy phép đầu tư, hoàn thành hợp đồng cho thuê đất và cấp giấy phép chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời gian thẩm định thiết kế xây dựng và cấp giấy phép xây dựng nên rút ngắn còn 20 ngày và 10 ngày.

2) *Tiếp tục đi sâu nghiên cứu các thông lệ đầu tư quốc tế và kinh nghiệm của các nước*, nhất là các nước đang ra sức thu hút đầu tư nước ngoài, để điều chỉnh hoặc bổ sung luật đầu tư nước ngoài và các quy định dưới luật của ta cho phù hợp hơn. Trước hết, sửa ngay những văn bản chung chung, không cụ thể và những quy định cái nọ "đá" cái kia, nhằm có một hệ thống chính sách và pháp luật hoàn chỉnh, thống nhất từ trung ương đến các ngành, các địa phương.

Tiếp tục xem xét cải tiến hệ thống thuế, giá thuê đất, giá sử dụng tài nguyên. Đối với các dự án đầu tư vào kết cấu hạ tầng, vào các vùng xa xôi hẻo lánh, nên chăng không thu tiền thuê đất, không đánh thuế doanh thu và thuế lợi tức trong một thời gian có thể tới 10 năm. Nghiên cứu chính sách để khuyến khích Việt kiều ở nước ngoài hùn vốn ngoại tệ xây dựng các xí nghiệp liên doanh ở Việt nam.

3) *Tiếp tục cải thiện các cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc đầu tư trực tiếp của nước ngoài* (đồng bộ hóa các kết cấu hạ tầng : giao thông vận tải, điện, nước, thông tin bưu

điện...). Đẩy mạnh xây dựng các khu chế xuất, các đặc khu kinh tế ở các vị trí thích hợp.

4) *Phát triển các dịch vụ cho việc đầu tư trực tiếp của nước ngoài*, như các trung tâm giới thiệu việc làm, giới thiệu công nhân có tay nghề, cán bộ kỹ thuật, các trung tâm cung ứng vật tư, các trung tâm điều hòa ngoại hối... Đồng thời, coi trọng việc nâng cao chất lượng các mạng lưới phục vụ các nhà đầu tư nước ngoài (về ăn, ở, đi lại, giải trí...) để họ yên tâm làm ăn lâu dài với Việt nam.

5) *Đẩy mạnh chống tham nhũng* trong số cán bộ, nhân viên trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến việc xét duyệt, thẩm định, thực hiện dự án đầu tư vốn trực tiếp của nước ngoài ; trong số cán bộ trực tiếp tham gia quản lý xí nghiệp liên doanh với nước ngoài. Làm tốt điều này, chắc chắn các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm, không lo việc bị giảm lợi nhuận hoặc mất vốn.

Cùng với việc cải thiện môi trường đầu tư, việc **nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài** đòi hỏi phải :

1) Tích cực thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào *các lĩnh vực và các ngành cần thiết cho việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* theo kế hoạch và quy hoạch của nhà nước. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, bảo đảm số lượng và chất lượng nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động. Coi trọng một số ngành *mũi nhọn* như điện tử, dầu khí, một số ngành mà ta có thể mạnh về lao động (như dệt, may, giày), có vị trí địa lý và giao lưu thuận lợi (như sửa chữa, bảo trì tàu biển và máy bay), hoặc có nhiều tài nguyên giá trị lớn (như bô xít, đồng, sắt ; thủy sản). Cần hướng đầu tư của nước ngoài vào việc sản xuất hàng xuất khẩu. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải có luận chứng có căn cứ chắc chắn về xuất khẩu và thu ngoại tệ, có bảng cân đối ngoại tệ rõ ràng, và phải thực hiện nghiêm túc những điều đã quy định ; nếu tự ý tăng tỷ lệ sản phẩm tiêu thụ trong nước

lên quá mức quy định thì sẽ bị xử lý bằng các biện pháp thích hợp. Cần khuyến khích thích đáng các đối tác nước ngoài dùng lãi được chia để tái đầu tư mở rộng sản xuất. Về phía ta, cũng cần tích cực nâng dần tỷ lệ tham gia vốn đầu tư trong liên doanh, bằng số lãi được chia, bằng vốn ngân sách và bằng việc góp cổ phần.

2) Đặc biệt coi trọng những vấn đề về chuyển giao công nghệ, kinh nghiệm quản lý, sử dụng và đào tạo nhân lực, thâm nhập thị trường bên ngoài. Cần quan niệm *công nghệ* một cách toàn diện : ngoài thiết bị, còn có quản lý, thông tin và con người, là ba yếu tố thuộc *phần mềm* của công nghệ mà ta có khả năng phát huy cao độ. Việc thu hút và sử dụng vốn trực tiếp của nước ngoài phải đưa lại cho ta kỹ thuật hiện đại, phương pháp quản lý tiên tiến và một đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề. Các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài cần được thẩm định chính xác và nghiêm túc về mặt công nghệ. Thành lập các cơ quan đầu mối để có thể kịp thời tập hợp, phân tích, tổng hợp theo quy định các thông tin về thiết bị, công nghệ thế giới. Bộ khoa học- công nghệ và môi trường cần phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhà nước về hợp tác đầu tư để thẩm định các dự án đầu tư của nước ngoài về mặt công nghệ, có sự phân công, phân cấp rành mạch và có thưởng, phạt nghiêm minh. Trong khi thẩm định các dự án, vấn đề bảo vệ môi trường cũng cần được xem xét kỹ.

3) Tăng cường *công tác quản lý nhà nước* đối với việc thực hiện các dự án đã được cấp giấy phép và đối với các cơ sở có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã đi vào hoạt động.

Trước hết, cần rà soát lại đội ngũ cán bộ của ta trong các nghiệp liên doanh được bố trí vào các chức vụ như *tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, chủ tịch, ủy viên hội đồng quản trị* hoặc ban kiểm tra, để kịp thời thay thế hoặc đưa đi đào tạo lại. Đối với những cán bộ dự kiến bố trí vào các liên

(Xem tiếp trang 56)

Tri thức và quyền lực

THÁI SON

ĐÃ có một thời, ở khá nhiều nơi đã hình thành một tác phong lãnh đạo, quản lý : lấy quyền lực thay cho tri thức. Có không ít cán bộ lãnh đạo, quản lý, được mọi người gọi là "sếp" (theo cách gọi của thời "Tây"). Ai cũng sợ "sếp", bởi vì "sếp" muốn thưởng ai, cất nhắc ai, kẻ ấy được lợi ; muốn phạt ai, trừ dập ai, kẻ ấy chỉ biết kêu trời. Có "sếp" chỉ làm việc bằng cái đầu của mình trong những toan tính cá nhân, lo bảo vệ cái "ghế" của mình, còn trong lãnh đạo, quản lý thì dựa vào cái đầu của người khác. Ưu điểm thì giành về phần mình, khuyết điểm thì đổ lỗi cho người khác. Vì thế, những ông "sếp" ấy ít có khả năng tiếp thụ thông tin, kỹ thuật mới, ít có khả năng sáng tạo, thay cũ đổi mới. Để lấp liếm, che giấu cái yếu kém về tri thức của mình, họ thường dùng quyền lực để ra mệnh lệnh, áp đặt cho bên dưới. Hễ nghe ý kiến trái ngược với ý của mình là vội dập bàn, quát tháo, quy chụp cho cái tội chống lệnh cấp trên. Ai làm trái ý mình là quy chụp cho tội thiếu ý thức tổ chức và đòi cách chức, dọa đuổi khỏi cơ quan, cho chuyển công tác khác hoặc nghỉ hưu. Theo họ, lý của người có chức bao giờ cũng đúng. Xung quanh "sếp" bao kẻ thư lại đều cùng một mẫu người chỉ biết dùng

quyền lực, xem thường tri thức.

Đến nay, trong công cuộc đổi mới đất nước, rất nhiều yêu cầu mới đặt ra. Không ít "sếp" mới vỡ lẽ ra rằng, quyền lực không thể thay thế cho tri thức được. Nhiều "sếp" lúng ta lúng túng như gà mắc tóc trong quản lý, điều hành, không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Vì vậy, đã có "sếp" bị đào thải. Nhưng cũng có nhiều "sếp" do biết tự học tập, rèn luyện, thực sự coi trọng tri thức, nên vẫn tự khẳng định được mình, tìm được các giải pháp để đưa đơn vị mình vượt qua khó khăn, vững bước đi lên.

Bên cạnh những "sếp" thực sự cầu thị, nghiêm túc "tâm sự học đạo", quyết tâm theo học tại các trường đại học, các trung tâm khoa học, với mong muốn nâng cao kiến thức để phục vụ ngày càng tốt hơn, có hiệu quả thiết thực hơn, thì vẫn còn không ít "sếp" không chịu học. Các "sếp" này vin vào đủ cớ, đưa ra đủ thứ lý do thoái thác việc học, mà thực ra là ngại học, lười học. Có những "sếp" đi học chỉ là đối phó, cố kiếm cho được tấm bằng để làm tấm bình phong, che đỡ cho cái quyền uy ọp ẹp của mình.

Với hình thức "đào tạo từ xa" tại các "trung tâm đại học tại chức", "đại học mở" cấp tốc, ngắn hạn mà hiện nay đang mọc lên như nấm, tới tận

các tỉnh, huyện, thì chỉ cần một "cua" 12 tháng, 18 tháng thôi là các "sếp" đã có trong tay tấm bằng đại học rồi. Nếu cần, không chỉ một bằng, mà hai, ba bằng đại học, thậm chí cả bằng phó tiến sĩ nữa "sếp" cũng có.

Vấn đề không phải là ở những tấm bằng mà là khả năng thực tế, là thực tài. Có nhiều "sếp" tóc đã điểm sương, nhưng thực sự vì trách nhiệm với công việc mà quyết tâm đi học. Họ là động lực và tấm gương đối với mọi người. Nhưng đáng phê phán là trong thực tế có nhiều "sếp" coi việc đi học như là "mốt" thời thượng vậy. Suốt cả một khóa học, "sếp" chỉ có mặt hôm khai giảng, những lần trả bài thi (mà đã có các "quân sư" làm sẵn cho), và hôm bế giảng, nhận bằng. Người ta có thể thông cảm phần nào cho "sếp", do bận bao nhiêu việc của cơ quan. Thế nhưng về kiến thức và vai trò lãnh đạo của "sếp" liên quan đến số phận hàng trăm, hàng ngàn, thậm chí hàng triệu con người, liên quan đến sự phát triển hoặc trì trệ của cuộc sống và xã hội, mà với cách học, kiểu học như vậy thật chẳng đáng lo lắm sao ? Thiết nghĩ đối với những "sếp" học hành kiểu ấy thì đơn vị chủ quản mở lớp học và cấp phát bằng, đến các cấp, các ngành có liên quan trong việc bổ nhiệm cán bộ chủ chốt vào các công việc lãnh đạo, quản lý cần có sự quan tâm và xem xét một cách nghiêm túc □



QUAN HỆ BẮC - NAM

VŨ HIỀN

QUAN hệ Bắc - Nam là thuật ngữ thường dùng hiện nay để chỉ mối quan hệ giữa các nước phát triển với các nước thuộc "thế giới thứ ba", một bộ phận độc đáo và đông dân của thế giới. Nếu như việc bảo đảm hòa bình và tiến bộ, bảo đảm sự sống còn của nền văn minh là đòi hỏi và nhiệm vụ mang tính toàn cầu, thì việc cùng nhau tìm kiếm những con đường và những phương pháp giải quyết những vấn đề đặt ra của các dân tộc Á, Phi, Mỹ la tinh là cấp bách.

Ở các nước này, bên cạnh vấn đề ổn định chính trị, hòa bình, thì phát triển là vấn đề gay gắt hơn bất kể nơi nào khác. Tình trạng đói khát, bệnh tật, mù chữ, nghèo khổ đang diễn ra trầm trọng. Hàng tỉ người, thực tế là một phần ba số người trên hành tinh, đang bị thiếu đói. Thiệt thòi nhất là trẻ em. 40 triệu em lâm vào cảnh đói khát, không có cơm ăn ; trên 100 triệu em không có nhà ở, phải sống bằng các "nghề" như móc túi, hành khất, mại dâm ; trên 120 triệu em từ 6 đến 11 tuổi không được cấp sách tới trường. Ai cũng biết rằng, nguyên nhân chính của tình cảnh bi thảm đó là do chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, là do sự cách biệt sâu sắc giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển.

NHỮNG ĐIỀU DỄ NHÌN THẤY

Hiện nay ở các nước thuộc "thế giới thứ ba", tai họa đáng sợ nhất chính là *món nợ khổng lồ*. Tính đến năm 1993, số nợ đã lên tới 1300 tỉ đô la. Do nợ quá lớn, chương trình phát triển xã hội càng co hẹp do phải dành tiền để trả nợ. Nạn đói, bệnh tật, thất nghiệp là hiện tượng thường xuyên.

Hầu hết các nước đang phát triển đều ở tình trạng chưa trả xong nợ đã phải vay thêm

để có tiền trả lãi hoặc thanh toán phần nào nợ cũ. Đối với các nước nghèo khổ nhất hành tinh, nợ nước ngoài thực tế đã trở thành một thứ nô dịch. Nợ ngày càng chồng chất vì lãi mẹ đẻ lãi con. Tính đến đầu những năm 90, nợ của các nước "thế giới thứ ba" tổng cộng chiếm khoảng 40% tổng sản phẩm và gần 150% kim ngạch xuất khẩu của các nước đó. Để có tiền thanh toán nợ, chính phủ các nước này buộc phải từ bỏ một loạt ngành công nghiệp cần thiết trong nước, tăng thêm sản lượng hàng xuất khẩu, thực hiện chính sách "thắt lưng buộc bụng" hơn nữa.

Thế nhưng, do không đủ ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hóa, các nước đang phát triển xâm nhập thị trường quốc tế hết sức khó khăn. Rốt cuộc, hầu hết các nước này dù cố cũng chỉ có thêm chút ít hàng xuất khẩu là các loại nguyên liệu thô, các loại nông, lâm, hải sản chưa qua chế biến. Các mặt hàng này hiện chiếm tới 90% tổng số hàng xuất khẩu của các nước châu Phi, 65% tổng số hàng xuất khẩu của các nước Mỹ la tinh. Một khó khăn nữa trong xuất khẩu là khi các nước giàu đồng loạt đòi nợ, thì các nước nghèo phải cạnh tranh nhau để xuất khẩu những loại hàng cùng dạng nên càng làm tụt giá xuống. Trong điều kiện giá hàng xuất khẩu tính theo đô la thì điều đó cũng có nghĩa : mức lãi suất *thực tế* mà họ phải trả cho các khoản nợ sẽ cao hơn mức lãi suất *danh nghĩa* ghi trên các hợp đồng vay nợ. Người ta đã tính, do phải hạ giá hàng xuất khẩu, những năm 80, các nước nghèo đã phải trả nợ với lãi suất thực tế là 17%, trong khi đó các quốc gia công nghiệp chỉ phải trả 4%. Mọi cố gắng trả nợ đều không theo kịp với sự sụt giá hàng xuất khẩu. Vậy là càng trả nợ thì con nợ càng nợ thêm. Điều đó làm cho tài nguyên của các nước nghèo ngày càng cạn

kiệt ; họ dù cố gắng đến mấy cũng không sao vươn lên được.

Hiện nay, những công ty xuyên quốc gia của chủ nghĩa tư bản có khả năng gây sức ép rất mạnh và rất trắng trợn đối với các nước đi vay. Đầu những năm 90, 20 công ty xuyên quốc gia về bảo hiểm, buôn bán, công nghiệp và tài chính đã kiểm soát 19% tổng sản phẩm thế giới. Với cách khống chế giá hàng xuất khẩu đối với các nước khốn khó như đã nêu ở trên, các công ty này hoàn toàn chi phối và bóp nghẹt những nước nghèo đi vay.

Do sự phụ thuộc tăng thêm của "thế giới thứ ba" vào các nước giàu, trên thế giới đã hình thành một trật tự hết sức bất bình đẳng và đầy mâu thuẫn. Cùng với sự chi phối vùng ngoại vi về kinh tế, các nước phát triển chi phối luôn vùng này về tri thức, truyền thông và văn hóa. Trong thập kỷ 80, 97% công trình nghiên cứu khoa học trên thế giới là do các nước công nghiệp hàng đầu thực hiện ; 71% chương trình vô tuyến truyền hình thu nhận tại 122 nước thuộc "thế giới thứ ba" là do Mỹ và Nhật bản soạn thảo ; 65% lượng thông tin phổ biến trên thế giới là xuất phát từ Mỹ. Trong bối cảnh như vậy, nền kinh tế và văn hóa của các nước thuộc "thế giới thứ ba" khó mà tránh khỏi bị mất đi bản sắc.

Các cuộc tranh luận xung quanh việc giải quyết nợ nần của các nước nghèo thường bị các chuyên gia siêu hạng của phương Tây tung hỏa mù. Theo họ, nếu các nước "thế giới thứ ba" không trả hết nợ thì các ngân hàng phương Tây sẽ sụp đổ hết. Phương Tây sẽ chịu nhiều đau khổ chỉ vì đã "tốt bụng" cho vay mà không đòi lại được ! Có đúng như vậy không ? Người ta đã tính : từ năm 1980 đến năm 1982, các nước đang phát triển vay của các nước công nghiệp là 49 tỉ đô la ; nhưng từ năm 1983 đến năm 1989, các nước công nghiệp đã thu về tới 242 tỉ đô la !

Tính bị thảm đặc biệt của quan hệ kinh tế Bắc - Nam còn là hậu quả trực tiếp của các chính sách gây căng thẳng mà các cường quốc tư bản chủ nghĩa, trước hết là Mỹ, thi hành trên phạm vi toàn cầu. Việc sử dụng bạo lực để trừng phạt, răn đe, chủ nghĩa can thiệp độc

đoán vẫn đang được thực thi. Các đòn trừng phạt như cấm vận, bao vây tín dụng và kỹ thuật, phân biệt đối xử trong quan hệ kinh tế, khoa học - kỹ thuật ... đã và đang ngăn cản quá trình hợp tác quốc tế, và ngày càng đẩy các nước nghèo vào thế bất lợi.

Tuy nhiên, với xu thế của thế giới hiện nay là sự quốc tế hóa mọi mặt đời sống, đặc biệt là về kinh tế, với tác động ngày càng lớn của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại thúc đẩy nhanh sự hợp tác và phân công quốc tế, các nước trên thế giới tuy đầy mâu thuẫn nhưng vẫn thống nhất trong sự tùy thuộc nhau. Sự tùy thuộc nhau này, đặc biệt là tùy thuộc về kinh tế, đã trở thành một yếu tố quyết định các quan hệ kinh tế thế giới, trong đó có quan hệ Bắc - Nam.

ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC TƯ BẢN PHÁT TRIỂN

Thế giới "sau Liên xô và Đông Âu sụp đổ", sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học, kỹ thuật đưa tới nhiều lợi thế cho các nước tư bản phát triển. *Trước hết*, họ đỡ được gánh nặng đáng kể trong việc phải đương đầu với chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu trước đây. *Hai là*, nhờ chiếm ưu thế trong lĩnh vực cách mạng khoa học và công nghệ, họ có rất nhiều thế mạnh trong quan hệ với các nước "thế giới thứ ba". Với sức mạnh áp đảo về kinh tế, quân sự và truyền thông, họ thường sử dụng chính sách "cái gậy và củ cà rốt", vừa đe dọa vừa mua chuộc để buộc các nước kém phát triển phải tuân theo ý muốn của họ. Tuy vậy, trong bối cảnh trật tự hai cực trên thế giới đã bị phá vỡ, tính thống nhất và hướng tâm của thế giới tư bản đã bị lung lay, xu hướng ly tâm, phân cực trong hệ thống tư bản thế giới khá rõ, mỗi trung tâm và mỗi nước tư bản phát triển đều cần đến "thế giới thứ ba" vốn là khu vực ngoại vi và điểm tựa cho sức mạnh của mình, thì các nước đang phát triển rõ ràng có thể lợi dụng bối cảnh đó để có bước đi phù hợp.

Hơn nữa, trong quan hệ với "thế giới thứ ba", khi những xiềng xích về chính trị buộc lên cổ các nước kém phát triển đã bị phá vỡ

như hiện nay, thì những xiềng xích về kinh tế cũng không thể như trước. Việc cho vay nợ để cột chặt các nước này vào guồng máy của các nước giàu, đang bị lên án mạnh mẽ. Các thủ thuật làm giàu bất chính đang bị phanh phui. Các nước thế giới thứ ba trong hoàn cảnh vừa bị lệ thuộc, vừa bị bóc lột theo kiểu "văn minh" hơn trước, đã tìm mọi cách thoát khỏi sự lệ thuộc ấy. Họ đang dựa vào nhau trong cộng đồng các nước không liên kết, tìm ra tiếng nói chung để giải quyết các món nợ, bắt đầu "có phường, có bạn" trong cuộc đấu tranh này. Vì vậy, các nước chủ nợ không còn có thể gây sức ép đối với các nước đi vay như trước, họ cũng phải chịu sức ép trở lại, phải tính đến cách giải quyết những phần lãi phi lý nếu cộng đồng các nước vay nợ biết đoàn kết đấu tranh, không cam chịu để bị bóc lột như trước.

ĐỐI VỚI CÁC NƯỚC THUỘC "THẾ GIỚI THỨ BA"

Điều kiện và xu thế mới của thế giới làm cho các nước thuộc "thế giới thứ ba" đứng trước nhiều thách thức và nguy cơ mới. Nội bật nhất là *nguy cơ tụt hậu*. Trong lúc nền kinh tế của các nước này còn nhiều chập chững và yếu kém thì các nước công nghiệp phát triển từ lâu đã có bước đi vững chắc với ưu thế áp đảo về nhiều mặt. Thêm vào đó, do điểm xuất phát thấp, trong khi phát triển theo kế hoạch và định hướng lâu dài, các nước thuộc "thế giới thứ ba" còn liên tục phải giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách như xóa đói, giảm nghèo, thanh toán dịch bệnh ... Trong hoàn cảnh như vậy, nếu không có bước đi hợp lý, các nước phương Nam khó tránh khỏi bị tụt hậu xa hơn trong cuộc chạy đua kinh tế diễn ra trên quy mô toàn thế giới như hiện nay.

Một thách thức nữa là, sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên xô sụp đổ, các nước tư bản phát triển đã và đang hướng mạnh việc đầu tư và chuyển giao công nghệ vào các nước này là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi (về thị trường, về tài nguyên ...) để thu lợi lớn. Và lại, ngay bản thân các nước tư bản phát triển và các tổ chức

kinh tế của họ cũng đang bị khủng hoảng, gặp nhiều khó khăn chồng chất, nên không thể dồi dào cho người khác. Khả năng viện trợ hoặc giúp đỡ ở các nước khác như kiểu "Kế hoạch Mác-san" ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai không thể diễn ra.

Bên cạnh những thách thức và khó khăn, "thế giới thứ ba" cũng có thời cơ và thuận lợi. Những thuận lợi mới của các nước đang phát triển trong cuộc chạy đua kinh tế hiện nay thể hiện ở mấy khía cạnh sau :

Một là, khi các nước phương Nam đã tự khẳng định được ở mức tương đối, thì sự áp đặt của phương Bắc đối với quá trình phát triển của phương Nam sẽ bị hạn chế. Theo nhận định của một số nhà khoa học, nếu như trước đây, Đông - Nam Á là cái toa xe của Mỹ, nền kinh tế phải chịu ảnh hưởng tới 85%, thì trong 10 năm gần đây, Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản đã mất dần vai trò đầu tàu.

Hai là, trong khi ảnh hưởng của các nước phương Bắc đối với phương Nam có phần giảm đi như vậy, thì vai trò của phương Nam đối với phương Bắc lại có phần tăng lên. Vì sao như vậy ? Trong những năm gần đây, nền kinh tế các nước tư bản phát triển đã phát triển chậm lại. Cuộc đấu tranh giành thị trường ảnh hưởng giữa các trung tâm tư bản chủ nghĩa thế giới diễn ra quyết liệt. Xu thế liên kết trong phạm vi từng khu vực tăng lên, làm cho phạm vi khống chế của các tập đoàn tư bản lớn đối với thị trường thế giới tư bản chủ nghĩa có phần giảm đi. Trong khi đó, thị trường và khu vực kinh tế ở Đông Âu và Liên xô (cũ) thoát nhìn tưởng như "miếng thịt béo bở", nhưng thực ra không phải. Do tình hình kinh tế - xã hội các nước này chưa thật ổn định, không ai dại gì mạo hiểm bỏ vốn lớn vào đây. Trong bối cảnh như vậy, cùng với việc tiếp tục cạnh tranh nhau để xâm nhập sâu thị trường nội địa các nước tư bản chủ nghĩa cũng như thị trường các nước Đông Âu và Liên xô (cũ), các nước phương Bắc đương nhiên có nhu cầu hướng tới phương Nam. Theo tính toán của Ngân hàng thế giới, năm 1993 nhập khẩu của các nước đang phát triển đã tăng gấp đôi so với các nước phát triển, như vậy thị trường ở đây

đã mở rộng với nhịp độ nhanh nhất. Chẳng thế mà tháng 11 - 1993, chính phủ Mỹ đã đưa ra chiến lược "xuất khẩu toàn quốc" đặt trọng điểm vào các nước đang phát triển. Theo chiến lược này, trong 20 năm tới, 3/4 mức tăng buôn bán quốc tế của Mỹ là dựa vào thị trường các nước đang phát triển. 10 quốc gia mà Bộ thương mại Mỹ chọn là đối tượng xuất khẩu trọng điểm đều là các nước phương Nam. Trên thực tế, từ năm 1988 đến năm 1992, Mỹ đã tăng gấp đôi lượng hàng xuất khẩu sang châu Á, góp phần quan trọng vào việc giảm nhẹ gánh nặng suy thoái của Mỹ.

Ba là, các nước công nghiệp mới cũng như Trung quốc và Việt nam đã nêu những kinh nghiệm và bài học mới sống động cho các nước phương Nam về giải quyết thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế. Đó là sự ổn định về chính trị, có chiến lược phát triển hợp lý trên cơ sở tìm và phát huy lợi thế so sánh của mình ; là hội nhập, mở cửa với bên ngoài, thông thoáng ở bên trong, nhưng phải giữ vững

độc lập về chính trị và kinh tế, không để bị hòa tan.

Tất cả những điều vừa trình bày trên cho thấy tính phức tạp của quan hệ Bắc - Nam và những yếu tố thay đổi trong mối quan hệ ấy. Trong những năm cuối của thập kỷ 90 này, nền kinh tế các nước phương Tây sẽ vẫn giữ mức phát triển thấp, trong khi đó, nhiều nước ở châu Á tiếp tục dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng. Mâu thuẫn Bắc - Nam tiếp tục diễn ra trong những điều kiện mới, theo phương hướng, cách thức phát triển của các nước phương Nam. Việc giải quyết các tồn đọng, nhất là giải quyết vấn đề nợ, đòi hỏi phải có cách nhìn toàn cầu, có sự phối hợp toàn cầu trên cơ sở hai bên cùng chấp thuận được. Vấn đề là các nước phương Nam phải tìm mọi cách vươn lên, bứt ra khỏi sự phụ thuộc tuyệt đối vào "thế giới" phương Bắc về kinh tế. Trật tự thế giới về kinh tế phải được sắp xếp lại trên cơ sở bình đẳng, mọi dân tộc lớn nhỏ đều được tôn trọng □

Hiệu quả...

(Tiếp theo trang 51)

doanh mới, cần có sự chuẩn bị, lựa chọn chu đáo, nghiêm ngặt, đúng tiêu chuẩn đức, tài, có phẩm chất, có kiến thức về nghề nghiệp, về kỹ thuật, thông thạo luật pháp quốc tế. Tránh tình trạng cơ quan, xí nghiệp, ngành nào có đất, có cơ sở cũ, là đương nhiên có quyền cử cán bộ của mình, dù cán bộ đó không có kỹ thuật và nghiệp vụ, vào cấp lãnh đạo xí nghiệp liên doanh, như đã xảy ra ở một số địa phương.

Cán bộ Việt nam làm phó tổng giám đốc thứ nhất của liên doanh cần nắm vững quy định của Luật đầu tư nước ngoài. Tổng giám đốc phải trao đổi với phó tổng giám đốc thứ nhất trước khi quyết định những vấn đề quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của xí nghiệp liên doanh như : bộ máy tổ chức cán bộ, tiền lương, tiền thưởng ; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức vụ chủ chốt của các bộ phận trong xí nghiệp ; báo cáo

quyết toán từng thời kỳ, từng năm của xí nghiệp ; ký kết các hợp đồng kinh tế. Khi có ý kiến khác nhau giữa tổng giám đốc và phó tổng giám đốc thứ nhất về các vấn đề nêu trên, phó tổng giám đốc thứ nhất được quyền bảo lưu ý kiến và được đưa ra Hội đồng quản trị xem xét tại một phiên họp gần nhất hoặc kiến nghị với chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết. Điều cần chú ý là theo Luật đầu tư nước ngoài, tổng giám đốc hoặc phó tổng giám đốc thứ nhất phải là người của bên Việt nam và là công dân Việt nam, cư trú tại Việt nam. Nếu cán bộ của ta sử dụng đầy đủ quyền của mình như nêu trên và có bản lĩnh, có kiến thức cần thiết, thì hoàn toàn có thể nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, ngăn chặn những hành động sai trái của bên đối tác nước ngoài, bảo vệ những quyền lợi chính đáng, hợp pháp của nhà nước ta cũng như của cán bộ và người lao động Việt nam trong liên doanh □



"CÔNG TY" LÀ MÔ HÌNH TỔ CHỨC KINH DOANH CÓ THỂ ÁP DỤNG Ở TRUNG QUỐC

TÁC giả Vương Trước trong bài báo nhan đề "Bàn về việc "Trung quốc hóa" mô hình công ty hiện đại phương Tây", đăng tại nguyệt san *Tân hoa văn trích* (Trung quốc) số 3-1995 đã nêu lên những ưu điểm của mô hình công ty và cho rằng tuy đó là tổ chức kinh tế tư nhân, nhưng chế độ xã hội chủ nghĩa Trung quốc có thể vận dụng được, chỉ cần, khi vận dụng phải chú ý đặc điểm Trung quốc.

Bài báo cho biết : dưới chủ nghĩa tư bản phương Tây, "công ty" có hai đặc điểm chính là "tư nhân" và "hiện đại". Bài báo nêu hai vấn đề: 1) Trung quốc là một nước xã hội chủ nghĩa, trong đó, chế độ công hữu là chủ thể của nền kinh tế, vậy làm thế nào để vận dụng hình thức công ty của phương Tây, thực hiện sự thống nhất giữa chế độ công hữu và chế độ công ty. 2) Tại Trung quốc, những doanh nghiệp quốc hữu nào có thể chuyển sang hình thức công ty?

Trước hết, tác giả cho rằng cơ chế hoạt động chủ yếu của công ty tư bản phương Tây là việc vận dụng tư cách "pháp nhân". Sự xuất hiện "tư cách pháp nhân" đã làm nảy sinh một cuộc cách mạng trong cơ chế quản lý kinh doanh xí nghiệp tư bản chủ nghĩa. Từ đó, hình thành sự phân công giữa một bên là quyền sở hữu tài sản (chủ sở hữu cổ phần) và quyền sở hữu pháp nhân (người quản lý kinh doanh). Đó cũng là hình thức quản lý mà các công ty dưới chủ nghĩa xã hội có thể áp dụng, nhằm kết hợp chế độ công hữu và chế độ công ty. *Bước thứ nhất*, thực hiện hợp đồng "ủy quyền", "đại diện", tức là chủ sở hữu cổ phần "ủy quyền" cho chủ tịch Hội đồng quản trị. Đó là sự xác định quan hệ giữa một bên là quyền sở hữu tài sản của chủ sở hữu tài sản và một bên là quyền sở hữu tài sản của pháp nhân. (Điều này cũng có nghĩa, hai bên đều có quyền sở hữu tài sản, nhưng tính chất của quyền sở hữu đó có sự khác nhau một cách căn bản - chủ thích của người dịch). *Bước thứ hai* là Hội đồng quản trị giao quyền (nguyên văn : giao thầu) cho tổng giám đốc ; tổng giám đốc (người kinh doanh xí nghiệp) tiếp

nhận quyền sở hữu tài sản của tư cách pháp nhân do đại diện pháp nhân xí nghiệp (Hội đồng quản trị) giao cho. Như vậy, tổng giám đốc là người kinh doanh xí nghiệp. Tổng giám đốc tiếp nhận quyền sở hữu tài sản của pháp nhân do Hội đồng quản trị giao cho, để đảm nhận trách nhiệm gia tăng giá trị tài sản công hữu. Tất cả những quan hệ "ủy quyền", "đại diện", "giao" và "nhận" đều được thể hiện bằng hợp đồng. Trong hợp đồng ghi rõ những yêu cầu, những điều kiện của bên giao quyền, và trách nhiệm, quyền hạn của bên tiếp nhận. Trong đó, chỉ tiêu "gia tăng giá trị tài sản công hữu" là quan trọng nhất. Hợp đồng "giao quyền và nhận quyền" là căn cứ mang tính chất pháp luật để khen thưởng, hoặc xử phạt.

Cơ chế phân công quyền lực nói trên thực tế là hình thức chuyển giao quyền lực và giám sát việc thực thi quyền lực. Một mặt, các chủ sở hữu tài sản có quyền căn cứ vào những quy định trong hợp đồng để kiểm soát chức trách của Hội đồng quản trị. Mặt khác, Hội đồng quản trị có quyền căn cứ vào hợp đồng để kiểm soát tổng giám đốc. Như vậy, người kinh doanh vừa có quyền lực tập trung, vừa chịu trách nhiệm tập trung, tránh được tình trạng quá nhiều chủ trong một đơn vị.

Bằng cơ chế hợp đồng nói trên, trong một xí nghiệp cũng có thể có nhiều thành phần kinh tế khác nhau, có nhiều chủ cổ phần khác nhau. Một công ty do xí nghiệp quốc hữu có tư cách pháp nhân điều hành, hoặc một công ty trách nhiệm hữu hạn do nhà nước nắm cổ phần khống chế, đều có thể kêu gọi các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia cổ phần. Đây là sự "liên hợp" về quyền sở hữu chứ không phải là sự "hỗn hợp" quyền sở hữu ; không phải là "kinh tế hỗn hợp". Hỗn hợp quyền sở hữu có nghĩa là xóa bỏ ranh giới về quyền sở hữu tài sản. Điều này chưa hề có trong bất cứ chế độ xã hội nào. Trường hợp một công ty trách nhiệm hữu hạn do nhà nước nắm cổ phần khống chế, có sự tham gia cổ phần của nhiều chủ sở hữu

khác, tình hình đó không thể thay đổi tính chất và vai trò chủ đạo của sở hữu nhà nước trong xí nghiệp. Ngược lại, sự có mặt của nhiều chủ sở hữu, càng làm tăng thêm vai trò kiểm soát của chủ sở hữu nhà nước. Thực tế là mọi bên đều kiểm soát lẫn nhau, nhưng nhà nước phải giữ vai trò chủ đạo.

Hiện nay, các doanh nghiệp quốc hữu ở Trung quốc phần lớn đều lỗ hoặc lãi rất ít. Loại doanh nghiệp này rất khó chuyển ngay sang công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần, bởi lẽ chưa đạt được ngay cả điều kiện tối thiểu để thực hiện sự chuyển đổi, đó là lãi suất/vốn của xí nghiệp quốc hữu phải cao hơn lãi suất tiền gửi ở ngân hàng.

Trong những thập kỷ vừa qua Trung quốc đã làm rất nhiều việc để chuyển biến tình trạng thua lỗ của xí nghiệp quốc hữu, nhưng đều vô hiệu. Trung quốc bắt đầu cải cách thành thị (công nghiệp) từ năm 1984, nhưng năm 1991 mới có chủ trương giao quyền chủ động cho xí nghiệp. Xí nghiệp có quyền gọi vốn từ mọi nguồn và kinh doanh phải có hiệu quả. Cơ chế đó được gọi tắt là "gọi vốn - hiệu quả".

Cơ chế "gọi vốn - hiệu quả" nghĩa là : xí nghiệp quốc hữu được coi là pháp nhân có trách nhiệm dân sự trong việc quản lý kinh doanh và trong phạm vi tài sản mà nhà nước giao cho mình. Nếu xí nghiệp thu lợi nhuận vượt mức quy định, sẽ được giữ lại toàn bộ, dùng để tích lũy nội bộ, nâng cấp kỹ thuật, tái đầu tư mở rộng sản xuất. Giám đốc có thể giao khoán (giao trách nhiệm, quyền hạn, lợi ích) cho các công ty con, các phân xưởng và từng cá nhân.

Như vậy, đối với các doanh nghiệp quốc hữu hoạt động bình thường, thì thực hiện hợp đồng "bảo đảm gia tăng giá trị xí nghiệp" (hình thức hợp đồng thứ nhất). Còn đối với các xí nghiệp quốc hữu lỗ vốn, hoặc lãi ít, thì thực hiện chế độ hợp đồng "gọi vốn - hiệu quả" (hình thức hợp đồng thứ hai, thấp hơn), nhằm chuyển từ lỗ sang đủ ăn và tự nuôi sống được, tạo điều kiện để chuyển sang hình thức "vỏ béo", "tăng giá trị xí nghiệp". Ngoài hình thức hợp đồng nói trên, còn có hình thức thuê giám đốc.

Theo tác giả, ở Trung quốc có ba loại xí nghiệp quốc hữu sau đây không thích hợp với hình thức công ty :

- Những xí nghiệp quốc hữu loại nhỏ. Đó là những đơn vị kinh tế loại nhỏ, cấp huyện, chuyên về tiểu thủ công nghiệp, hoặc thương nghiệp. Trong đó, có một số đơn vị trước kia của tư nhân, qua cải tạo công thương nghiệp, được chuyển thành quốc hữu, nhưng lẽ ra không nên và không cần thiết chuyển sang quốc hữu. Một số đơn vị khác, là những xí nghiệp quốc hữu địa phương loại nhỏ xuất hiện trong thời kỳ "đại nhảy vọt". Hai loại xí nghiệp nhỏ nói trên, cần phải chuyển sang hình thức kinh tế hợp tác cổ phần, bằng cách đánh giá tài sản xí nghiệp, cho công nhân viên chức trong xí nghiệp mua cổ phần, trả tiền ngay hoặc trả nhiều lần. Cũng có thể thực hiện đấu thầu hoặc cho thuê trong nội bộ công nhân viên chức, nhưng vẫn giữ chế độ quốc hữu đối với những tư liệu sản xuất cơ bản ; khi có điều kiện đầy đủ, sẽ chuyển những xí nghiệp đó thành xí nghiệp hợp tác cổ phần.

- Xí nghiệp quốc hữu sản xuất những sản phẩm đặc biệt : vũ khí, đạn dược, in tiền, kim loại quý hiếm, vật tư chiến lược quan trọng, thiết bị tinh xảo cơ mật, xí nghiệp quốc hữu chuyên doanh độc quyền. Những xí nghiệp này có thể vẫn là công ty quốc hữu 100%, không thể là công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

- Những xí nghiệp quốc hữu có hiệu quả kinh tế lớn.

Ngoài ba loại xí nghiệp nói trên, đại bộ phận xí nghiệp quốc hữu còn lại có thể chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn, hoặc công ty cổ phần. Những tổng công ty chuyên ngành cũng có thể thực hiện cổ phần trong đó, nhà nước nắm cổ phần khống chế. Nhưng những công ty cổ phần đó dù do nhà nước nắm cổ phần khống chế, cũng không thể nắm độc quyền toàn ngành. Mác đã từng coi các công ty tư bản độc quyền là những tập đoàn gây tội ác trong xã hội tư bản. Dưới chủ nghĩa xã hội, cần tránh hiện tượng một công ty hoặc một tập đoàn công ty lũng đoạn một ngành, và không cho phép bắt cứ ai "khép kín" một ngành.

Bài báo kết luận : dù hợp đồng có mang tính pháp luật đến đâu, và công ty có sinh lợi đến đâu, thì yếu tố hàng đầu vẫn là con người. Ai giám đốc, ai chủ tịch ? Phải chọn đúng người. Tuyệt đối không để cho những phần tử sâu một chui vào hệ thống tài sản quốc hữu □

L.T. lược dịch



Tìm hiểu khái niệm

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC. TỔNG SẢN PHẨM QUỐC GIA

• **TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC** (tiếng Anh là *Gross Domestic Product*, viết tắt là *GDP*) là tổng giá trị tăng thêm của các đơn vị thường trú ở tất cả các ngành hoạt động kinh tế và thuế nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trong một thời gian nhất định, thường là một năm.

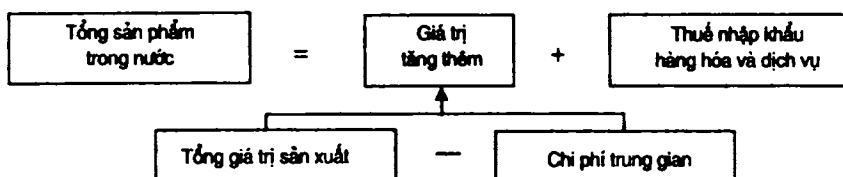
Đây là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ kết quả cuối cùng của các hoạt động sản xuất ; phản ánh quan hệ tương hỗ giữa sản xuất, phân phối và sử dụng cuối cùng của sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trong toàn bộ nền kinh tế ; phản ánh vị trí và quan hệ của tất cả các ngành, các thành phần kinh tế, các khu vực kinh tế, các cấp quản lý và các yếu tố qua giá trị tăng thêm của từng thành phần, từng yếu tố cấu thành chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước.

Kết quả các hoạt động sản xuất gồm có : *một là*, toàn bộ của cải vật chất (tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng) ; *hai là*, giá trị những hoạt động dịch vụ phục vụ cho quá trình sản xuất ; *ba là*, giá trị những hoạt động dịch vụ phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng cá nhân và xã hội.

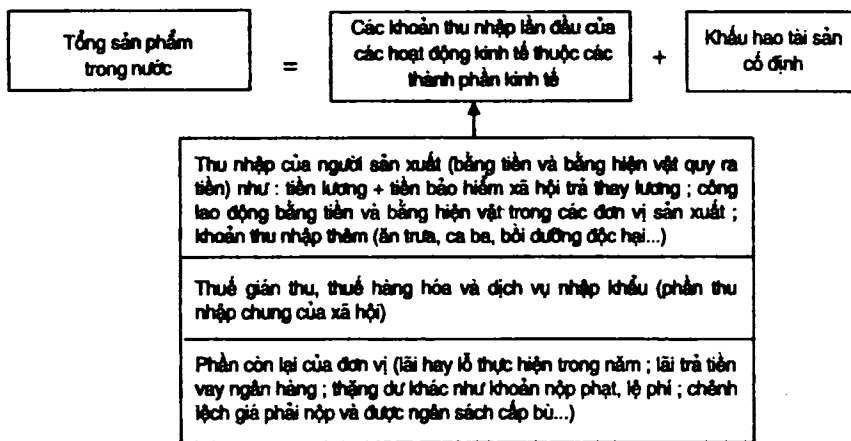
Tổng sản phẩm trong nước thể hiện qua các yếu tố : *một là*, thu nhập của những người sản xuất (đối với những người làm công thì đây là thu nhập về lao động, đối với những người cá thể thu nhập này gồm cả tiền công lao động và lãi) ; *hai là*, thu nhập chung của đơn vị sản xuất ; *ba là*, thu nhập chung của xã hội.

Các phương pháp cơ bản để tính tổng sản phẩm trong nước :

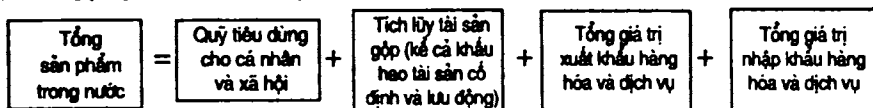
a) Phương pháp sản xuất :



b) Phương pháp phân phối :



c) Phương pháp sử dụng cuối cùng :



Cần lưu ý : phương pháp này không tính cho từng ngành, từng thành phần kinh tế mà tính cho toàn nền kinh tế.

Trong ba phương pháp nói trên, thì *phương pháp sản xuất* được coi là *phương pháp cơ bản nhất*. Mỗi phương pháp theo cách tính có thể sẽ chênh lệch nhau ít nhiều. Nếu *sai số nhỏ* (trong phạm vi cho phép) thì cần được phân bổ để cân bằng giữa nguồn và sử dụng. Trường hợp *sai số lớn* thì nhất thiết phải tính toán lại, xem xét tính chính xác của thông tin.

• **TỔNG SẢN PHẨM QUỐC GIA** (tiếng Anh là *Gross National Product*, viết tắt là *GNP*) phản ánh toàn bộ kết quả các hoạt động kinh tế của một quốc gia trên lãnh thổ và ngoài lãnh thổ quốc gia trong một thời gian nhất định, thường là một năm.

Kết quả hoạt động kinh tế *trong lãnh thổ* là **GDP**, còn kết quả hoạt động kinh tế *ngoài lãnh thổ* là **thuần thu nhập do nhân tố từ nước ngoài** trong năm.

$$\boxed{\text{Thuần thu nhập do nhân tố từ nước ngoài}} = \boxed{\text{Tổng thu do nhân tố sản xuất từ nước ngoài}} - \boxed{\text{Tổng chi cho nhân tố sản xuất từ nước ngoài}}$$

Công thức tính GNP như sau :

$$\boxed{\text{GNP}} = \boxed{\text{GDP}} + \boxed{\text{Tổng thu do nhân tố quốc gia tham gia vào quá trình sản xuất ở nước ngoài}} - \boxed{\text{Tổng chi cho nhân tố nước ngoài tham gia vào quá trình sản xuất của quốc gia}}$$

hay là :

$$\boxed{\text{GNP}} = \boxed{\text{GDP}} \pm \boxed{\text{Thuần thu nhập do nhân tố từ nước ngoài}}$$

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN "CẢI CÁCH MỘT BƯỚC NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC"

Để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương tám (khóa VII) về cải cách một bước nền hành chính nhà nước, Thành ủy TP Hồ Chí Minh đã thảo luận và xây dựng Chương trình hành động. Bản Chương trình hành động đã đánh giá một cách nghiêm túc, thẳng thắn thực trạng tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính thành phố. Trong những năm qua, hoạt động của bộ máy hành chính thành phố có những bước chuyển biến tích cực, đạt được kết quả trong nhiều lĩnh vực, như: thiết lập trật tự, kỷ cương trên địa bàn, tháo gỡ những vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, cải cách một số khâu then chốt trong thủ tục hành chính, sắp xếp lại bộ máy hành chính, đội ngũ cán bộ, viên chức hành chính ; tăng cường chế độ trách nhiệm... Tuy nhiên, những kết quả đạt được còn rất thấp so với đòi hỏi của cuộc sống và sự nghiệp đổi mới kinh tế, xã hội của thành phố. Tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính thành phố còn có những tồn tại như :

- Bệnh quan liêu còn nghiêm trọng, nạn cửa quyền, tệ tham nhũng chưa được đẩy lùi. Mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước với nhau và giữa cơ quan nhà nước với nhân dân chưa tốt.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính còn chồng chéo, trùng lặp, hiệu suất làm việc thấp, chất lượng công việc kém.

- Một bộ phận quan trọng cán bộ viên chức nhà nước không đủ năng lực, kém phẩm chất, thiếu trách nhiệm.

Nguyên nhân dẫn đến tình hình trên có nhiều, nhưng yếu tố chủ quan bao trùm là do chậm tiến hành cải cách bộ máy hành chính và không kiên trì thực hiện đến nơi đến chốn việc giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và viên chức hành chính.

Từ những đánh giá và phân tích cụ thể trên, Thành ủy đã đưa ra một số nội dung cần tiến hành đổi mới cấp bách, đồng bộ trong hai năm 1995 - 1996 như sau :

Thứ nhất : Chấn chỉnh tổ chức bộ máy và quy chế hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước ở thành phố. Để thực hiện nội dung này cần tiến hành các công việc :

- Sắp xếp lại bộ máy hành chính nhà nước ở cả ba cấp, gắn liền với việc chấn chỉnh công sở. Xác định rõ chế độ trách nhiệm, chức năng cụ thể của các sở, ban ngành của thành phố và quận, huyện, phường, xã ; chế độ trách nhiệm của tập thể, thủ trưởng và nhân viên. Xây dựng quy chế hoạt động của từng cơ quan. Đưa dần các sở, ban ngành, phòng... về trụ sở UBND thành phố và quận, huyện để thực hiện hành chính "một cửa".

- Tổ chức lại và giảm đầu mối các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế. Thực hiện tách quản lý sản xuất kinh doanh ra khỏi chức năng quản lý hành chính nhà nước.

- Quy định rõ quy trình và thẩm quyền, phạm vi ban hành các quy định hành chính đối với mỗi cấp chính quyền.

- Xác định rõ chức năng kế hoạch, quy hoạch phát triển, đổi mới công tác này cho phù hợp với cơ chế thị trường. Cùng cố, tăng cường các công cụ kiểm soát của nhà nước : kế toán, kiểm toán, thanh tra ...

- Tổ chức lại hệ thống trường, viện, trung tâm đào tạo để làm tốt chức năng : nghiên cứu thông tin, đào tạo. Nâng cấp Trường hành chính thành phố thành Trường cao đẳng hành chính để đào tạo công chức hành chính nhà nước.

Thứ hai : Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả của quá trình cải tiến thủ tục hành chính.

- Rà soát lại tất cả các khâu trong thủ tục hành chính hiện nay. Những quy định nào của trung ương chưa phù hợp với thực tế địa phương thì kiến nghị sửa đổi, hoặc bổ sung. Những quy định nào của thành phố không còn phù hợp và trái với quy định của trung ương thì sửa đổi, hoặc hủy bỏ. Mục tiêu đề ra là : nâng cao chất lượng công vụ, cung cấp công vụ thuận lợi cho nhân dân, xóa bỏ nguồn gốc tạo ra cửa quyền và tham nhũng.

- Đặc biệt chú ý cải cách thủ tục cấp các loại giấy phép kinh doanh, xây dựng, chứng nhận quyền sở hữu nhà, sử dụng đất ... Quy định trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, viên chức, quy định thời gian giải quyết công việc, tổ chức kiểm tra thường xuyên. Thống nhất các loại lệ phí theo quy định của nhà nước. Có chế độ đãi ngộ thích đáng cho khối cơ quan bảo vệ pháp luật, cho viên chức thực thi công vụ này.

- Thực thi công khai thủ tục hành chính. Bảo đảm quyền giám sát, khiếu nại, tố cáo của công dân. Tổ chức tốt công tác tiếp dân.

- Từng bước điện toán hóa các hoạt động hành chính nhà nước ở các cấp, các ngành. Trước mắt thực hiện ở Văn phòng UBND, Sở nhà đất, địa chính, Văn phòng kiến trúc sư trưởng, Ủy ban kế hoạch. Lập Trung tâm thông tin lưu trữ văn bản.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, đoàn đại biểu Quốc hội trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Tập trung chỉ đạo việc thành lập Tòa án hành chính.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật trong nhân dân.

Thứ ba : Khẩn trương triển khai bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ viên chức hành chính thành phố.

- Rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ viên chức hành chính để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, giải quyết theo chính sách theo từng đối tượng.

- Chấn chỉnh thái độ, phong cách làm việc, tiếp xúc với nhân dân của viên chức.

- Thực hiện chế độ thi cử để tuyển dụng hoặc nâng ngạch bậc lương.

- Nghiên cứu chính sách đối với cán bộ cơ sở : phường, xã, khu phố, tổ dân phố, ấp, tổ nhân dân.

Thành ủy giao cho các cấp ủy Đảng chịu trách nhiệm lãnh đạo thực hiện. Thành lập các Ban cải cách hành chính nhà nước ở các cấp, các đơn vị do đồng chí phó bí thư cấp ủy, chủ tịch UBND hay thủ trưởng cơ quan làm trưởng ban. Các đồng chí trưởng ban, ngành của Đảng làm phó, hoặc ủy viên... Quy định từng thời gian cụ thể hoàn thành từng loại công việc từ nay đến hết năm 1996.

Thực hiện chương trình hành động của Thành ủy ngày 10 tháng 4 năm 1995, UBND TP Hồ Chí Minh đã thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính thành phố để giúp ủy ban trong công tác nghiên cứu, xây dựng đề án và chỉ đạo thực hiện công tác cải cách hành chính ở thành phố. Ban chỉ đạo do đồng chí chủ tịch UBND thành phố làm trưởng ban. Các đồng chí trưởng ban tổ chức Thành ủy, ủy viên chuyên trách UBND, trưởng ban tổ chức chính quyền làm phó ban. Các ủy viên gồm các đồng chí chủ tịch UBND một số quận và giám đốc sở, ban ngành... Ngày 6-6-1995 UBND thành phố cũng đã quyết định thành lập 3 tiểu ban giúp việc cho Ban chỉ đạo trên ba lĩnh vực : cải cách thể chế thủ tục hành chính, kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhà nước ở thành phố, và quản lý, bồi dưỡng đào tạo cán bộ. Các tiểu ban này, ngoài các đồng chí chuyên viên ở các sở, ban, ngành am hiểu các lĩnh vực trên còn có các nhà khoa học, các luật gia, các nhà quản lý có trình độ tham gia với tư cách cộng tác viên. Các tiểu ban xây dựng chương trình hành động theo từng tháng, từng quý, dựa trên chương trình tổng thể của Ban chỉ đạo.

Trên cơ sở kế hoạch của Chính phủ (số 1405/CP ngày 20-3-1995) và Chương trình hành động của Thành ủy (06/CT-TU ngày 20-3-1995), UBND thành phố đã xây dựng *Chương trình thực hiện cải cách một bước nền hành chính nhà nước ở thành phố trong 2 năm 1995 - 1996* (văn bản số 1733/UB-NCVX ngày 30-6-1995) và *chương trình cải cách hành chính trong quý 3-1995* (văn bản số 1685/UB-NCVX ngày 24-6-1995). Cho đến nay tất cả các quận, huyện và sở, ngành đều đã thành lập ban chỉ đạo cải cách hành chính ở cấp mình và có chương trình hoạt động cụ thể để triển khai thực hiện chương trình cải cách hành chính của thành phố.

Chương trình thực hiện cải cách một bước nền hành chính nhà nước ở thành phố 2 năm 1995 - 1996 của UBND thành phố đã bám sát và cụ thể hóa kế hoạch của Chính phủ và chương trình hành động của Thành ủy, thể hiện rõ nét tính chất quản lý điều hành công việc. Chương trình đã quy định cụ thể : đơn vị nào thực hiện công việc gì, vấn đề gì, thời gian hoàn thành, phối hợp với ai, báo cáo thỉnh thị ý kiến ai, sơ kết rút kinh nghiệm từng đợt như thế nào... Sự quản lý điều hành công việc bài bản, sát sao, cụ thể, sát với thực tế báo hiệu một kết quả khả quan. Theo nhận định, TP Hồ Chí Minh là một trong những tỉnh, thành triển khai công tác cải cách hành chính có bài bản và vào loại sớm nhất. Thành ủy đã chú trọng chỉ đạo tập trung vào các khâu giải quyết các ách tắc trong việc cấp phép kinh doanh, công chứng, tách quản lý hành chính nhà nước ra khỏi quản lý sản xuất kinh doanh, vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thuế, tăng cường quản lý hành chính nhà nước đối với các thành phần kinh tế, tăng cường các công tác kiểm toán, kế toán, thanh tra tài chính... Mục tiêu chung là giải phóng sức sản xuất, phát triển sản xuất, chống gây phiền hà, cửa quyền, tham nhũng và mọi biểu hiện khác làm mất lòng tin của nhân dân...

Theo đồng chí **Diệp Văn Sơn**
Chuyên viên Ban tổ chức cán bộ Chính phủ,
cơ quan thường trực tại TP Hồ Chí Minh.

QUANG CAO

EAPRODEX



VIETNAM



**ĐỊA CHỈ : 2-4-6 Đồng Khởi,
Q 1 - TP Hồ Chí Minh**

Điện thoại : 291333 - 291924

Fax : 84-8-290146

**GIÁM ĐỐC
LÊ VĂN PHÁT**

Tổng công ty Sản xuất - Kinh doanh - Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thủy sản và Thương mại tổng hợp, bao gồm các loại hình doanh nghiệp quốc doanh, cổ phần, các công ty liên doanh ở trong nước và ở nước ngoài :

- Các Xí nghiệp chế biến đông lạnh, hàng khô, đồ hộp và tươi sống bằng kỹ thuật tiên tiến
- Các đơn vị chế tạo thiết bị lạnh, vận tải biển, kho lạnh, sản xuất bao bì và xây dựng
- Các dịch vụ tài chính tín dụng, kiểm tra chất lượng sản phẩm, thông tin và quảng cáo, du lịch...
- Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa và vật tư thiết bị cho mọi thành phần kinh tế

SEAPRODEX VIỆT NAM ĐÃ CÓ QUAN HỆ LIÊN DOANH - LIÊN KẾT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC TỪ NHIỀU NĂM NAY, CÓ UY TÍN TRONG BUÔN BÁN VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ VỚI CÁC CÔNG TY NƯỚC NGOÀI



• CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN II

- Là doanh nghiệp nhà nước tách từ Nhà máy Liên Hợp Xi Măng Hà Tiên từ ngày 01/01/1993.

• Trụ sở : Thị trấn Kiên Lương - Huyện Hà Tiên - Tỉnh Kiên Giang

• Điện thoại : 01.77.53004 - 53090 • Fax : 84-77-53005

◆ Dây chuyền công nghệ hiện đại, thiết bị do Hãng POLYSIUS (Cộng Hòa Pháp) cung cấp. Nhiên liệu nung clinker là dầu MFO.

★ Năng lực sản xuất hiện nay : 1.150.000 tấn clinker và 500.000 tấn xi măng PC30 mỗi năm. 60% sản lượng clinker cung cấp Công ty xi măng Hà Tiên I để sản xuất xi măng tại Thủ Đức.

◆ Ngoài clinker thường để sản xuất xi măng PC30, công ty còn sản xuất theo đơn đặt hàng các loại clinker đặc chủng để sản xuất xi măng ít tỏa nhiệt, xi măng bền sulfat, xây dựng các công trình thủy điện, công trình ven biển.

★ Sản phẩm xi măng PC30 của Công ty là Xi Măng Hà Tiên đã có từ hơn 30 năm nay, hiện bán rộng rãi ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

★ Sản phẩm "XI MĂNG PORTLAND HÀ TIÊN II" luôn luôn bảo đảm chất lượng theo TCVN 2682-92. Trọng lượng bao bình quân ≥ 50kg/bao theo quy định đo lường của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.

◆ Vỏ bao P.P đảm bảo an toàn trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, bảo quản.

★ Huy chương vàng hội chợ quốc tế công nghiệp Việt nam năm 1993 tại Giảng Võ, Hà Nội.

★ Huy chương vàng "Chất lượng cao và ổn định" Bộ Xây Dựng năm 1993.

◆ Sản phẩm XI MĂNG PC30 của Công ty luôn luôn được kiểm tra chặt chẽ trước khi xuất xưởng.

CHI NHÁNH GIAO DỊCH VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM :

- | | |
|--|------------------------------|
| • TP. Hồ Chí Minh : Số 19 - lầu 3 - Hồ Tùng Mậu - Quận 1 | • Điện thoại : 01.8.290324. |
| • Tiền Giang - Bến Tre : - 26/3 Lê Lợi - Mỹ Tho - Tiền Giang | • Điện thoại : 01.73.72042. |
| - 144 Hùng Vương - Bến Tre. | • Điện thoại : 01.75.22319. |
| • Vĩnh Long - Trà Vinh : 07/3 Phạm Hùng - Vĩnh Long. | • Điện thoại : 01.70.23507. |
| 06 Điện Biên Phủ - Trà Vinh. | • Điện thoại : 01.74.68.302. |
| • Sóc Trăng - Minh Hải : 202A Lý Văn Lâm - Cà Mau. | • Điện thoại : 01.78.31112. |
| 24 Trần Hưng Đạo - Sóc Trăng. | • Điện thoại : 01.79.52456. |
| • An Giang : Kho Long Xuyên - Cầu quay - Thị xã Long Xuyên | • Điện thoại : 01.76.53412. |
| • Đồng Tháp : Kho Cao Lãnh - Mỹ Tho - Cao Lãnh - Đồng Tháp | • Điện thoại : 01.67.22244. |
| • Cần Thơ : Kho Cỏ Bắc - phường Bình Thủy - Cần Thơ | • Điện thoại : 01.71.41326. |
| • Kiên Giang : Công ty Xi măng Hà Tiên II - Kiên Lương - Hà Tiên - Kiên Giang. | |

CÔNG TY GIẤY BÀI BẰNG

BÀI BẰNG PAPER COMPANY



TRẦN NGỌC QUẾ

Bí thư kiêm Tổng giám đốc

Địa chỉ :

- Thị trấn Phong châu -
huyện Phong châu - Vĩnh phú
- Điện thoại : 01-21-46733/42154/42028
- Telex : 411498 SCANMABVT
- Fax : 84 - 21 46732

- Công ty giấy Bài Bằng thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ là công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển có thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn giấy/năm.
- Sản phẩm của Công ty bao gồm : giấy in, giấy viết, giấy Telex, giấy potaobpy ; giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 GAM/M2 - 120 GAM/M2
- Độ trắng 74-830 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc RAM từ khổ A0 - A4.
- Sản phẩm của Công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước



- Năm 1995 kế hoạch sản xuất 38.000 tấn, 6 tháng đầu năm đã sản xuất được 21,670 tấn, nhờ cải tiến công nghệ và tổ chức quản lý mà riêng quý II/95 đạt sản lượng cao chưa từng có 13.033 tấn. Trước tình hình đó Bộ Công nghiệp nhẹ giao thêm kế hoạch là 42.000 tấn, công ty đang phấn đấu đạt 50.000 tấn. Dự kiến từ 1997 trở đi sản xuất 70.000 tấn/năm ; sau năm 2000 sản xuất trên 10 vạn tấn/năm.

36 - 38 NGÔ ĐỨC KẾ - Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH.

ĐT : 299377

258 PHAN ĐÌNH PHÙNG - HÀ NỘI



- Sữa bò tươi nguyên chất được tiệt trùng bằng thiết bị hiện đại, bảo đảm theo tiêu chuẩn quốc tế
- Có bổ sung thêm nước cốt trái cây, đường, ca cao, sẽ phù hợp với mọi khẩu vị
- Sữa tươi đựng trong hộp giấy Tetrapak, bảo quản được 6 tháng ở nhiệt độ bình thường, rất thuận tiện trong sử dụng
- Với tác dụng giải độc hiệu quả, sữa tươi rất cần thiết cho công nhân làm việc ở môi trường độc hại
- Sản phẩm sữa VINAMILK giúp các bạn phát triển thể chất và trí tuệ



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 559595 - 6 HAI BÀ TRUNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

VJ
H63
v. 1995
no. 16
MAIN

Tạp chí Công sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 12-20-95
Tap Chi Cong San



16
1-1995



CÔNG TY QUẢN LÝ VÀ KINH DOANH NHÀ KHÁNH HÒA

Thành lập theo quyết định số 1473 QĐ/UB - ngày 23/12/1992 của UBND Tỉnh Khánh Hòa

CHỨC NĂNG HOẠT ĐỘNG

- ❖ Quản lý cho thuê, xây dựng phát triển quỹ nhà ở.
- ❖ Kinh doanh :
 - Xây dựng nhà mới kinh doanh
 - Mua bán nhà có sẵn.
- ❖ Thực hiện các dịch vụ cho thuê nhà đối với người nước ngoài tại Khánh Hòa.
- ❖ Liên doanh, liên kết với các đơn vị và cá nhân trong vấn đề xây dựng và kinh doanh nhà cửa.

Hân Hạnh Được Đón Tiếp

Giám đốc Công ty
KTS CAO KIM QUÝ

Địa chỉ :
❖ 2A Ngô Quyền
Nha Trang - Khánh Hòa
ĐT : (01.58) 21003
23730 - 22774 - 22644



CÔNG TY XÂY DỰNG NHÀ Ở VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG KHÁNH HÒA



- ❖ Địa chỉ: 03 Nguyễn Thiện Thuật - Nha Trang - Khánh Hòa
- ❖ ĐT : (01.58) 22143-22777

CHỨC NĂNG

- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng - công nghiệp
- ❖ Xây dựng công trình công cộng
- ❖ Thiết kế cải tạo nâng cấp các công trình dân dụng

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ THI CÔNG

- ❖ Chung cư Hoàng Hoa Thám (Ảnh bên)
- ❖ Khu nhà ở Phước Thái, khu nhà ở Đặng Tất
- ❖ Nhà làm việc truyền tải điện Khánh Hòa
- ❖ Hệ thống thoát nước đường Nguyễn Thiện Thuật, Hùng Vương, Nguyễn Thị Minh Khai,...

Hân hạnh đón tiếp Quý Khách !



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

số 484

BỘ BIÊN TẬP : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

	LÊ QUANG ĐẠO - Đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn mới3
	TẠ HỮU THANH - 50 năm xây dựng và trưởng thành của ngành thanh tra nhà nước7
	TÀO HỮU PHÙNG - Đổi mới công tác quản lý và điều hành ngân sách nhà nước 10
	NGUYỄN LƯƠNG TRÀO - Xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm trong điều kiện hiện nay 15
	PHẠM PHÚ HỒ - Sáng ngời tư tưởng biện chứng duy vật của Ph. Ăng-ghen 19
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	KHÔNG ĐOÃN HỘI - Đường ta đi, đường thời đại 23
	NGUYỄN VĂN TÀI - Về vấn đề nhà nước pháp quyền và chế độ đa đảng 26
	ĐÀO TRỌNG CẢNG và NGUYỄN PHÚ LỢI - Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo 30
	DƯƠNG BÁ PHƯƠNG - Góp thêm ý kiến về công nghiệp hóa nông thôn trong giai đoạn hiện nay 32
	TRẦN TRỌNG - Suy nghĩ về "ly nông bất ly hương" của nước bạn và của nước ta 36
	TRẦN NGỌC THÉM - Văn hóa Việt nam đối mặt với kinh tế thị trường 38
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐÀO MẠNH NHƯNG - Hàng không dân dụng Việt nam đổi mới và hội nhập với thế giới 41
	NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Chính sách tín dụng đối với hộ nông dân ở miền núi 45
	NGUYỄN ĐỨC HÀ - Kết quả và kinh nghiệm đổi mới, chỉnh đốn đảng ở Yên Bái 47
ĐIỀU TRA	VÕ ĐĂNG THIÊN - Giáo viên - một đại sự của ngành giáo dục 50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	HOÀNH NHỊ - Tắc đất, tắc vàng 54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Kinh nghiệm tiếp nhận chuyển giao công nghệ của một số nước và hướng vận dụng ở Việt nam hiện nay 55
QUA SÁCH BẢO NƯỚC NGOÀI	BRAI-ƠN CA-PLƠN - Thách thức và thay đổi 58
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Dân chủ, dân chủ nhân dân, dân chủ - xã hội và dân chủ xã hội chủ nghĩa 60

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ КУАНГ ДАО - Национальная солидарность на новом этапе. ТА ХЫУ ТХАНЬ - 50 лет создания и развития государственной инспекции. - ТАО ХЫУ ФУНГ - Обновление в управлении и распределении государственного бюджета. НГУЕН ЛЫОНГ ЧАО - Экспорт рабочей силы - мероприятие для решения проблемы безработицы в настоящей обстановке. ФАМ ФУК ХО - Жизненность материальной диалектики Ф.Энгельса. ХОНГ ЗОАН ХОЙ - Наш путь - верный путь современности. - НГУЕН ВАН ТАЙ - О правовом государстве и плюрализме. ДАО ЧОНЬ КАНГ и НГУЕН ФУК ЛОЙ - Об идеях Хо Ши Мина о вере и религии. ЧАН НГОК ТХЕМ - Вьетнамская культура перед лицом рыночной экономики. ДАО МАНЬ НЬЫОНГ - Процесс обновления и интернациональной интеграции Вьетнамской гражданской авиации. НГУЕН ДАК ХЫНГ - Денежная политика в отношении крестьян в горных районах. НГУЕН ХОАНГ ЗЯП - Опыты некоторых стран в принятии и передаче технологии и их применение во Вьетнаме в настоящее время

CONTENTS

LÊ QUANG ĐẠO - The National Great Solidarity in the new period. TẠ HỮU THANH - 50 years of the building up and maturity of the State Inspectorate. TẠO HỮU PHỤNG - Renewing the management and conducting the State's Budget. NGUYỄN LƯƠNG TRÀO - Labour export for a solution to the unemployment problem in the present situation. PHẠM PHÚC HỒ - Brilliantly shining the F.Engnen's thought about the dialectical materialism. KHÔNG DOẢN HỢI - Our chosen way is the way of time. NGUYỄN VĂN TÀI - On the State ruled by law and the multiparty mechanism. ĐÀO TRỌNG CĂNG and NGUYỄN PHÚC LỢI - Getting to know the Ho Chi Minh's thought about the Belief and Religion. TRẦN NGỌC THỀM - Vietnam Airlines - its renewal and international integration. NGUYỄN ĐẮC HÙNG - Credit policy applied to mountainous peasant households. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Experience of some countries in their receiving the technological transference and its application in Vietnam at present.

SOMMAIRE

LÊ QUANG ĐẠO - La Grande Réunion de tout le peuple dans la nouvelle étape. TẠ HỮU THANH - 50 ans d'édification et de développement de l'Inspection d'Etat. TẠO HỮU PHỤNG - Rénover la gestion et l'utilisation du budget d'Etat. NGUYỄN LƯƠNG TRÀO - Exportation des mains-d'oeuvre - une solution au problème des emplois dans les conditions actuelles. PHẠM PHÚC HỒ - Reste toujours brillante la pensée dialectique matérialiste de F. Engels. KHÔNG DOẢN HỢI - Le chemin que nous empruntons est celui de l'époque. NGUYỄN VĂN TÀI - Sur l'Etat de droit et le multipartisme. ĐÀO TRỌNG CĂNG et NGUYỄN PHÚC LỢI - A propos de la pensée de Ho Chi Minh sur les croyances et religions. TRẦN NGỌC THỀM - La culture vietnamienne, face à l'économie de marché. ĐÀO MẠNH NHƯỞNG - Le renouveau de l'aviation civile du Vietnam et son intégration au système mondial. NGUYỄN ĐẮC HÙNG - La politique des crédits à l'intention des foyers paysans dans les régions montagneuses. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Expériences tirées de la réception du transfert technologique de certains pays et leur application au Vietnam à l'heure actuelle.

SUMARIO

LÊ QUANG ĐẠO - La Gran Unidad de todo el pueblo en el nuevo período. TẠ HỮU THANH - 50 años de la edificación y crecimiento de la rama de inspección del Estado. TẠO HỮU PHỤNG - Renovación en la gestión y la manipulación del presupuesto estatal. NGUYỄN LƯƠNG TRÀO - Exportación de mano de obra para resolver el empleo en la actualidad. PHẠM PHÚC HỒ - La clarividencia del pensamiento de la dialéctica materialista de Federico Engel. KHÔNG DOẢN HỢI - Nuestro camino, el camino de la época. NGUYỄN VĂN TÀI - Sobre el problema del Estado de derecho y el régimen pluripartidista. ĐÀO TRỌNG CĂNG - y NGUYỄN PHÚC LỢI - Estudios del pensamiento de Ho Chi Minh sobre la creencia y la religión. TRẦN NGỌC THỀM - La cultura vietnamita frente la economía de mercado. ĐÀO MẠNH NHƯỞNG - Vietnam Airlines en su renovación e integración al mundo. NGUYỄN ĐẮC HÙNG - La política de crédito para con las familias campesinas en las regiones montañosas. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Experiencias en la recepción de la transferencia tecnológica de algunos países y la orientación de aplicación en Vietnam en la actualidad.

目錄

●黎光道：〈在新階段的全民大團結〉●謝友清：〈國家監查部門建立50周年及其成長過程〉●曹友逢：〈革新管理工作 和調控國家預算〉●阮良潮：〈在目前條件下通過勞務出口解決就業問題〉●范福胡：〈光輝燦爛的恩格思辯證唯物主義思想〉●孔尹亥：〈我們所走之路是時代之路〉●阮文才：〈法權國家和多黨制度的問題〉●陶仲港和阮福利：〈探索胡志明思想有關宗教、信仰的論述〉●陳玉添：〈面對市場經濟的越南經濟〉●陶孟讓：〈越南民航部門的革新及其融入國際社會〉●阮得興：〈對於山區農民的信用政策〉●阮黃甲：〈向一些國家吸取技術轉讓的經驗及其當前在越南運用的方向〉

ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

LÊ QUANG ĐẠO *



TRONG suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nêu cao tư tưởng đại đoàn kết toàn dân vì đại nghĩa dân tộc. Người kết hợp nhuần nhuyễn luận điểm Mác - Lê-nin "cách mạng là sự nghiệp của quần chúng" với tư tưởng truyền thống của tổ tiên "lấy dân làm gốc", "chở thuyền và lật thuyền đều là dân"... Trong thư gửi các bạn cùng hoạt động ở Pháp năm 1923, Người viết : muốn thực hiện lý tưởng giải phóng đồng bào, giành độc lập cho Tổ quốc, phải "đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự

do độc lập"⁽¹⁾. Bởi thế, cùng với việc thành lập Đảng, Người rất chú trọng việc lập Mặt trận đoàn kết thống nhất dân tộc. Năm 1930, Đảng cộng sản Việt nam ra đời tháng hai, thì tháng mười một, *Hội phản đế đồng minh*, tổ chức đầu tiên của Mặt trận dân tộc thống nhất ở nước ta, cũng được thành lập.

Sáu mươi lăm năm qua, quán triệt tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí

* Chủ tịch Đoàn chủ tịch UBTV Mặt trận Tổ quốc Việt nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 1, tr 192

Minh, chính sách mặt trận của Đảng ta rất linh hoạt, tổ chức mặt trận cũng không ngừng được củng cố và mở rộng để thu hút mọi người Việt nam yêu nước phấn đấu cho một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận đã cầm những mốc son trên con đường hoạt động vẻ vang của mình. Tiếp sau Hội phản đế đồng minh và Mặt trận dân chủ, đã ra đời *Mặt trận Việt minh* do Bác Hồ đích thân đề xuất tại Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 5-1941), và Bác tự soạn thảo Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ của Mặt trận Việt minh. Đúng như đồng chí Võ Nguyên Giáp đã viết : "Việt minh là một sáng tạo, một biểu hiện tập trung của thiên tài Hồ Chí Minh...

Việt minh chứa đựng tư tưởng chính yếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh : Đại đoàn kết dân tộc... Đại đoàn kết dân tộc không phải là sách lược, mà là chiến lược lâu dài, trước sau như một của người cộng sản yêu nước Hồ Chí Minh"⁽²⁾. Nhờ có chủ trương sáng suốt của Đảng và của Bác : thành lập Việt minh, tập trung lực lượng giải quyết vấn đề số một của cách mạng lúc đó là giải phóng dân tộc, nên đã động viên được đông đảo các tầng lớp nhân dân, triệu người như một, nhất tề vùng lên tổng khởi nghĩa giành lấy chủ quyền, độc lập dân tộc trên cả nước.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, nước Việt nam dân chủ cộng hòa thành lập. Trước yêu cầu mới của tình hình đất nước và trước nguyện vọng của những người vì nhiều lý do khác nhau trước đó chưa có quan hệ hoặc chưa tham gia Việt minh, trong đó có những nhân sĩ, trí thức, quan lại cũ, nhà tu hành, nhà điền chủ, công thương gia..., *Hội liên hiệp quốc dân Việt nam* (gọi tắt là *Liên Việt*) được thành lập để mở rộng Mặt trận đoàn kết toàn dân. Với mặt trận hết sức rộng rãi ấy, ta đã giành được thắng lợi to lớn trong kháng chiến và kiến quốc, mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên phủ...

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thành công, miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Lại một lần nữa, Mặt trận được củng cố và mở rộng, *Mặt trận Tổ quốc Việt nam* ra đời với một cương lĩnh mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét là : thiết thực, rộng rãi và vững chắc, nhằm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam và thống nhất nước nhà.

Đến năm 1960, từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, *Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam* được thành lập nhằm đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi các tầng lớp nhân dân miền Nam từ nông thôn đến thành thị, từ rừng núi đến đồng bằng, tạo nên sức mạnh tinh thần và vật chất hết sức to lớn, thúc đẩy cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam trên tất cả các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao. Tiếng tăm của Mặt trận giải phóng vang dội trong nước và trên thế giới. Cũng trong cao trào đó, năm 1968, miền Nam có thêm một mặt trận yêu nước, sát cánh với Mặt trận giải phóng, là *Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình*, bao gồm các nhân sĩ, trí thức, các nhà hoạt động tôn giáo, các nhà kinh doanh trong vùng đô thị. Từ đó, cách mạng miền Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ. Tháng 6-1969, hai tổ chức mặt trận ở miền Nam đã cùng nhau lập ra Chính phủ cách mạng lâm thời, người đại diện chân chính và hợp pháp của nhân dân miền Nam. Chính phủ cách mạng lâm thời không những đẩy mạnh hoạt động trên chiến trường miền Nam mà còn đẩy mạnh hoạt động ngoại giao, ngày càng tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân Mỹ. Trên cơ sở những thắng lợi chính trị, quân sự to lớn của nhân dân trong nước, đoàn đại biểu Chính phủ cách mạng lâm thời đã cùng đoàn đại biểu Việt nam dân chủ cộng hòa kiên trì đấu tranh trên bàn

(2) Võ Nguyên Giáp : *Chiến đấu trong vòng vây*. Nxb Quân đội nhân dân - Nxb Thanh niên, Hà nội, 1995, tr 16 - 17

đàm phán ở Pa-ri, buộc phía Mỹ từ xuống thang chiến tranh đi đến ký kết hiệp định đình chiến ở miền Nam, thừa nhận chủ quyền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt nam, rút hết quân Mỹ về nước. Với cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta toàn thắng, nền độc lập và thống nhất của Tổ quốc được khôi phục. Năm 1977, ba tổ chức mặt trận ở hai miền (Mặt trận Tổ quốc, Mặt trận Giải Phóng và Liên minh) đã hợp nhất, thành **Mặt trận Tổ quốc Việt nam**.

Kế thừa và phát huy những thành tựu vẻ vang của các tổ chức mặt trận tiền thân, Mặt trận Tổ quốc Việt nam tiếp tục củng cố và mở rộng hơn nữa để thực hiện đầy đủ vai trò chính yếu trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, chăm lo lợi ích của nhân dân, thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Ngày nay, sau gần 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Kinh tế đã khắc phục được tình trạng suy thoái, liên tiếp đạt nhịp độ tăng trưởng tương đối cao; đời sống bộ phận lớn nhân dân được cải thiện rõ rệt ; trong nước, giữ vững được ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân; ngoài nước, ta phá vỡ được thế bao vây cô lập, mở rộng quan hệ nhiều mặt với các nước trong khu vực và trên toàn thế giới. Nhân dân ngày càng tin tưởng hơn vào chế độ xã hội và tiền đồ phát triển của đất nước...

Nhờ có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, có khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận, Việt nam chẳng những đã đứng vững trong cơn bão tố của thời cuộc khi Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, mà còn hiện ngang tiến bước, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng mà bạn bè thế giới đều hoan nghênh và mến phục.

Đại đoàn kết dân tộc đã là một nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Công cuộc đổi mới với những thành tựu quan trọng những năm qua cũng chứng minh chân lý đó. Chính vì thế, trong giai đoạn hiện nay, chúng ta càng cần củng cố và mở rộng hơn bao giờ hết Mặt trận dân tộc thống nhất, để đoàn kết được tất cả những ai thành tâm đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Cách đây đúng hai năm, ngày 17-11-1993, Bộ chính trị Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết số 07 - NQ/TW Về *đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất*. Nghị quyết nêu rõ : Phải đoàn kết đồng bào Việt nam ở trong nước và ngoài nước, phát huy sức mạnh của cộng đồng dân tộc, thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Đại đoàn kết phải lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc ; cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai ; xây dựng tinh thần đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách và pháp luật của nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích và nguyện vọng chính đáng của các giai cấp và tầng lớp xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao, thật sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức tập hợp đa dạng ; hướng hoạt động Mặt trận tới địa bàn dân cư, xã, phường và hộ gia đình...

Thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ chính trị không chỉ là trách nhiệm của Mặt trận ;

tất cả các ngành, các cấp đều có nhiệm vụ quán triệt và thi hành. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đến nay vẫn còn một số ngành, một số địa phương chưa tổ chức cho cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc Nghị quyết 07 trong nhận thức và hành động. Vai trò và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc nêu trong Điều 9 Hiến pháp năm 1992 vẫn chưa được cụ thể hóa mạnh mẽ về mặt pháp luật. Phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" nêu ra từ Đại hội VI của Đảng, đến nay vẫn chưa được thể chế hóa thành văn bản pháp quy. Nhiều nơi, tệ quan liêu, sách nhiễu, phiền hà, hách dịch, thiếu dân chủ với dân còn nặng nề. Nhiều cơ quan và viên chức nhà nước nặng về các biện pháp hành chính, nghiệp vụ, coi nhẹ công tác vận động, thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, tôn trọng nhân dân.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 65 Ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất và cũng vào dịp các cấp bộ đảng đang tích cực chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng sắp tới, chúng tôi kiến nghị các cấp, các ngành, các địa phương cộng tác chặt chẽ hơn nữa với cơ quan dân vận và mặt trận các cấp, đẩy mạnh việc nghiên cứu quán triệt chính sách và công tác mặt trận của Đảng trong giai đoạn mới, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng : mọi cán bộ, đảng viên đều phải làm công tác dân vận, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội.

Đất nước ta đang phát triển trong hòa bình và ổn định. Nhưng ông cha ta đã từng tổng kết : "muốn cho non nước bền vững nghìn thu thì phải gắng sức ngay trong lúc thái bình" ("*thái bình tu trí lực, vạn cổ thủ giang san*" - Trần Quang Khải) ; phải "khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước" (Trần Hưng Đạo).

Tổ quốc ta đang đứng trước thời cơ mới, vận hội mới, đồng thời cũng phải vượt qua những nguy cơ mới, thách thức mới. Những

người làm công tác dân vận và mặt trận của Đảng nhận thức sâu sắc rằng sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đang đặt ra những nhiệm vụ nặng nề và mới mẻ. Cơ cấu giai cấp trong xã hội ta đang biến đổi theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Chúng ta không thể thỏa mãn trước những thành tựu đã giành được. Để tận dụng thời cơ, đẩy lùi các nguy cơ, hơn lúc nào hết, chúng ta phải đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. Khẩn trương xây dựng, hoàn chỉnh và thực hiện tốt các chính sách cụ thể đối với các giai cấp và tầng lớp xã hội, trước hết là đối với công nhân, nông dân, trí thức, đối với các thành phần kinh tế, các dân tộc, tôn giáo và đối với người Việt nam định cư ở nước ngoài... Có thể, mới phát huy được hiệu quả công tác dân vận và mặt trận, mới làm cho chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng có nội dung thiết thực và vững chắc. Công tác mặt trận phải hướng mạnh về cơ sở, ra sức phát triển công cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư xã, phường.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : *Đoàn kết là sức mạnh vô địch của chúng ta*. Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Đảng ta có chính sách mặt trận dân tộc đúng đắn cho nên đã phát huy được truyền thống đoàn kết và yêu nước rất vẻ vang của dân tộc ta. Chính sách mặt trận là một chính sách rất quan trọng. Công tác mặt trận là một công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng. Cán bộ và đảng viên ta cần nắm vững và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội Đảng và nghị quyết của Bộ chính trị về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất.

Học tập và thực hành tư tưởng đại đoàn kết toàn dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta nhất định đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa đến thắng lợi 

50 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH CỦA NGÀNH THANH TRA NHÀ NƯỚC

TẠ HỮU THANH *

NỬA thế kỷ qua, cùng với thắng lợi và sự lớn mạnh của đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngành thanh tra nhà nước đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Tổ chức thanh tra được xây dựng từng bước vững mạnh trở thành một bộ phận quan trọng của quản lý nhà nước, bảo đảm các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đi vào cuộc sống. Bài học lịch sử của cách mạng nước ta là : có đường lối đúng còn phải tổ chức thực hiện tốt đường lối đó, và thông qua hoạt động thực tiễn, tổng kết và làm phong phú, phát triển đường lối, chính sách cho phù hợp với từng giai đoạn cách mạng.

Đường lối của Đảng được thể chế hóa bằng pháp luật. Pháp luật chính là ý chí và nguyện vọng của nhân dân lao động. Nhà nước thông qua các cơ quan chức năng, các "công cụ" của mình để quản lý, điều hành thực hiện mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

Theo yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, ngành thanh tra nhà nước đã cố gắng hoàn thành những nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, hoạt động thanh tra đã góp phần không nhỏ vào việc huy động nhân tài, vật lực cho chiến đấu và chiến thắng. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới gần đây, ngành thanh tra đã có bước tiến mới trong xây dựng thể chế, tổ chức cán bộ và phương thức hoạt động, góp phần đáng kể đưa đất nước thoát ra khỏi

khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước ổn định và đi vào thời kỳ phát triển mới.

Công tác thanh tra bảo đảm cho chính sách, pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, phát hiện giúp đỡ các nhân tố tích cực, nhân rộng các điển hình tiên tiến. Thực hiện phương châm lấy "xây" làm trọng, lấy "ngăn chặn và phòng ngừa" làm chính, đồng thời ngành không xem nhẹ việc phát hiện và xử lý những hành vi trái pháp luật, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực. Qua kết quả thanh tra, có thể đánh giá được những điểm mạnh, yếu của tổ chức cũng như năng lực, phẩm chất và trình độ của cán bộ, mà trước hết là tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ở các đơn vị, địa phương và ngành như thế nào. Vì thế, công tác thanh tra luôn gắn liền và góp phần vào nhiệm vụ xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh, và cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn đảng trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, phương thức hoạt động và cán bộ. Từ đó tăng cường mối quan hệ vốn có giữa công tác tổ chức, kiểm tra của các cấp bộ đảng và tổ chức thanh tra nhà nước các cấp từ trung ương đến cơ sở.

Khi ban hành Sắc lệnh số 64/SL (ngày 23-11-1945) thành lập Ban thanh tra đặc biệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao nhiệm vụ cho ngành thanh tra : "giám sát tất cả các công việc và các nhân viên của các ủy ban nhân dân và các cơ quan của Chính phủ" ; "xem xét việc thi hành chính sách, chủ trương của Chính phủ". Người chỉ rõ : "Nếu như Trung ương Đảng, Chính phủ có nghị quyết, chỉ thị đưa về các ngành, các địa phương ; kết quả thế nào không có thanh

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thanh tra nhà nước

tra khó mà biết được địa phương làm tốt, làm vừa, làm xấu, có làm hay không làm ; trên không biết, địa phương nhiều khi tự mình cũng không biết, trên không thấu dưới, dưới không thấu trên, thanh tra là để theo dõi xem các kế hoạch, chỉ thị, chính sách đó các địa phương chấp hành thế nào⁽¹⁾. Việc thanh tra chống các hành vi tiêu cực trong các nhân viên nhà nước cũng được nêu thành một nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên : "thanh tra các ủy viên ủy ban kháng chiến hành chính và viên chức về phương diện liêm khiết"⁽²⁾. Bác còn nói "thanh tra là tai mắt của trên, là bạn của dưới"⁽³⁾ ; thanh tra phải làm cho dân hiểu, dân tin, phải dựa vào dân và làm cho dân tham gia thực sự vào công tác thanh tra, giám sát. Điều quan trọng là qua thanh tra phải giúp cho từng đơn vị, từng người thấy được mặt tốt để phát huy, nhận ra sai lầm thiếu sót để sửa chữa, giúp cho nơi được thanh tra tìm ra nguyên nhân của sai phạm, khuyết điểm để có các biện pháp chấn chỉnh, khắc phục, không để tái diễn. Điều này, chính Lê-nin khi nói về nhiệm vụ của Ban thanh tra công nông cũng đã đề cập : "Ban thanh tra công nông không chỉ có nhiệm vụ, thậm chí cũng không phải nhiệm vụ chủ yếu, "tóm bắt" và "vạch mặt"... sửa chữa một cách chính xác và kịp thời, đó là nhiệm vụ chính..."⁽⁴⁾.

Trong quá trình hoạt động, xây dựng và trưởng thành, ngành thanh tra nhà nước luôn luôn thấm nhuần những tư tưởng, quan điểm nêu trên và đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ của mình góp phần không nhỏ vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Một vinh dự đối với toàn thể cán bộ nhân viên ngành thanh tra nhà nước là đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, một phần thưởng cao quý, ghi nhận những công lao và sự đóng góp của ngành trên chặng đường hoạt động liên tục suốt nửa thế kỷ qua.

Từ thực tiễn 50 năm hoạt động của ngành thanh tra nhà nước, có thể rút ra một số vấn đề cơ bản sau đây :

- Sự ra đời, tổ chức và hoạt động thanh tra là một yêu cầu khách quan. Thanh tra là "một công cụ" quan trọng để giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước. Bước sang thời kỳ mới, với những thời cơ và thách thức to lớn, ngành thanh tra có nhiệm vụ quan trọng, nặng nề, nhưng cũng rất vinh dự, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, đổi mới chính đôn Đảng và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt nam vững mạnh.

- Hoạt động thanh tra phải thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ cách mạng, đề ra nhiệm vụ phù hợp và tổ chức chỉ đạo điều hành thực hiện có hiệu quả. Các nhiệm vụ đó phải luôn kết hợp giữa hoạt động của Thanh tra nhà nước với các hình thức kiểm tra, giám sát của quần chúng, thông qua hình thức tổ chức thanh tra nhân dân hoạt động khắp nơi và có sự phối hợp không thể tách rời với các cơ quan bảo vệ pháp luật.

- Thanh tra phải thực sự là "tai mắt của trên, là bạn của dưới" để giúp cơ quan lãnh đạo và quản lý kiểm tra xem các nơi chấp hành chính sách, pháp luật như thế nào và xem bản thân chính sách, pháp luật đã ban hành có gì cần sửa đổi hoặc bổ sung. Trong thanh tra phải kết hợp tốt giữa "xây và chống", lấy "xây" là chính. Ngay cả khi xử lý nghiêm các vi phạm cũng phải nhằm mục đích xây dựng, giáo dục và phòng ngừa, để từ đó làm cho mặt tốt ngày càng phổ biến, mặt xấu được hạn chế và đẩy lùi.

- Chăm lo xây dựng tổ chức thanh tra trong sạch, vững mạnh, giữ gìn sự đoàn kết, nâng cao trình độ về mọi mặt và thường xuyên trau dồi đạo đức của người cán bộ thanh tra. Bởi vì, như Bác Hồ nói : "Cán bộ

(1) Huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị thanh tra ngày 19-4-1957

(2) Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh số 138B-SL ngày 18-12-1949 : Đặt ban thanh tra Chính phủ

(3) Huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị thanh tra ngày 19-4-1957

(4) V.I.Lê-nin : *Toán tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 157

thanh tra như cái gương cho người ta soi mặt, gương mờ thì không soi được".

- Tổ chức thanh tra theo ngành và cấp, vì một mặt thanh tra là "công cụ" của thủ trưởng ngành và cấp đó ; nhưng mặt khác lại là một tổ chức thuộc hệ thống tổ chức thanh tra nhà nước. Vì vậy, trong chỉ đạo và điều hành, phải kết hợp giữa tập trung dân chủ và tập trung thống nhất theo ngành thì mới tạo ra sức mạnh tổng hợp giữa tổ chức thanh tra nhà nước, với thanh tra thủ trưởng cấp và ngành, và thanh tra nhân dân ở cơ sở. Chống tư tưởng cục bộ, khép kín, che giấu sai lầm, khuyết điểm. Sức mạnh và hiệu quả của thanh tra chính là nhờ giải quyết tốt các mối quan hệ này.

Trước yêu cầu của thời kỳ mới, hoạt động thanh tra phải bám sát và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa ; phát huy các mặt tích cực, phòng ngừa và từng bước đẩy lùi các mặt tiêu cực ; đấu tranh có hiệu quả chống tệ quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác, củng cố niềm tin trong Đảng và nhân dân, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Tích cực thực hiện Nghị quyết 8 của Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng nhà nước vững mạnh, trọng tâm là cải cách nền hành chính nhà nước. Thanh tra nhà nước phải đổi mới toàn diện về thể chế, tổ chức, phương thức hoạt động, làm cho công tác thanh tra cũng như việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân có hiệu lực, hiệu quả hơn. Trọng tâm hiện nay của thanh tra nhà nước là thanh tra kinh tế-xã hội và việc xét, giải quyết các khiếu kiện của công dân, góp phần đánh giá một bước kết quả cuộc vận động đổi mới, chỉnh đốn Đảng và góp phần tích cực vào việc chuẩn bị tốt đại hội đảng bộ ở các cấp. Một nhiệm vụ quan trọng đặt ra đối với công tác thanh tra, kiểm tra lúc này là phải xem xét, kết luận việc thực hiện pháp luật, thực hành tiết kiệm, chống tham

nhũng và buôn lậu... Muốn làm được nhiệm vụ này, cơ quan thanh tra phải làm tham mưu trong việc ban hành các thể chế, quy định cụ thể, rõ ràng để mỗi cấp, mỗi người thực hiện, và đề cấp trên dựa vào đó kiểm tra, thanh tra. Cần coi trọng việc kết hợp công tác thanh tra với việc tự phê bình và phê bình, tự kiểm tra ; tự kê khai về thu nhập và tài sản. Tăng cường sự kiểm tra, thanh tra của cấp trên đối với cấp dưới, bao gồm cả cơ quan chức năng.

Tổ chức và hoạt động thanh tra phải được nghiên cứu đổi mới cùng với cải cách bộ máy nhà nước nói chung. Xác định rõ vị trí của tổ chức thanh tra trong cơ cấu bộ máy nhà nước, để từ đó phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn một cách hợp lý. Khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ trong một số nội dung và phạm vi hoạt động giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra, điều tra và kiểm sát. Có như thế mới nâng cao được hiệu quả hoạt động của từng cơ quan, giảm bớt được phiền hà cho tổ chức và công dân.

Cần đổi mới căn bản mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan điều tra, kiểm sát, thanh tra sao cho vừa phù hợp với công cuộc cải cách hành chính hiện nay, vừa quán triệt được đầy đủ tư tưởng của Bác Hồ trong Sắc lệnh thành lập Ban thanh tra đặc biệt ; đồng thời tiếp thu và vận dụng được những kinh nghiệm tốt của thế giới và khu vực.

Thực chất một số mặt công tác của các cơ quan này là nhiệm vụ điều tra, kiểm sát, thanh tra không thể tách rời, nên nhiều nước đã tổ chức lại. Đối với nước ta, đối tượng kiểm tra, thanh tra và giám sát của Nhà nước và Đảng gần như trùng hợp. Cho nên, cần thiết phải có sự liên hợp về tổ chức giữa sự kiểm tra của cấp ủy đảng với công tác thanh tra của Nhà nước. Kinh nghiệm cho thấy, có sự liên hợp giữa Ủy ban kỷ luật của các cấp ủy đảng với cơ quan giám sát của chính quyền các cấp từ trung ương xuống cơ sở thì thanh tra sẽ đạt kết quả tốt hơn.

Cần đổi mới tổ chức thanh tra theo hướng toàn ngành. Bởi vì, nếu ở các bộ, ngành trung ương và các địa phương đều có đại diện của thanh tra nhà nước để thực hiện nhiệm vụ giám sát, thanh tra các mặt hoạt động thì chắc chắn sẽ bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, cần thường xuyên chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra. Mỗi cán bộ thanh tra phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ nghiệp vụ tốt, có lối sống trong sáng, lành mạnh, liêm khiết và công minh. Cán bộ thanh tra cần ra sức học tập để nắm vững đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ; thường xuyên nắm bắt, tiếp cận với tình hình thực tế sôi động trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, để có thể giải quyết nghiêm túc, linh hoạt, có lý, có tình các việc đặt ra. Đồng thời cần tạo cho người cán bộ thanh tra có quyền lực, năng lực và nghị lực; có quy chế, chế ước quản lý lẫn nhau để chống các biểu hiện tiêu cực xâm nhập khi thi hành công vụ.

Công tác thanh tra phải dựa vào quần chúng, cùng với Mặt trận Tổ quốc, công đoàn để củng cố tổ chức thanh tra nhân dân, thanh tra của cơ sở. Tổ chức thanh tra các cấp phải hết sức chủ động, tham mưu cho

cấp ủy đảng và chính quyền các cấp trong việc kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý các vụ việc tiêu cực, tham nhũng ; xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo, giải quyết và xử lý các "điểm nóng" ở địa phương. Ngược lại, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp cần xác định công tác thanh tra là nhiệm vụ của chính mình, đặt đúng vị trí về tổ chức và cán bộ, tạo các điều kiện cần thiết để tổ chức thanh tra hoàn thành nhiệm vụ.

*
* *

Nhìn lại 50 năm qua, ngành thanh tra nhà nước đã trưởng thành và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của đất nước (xây dựng đảng và hệ thống chính trị). Tuy nhiên, ngành thanh tra cũng còn không ít thiếu sót, hạn chế, như hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Điều này có nguyên nhân khách quan nhưng có cả nguyên nhân chủ quan. Trong thời gian tới, toàn ngành thanh tra không ngừng phấn đấu vươn lên, sống, học tập và làm việc tốt hơn, xứng đáng với niềm tin : "Thanh tra là tai mắt của Đảng và Chính phủ", góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước, cuộc vận động chính đôn Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước hiện nay □

Đổi mới...

(Tiếp theo trang 14)

Phương án hợp lý nhất để xây dựng hệ thống ngân sách nhà nước là phương án *ba cấp* : trung ương ; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ; và cơ sở (bao gồm thành phố thuộc tỉnh, thị xã, thị trấn và xã). Các chính sách phân cấp ngân sách thực hiện theo hướng : Quốc hội quyết định ngân sách trung ương và thông qua ngân sách nhà nước ; hội đồng nhân dân các cấp quyết định ngân sách của cấp mình và thông qua ngân sách cấp dưới. Cấp quyết định ngân sách cũng là cấp có quyền điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách. Để thực hiện thống nhất ngân sách,

chính phủ cần ban hành *hệ thống chế độ định mức chi thống nhất trong toàn quốc* ; thực hiện chế độ kế toán, thống kê thống nhất, chế độ báo cáo và kiểm tra ngân sách một cách nghiêm ngặt. Trong giai đoạn 1996 - 2000, chính phủ có thể phân định nhiệm vụ chi và nguồn thu cho từng cấp ngân sách ổn định từ 3 đến 5 năm. Ngoài ra, trong điều kiện nguồn vốn đầu tư của địa phương có hạn, có thể để hội đồng nhân dân xem xét quyết định vay bằng phát hành trái phiếu trong nước. Các khoản vay từ dân phải nhằm thực hiện một số công trình nhất định được phép của Chính phủ, và phải dùng nguồn ngân sách địa phương để trả nợ □

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TÀO HỮU PHÙNG *

THỜI gian qua, hoạt động của ngân sách nhà nước đã có những chuyển biến rõ rệt : nguồn thu được cải thiện ; nhu cầu chi được bố trí và sắp xếp tương đối hợp lý ; bước đầu nền kinh tế đã khởi sắc, kiềm chế được lạm phát và tăng trưởng kinh tế cao. Tuy nhiên, về mặt quản lý và điều hành ngân sách nhà nước, bên cạnh những mặt ưu điểm, vẫn tồn tại nhiều nhược điểm, thể hiện ở việc lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước, ở việc hoạch định chính sách và cơ chế quản lý thu, chi, và cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Về cơ chế quản lý thu ngân sách nhà nước : Do sự phát triển đa dạng của các hoạt động kinh doanh trên thị trường, hệ thống thuế tuy đã được cải cách nhưng vẫn chưa bao quát được hết các nguồn thu, diện thu. Tình trạng thất thu, quản lý lỏng lẻo và sơ hở các nguồn thu diễn ra khá phổ biến. Các khoản thu từ khu vực kinh tế quốc doanh chưa tương xứng với tiềm năng. Việc quản lý tài chính trong khu vực này chưa đáp ứng được yêu cầu phản ánh tình trạng thu chi của đơn vị, cơ sở. Trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, tỷ lệ thất thu còn khá lớn. Hầu hết các hộ kinh doanh đều tìm mọi cách để trốn thuế. Cơ quan thuế không nắm chắc được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các hộ gia đình. Quản lý phí còn chưa thống nhất ở các cấp, ngành, địa phương và cơ sở. Các khoản thu ngân sách nhà nước chưa tập trung, mà phần lớn còn phân tán. Tình trạng lập quỹ ngoài ngân sách nhà nước diễn ra ở hầu hết các cơ quan, đơn vị. Thêm vào đó, sự bất cập trong mỗi sắc thuế, biểu thuế càng làm cho công tác quản lý thu thuế thêm khó khăn. Sự phối hợp giữa

cơ quan thuế vụ với chính quyền địa phương cũng như với các đoàn thể còn chưa đồng bộ, dẫn đến tình trạng trốn lậu thuế còn lớn, công tác xử lý vi phạm pháp luật thuế chưa nghiêm.

Về chính sách và cơ chế quản lý chi ngân sách nhà nước : Trong thời gian qua, chính sách chi ngân sách nhà nước đã chú ý tới mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng. Ngân sách nhà nước đã tập trung cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các chương trình mục tiêu quốc gia và chú ý tới nhu cầu phát triển của các vùng sâu, vùng xa. Đồng thời, ngân sách nhà nước cũng bảo đảm các khoản chi cần thiết (giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội) cũng như các khoản chi cho dự trữ, trả nợ. Nghĩa là, ngân sách nhà nước đã có xu hướng giải quyết hợp lý đối với các nhu cầu vừa có tính chất chiến lược, vừa có tính chất thường xuyên. Tuy nhiên, thực trạng chi và quản lý chi ngân sách nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế. Tình trạng chi tiêu sai mục đích, sai đối tượng còn phổ biến. Trong quản lý chi cũng chưa có một hệ thống tiêu chuẩn và định mức đồng bộ, chưa có các quy định xử lý các trường hợp phát sinh ngoài dự kiến. Do đó, chi ngân sách nhà nước luôn ở tình trạng bị động và lúng túng, thiếu căn cứ thẩm định, và các quyết định xử lý còn mang tính chủ quan. Điều đó đã gây thất thoát ngân sách và làm giảm vai trò điều tiết vĩ mô của nhà nước. Về cấp ngân sách nhà nước, còn rườm rà, khó quản lý (nhiều kênh cấp kinh phí cho cùng một đối tượng, một mục đích, gây khó khăn cho công tác quản lý và xác định hiệu quả sử dụng). Việc cấp

* GS. TS. Thứ trưởng Bộ tài chính

vốn cho xây dựng cơ bản vẫn là vấn đề nóng bỏng. Cơ chế cấp và kiểm soát chi ngân sách nhà nước còn bộc lộ nhiều nhược điểm, dẫn đến thất thoát lớn trong xây dựng cơ bản. Ngoài ra, việc kiểm soát chi sau khi cấp còn bị bỏ rơi, chưa thanh tra, kiểm tra hoặc quyết toán trở lại ; quá trình hạch toán, kế toán các khoản chi không được thực hiện nghiêm túc.

Về cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước : Thời gian qua, cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế. Bước đầu các địa phương đã phát huy được tính chủ động sáng tạo của mình khai thác nguồn thu, chủ động bố trí hợp lý các khoản chi, góp phần thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của chính quyền địa phương các cấp. Tuy nhiên, việc phân cấp quản lý ngân sách nhà nước đã bộc lộ nhiều nhược điểm, vẫn còn tình trạng co kéo, tranh chấp giữa trung ương và địa phương. Thậm chí, đã làm trái với nguyên tắc thống nhất của ngân sách nhà nước, vừa cắt khúc lại vừa chẻ dọc ngân sách, từ đó hình thành kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, kinh tế ngành, lĩnh vực độc lập. Điều này là trái với quy luật phát triển nền kinh tế của một quốc gia thống nhất đang trong quá trình công nghiệp hóa và mở cửa.

Sở dĩ có tình trạng trên là do hệ thống hành chính ; phân cấp ngân sách không thể nằm ngoài phân cấp quản lý hành chính. Hệ thống hành chính ở nước ta còn quá nhiều tầng nấc quản lý và phê duyệt, dẫn đến phức tạp, quan liêu ; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước lại không rõ ràng, còn chồng chéo, kém hiệu quả. Việc phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi cho địa phương thường không ổn định, nên chính quyền địa phương còn bị động, lúng túng.

*
* *

1 - Việc quản lý và điều hành ngân sách nhà nước chỉ có thể đạt kết quả tốt khi xác định được sự khác nhau giữa cơ chế mới và cơ chế cũ. Trong cơ chế mới, ngân sách nhà nước có những đặc điểm sau :

Thứ nhất, ngân sách nhà nước không còn là công cụ can thiệp trực tiếp của nhà nước vào mọi hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước vẫn là một công cụ điều chỉnh vĩ mô hết sức quan trọng đối với toàn bộ nền kinh tế, xã hội. Điều đó cũng có nghĩa : ngân sách nhà nước đã chuyển từ *bao cấp* sang *phục vụ cho sản xuất*.

Thứ hai, hoạt động của ngân sách nhà nước gắn liền với hoạt động của nền kinh tế và xã hội, thể hiện ở chỗ : các khoản thu không cố định mà luôn biến động, phụ thuộc vào nhịp độ phát triển và hiệu quả của nền kinh tế ; kinh tế tăng trưởng thì sẽ tăng được nguồn thu. Tuy nhiên, để kích thích sự tích tụ và đầu tư của các nhà sản xuất, nguồn thu ngân sách nhà nước không thể vượt quá giới hạn nhất định. Các khoản chi từ ngân sách nhà nước phải vừa bảo đảm nguồn tài chính cần thiết để duy trì bộ máy nhà nước, vừa góp phần thực hiện công bằng xã hội, hạn chế những khuyết tật của cơ chế thị trường, ổn định giá cả và chống lạm phát.

Thứ ba, ngân sách nhà nước trong cơ chế nào cũng đều mang tính thống nhất hữu cơ. Trong cơ chế mới, tính thống nhất này vẫn phải được tăng cường. Nếu cắt khúc hay chẻ dọc ngân sách nhà nước, sẽ ảnh hưởng tới sự thống nhất của nền kinh tế và thị trường, tới vai trò điều chỉnh vĩ mô của nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường, ngân sách nhà nước có đặc điểm là hoạt động gắn chặt với sở hữu nhà nước. Ở đây, ngân sách nhà nước bảo tồn và phát triển các tài sản thuộc sở hữu nhà nước khi các tài sản đó được đem sử dụng ; thu và chi ngân sách nhà nước đều nhằm tái tạo và phát triển có hiệu quả các tài sản của nhà nước.

2 - Việc giải phóng sức sản xuất, tăng trưởng kinh tế, khai thác và tận dụng hết mọi tiềm năng, từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới, đòi hỏi phải đổi mới công tác quản lý và điều hành ngân sách nhà nước theo các mục tiêu sau :

Một là, hoạt động của ngân sách nhà nước cần hướng vào thực hiện nhiệm vụ ổn

định môi trường kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền. Yêu cầu này có liên quan đến chính sách thu, chi và cân đối thu chi ngân sách nhà nước. Cụ thể là, trong trường hợp nền kinh tế có lạm phát thì phải thực hiện chính sách thắt chặt ngân sách bằng cách hạn chế tiêu dùng (hạn chế cầu), tăng thu, giảm chi. Ngược lại, khi nền kinh tế có xu hướng tăng trưởng chậm hoặc trì trệ, thì phải thực hiện chính sách nới lỏng ngân sách bằng cách giảm tỷ suất thu, mở rộng chi (kích thích cầu), tức là có thể cho phép bội chi ngân sách ở mức hợp lý. Điều cần lưu ý là chính sách ngân sách phải phối hợp chặt chẽ với chính sách tiền tệ, tín dụng và cùng hướng tới một mục tiêu.

Ngoài ra, việc kiểm soát lạm phát bằng công cụ ngân sách còn có quan hệ chặt chẽ tới vấn đề tạo ra các quỹ dự trữ từ ngân sách nhà nước để cân đối tiền - hàng trong nền kinh tế. Trong nền kinh tế thị trường, phần lớn các mặt hàng là do thị trường điều tiết. Thị trường tuy rất năng động, nhưng cũng có những khuyết tật mà tự nó không giải quyết được. Do đó, nhà nước cần có một khoản dự trữ bằng tiền và hiện vật (gồm ngoại tệ, vàng, một số loại vật tư chiến lược) để ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát và thực hiện chính sách tỷ giá phù hợp với từng thời kỳ.

Hai là, hoạt động của ngân sách nhà nước cần bảo đảm các cân đối *lớn* của nền kinh tế, như cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa tích tụ và tập trung, giữa đầu tư cho kinh tế và đầu tư cho con người. Tất cả những cân đối trên là hết sức quan trọng. Trong chính sách thu ngân sách, việc tạo nguồn thu phải tính đến yêu cầu tích tụ vốn cho tái đầu tư của các doanh nghiệp, đồng thời lại phải bao quát hết nguồn thu, tức là phải tận thu, nhưng không lạm thu. Chính sách chi ngân sách cần chú ý đến yêu cầu tiết kiệm, đúng mục đích, đúng thứ tự ưu tiên, vừa bảo đảm được các nhu cầu chi thường xuyên, lại vừa có tích lũy ngày càng cao cho đầu tư phát triển. Trong quan hệ thu chi, việc cân đối ngân sách cần được thực hiện theo nguyên tắc : giảm dần tỷ lệ

bội chi, và chỉ dùng các biện pháp vay *trung hạn* hoặc *dài hạn* để bù đắp bội chi.

Ba là, về phân cấp quản lý ngân sách, yêu cầu đặt ra là vừa duy trì sự thống nhất của ngân sách nhà nước (thống nhất về chế độ, chính sách, định mức, tiêu chuẩn), vừa phân định rõ ràng, rành mạch chức năng, nhiệm vụ của chính quyền các cấp trong quản lý và điều hành ngân sách nhà nước. Muốn vậy, phải có một cơ chế phân cấp mới trong quản lý ngân sách nhà nước, xóa bỏ tình trạng lỏng ghép, không ổn định và chồng chéo, cũng như tình trạng ngân sách cấp trên cân đối thay cho ngân sách cấp dưới như hiện nay. Vì tất cả những tình trạng vừa nói, đều dẫn đến chỗ : về hình thức, ngân sách nhà nước có vẻ rất tập trung, nhưng trên thực tế lại rất phân tán. Trong khi đó, chính quyền địa phương các cấp không có điều kiện để thực hiện nhiệm vụ của mình một cách ổn định, rõ ràng và chủ động.

3 - *Để đổi mới công tác quản lý và điều hành ngân sách nhà nước, cần chú ý các giải pháp :*

a) *Đổi mới cơ chế quản lý thu ngân sách nhà nước :*

Ở nước ta, tình trạng thất thu ngân sách nhà nước còn lớn trên nhiều lĩnh vực (khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh, thuế xuất nhập khẩu, thuế nhà đất...). Trong giai đoạn tới, cần đổi mới cơ chế thu ngân sách nhà nước nhằm nâng được tỷ trọng thu từ GDP lên khoảng 25%, trong đó thu từ thuế và phí phải đạt 24% GDP. Muốn vậy, phải nhanh chóng cải cách hệ thống thuế theo hướng đơn giản thuế suất, mở rộng và bao quát hết các nguồn thu, diện thu, áp dụng thuế trị giá gia tăng (TVA) thay cho thuế doanh thu, mở rộng mặt hàng thu thuế tiêu thụ đặc biệt, giảm thuế đánh vào lợi nhuận doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tự tích lũy đầu tư phát triển kinh doanh, tăng cường chống thất thu ngân sách, nhất là đối với khu vực ngoài quốc doanh.

Để hệ thống thuế nước ta ngang tầm với các nước kinh tế phát triển, cần sắp xếp lại các sắc thuế cho phù hợp với tính chất từng

loại. Mỗi sắc thuế chỉ hướng vào một mục tiêu nhất định. Thuế xuất, nhập khẩu phải có tác dụng bảo hộ hàng sản xuất trong nước, khuyến khích hàng xuất khẩu để thu ngoại tệ, đồng thời hạn chế việc nhập khẩu các mặt hàng trong nước có thể sản xuất được. Cùng với việc quản lý thu thuế theo luật định, cần tạo ra một cơ chế hữu hiệu để tập trung các nguồn thu khác vào ngân sách nhà nước, như thu từ bán tài sản công, góp vốn liên doanh qua chính sách giá... Ngoài ra, công tác quản lý thu ngân sách nhà nước phải bảo đảm sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn viện trợ, các khoản đóng góp của dân cư và các khoản thu vãng lai khác.

b) *Đổi mới chính sách và cơ chế quản lý chi ngân sách nhà nước :*

Triệt để thực hiện nguyên tắc thu thường xuyên trong nước phải bảo đảm đủ cho chi tiêu dùng thường xuyên và dành một phần đáng kể (khoảng 20%) cho đầu tư phát triển. Trong cơ cấu chi ngân sách nhà nước, phải ưu tiên cho chi đầu tư cơ sở hạ tầng, các công trình kinh tế then chốt, các chương trình, dự án quốc gia và chiến lược con người. Để bảo đảm điều kiện cho nền kinh tế phát triển ổn định và vững chắc, phấn đấu tăng mức chi đầu tư đạt bình quân hằng năm khoảng 8 - 9% GDP (khoảng 1/3 đầu tư của toàn xã hội) ; trong đó, phần tiết kiệm của ngân sách phải bảo đảm từ 4 đến 4,5% GDP, phần còn lại sẽ chủ yếu sử dụng vốn vay trong nước và ngoài nước (ODA) để chi đầu tư phát triển.

Trong điều kiện nguồn thu còn hạn chế, nhu cầu chi để ổn định tình hình chính trị - xã hội và tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội ngày một cao, thì thâm hụt ngân sách nhà nước là điều khó tránh khỏi. Để chủ động kiểm soát được bội chi ngân sách nhà nước, cần khống chế tỷ trọng bội chi ở mức dưới 5% GDP và phát triển dần các quỹ dự trữ tài chính. Giảm dần và tiến tới chấm dứt việc vay tạm thời ngân sách nhà nước cho chi ngân sách. Vay trong nước và vay nước ngoài, hoặc giảm những khoản chi chưa cần thiết (mua sắm, sửa chữa, chi hội nghị...).

c) *Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý ngân sách nhà nước :*

Từ thực trạng phân cấp quản lý ngân sách nhà nước thời gian qua và yêu cầu mới đặt ra, nhà nước cần giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa trung ương và địa phương theo nguyên tắc rõ ràng, ổn định, công bằng và hợp lý, trên cơ sở bảo đảm ngân sách nhà nước là thống nhất. Đồng thời, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương phát huy quyền chủ động sáng tạo trong khuôn khổ pháp luật. Đây là vấn đề rất phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau. Song theo tôi, trước yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính, cần có những biện pháp đồng bộ để thực hiện hữu hiệu cơ chế này.

Hệ thống hành chính của nước ta hiện nay khá phức tạp, vừa đan xen, chồng chéo, lại vừa nhiều tầng nấc trung gian gây cản trở lớn cho việc phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Đương nhiên, cần phân biệt rõ đơn vị hành chính cơ sở và đơn vị hành chính trung gian, đơn vị hành chính đô thị và đơn vị hành chính nông thôn. Cần xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền các cấp đối với việc thu và chi ngân sách nhà nước. Bảo đảm nguyên tắc ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, nó được giao các nguồn thu quan trọng nhất để đảm nhận các nhiệm vụ chi chủ yếu nhất. Ngân sách địa phương cũng có những nguồn thu và nhiệm vụ chi riêng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của chính quyền địa phương. Việc ngân sách trung ương trợ cấp cho ngân sách địa phương để bảo đảm tính công bằng là hoàn toàn cần thiết, nhưng phải lấy địa phương có khó khăn nhất làm chuẩn, và dựa trên các tiêu thức hỗ trợ như : dân số, thu nhập bình quân đầu người, vị trí địa lý... Xóa bỏ hình thức hỗ trợ theo số chênh lệch thu chi, chấm dứt tình trạng ngân sách trung ương cân đối thay cho ngân sách địa phương.

(Xem tiếp trang 10)

XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG ĐỂ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO *

I Trong thời đại ngày nay, dưới tác động của tiến bộ khoa học kỹ thuật, lực lượng sản xuất đã phát triển và đạt tới trình độ cao chưa từng có trong lịch sử, vượt ra ngoài phạm vi mỗi quốc gia. Sản xuất lớn chỉ có thể đạt được hiệu quả cao khi quan hệ hợp tác và phân công lao động được thông thoáng trong phạm vi một nước và mở rộng giữa các quốc gia. Điều đó tất yếu dẫn đến sự mở rộng và phát triển hợp tác về lao động và phân công lao động quốc tế, nhất là trong điều kiện kinh tế thị trường và quốc tế hóa đời sống kinh tế - xã hội.

Thực tế cho thấy, di cư lao động giữa các nước đã trở thành hiện tượng phổ biến trong đời sống kinh tế - xã hội quốc tế và việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đã trở thành một lĩnh vực hoạt động kinh tế quan trọng của nhiều quốc gia. Từ lâu, nhiều nước đã coi xuất khẩu lao động là một hướng quan trọng nhằm giải quyết việc làm, giảm bớt những căng thẳng về lao động dôi thừa ở trong nước, tăng thu nhập cho người lao động và tăng nguồn thu ngoại tệ cho nhà nước. Nhiều nước coi đó là quốc sách, là nhiệm vụ chiến lược lâu dài trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội của mình.

Ở nước ta, việc xuất khẩu lao động cũng được coi là một giải pháp quan trọng để giải quyết việc làm cho người lao động. Đến nay, việc tổ chức xuất khẩu lao động có thời hạn đã thu được những kết quả đáng kể cả về mặt kinh tế và xã hội.

Về hiệu quả kinh tế : Số tiền gửi về nước của lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa (cũ) là 263 062 triệu đồng (thời giá 1990), tức 482,1 triệu rúp phi mậu dịch. Riêng số lao động ở I-rắc, cuối năm 1989 đã nộp ngân sách nhà nước 4,1 triệu rúp và 9 triệu USD. Số hàng hóa gửi về từ các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (cũ) trong 10 năm (1981-1990) ước trị giá 700 tỉ đồng Việt nam và từ các nước khác là trên 7 triệu USD.

Về hiệu quả xã hội : Trước hết, đã tạo được việc làm tạm thời mà không phải đầu tư hàng ngàn tỉ đồng cho 3% số người đến tuổi lao động hằng năm (khoảng 27 vạn người), trong đó gần 60% là lao động chưa có nghề và gần 4 vạn lao động là lực lượng vũ trang đã hết hạn phục vụ trong quân ngũ. Mặt khác, cũng giúp cho hàng chục ngàn người có thêm việc làm ở trong nước như dịch vụ tuyển chọn, đưa đón, giao nhận hàng hóa... Nhiều lao động gửi tiền, thiết bị máy móc về giúp gia đình phát triển sản xuất. Một số khi về nước, nhờ có vốn đã mở mang sản xuất, kinh doanh,... thu hút nhiều lao động. *Thứ hai*, với bản thân người lao động, do đã có thời gian ở nước ngoài nên họ có thêm trình độ ngoại ngữ, quen tác phong sản xuất công nghiệp, hiểu biết kỹ thuật tiên tiến... Hiệu quả xã hội còn thể hiện ở vai trò của lao động Việt nam tại các nước đến lao động, là tạo quan hệ hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa nước ta với nước bạn. *Ngoài ra*, lao động Việt nam ở nước ngoài

* PTS kinh tế, Thứ trưởng Bộ lao động thương binh xã hội

cũng góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước nâng cao dân trí, nâng cao kỹ thuật... do hiểu biết và mang kỹ thuật mới về nước.

Rõ ràng, mở rộng và nâng cao hiệu quả việc đưa lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài chẳng những là một yêu cầu khách quan xuất phát từ thực tiễn đời sống kinh tế xã hội đất nước, là mắt khâu quan trọng trong chương trình quốc gia về việc làm cho người lao động, mà còn phù hợp với xu hướng quốc tế về phân công lao động.

II Việc hợp tác lao động với các nước xã hội chủ nghĩa (cũ) vừa qua, ít nhiều mang tính tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước trong khối "SEV". Hiện nay, việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài đã chuyển sang một giai đoạn mới, do đó cần nhận rõ những đặc điểm chủ yếu của hoạt động đưa lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài trong điều kiện mới.

Một là, trong điều kiện kinh tế thị trường với chính sách kinh tế mở cửa, xuất khẩu lao động thực sự là một hoạt động kinh tế, chịu sự tác động, điều tiết của các quy luật kinh tế thị trường và được thực hiện dựa trên quan hệ cung - cầu sức lao động. Ở *tâm vi mô*, "bên cung" phải tính toán sao cho lao động của mình có thể bù đắp mọi chi phí và có lãi; hơn thế nữa phải tìm chọn các phương án để có lãi cao hơn. Còn "bên cầu", thì phải xem xét, tính toán kỹ lưỡng để đưa lực lượng lao động nào, với số lượng, chất lượng và ngành nghề phù hợp với hoạt động kinh doanh của mình. Ở *tâm vĩ mô*, xuất phát từ lợi ích kinh tế và nhu cầu của các doanh nghiệp mà các quốc gia "bên cung" có chủ trương cho xuất khẩu lao động. Để đi đến các quyết định này, cả hai bên đều phải xem xét đến những khía cạnh về an ninh, an toàn xã hội và bảo vệ xã hội đối với người lao động. Nhưng xét cho cùng, khi những vấn đề này được bảo đảm, thì lợi ích kinh tế là cái quyết định nhất đối với

việc xuất, nhập khẩu lao động. Nhận rõ đặc điểm này sẽ giúp ta có định hướng quan trọng là: xuất khẩu lao động phải được tổ chức thực hiện bởi các cơ sở kinh tế tự chủ về tài chính, dựa trên các hợp đồng cung ứng lao động giữa các tổ chức kinh tế của các quốc gia. Những năm trước đây, chúng ta thực hiện đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài chủ yếu dựa theo các hiệp định liên chính phủ. Các cơ quan quản lý nhà nước phải làm tất cả thay cho các cơ sở kinh tế, từ đàm phán ký kết, đến phân bổ chỉ tiêu tuyển lao động, khám sức khỏe, kiểm tra hồ sơ, làm thủ tục xuất cảnh và biên chế lực lượng lao động được tuyển thành các đơn vị đưa đi, đến khâu thu tài chính. Nhưng thực tế, hiệu quả đạt được rất thấp, lại phải trực tiếp đứng ra giải quyết mọi hậu quả của quá trình này. Ngày nay, trong cơ chế thị trường, phần lớn các quốc gia có quan hệ xuất nhập khẩu lao động không đòi hỏi phải ký kết một hiệp định nào. Trong một số trường hợp khi cần thiết, hai nhà nước chỉ ký với nhau hiệp định nguyên tắc để cho phép các tổ chức kinh tế của hai bên cung ứng lao động cho nhau, thông qua các hợp đồng. Các hợp đồng này là cơ sở pháp lý để hai bên thực hiện trách nhiệm và quyền lợi kinh tế của mình. Và nó chỉ có thể có hiệu lực, được thực hiện trôi chảy khi nội dung của hợp đồng vừa đáp ứng mong muốn về lợi ích của mỗi bên, không trái với những quy định trong hệ thống pháp luật của hai quốc gia.

Hai là, địa bàn và cơ cấu lao động đi làm việc ở nước ngoài phải đa dạng. Xuất phát từ thực tế, và với chính sách "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước", địa bàn xuất khẩu lao động của ta trong giai đoạn hiện nay cũng như trong tương lai không thể chỉ đóng khung ở một vài thị trường cũ. Có thể nói, về lâu dài và trên quy mô khác nhau, việc xuất khẩu lao động không bị giới hạn bởi không gian. Ở đâu có nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài, lại có sức hút về kinh

tế và bảo vệ được người lao động, thì ở đó lập tức sẽ có dòng di chuyển lao động đến bởi các hợp đồng cung ứng lao động. Địa bàn xuất khẩu lao động cũng không cố định. Nó thường xuyên vận động và phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của các nước sử dụng lao động và quan hệ cung cầu lao động ở đó. Thực tế chỉ rõ, có những nước trước đây chuyên xuất khẩu lao động, thì nay lại có nhu cầu lớn về nhập khẩu lao động. Mặt khác, do nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài ở nhiều quốc gia rất đa dạng về chủng loại, cơ cấu nghề nghiệp và trình độ, nên ở nhiều nước đã và đang diễn ra đồng thời hai quá trình ngược chiều nhau: xuất khẩu lao động loại này, nhập khẩu lao động loại kia. Tuy nhiên, trong từng thời kỳ nhất định, vẫn xuất hiện những khu vực có nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài lớn, tập trung, những loại ngành nghề thu hút nhiều lao động, tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế và quan hệ cung cầu cụ thể. Đây chính là điều cần lưu ý để định hướng cho việc chọn địa bàn chính cần khai thác, dự báo ngành nghề chủ yếu, chuẩn bị lực lượng lao động để đáp ứng cho yêu cầu thị trường.

Xuất phát từ đó phải đa dạng hóa địa bàn, cơ cấu lao động và hình thức xuất khẩu nhằm xóa bỏ tình trạng quá lệ thuộc vào thị trường một khu vực nào đó (như trước đây). Nếu không chuẩn bị tốt, khi có biến động lớn sẽ làm cho việc xuất khẩu lao động bị phá vỡ, đình trệ nghiêm trọng. Mở rộng địa bàn, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động, sẽ là điều kiện để khẳng định vị trí của lao động Việt nam ở nhiều thị trường khác nhau. Đồng thời, chúng ta có điều kiện so sánh, lựa chọn thị trường cần tập trung ưu tiên. Tuy nhiên, cần *giữ vững nguyên tắc*: Đưa lao động Việt nam đến làm việc ở tất cả các thị trường có nhu cầu lao động, mà ở đó bảo đảm những điều kiện về an ninh, an toàn, môi trường khí hậu... đối với người lao động Việt nam.

Ba là, cạnh tranh giữa các tổ chức kinh tế, giữa các quốc gia trong xuất khẩu lao động. Môi trường vận động của kinh tế thị trường là cạnh tranh. Bởi vậy, hoạt động xuất khẩu lao động trong cơ chế thị trường tất yếu diễn ra trong sự cạnh tranh giữa các tổ chức kinh tế và giữa các quốc gia xuất khẩu lao động.

Doanh nghiệp nào, quốc gia nào chuẩn bị được đội ngũ lao động để cung ứng cho nước ngoài phù hợp với yêu cầu của nơi đến làm việc càng tốt, thì càng có ưu thế trong chiếm lĩnh thị trường. Cùng yếu tố về "giá trị sử dụng" như nhau, cái quyết định *thắng thế* trong cạnh tranh là giá trị hàng hóa cá biệt - mà ở đây là *giá nhân công*. Doanh nghiệp nào cung ứng lao động mà giá nhân công thấp hơn sẽ có ưu thế hơn trong cạnh tranh. *Rút ngắn thời gian tuyển và làm thủ tục xuất cảnh* cho lao động, cùng với *tính chính xác, độ tin cậy* trong thực hiện hợp đồng cũng là *yếu tố không kém phần quan trọng* tạo nên sự hấp dẫn với bạn hàng và sức mạnh trong cạnh tranh.

III Để mở rộng và nâng cao hiệu quả việc xuất khẩu lao động của nước ta trong điều kiện hiện nay, theo tôi, cần chú ý một số biện pháp cơ bản sau đây :

1. *Tăng cường công tác dự báo thị trường lao động ngoài nước có khả năng thu hút lao động Việt nam.* Việc dự báo thị trường, nắm vững thị trường lao động ngoài nước, để từ đó có biện pháp cụ thể nhằm thực hiện đa dạng hóa chủng loại, đa dạng hóa hình thức xuất khẩu lao động... là yếu tố quyết định thành công đối với việc mở rộng và nâng cao hiệu quả của xuất khẩu lao động.

Từ kết quả thu thập và nghiên cứu tài liệu của các tổ chức lao động quốc tế (ILO), tài liệu của các cơ quan nhà nước, các nhà kinh tế của các nước xuất khẩu và nhập khẩu lao động ; từ kết quả nghiên cứu, khảo sát,

đàm phán, qua các cuộc hội thảo quốc gia và quốc tế, phải đưa ra được dự báo về những thị trường lao động ngoài nước trong khoảng 10 năm tới mà Việt nam cần và có thể khai thác. Trong đó lưu ý thị trường lao động Đông Á và Đông-Nam Á (Nhật bản, Đài loan, Hàn quốc, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Bru-nây) ; thị trường Trung Đông (A-rập - Xê-út, các tiểu vương quốc A-rập thống nhất, Cô-oét).

2. *Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý lĩnh vực xuất khẩu lao động*, bao gồm các doanh nghiệp xuất khẩu lao động và các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Đây là giải pháp tích cực nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả của xuất khẩu lao động. Nó đòi hỏi phải tách hệ thống hoạt động kinh doanh xuất khẩu lao động, với hệ thống quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Tăng cường hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước, đồng thời mở rộng quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp ; xây dựng hệ thống các doanh nghiệp xuất khẩu lao động đủ mạnh để có sức cạnh tranh trên thị trường lao động quốc tế.

3. *Hoàn thiện chính sách tài chính*, hệ thống luật pháp và chính sách tạo môi trường, hành lang cho hoạt động xuất khẩu lao động. Đây là một đòi hỏi khách quan, trong đó hoàn thiện chính sách tài chính là một khâu trọng yếu. Chính sách tài chính phải là đòn bẩy thúc đẩy mở rộng và nâng cao hiệu quả việc xuất khẩu lao động ; đồng thời giải quyết hài hòa lợi ích giữa người lao động với tổ chức xuất khẩu lao động và nhà nước. Muốn vậy, phải lưu ý : nắm chắc giá nhân công trên thị trường thế giới, xác định mức thu nhập tối thiểu cho người lao động và bảo đảm bù đắp chi phí và có lãi hợp lý, giành lợi thế về giá nhân công cho các tổ chức kinh tế hoạt động xuất khẩu lao động ; thiết lập những ràng buộc kinh tế nhằm tăng cường trách nhiệm của mọi thành phần tham gia ký hợp đồng ; tổ chức tốt việc thu, nộp ngân sách, kinh phí bảo hiểm

và chuyển thu nhập về gia đình người lao động.

4. *Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chương trình có mục tiêu về chuẩn bị lực lượng lao động Việt nam đáp ứng yêu cầu thị trường lao động quốc tế*. Chất lượng cao, toàn diện của đội ngũ lao động thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động quốc tế là một trong những yếu tố quyết định thắng thế trong cạnh tranh. Nguồn lao động của chúng ta dồi dào, nhưng để có đội ngũ lao động có chất lượng cao, toàn diện với các khía cạnh trên, có sức cạnh tranh, đáp ứng kịp thời nhu cầu đa dạng của thị trường quốc tế, cần phải xây dựng và tổ chức thực hiện một chương trình mục tiêu về chuẩn bị lao động cho xuất khẩu.

5. *Tổ chức quan hệ phối hợp liên ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình tuyển chọn làm thủ tục xuất cảnh lao động*. Cần có quy định của nhà nước, thông tư liên bộ, liên ngành về trách nhiệm và thời hạn xử lý từng loại công việc của mình. Các quy định phải được xây dựng trên nguyên tắc vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, vừa tạo điều kiện thuận tiện nhất, với thời gian ngắn nhất cho doanh nghiệp và người lao động.

6. *Sử dụng và phát huy tốt khả năng của số lao động trở về sau khi hết hạn hợp đồng ở nước ngoài*. Số lao động ở nước ngoài sau khi hết hạn hợp đồng trở về nước có vốn, có kỹ thuật... Do đó, chúng ta cần có biện pháp khuyến khích tối đa khả năng của họ vào phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Những biện pháp cụ thể là : tư vấn về việc làm, giới thiệu chỗ làm mới, đào tạo tập huấn về thành lập và quản lý doanh nghiệp nhỏ, đào tạo lại để họ tự tìm việc làm mới. Những biện pháp đó không những giải quyết kịp thời việc làm cho họ mà còn giúp cho những người khác cũng có việc làm, góp phần giảm sức ép về việc làm và lao động ở trong nước hiện nay □

SÁNG NGỜI TƯ TƯỞNG BIỆN CHỨNG DUY VẬT CỦA PH. ĂNG-GHEN

PHẠM PHÚ HỒ *

NÓI về giá trị và ý nghĩa to lớn của lý luận Mác, V.I. Lê-nin viết : "đi theo con đường mà lý luận của Mác vạch ra thì chúng ta ngày càng đi đến gần chân lý khách quan...; nếu đi theo bất cứ con đường nào khác, chúng ta chỉ có thể đi đến sự lẫn lộn và dối trá"⁽¹⁾. Và để đi trên con đường ấy, như V.I. Lê-nin chỉ dẫn : "phải chú trọng đến cuộc sống sinh động, đến những sự thật chính xác của hiện thực, chứ không nên tiếp tục bám lấy cái lý luận ngày hôm qua, lý luận này cũng như mọi lý luận, bất quá chỉ vạch ra được nét căn bản, nét chung, chỉ tiến gần tới, chỗ nắm được tính chất phức tạp của cuộc sống mà thôi"⁽²⁾.

Đó là phép biện chứng duy vật.

Và chính điều mà V.I. Lê-nin trân trọng và ra sức tìm tòi ấy hoàn toàn phù hợp với sự biện chứng trong tư tưởng và hành động của Ph. Ăng-ghe-n. Ăng-ghe-n nhấn mạnh : "toàn bộ quan điểm của Mác không phải là một học thuyết, mà là một phương pháp, nó không đưa ra những giáo điều định sẵn, mà là những điểm xuất phát cho việc nghiên cứu thêm và phương pháp cho việc nghiên cứu này"⁽³⁾; nghĩa là, nếu không ý thức rõ một điều sơ lược ấy, cũng "không bao giờ hiểu đầy đủ phép biện chứng"⁽⁴⁾ và tệ hơn nữa, nếu "khinh miệt phép biện chứng thì không thể không bị trừng phạt... sa vào chỗ dị đoan ngu xuẩn nhất"⁽⁵⁾.

Vào thời C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, chỉ một số ít bạn chiến đấu của hai ông nắm vững được nghệ thuật của phép biện chứng. Trong số đông những người mác xít, số người diễn giải nhiều hơn những người có khả năng làm công tác lý luận. Điều này dẫn tới một tình trạng là, nhiều người cứ đem cái nhãn hiệu "duy vật" dán lên và gán cho mọi sự vật, hiện tượng khác nhau, rồi coi như thế là vấn đề đã được giải quyết.

Ph. Ăng-ghe-n đã từng viết : "Phương pháp duy vật sẽ trở thành cái đối lập với nó nếu như nó không được xem như một kim chỉ nam trong công tác nghiên cứu lịch sử, mà lại được coi là một khuôn mẫu đúc sẵn theo đó người ta đeo gót những sự kiện lịch sử tùy theo ý muốn"⁽⁶⁾. Ph. Ăng-ghe-n nhấn mạnh thêm : Sự hiểu biết của chúng ta về lịch sử trước hết là kim chỉ nam cho nghiên cứu, chứ không phải đòn bẩy để kết cấu theo kiểu của phái Hê-ghe-n⁽⁷⁾.

* Khoa CNXHKKH, Học viện CTQG Hồ Chí Minh

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 18, tr 168

(2) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 31, tr 162-163

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 6, tr 808

(4) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 396

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội, 1994, t 20, tr 508

(6) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 6, tr 712

(7) Xem C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Toàn tập*, t 37, tr 371 (bản tiếng Nga)

Ph. Ăng-ghe-n đã đặt cho mình nhiệm vụ cố gắng trình bày một cách hệ thống phép biện chứng và lý luận của phương pháp. Người luôn quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu vấn đề khởi nguyên của tư tưởng, logic phát triển của tư duy lý luận - tức logic biện chứng. Ph. Ăng-ghe-n viết : "Chúng ta đã nhấn mạnh và đã *phải nhấn mạnh*, thoát tiên vào việc *rút ra* những quan niệm chính trị, pháp lý và những quan niệm tư tưởng khác và những hành động do những quan niệm đó chế định, từ những sự kiện kinh tế làm cơ sở cho chúng" (8). Theo Ph. Ăng-ghe-n, phương pháp luận chủ yếu của C. Mác là phân tích cụ thể những tình huống cụ thể. Song không ít người vẫn lầm tưởng rằng, những tư tưởng ấy là dùng được trong mọi trường hợp của cuộc sống, và thế là họ tự khuôn mình vào việc liệt kê những sự kiện, viện dẫn những ví dụ, gán cho lý luận một lược đồ cứng nhắc nào đó làm mất đi khả năng sáng tạo, và do đó, mất sự tác động có hiệu quả đến thực tiễn và tiến trình lịch sử. Những người đó, rốt cuộc - như Ph. Ăng-ghe-n chỉ trích - không thể hiểu được lý luận sinh động của hành động..., ngoài việc đó là một tập giáo điều mà phải học thuộc lòng và nhắc lại thành lời giống như những công thức thần chú hoặc kinh cầu nguyện vậy (9), sẽ từ hư không thông qua hư không đến với hư không mà thôi (10).

Ph. Ăng-ghe-n có lần nêu lên rằng, ông đã quyết định nghiên cứu những vấn đề của *phương pháp biện chứng*. Và trên thực tế, Ph. Ăng-ghe-n đã dốc sức mình suốt mười năm vào công việc này. Trong cuốn *Biện chứng của tự nhiên* (1873 - 1886), Ph. Ăng-ghe-n đã vạch rõ bản chất của thế giới, chứng minh rõ biện chứng là cái tồn tại khách quan của thế giới và đã vạch trần

các luận điệu xuyên tạc cho rằng phép biện chứng là một cái gì chủ quan được bịa ra và gán cho giới tự nhiên. Tư duy của con người chỉ đúng đắn khi nào nó phản ánh đúng hiện thực và lúc đó có sự thống nhất giữa cái khách quan và cái chủ quan, giữa phép biện chứng khách quan với phép biện chứng chủ quan, tức là tiến tới phép biện chứng như là logic học và nhận thức luận.

Rõ ràng, theo Ph. Ăng-ghe-n, bắt nguồn từ hiện thực khách quan, phép biện chứng vừa là lý luận về sự phát triển của thế giới lại vừa là phương pháp tư duy chính xác ; là chìa khóa để con người kiến giải tính chất phức tạp, nhiều hình, nhiều vẻ của sự phát triển thế giới, và trang bị cho mình sự hiểu biết về những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy. Sự coi thường phép biện chứng nhất định sẽ bị trừng phạt... Và như vậy, sự khinh thường có tính chất kinh nghiệm chủ nghĩa đối với phép biện chứng bị trừng phạt bằng cách là một số trong những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm tỉnh táo nhất trở thành nạn nhân của thuyết thông linh đương đại - một sự mê tín hoang dã nhất (11).

Hơn một trăm năm đã trôi qua, kể từ khi cuốn *Biện chứng của tự nhiên* của Ph. Ăng-ghe-n xuất bản, kết luận này vẫn có ý nghĩa đối với chúng ta.

*
* *

C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, và sau này V.I. Lê-nin không ngừng đấu tranh chống lý luận suông kinh viện. Bởi lẽ thông qua

(8) Xem *Sđd*, t 39, tr 82

(9) Xem *Sđd*, t 38, tr 82

(10) Xem *Sđd*, t 39, tr 207

(11) Xem *Sđd*, t 20, tr 382

mọi màu sắc và thiên kiến cá nhân, phép biện chứng đã bị biến dạng thành siêu hình, bị tước mất nguyên tắc tối cao của nó là tính phê phán, bị làm băng giá trong chủ nghĩa giáo điều và các hình thức không tưởng. Nói một cách hình ảnh, như có ý kiến nhận xét, trên bước đường trau dồi kiến thức về phép biện chứng, về phương pháp luận của nó, trên bước đường thảo luận tự do về những vấn đề thế giới quan và phương pháp luận, đã và đang tồn tại một đầm lầy yên tĩnh theo tinh thần giáo điều mới mà những tư tưởng sáng tạo cũng đã và đang tiếp tục bị chìm ngấm trong đó.

Giờ đây, hơn bao giờ hết, tinh thần đấu tranh của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác-Lê-nin vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tràn đầy tính cấp bách và mang ý nghĩa lớn lao.

Phù hợp với tinh thần phép biện chứng của Ph. Ăng-ghe-n, cần tiếp tục khẳng định *sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử và đưa vấn đề con người vào chính hạt nhân của nó*. Vì những đặc trưng của hiện thực khách quan quan trọng không phải tự bản thân nó, mà do mối quan hệ của chúng với sự vận động xã hội, sự phát triển ý thức và hoạt động của con người. Đồng thời, phải phát triển nhận thức với quan niệm cho rằng, thực tiễn là một *phạm trù nền tảng*, là cội nguồn và cơ sở của quá trình nhận thức. Chỉ có như vậy mới có thể phác họa được một bức tranh đầy đủ về sự thống nhất giữa tồn tại và ý thức, về tương quan giữa *cái lôgic và cái lịch sử*, tức là xác lập được sự thống nhất của các quy luật thực tế khách quan, các quy luật tư duy và nhận thức. Ph. Ăng-ghe-n viết trong *Biện chứng của tự nhiên* : "Tư duy chủ quan và thế giới khách quan tuân theo những quy luật ấy thôi và ... vì vậy chúng không thể

mâu thuẫn với nhau trong kết quả của chúng, mà phải điều hòa với nhau. Thực tế đó là một tiền đề vô ý thức và vô điều kiện trong tư duy lý luận của chúng ta" (12).

Khi xây dựng học thuyết đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin thấy rõ sứ mệnh của giai cấp vô sản : giải phóng xã hội khỏi những mâu thuẫn, mọi ách áp bức bóc lột và các quan hệ phản nhân đạo, thúc đẩy sự tiến bộ toàn diện của loài người. Đối với các ông, quan điểm giai cấp không phải là mục đích tự thân, không phải là một "nguyên tắc thiêng liêng" nào đó, mà là phương pháp có cơ sở khoa học để vươn tới những lý tưởng nhân đạo. Cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân cải tạo xã hội theo chủ nghĩa xã hội là nhằm nhân đạo hóa những điều kiện tồn tại của tất cả mọi người sống trên hành tinh. Chứng nào những vấn đề đó chưa được nhận thức một cách rõ ràng để có hành động phù hợp thì sự khẳng định về "vai trò tiên phong của giai cấp vô sản" vẫn chỉ đơn giản là một cống vật của lòng kính trọng đối với ký ức về các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Mặt khác, phải tiếp tục nhận thức đầy đủ và rõ ràng rằng, phép biện chứng trước hết và sau cùng, *chính là phương pháp, là sự chỉ đạo về mặt lý luận đối với hành động*. Nói cách khác, đó là chìa khóa để phân tích có phê phán những quan niệm cũ rích, những định đề đã thành lối mòn, là việc phủ định những kết luận không còn phù hợp với thực tiễn, là phương pháp biết tự thay đổi theo sự phát triển của lịch sử. Ph. Ăng-ghe-n viết: "Tư duy lý luận của mọi thời đại, có nghĩa là của cả thời đại chúng ta, đó là sản phẩm lịch sử mà ở những thời đại khác nhau có hình thức khác nhau và đồng thời có nội

(12) Xem *Sđd*, t 20, tr 581

dung rất khác nhau. Do vậy, khoa học về tư duy cũng như mọi khoa học khác, là khoa học có tính chất lịch sử, khoa học về sự phát triển lịch sử của tư duy con người" ⁽¹³⁾, "hơn nữa lý luận của các quy luật tư duy tuyệt nhiên không phải là "chân lý vĩnh hằng" nào đó đã được xác lập một lần mà mãi mãi như tư duy phi-li-xtanh vẫn gắn liền điều đó với từ lôgic" ⁽¹⁴⁾.

Rõ ràng, phép biện chứng đã mở ra chân trời rộng lớn trong việc đưa thực tiễn làm đối tượng, làm cơ sở của nhận thức, của tư duy, làm phong phú và khơi dậy những xung lực đang tiềm tàng trong truyền thống nhân đạo của nhân loại, mở ra những khả năng mới trong các quan hệ giữa người với người. Hơn nữa, phép biện chứng cũng mở rộng tầm nhìn cách mạng của tiến trình lịch sử về những vấn đề giai cấp, dân tộc, toàn cầu. Để nhận thức một cách khoa học tất thảy những vấn đề đa dạng và phức tạp đó và để làm sáng tỏ triển vọng mới của thế giới, điều quan trọng là phải phát huy đầy đủ những tiềm năng sáng tạo vốn có trong phép biện chứng duy vật của Ph. Ăng-ghe-n.

Ngày nay, chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng. Song điều đó không có nghĩa là sức sống xã hội chủ nghĩa đã bị tàn lụi. Nếu theo C. Mác, "các cuộc khủng hoảng chu kỳ" của chủ nghĩa tư bản tạo thành bộ phận tồn tại "tự nhiên" của nó dẫn tới sự diệt vong tất yếu, thì với V.I. Lê-nin, "cuộc khủng hoảng cách mạng" là hiện thân của một chất lượng mới, còn sự ra đời của nó có thể diễn ra trong "những sự đau đớn". Đồng thời, tuân theo phép biện chứng, xem sự khủng hoảng này như là hiện tượng vốn có của những giai đoạn có tính chất bước ngoặt trong sự phát triển, như là "điểm nút" trong việc giải quyết các mâu thuẫn. Khi

xuất hiện các điều kiện khách quan, để chuyển từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn thì khủng hoảng chính là dấu hiệu của sức sống của sự phát triển.

Việc tìm tòi những giải pháp, những cách thức gắn với sự phát triển lý luận của chúng ta về chủ nghĩa xã hội còn phải tiếp tục dựa trên những nguồn dự trữ về lý luận và phương pháp luận chưa được khai thác của chính học thuyết mác xít. Có thể nói, lời cảnh báo của Ph. Ăng-ghe-n đối với những người coi "xã hội xã hội chủ nghĩa" không phải là một cái gì đang tiếp tục thay đổi và tiến bộ mà là một cái gì bất biến cố định một cách vĩnh viễn ⁽¹⁵⁾, có ý nghĩa rất quan trọng. Trên thực tế, ở nhiều nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội được nhận thức không phải như là một "trạng thái", mà là một "quá trình", do vậy mới chủ trương cải cách, đổi mới.

Hiện nay, chủ nghĩa xã hội đang tiếp tục đi lên trên con đường của mình. Nó không chỉ đơn thuần như một giải pháp đối lập với chủ nghĩa tư bản mà còn có nghĩa là phép biện chứng của sự thay thế cái cũ bằng cái mới theo đúng qui luật phát triển khách quan. Cái lỗi thời không chỉ là cái do chế độ bóc lột sinh ra, nó còn có thể là cái sinh ra trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nhưng không đáp ứng được những yêu cầu của thời đại. Phải phát hiện ra tất cả những điều đó và giải quyết chúng.

Đó chính là biện chứng của sự phát triển.

Đó cũng chính là biện chứng của lịch sử □

(13) (14) Xem *Sđđ*, t 20, tr 366-367

(15) Xem *Sđđ*, t 37, tr 370

ĐƯỜNG TA ĐI, ĐƯỜNG THỜI ĐẠI

KHÔNG ĐOÀN HỢI *

MỖI quốc gia, dân tộc muốn phát triển nhanh chóng và giảm bớt những đau khổ đều phải tự chọn lấy một hướng đi phù hợp. Căn cứ khách quan duy nhất để xác định hướng đi cho phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử là phải biết mình đang sống trong thời đại nào và những đặc điểm cơ bản của thời đại ấy ra sao. Nếu lịch sử đã bước vào thời đại tư bản chủ nghĩa, tức thời đại của giai cấp tư sản, mà lại lựa chọn đường đi cho mình là xã hội phong kiến thì sự lựa chọn đó là trái mùa. Còn khi thời đại lịch sử vẫn đang là thời đại tư bản chủ nghĩa mà lại lựa chọn mô hình chủ nghĩa xã hội thì sự lựa chọn đó sẽ là không tưởng. Chỉ khi nào lịch sử đã đưa ra những tín hiệu của sự kết thúc thời đại tư bản chủ nghĩa, tức là đã có những tín hiệu của một thời đại mới là thời đại *xã hội chủ nghĩa*, thời đại sớm muộn sẽ thay thế thời đại tư bản chủ nghĩa, thì việc lựa chọn con đường chủ nghĩa xã hội mới là tất yếu khách quan.

Vậy thời đại chúng ta đang sống là thời đại gì? Để xác định đúng thời đại, cần phải xuất phát từ đời sống vật chất, tức từ phương thức sản xuất thống trị và cùng với nó là cơ cấu xã hội do nó quy định. Nói cách khác, cơ sở khoa học để phân định thời đại là *hình thái kinh tế - xã hội*. Với cơ sở này, những phương thức sản xuất châu Á, cổ đại, phong kiến và tư sản hiện đại được coi là những thời đại ngày càng tiến lên trong lịch sử các hình thái kinh tế xã hội. Động lực thúc đẩy sự chuyển biến từ thời đại này sang thời đại khác là *mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất*.

Phân tích phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tức thời đại tư bản chủ nghĩa, Mác đã chỉ ra mâu thuẫn cơ bản của xã hội này

là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của quá trình sản xuất với hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Thời còn sống, Mác đã chỉ ra những hiện tượng về sự tự phủ định của chủ nghĩa tư bản, về sự ra đời của một thời đại mới. Đó là những công ty cổ phần, những xí nghiệp hợp tác của công nhân, những cuộc đấu tranh giành chính quyền của giai cấp vô sản.

Đến thời Lê-nin, những tín hiệu về sự ra đời của thời đại mới, xã hội chủ nghĩa, thay thế thời đại cũ, tư bản chủ nghĩa, ngày càng trở nên rõ nét. Đó là trình độ xã hội hóa lao động ngày càng cao, biểu hiện ở sự phát triển của đại công nghiệp, ở quy mô và thế lực ngày càng lớn của tư bản tài chính. Đó cũng là những cơ sở vật chất cần thiết cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội. Trước sự thức tỉnh của châu Á và bước đầu của cuộc đấu tranh giành chính quyền của giai cấp vô sản tiên tiến ở châu Âu, trước cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất do các nước đế quốc gây ra..., Lê-nin đã đi tới kết luận: loài người đã bước vào một thời đại mới trong lịch sử thế giới. Đó là *thời đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thời đại của chủ nghĩa xã hội thay thế thời đại của giai cấp tư sản*.

Nói mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản là nói mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản *thế giới*, với tư cách là một *chính thể*, bao gồm cả các trung tâm phát triển và vùng ngoại vi lạc hậu của nó. Vì vậy, thời đại mới bao trùm phạm vi *toàn thế giới*. Có nghĩa là đối với mọi quốc gia, lớn hay nhỏ, phát triển hay kém phát triển, tất cả đều có khả năng khách

* Chuyên viên cấp cao, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

quan để vượt qua thời đại tư bản chủ nghĩa và bước vào thời đại xã hội chủ nghĩa.

Theo nhận định đó, Lê-nin đã lãnh đạo cuộc đột phá vào tương lai và đã giành được thắng lợi đầu tiên bằng cuộc Cách mạng Tháng Mười năm 1917. Tiếp đó là sự ra đời của cả một hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới với những thành tựu kinh tế, chính trị lớn lao, làm biến đổi lực lượng so sánh có lợi cho phong trào độc lập dân tộc, hòa bình và chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn phát triển của cách mạng nước ta từ khi có đảng cộng sản lãnh đạo đã xác nhận, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là con đường đấu tranh phù hợp với quy luật phát triển của thời đại, nhờ đó mà có thể đứng vững và phát triển trước mọi gian lao thử thách. Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cũng như những thành tựu trong đổi mới, chính là kết quả của đường lối độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là, chỉ có đi lên chủ nghĩa xã hội mới giành và giữ được độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Tính quy luật ấy của cách mạng nước ta chính là bắt nguồn từ tính quy luật phát triển của lịch sử.

Sự tan rã một mảng lớn hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, đặc biệt là Liên xô, đã làm cho không ít người băn khoăn, lúng túng. Phải chăng sự tan rã ấy là do xác định thời đại mới không đúng hoặc quá sớm? Phải chăng những người cộng sản là những "nhà mơ mộng" như Héc-bớt Ô-oan từng nhận xét Lê-nin là "nhà mơ mộng trong điện Crem-li"?

Sự tan vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa là điều có thật. Và cũng có thể còn mất khá nhiều thời gian và công sức để phục hồi nó, song thời đại mới như chúng ta đã xác định, không vì thế mà bị đảo ngược.

Chúng ta khẳng định như thế bởi vì việc xác định thời đại này hay thời đại khác là dựa trên những điều kiện vật chất khách quan, trên cơ sở phân tích trình độ phát triển của mâu thuẫn giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất. Không thể đi trước nếu như cái

nguồn gốc tạo ra sự vận động của thời đại - tức mâu thuẫn nói trên - chưa chín muồi, cũng như không thể đảo ngược thời đại đã xác định nếu như cái nguồn gốc đó đã chín muồi. Thời đại cũng như lịch sử, là do con người làm ra. Nhưng con người làm ra nó không phải trong những điều kiện do mình tự chọn, mà trong những điều kiện đã có sẵn, do quá khứ để lại.

Hệ thống thế giới xã hội chủ nghĩa tan vỡ một mảng lớn, nhưng những tiền đề vật chất cho việc xác định thời đại xã hội chủ nghĩa không những không mất đi mà ngày càng phát triển; những nhân tố, những tín hiệu của thời đại đó ngày càng nhiều; mâu thuẫn giữa trình độ xã hội hóa lao động ngày càng cao với sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt. Nhưng chủ nghĩa tư bản đương đại vẫn còn tiềm năng phát triển kinh tế, đó là vì có sự điều chỉnh trong quan hệ tư bản chủ nghĩa, mà điều này thực chất là nhằm làm dịu tính chất gay gắt của sự xung đột giữa trình độ xã hội hóa lao động với hình thức chiếm hữu tư bản chủ nghĩa. Những biện pháp điều chỉnh trong quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối, trong chính sách xã hội của chủ nghĩa tư bản đương đại, đang diễn ra một cách tự phát theo những đòi hỏi khách quan của một nền sản xuất xã hội hóa cao phải thuộc quyền sở hữu của toàn xã hội và do toàn xã hội quản lý. Và đó chính lại là giới hạn không thể vượt qua của chủ nghĩa tư bản. Trong lòng chủ nghĩa tư bản chỉ có sự tự phủ định *từng mẫu*. Giai cấp tư sản không muốn và không thể tự phủ định mình. Việc phủ định *toàn bộ* chủ nghĩa tư bản thì phải do lực lượng khác, tức giai cấp vô sản.

Tóm lại, những nhân tố vật chất biểu tượng của thời đại mới - thời đại xã hội chủ nghĩa - cứ tự lớn lên như một tất yếu khách quan, không gì có thể ngăn cản nổi. Cũng vì thế, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực với tính cách là một hệ thống thế giới đã tồn tại hơn một nửa thế kỷ, không bắt nguồn từ nguyên nhân xác định sai lầm nội dung của thời đại, mà là từ *những sai lầm*

chủ quan. Việc phát hiện và khắc phục có hiệu quả những sai lầm ấy ở một số nước, đang và sẽ khôi phục lại chân dung đích thực của chủ nghĩa xã hội.

Để nhận thức rõ hơn về mối quan hệ giữa sự sụp đổ một mảng lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới với thời đại mới đã xác định, cần có quan niệm đầy đủ và đúng đắn về quá trình phát triển lịch sử - tự nhiên của mỗi thời đại. Thời đại nào cũng vậy, đều có sự mở đầu và kết thúc, đều trải qua một quá trình phát sinh, phát triển, trưởng thành và đi xuống. Cho nên, *mở đầu thời đại mới*, cái mới phải tồn tại song song với cái cũ và phủ định dần cái cũ. Đó là thời kỳ được gọi là sự *quá độ từ cái cũ sang cái mới*. Tiếp đó là thời kỳ thống trị *hoàn toàn* của cái mới, và sau đó là thời kỳ cái mới lại trở thành cái cũ và lại bị thay thế bởi cái mới khác. Một thời đại mới khác lại ra đời...

Quá trình phát triển của mỗi thời đại không phải là con đường thẳng tắp, chỉ có chiến thắng mà không hề chiến bại. Lịch sử xác lập thời đại tư bản chủ nghĩa đã chứng minh cho kết luận này.

Theo Mác : "Mặc dù ngay trong thế kỷ XIV và XV những mầm mống đầu tiên của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đã có rải rác ở một số thành phố lẻ tẻ vùng Địa trung hải, nhưng thời đại tư bản chủ nghĩa chỉ bắt đầu từ thế kỷ XVI mà thôi" ⁽¹⁾. Nhưng đó mới chỉ là cái mốc thời gian mở đầu cho thời đại tư bản chủ nghĩa. Mãi cho đến cuối thế kỷ XVII (1688), giai cấp tư sản Anh mới giành được bá quyền chính trị, và đến cuối thế kỷ XVIII (1789), cách mạng tư sản Pháp mới giành được thắng lợi. Tuy nhiên, thời đại tư bản chủ nghĩa kể từ khi giai cấp tư sản giành được quyền bính cho đến khi nó xác lập được sự thống trị hoàn toàn ở các nước, không phải là thời kỳ lịch sử chỉ có "sữa và mật ong". Thời kỳ quá độ từ thời đại của chúa phong kiến sang thời đại của giai cấp tư sản, như chúng ta đã biết, là thời kỳ của những thăng trầm "đầy máu và lửa", của những trận công kích và phản kích dữ dội.

Vì sao lại như thế ? Ăng-ghe-n, trong "Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ ba" tác phẩm *Ngày 18 tháng Tư năm...* của Mác, đã giải thích đó là do "quy luật vĩ đại của sự vận động lịch sử" mà chính Mác là người đầu tiên đã khám phá ra : tất cả mọi cuộc đấu tranh trong lịch sử thực ra chỉ là biểu hiện ít nhiều rõ rệt của cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội. Ăng-ghe-n còn nói : "Quy luật đó, đối với lịch sử cũng quan trọng như quy luật chuyển hóa năng lượng đối với khoa học tự nhiên..." ⁽²⁾.

Từ thực tiễn lịch sử, thời đại của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, tức thời đại xã hội chủ nghĩa, cũng phải trải qua một thời kỳ quá độ với những nấc thang tiến hóa kể từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được quyền bính cho đến khi họ xác lập được sự thống trị hoàn toàn ở các nước. Đó là một quá trình lịch sử lâu dài, khó tránh khỏi những bước quanh co, khúc khuỷu, có thuận lợi, có khó khăn, có tiến, có thoái...

Sự sụp đổ một mảng lớn của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không hề bác bỏ quá trình đi tới thắng lợi hoàn toàn của thời đại mới xã hội chủ nghĩa. Nó chỉ là biểu hiện cụ thể của thời điểm đang trải qua của thời đại đó. Đó là thời điểm mà như Ăng-ghe-n từng nói : "... sự phát triển tư bản chủ nghĩa của tư sản đã tỏ ra mạnh hơn sự phản kháng của cách mạng" ⁽³⁾. Đặc điểm nổi bật của thời điểm này là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, diễn ra đặc biệt gay go, phức tạp. Vì vậy, để kết luận, cũng xin mượn lời của Ăng-ghe-n : "... để có một cuộc nổi dậy mới chống lại nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thì cần có một sự thúc đẩy mới, mạnh mẽ hơn..." ⁽⁴⁾ □

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t 3, tr 525

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1981, t 2, tr 384

(3), (4) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t 6, tr 671

Vấn đề NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN VÀ CHẾ ĐỘ ĐA ĐẢNG

NGUYỄN VĂN TÀI *

HIỆN nay vẫn có ý kiến cho rằng : chỉ có nhà nước pháp quyền tư sản và chế độ đa đảng mới bảo đảm dân chủ. Từ đó họ tìm mọi cách bôi nhọ, công kích chế độ ta, cho rằng nước ta áp dụng chế độ một đảng lãnh đạo là không dân chủ. Thực chất vấn đề là thế nào chúng ta cần xem xét.

I - Về nhà nước pháp quyền tư sản và chế độ dân chủ tư sản

Tư tưởng về nhà nước pháp quyền có mầm mống từ thời cổ đại, song nó chỉ thật sự phát triển khi giai cấp tư sản tiến hành cuộc cách mạng chống chế độ chuyên chế cùng tình trạng phi pháp luật của nhà nước phong kiến. Nội dung chính của tư tưởng này là thiết lập cơ quan đại diện bằng bầu cử, có quyền ban hành luật và bộ máy nhà nước phải tự hạn chế trong khuôn khổ pháp luật. Từ đó, đưa đến việc xuất hiện nghị viện và ban hành hiến pháp, cùng sự tồn tại của học thuyết phân quyền. Nội dung chính của học thuyết này là đòi phân chia quyền lực nhà nước thành *lập pháp, hành pháp và tư pháp* độc lập, kiềm chế nhau nhằm ngăn chặn sự hà lạm quyền lực. Việc xuất hiện cơ quan lập pháp bằng bầu cử dẫn đến sự ra đời lý thuyết dân chủ đa nguyên mà ý tưởng về nhà nước là một thể chế dân chủ, cân bằng lợi ích bởi các nhóm đại diện tham gia công việc nhà nước và tìm cách thỏa hiệp với nhau thông qua một hệ thống biện pháp chính trị - pháp lý. Như vậy, tư tưởng dân chủ tư sản được "hội tụ" trong mô hình

nhà nước tư sản, thể hiện yêu cầu cách mạng tư sản chống chế độ phong kiến đồng thời nói lên tính chất phức tạp của xã hội và hệ thống chính trị tư sản.

Thời đại cách mạng tư sản đem đến việc chuyển giao chính quyền nhà nước bằng phương pháp bầu cử thay cho nguyên tắc thế tập, làm xuất hiện các đảng phái chính trị

với chức năng tập trung ý chí giai cấp, đấu tranh vì mục tiêu trở thành đảng cầm quyền, lãnh đạo nhà nước và thỏa mãn lợi ích giai cấp mình. Bầu cử mà thực chất là lựa chọn một đảng cầm quyền trở thành một cuộc đấu tranh gay gắt giữa các đảng phái. Luật pháp tư sản cùng cơ chế dân chủ và những điều kiện kinh tế - xã hội trên thực tế đã gạt nhân dân lao động ra khỏi đời sống chính trị. Việc giới thiệu ứng cử viên vào cơ quan quyền lực nhà nước trở thành đặc quyền của các chính đảng tư sản. Các chính đảng tư sản trở thành nơi "đào tạo" các thể hệ quan chức nhà nước. Hiến pháp tư sản tuyên bố nguyên tắc bầu cử phổ thông và bỏ phiếu bình đẳng, nhưng trên thực tế đã đặt ra hàng loạt quy định ưu tiên cho giai cấp có của ; đồng thời hạn chế nhân dân lao động tham gia cơ quan quyền lực nhà nước - chế độ dân chủ tư sản vì thế trở nên hình thức. "Mặc đã nắm được rất tài tình *thực chất* ấy của chế độ dân chủ tư bản chủ nghĩa... rằng người ta cho phép những người bị áp bức, cứ mấy năm một lần, lại được quyết định xem trong số đại biểu của giai cấp áp bức, người nào sẽ thay mặt họ và sẽ chà đạp lên họ ở nghị viện" ⁽¹⁾.

Các mô hình nhà nước tư sản hiện đại rất phức tạp và đầy mâu thuẫn. Hoạt động của các chính đảng đã làm cho bộ máy nhà nước tư sản không tuân thủ chế định pháp

* Khoa triết học, Học viện chính trị quân sự cao cấp

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, t 33, tr 108

luật, đưa đến sự biến dạng của chính thể. Thậm chí, trong xã hội tư bản các đảng phái chửi bới, công kích lẫn nhau bằng nhiều thủ đoạn xấu xa, gây hỗn loạn xã hội, làm tổn hại đời sống của nhân dân lao động. Nghị viện được coi là một chế định dân chủ nhất trong bộ máy nhà nước tư sản trở nên hình thức. Hiện nay ở nhiều nước tư bản đang diễn ra sự khủng hoảng chế độ đại nghị, mà biểu hiện là vai trò lập pháp của nghị viện bị giảm sút, nghị sĩ bị bỏ rơi quyền lập pháp, phạm vi ban hành luật của nghị viện bị thu hẹp và chỉ hợp lý hóa những dự án luật và chính sách do chính phủ đưa ra. Hoạt động của các nghị sĩ là sự đấu tranh công khai giữa các đảng phái. Các đại biểu do cử tri bầu, có nhiều đặc quyền đặc lợi, song không còn đại biểu cho cử tri nữa. Đảng cầm quyền (đảng chiếm đa số trong nghị viện) đứng ra thành lập chính phủ, thao túng toàn bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Chính phủ là cơ quan trung tâm của quyền lực chính trị, lấn át cả nghị viện, ép nghị viện thông qua những quyết định của chính phủ. Ở chính thể đại nghị, chính phủ tước mất quyền hạn đích thực của nguyên thủ quốc gia. Hoàng đế, tổng thống có quyền bổ nhiệm người đứng đầu bộ máy hành pháp, nhưng không thể bổ nhiệm ai khác ngoài thủ lĩnh của đảng cầm quyền ! Thông qua bộ máy hành pháp mà đảng cầm quyền thống trị toàn bộ xã hội. Thực chất lập pháp và hành pháp đều nằm trong tay đảng cầm quyền. Sự phân quyền không còn đúng ý nghĩa nữa. "Chính quyền nhà nước ngày nay chỉ là một ủy ban điều khiển công việc chung của toàn thể giai cấp tư sản" ⁽²⁾. Ở các nước có chế độ lưỡng đảng hoàn hảo, thực chất hai đảng này đều là đảng của giai cấp tư sản, thay nhau nắm chính quyền. Đó là hai cánh tay của cùng một giai cấp thống trị, bóc lột, hòng ngăn chặn không để các đại biểu nhân dân tham gia cơ quan quyền lực nhà nước. Ở đây, dân chủ chỉ là giả hiệu, lừa bịp quần chúng. Chính thể tổng thống áp dụng "triệt để" nguyên tắc phân quyền.

Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, nhưng do đứng đầu bộ máy hành pháp nên có quyền lực như một vị quân vương. Tổng thống can thiệp sâu vào lập pháp, có quyền công bố luật, hoặc phủ quyết luật, có quyền bổ nhiệm thẩm phán và luôn luôn có ý thức lợi dụng tòa án để biến nghị viện thành hình thức. Như vậy, thực chất nhà nước pháp quyền tư sản là một nhà nước đảng trị, mang bản chất giai cấp tư sản sâu sắc. Trong nhà nước tư sản, pháp luật thể hiện ý chí và nhằm bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản thống trị, bóc lột. Ý tưởng phân quyền chỉ là hình thức. Về nguyên tắc, quyền lực chính trị của giai cấp tư sản là thống nhất. Chế độ dân chủ tư sản đã gạt nhân dân lao động ra khỏi đời sống chính trị. Dân chủ tư sản chỉ là một thứ dân chủ bị cắt xén, chật hẹp, giả dối, lừa bịp. Vì vậy nhà nước pháp quyền tư sản và chế độ đa đảng không thể gọi là dân chủ triệt để và hoàn thiện.

II - Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta

1 - Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, việc *xây dựng nhà nước pháp quyền* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan. Đó là "điều không thể tránh được, về mặt kinh tế và chính trị, ở trong một xã hội thoát thai từ trong lòng chủ nghĩa tư bản mà ra" ⁽³⁾. Tính tất yếu của nhà nước pháp quyền trước hết do vai trò quản lý nền kinh tế của nhà nước. "Pháp quyền ấy vẫn còn tồn tại với tư cách là yếu tố điều tiết (quyết định) việc phân phối sản phẩm và phân phối lao động giữa những thành viên trong xã hội" ⁽⁴⁾. Sự tồn tại khách quan một nền kinh tế nhiều thành phần đòi hỏi "vẫn còn có nhà nước để vừa bảo vệ chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, vừa bảo vệ bình đẳng về lao động và bình đẳng trong việc

(2) *Sđđ*, t 33, tr 239

(3) *Sđđ*, t 33, tr 122

(4) *Sđđ*, t 33, tr 116-117

phân chia các sản phẩm"⁽⁵⁾. Sự tồn tại nhà nước pháp quyền còn do yêu cầu quản lý xã hội, điều chỉnh một hệ thống các quan hệ xã hội phong phú và phức tạp trong thời kỳ quá độ. "Nếu không rơi vào không tưởng thì không thể nghĩ rằng sau khi lật đổ chủ nghĩa tư bản, người ta sẽ tức khắc có thể làm việc cho xã hội mà không cần phải có tiêu chuẩn pháp quyền nào cả"⁽⁶⁾. Song nhà nước pháp quyền trong chủ nghĩa xã hội khác hẳn về bản chất giai cấp so với nhà nước pháp quyền tư sản. "Trong một thời gian nhất định, dưới chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản!"⁽⁷⁾. Lê-nin coi tư tưởng đó chính là "cái nội dung phi thường sâu sắc của chủ nghĩa Mác"⁽⁸⁾ "Và tuyệt nhiên không phải Mác đã tùy tiện luôn một mẫu pháp quyền "tư sản" vào chủ nghĩa cộng sản đâu"⁽⁹⁾. Vậy là hình thức của nhà nước pháp quyền tư sản vẫn tồn tại, còn nội dung, tính chất của nó phải được thay đổi bằng nội dung, tính chất nhà nước pháp quyền vô sản. Việc xây dựng nhà nước pháp quyền là tìm lấy tinh hoa, trí tuệ nhân loại, áp dụng vào tình hình cụ thể của đất nước. Khách quan mà nói, mặc dù là dân chủ hình thức, nhưng bộ máy nhà nước tư sản đã tạo ra được một cơ chế phản biện, gây sức ép bảo đảm ít nhiều tính đúng đắn của việc hoạch định chính sách, pháp luật. Chế định công dân, chế định kinh tế trong luật pháp tư sản khá phát triển. Hệ thống tòa án khá phong phú, tách khỏi bộ máy hành pháp với ý tưởng ngăn chặn sự hà lạm quyền lực... đó là thành quả đáng trân trọng. Trong các nước tư bản phát triển, bộ máy nhà nước là một hệ thống khá năng động, dung nạp được những tiến bộ của khoa học và công nghệ quản lý, tạo được một cơ chế thúc đẩy ít nhiều nền kinh tế phát triển. Song bất luận điều kiện nào thì *nhà nước pháp quyền tư sản vẫn là công cụ chuyên chính tư sản, vận động và phát triển trong giới hạn của chế*

độ tư hữu, không thể là phương tiện chữa trị mọi căn bệnh xã hội tư bản.

Công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trước hết, cần bảo đảm sự điều tiết có hiệu quả quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, điều đó đòi hỏi nhà nước phải là một nhà nước pháp quyền thật sự của dân, do dân, vì dân.

Nhà nước pháp quyền ở nước ta được xây dựng trên cơ sở vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng bộ máy nhà nước kiểu mới. Hồ Chí Minh đã từng đấu tranh đòi nhà nước thực dân, phong kiến phải ban hành hiến pháp, cai trị bằng pháp luật "trăm điều phải có thần linh pháp quyền". Trong buổi đầu xây dựng nhà nước kiểu mới, Người đã trực tiếp tổ chức, chỉ đạo việc soạn thảo bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và xây dựng một pháp luật dân chủ nhằm bảo vệ lợi ích và quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Người tiếp thu những yếu tố tiến bộ của tư tưởng nhân quyền tư sản và nâng lên giải quyết mối quan hệ giữa quyền dân tộc, quyền con người và quyền cá nhân. Người nhấn mạnh, nhân dân là chủ nước nhà, có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ công dân, xây dựng nhà nước; đồng thời nhà nước phải quan tâm đến lợi ích thiết thân của nhân dân và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đặc biệt, Người chú trọng xây dựng một nền pháp luật kết hợp chặt chẽ với đạo đức, mang bản chất nhân đạo, nhân ái, vì con người. Người chú trọng xây dựng một bộ máy nhà nước thống nhất về quyền lực và có sự phân công rõ ràng giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, cũng như một đội ngũ công chức được tiêu chuẩn hóa có đủ phẩm chất và năng lực, thành thạo nghiệp vụ quản lý

(5), (6), Sđd, t 33, tr 116-117

(7) Sđd, t 33, tr 121

(8), (9) Sđd, t 33, tr 122

hành chính, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhà nước, phục vụ nhân dân.

Nhà nước pháp quyền Việt nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mang bản chất giai cấp công nhân, là nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân. Đó là nhà nước pháp quyền mà mọi chủ thể (kể cả bộ máy nhà nước) đều tuân thủ pháp luật; một pháp luật có tính pháp lý cao, trên cơ sở dân chủ, nhân đạo, công bằng, vì lợi ích nhân dân lao động, thể hiện đầy đủ những giá trị cao cả của con người và xã hội. Nhà nước pháp quyền Việt nam có sự kết hợp hữu cơ giữa nhà nước và pháp luật, có tổ chức văn minh, hiệu quả, có cơ chế ngăn ngừa mọi sự lạm quyền, làm cho nguyên tắc quyền lực chính trị thuộc về nhân dân trở thành hiện thực sinh động. Đó là nhà nước pháp quyền có hiệu lực và hiệu quả, là công cụ chính trị mạnh mẽ của sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của một đảng.
Thực tế cho thấy, dù ở đâu đó có "đa đảng" thì thực chất cũng chỉ có một đảng cầm quyền. Nội dung dân chủ phải được thể hiện ở chỗ phục vụ nhân dân lao động, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng và mang lại quyền lợi cho họ, khi đảng đó cầm quyền. Ở nước ta chỉ có Đảng cộng sản Việt nam có điều kiện và khả năng lãnh đạo chính quyền, lãnh đạo xã hội, bởi vì ngoài lợi ích của nhân dân lao động ra, Đảng ta không có mục đích nào khác. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định bản chất giai cấp công nhân của nhà nước và pháp luật, bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất và thuộc về nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa cho quá trình xây dựng nhà nước. Đường lối của Đảng thể hiện mục tiêu chính trị và lợi ích căn bản của toàn xã hội, là cơ sở quan trọng nhất để định hướng chính trị cho pháp luật. Pháp luật nhà nước ta thể chế hóa mục tiêu, quan điểm chính trị của Đảng và ý chí, nguyện vọng của nhân dân lao động, qua đó hiện thực hóa đường

lối của Đảng trong xã hội. Nhà nước ta tạo cơ sở pháp lý và điều kiện để tổ chức đảng hoạt động trong bộ máy nhà nước và trong xã hội. Đây là mối quan hệ biện chứng sinh động trong quá trình vận động và phát triển không ngừng.

Nhân tố quyết định việc hiện thực hóa bản chất giai cấp công nhân của nhà nước dân chủ là đội ngũ đảng viên trong bộ máy nhà nước có tính đảng cao, có sự giác ngộ lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, giác ngộ mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa, có ý thức phục tùng kỷ luật đảng, phục tùng nguyên tắc tập trung dân chủ, đặt lợi ích của Đảng và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, chấp hành pháp luật nhà nước và phẩm chất đạo đức cách mạng của người cán bộ.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. Các đảng viên của đảng chịu mọi hy sinh gian khổ, vào tù ra tội chỉ với một mục đích là giành lấy độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Những hy sinh mất mát của đảng do thực dân đế quốc và tay sai gây ra là vô cùng to lớn. Khi giành được chính quyền, đại đa số cán bộ của đảng vẫn một mực thủy chung với mục đích cao đẹp đó. Sự trong sáng, liêm khiết, gương mẫu, hy sinh của cán bộ đảng, nhà nước ta một mặt đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, mặt khác, tạo được niềm tin trong nhân dân lao động (tuy còn có một số cán bộ đảng viên không giữ được phẩm giá đó). Do vậy, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, tham nhũng, đùn đẩy với đạo đức cộng sản và là kẻ thù nguy hiểm trong giai đoạn hiện nay đối với đảng và nhân dân ta. Tính chất dân chủ của chế độ ta là sự thống nhất giữa Đảng và Nhà nước, là sự tồn tại, phát triển của Đảng và Nhà nước chỉ có một mục tiêu là phục vụ nhân dân, đấu tranh đem lại lợi ích và hạnh phúc cho nhân dân lao động ┘

QUAN điểm về tín ngưỡng, tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Năm vững học thuyết Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh đã giải quyết một cách khoa học mối quan hệ giữa chủ nghĩa duy vật vô thần với chủ nghĩa duy tâm tôn giáo. Ở Hồ Chí Minh vừa có đấu tranh phê phán mặt tiêu cực, hạn chế, vừa có tiếp thu, kế thừa mặt tích cực của tôn giáo. Người là một mẫu mực trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề tôn giáo với cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Tìm hiểu, nghiên cứu tư tưởng của Người về vấn

đề tôn giáo, tín ngưỡng có một ý nghĩa to lớn đối với công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta, nhất là đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng tôn giáo thể hiện rất rõ ở những luận điểm cơ bản sau đây :

1- *Tín ngưỡng, tôn giáo có những điểm tương đồng, phù hợp với mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa.*

Hồ Chí Minh cho rằng, trong các tôn giáo như Phật giáo, Cơ đốc giáo có những điểm chung, gần gũi với mục tiêu lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Đó là tính hướng thiện, tính nhân bản vì con người, những người sáng lập ra các tôn giáo lớn như Giê-su, Thích Ca đều mơ ước xây dựng một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái, hòa bình không có chiến tranh, không có đau khổ, bất công. Họ đều mưu cầu hạnh phúc cho con người, cho xã hội. Tôn chỉ, mục đích của đạo Phật là "xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm" ⁽¹⁾. Đức Phật Thích Ca là người "đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. Muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn. Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma" ⁽²⁾. Còn đức chúa Giê-su cũng đã hy sinh vì muốn "cứu loài người khỏi ách nô lệ, và đưa loài người về hạnh phúc, bình đẳng, bác ái, tự do" ⁽³⁾. Chính chúa Giê-su là người đã nêu "một tấm gương hy sinh triệt để vì những người bị áp bức, vì những dân tộc bị đè nén, vì hòa bình, vì công lý" ⁽⁴⁾. Hồ Chí Minh đã

chỉ ra rằng những ước muốn của chúa Giê-su và Phật Thích Ca cũng chính là mục đích mà chủ nghĩa xã hội cần phải đạt đến.

Tôn giáo không chỉ có những mặt tiêu cực, hạn chế mà nó cũng có mặt tích cực cần phát huy trong công cuộc xây dựng xã hội mới.

Hồ Chí Minh đề cao tinh thần hy sinh cao cả, tấm lòng vị tha, bác ái vì con người của Đức Thiên chúa, Đức Phật, đề kêu gọi giáo dân, Phật tử phấn đấu noi theo, tích cực tham gia đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách nô lệ. Người nói : "Chúa Cơ đốc sinh ra làm gương mọi giống phúc đức như : hy sinh vì nước, vì dân, làm

gương lao động, công bằng ruộng đất, tin thờ Chúa bằng tinh thần" ⁽⁵⁾ và "Chúng ta kháng chiến cứu nước, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều hợp với tinh thần Phúc âm" ⁽⁶⁾. Cho nên, đồng bào công giáo "làm tròn chính sách của Chính phủ cũng là làm tròn tinh thần của Chúa Cơ đốc" ⁽⁷⁾. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, làm tròn trách nhiệm công dân với Tổ quốc cũng chính là làm tròn bổn phận với Chúa ; mục đích, lý tưởng mà tôn giáo của Giê-su, Thích Ca đưa ra phù hợp với con đường cách mạng mà nhân dân ta đang đi vì độc lập, tự do cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân. Đó là một trong những mặt tích cực của tôn giáo.

Tuy nhiên, trong tín ngưỡng tôn giáo, có những mặt hạn chế, tiêu cực dễ bị các thế lực

* PTS. Phó viện trưởng Viện xây dựng Đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

** Cán bộ nghiên cứu Viện xây dựng Đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 7, tr 561

(2) *Sđđ*, t 4, tr 408

(3) *Sđđ*, t 6, tr 536

(4) *Sđđ*, t 4, tr 67

(5), (6), (7) *Sđđ*, t 6, tr 536

thực dân, phong kiến lợi dụng để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết lương giáo. Bởi vậy, Người thường nhắc nhở quần chúng có đạo phải luôn cảnh giác "chớ mắc mưu những kẻ tuyên truyền lừa bịp", lợi dụng tôn giáo, lấy danh nghĩa Chúa để lôi kéo, kích động quần chúng chống lại sự nghiệp cách mạng chính nghĩa của dân tộc ta.

2- *Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân.*

Tự do tín ngưỡng tôn giáo là quyền của con người cũng như các quyền khác. Bởi vậy, tự do tín ngưỡng tôn giáo là cái thiêng liêng của mỗi người không ai được xâm phạm hay làm tổn hại đến điều đó. Mỗi người có quyền tin hoặc không tin, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Song, không vì thế mà bài xích, đối đầu nhau, gây mất đoàn kết, làm cho kẻ thù dễ lợi dụng, chia rẽ. Năm 1947, trong thư gửi cho Lê Hữu Từ, Hồ Chí Minh đã nói "chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, rõ ràng là như thế, nhưng không vì vậy mà bài xích, nghi kỵ, đối đầu nhau, cần phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận"⁽⁸⁾. Người khẳng định: "đoàn kết toàn thể đồng bào để lo cho nền độc lập của Tổ quốc chứ không phải gây chia rẽ hay chống lại tôn giáo"⁽⁹⁾. Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo là tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh. Người luôn coi trọng tự do tín ngưỡng, coi đó là nguyên tắc cơ bản nhằm giải quyết vấn đề tôn giáo và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phụng sự Tổ quốc. Hồ Chí Minh chỉ rõ "đồng bào các tôn giáo có quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng", tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật của nhà nước. Các hoạt động tôn giáo không được cản trở đến sản xuất, không làm trái chính sách hoặc làm hại đến quyền lợi của quốc gia, dân tộc. Người nhắc nhở cán bộ, đảng viên và quần chúng phải "chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với tất cả các tôn giáo"⁽¹⁰⁾, "không nên xúc phạm đến tín ngưỡng phong tục của dân"⁽¹¹⁾, kiên quyết chống mọi âm mưu lợi dụng tôn giáo của địch cũng như những việc làm xúc phạm tới quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo của quần chúng nhân dân.

Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân là vấn đề quan trọng nhưng phải đặt trong khuôn khổ hiến pháp, pháp luật của nhà nước. Đó là nguyên tắc cơ bản, quán xuyên

toàn bộ trong tư tưởng của Hồ Chí Minh về tín ngưỡng tôn giáo.

3 - *Xây dựng khối đoàn kết lương - giáo.*

Hồ Chí Minh thường xuyên nhấn mạnh vấn đề quan trọng nhất là phải xây dựng được khối đoàn kết lương - giáo, đoàn kết tất cả các tôn giáo, đoàn kết giữa những người theo đạo cũng như những người không theo đạo.

Đoàn kết toàn dân, đoàn kết lương - giáo là sức mạnh chiến thắng kẻ thù và để đập tan âm mưu lợi dụng tôn giáo của địch. Muốn xây dựng khối đoàn kết lương giáo, trước hết phải xóa bỏ mọi hận thù, mặc cảm, đố kỵ, thực sự tin tưởng lẫn nhau, tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhau. Đồng bào lương hay giáo, tôn giáo này hay tôn giáo kia cũng đều là "con Lạc, cháu Hồng", phải thương yêu nhau như anh em một nhà, kiên quyết đấu tranh đánh đuổi thực dân, đế quốc, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Nước có tự do, độc lập, dân mới được hưởng hạnh phúc, tôn giáo mới được tự do phát triển, đồng bào mới được tự do tín ngưỡng.

*
*

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Bác Hồ, chúng ta đã xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thành sức mạnh tổng hợp đưa cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đến thắng lợi hoàn toàn. Thực tế có những lúc, những nơi một số phần tử, tổ chức phản động đã lợi dụng tôn giáo, lấy danh nghĩa Chúa để lừa bịp kích động, chia rẽ lương-giáo, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Song với nghệ thuật lãnh đạo tài tình, khôn khéo của Đảng và Bác Hồ, khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết lương giáo vẫn được củng cố vững chắc.

Trong giai đoạn hiện nay, việc vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Hồ Chí Minh chỉ rõ: muốn làm tốt công tác vận động quần chúng, trước hết phải "nghiên cứu cho hiểu rõ phong tục mọi nơi, trước là để gây cảm tình

(8) Trần Tam Tinh: *Thiên chúa và Hoàng đế*, Ủy ban đoàn kết công giáo Việt nam thành phố Hồ Chí Minh xuất bản, 1988, tr 65

(9) *Về tôn giáo*, Nxb khoa học xã hội, Hà nội 1994, t 1, tr 80

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 403

(11), *Sđd*, t 5, tr 78

và sau để dần dần giải thích cho dân bột mê tín" (12). Đối với các vùng công giáo, điều đó càng cần thiết. Nhưng trong thực tế đã có không ít cán bộ chưa nắm vững vấn đề này, do đó trong quá trình thực hiện còn mắc sai lầm, xúc phạm đến tình cảm và niềm tin tôn giáo của giáo dân. Người yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền ở những nơi có quần chúng giáo dân phải thực sự quan tâm đến phần đời và phần đạo của họ. Mặt khác, muốn vận động quần chúng giáo dân thì trước hết phải vận động được bộ phận chức sắc như giám mục, linh mục, cha cố tham gia vào các hoạt động xã hội, đoàn thể. Muốn vậy, phải có chính sách vận động cụ thể đối với từng đối tượng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến do lịch sử để lại. Làm được điều đó trước hết là các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể vùng giáo phải không ngừng nâng cao trình độ, năng lực tổ chức lãnh đạo, tuyên truyền vận động quần chúng giáo dân bằng các hành động thực tiễn để giáo dục, thuyết phục, chinh phục họ.

Quyết định thành công của công cuộc đổi mới là do sức mạnh của ý chí, trí tuệ và tiềm lực của toàn dân. Trong công cuộc đổi mới, mở cửa hiện nay, bên cạnh những mặt tích cực, cũng đã và đang nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Các thế lực đế quốc thù địch vẫn âm mưu chống lại nước ta bằng nhiều thủ đoạn, trong đó có âm mưu "diễn biến hòa bình" ngày càng tinh vi và thâm độc. Lợi dụng tôn giáo là một trong những mục tiêu và ý đồ thâm độc của chúng. Chúng lôi kéo các phần tử cực đoan trong tôn giáo hoạt động chống đối, gây nên tình hình chính trị phức tạp. Chúng bịa đặt, vu cáo Việt nam đàn áp tôn giáo, tuyên truyền xuyên tạc đường lối chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta. Chúng đòi xóa bỏ Ban trị sự Phật giáo và Ủy ban đoàn kết công giáo Việt nam. Chúng đã chỉ đạo, lôi kéo một số phần tử chống đối cực đoan trong Thiên chúa giáo, tìm mọi cách tranh thủ quần chúng, tổ chức hội đoàn, tập hợp lực lượng có tính tập dượt gây uy thế ủng hộ bọn phản động trong các tôn giáo đòi tôn giáo độc lập với Nhà nước...

Bởi vậy, làm tốt công tác tôn giáo nói chung, công tác vận động quần chúng giáo dân nói riêng đang là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, nhằm góp phần đập tan âm mưu của kẻ thù, bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc. □

(12) *Sđd*, t 5, tr 78

Góp thêm ý kiến về công nghiệp hóa nông thôn trong giai đoạn hiện nay

DƯƠNG BÁ PHƯƠNG*

VẤN đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân nói chung và công nghiệp hóa nông thôn nói riêng đang được đề cập trên nhiều khía cạnh khác nhau. Thực tế cho thấy các quan điểm, chính sách tiến hành công nghiệp hóa nông thôn ở nước ta trong giai đoạn hiện nay được thực thi như thế nào, chính là ở những giải pháp cụ thể.

Nông thôn nước ta chiếm tới 80% dân số và khoảng 90% diện tích tự nhiên của cả nước. Nét nổi bật của kinh tế - xã hội nông thôn hiện nay là phương thức sản xuất còn mang nặng tính tiểu nông, tự cấp tự túc, trình độ sản xuất hàng hóa còn quá thấp, đặc biệt ở vùng cao và vùng sâu, vùng xa. Ngay ở vùng nông thôn đồng bằng sông Hồng, số hộ sản xuất hàng hóa* chỉ chiếm khoảng 10-20%, còn số hộ sản xuất tự túc tự cấp chiếm tới 30-40%. Ở đồng bằng sông Cửu long, chẳng hạn như ở tỉnh An giang, số hộ sản xuất hàng hóa cũng chỉ chiếm có 10%, trong khi số hộ sản xuất tự cấp tự túc chiếm tới 50%. Ở các tỉnh miền núi như Sơn la, Lai châu, Lào cai, Yên bái và Hà giang, số hộ sản xuất hàng hóa chỉ chiếm 1-3% ; đại bộ phận là sản xuất tự cấp tự túc.

* PTS kinh tế. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

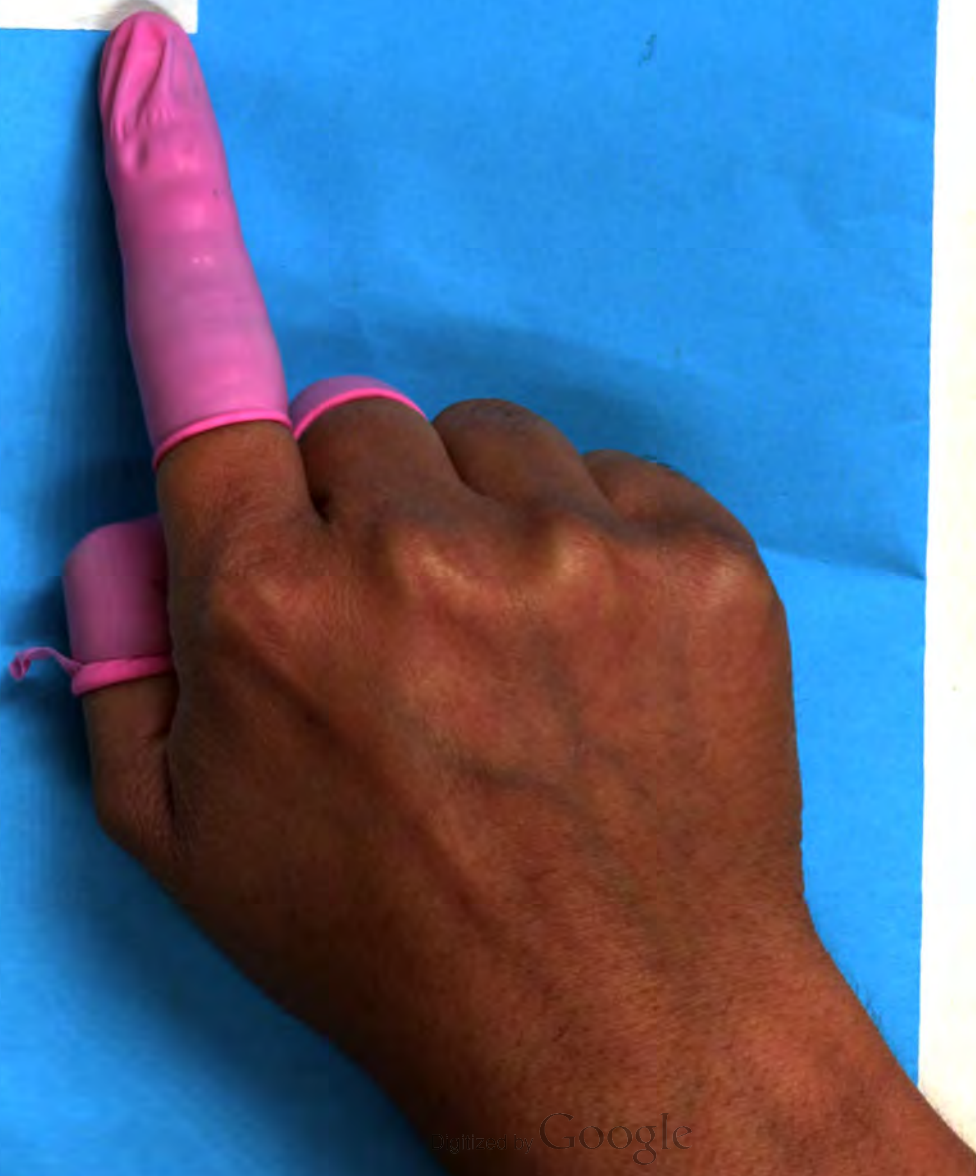
** Theo quy ước của Chương trình điều tra nông thôn và nông nghiệp (Quyết định 568/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19-11-1993), thì hộ được coi là sản xuất hàng hóa khi có tỷ trọng sản phẩm cùng loại đem bán trên thị trường từ 60% trở lên.

XUNHASABA

Export & Import Company of Books, Periodicals,
Cultural Commodities
32 Hai Ba Trung Str., - Hanoi - Vietnam

5/28

TO: PERIODICAL DIVISION, LIBRARY
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY, CA 94720
USA



10

100

Digitized by Google

Đất đai sản xuất nông nghiệp ngày càng ít, lại phân bố không đều. Mật độ dân số đông nên bình quân ruộng đất trên đầu người quá thấp. Ở đồng bằng Bắc bộ và duyên hải, bình quân chỉ trên dưới 1 sào/một nhân khẩu. Ở miền núi, bình quân có cao hơn, nhưng chủ yếu là đất dốc và đồi núi trọc, lại đang bị khai phá và sử dụng không hợp lý. Rừng và biển (ở ven bờ) bị khai thác quá mức làm cho tài nguyên cạn kiệt nhanh, môi trường sinh thái bị hủy hoại ghê gớm.

Công nghiệp nhỏ ở nông thôn đã xuất hiện rất sớm với một số làng nghề truyền thống khá lâu đời, song sự phát triển qua các thời kỳ quá chậm chạp và có thời kỳ bị mai một. Cho đến nay, về cơ bản, công nghiệp nhỏ và dịch vụ nông thôn vẫn chỉ được xem như một ngành nghề phụ để giải quyết lao động dư thừa và thời gian nông nhàn, tỷ trọng còn quá nhỏ bé. Trừ một số làng nghề, còn đại bộ phận nông thôn chỉ có khoảng vài chục phần trăm số lao động chuyên hoặc chủ yếu làm công nghiệp nhỏ và dịch vụ. Các làng nghề truyền thống đã có sự đổi mới và phát triển ít nhiều trong thời kỳ chuyển sang kinh tế thị trường, song tốc độ còn chậm, trình độ công nghệ, tay nghề và năng suất lao động quá thấp. Các hoạt động thương mại, dịch vụ đang thâm nhập vào các thôn, bản nhưng vẫn rời rạc, tự phát.

Dân số tăng nhanh, lao động dư thừa ngày càng nhiều là một đặc điểm rất đáng quan tâm. Mặc dầu đã có nhiều chương trình, biện pháp nhằm giảm tốc độ gia tăng dân số, nhưng tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở nông thôn vẫn rất cao (thường từ 2 đến 3%/năm), kéo theo nó là nạn dư thừa lao động hằng năm quá lớn. Ở nhiều thành phố lớn đã tự phát hình thành một số chợ lao động của những người ở các vùng nông thôn lân cận kéo về tìm việc làm.

Cơ sở hạ tầng yếu kém vừa phản ánh trình độ thấp về kinh tế-xã hội của nông thôn; vừa là nguyên nhân cơ bản làm cho công nghiệp, dịch vụ và đặc biệt là kinh tế hàng hóa, thương mại ở nông thôn kém phát triển, nhất là ở vùng cao và vùng sâu. Hệ thống đường giao thông đến các bản, làng nông thôn đều quá hẹp và thường là đường đất hoặc đường rải cấp phối.

Số xã có đường nhựa đến thôn, làng rất hiếm. Nhiều xã (khoảng 330 xã) ở vùng núi cao và vùng sâu chưa có đường ô tô. Ở vùng đồng bằng cũng mới chỉ có khoảng 50-60% số xã được điện khí hóa. Còn ở miền núi thì đại bộ phận các xã, bản nông thôn chưa có điện. Rất nhiều vùng thiếu hệ thống cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và nước tưới cho cây trồng; đặc biệt là ở miền núi và vùng đồng bằng sông Cửu long. Hệ thống thông tin liên lạc nói chung còn yếu kém. Chỉ rất ít các xã gần các trung tâm đô thị lớn mới có hệ thống điện thoại xuống tới thôn, xã.

Đời sống của nông dân nhìn chung được cải thiện nhưng mức sống còn thấp, số hộ được đánh giá là khá giả (thu nhập 10-20 triệu đồng/năm) chỉ chiếm bình quân khoảng 10%. Mặc dầu từ khi chuyển sang kinh tế thị trường đã có nhiều đổi thay tiến bộ, nhưng vẫn còn có tới 40-50% số hộ sản xuất chưa đủ ăn. Ngay tại các tỉnh đồng bằng sông Hồng, con số đó còn ở mức trên dưới 40%. Ở An giang một tỉnh thuộc vựa lúa của đồng bằng sông Cửu long nhưng cũng chỉ mới có 50% số hộ đủ ăn. Ở miền núi số hộ sản xuất chưa đủ ăn chiếm tới 60-80%. Đời sống văn hóa, tinh thần còn thấp. Trình độ dân trí ở nông thôn tuy đã có nhiều tiến bộ so với trước, song ở nhiều nơi còn quá lạc hậu. Số người mù chữ và tái mù chữ chiếm tới vài chục phần trăm, ở miền núi cao chiếm trên 50%. Số có trình độ phổ thông trung học và chuyên nghiệp trở lên ở nông thôn đồng bằng chỉ khoảng vài chục phần trăm và ở nông thôn miền núi chỉ có vài phần trăm.

Thực trạng kinh tế-xã hội ở nông thôn như vậy, đòi hỏi phải có giải pháp tích cực để phát triển và thay đổi bộ mặt nông thôn. Đồng thời nó cũng đặt ra những yêu cầu khách quan bắt buộc phải có phương pháp hoạch định chính sách công nghiệp hóa và lựa chọn các bước đi một cách thích hợp.

Theo chúng tôi, để thực hiện công nghiệp hóa và phát triển kinh tế nông thôn ở nước ta trong một, hai thập kỷ tới, cần quán triệt một số quan điểm sau:

Một là, sự nghiệp công nghiệp hóa nông thôn phải có sự tham gia trực tiếp của chính

những người lao động, những người dân sống ở nông thôn. Nhà nước tiến hành đầu tư có trọng điểm nhằm tạo ra những điều kiện cơ bản, cần thiết nhất, áp dụng những chính sách khuyến khích toàn dân thực hiện từng bước quá trình công nghiệp hóa. Như vậy, quá trình công nghiệp hóa nông thôn cần phải huy động và khuyến khích phát triển mọi thành phần và lực lượng kinh tế, đảm bảo tính đa dạng của quá trình đó, nhưng chủ yếu lại là các nguồn lực tại chỗ, tùy theo đặc điểm, lợi thế của từng địa phương.

Hai là, ngày nay, khi mà thế giới đang chuyển mạnh sang phát triển các ngành dịch vụ, khu vực kinh tế thứ ba ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, thì sự nghiệp công nghiệp hóa nông thôn nước ta phải đồng thời mở rộng phát triển cả công nghiệp và dịch vụ. Khuyến khích và thúc đẩy các mối liên kết kinh tế chặt chẽ giữa kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp và thương mại, dịch vụ ngay trong một tổ chức, một đơn vị kinh tế, sẽ đem lại hiệu quả hơn và thích hợp với xu hướng đa dạng hóa phương thức kinh doanh trong thời đại mới.

Ba là, công nghiệp hóa không thể tách rời quá trình đô thị hóa. Lịch sử nhân loại cho thấy, quá trình đô thị hóa thường diễn ra mạnh mẽ hơn và đồng thời là quan hệ nhân - quả của quá trình công nghiệp hóa. Bởi vậy, quá trình công nghiệp hóa nông thôn cần được gắn bó với việc thúc đẩy và quy hoạch định hướng phát triển đô thị hóa ở nước ta. Việc quy hoạch xây dựng mạng lưới đô thị để hình thành các cực thu hút và xúc tác cho sự phát triển kinh tế nông thôn là đòi hỏi khách quan trong quá trình công nghiệp hóa. Hệ thống đô thị nước ta cần hình thành theo những cấp độ khác nhau, trong đó *trọng tâm là đẩy mạnh phát triển mạng lưới đô thị nhỏ văn minh, hiện đại* ở các vùng, bảo đảm sự phân bố đồng đều lao động và dân cư, tránh tập trung dân về những đô thị lớn, như ở một số nước láng giềng tiến hành công nghiệp hóa trước đây đã vấp phải.

Bốn là, con đường công nghiệp hóa nông thôn cần được tiến hành với sự kết hợp tối ưu các loại trình độ công nghệ tiên tiến và truyền thống, ưu tiên công nghệ tương đối tiên tiến.

Song, về quy mô sản xuất kinh doanh, cần *tuân thủ nguyên tắc đi từ nhỏ lên lớn* để phù hợp với tiềm lực về vốn và năng lực quản lý kinh doanh. Phát triển mạnh các loại doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nông thôn, tạo ra những mối liên kết kinh tế khăng khít giữa chúng với các doanh nghiệp lớn ở các thành thị lân cận và thậm chí cả trên phạm vi quốc tế. Đồng thời tạo điều kiện để chúng có khả năng phát triển thành những doanh nghiệp lớn trong tương lai.

Năm là, lịch sử hình thành và phát triển nông thôn Việt nam đã chỉ rõ, làng xã là một cộng đồng kinh tế-xã hội ổn định về nhiều mặt. Trong mấy chục năm qua đã có nhiều biến đổi, nhưng thiết chế chính trị - xã hội nông thôn với cơ sở nền tảng làng xã (thôn, ấp, bản) vẫn không hề đổi thay. Thiết chế làng xã ấy trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường càng được tái hiện và bộc lộ rõ ràng hơn. Làng Việt nam là một *cộng đồng địa lý-chính trị - kinh tế - văn hóa* mà trong thực tế phát triển hiện nay của đất nước vẫn cần phải *kế thừa và phát triển sáng tạo từ những truyền thống* đã có. Vì vậy, tiến hành công nghiệp hóa nông thôn ở nước ta cần phải bắt đầu và thực hiện ngay trong các thôn, bản, làng xã. *Công nghiệp hóa và đô thị hóa theo kiểu "rời ruộng không rời làng"*, phát triển mạnh mẽ hệ thống "xí nghiệp hương trấn" là một quan điểm thích hợp cần được nghiên cứu, áp dụng.

Để thúc đẩy nhanh chóng và thu được kết quả cao, nhà nước cần có những chính sách, giải pháp hỗ trợ tích cực cho nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

- *Chính sách tạo thị trường*, trước hết là thị trường đầu ra. Khó khăn lớn nhất đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn trong việc chuyển sang sản xuất hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay, là thị trường đầu ra. Nhưng muốn thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông thôn thì bước khởi đầu là phải áp dụng các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn sang sản xuất hàng hóa. Nhà nước có những giải pháp tích cực tạo thị trường đầu ra vững chắc cho các sản phẩm có ưu thế của kinh tế nông nghiệp.

Thị trường này không chỉ đóng khung trong nước, hay trong từng địa phương, mà chủ yếu là thị trường quốc tế. Chính vì vậy, chỉ có nhà nước mới có đủ khả năng tạo lập được thông qua những chính sách mở trong quan hệ kinh tế đối ngoại, thông qua hệ thống các công ty, tập đoàn mạnh của nhà nước... Mặt khác, cần khuyến khích và tạo điều kiện để thúc đẩy các mối giao lưu kinh tế, hợp tác, liên kết kinh tế chặt chẽ giữa công nghiệp và thương mại dịch vụ lớn ở thành thị với nông nghiệp và công nghiệp, thương mại dịch vụ nhỏ ở nông thôn.

- Nhà nước nghiên cứu xác định *quy hoạch phát triển mạng lưới đô thị lớn, nhỏ trong phạm vi toàn quốc*, cho từng vùng và từng tỉnh, huyện. Đồng thời từng bước đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, phân phối, cấp quyền sử dụng đất đai, hướng dẫn nhân dân xây dựng nhà ở, văn phòng, xưởng sản xuất, cửa hàng, cửa hiệu theo quy hoạch thống nhất.

- Để có thể phát triển mạng lưới đô thị và mở rộng giao lưu, liên kết kinh tế, phát triển hợp tác, giữa nông thôn và thành thị, cũng như tiến hành tốt công nghiệp hóa nông thôn, thì việc *đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, trước tiên là điện khí hóa hệ thống giao thông vận tải và thông tin liên lạc* cho khu vực kinh tế nông thôn, là vô cùng bức xúc. Huy động vốn đầu tư nên theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm". Song, đại bộ phận hệ thống đường sá chính, hệ thống đường dây và trạm chính nối liền các trung tâm đô thị lớn về các đô thị nhỏ và các bản làng, chỉ có nhà nước mới có đủ khả năng về vốn để đầu tư xây dựng.

- Nhà nước có chính sách tích cực *nâng cao trình độ dân trí, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực* cho sự nghiệp công nghiệp hóa nông thôn, tạo điều kiện tiếp thu có hiệu quả những công nghệ tiên tiến. Nhà nước đầu tư mạnh mẽ hơn nữa cho sự nghiệp giáo dục và phát triển văn hóa ở nông thôn, đặc biệt là đối với vùng xa, vùng sâu và vùng cao nơi dân trí còn rất thấp.

- Thực hiện tốt quá trình *chuyển giao công nghệ cho khu vực kinh tế nông thôn*. Cùng với việc đầu tư để nâng cao kiến thức, trình độ

tay nghề, tri thức kinh doanh, Nhà nước cần giúp đỡ để chuyển giao công nghệ từng bước cho khu vực kinh tế nông thôn. Thiết lập hệ thống các trung tâm tư vấn giúp đỡ chuyển giao công nghệ về nông thôn và hướng dẫn tiếp thu công nghệ nước ngoài, giúp lựa chọn những công nghệ thích hợp trong từng thời kỳ.

- Áp dụng những chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng đối với việc phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trong các lĩnh vực công nghiệp và thương mại, dịch vụ. Miễn giảm thuế đối với các sản phẩm hàng hóa từ khu vực công nghiệp nông thôn, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, áp dụng công nghệ có sức thu hút nhiều lao động tại chỗ. Ưu tiên miễn giảm thuế đối với các sản phẩm công nghiệp nhỏ được sản xuất ở khu vực nông thôn, đặc biệt là các sản phẩm mới có áp dụng công nghệ tiên tiến. Nhà nước đầu tư thành lập các trung tâm hỗ trợ tài chính, tín dụng với lãi suất ưu đãi phục vụ phát triển nông thôn nói chung, công nghiệp hóa nông thôn, nông nghiệp nói riêng. Đồng thời cho phép và khuyến khích các hình thức tín dụng, các tổ chức tín dụng tự thành lập để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và áp dụng công nghệ mới, chuyển đổi nghề nghiệp và cơ cấu kinh tế ngay trong các bản, làng. Mặt khác, cần thành lập hệ thống các tổ chức bảo hiểm tín dụng phục vụ nông thôn.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống luật pháp, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và công tác quản lý nhà nước, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa nông thôn. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các chính sách và luật pháp của chính quyền các cấp, cũng như của nhân dân và các nhà doanh nghiệp. Đổi mới công tác hành chính, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tổ chức đăng ký kinh doanh, cấp giấy phép hành nghề, thành lập doanh nghiệp, xây dựng công xưởng, cửa hàng, cửa hiệu, các tổ hợp tác □

"**L**Y nông bất ly hương" nghĩa là "rời ruộng không rời quê" - một trong những kinh nghiệm lớn, một thành công quan trọng trong chính sách kinh tế xã hội ở nông thôn Trung quốc thời kỳ hiện đại hóa. Với hơn 800 triệu nông dân trong tổng số 1,2 tỉ dân, những khó khăn mà xã hội Trung quốc gặp phải trong việc giải quyết số nhân khẩu lao động ở nông thôn, lớn hơn bất kỳ một quốc gia nào khác.

Suy nghĩ về "ly nông bất ly hương" của nước bạn và của nước ta

TRẦN TRỌNG

Đây không phải là khó khăn riêng của Trung quốc trong xây dựng và phát triển kinh tế, mà cũng là khó khăn chung của hầu hết các nước đang phát triển. Bởi vì ở các nước này cũng vậy, số nhân khẩu lao động trong nông nghiệp dôi dư ra ngày càng nhiều, có nước lên đến hàng triệu, thậm chí hàng chục triệu. Tình hình đó dẫn đến tình trạng số lao động nông thôn đổ về đô thị để kiếm sống ngày càng đông. Cách đây mấy năm, báo chí Trung quốc đã dự tính rằng, nếu không có cách giải quyết thì từ nay đến năm 2000, Trung quốc có thể phải xây dựng thêm 70 thành phố, mỗi thành phố từ một triệu dân trở lên, nhưng dù thế cũng chưa chắc đã giải quyết được vấn đề về cơ bản.

Trung quốc đã trải qua một quá trình tìm kiếm, thử nghiệm nhiều phương sách. Đã từng có những chủ trương di dân đi thực hiện những cuộc "đại khai hoang" với các khẩu hiệu: "chí lớn để ở cao nguyên", "xây dựng quê hương thứ hai", v.v. nhưng vẫn không giải quyết được vấn đề. Bởi vì, theo một số chuyên gia kinh tế, đó vẫn là quan điểm "ly hương bất ly nông" (rời quê mà không rời nông nghiệp).

Đổi lập với quan điểm đó, quan điểm "ly nông bất ly hương" được áp dụng trong chiến lược hiện đại hóa nền kinh tế, cho rằng phải tận dụng và khai thác nguồn lao động dôi dư đó để phát triển kinh tế tại chỗ. Quan điểm

này xuất phát từ chỗ nhận thức lại kinh tế nông thôn. Nếu như trước đây người ta cho rằng kinh tế nông thôn hầu như là kinh tế "đơn nghiệp" (chỉ có một nghề là nông nghiệp) thì bây giờ, theo quan điểm kinh tế thị trường, nó được coi như là kinh tế "đa nghiệp", "đa doanh", đa phương, đa dạng. Cần tận dụng nguồn sức lao động hàng triệu người ở nông thôn để không chỉ làm nông nghiệp, mà còn phát triển kinh tế hộ gia đình, mở mang hàng chục ngành nghề, nâng cao đời sống cư dân ở đây, cũng tức là nâng cao sức mua, cải thiện một cách đáng kể thị trường tiêu thụ nội địa. Nhờ làm như vậy, những năm qua ở nông thôn Trung quốc, ngoài sản xuất nông nghiệp, đã xuất hiện hàng

chục vạn doanh nghiệp vừa và nhỏ, các xí nghiệp và tổ hợp hương trấn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp.

Theo báo chí Trung quốc, ở nhiều tỉnh như Hồ bắc, Quảng đông, Thiểm tây, Tứ xuyên v.v. hàng loạt xí nghiệp, doanh nghiệp hương trấn phát triển khá mạnh và đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ. Theo kết quả quan sát và điều tra của một số báo chí nước ngoài, ở nhiều tỉnh của Trung quốc đã thu hút được 40 - 60% lực lượng lao động dôi dư trong nông nghiệp, sản lượng hàng hóa phổ thông ở nhiều vùng tăng gấp trên 2 lần, có nơi giá trị tổng sản phẩm nội địa nhờ đó đã tăng 28-32%. Do mức sống người lao động tăng (có nơi gấp 2,5 lần, có nơi gấp 3 lần), thị trường nông thôn rộng lớn được mở rộng, các ngành sản xuất công nghiệp ở các đô thị lớn có thêm điều kiện hiện đại hóa nhanh hơn. Ở nhiều địa phương, đặc biệt các vùng có nhiều ngành nghề truyền thống, các doanh nghiệp hương trấn còn sản xuất nhiều loại hàng có chất lượng cao, tham gia đáng kể vào tổng khối lượng hàng xuất khẩu.

Ngày nay, ở phần lớn các nước đang phát triển đều gặp một mâu thuẫn khó tránh là số dân tiếp tục tăng (dù đã ra sức hạn chế) mà diện tích canh tác thì ngày càng giảm. Người ta đã tính rằng nếu số dân tăng 0,5%/năm, thì diện tích canh tác tính theo đầu người cứ 5

năm lại giảm từ 3,5% đến 5%. Ngày nay, kinh tế nông nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất thiết phải hiện đại hóa. Do vậy, dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp không còn là một công việc có tính chất bổ trợ nữa, mà là một lĩnh vực rộng lớn đòi hỏi nhiều quy trình kỹ thuật và công nghệ cao, một hoạt động có tính độc lập, thu hút một lực lượng lao động đông đảo, thích hợp cho việc tận dụng lao động trẻ dồi dào trong nông nghiệp.

"Giải quyết việc làm cho lực lượng lao động dồi dào" và "phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ" là hai vấn đề lớn nhưng không phải mới, và nước nào cũng phải tính tới. Đã có những nước phát triển nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ, thu hút được nhiều lao động nông nghiệp dồi dào rời bỏ nông thôn, ra thành thị kiếm sống ngày một đông. Nhưng *cái mới, cái đáng nói ở Trung quốc là hai vấn đề đó đã được giải quyết trong điều kiện "bất ly hương"*. Dĩ nhiên, để thực hiện "ly nông bất ly hương", sẽ phải giải quyết không ít vấn đề khó khăn, phức tạp.

*
* *

Ở nước ta, cùng với quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, những vấn đề nêu trên thực tế cũng đã đặt ra. Qua tham khảo kinh nghiệm giải quyết của Trung quốc, chúng ta có thể rút ra những điều gì bổ ích cho việc không ngừng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn nước ta ?

Một là, nên coi trọng hơn nữa việc phát triển mạnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn. Có thể nói, kinh tế nông thôn ở nước ta cho đến nay về cơ bản vẫn trong trạng thái tự cung, tự cấp. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, do nhiều nguyên nhân, diễn ra hết sức chậm chạp. Trong lúc đó, số lao động dồi dào trong nông nghiệp ngày càng nhiều. Theo số liệu điều tra, Nam hà và Hà tây hiện có khoảng 60 000 đến 70 000 lao động dồi dào ; Thái bình và Thanh hóa - 80 000 đến 90 000 ; Quảng ninh - 45 000. Ở Hà nội, TP Hồ Chí Minh và một số thành phố khác đã và đang xuất hiện các "chợ lao động" với hàng vạn người từ các vùng nông thôn tới tìm việc làm. Chủ trương

đưa lao động nông thôn đi xây dựng các khu kinh tế mới nhằm phân bổ lại lao động và cư dân giữa các vùng ở nước ta cho hợp lý là cần thiết, nhưng hình như cho tới nay vẫn là kiểu "ly hương bất ly nông", do đó kết quả chưa nhiều. Dù ở đâu đi nữa, nếu vẫn chỉ là làm nông nghiệp, không mở rộng ngành nghề, không phát triển kinh tế hộ gia đình, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, mở mang dịch vụ dưới hình thức các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thì không bao giờ có thể thu hút được hết lao động nông nghiệp dư thừa. Và như vậy, chắc chắn cũng khó cải thiện đáng kể đời sống của người lao động ở nông thôn, tăng sức mua và phát triển tốt hơn thị trường nội địa.

Hai là, cần nghiên cứu lại vấn đề vốn đầu tư. Để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cần có rất nhiều vốn, kể cả vốn của nhà nước lẫn vốn huy động trong dân. Cho tới nay, vốn đầu tư cho nông nghiệp phần lớn là dồn cho thủy lợi và lúa nước. Đó là chưa kể một thời gian dài (từ năm 1960 đến 1990), vốn đầu tư cho nông nghiệp thường lại dồn vào các loại mục tiêu hiệu quả thấp (như xây nhà kho, sân phơi, mua sắm nông cụ, xây chuồng trại chăn nuôi tập thể...), còn phần vốn dành cho việc mở mang ngành nghề, phát triển sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, chế biến nông sản, dịch vụ... hầu như không đáng kể.

Để chuyển nhanh kinh tế nông thôn thành kinh tế sản xuất hàng hóa mạnh và đa dạng, vốn đầu tư ở nông thôn phải nhằm bảo đảm cả hai mục tiêu : đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ *phi nông nghiệp và dịch vụ* (trước đây ta quen gọi là "ngành phụ", chỉ tận dụng lúc nông nhàn, nên ngân sách không đầu tư). Kinh nghiệm Trung quốc cũng như kinh nghiệm nhiều nước khác cho thấy, kinh tế nông thôn càng đi vào sản xuất hàng hóa thì khối lượng và phạm vi dịch vụ càng lớn, có thể thu hút đến 40 - 45% lực lượng lao động nông thôn. Dĩ nhiên nói như vậy không có nghĩa là chia đều nguồn vốn đầu tư.

Ba là, đưa nhanh, đưa nhiều tri thức khoa học quản lý, khoa học kỹ thuật và công nghệ

(Xem tiếp trang 40)

TRÁI qua nhiều thế kỷ, văn hóa Việt nam đã phát triển trong sự giao lưu với văn hóa khu vực, trước hết là với văn hóa Trung hoa. Từ vài thế kỷ trở lại đây, nó đã bắt đầu tiếp xúc và giao lưu ngày càng rộng rãi với văn hóa phương Tây. Nhưng dù phát triển đến đâu, từ trong bản chất, văn hóa Việt nam vẫn là một nền *văn hóa gốc nông nghiệp*.

Những hiện tượng tưởng như đa dạng và phong phú vô hạn mà xưa nay ta vẫn gặp trong khắp các lĩnh vực của văn hóa Việt nam, thực chất chỉ là những biểu hiện khác nhau của một số lượng rất hữu hạn các đặc trưng của loại hình văn hóa nông nghiệp này. Những đặc trưng đó là :

1 - Khắp các lĩnh vực, dù là trong tư tưởng triết lý hay trong tổ chức xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, giao tiếp, nghệ thuật... ta đều thấy dấu ấn đậm nét của chất nông nghiệp lúa nước - một nghề trồng trọt mang tính thời vụ cao ở một vùng mà địa hình sông nước là chủ đạo.

2 - Chính cuộc sống nông nghiệp luôn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau đã khiến con người phải chú trọng tới các mối quan hệ giữa chúng, dẫn đến một lối tư duy mang nặng tính phương Đông : ăn ở rất mực hài hòa - hài hòa trong bản thân mình và giữa mình với môi trường tự nhiên xung quanh ; một lối sống quân bình hòa nhã không muốn làm mất lòng ai ; một lối ứng xử linh hoạt có khả năng thích nghi cao độ với mọi tình huống, mọi biến đổi (có người gọi đó là sự hài hòa theo triết lý âm dương).

3 - Nhưng sự hài hòa, quân bình này không phải là tuyệt đối. Do bản chất nông nghiệp nên đây là sự hài hòa thiên về phần tĩnh. Trong tổ chức xã hội, xu thế ưa ổn định nổi trội hơn xu thế ưa phát triển ; trong giao tiếp và quan hệ xã hội thì coi trọng tình cảm hơn lý trí, ưa sự tế nhị kín đáo hơn sự rành mạch thô bạo ; trong đối ngoại (ứng xử với môi trường xã hội) thì hiếu hòa.

4 - Cuộc sống nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau còn khiến con người phải luôn cố gắng bao quát chung, dẫn đến lối

tư duy tổng hợp luôn liên hệ cái này với cái khác ; lối sống cộng đồng gắn bó mọi người chặt chẽ với nhau thành một khối, mỗi khối như vậy lại có tính tự trị cao.

Cho đến nay, phải chăng văn hóa Việt nam đã trải qua *ba lần* chuyển mình cơ bản nhất. Từ cơ chế nông nghiệp làng xã thuần túy bản địa, nó đã *dung hợp* với văn hóa khu vực mà Trung hoa với chế độ đẳng cấp phong kiến hà khắc là

Văn hóa Việt nam đổi mặt với kinh tế thị trường

TRẦN NGỌC THÊM *

chủ đạo, tạo nên một cơ chế nông nghiệp phong kiến dựa trên cơ sở làng xã. Từ cái nền nông nghiệp phong kiến ấy, văn hóa Việt nam đã *giao lưu và hội nhập* vào dòng văn hóa phương Tây (bước đầu phát triển đô thị, giao thông, hình thành khoa học) và *tiếp nhận cơ chế của văn hóa theo mô hình xã hội chủ nghĩa* (phát triển khoa học, công nghiệp...). Truyền thống văn hóa nông nghiệp "cộng đồng lo cho mỗi người" cộng với tính chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội "nhà nước chăm lo mọi mặt đời sống cho dân" kéo dài, đã trở thành một nhược điểm mà ta quen gọi là cơ chế quan liêu bao cấp.

Trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đang chuyển mạnh theo hướng đẩy tới công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Văn hóa cổ truyền Việt nam phải đổi mặt với nền kinh tế thị trường - một cuộc đổi mặt tất yếu, song như ta đã biết, văn hóa cổ truyền với kinh tế thị trường có sự khác biệt rất lớn. Những khác biệt quan trọng nhất xin tạm nêu một số nét dưới đây :

Bảng 1 : So sánh văn hóa cổ truyền với kinh tế thị trường

TIÊU CHÍ		VĂN HÓA CỔ TRUYỀN	KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
TỔNG QUAN	Chủ nhân	Xã hội nông nghiệp	Xã hội công thương nghiệp
	Không gian	Nông thôn	Đô thị
	Đặc trưng	Tính cộng đồng làng xã	Tính độc lập cá nhân
TƯ DUY	Lối tư duy	Tổng hợp, trọng quan hệ	Phân tích, trọng yếu tố
	Cách tư duy	Linh hoạt, dễ thay đổi	Kiên định, quyết đoán

* PGS. TS khoa học ngữ văn, khoa Đông phương học, Trường đại học tổng hợp TP Hồ Chí Minh.

	TIÊU CHÍ	VĂN HÓA CỔ TRUYỀN	KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
HÀNH ĐỘNG	Lối sống	Theo tình nghĩa	Theo luật pháp
	Chuẩn đánh giá	Theo đạo đức	Như hàng hóa
	Cách hành động	Dựa dẫm vào sự quen biết ; <i>quan bình</i> (cào bằng)	Quy thành giá cả, lợi nhuận, cạnh tranh
	Cách thức quản lý	Theo "lệ làng" và "phép nước"	Theo quy luật kinh tế
	Thái độ đối với thương nghiệp	Khinh rẻ, hạn chế thương nghiệp	Khuyến khích phát triển thương nghiệp

Trong cuộc đối mặt với kinh tế thị trường để rồi dung hợp với nó, văn hóa cổ truyền không tránh khỏi có cái hay và cái dở, có cái được và cái mất, có cái xuất hiện và cái tiêu vong, có cái thoát khỏi và cái nhiệm phải. Những nét phác thảo chính của bức tranh này có thể thấy qua bảng 2.

Bảng 2 : Văn hóa cổ truyền với kinh tế thị trường : cái hay và cái dở

	CÁI HAY		CÁI DỠ	
	Cái được (thêm)	Cái thoát khỏi	Cái mất (giảm)	Cái nhiệm phải
1	Đô thị, công nghiệp phát triển		Môi trường tự nhiên	Nạn ô nhiễm môi trường
2	Đời sống vật chất cao, tiện nghi đầy đủ	Cái nghèo nàn, thiếu thốn	Lối sống tình nghĩa	Lối sống thực dụng
3	Vai trò cá nhân nâng cao	Thói dựa dẫm, bệnh bảo thủ	Tinh tập thể, sự ổn định gia đình	Lối sống cá nhân chủ nghĩa
4	Sự liên kết quốc tế rộng rãi	Ôc địa phương chủ nghĩa	Tinh độc lập (tự trị) giảm	Văn hóa đòi truy du nhập nhanh
5	Tinh thần tự do phê phán	Thối gia trưởng	Nền nếp, chữ "lễ"	Lối sống "cá đối bằng đầu"

Nhiều cái hay cái dở, cái được cái mất trong cuộc đối mặt với kinh tế thị trường biểu hiện ngay trước mắt ta. Chưa bao giờ đô thị và công thương nghiệp lại phát triển với tốc độ nhanh chóng như những năm gần đây. Các thành phố đổi thay từng ngày. Nhưng cùng với nó, tiếng ồn và bụi bặm các loại đang ngày càng trở thành nỗi khổ của người dân đô thị. Chất thải công nghiệp từ thành phố đang tràn ra tận công vùng nông thôn, khiến nhiều nghề trồng trọt và chăn nuôi thủy sản (cá, tôm) ở các huyện ngoại thành đang có nguy cơ bị phá sản. Ở các huyện ngoại thành TP Hồ Chí Minh như Bình Chánh, Nhà Bè, thậm chí cả nước tiêu dùng cũng phải mua từ thành phố chở ra với giá 800-1000 đ/một đôi thùng (báo Tuổi trẻ 1-4-95).

Cũng trong những năm gần đây, đời sống vật chất được nâng cao với những tiện nghi hiện đại nhất, mức sống của người dân được cải thiện trông thấy. Nhưng cùng với nó, lối sống thực dụng, chạy theo dòng tiền cũng có nguy cơ phát triển. Nhịp sống đô thị ngày càng căng thẳng đang khiến quan hệ gia đình trở nên lỏng lẻo ; cha con, vợ chồng ít quan tâm đến nhau hơn. Trên báo chí đã xuất hiện tin tức về những vụ con cái kiện cáo cha mẹ, tranh chấp của cải với cha mẹ, đưa cha mẹ vào nhà dưỡng lão v.v., là những việc mà trước đây chỉ nghe thấy ở phương Tây.

Vậy trong việc dung nạp cơ chế kinh tế thị trường như là một phương tiện để công nghiệp

hóa và hiện đại hóa đất nước, từ phía văn hóa cổ truyền có những thuận lợi và khó khăn gì ?

Có thể thấy thuận lợi cơ bản là con người Việt nam vốn có đặc tính linh hoạt (do lối tư duy tổng hợp, trọng quan hệ), điều này rất thích hợp cho sự thâm nhập của kinh tế thị trường vốn có đặc điểm là năng động, nhanh nhạy. Mặt khác chúng ta lại đang tiến hành công cuộc đổi mới trong một không gian thuận lợi (sự hợp tác rộng rãi của các nước trong khu vực và trên thế giới), thời gian và thời cơ hiếm có (thế giới đang hướng về châu Á - Thái bình dương như một khu vực phát triển năng động nhất) và chủ thể thuận lợi (nhân dân phấn khởi, tin tưởng ; Đảng và Chính phủ có đường lối đúng đắn và quyết tâm cao). Đó thực là thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

Nhưng do giữa văn hóa cổ truyền và kinh tế thị trường, cái giống nhau thì ít mà cái khác nhau thì nhiều, cho nên quá trình dung nạp đã nảy sinh không ít khó khăn :

Khó khăn thứ nhất là bệnh tùy tiện, dễ thay đổi ý kiến, mặt trái của lối ứng xử linh hoạt. Điều này hoàn toàn không thích hợp với cơ chế thị trường - một cơ chế đòi hỏi sự ứng xử dứt khoát, quyết đoán, song phẳng.

Khó khăn thứ hai (liên quan mật thiết với khó khăn thứ nhất) là bệnh thiếu tôn trọng pháp luật, mặt trái của lối sống theo tình cảm và của lối ứng xử linh hoạt. Dân thì quen sống theo tình cảm mà chưa quen sống theo pháp luật, người thực thi pháp luật thì quen ứng xử linh

hoạt nên thực thi pháp luật thiếu nghiêm khắc và thiếu công bằng. Điều này hoàn toàn không thể để kéo dài nếu ta muốn đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Khó khăn thứ ba là bệnh "tham bát bỏ mâm", ích kỷ trong kinh doanh, mặt trái của tính cộng đồng và tính tự trị. Nạn hàng giả, hàng rơm triền miên làm khách hàng trong nước không yên tâm, mất uy tín với bạn hàng quốc tế, trở thành gánh nặng cho bộ máy quản lý thị trường. Tệ nói thách, nâng giá một cách tùy tiện. Hiện nhiên, đã kinh doanh thì phải tìm cách thu lợi, nhưng trong khi ở phương Tây, thương nhân kiểm soát bằng cách cố gắng chiếm lòng tin của khách hàng đồng thời tính toán để móc túi nhau (quy luật cạnh tranh, cá lớn nuốt cá bé - sản phẩm của việc coi trọng vai trò cá nhân) thì truyền thống thương nghiệp Việt nam là thương nhân liên kết với nhau (tính cộng đồng) để móc túi khách hàng.

Do truyền thống đó và còn do cơ chế bao cấp gần đây mà giá cả hàng hóa ở Việt nam nhiều khi không được xác định theo giá trị của vật phẩm, không theo quy luật cung - cầu. Nhiều loại dịch vụ tùy tiện tăng giá liên tục, nhỏ thì như việc giữ xe đạp (giá thu thực tế thường vượt xa giá biểu quy định), mà lớn thì như việc Cục hàng không dân dụng Việt nam tự tiện tăng giá vé máy bay liên tục trong hai năm 1994-1995

(tổng cộng cả hai lần tăng gần 50%) khiến cho dư luận xôn xao và chính phủ phải có lệnh đình chỉ.

Trên đây là ba khó khăn chủ yếu. Ngoài ra còn những khó khăn nhỏ khác như bệnh "*phép vua thua lệ làng*" (sản phẩm của truyền thống làng xã tự trị) dẫn đến tình trạng thiếu thông suốt từ trên xuống dưới (từ trung ương xuống địa phương, từ thủ trưởng xuống nhân viên) và thiếu đồng bộ giữa các bộ phận trên dưới (các địa phương, các ngành, các nhân viên) với nhau. Bệnh *của quyền*, tàn dư của cơ chế quan liêu bao cấp và sản phẩm của lối quản lý "nhẹ lương nặng bổng" truyền thống, dẫn đến hậu quả là ở những loại dịch vụ mà nhà nước độc quyền cho đến nay vẫn được thực hiện với một thái độ ban ơn, do vậy rất khó thu được cảm tình của người sử dụng.

Tất cả những điều vừa phân tích cho thấy rằng chúng ta đang vấp phải không ít khó khăn, nhưng *thuận lợi vẫn là cơ bản*. Một khi đã hội đủ những điều kiện cần thiết (thiên thời, địa lợi, nhân hòa), một nền văn hóa có thể tự điều chỉnh để vươn lên, khắc phục dần những khó khăn và thích ứng với tình hình mới. Việt nam có thể tự điều chỉnh để phát triển trong *tích hợp* và *dùng hợp* văn hóa phương Đông với phương Tây, văn hóa dân tộc với văn minh thế giới.

Suy nghĩ...

(Tiếp theo trang 37)

phổ thông... về nông thôn là vấn đề cấp bách. Cần thấy rằng hiện nay ở phần lớn các vùng nông thôn nước ta đang "đói" các loại thông tin về kỹ thuật, công nghệ, thị trường, về hoạt động và tổ chức các loại hình doanh nghiệp. Chúng ta hiện có rất nhiều báo chí, nhưng phần lớn tập trung ở các thành phố, đô thị. Số lọt về nông thôn đều kỳ còn rất ít và nội dung chưa đáp ứng được nhiều cho việc phát triển doanh nghiệp ở nông thôn. Vấn đề then chốt để phát triển nhiều doanh nghiệp là phải tạo ra được nhiều chủ doanh nghiệp giỏi. Nếu họ chỉ năng động, tháo vát và hăng hái thôi thì không đủ. Làm kinh tế ở nông thôn mà "đói" thông tin, "đói" kiến thức khoa học, nhiều khi còn tai hại hơn "đói vốn".

Bốn là, khẩn trương tăng cường một bước năng lực chỉ đạo, quản lý và điều hành kinh

tế nông thôn cho cấp huyện. Trừ các huyện ở ven đô, ven thị, còn các huyện khác, có thể nói, phần lớn chỉ quen và có kinh nghiệm về quản lý và chỉ đạo điều hành sản xuất nông nghiệp. Còn về tổ chức chỉ đạo, điều hành cả một mạng lưới doanh nghiệp lớn, nhỏ với nhiều ngành, nghề, họ chưa quen. Để các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể ra đời, tồn tại và phát triển được ở các xã, huyện không những phải có sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, mà còn phải có sự giúp đỡ về nhiều mặt khác như về phương hướng liên doanh liên kết, về tạo thị trường, mặt hàng, về đầu vào, đầu ra v.v.. Kinh nghiệm Trung quốc cho hay, nếu huyện không có được những khả năng như trên, để các loại hình doanh nghiệp bung ra một cách tự phát, thì rất khó hy vọng đạt kết quả tốt.

Chuẩn bị cho kinh tế nông thôn đến năm 2000 như thế nào, thực tế các địa phương không phải không gặp nhiều lúng túng. Tham khảo kinh nghiệm nước ngoài để suy nghĩ, tìm tòi lúc này là điều cần thiết. ▮

HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG VIỆT NAM ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP VỚI THẾ GIỚI

ĐÀO MẠNH NHƯNG *

HÀNG không dân dụng (HKDD) là một ngành kinh tế kỹ thuật mũi nhọn của đất nước, là chiếc cầu nối quốc gia với thế giới bên ngoài, tạo ra sự giao lưu kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, chuyển giao công nghệ... Những năm qua, cùng với sự phát triển của nền kinh tế Việt nam, ngành HKDD đã có những bước chuyển hết sức căn bản. Cho tới đầu những năm 90, HKDD vẫn là ngành kinh tế hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung và bao cấp, số máy bay đã ít lại cũ (chủ yếu do Liên xô chế tạo), sân bay thì hầu hết được xây dựng từ thời Pháp (ở miền Bắc) và trước năm 1975 (ở miền Nam), các trang, thiết bị quản lý bay thì nghèo nàn, chắp vá. Năm 1992 ngành sắp xếp lại tổ chức, xây dựng theo mô hình mới, phù hợp với cơ chế của nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước... Đến nay, ngành đã thực sự tham gia thị trường HKDD thế giới, quan hệ quốc tế của ngành không ngừng mở rộng với đội máy bay ngày càng nhiều và hiện đại, với cơ sở hạ tầng sân bay và quản lý bay không ngừng được nâng cấp và hiện đại hóa. Cũng nhờ vậy, hiệu quả sản xuất của ngành không ngừng được nâng cao, mức đóng góp cho ngân sách nhà nước ngày càng nhiều, mức tăng trưởng mấy năm qua đạt từ 20 đến 30%. Năm 1994, tổng thu toàn ngành đạt trên 3 300 tỉ đồng, nộp ngân sách gần 650 tỉ đồng. Cơ chế quản lý nhà nước về HKDD không ngừng được hoàn thiện. Các doanh nghiệp hàng không dần dần thích nghi với cơ chế thị trường và sản xuất kinh doanh có lãi. Cơ sở hạ tầng sân bay và quản lý bay được nhà nước tập trung đầu tư nâng cấp và phát triển.

Tuy nhiên, những kết quả đó mới chỉ là bước đầu. Vấn đề đặt ra là phải tận dụng những cơ hội mới để hiện đại hóa ngành, tạo bước phát triển nhảy vọt, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời, rút ngắn khoảng cách so với các nước để có thể hội nhập với hàng không khu vực và thế giới.

Để làm được điều đó, theo tôi, cần giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây :

1. *Nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước đối với ngành HKDD.*

Nội dung quản lý nhà nước đối với ngành HKDD đã được quy định trong luật HKDD Việt nam, được Quốc hội thông qua tháng 12-1991 và trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều luật HKDD Việt nam được Quốc hội thông qua tháng 4-1993. Để nâng cao hiệu lực của công tác quản lý nhà nước đối với ngành HKDD, cần sớm hoàn thiện và bổ sung hệ thống văn bản dưới luật để cụ thể hóa nội dung Luật HKDD, tạo cơ sở pháp lý để điều chỉnh hoạt động HKDD trên tất cả các lĩnh vực : vận tải hàng không, an toàn và an ninh hàng không, hoạt động tại các cảng hàng không, sân bay, hoạt động chỉ huy và điều hành bay. Đó là các văn bản pháp quy do Chính phủ ban hành (nghị định) và các văn bản do các cơ quan nhà nước ban hành (*thông tư, thông tư liên bộ...*). Hiện nay ta mới có 2 nghị định của Chính phủ và một số quy định tạm thời của Cục HKDD (trước là Tổng cục HKDD). Nhà nước cần nghiên cứu để nước ta tham gia một số công ước quốc tế về HKDD, tích cực tham gia hoạt động của *Tổ chức HKDD*

* Cục hàng không dân dụng Việt nam

quốc tế (International Civil Aviation Organization - ICAO) và lấy các tiêu chuẩn của ICAO làm cơ sở ban hành các tiêu chuẩn áp dụng phù hợp với điều kiện Việt nam. Thực tế cho thấy, ngày càng có nhiều chuyến bay nước ngoài bay đi và đến Việt nam trên vùng thông báo bay (Flight Information Region - FIR). Trên lãnh thổ Việt nam, bên cạnh các pháp nhân Việt nam còn có các tổ chức và pháp nhân nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực HKDD dưới các hình thức : đại diện của các hãng hàng không nước ngoài, tham gia liên doanh, làm việc theo hợp đồng kinh tế... Do đó, Cục HKDD cần thường xuyên cùng các cơ quan chức năng khác kiểm tra, giám sát các hoạt động về HKDD để hướng các hoạt động này theo quy định của pháp luật Việt nam và phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý ngành HKDD.

Ngành HKDD đã trải qua nhiều lần thay đổi mô hình tổ chức quản lý, để phù hợp với cơ chế quản lý chung của đất nước và đáp ứng đòi hỏi của ngành. Mỗi lần thay đổi đều có sự xáo trộn, từ chức năng nhiệm vụ đến bộ máy quản lý điều hành, nhân sự và phân bổ tài sản cũng như mối quan hệ giữa các đơn vị. Để bảo đảm môi trường ổn định cho hoạt động của ngành HKDD, vấn đề đặt ra là phải thiết kế được mô hình tốt, có khả năng phù hợp lâu dài. Muốn vậy, cần xem xét thận trọng, nghiên cứu một cách khoa học, khách quan, đề ra các bước triển khai thực hiện một cách hợp lý, tránh gây xáo trộn lớn, ảnh hưởng đến hoạt động của các đơn vị, nhất là sự an toàn hàng không, và làm thất thoát vốn nhà nước. Quy trình thiết kế một mô hình, tổ chức quản lý nhà nước và HKDD tôi thấy nên như sau :

Trước hết, cần xuất phát từ các mục tiêu của ngành HKDD nói chung, có tính đến mục tiêu của các đơn vị để từ đó xây dựng cơ cấu tổ chức. Cơ cấu tổ chức phải đảm bảo được mối quan hệ hợp lý giữa các cấp quản lý và các đơn vị chức năng, có như vậy mục tiêu chung của ngành mới đạt được hiệu quả cao nhất. Khi thiết kế cơ cấu tổ

chức, cần lưu ý đến hai khía cạnh quan trọng : *phân công lao động chuyên môn* (cả theo trục tuyến và hoành tuyến) và *phạm vi kiểm soát* (số lượng các đơn vị trực thuộc vào một đầu mối quản lý). Trên cơ sở cơ cấu tổ chức, sẽ xác định *chức năng* và *nhiệm vụ* của các đơn vị và gắn với nó, là xác định *quy trình công nghệ* thích hợp. Khâu then chốt tiếp theo của quy trình thiết kế mô hình tổ chức là *nhân sự*. Ở khâu này cần chú ý ba khía cạnh cơ bản : hành vi của từng con người riêng rẽ ; hành vi của một con người trong một đơn vị, hành vi của người lãnh đạo và ảnh hưởng của nó đến mọi người và toàn đơn vị. Thực tế cho thấy, hiểu rõ và quản lý tốt yếu tố nhân lực là điều kiện quan trọng bảo đảm thành công của một mô hình quản lý. Cuối cùng, khi thiết kế mô hình tổ chức quản lý ngành HKDD cần xét đến một nội dung cũng rất quan trọng là *môi trường bên ngoài*. Đó là những yếu tố như hệ thống luật pháp, các cơ quan quản lý nhà nước, các thể chế tài chính, thị trường hành khách và hàng hóa, các loại hình vận tải khác, các hãng hàng không nước ngoài, các nguồn cung ứng nhân lực...

Do đó, trong quá trình hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý ngành HKDD, cần làm tốt các công việc sau :

- Tổ chức lại các doanh nghiệp hàng không, trong đó có các doanh nghiệp vận tải hàng không, theo hướng xây dựng tập đoàn hàng không (*tổng công ty*) mạnh ;
- Sắp xếp và tổ chức lại các cảng hàng không (sân bay) theo hướng xây dựng cảng vụ hàng không ;
- Kiện toàn các đơn vị cung ứng dịch vụ không lưu và các dịch vụ quản lý bay đồng bộ ;
- Hoàn thiện mối quan hệ giữa các đơn vị trên với nhau và với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành HKDD và các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác.

3. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát và điều tiết ngành HKDD.

Mục tiêu quan trọng của quản lý nhà nước về HKDD là tạo môi trường thuận lợi

cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung ứng các dịch vụ đồng bộ trong ngành HKDD, lấy lĩnh vực vận tải hàng không làm trọng tâm. Trong điều kiện cạnh tranh quốc tế gay gắt như hiện nay, cần có chính sách bảo hộ các doanh nghiệp vận tải hàng không trong nước có đủ khả năng khai thác bình đẳng và cùng có lợi với các hãng hàng không nước ngoài. Đó là chính sách kiểm soát quyền khai thác về tần suất bay và số lượng ghế cung ứng, kiểm soát giá cước vận chuyển và kiểm soát các hoạt động bán vé trên lãnh thổ Việt nam, dựa trên cơ sở bình đẳng về cơ hội khai thác. Kinh nghiệm thành công của một số nước trong khu vực như Thái lan, Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a... cho thấy nhà nước phải kiểm soát và điều tiết tốt thị trường vận chuyển hàng không, thông qua điều tiết cung và cầu, giá cước và khối lượng vận chuyển, để *một mặt* bảo đảm lợi ích của khách hàng và *mặt khác*, đẩy mạnh sự phát triển của các doanh nghiệp vận tải hàng không trong điều kiện cạnh tranh lành mạnh về chất lượng và tiếp thị ; hạn chế sự cạnh tranh về giá cước vận chuyển.

Đối với thị trường năng động như thị trường vận tải hàng không hiện nay, cần có cơ chế kiểm soát giá hợp lý nhằm giải quyết tốt mâu thuẫn giữa sự thay đổi linh hoạt về mặt bằng giá cước theo sự thay đổi của thị trường với sự kiểm soát của nhà nước đối với giá cước, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các doanh nghiệp vận tải hàng không. Nhà nước kiểm soát giá cước nên căn cứ vào quan hệ cung cầu trên thị trường vận tải hàng không và xem xét đến các yếu tố khác có liên quan như : chi phí sản xuất, giá cước các loại hình vận tải khác... Vì giá cước là công cụ điều tiết cung cầu trên thị trường vận tải hàng không trong nước, nên cần có mức giá cước phù hợp với từng đường bay và khu vực. Mặt khác, để tăng tính chủ động và nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành vận tải hàng không, nên có cơ chế cho phép hãng hàng không tự điều chỉnh giá cước trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Các cơ quan nhà nước chỉ nên kiểm tra, thanh tra và xử lý các trường hợp tăng giá

vé trái với pháp luật. Trên các tuyến đường bay có hai hãng hàng không trở lên cùng khai thác, cần hạn chế cạnh tranh về giá, nhưng khuyến khích các biện pháp cạnh tranh khác, như nâng cao chất lượng phục vụ, mở thêm các dịch vụ mặt đất.

4. *Cần có chiến lược, kế hoạch tạo vốn và nguồn nhân lực để đổi mới công nghệ, thu hút vốn đầu tư, thực hiện hiện đại hóa ngành HKDD.*

Để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển ngành HKDD, trong những năm tới cần một khối lượng vốn rất lớn, ước tính khoảng 2,5 tỉ USD cho giai đoạn 1996 - 2000 và 3,5 tỉ USD cho giai đoạn 2001 - 2005. Mặc dù nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp (chủ yếu cho các công trình hạ tầng cơ sở hàng không) sẽ tiếp tục tăng về trị số tuyệt đối, nhưng tỷ trọng trong tổng số vốn đầu tư sẽ ngày càng giảm. Trong khi đó, vốn tự bổ sung của các doanh nghiệp hàng không từ quỹ phát triển sản xuất sẽ tăng không đáng kể, và nhịp độ tăng trưởng sẽ giảm dần trong những năm trước mắt khi bắt đầu áp dụng công nghệ mới. Theo dự tính, các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chỉ có khả năng đáp ứng không quá 50% tổng số vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng sân bay và quản lý bay. Vốn tự bổ sung của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vận tải hàng không, chỉ đáp ứng khoảng 15% nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp này. Số còn lại sẽ phải sử dụng đến các biện pháp như : vay vốn của nước ngoài (qua các tổ chức tín dụng xuất khẩu ; qua viện trợ ODA, qua các khoản cho vay với lãi suất ưu đãi của các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các ngân hàng...), huy động các nguồn vốn trong nước (phát hành trái phiếu công ty...), liên doanh với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Đổi mới công nghệ là nội dung quan trọng của công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế. Đối với ngành HKDD, đổi mới công nghệ hàng không là yêu cầu cấp bách, trọng tâm hiện nay của ngành. Chỉ có đổi mới công nghệ hàng không mới đáp ứng đòi hỏi ngày càng tăng của nền kinh tế quốc

dân đối với ngành HKDD, mới rút ngắn được khoảng cách của nước ta so với các nước trong khu vực và trên thế giới, bảo đảm cho nước ta nhanh chóng trở thành nơi trung chuyển hàng không trong khu vực, các doanh nghiệp vận tải hàng không Việt nam có thể nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường hàng không quốc tế và trong nước. Trong điều kiện hiện nay, khi cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển rất nhanh và được ứng dụng rộng rãi trong ngành HKDD, thì việc đổi mới công nghệ hàng không càng có ý nghĩa cấp bách. HKDD là một ngành bao gồm nhiều nội dung hoạt động khác nhau, tập trung vào ba lĩnh vực chính là : *sân bay, quản lý, điều hành bay* và *vận tải hàng không*. Một trong những nét đặc thù của ngành HKDD là đòi hỏi một sự phối hợp chặt chẽ và chính xác các loại hình hoạt động khác nhau để bảo đảm an toàn cho các chuyến bay. Mặt khác, cùng với độ dài của các chuyến bay không ngừng tăng là yêu cầu giảm bớt thời gian bay, điều đó đòi hỏi phải thay đổi các máy bay để có thể bay xa hơn, nhanh hơn, và có hiệu quả kinh tế cao hơn. Cũng vì vậy, việc đổi mới công nghệ hàng không phải được tiến hành đồng bộ giữa các lĩnh vực và các loại hình hoạt động. Trước mắt, cần tập trung vào các lĩnh vực : phát triển các đội máy bay ; sửa chữa, bảo dưỡng máy bay ; đổi mới hệ thống kỹ thuật quản lý bay ; tin học hóa hoạt động của ngành HKDD.

Một trong những phương hướng cơ bản để đổi mới công nghệ hàng không trong vài thập kỷ tới là *tiếp thu công nghệ tiên tiến của thế giới* thông qua đầu tư của nước ngoài. Ở một số lĩnh vực cần được ưu tiên, mục tiêu liên doanh của ta với nước ngoài là nhằm *tiếp nhận công nghệ mới*, chứ không phải là thu hút vốn. Cần đặc biệt lưu ý đặc thù của ngành khi thu hút đầu tư của nước ngoài. HKDD là ngành liên quan chặt chẽ đến an ninh quốc phòng, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đối với quốc phòng, nó đóng vai trò dự bị chiến lược quan trọng. Nó tham gia công tác tìm kiếm và cứu nạn trên lãnh thổ Việt nam và vùng thông báo bay (FIR) do Việt nam quản lý, điều hành. Do đó, khi

xem xét các dự án đầu tư nước ngoài vào ngành HKDD, cùng với các mục tiêu thu hút vốn và tiếp nhận công nghệ, cần phải bảo đảm *quyền kiểm soát là thuộc nước ta*. Điều này cũng phù hợp với thông lệ quốc tế : chỉ những hãng hàng không mà các pháp nhân trong nước chiếm đa số vốn, mới có quyền đại diện cho nước đó trong bay quốc tế theo hiệp định chính phủ về trao đổi quyền khai thác vận chuyển hàng không.

Một trong những mục tiêu trọng tâm của ngành HKDD nước ta trong thời gian *trước mắt và lâu dài* là đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, người lái máy bay và đội ngũ nhân viên kỹ thuật nhằm đáp ứng đòi hỏi của tiến bộ khoa học và công nghệ, tin học và khoa học quản lý. Kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ của ngành cần được triển khai cụ thể cho từng loại đối tượng : cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, người lái máy bay, tiếp viên hàng không và nhân viên kỹ thuật - nghiệp vụ. Kết hợp giữa đào tạo ở nước ngoài với đào tạo ở trong nước theo hướng chuyển dần sang đào tạo ở trong nước, trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo. Phần đầu để đạt được mục tiêu : mỗi cán bộ, mỗi nhân viên ngành HKDD đều sử dụng thành thạo *ít nhất* một ngoại ngữ (chủ yếu là tiếng Anh). Bên cạnh đó là cải tiến, nâng cao chất lượng công tác phục vụ, tiếp thị, dịch vụ nhà ga, sân bay..., bảo đảm lễ lối kinh doanh, phục vụ văn minh, lịch sự, có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và đất nước ngày càng mở rộng cửa với các nước trên thế giới, HKDD Việt nam đứng trước những thách thức cùng những vận hội và triển vọng to lớn. Để ngành nhanh chóng đổi mới và hội nhập với thế giới, cùng với sự nỗ lực vươn lên của bản thân ngành theo hướng hiện đại hóa, nhà nước cần có chính sách ưu tiên trong việc phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật hiện đại, còn non trẻ, nhưng đầy tiềm năng này □

TỪ tháng 6-1991, sau khi có Chỉ thị 202/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) hệ thống Ngân hàng nông nghiệp Việt nam đã chính thức chuyển hướng mạnh mẽ sang cho vay vốn trực tiếp tới hộ sản xuất ở nông thôn. Cùng với xu hướng chung của sự gia tăng số hộ sản xuất ở nông thôn, số vốn ngân hàng đã cho vay

Một là, về thực hiện chính sách lãi suất ưu đãi. Các quyết định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về chỉ đạo lãi suất tín dụng trong từng thời kỳ đều quy định, lãi suất cho vay đối với vùng núi cao và hải đảo được giảm 15% so với lãi suất bình thường. Thực hiện chủ trương đó, Ngân hàng nông nghiệp Việt nam có tiến hành giảm lãi suất

Chính sách tín dụng đối với hộ nông dân ở miền núi

NGUYỄN ĐẮC HUNG *

ở vùng miền núi cũng không ngừng tăng lên. Đối với các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc, nếu như dư nợ vốn cho nông dân vay của Ngân hàng nông nghiệp thời điểm 31-12-1990 là 19,7 tỉ đồng, thì đến 31-12-1991 tăng lên 45,7 tỉ đồng, 31-12-1992 là 241,2 tỉ đồng, 30-6-1993 là 428,3 tỉ đồng và 30-6-1994 là hơn 600 tỉ đồng. Đối với vùng Tây nguyên, dư nợ ở các thời điểm tương tự cũng lần lượt là 1,6 tỉ đồng, 6,2 tỉ đồng, 53 tỉ đồng, 112,6 tỉ đồng và gần 200 tỉ đồng. Về hiệu quả vốn cho vay tới hộ sản xuất đã tạo việc làm thu hút hàng triệu nông dân phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập cho nông dân và góp phần đẩy lùi tệ nạn cho vay nặng lãi ở miền núi. Mặc dù điều kiện sản xuất còn khó khăn, nhưng đã có nhiều hộ gia đình vay hàng chục triệu đồng, thậm chí có hộ vay hàng trăm triệu đồng, chăn nuôi hàng trăm con dê, hàng chục con trâu, bò; mở rộng diện tích cam, chè, cà phê và các loại cây ăn quả khác... tạo nên sự chuyển biến rõ rệt của kinh tế miền núi. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách tín dụng đối với khu vực miền núi hơn ba năm qua có một số vấn đề mới nảy sinh như sau :

cho người vay ở vùng núi cao và hải đảo. Nhưng trong thực tế, rất khó xác định phạm vi nào là thuộc vùng núi cao, đối tượng hộ nào cần được giảm lãi suất. Vì vậy, số hộ được hưởng chính sách đó rất thấp. Chẳng hạn như ở tỉnh miền núi Tuyên quang, tỷ lệ số hộ nông dân vay vốn được giảm 15% lãi suất trong tổng số hộ được vay vốn như sau: Năm

1991 : 28%, 1992 : 31%, 1993 : 29% và năm 1994 : 27% (các số liệu điều tra ở một số huyện biên giới thuộc các tỉnh Lạng sơn, Cao bằng... cũng phản ánh tương tự như vậy). Hơn thế nữa, việc giảm lãi suất lại không được thực hiện ngay khi làm khế ước giữa ngân hàng (người cho vay) với người vay vốn, mà các ngân hàng nông nghiệp cơ sở chỉ thực hiện trừ lùi 15% lãi suất khi người vay trả nợ xong trong lần cuối cùng. Do đó, trên thực tế người vay có được giảm lãi suất hay không rất khó xác định. Nhất là đối với đồng bào miền núi cao, trình độ dân trí và việc nắm bắt các chính sách của Nhà nước có nhiều hạn chế. Đây là kẽ hở có thể gây ra những tiêu cực trong việc thực hiện chính sách ở từng cơ sở, từng địa phương.

Cũng trong việc thực hiện chính sách lãi suất, người nông dân miền núi phải vay vốn với lãi suất khá cao, gần như tương đương với đối tượng kinh doanh ở đô thị. Ví dụ : Theo quyết định 184/QĐ-NH1 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, từ 1-10-1993 đến nay, lãi suất cho vay ngắn hạn không quá 2,1%/tháng. Nhưng trong

* PTS kinh tế, Ngân hàng nhà nước trung ương

thực tế, người nông dân miền núi hầu như không được vay theo lãi suất đó, mà phải vay với lãi suất từ 2,3 - 2,7% ; cá biệt có nơi phải vay tới 2,8 - 3%. Tìm hiểu nguyên nhân của tình hình, chúng tôi được biết, do khó khăn về nguồn vốn và để cạnh tranh với lãi suất tín phiếu Kho bạc nhà nước, các ngân hàng nông nghiệp cơ sở phải huy động vốn bằng kỳ phiếu với lãi suất cao, do đó phải cho vay với lãi suất thỏa thuận (như đã nói ở trên). Thậm chí, ở nhiều tỉnh miền núi, mặc dù phải nâng lãi suất lên tương đương với lãi suất tín phiếu Kho bạc nhà nước, nhưng vẫn thiếu vốn, nên phải xin vốn điều hòa của Ngân hàng nông nghiệp trung ương với lãi suất 2%/tháng, và buộc họ phải cho vay với lãi suất 2,6%/tháng.

Hai là, cơ chế khoán tài chính đã làm hạn chế việc mở rộng cho vay của Ngân hàng nông nghiệp ở vùng miền núi. Hiện nay, hệ thống Ngân hàng nông nghiệp hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, phải bảo toàn được vốn và kinh doanh có lãi. Hoạt động của Ngân hàng nông nghiệp ở vùng miền núi cũng thực hiện hạch toán kinh doanh để bảo toàn vốn. Cho nên việc trả lương cho cán bộ ngân hàng được thực hiện theo cơ chế khoán tài chính là lấy tổng thu nhập, trừ đi tổng chi (không kể lương) nhân với hệ số 0,8 bằng tổng quỹ lương hằng tháng. Cơ chế khoán tài chính như vậy được thực hiện "cào bằng" trong toàn hệ thống Ngân hàng nông nghiệp Việt nam. Ở thành phố, thị xã, các tỉnh đồng bằng có số dư nợ cao, điều kiện thuận lợi cũng như ở các tỉnh miền núi có số dư nợ thấp, hoạt động trong điều kiện hết sức khó khăn đều áp dụng cách trả lương như nhau, khiến cho cán bộ, nhân viên ngân hàng ở các tỉnh miền núi vốn đã khó khăn, lại khó khăn hơn vì mức thu nhập thấp. Mặc dù vậy, cho đến nay Ngân hàng nông nghiệp Việt nam vẫn chưa có chính sách riêng gì để điều tiết lại thu nhập giữa các đơn vị trong toàn hệ thống.

Ba là, về chính sách thuế kinh doanh ngân hàng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế doanh thu đã căn cứ vào điều kiện kinh doanh của từng Ngân hàng

thương mại. Cụ thể là đối với Ngân hàng ngoại thương, mức thuế suất là 30% ; tín dụng Ngân hàng công thương, công ty tài chính và các hoạt động tín dụng khác là 15% ; tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng nông nghiệp là 2%.

Trong hệ thống Ngân hàng nông nghiệp Việt nam, đối với thuế doanh thu thì các chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp tỉnh, thành phố trực tiếp nộp tại địa phương, với mức thuế suất như nhau. Còn thuế lợi tức thì tập trung vào một đầu mối là Ngân hàng nông nghiệp trung ương để nộp cho Tổng cục thuế. Trong vấn đề này, lại có sự "cào bằng" trong việc thực hiện chính sách thuế doanh thu giữa các chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp có điều kiện kinh doanh khác nhau. Theo thông tư số 20/TC-CTT, ngày 12-3-1994 của Bộ tài chính hướng dẫn việc thực hiện chính sách thuế doanh thu là giảm từ 25 - 50% mức thuế doanh thu đối với các doanh nghiệp kinh doanh trên địa bàn miền núi. Nhưng trong thực tế, quy định này chưa được thực hiện đối với các chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp. Chính vì vậy mà nhiều chi nhánh ngân hàng nông nghiệp ở miền núi hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

Để tạo điều kiện hỗ trợ vốn cho nông dân miền núi tự chủ vươn lên phát triển kinh tế, Ngân hàng nhà nước trung ương không chỉ quy định giảm 15% mức lãi suất cho vùng núi cao và hải đảo, mà giảm lãi suất tái cấp vốn đối với Ngân hàng nông nghiệp ở mức thấp hơn so với các ngân hàng thương mại khác. Việc thực hiện một số chính sách ưu đãi của Ngân hàng nhà nước trung ương đối với Ngân hàng nông nghiệp Việt nam là xuất phát từ những khó khăn nội tại, đặc thù của Ngân hàng nông nghiệp Việt nam, nhằm tạo điều kiện cho Ngân hàng nông nghiệp Việt nam mở rộng tín dụng đối với vùng miền núi.

Trong thời gian tới, hoạt động tín dụng ở miền núi chắc chắn vẫn chỉ có Ngân hàng nông nghiệp. Bởi vì, số lượng Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn và Quỹ tín

(Xem tiếp trang 57)

Kết quả và kinh nghiệm đổi mới, chỉnh đốn đảng ở Yên Bái

NGUYỄN ĐỨC HÀ

YÊN Bái là một tỉnh miền núi có gần 70 vạn dân, gồm 30 dân tộc anh em, trong đó gần 50% là đồng bào các dân tộc thiểu số. Tỉnh có 7 huyện, 2 thị xã với 179 xã, phường và thị trấn. 70 xã trong tỉnh nằm ở vùng cao, trải rộng trên 7 huyện chiếm 67,4% diện tích của tỉnh. Toàn tỉnh có 21538 đảng viên, trong đó 30,1% là các dân tộc thiểu số. Trình độ dân trí giữa các vùng không đồng đều, và nói chung còn thấp, còn nhiều tập tục cũ lạc hậu. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân còn không ít khó khăn v.v..

Khi thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Yên Bái mới được tách ra từ tỉnh Hoàng liên sơn, có nhiều vấn đề về tổ chức, cán bộ phải giải quyết.

Từ những đặc điểm trên, Tỉnh ủy Yên Bái đặc biệt coi trọng việc tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Trung ương cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch với những nội dung và bước đi cụ thể, thích hợp; bảo đảm vừa khẩn trương, vừa thận trọng; tăng cường sự chỉ đạo, kiểm tra của cấp trên đi đôi với phát huy tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức cơ sở đảng.

Trên cơ sở quán triệt yêu cầu, nội dung nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy đã xác định nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế là trung tâm, công tác xây dựng đảng là then

chốt, đồng thời kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng đảng với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương v.v.. Do đó đã làm cho Nghị quyết 3 thực sự đi vào cuộc sống, tạo được sự chuyển biến tích cực ở địa phương. Tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương ở tỉnh Yên Bái có thể nêu lên một số kết quả và kinh nghiệm cụ thể sau đây:

1- *Nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở đảng:*

Việc xây dựng, củng cố để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được *Tỉnh ủy Yên Bái xác định là khâu đột phá để tiến hành đổi mới và chỉnh đốn đảng*. Lấy đổi mới là chính, đồng thời chú trọng củng cố, chỉnh đốn những đơn vị yếu kém và đẩy mạnh phong trào xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Từ định hướng đó, các cấp ủy đảng đã tiến hành sắp xếp lại các tổ chức cơ sở đảng theo địa bàn dân cư, lập các chi bộ theo thôn, bản (ở xã) và tổ dân phố (ở phường, thị trấn), đồng thời bố trí bí thư chi bộ làm trưởng thôn. Sắp xếp lại các tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp nhà nước, giải thể và sáp nhập 73 cơ sở, lập mới 38 cơ sở. Chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng quy chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Ban bí thư v.v.. Việc tổ chức chi bộ theo thôn, bản và bố trí bí thư làm trưởng thôn vừa phù hợp với trình độ, năng lực, tâm lý của cán bộ cơ sở, vừa bảo đảm các thôn bản đều có đảng viên và tổ chức đảng lãnh đạo.

Đến nay, 96,8% số thôn, bản đã có chi bộ đảng, hoặc đảng viên (còn 39 thôn chưa có đảng viên); 74,8% số bí thư chi bộ làm trưởng thôn, bản (những bản chưa đủ đảng viên để thành lập chi bộ thì đảng viên làm trưởng bản); 90% số tổ chức cơ sở đảng đã xây dựng được quy chế hoạt động; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên một bước. Nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở từ yếu kém đã vươn lên khá và trong sạch, vững mạnh. Ví dụ như chi bộ xã Chế cu nha (huyện Mù Cang Chải) đã khắc phục được tình trạng mất đoàn kết nội bộ, lãnh đạo nhân dân phá bỏ cây thuốc

phiện, kết nạp thêm 6 đảng viên người dân tộc. Hoặc chỉ bộ xã Phình hồ (huyện Trầm châu) đã lãnh đạo nhân dân định canh, định cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phá bỏ cây thuốc phiện để trồng lúa, chè, cây ăn quả, thực hiện giao đất, giao rừng đạt kết quả tốt v.v..

Năm 1994, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh chiếm 58,8%, tăng 26,7 %, số cơ sở yếu kém còn 1,9%, giảm 11,3% so với trước khi thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương. Một số đảng bộ huyện như Trấn yên, Văn yên và đảng bộ quân sự tỉnh không còn tổ chức cơ sở đảng yếu kém.

2 - Nâng cao chất lượng đảng viên :

Các cấp ủy và tổ chức đảng vừa chú trọng bồi dưỡng, nâng cao năng lực, kiến thức cho đảng viên, vừa chỉnh đốn, sàng lọc và đẩy mạnh phát triển đảng viên mới. Ba năm thực hiện Nghị quyết 3 của Trung ương, toàn tỉnh đã đào tạo, bồi dưỡng trên 10 000 đảng viên về văn hóa, khoa học kỹ thuật và lý luận chính trị phổ thông ; kiểm tra 27 627 lượt đảng viên về chấp hành Điều lệ đảng và xử lý, kỷ luật 653 đảng viên có vi phạm. Tỉnh ủy đã cụ thể hóa nhiệm vụ đảng viên cho các loại hình cơ sở đảng : nông thôn, cơ quan, doanh nghiệp và lực lượng vũ trang v.v.. Toàn tỉnh phát triển được 1 935 đảng viên mới, xóa được 54 thôn, bản chưa có đảng viên và hạ tuổi bình quân của đảng viên trong toàn đảng bộ từ 49 tuổi (năm 1992) xuống 47,5 tuổi (1994). Điển hình là đảng bộ xã Tân nguyên (huyện Yên bình) ba năm đã phát triển được 38 đảng viên, phần lớn là người dân tộc thiểu số và gần 80% là đoàn viên thanh niên.

Trong quá trình tiến hành đổi mới và chỉnh đốn đảng, nhiều đảng viên đã cai nghiện thuốc phiện, gương mẫu phá bỏ cây thuốc phiện để trồng lúa, chè, ngô và cây ăn quả. Kết quả phân loại chất lượng đảng viên năm 1994, so với năm 1993 cho thấy: đảng viên loại 1 đạt 78,8% (tăng 10,3%) ; loại 2 có 19,69% (giảm 9%) ; loại 3 còn 1,46% (giảm 0,64%) và loại 4 chỉ chiếm 0,12% (giảm 0,68%).

3 - Tạo sự chuyển biến về công tác cán bộ :

Tỉnh ủy đã chỉ đạo chặt chẽ việc khảo sát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở để kiện toàn, bố trí, sắp xếp cho phù hợp. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy : Số cán bộ ổn định và phát triển ở cơ sở là 65% ; ở huyện, thị là 78% và ở cấp tỉnh là 64%. Số cán bộ phải thay thế ở cơ sở là 35% ; ở huyện thị là 22% và ở tỉnh là 36%. Qua đại hội đảng bộ, năm 1993 các cơ sở đã đổi mới 33% cấp ủy viên, thay đổi 23,6% bí thư và 24,7% chủ tịch xã ; hạ tuổi bình quân của cấp ủy cơ sở từ 47 xuống còn 45 tuổi. Qua bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1994, số mới tham gia ở tỉnh là 54,2%, ở huyện là 55% và ở xã là 45,4%. Trình độ văn hóa, lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đều tăng hơn so với khóa trước. Ba năm qua, Tỉnh ủy Yên Bái đã đề bạt 281 cán bộ thuộc diện tỉnh ủy quản lý, trong đó có 123 đồng chí ở cấp tỉnh và 158 ở cấp huyện. Đã đào tạo, bồi dưỡng cho 2 372 đồng chí về lý luận chính trị, 3 852 đồng chí về quản lý nhà nước và 2 985 đồng chí về chuyên môn nghiệp vụ. 147 bí thư chi bộ, đảng bộ và 163 chủ tịch ủy ban nhân dân xã đã được bồi dưỡng về lề lối làm việc và mối quan hệ công tác giữa đảng với chính quyền. Thực hiện chế độ phụ cấp cho bí thư kiêm trưởng thôn, bản 30 000 đồng/tháng hoặc 120 - 150 kg thóc/1 vụ đã góp phần động viên cán bộ yên tâm công tác.

4 - Từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy :

Tỉnh ủy chú trọng chỉ đạo các cấp ủy trong tỉnh xây dựng quy chế hoạt động, xác định rõ chức năng nhiệm vụ theo các quy định của Ban bí thư. Các cấp ủy đều xây dựng chương trình công tác hàng năm và thực hiện tốt chương trình đã đề ra. Trong chỉ đạo thực hiện đã xác định nhiệm vụ trọng tâm trong từng thời gian và phân công cấp ủy viên theo dõi, phụ trách từng mặt công tác ; chú trọng việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm v.v..

Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng duy trì tốt chế độ phản ánh, báo cáo của chính quyền và các đoàn thể nhân dân theo định kỳ, đồng

thời phát huy vai trò điều hành, quản lý của cơ quan nhà nước, sự phối hợp hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng. Do đó, mối quan hệ công tác giữa đảng với chính quyền ở các cấp được thực hiện có hiệu quả hơn.

5 - Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội:

Tỉnh ủy đặc biệt chú trọng lãnh đạo việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa ; đổi mới nội dung hoạt động của các hợp tác xã, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển ; tăng mạnh cây chè đặc sản và xây dựng thêm cơ sở chế biến chè xuất khẩu v.v.. Ba năm qua, năng suất lúa của tỉnh đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Năm 1994 đạt năng suất 72,9 tạ/ha, nâng tổng sản lượng lương thực đạt gần 17 vạn tấn. Diện tích trồng chè tăng từ 6750ha (1993) lên 6 820 ha (1994). Từ chỗ cả tỉnh trước đây mới có 3 nhà máy chè của trung ương, nay có tới 11 cơ sở chế biến chè. Diện tích trồng quế từ 2 100 ha năm 1992, đến năm 1994 đã tăng lên gần 10 000 ha. Tỉnh cũng đã giao đất, giao rừng cho 3 914 hộ, với diện tích 104 132 ha. Nhờ những chủ trương đúng đắn và việc làm cụ thể trên, nên tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 6,8%/năm ; đời sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được ổn định và cải thiện.

Sự nghiệp văn hóa, xã hội có chuyển biến mới : Tỉnh đã xây dựng được 9 trạm thu, phát sóng truyền hình phục vụ đồng bào. 73% số trẻ em trong độ tuổi đi học được đến lớp. Các trường nội trú trong tỉnh đã nuôi dạy 1 300 học sinh là con, em đồng bào dân tộc thiểu số ; 200 trạm y tế đã được nâng cấp và trang bị mới để phục vụ việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Các bệnh xã hội như : sốt rét giảm 20% ; bướu cổ giảm 6%, tỷ lệ tăng dân số giảm 0,05%/năm. Toàn tỉnh đã phá bỏ 1 500 ha cây thuốc phiện để chuyển sang trồng các loại cây khác ; tệ nạn nghiện hút đã giảm đi đáng kể v.v..

Từ những kết quả đạt được Tỉnh ủy Yên Bái đã rút ra một số kinh nghiệm trong tổ chức, chỉ đạo thực hiện như sau :

Một là : Để Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống và trở thành hiện thực phải tổ chức tốt việc học tập, nghiên cứu, quán triệt nghị quyết cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, tạo sự thống nhất về tư tưởng và hành động, nâng cao nhận thức cho đảng viên và quần chúng để mỗi người xác định rõ trách nhiệm của mình trong quá trình đổi mới, chỉnh đốn đảng.

Hai là : Trên cơ sở nội dung nghị quyết của trung ương, Tỉnh ủy và các cấp ủy đảng phải vận dụng và có biện pháp cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình, đặc điểm, điều kiện của địa phương ; phù hợp với tâm lý, trình độ của cán bộ, đảng viên ở cơ sở, nhất là đối với những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là : Trong chỉ đạo thực hiện phải thận trọng, có bước đi cụ thể, thích hợp; đồng thời biết chọn khâu đột phá để làm cơ sở cho việc thực hiện những nội dung tiếp theo. Thường xuyên sơ kết, rút kinh nghiệm để kịp thời khắc phục những sai sót và nhân rộng những mô hình tốt, những điển hình tiên tiến.

Bốn là : Từ Tỉnh ủy đến các cấp, các ngành phải hướng về cơ sở và tập trung giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở vươn lên. Chăm lo đến lợi ích vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và nhân dân ; đồng thời phát động được sức mạnh của quần chúng nhân dân tham gia xây dựng đảng.

Năm là : Phải chăm lo đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và đề cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, nhất là ban thường vụ và cán bộ chủ chốt ở các cấp. Việc bố trí, sắp xếp cán bộ chủ chốt ở cơ sở phải chú ý chọn những người thực sự có năng lực, được quần chúng tín nhiệm.

Sáu là : Để tiến hành đổi mới và chỉnh đốn đảng đạt kết quả cao phải kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng đảng với việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương ; chú trọng xây dựng tổ chức đảng, thường xuyên chăm lo xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh □

GIÁO VIÊN

một đại sự của ngành giáo dục

VÕ ĐĂNG THIÊN

CÁ trên lý luận và thực tiễn, giáo dục và đào tạo có vai trò quan trọng như thế nào đối với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì vấn đề giáo viên cũng có vai trò tương đương như vậy đối với sự phát triển của bản thân sự nghiệp giáo dục. Đảng ta nhìn nhận con người là nhân tố trung tâm, là mục tiêu và động lực phát triển xã hội, và vì vậy, cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo được coi là "quốc sách hàng đầu", là đối tượng cần được ưu tiên phát triển trước tiên. Nhưng để giáo dục và đào tạo phát triển, điều quan trọng là lực lượng giáo viên - nhân tố cốt lõi nhất phải được xếp đúng vào vị trí xứng đáng của nó.

Tục ngữ có câu : "Không thầy đố mày làm nên". "Để bảo đảm chất lượng của giáo dục và đào tạo, phải giải quyết tốt vấn đề *thầy giáo*, kế thừa và phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta". Lời nhắc nhở đó của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trong Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) cũng chính là sự khẳng định vai trò và vị trí quan trọng của người thầy giáo đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

1 - Thực trạng còn nhiều bất cập

Theo thống kê của Vụ giáo viên (Bộ giáo dục đào tạo), trong toàn ngành giáo dục đào tạo hiện có khoảng 607 nghìn giáo viên ở tất cả các cấp học (từ mầm non đến đại học). Trong đó, giáo viên mầm non là : 14 900 ; tiểu học : 265 370 ; trung học cơ sở (cấp 2) : 128 320 ; trung học phổ thông (cấp 3) : 34 300 ; trung học chuyên nghiệp 10 510 ; dạy nghề : 6 300 ; đại học và cao đẳng : 20300. Trong những năm qua, đây là lực lượng chủ

công thực hiện công cuộc cải cách và phát triển giáo dục đào tạo. Khắc phục rất nhiều khó khăn, trong đó có những khó khăn gay gắt về kinh tế và đời sống, đội ngũ giáo viên ở tất cả các ngành học đã có những đóng góp xứng đáng vào công cuộc : "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài". Đất nước đã có một đội ngũ lao động có học vấn, được đào tạo cơ bản, là vốn quý cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Không ít giáo viên có tâm huyết, yêu nghề, thể hiện tinh thần trách nhiệm rất cao trước sự nghiệp đào tạo thế hệ tương lai, xứng đáng với các danh hiệu "nhà giáo nhân dân", "nhà giáo ưu tú" mà Nhà nước và nhân dân phong tặng.

Tuy nhiên, trong thời điểm hiện nay và nhìn về tương lai, trước yêu cầu rất cao mà xã hội đặt ra thì đội ngũ giáo viên của ta, xét từ góc độ nào cũng còn những điều bất cập.

Trước hết, điều dễ thấy hiện nay là tình trạng *vừa thừa, vừa thiếu* giáo viên ở các bậc học, các môn học, các vùng lãnh thổ. Ở các bậc trung học phổ thông và trung học cơ sở, ở các đô thị và các vùng có đời sống kinh tế-xã hội phát triển ; ở các môn học cơ bản... thì thừa giáo viên. Nhưng ở bậc tiểu học, ở các vùng cao, vùng sâu, biên giới, hải đảo, ở các môn học mới phát triển như : ngoại ngữ, tin học, công nghệ... thì lại thiếu giáo viên nghiêm trọng. Năm học 1992-1993, cả nước thiếu 40 000 giáo viên. Sang năm học 1993-1994 con số này là 60 000, chủ yếu là giáo viên tiểu học. Có tỉnh thiếu đến 2 000 giáo viên.

Song điều đáng nói nhất là tình trạng chất lượng đội ngũ giáo viên so với chuẩn thang

cần đào tạo. Một con số thống kê có thể làm chúng ta sửng sốt : khoảng 60% giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn tối thiểu theo quy định (chuẩn tối thiểu của giáo viên mầm non, tiểu học là trung học sư phạm ; giáo viên trung học cơ sở (cấp 2) là cao đẳng sư phạm ; giáo viên trung học phổ thông (cấp 3) là đại học sư phạm ; giáo viên trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và cao đẳng là đại học ; còn giáo viên đại học là cao học, thạc sĩ). Càng xuống các bậc học dưới, tình trạng này càng nghiêm trọng. Cụ thể ở bậc mầm non có tới 92%, tiểu học 52% và dạy nghề là 67% giáo viên chưa đạt tiêu chuẩn trình độ. Bậc phổ thông trung học có 85% đạt tiêu chuẩn, nhưng ngay trong số này, tỷ lệ giáo viên đáp ứng được những yêu cầu của bậc trung học mới (trung học chuyên ban) chỉ là thiểu số.

Với một mặt bằng trình độ như vậy nên chất lượng chuyên môn của đội ngũ giáo viên còn thấp. Số giáo viên yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ còn nhiều. Tỷ lệ giáo viên giỏi quá ít ỏi (khoảng 5%).

Ở bậc đại học, xuất hiện nguy cơ hẫng hụt đội ngũ chuyên gia đầu ngành, giáo viên giỏi. Một số trường như Đại học quốc gia, Đại học bách khoa... có những khoa hàng chục năm không được bổ sung giáo viên trẻ và có trình độ. Trong lúc đó số giáo viên giỏi, các giáo sư, tiến sĩ, những chuyên gia đầu ngành phân đông đã xấp xỉ tuổi về hưu. Thống kê ở 36 trường đại học và cao đẳng thì 88% giáo sư, 63,76% phó giáo sư, 30,24% tiến sĩ, 35,6% phó tiến sĩ ở vào độ tuổi trên 50, trong đó có một số trường và một số ngành học có truyền thống trước đây nay đang có nguy cơ "tuyệt tự" đội ngũ chuyên gia đầu ngành vào đầu thế kỷ tới. Tình trạng này đặc biệt gay gắt ở các ngành khoa học cơ bản, khoa học xã hội - nhân văn. Đây là vấn đề đang có tác hại trực tiếp và nghiêm trọng đến chất lượng đào tạo sinh viên ở nước ta hiện nay cũng như sau này.

Đời sống của giáo viên, tựa như "món nợ muôn thuở", đến nay vẫn thực sự là vấn đề nóng bỏng, thời sự đối với ngành giáo dục. Làn sóng giáo viên bỏ nghề ồ ạt ở TP Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam trước đây nay có

tạm lắng xuống, nhưng chưa phải đã chấm dứt. Tình trạng *dạy thêm* tràn lan và mang tính cưỡng bức đối với học sinh đang làm giảm sút nghiêm trọng uy tín của người thầy và khoét sâu thêm sự phân cực, bất công ngay trong nội bộ ngành giáo dục.

Với chế độ lương mới, giáo viên "được" xếp lương hàng "ưu tiên" thứ 6, lại bị cắt những khoản ưu đãi được hưởng từ trước như phụ cấp thâm niên : 5-25%, phụ cấp giảng dạy 5-10%... Giáo viên dạy ở những vùng cao, vùng sâu chịu thiếu thốn trăm bề, nhưng khoản phụ cấp khó khăn cho họ không đáng là bao. Bởi vậy, tình trạng thiếu giáo viên ở vùng cao, vùng sâu, và hiện tượng "chảy chất xám" (những giáo viên giỏi bỏ sang các ngành khác có thu nhập cao hơn) vẫn đang là những thách thức nghiêm trọng.

Cùng với đà xuống cấp một cách đáng lo ngại về đạo đức và lối sống (nhất là trong giới trẻ) từ khi đất nước chuyển sang cơ chế thị trường, truyền thống "tôn sư trọng đạo" của dân tộc cũng đang bị xói mòn. Mỗi quan hệ thầy - trò cao đẹp và thiêng liêng xưa nay ông cha ta từng tôn trọng và giữ gìn đang có nguy cơ bị phai nhạt, thậm chí bị phá vỡ.

Hệ thống các trường sư phạm trong toàn quốc gồm : 9 trường đại học, 37 trường cao đẳng và 56 trường trung học nhìn chung là yếu kém. Cơ sở vật chất, trang thiết bị lạc hậu, đội ngũ cán bộ giảng dạy bất cập về nhiều mặt ; phương pháp và cơ cấu chương trình cứng nhắc, chưa theo kịp những đổi mới của ngành. "Những chiếc máy cái" này đáng lẽ phải được tập trung đầu tư trước tiên thì lại thường là những trường nghèo và thiếu thốn nhất trong hệ thống các trường chuyên nghiệp. Do diện tuyển sinh ở đầu vào hẹp, số thí sinh dự thi các trường sư phạm đã ít, số thí sinh giỏi lại càng ít hơn. Do đó, chất lượng đào tạo ở đây thường thấp, ít sinh viên giỏi. Công tác tuyển sinh, nhất là ở các trường trung học và cao đẳng sư phạm địa phương còn phát sinh nhiều tiêu cực, dẫn đến tình trạng số học sinh yếu kém lọt vào các trường sư phạm càng đông. Một người có trách nhiệm của ngành giáo dục đã phải thốt lên : "Hiện nay, bi kịch lớn nhất của giáo dục là người giỏi không chịu

làm thầy giáo", điều đó là có cơ sở thực tế đòi hỏi ngành giáo dục và các cấp từ trung ương đến địa phương phải quan tâm giải quyết.

2 - Những nhiệm vụ nặng nề.

Đất nước ta sẽ bước vào thế kỷ 21 với tư thế như thế nào, điều đó phụ thuộc rất lớn vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo mà trước hết là chất lượng của đội ngũ giáo viên - những người đang hằng ngày, hằng giờ biến các mục tiêu giáo dục thành hiện thực.

Ý thức rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của vấn đề giáo viên, Bộ giáo dục đào tạo đã nghiên cứu, soạn thảo và trình lên Chính phủ *Chương trình quốc gia xây dựng đội ngũ giáo viên và các trường sư phạm* (1995-2010). Đây là một chương trình được soạn thảo công phu, tỷ mỉ, với mục tiêu tổng quát là : tạo một bước chuyển căn bản trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng giáo viên nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Xây dựng một đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và loại hình, có đủ phẩm chất và năng lực, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được nâng cao, đáp ứng được yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục ở các bậc học, cấp học, đáp ứng được yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục ; xây dựng một hệ thống chính sách, chế độ và cơ chế sử dụng giáo viên hợp lý, cải thiện một bước rõ rệt đời sống và điều kiện làm việc cho giáo viên, tạo động lực cho họ tập trung sức lực và tâm trí vào việc giáo dục thế hệ trẻ.

Những mục tiêu nêu trên là hoàn toàn phù hợp với những mục tiêu đổi mới giáo dục nói chung, nhưng với hiện trạng trước mắt thì để thực hiện được quả là không dễ.

Có thể nêu một vài con số : dự kiến đến năm 2010, đội ngũ giáo viên phổ thông, mầm non của cả nước là 1,16 triệu người. Nếu so với năm học 1993-1994, tăng 2,04 lần, trong đó nhà trẻ tăng 1,93 lần ; mẫu giáo : 2,07 lần ; tiểu học : 1,49 lần ; trung học cơ sở : 2,47 lần, trung học chuyên ban : 3,59 lần. Mức tăng này là để đáp ứng việc tăng số lượng học sinh

ở các cấp trung học và giảm các chỉ tiêu học sinh trong mỗi lớp, và tỷ lệ học sinh trên mỗi giáo viên ở cấp tiểu học. Đó là chưa kể sức ép của mục tiêu xóa 3 ca và tiến tới học cả ngày ở tiểu học.

Trước mắt, vấn đề cấp bách đặt ra cho ngành giáo dục là chấm dứt tình trạng thiếu giáo viên kinh niên như đã nêu. Tình trạng này đã được báo động từ nhiều năm trước nhưng việc khắc phục vẫn chưa mang lại kết quả bao nhiêu. Số lượng giáo viên bị thiếu qua vài năm học gần đây vẫn năm sau cao hơn năm trước. Điều này chứng tỏ tính phức tạp của vấn đề, nhưng đồng thời cũng bộc lộ sự chậm trễ, lúng túng của ngành giáo dục và các cấp các ngành có liên quan. Rõ ràng, chưa có đủ số giáo viên tối thiểu cho nhu cầu hiện tại thì khó mà nói tới việc tăng nhanh số lượng giáo viên cho những năm đầu thế kỷ tới. Và điều đó có thể làm cho mọi cố gắng nhằm thực hiện các mục tiêu giáo dục đã được đề ra khó mang lại kết quả. Bởi mục tiêu nào thì cũng cần có người thực hiện.

Vấn đề chất lượng giáo viên cũng đòi hỏi cấp bách không kém vấn đề số lượng. Hai nhiệm vụ *chuẩn hóa* và *nâng chuẩn* đều được đặt song song, nhưng trực tiếp hơn vẫn là nhiệm vụ chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Do đó, phải bám chắc vào đội ngũ giáo viên hiện có, bồi dưỡng đào tạo và đào tạo lại theo định kỳ một cách có chất lượng. Song song với nhiệm vụ đó là yêu cầu đổi mới hệ thống các trường sư phạm, mở rộng, tăng cường quy mô, đổi mới nội dung, cơ cấu chương trình, mở rộng chuyên môn đào tạo. Chẳng hạn, giáo viên mầm non kiêm nuôi dạy trẻ, giáo viên trung học dạy 2-3 môn, dạy được cả hai cấp: cơ sở và chuyên ban... Phần đầu đến sau năm 2000 nâng dần chuẩn đào tạo của giáo viên lên một bước : mầm non : trung học sư phạm ; tiểu học : cao đẳng ; trung học : đại học sư phạm, và sau năm 2010, giáo viên phổ thông các cấp đều có trình độ đại học sư phạm hoặc cao hơn.

Chương trình này đòi hỏi nguồn kinh phí không nhỏ. Dự kiến trước mắt từ nay đến năm 2000, cần 1500 tỉ đồng, trung bình mỗi năm 250 tỉ.

3 - Trách nhiệm thuộc về ai ?

Giáo dục đào tạo không chỉ là "quốc sách hàng đầu" trong chiến lược phát triển đất nước mà nó còn là mối quan tâm của mọi người, mọi nhà và của toàn xã hội. Nó không chỉ chiếm phần quan trọng trong cơ cấu ngân sách quốc gia, trong các chương trình nghị sự hoạch định đường lối, chính sách của đất nước mà còn là một nhu cầu thiết yếu của tất cả mọi thành viên trong xã hội. Vì vậy, để có một đội ngũ giáo viên đáp ứng với yêu cầu, trách nhiệm không chỉ của một người, một ngành mà nó phải trở thành nỗi lo chung của tất cả mọi người.

Trước hết, cần khẳng định *trách nhiệm của Đảng và Nhà nước* trong việc xây dựng đội ngũ giáo viên, bởi đây là đội ngũ công chức đông đảo, mang tính đặc thù cần được quan tâm trước hết trong quá trình cải cách hành chính. Cụ thể là : "Thực hiện chính sách khuyến khích vật chất và tinh thần đối với giáo viên, khuyến khích người giỏi làm nghề dạy học. Có chính sách ưu đãi đặc biệt về tiền lương và phụ cấp đối với giáo viên dạy ở những nơi khó khăn thuộc vùng cao, vùng sâu, hải đảo và một số vùng miền núi. Nhà nước có chính sách thu hút học sinh giỏi vào học các trường sư phạm ; tăng mức đầu tư và tăng cường chỉ đạo để tạo ra những chuyển biến về chất ở các trường sư phạm" ⁽¹⁾.

Hơn hai năm đã trôi qua, những điều nêu trên vẫn chưa được thực hiện bao nhiêu. Chính sách lương mới đối với giáo viên vẫn bất hợp lý, chưa thể hiện được tính ưu đãi đặc biệt của nhà nước, chưa tạo được động lực cho họ toàn tâm toàn ý vào công việc.

Theo Ủy ban văn hóa - giáo dục của Quốc hội (vừa trình bày tại kỳ họp thứ 8, tháng 10-1995), thống kê thu nhập của 20 ngành cho thấy, giáo dục đứng thứ 15 (!) (chỉ trên ngành nông nghiệp chút ít) và như vậy, đời sống của giáo viên hiện nay là ở dưới mức trung bình của xã hội. Do đó, đã đến lúc Nhà nước cần ban hành một hệ thống chính sách hoàn chỉnh đối với giáo viên, thay thế chính sách được ban hành từ năm 1958 mà thời gian vừa qua chỉ được sửa đổi chắp vá. Chính sách mới phải thể hiện được những quan điểm cơ bản của

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Đối với *bản thân ngành giáo dục*, đó là trách nhiệm về chất lượng chuyên môn, về phẩm chất, tư cách của người thầy. Ngành phải đồng thời chú trọng cả công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng giáo viên, tăng cường hiệu lực của quản lý nhà nước, thiết lập trật tự, kỷ cương, chấm dứt những hiện tượng tiêu cực đang làm giảm sút chất lượng và uy tín của người thầy như tình trạng "dạy thêm" cưỡng bức, những tiêu cực trong tuyển sinh ở các trường sư phạm địa phương..., đồng thời tích cực tham mưu cho Đảng và Nhà nước về cơ chế, chính sách đối với giáo viên, đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của giáo viên v.v..

Ở đây cũng cần nhấn mạnh *trách nhiệm của bản thân mỗi giáo viên*. Nghề dạy học có những yêu cầu rất khắt khe, đòi hỏi mỗi giáo viên không ngừng rèn luyện về mọi mặt. Bởi vậy, trong khi đòi hỏi sự dãi dạc, sự kính trọng từ phía xã hội thì mỗi giáo viên cũng cần có sự đòi hỏi trước hết ở bản thân mình trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp.

Trong điều kiện hiện nay, một lực lượng góp phần không nhỏ vào sự nghiệp giáo dục là *các bậc cha mẹ học sinh*. Vai trò của gia đình góp phần trực tiếp vào việc giáo dục con em kính trọng thầy cô giáo, tạo thành dư luận xã hội lên án mạnh mẽ những hiện tượng vô lễ, xúc phạm đến thầy, cô giáo ; khuyến khích con em mình thi vào ngành sư phạm ; đóng góp nguồn lực để chăm lo cho đội ngũ giáo viên, bớt phần gánh nặng cho nhà nước.

Chỉ đến khi có được một sự đồng tâm, hiệp lực của Đảng và Nhà nước, của bản thân ngành giáo dục và mỗi giáo viên, của các cấp, các ngành và toàn xã hội cùng làm hết trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp giáo dục nói chung và việc xây dựng đội ngũ giáo viên nói riêng, thì chúng ta mới có thể hy vọng có được một đội ngũ "thầy ra thầy" và như thế mới có "trường ra trường" và "trò ra trò" được □

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), tr 65

Tắc đất, tắc vàng

HOÀNH NHỊ

PHƯƠNG ngôn ta có câu : "Tắc đất tắc vàng". Câu đó có nghĩa là đất quý như vàng, đất có giá trị như vàng ! Việc khai thác và bảo vệ đất đai xưa nay là sự sống còn của mỗi quốc gia, dân tộc. Còn đối với từng hộ gia đình, từng con người thì đất luôn luôn có giá, thậm chí đất là vàng ròng ! Ở miền núi phía Bắc, nhờ có chính sách về đất đai, trao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân mà nhiều hộ áp dụng mô hình kinh tế nông lâm kết hợp, thu nhập từ 70 đến 80 triệu đồng/năm. Ở Tây nguyên, có nhiều hộ nông dân người dân tộc Ê đê, Ba na, Mơ nông... làm kinh tế giỏi, trồng cây công nghiệp như cà phê, tiêu, điều, bông... thu nhập 100 triệu đồng/năm. Ở Minh hải, có nhiều hộ nông dân nuôi tôm xuất khẩu có thu nhập 200 triệu đồng/năm. Ở vùng đồng bằng sông Hồng, có nhiều hộ nông dân làm kinh tế gia đình VAC thu nhập từ 100-150 triệu đồng/năm. Thực tế cho thấy, đất đai đối với lĩnh vực sản xuất quả là "tắc đất tắc vàng".

Còn ở thành phố, thị xã, khu du lịch, thị trấn, đất đai phục vụ cho lĩnh vực xây dựng nhà ở, khách sạn, nhà hàng, quầy hàng, đem lại nguồn thu còn lớn hơn nhiều. Chẳng thế mà ở một số phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh) đã xảy ra tình trạng buôn bán, phân chia đất để mưu lợi cho cá nhân và tập thể ; có nơi đã trở thành "điểm nóng" phải giải quyết. Có người, có đơn vị đã lợi dụng sơ hở trong cơ chế

quản lý của nhà nước bán đất thu hàng trăm tỉ đồng lập quỹ "đen". Không ít người được cấp đất xây nhà 2, 3 tầng ở ngay xung quanh trụ sở phường ; thậm chí, có ao hồ bị lấp dần để xây nhà mà chính quyền phường vẫn làm ngơ. Họ có nhiều cách biến tướng để hợp pháp hóa giấy tờ man trá. Ở những nơi mật phố, gần đường giao thông, chợ, trung tâm buôn bán, việc mua bán, chuyển nhượng đất lại càng sôi động. Nghĩa là người ta kiếm lời bằng đủ mọi cách xung quanh vấn đề đất đai ; nhiều chuyện tiêu cực xấu xa xảy ra cũng là từ vấn đề đất đai. Trong hàng chục nghìn đơn kiện khiếu tố của cả nước năm 1995 có tới 80% là việc liên quan đến đất đai, nhà ở.

Không phải ngẫu nhiên mà từ khi chuyển sang cơ chế thị trường, mọi người lại thích nhà ở tầng 1 và loại nhà cấp 4. Nếu ai được phân đất hoặc nhà tầng 1 thì coi như là trúng "số độc đắc". Ở không ít nơi, khi phân đất chia nhà là cuộc "chiến" diễn ra quyết liệt. Những thư nặc danh, đơn tố cáo, nói xấu nhau để hạ bệ nhau mưu cầu lợi ích riêng phần nhiều có liên quan đến chuyện chia nhà, chia đất. Có cơ quan nhà xây xong được mấy năm rồi nhưng không phân nổi cho cán bộ, nhân viên chỉ vì không chịu nhường nhịn nhau. Cán bộ có chức vụ cao thì đòi đủ tiêu chuẩn ; cán bộ cấp thấp thì đòi phân thêm để cải thiện... ai cũng biết mỗi mét vuông đất là "chí", là "cây". Mỗi

đợt phân nhà như "bài ca" không bao giờ dứt. Mặc dù ban phân phối nhà đất cơ quan đã tính toán rất khoa học các biểu điểm theo các tiêu chuẩn quy định, cuộc "chiến" vẫn diễn ra, và diễn ra căng thẳng nhất vẫn là chung quanh vấn đề căn hộ ở tầng 1...

Vì sao có sự căng thẳng như vậy ? Chung quy cũng chỉ vì "cây", vì "chí", vì lợi ích riêng tư, vì lợi nhuận siêu ngạch ! Rất nhiều người cảm thấy buồn vì dường như tình anh em đồng chí nhường nhịn lẫn nhau bị sứt mẻ ghè gớm. Đi vào cơ chế thị trường này, trước những cám dỗ của lợi ích vật chất, không ít người đã không còn giữ được phẩm giá và tình cảm trong sáng, lành mạnh.

Ai chả biết đất đai là vô cùng quý báu đối với con người, đất đai là tài sản vô giá của quốc gia. Đất đai mang lại cho ta biết bao lợi ích và sự giàu sang. Nhưng có phải vì thế mà bất chấp tất cả, bất chấp luật pháp và tình người ? Mấy năm nay chúng ta rất mừng vì chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, nhiều tiềm năng lao động và đất đai được khai thác và phát huy. Đất đai càng ngày càng có giá chứng tỏ chính sách đổi mới đi vào cuộc sống rất có hiệu quả. Chúng ta cần tiếp tục khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả nhất mọi tiềm năng của đất đai, nhưng tuyệt nhiên không vì thế mà làm băng hoại giá trị đạo đức của dân tộc, làm xấu đi các mối quan hệ của con người với con người. Không vì lợi ích kinh tế mà giành giật nhau bằng bất cứ giá nào, coi thường kỷ cương phép nước, chà đạp lợi ích tập thể chỉ biết làm giàu, mưu cầu danh lợi cho cá nhân □



KINH NGHIỆM TIẾP NHẬN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ HƯỚNG VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

DƯỚI tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, của xu thế quốc tế hóa - toàn cầu hóa và khu vực hóa, việc trao đổi công nghệ đang diễn ra hết sức sôi động trên quy mô toàn thế giới.

Đối với các nước, đặc biệt là các nước đang tiến hành công nghiệp hóa, việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ trở thành một xu thế tất yếu. Tuy nhiên, làm thế nào để lựa chọn được công nghệ thích hợp với điều kiện của mỗi nước là vấn đề không đơn giản, bởi nó liên quan đến toàn bộ tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa của mỗi nước.

Các nước công nghiệp mới (NIC) trong quá trình công nghiệp hóa đã tích lũy được kinh nghiệm khá phong phú (cả thành công lẫn không thành công) về tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài. Xử lý thỏa đáng vấn đề tiếp nhận chuyển giao công nghệ, đó là một trong những bí quyết đã giúp các NIC "cất cánh" nhanh chóng mấy thập kỷ qua. Chúng ta đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nên việc tham khảo kinh nghiệm về mặt này của các NIC là điều cần thiết và bổ ích.

Để tiếp nhận được công nghệ phù hợp, các NIC trước hết chú ý nghiên cứu phân loại, xác định tính chất, đặc điểm các kênh chuyển giao công nghệ trên thế giới. Trên cơ sở đó, họ vạch biện pháp cụ thể nhằm thu hút công nghệ trên từng kênh. Nghiên cứu kênh chuyển giao công nghệ có quy mô lớn nhất hiện nay là kênh chuyển giao công nghệ giữa các nước công nghiệp phát triển với nhau, các NIC nhận thấy rằng, để có thể tham gia vào kênh này,

nhất thiết họ phải vươn tới trình độ phát triển cao về cơ sở vật chất - kỹ thuật. Tuy nhiên, do các nước công nghiệp phát triển đều có các công ty xuyên quốc gia nên các NIC có thể thông qua các công ty này trên lãnh thổ của mình để tiếp cận với công nghệ hiện đại từ các nước công nghiệp phát triển. Ngày nay, do trình độ phát triển của các NIC đã được nâng lên đáng kể, họ đã có khả năng tham gia từng bước vào kênh chuyển giao công nghệ giữa các nước phát triển với nhau.

Đối với kênh chuyển giao công nghệ giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển, các NIC đã chủ động tiếp cận trực tiếp với các công nghệ tiên tiến. Trong kênh này, không chỉ có công nghệ hiện đại, mà còn có cả vốn đầu tư, kiến thức, kỹ năng quản lý, cách thâm nhập thị trường... Để khai thác tiềm năng to lớn của kênh này, các NIC đã tập trung tháo gỡ các trở ngại về tài chính (bởi vì nhập công nghệ là rất tốn kém trong khi họ lại thiếu vốn và ngoại tệ), về cơ sở hạ tầng và đội ngũ khoa học kỹ thuật, về mức độ thích hợp giữa công nghệ nhập với điều kiện cụ thể mỗi nước, về sự khác biệt trong truyền thống văn hóa, thói quen, tâm lý sinh hoạt và sản xuất cũng như thể chế xã hội.

Trên kênh chuyển giao công nghệ giữa các nước đang phát triển với nhau, các NIC biết lợi dụng ưu thế của mình so với các nước kém phát triển trong khu vực. Họ thực sự đã trở thành lực lượng đáng kể trong việc đầu tư và chuyển giao công nghệ sang nhiều nước ở

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

châu Á. Để giữ vững ưu thế của mình, họ thường xuyên đổi mới cơ cấu kinh tế, chuyển dịch các ngành sản xuất cần nhiều lao động, nguyên, nhiên liệu và gây ô nhiễm môi trường cao sang các nước trình độ phát triển kém hơn mình. Do sự tương đồng về trình độ xuất phát của nền kinh tế, về cơ sở vật chất - kỹ thuật và cả về truyền thống lịch sử - văn hóa, nên dù quy mô không lớn và chất lượng công nghệ không cao, kênh chuyên giao này vẫn có những thuận lợi nhất định đối với các NIC.

Kinh nghiệm tiếp nhận chuyển giao công nghệ của các NIC cho thấy, trong giai đoạn đầu công nghiệp hóa, hầu hết các nước này tập trung phát triển và thu hút công nghệ sử dụng nhiều lao động, quy mô vốn trung bình, đòi hỏi tay nghề vừa phải, nhằm phục vụ chiến lược phát triển các ngành công nghiệp hướng vào xuất khẩu và giải quyết việc làm. Ở giai đoạn sau, khi mức thu nhập và tích lũy cùng với trình độ dân trí đã được nâng lên, họ triển khai sang các công nghệ cao hơn. Chính sách công nghệ cũng chuyển từ *lấy nhập khẩu làm chính* để nhanh chóng hình thành các ngành công nghiệp mới, sang *tập trung tiếp nhận công nghệ có hàm lượng khoa học cao* nhằm đi sâu nghiên cứu cải tiến và sáng tạo công nghệ tiên tiến. Đồng thời, họ đẩy mạnh chuyển giao công nghệ sang các nước khác khi có thời cơ.

Các NIC đã sử dụng 3 hình thức tiếp nhận chuyển giao công nghệ chủ yếu sau đây :

1 - Tiếp nhận chuyển giao *trọn gói*. Gắn liền với đầu tư trực tiếp, hình thức này bao gồm toàn bộ quy trình từ khảo sát thiết kế tới trao thiết bị, xây dựng và đưa công trình vào sản xuất.

2 - Tiếp nhận chuyển giao *bộ phận*, tức chỉ ở một số khâu trong toàn bộ quy trình trên.

3 - Thuê chuyên gia hướng dẫn, trao đổi thông tin và huấn luyện đào tạo cán bộ, kỹ thuật viên.

Ở nước ta, nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất kinh doanh, nhiều năm qua các cơ sở sản xuất đã nhập khẩu một lượng đáng kể máy móc, thiết bị kỹ thuật bằng nhiều con đường khác nhau. Công nghệ nhập đã góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Song,

do nguyên nhân khách quan và chủ quan (thiếu cán bộ chuyên môn giỏi, thiếu vốn và kinh nghiệm...), phần lớn máy móc, thiết bị và dây chuyền nhập đều thuộc thế hệ cũ. Ở một số ngành, thiết bị nhập có tới gần nửa là thiết bị đã hết khấu hao hoặc phần không nhỏ là thiết bị cũ được tân trang. Có nơi, do máy móc nhập về quá cũ, chỉ khai thác được gần 50% công suất ; cá biệt có máy nhập về để đầy không sử dụng được. Trong các ngành hợp tác đầu tư với nước ngoài, trừ một số ngành như thông tin viễn thông, dầu khí, công nghiệp điện tử, sản xuất lắp ráp ô tô, mô tô... nhập được công nghệ tiên tiến, còn ở các ngành khác phần lớn máy móc thiết bị mới nhập chỉ thuộc loại trung bình của thế giới. Mặt khác, giá các thiết bị kỹ thuật nhập thường cao hơn giá thực tế từ 15 đến 20%. Các vụ tiêu cực trong tiếp nhận công nghệ từ nước ngoài đã làm thâm thủng ngân sách quốc gia không ít.

Kinh nghiệm một số nước như Thái lan, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin cho thấy, thời kỳ đầu công nghiệp hóa rất khó tránh khỏi những thua thiệt về lựa chọn công nghệ nhập. Ở các nước này, trong số máy móc, thiết bị nhập phục vụ công nghiệp hóa, có đến gần 20% là thuộc loại cũ, hiệu quả thấp. Nước ta tiến hành công nghiệp hóa muộn, nhờ tham khảo kinh nghiệm của các NIC, có thể đỡ khó khăn hơn trong việc tiếp nhận công nghệ mới và sớm khắc phục được khoảng cách giữa ta và họ về trình độ công nghệ.

Từ kinh nghiệm của các NIC về tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, có thể nêu một số hướng vận dụng kinh nghiệm đó trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Thứ nhất : Việc lựa chọn công nghệ nhập cần tính đến nguồn lao động dồi dào của nước ta. Tuy nhiên, phải tranh thủ tới mức tối đa công nghệ tiên tiến, bởi vì công nghệ cũ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm và tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội. Công nghệ hiện đại kết hợp với lao động rẻ, đó là bảo đảm cho sản phẩm có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế hiện nay.

Thứ hai : Cần xác định *hướng chủ đạo* trong việc thu hút công nghệ từ nước ngoài.

Hướng đó, như kinh nghiệm các NIC chỉ rõ, là thu hút công nghệ từ các nước công nghiệp phát triển. Cần hết sức hạn chế việc nhập công nghệ từ các nước mà trình độ phát triển chỉ ở mức thấp và trung bình.

Thứ ba : Do khả năng tiếp nhận thông tin về công nghệ mới ở ta còn nhiều hạn chế, nhà nước nên áp dụng biện pháp thuê cơ quan giám định quốc tế giúp ta xác định chất lượng công nghệ nhập. Đồng thời, nhà nước cần chú ý vấn đề giáo dục đào tạo nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, coi đó như một trọng tâm của chiến lược phát triển. Trên cơ sở đó, xây dựng cơ sở và đội ngũ khoa học-kỹ thuật đủ khả năng tiếp nhận, làm chủ công nghệ mới, cải tiến công nghệ nhập cho phù hợp với điều kiện của nước ta, và từng bước sáng tạo công nghệ mới. Hạn chế những thiệt hại trong tiếp nhận công nghệ, thường xuyên đổi mới công nghệ, đổi mới cơ cấu nền kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả cao.

Thứ tư : Coi trọng kết hợp các hình thức tiếp nhận chuyển giao công nghệ ; không quá thiên lệch, chỉ chú trọng một hình thức nào đó mà bỏ lỡ khai thác những thuận lợi trong các hình thức khác. Các NIC đã kết hợp một cách có hiệu quả cả ba hình thức : tiếp nhận trọn gói, tiếp nhận bộ phận, và tăng cường trao đổi thông tin, đào tạo cán bộ chuyên môn cao. Nhà nước nên áp dụng chính sách ưu đãi (về vốn, thuế, tiêu thụ sản phẩm...) đối với các doanh nghiệp triển khai việc nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng về vật chất đối với các sáng kiến cải tiến và phát minh công nghệ.

Bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nước ta đang đứng trước những thử thách to lớn trên lĩnh vực tiếp nhận chuyển giao công nghệ. Tuy nhiên, nếu có chính sách và biện pháp đúng, chúng ta hoàn toàn có thể khai thác mọi nhân tố thuận lợi trong nước và quốc tế để giải quyết thành công những vấn đề đặt ra trên lĩnh vực này □

Chính sách tín dụng...

(Tiếp theo trang 46)

dụng nhân dân tuy có bước phát triển, nhưng mới chỉ hoạt động ở vùng đồng bằng. Do đó, để mở rộng hoạt động tín dụng ngân hàng ở vùng miền núi, theo tôi cần tập trung vào mấy điểm sau đây :

1 - Đối với Ngân hàng nông nghiệp Việt nam : cần sửa đổi cơ chế khoán tài chính trong toàn hệ thống. Cơ chế này, cần dựa trên điều kiện hoạt động cụ thể của mỗi vùng khác nhau. Về hệ số tính lương cần điều chỉnh cao hơn đối với các ngân hàng cơ sở ở vùng miền núi và hải đảo, hạ thấp hơn đối với những nơi có điều kiện hoạt động thuận lợi. Lãi suất điều hòa vốn đối với chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp các tỉnh miền núi cũng phải được ưu tiên thấp hơn, thực hiện chính sách giảm 15% lãi suất theo quy định của Ngân hàng nhà nước (phải được ghi ngay vào khế ước vay vốn). Nhìn chung, đối với tất cả các vùng miền núi, Ngân hàng nông nghiệp trung ương cần có các biện pháp để

làm sao cho nông dân được vay theo đúng lãi suất khung do Thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định.

2 - Về chính sách thuế, Tổng cục thuế nên cho áp dụng chính sách về thuế doanh thu đối với các chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp hoạt động ở vùng miền núi, theo đúng thông tư 20/TC-CTT. Về lâu dài, nhà nước chỉ nên áp dụng một loại thuế lợi tức đối với các hoạt động ngân hàng nói chung, không nên thu tới 3-4 loại thuế như hiện nay.

3 - Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì một số chính sách "ưu đãi" như hiện nay đối với Ngân hàng nông nghiệp Việt nam là rất cần thiết. Tuy nhiên, thực tế phát triển kinh tế ở các tỉnh miền núi đang đòi hỏi Ngân hàng nông nghiệp cần đổi mới và tăng cường hơn nữa các hoạt động tín dụng ; xúc tiến nghiên cứu một số chính sách cụ thể về cho vay vốn ở vùng này ; đồng thời mở rộng quan hệ đối ngoại, khai thác các nguồn vốn tài trợ quốc tế nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế miền núi □



THÁCH THỨC VÀ THAY ĐỔI *

BRAI-ON CA-PLOM

CHÂU Á đang tiến bước trên con đường của sự phát triển và thịnh vượng. Hiện nay, hầu hết các nước châu Á đều đang tiến tới giàu có và nhiều nước đứng trong nhóm nước tăng trưởng hàng đầu thế giới. Từ đó, một vấn đề đặt ra là : năng lực và thành công của châu Á trong thực tế thế nào?

Do sự tăng trưởng kinh tế nhanh hơn cả Bắc Mỹ và châu Âu, hiện nay các nước châu Á đã có tiếng nói quan trọng trên trường quốc tế. Các công ty châu Á đang thu lãi được nhiều hơn các đồng nghiệp châu Âu và một số hệ thống quản lý, chính trị, xã hội đang có thay đổi quan trọng.

Nếu xu hướng này tiếp tục phát triển, sẽ đến thời điểm châu Á có chính sách độc lập hơn chứ không phụ thuộc như trước đây và là những nước có khả năng đi viện trợ nhiều hơn là nhận viện trợ. Tuy nhiên, vai trò được nâng cao hơn cũng tạo ra những thách thức mới, trong đó có vấn đề : do thỏa mãn với thành công, tin vào "thế kỷ Thái bình dương" nên không thấy hết những khó khăn ở phía trước. Một nhà quan sát sau khi dẫn ra khó khăn mà Nhật bản gặp phải sau sự khủng hoảng kinh tế đột ngột cuối thập kỷ 80 đã cảnh cáo : không bao giờ làm chủ được tương lai nếu hiện tại chúng ta chỉ thấy thỏa mãn. Vấn đề quan trọng là phải tiếp tục theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm mới và thị trường mới với phương pháp khoa học. Lời cảnh cáo này đã vang vọng khắp châu Á. Một quan chức thương mại Phi-lip-pin cho rằng : chủ nghĩa thực dụng chứ không phải chủ nghĩa vị kỷ thúc đẩy kinh tế khu vực vượt qua các điều kiện kinh tế khó khăn.

Thay đổi tốc độ. Vấn đề mấu chốt là các hệ thống kinh tế châu Á có khả năng xử lý "tốc độ" trước những áp lực mới thế nào trong khi rào chắn thương mại cả ở tầm khu vực và quốc tế đang bị phá bỏ nhanh hơn mong muốn của các nhà lãnh đạo.

AFTA đang tiến tới thời kỳ giải phóng thương mại từ 10 đến 15 năm cùng với mục tiêu lớn hơn của APEC là xóa bỏ tất cả hàng rào thương mại đối với các nước công nghiệp hóa vào năm 2010 và các nước khác vào năm 2020. Thêm vào đó, các lĩnh vực được bảo hộ như năng lượng và truyền thông hiện đang được tự do hơn và các quy định ngăn trở đầu tư nước ngoài cũng được giảm thiểu. Mặt khác, các biện pháp tạo ra cơ hội kinh doanh mới này cũng đặt các nước châu Á trước thách thức của sự cạnh tranh thương mại toàn cầu, khiến cho nhiều nước phải thay đổi nhiều phương pháp, bao gồm cả việc tham gia các liên minh chiến lược mới để có được công nghệ cần thiết. Rõ ràng, triết lý trước đây về lao động rẻ như một lợi thế cạnh tranh đang mất đi tình hình thực. Trường hợp này, thậm chí là đúng đối với một nước đang nổi lên như

Thái lan, là nước đã bùng nổ ngành chế tạo vào cuối năm 1986 và đã xuất khẩu nhiều sản phẩm chế biến có công nghệ tương đối cao.

Một quan chức của Viện nghiên cứu phát triển cơ bản Thái lan phát biểu : Vấn đề then chốt của Thái lan đối với tương lai là "đối tác". Hiện nay, thách thức đối với Thái lan là đã nhận thức được lợi thế về giá lao động rẻ đang chuyển tới những vùng như Việt nam, trong khi đó Thái lan vẫn không đủ khả năng về kỹ thuật để xuất khẩu các sản phẩm có công nghệ cao.

Thời điểm quyết định : Có nhiều thách thức khác đang đối diện với châu Á. Đó là việc quốc tế hóa các quy ước đạo lý để giữ vững hoạt động : là việc quyết định ngành kinh doanh nào được coi là then chốt trong số nhiều ngành khởi đầu của thời kỳ cất cánh; những bảo đảm nào cho các hệ thống quản lý và đào tạo vì sự phát triển trong tương lai. Song những khó khăn này mới chỉ là một phần thách thức đối với châu Á. Hiện nay, nhiều người đang tin rằng nhà nước sẽ cải thiện hệ thống giáo dục và hạ tầng cơ sở để thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, hai lĩnh vực này vẫn bị tụt hậu khá xa. Hơn nữa, một số nhà quản lý công ty vẫn không tin tưởng vào khả năng của nhà nước trong việc tổ chức và thực hiện. Một quan chức cao cấp ngành bảo hiểm và tài chính Thái lan nói : "chính phủ vẫn chưa có những quyết định phù hợp với yêu cầu của sự phát triển cấu trúc hạ tầng. Để có vốn và công nghệ cho các dự án trong thời kỳ toàn cầu hóa là việc làm không khó khăn lắm. Vấn đề khó hơn lại là sự phụ thuộc vào văn hóa và lịch sử của mỗi nước mà nhà nước theo đó hoạch định chính sách."

Hãy thận trọng : Nhiều chuyên gia đang lên tiếng về thái độ quá tin tưởng vào thành công của các nước châu Á. Họ sợ rằng, nếu tiếp tục đề ra chỉ tiêu là tốc độ tăng trưởng đạt 10% vào năm 2025 thì có thể sẽ tạo ra một sự tin tưởng rằng lợi nhuận trong quá khứ sẽ không thay đổi trong tương lai. Viễn cảnh về một châu Á sai lầm trong việc xử lý một cách có hiệu quả trong điều kiện mới chẳng hạn như môi trường đầu tư và mẫu dịch tự do sẽ làm cho thương mại bị tụt hậu. Thách thức trực tiếp chính là AFTA và GATT. Bởi vì, bằng cách này hay cách khác, tự do thương mại cũng làm nảy sinh vấn đề và khó khăn đến nhanh hơn. Một quan chức làm việc tại Trung tâm nghiên cứu và truyền thông ở Ma-ni-la nói : các nhà sản xuất nước ngoài phải dừng ngay ý nghĩ "thị trường của tôi là Phi-lip-pin hoặc In-đô-nê-xi-a". Họ phải bắt đầu nói

* Nguồn : Tạp chí Thương mại châu Á (ASIANBUSINESS), số 1-1995

"thị trường của tôi là AFTA" và tìm cách thực hiện để giành được nó. Hiện tại AFTA là một thị trường có 350 triệu người, sẽ tăng tới 420 triệu khi Việt Nam gia nhập ASEAN và như vậy số dân của AFTA lớn hơn Liên minh châu Âu (EU). Mặt khác, xu hướng khu vực hóa làm cho nhiều công ty châu Á phải nâng tầm cho tới khi đạt tiêu chuẩn quốc tế. Chủ tịch Liên hiệp ngân hàng hải ngoại (OUB) Xin-ga-po nói: Nếu muốn hoạt động trong khu vực, trước hết cơ sở kinh tế trong nước phải mạnh, có nhiều công ty hoạt động có hiệu quả trong từng nước, đủ khả năng tham dự vào sự tăng trưởng khu vực và đủ sức tham dự vào cạnh tranh quốc tế.

Tập trung lại các nhà điều hành nói thế nào nếu công ty của họ có đủ sức cạnh tranh hoặc phải thay đổi? Một số nhà tư vấn quản lý cảnh báo rằng, các công ty chỉ nên lựa chọn một số lĩnh vực để đầu tư, làm cho nó có thể tham dự vào quá trình cạnh tranh toàn cầu, do trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm nữa sẽ không còn có các nguồn bảo hộ. Họ sẽ phải đi tới quyết định là công ty của họ có đủ khả năng và sẽ chỉ chuyên về một số lĩnh vực nào đó.

Một vài khi chủ yếu làm cho các công ty châu Á đủ sức trong cuộc cạnh tranh quốc tế là các liên minh chiến lược với các hãng nước ngoài. Những liên minh này rất đa dạng, từ liên doanh với các hãng Tây Âu để tiến vào thị trường mới và có được công nghệ mới cho tới cùng liên doanh với nước ngoài để khai thác cơ hội tại một nước thứ ba.

Cấu trúc đạo lý. Nhiệm vụ của các nhà điều hành không chỉ để nắm được phần cứng của cấu trúc kinh tế. Để thành công trên trường quốc tế, châu Á cũng phải quan tâm đến quản lý những vấn đề thuộc "phần mềm", chẳng hạn như đạo lý, và làm thế nào để giữ vững tinh thần điều hành khi các công ty của họ được quản lý chuyên nghiệp hơn. Điều này không có nghĩa là trong khi thiết kế một chính sách đạo lý, các nước châu Á cần sao chép lại của châu Âu.

Đối diện với đạo lý là một khía cạnh của kế hoạch lâu dài mà các công ty châu Á nên nghiêm túc và kiên nhẫn xử lý hơn là ra các quyết định đạo lý đột ngột. Một khía cạnh đáng lưu tâm là không bao giờ để mất đi sự nhanh nhạy trong điều hành, một lĩnh vực làm cho kinh doanh thành đạt. Vấn đề nữa là khen thưởng cho sáng kiến cũng phải đích đáng. Nếu khen không tương xứng thì có thể coi là hình thức kém hiệu quả. Chúng ta cần phải phát đi một thông điệp: sẽ bị phạt nếu không có sáng kiến và ngược lại.

Đối diện với khó khăn. Hiện tại có một số khó khăn quá lớn mà các công ty châu Á không thể tự thân khắc phục được. Đó là việc tạo cho hệ thống giáo dục có hiệu quả, đủ thỏa mãn "cơn khát" công nhân lành nghề của châu Á và xây dựng hạ tầng cơ sở: đường sá, bến cảng, viễn thông và thiết bị năng lượng để đáp ứng yêu cầu thúc đẩy kinh tế. Những lĩnh vực này châu Á còn có khiếm khuyết trong việc giữ vững tiến bộ toàn bộ, và nếu không được đổi mới nó sẽ đe dọa làm trật bánh toàn bộ quá trình tăng trưởng. Ngoài ra, bảo vệ môi trường cũng là một nhân tố rất quan trọng.

Song vấn đề nan giải nhất, thách thức lớn nhất đối với châu Á là rất ít các nhà điều hành cao cấp tin rằng nhà nước dám chịu trách nhiệm và có khả năng giải quyết các khó khăn này. 10 năm trước đây, châu Á đã sử dụng những bộ óc lỗi lạc nhất của mình trong lĩnh vực hành chính và hiện nay họ đang bị thu hút bởi thu nhập cao hơn từ thành phần kinh tế tư nhân.

Vấn đề dễ nhận biết nhất là nhà nước ngày càng dính líu nhiều hơn vào việc hoạch định chính sách, do vậy không đáp ứng được nhu cầu thương mại. Theo truyền thống, cộng đồng thương mại châu Á thường ở ngoài rìa của việc hoạch định chính sách. Nhưng, khi tình hình kinh tế có tiến triển, vai trò của thương mại đã được hiểu đúng hơn thì xu hướng các công ty được tham gia trực tiếp nhiều hơn vào các vấn đề chính trị châu Á, áp dụng kinh nghiệm quản lý để dự đoán các khó khăn trong nước. Ví dụ, tháng 11-1994, Chính phủ Thái lan đã lập Nhóm mơ ước (Dream team), gồm ba nhà kinh doanh lớn và việc làm này đã trở nên rất hữu ích đối với chính phủ Thái lan.

Nhân tố Trung quốc. Có "nhóm mơ ước" hay không thì tùy, nhưng vấn đề là phải khai thác triệt để các "bộ óc" làm kinh doanh và làm chính trị lớn nhất châu Á để đối phó với một Trung quốc đang trỗi dậy. Việc mở cửa của Trung quốc, Ấn độ và In-đô-nê-xi-a cho đầu tư nước ngoài được Thủ tướng Xin-ga-po, Gô-chôc-tông miêu tả như là việc cùng một lúc bập ba chiếc máy hút bụi khổng lồ và đẩy năng lượng. Dự thị trường Trung quốc đang thu hút một số lượng đầu tư khổng lồ từ bên ngoài, chắc chắn các nước châu Á khác sẽ phải chịu một áp lực trong khi bảo đảm môi trường đầu tư vẫn hấp dẫn hàng đầu. Để làm được điều này, họ phải có khả năng đưa ra những kỹ năng và dịch vụ hoàn hảo.

Một nhà phân tích cho rằng, thách thức khác nữa là các nước châu Á đang chạy đua để tham gia càng nhiều, càng tốt vào sự tăng trưởng của Trung quốc. Do đó có thể nói, động lực đang thúc đẩy châu Á là Trung quốc và vùng Viễn Đông Liên xô trước đây. Ông cũng tin rằng lý thuyết sản xuất dựa trên giá lao động rẻ làm cho tất cả các nhà sản xuất trên thế giới chuyển nhà máy vào Trung quốc không có ý nghĩa như lý thuyết công nghiệp nặng. Chính trong lĩnh vực này mới diễn ra cạnh tranh thương mại thực sự giữa các nhà đầu tư vào Trung quốc với nhau.

Bất kỳ một nhà điều hành nào nhìn về phía trước sẽ thấy rằng công ty của họ đối diện với thách thức thương mại tới quy mô mà Trung quốc là một phần và các nước châu Á còn lại là một phần. Chỉ riêng Trung quốc đã là một thách thức to lớn. Thêm vào đó còn có các thách thức từ tự do thương mại, đạo lý thương mại, môi trường, các liên minh chiến lược và quản lý của nhà nước. Do đó, nhiệm vụ phía trước là vô cùng khó khăn.

Châu Á sẽ phải thúc đẩy các nguồn chất xám theo hướng chiến lược và đưa ra được các giải pháp nếu muốn làm cho những kỳ vọng to lớn của mình trở thành hiện thực. □

TRINH CƯỜNG (Lược dịch)



TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

DÂN CHỦ, DAN CHỦ NHÂN DÂN, DAN CHỦ - XÃ HỘI VÀ DAN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

• **DÂN CHỦ** : Xét về mặt lịch sử, khái niệm dân chủ xuất hiện rất sớm, từ thời cổ đại. Trong ngôn ngữ của người Hy-lạp cổ đại đã xuất hiện cụm từ *Demos Kratos*, trong đó *demos* là nhân dân, *kratos* là quyền lực. Như vậy, theo nghĩa khởi thủy của nó, dân chủ có nghĩa là *quyền lực thuộc về nhân dân*. Nói cách khác, dân chủ là một khái niệm để chỉ một chế độ xã hội mà ở đó nhân dân là chủ thể của quyền lực.

Sự phát triển của xã hội, và cùng với nó, sự phát triển của tri thức con người đã làm xuất hiện những cách tiếp cận mới đối với phạm trù dân chủ. Dân chủ có thể được hiểu là một hình thức tổ chức quyền lực nhà nước của một giai cấp nhất định ; dân chủ cũng có thể được hiểu là một hình thức quản lý xã hội, là tính chất của mối quan hệ giữa các cộng đồng người ; dân chủ cũng có thể được hiểu là quyền của công dân được làm chủ xã hội, làm chủ nhà nước và làm chủ bản thân mình...

Dân chủ là chủ đề vĩnh cửu của khoa học xã hội, là vấn đề gắn bó chặt chẽ với quyền sống của con người, là nhu cầu không thể thiếu của mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Song dân chủ không phải là hiện tượng bẩm sinh, tự phát. Nó nảy sinh và hình thành trong mối quan hệ đối lập với áp bức, chuyên chế, với mọi hiện tượng độc tài, độc đoán, chuyên quyền. Dân chủ không xuất hiện tức khắc và không tồn tại bất biến, trái lại nó được phát triển trong tiến trình lịch sử nhân loại và trong quá trình đấu tranh giai cấp.

Dân chủ có nhiều hình thức. Có hình thức *dân chủ đại diện* (các cơ quan dân cử như quốc hội, nghị viện...) ; có hình thức *dân chủ trực tiếp* (trưng cầu ý dân, toàn dân thảo luận và quyết định các vấn đề của đời sống quốc gia...).

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin xem xét vấn đề dân chủ trong mối liên hệ không thể tách rời với những điều kiện vật chất của đời sống xã hội và với cơ cấu giai cấp trong xã hội. Trong xã hội có giai cấp, dân chủ là biểu hiện sự chuyển chính của giai cấp thống trị. Dưới chế độ bóc lột, các thể chế dân chủ phục vụ cho những giai cấp nắm tư liệu sản xuất và quyền lực chính trị.

• **DÂN CHỦ NHÂN DÂN** : Hình thức chuyển chính được xác lập do kết quả của những cuộc cách mạng dân chủ nhân dân vào những năm 40 của thế kỷ XX ở hàng loạt nước châu Âu và châu Á, sau đó chuyển thành những cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, và nó phản ánh nét đặc thù trong sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nền dân chủ nhân dân ở mỗi nước có những đặc điểm riêng tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể, nhưng nét chung của hình thức dân chủ nhân dân nằm trong bản chất của chuyển chính vô sản.

Nguyên tắc chung của dân chủ nhân dân là sự liên minh của giai cấp vô sản với quần chúng lao động do đảng cộng sản lãnh đạo. Đặc điểm trọng nhất của nền dân chủ nhân dân là những tổ chức chính trị - xã hội có tính quần chúng kiểu *mật trận nhân dân*, bao gồm những đảng phái khác nhau và những tổ chức xã hội khác nhau.

Chế độ dân chủ nhân dân bảo đảm cho người lao động được tham gia quản lý nhà nước, bảo đảm chế độ bầu cử và bãi miễn đối với các đại diện của nhân dân lao động trong các cơ quan chính quyền nhà nước, bảo đảm sự thống nhất giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, bảo đảm việc xây dựng hệ thống quản lý nhà nước trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, nền dân chủ nhân dân có những thay đổi, nhưng như Lê-nin đã nhận xét, bản chất của nó vẫn chỉ là một : đó là chuyển chính của giai cấp vô sản.

• **DÂN CHỦ - XÃ HỘI** : Trào lưu chính trị trong phong trào công nhân quốc tế, xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào các tầng lớp quần chúng công nhân đông đảo ; trong việc tổ chức giai cấp công nhân thành các chính đảng và các công đoàn. Sau Cách mạng Tháng Mười Nga (năm 1917), phong trào dân chủ - xã hội là trào lưu cải lương xã hội trong phong trào công nhân. Hệ tư tưởng của phong trào dân chủ - xã hội hiện nay chủ yếu theo lập trường "chủ nghĩa xã hội dân chủ" từ bỏ chủ nghĩa Mác, phê phán nhẹ nhàng chủ nghĩa tư bản đi kèm với luận đề chống cộng gay gắt. Những luận điểm cơ bản của "chủ nghĩa xã hội dân chủ" được phản ánh trong bản tuyên bố có tính chất cương lĩnh của Đại hội thành lập Quốc tế xã hội chủ nghĩa. Cuối những năm 60 và đầu năm 70, trào lưu dân chủ - xã hội lan rộng ở nhiều nước châu Âu như : Pháp, Hà lan, Thụy điển... và ngày nay đã lôi cuốn được một số nước khác ở châu Á, châu Mỹ La-tinh và Đông Âu : Tuy không thể làm thay đổi một cách căn bản tình cảnh giai cấp công nhân, các đảng dân chủ - xã hội phản ánh ở mức độ nhất định lợi ích của quần chúng lao động, đã tham gia vào cuộc đấu tranh của họ nhằm cải thiện tình hình kinh tế - xã hội và mở rộng các quyền chính trị, đã đạt được những cải cách xã hội ở một số nước. Một số đảng dân chủ - xã hội đấu tranh nhằm hạn chế chạy đua vũ trang, chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân.

Phê phán hệ tư tưởng và quan điểm hợp tác giai cấp của các đảng dân chủ - xã hội, những người cộng sản đồng thời chủ trương thống nhất hành động với các đảng dân chủ - xã hội trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, hòa dịu quốc tế và tiến bộ xã hội.

• **DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** : Hình thức tổ chức xã hội và phương thức quản lý, điều hành xã hội xã hội chủ nghĩa, một hình thức tổ chức nhà nước, thông qua tổ chức và quản lý để thực hiện quyền lực đối với xã hội. Cơ sở kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu - nền tảng vững chắc để xác lập quan hệ bình đẳng giữa người với người và nền tự do thật sự.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ thực sự, đầy đủ nhất và triệt để nhất. Theo quan niệm của Mác, đó là nền dân chủ mà quyền lực thực tế thuộc về nhân dân ; nhân dân tự quản xã hội của mình, xã hội được quản lý bởi nhân dân và vì nhân dân...

Dân chủ xã hội chủ nghĩa không chỉ tuyên bố mà còn bảo đảm thực hiện trong thực tế những quyền tự do chính trị và các quyền kinh tế xã hội của cá nhân : quyền lao động, nghỉ ngơi, học hành, quyền được bảo đảm về vật chất khi già yếu và khi không có khả năng lao động.

Lực lượng quyết định tiến trình phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là đảng cộng sản, người lãnh đạo tất cả mọi tổ chức nhà nước và tổ chức xã hội của nhân dân lao động.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một kiểu tổ chức dân chủ cao nhất của xã hội trong lịch sử từ xưa đến nay, đã đi qua một chặng đường phức tạp. Nét tiêu biểu của quá trình này là : làm cho quần chúng ngày càng quen với việc trực tiếp tham gia quản lý nhà nước, tạo điều kiện để hình thành và phát triển một nhân cách trung thực, sáng tạo.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, dân chủ đi liền với tập trung. Nếu tách khỏi tập trung thì dân chủ không còn có ý nghĩa tích cực lành mạnh của nó mà bị biến dạng thành tự do vô chính phủ, dân chủ cực đoan, mà thực chất là một sự phá hoại dân chủ.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những động lực mạnh mẽ nhất của tiến bộ xã hội. Nó là đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, là sự thể hiện trực tiếp lý tưởng nhân đạo của chủ nghĩa xã hội. Trong cương lĩnh xây dựng đất nước (do Đại hội VII thông qua tháng 6-1991), Đảng ta nhấn mạnh : "Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm".

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN : TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT

Nhân kỷ niệm lần thứ 65 ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất (18-11-1930 - 18-11-1995), ngày 3-11-1995, tại Hà nội UBTUMTTQ Việt nam đã tổ chức hội thảo khoa học-thực tiễn "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất*".

Các đồng chí Lê Quang Đạo, Chủ tịch Đoàn chủ tịch UBTUMTTQ Việt nam, Trần Văn Đăng, ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thư ký UBTUMTTQ Việt nam, GS Đặng Xuân Kỳ, ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trì cuộc hội thảo.

Đến dự hội thảo có các đồng chí Hà Đăng, ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng ban tư tưởng văn hóa trung ương, Trần Hoàn, ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ văn hóa thông tin, các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng, các nhân sĩ trí thức, các cán bộ và thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt nam, Chủ tịch Mặt trận các tỉnh : Cao bằng, Tây ninh, Nghệ an, Hà nội, cùng đông đảo các nhà khoa học.

Sau báo cáo dẫn đề của đồng chí Trần Văn Đăng : "Giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết các dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất trong thời kỳ phát triển mới của đất nước", hội thảo đã nghe ý kiến phát biểu và tham luận của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, của các đồng chí : Nguyễn Cơ Thạch, Hoàng Tùng, Nông Quốc Chấn, các vị Nguyễn Xiển, Hòa thượng Kim Cương Tử, Linh mục Vương Đình Ai, bà Nguyễn Phước Đại...

Tại cuộc hội thảo, 15 ý kiến phát biểu và tham luận (trong tổng số gần 50 báo cáo gửi đến) đã tập trung nêu bật tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản, vai trò của Nhà nước và Mặt trận qua các thời kỳ ; và mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và Mặt trận trong hệ thống chính trị, vai trò to lớn của Mặt trận tổ quốc hiện nay.

Nhiều ý kiến đi sâu phân tích và khẳng định sự đúng đắn, tính nhất quán trong đường lối, trong chủ trương thực hiện chiến lược đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta về đoàn kết giữa các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo; đoàn kết giữa miền ngược với miền xuôi, giữa Trung - Nam - Bắc và đoàn kết quốc tế. Hội thảo cũng khẳng định cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn là tấm gương và tiêu biểu cho khối đại đoàn kết dân tộc.

Nhiều ý kiến nêu lên những kiến nghị và giải pháp cụ thể nhằm tiếp tục tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và Mặt trận dân tộc thống nhất, như : giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu của Đảng ; quan tâm hơn nữa đến đồng bào các dân tộc thiểu số ; có chính sách thu hút được đội ngũ trí thức ở trong nước và nước ngoài ; khơi dậy được lòng yêu nước, tự hào dân tộc trong mỗi người Việt nam...

Các ý kiến cũng đã phân tích và khẳng định : Thực tiễn lịch sử 65 năm qua cho thấy, nơi nào, lúc nào thực hiện đúng đắn tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất thì nơi đó, lúc đó cách mạng phát triển thuận lợi và thành công ; ngược lại nơi nào, lúc nào xa rời những tư tưởng quan trọng đó thì nơi ấy, lúc ấy cách mạng gặp khó khăn, tổn thất. Và hơn bao giờ hết, lúc này, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ một nước Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đang đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục kế thừa, phát triển, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất.

Cùng với các hoạt động khác trong cả nước, hội thảo khoa học - thực tiễn "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất*" là một hoạt động có ý nghĩa thiết thực nhân kỷ niệm 65 năm Mặt trận dân tộc thống nhất □

QUẢNG CÁO

CÔNG TY DỊCH VỤ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC SỐ 2

SOVILACO Company for overseas labour service N^o2

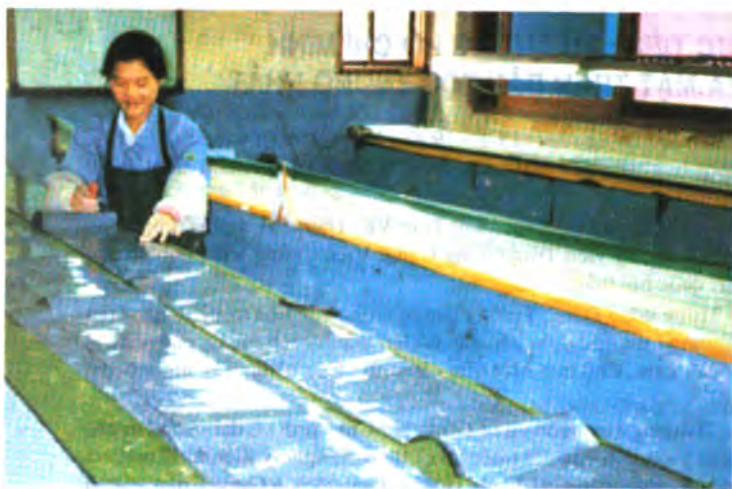
Ngành nghề kinh doanh :

- Cung ứng lao động cho nước ngoài.
- Tổ chức và thực hiện các dịch vụ phục vụ nhu cầu vật chất và tinh thần của người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài.

Theo quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 596/LĐTBXH-QĐ ngày 14 tháng 04 năm 1995 của Bộ Lao Động - Thương binh và Xã Hội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 102224 cấp ngày 09 tháng 05 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch TP.Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : 231994. 243780. 243848. Fax 848.231995
- Địa chỉ : 293 Điện Biên Phủ, Q.3, TP Hồ Chí Minh

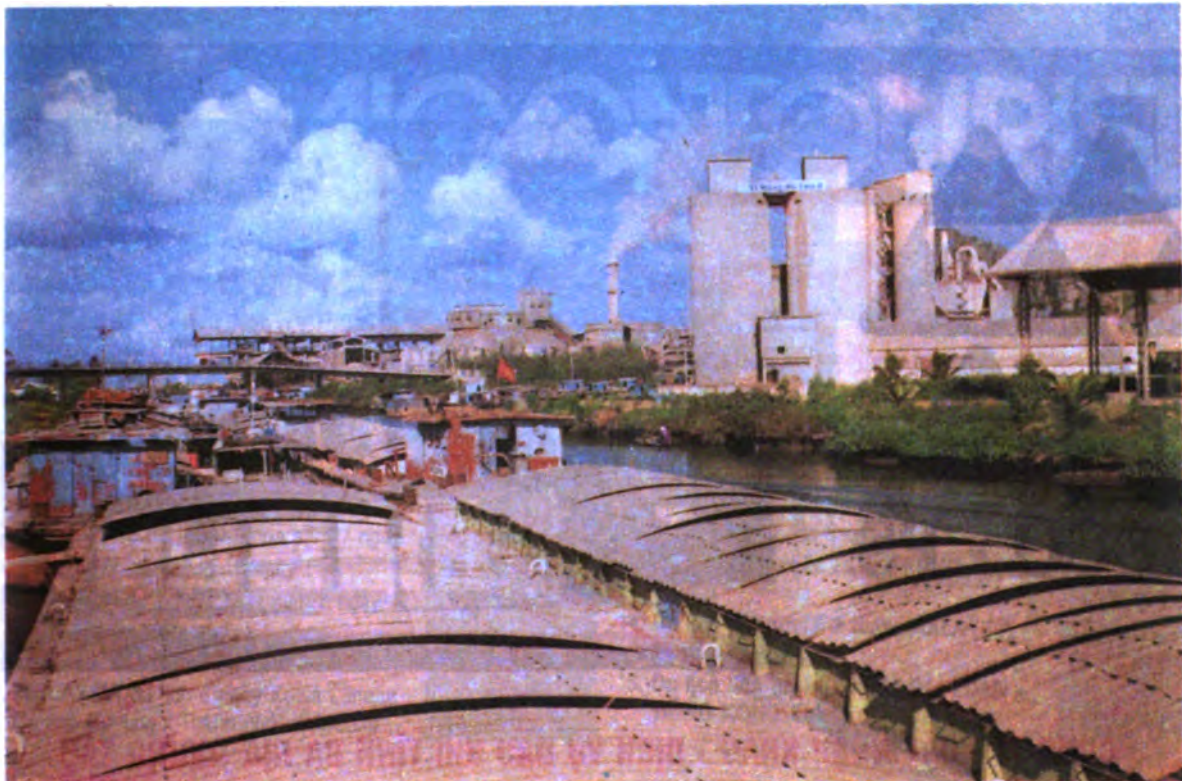


Nữ công nhân SOVILACO đang làm việc tại Cộng hòa Triều Tiên

Được chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên, SOVILACO đã phối hợp với các ngành chức năng và các tỉnh, thành trong việc sắp xếp tuyển dụng người lao động Việt Nam ở nước ngoài. SOVILACO thường xuyên tổ chức các lớp nghiệp vụ, hướng dẫn chu đáo cho các thành viên và giữ liên lạc đều đặn với các gia đình thành viên cũng như các đại diện của SOVILACO ở ngoài nước nhằm đảm bảo chất lượng, quyền lợi, an toàn chung cho người lao động cũng như uy tín của Công ty. Nhờ vậy hàng ngàn người lao động Việt Nam đã có cơ hội nâng cao tay nghề, thu nhập đảm bảo. Các cơ sở nhỏ và vừa của nước ngoài đánh giá cao người thợ Việt Nam và trách nhiệm chuẩn bị của SOVILACO

Buổi đón mừng học viên SOVILACO ở Cộng hòa Triều Tiên





• CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN II

- Là doanh nghiệp nhà nước tách từ Nhà máy Liên Hợp Xi măng Hà Tiên từ ngày 01/01/1993.

• Trụ sở : Thị trấn Kiên Lương - Huyện Hà Tiên - Tỉnh Kiên Giang

• Điện thoại : 01.77.53004 - 53090 • Fax : 84-77-53005

- ◆ Dây chuyền công nghệ hiện đại, thiết bị do Hãng POLYSIUS (Cộng Hòa Pháp) cung cấp. Nhiên liệu nung clinker là dầu MFO.
- ★ Năng lực sản xuất hiện nay : 1.150.000 tấn clinker và 500.000 tấn xi măng PC30 mỗi năm. 60% sản lượng clinker cung cấp Công ty xi măng Hà Tiên I để sản xuất xi măng tại Thủ Đức.
- ◆ Ngoài clinker thường để sản xuất xi măng PC30, công ty còn sản xuất theo đơn đặt hàng các loại clinker đặc chủng để sản xuất xi măng ít tỏa nhiệt, xi măng bền sulfat, xây dựng các công trình thủy điện, công trình ven biển.
- ★ Sản phẩm xi măng PC30 của Công ty là Xi măng Hà Tiên đã có từ hơn 30 năm nay, hiện bán rộng rãi ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
- ★ Sản phẩm "XI MĂNG PORTLAND HÀ TIÊN II" luôn luôn bảo đảm chất lượng theo TCVN 2682-92. Trọng lượng bao bình quân ≥ 50kg/bao theo quy định đo lường của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.
- ◆ Vỏ bao P.P đảm bảo an toàn trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, bảo quản.
- ★ Huy chương vàng hội chợ quốc tế công nghiệp Việt nam năm 1993 tại Giảng Võ, Hà Nội.
- ★ Huy chương vàng "Chất lượng cao và ổn định" Bộ Xây Dựng năm 1993.
- ◆ Sản phẩm XI MĂNG PC30 của Công ty luôn luôn được kiểm tra chặt chẽ trước khi xuất xưởng.

CHI NHÁNH GIAO DỊCH VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM :

- | | |
|--|------------------------------|
| • TP. Hồ Chí Minh : Số 19 - Lầu 3 - Hồ Tung Mậu - Quận 1 | • Điện thoại : 01.3.290324. |
| • Tiền Giang - Bến Tre : - 26/3 Lê Lợi - Mỹ Tho - Tiền Giang | • Điện thoại : 01.73.72042. |
| - 144 Hưng Vương - Bến Tre. | • Điện thoại : 01.75.22319. |
| • Vĩnh Long - Trà Vinh : 07/3 Phạm Hùng - Vĩnh Long. | • Điện thoại : 01.70.23507. |
| 06 Điện Biên Phủ - Trà Vinh. | • Điện thoại : 01.74.68.302. |
| • Sóc Trăng - Minh Hải : 202A Lý Văn Lâm - Cà Mau. | • Điện thoại : 01.73.31112. |
| 24 Trần Hưng Đạo - Sóc Trăng. | • Điện thoại : 01.79.52456. |
| • An Giang : Kho Long Xuyên - Cầu quay - Thị xã Long Xuyên | • Điện thoại : 01.76.53412. |
| • Đồng Tháp : Kho Cao Lãnh - Mỹ Tho - Cao Lãnh - Đồng Tháp | • Điện thoại : 01.67.22244. |
| • Cần Thơ : Kho Cổ Bắc - phường Bình Thủy - Cần Thơ | • Điện thoại : 01.71.41326. |
| • Kiên Giang : Công ty Xi măng Hà Tiên II - Kiên Lương | |



VIECO - PS



CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU - DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
VŨNG TÀU IMPORT EXPORT PETROSERVICES COMPANY

Địa chỉ : 36A, Quốc lộ 51A, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu
Điện thoại : (84) (64) 48269-48316 - Fax : (84) (64) 48953

TĂNG TRƯỞNG KINH DOANH :

- Năm 1981 : • Thành lập Công ty, chuyên kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Năm 1988 : • Thành lập Xí nghiệp Giao nhận kho vận (VCP) :
Cảng Thương mại, Kho bãi, bốc dỡ, vận chuyển nội địa.
- Năm 1989 : • Thành lập Xí nghiệp May VIECO (VGF).
- Năm 1990 : • Thành lập Công ty liên doanh may mặc VIECO - HIKOSEN.
• Thành lập Trại nuôi tôm VIECO.
- Năm 1991 : • Thành lập Xí nghiệp Bia và Nước giải khát VIECO.
- Năm 1992 : • Hoạt động Dịch vụ dầu khí.
- Năm 1993 : • Thành lập Chi nhánh VIECO - PS tại Hà Nội.
• Hoạt động nhà hàng và khách sạn.
- Năm 1994 : • Hoạt động Dịch vụ vận tải giao nhận ngoại thương.
• Thành lập Chi nhánh VIECO - PS tại Thành phố Hồ Chí Minh.
• Thành lập Kho ngoại quan Thương cảng Vũng Tàu.
- Tiềm năng : • Đại lý bán hàng xuất nhập khẩu.
• Phát triển cảng.
• Căn cứ tiếp liệu dầu khí.
- Tổng Giám đốc : Ông VÕ VĂN KIẾN
- Phó Tổng Giám đốc : Ông NGUYỄN THANH BÌNH
Ông NGUYỄN PHƯỚC LỄ

HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP - TẬN TÌNH PHỤC VỤ



SAIGONTOURIST

CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH NƯỚC NGOÀI 1995

THÂN MỜI QUÝ KHÁCH THAM DỰ CÁC CHƯƠNG TRÌNH SAU ĐƯỢC TỔ CHỨC THƯỜNG XUYÊN :

1. TRUNG QUỐC thăm thân nhân 29 ngày :	5.610.000 đ	9. HỒNG KÔNG thăm thân nhân 7 ngày :	9.856.000 đ
2. TRUNG QUỐC du lịch 8 ngày :	15.400.000 đ	10. HỒNG KÔNG du lịch & mua sắm 7 ngày :	13.882.000 đ
3. SINGAPORE du lịch 5 ngày :	9.240.000 đ	11. THÁI LAN du lịch 5 ngày :	7.150.000 đ
4. SINGAPORE du lịch và mua sắm 7 ngày :	10.670.000 đ	12. THÁI LAN du lịch 8 ngày :	9.240.000 đ
5. ĐÀI LOAN việc riêng 15 ngày :	10.780.000 đ	13. Du lịch liên tuyến HỒNG KÔNG - MACAO 7 ngày :	14.971.000 đ
6. ĐÀI LOAN du lịch và mua sắm 8 ngày :	15.774.000 đ	14. Du lịch liên tuyến 2 nước MALAYSIA - SINGAPORE 8 ngày :	14.300.000 đ
7. NAM TRIỀU TIẾN du lịch 8 ngày Seoul - Kinh Châu - Hải Thôn :	17.160.000 đ	15. Du lịch liên tuyến 2 nước ĐÀI LOAN - HỒNG KÔNG 7 ngày :	17.600.000 đ
8. MALAYSIA du lịch 6 ngày Kuala Lumpur - Casino Genting - Thành phố cổ Melaka :	10.032.000 đ		

ĐẶC BIỆT 4 CHƯƠNG TRÌNH MỚI BẮT ĐẦU TỪ THÁNG 7/1995 :

- Chương trình du lịch INDONESIA và SINGAPORE 8 NGÀY Chuyến đầu tiên : 14-21/07 Chuyến kế tiếp : 11 - 18/08	15.950.000 đ
- Chương trình du lịch THÁI LAN và khảo sát thị trường CANADA 18 NGÀY 4 ngày du lịch Thái Lan và 14 ngày làm việc kết hợp tham quan du lịch thành phố Toronto Chuyến đầu tiên : 07-24/08 Chuyến kế tiếp : 02 - 19/10	54.780.000 đ
- Chương trình du lịch THÁI LAN và khảo sát thị trường MỸ 16 NGÀY 4 ngày du lịch Bangkok và 12 ngày làm việc kết hợp tham quan du lịch Los Angeles, San Francisco, Las Vegas, và San Diego... Chuyến đầu tiên : 04 - 19/09 Chuyến kế tiếp 06 - 21/11	55.000.000 đ
- Chương trình dành cho khách hâm mộ SEA Games 18 tại Chiang Mai: Du lịch Thái Lan 8 ngày: 11-18/12 Du lịch Bangkok và xem các trận thi đấu có đội vận động viên Việt Nam tham dự tại Chiang Mai.	12.100.000 đ

SAIGONTOURIST KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

- ❖ Giá vé bao gồm mọi thủ tục làm hộ chiếu, đón tiễn, thuế sân bay và chương trình tham quan du lịch trọn gói.
- ❖ Khách có thể mua thêm bảo hiểm: 1,2 USD/ngày/người với mức bồi thường tối đa là: 10.000 USD/người và 1.000 USD/hành lý.
- ❖ Hướng dẫn thủ tục chu đáo tại nhà hay tại nơi yêu cầu. Quý khách không phải đi lại nhiều lần.
- ❖ Khách ở tỉnh xa được hướng dẫn thủ tục cẩn thận và hồ sơ được theo dõi cho đến khi hoàn tất.
- ❖ Chương trình cho đoàn của các công ty, đơn vị cơ quan có thể linh hoạt theo yêu cầu và giá đặc biệt ưu đãi.
- ❖ Khách đã đi du lịch với Saigontourist từ lần thứ hai được đặc biệt giảm giá.
- ❖ Trước khi lên đường khách được thông tin đầy đủ về nước đến du lịch và có quà lưu niệm của Saigontourist.
- ❖ Hướng dẫn Saigontourist đi với đoàn suốt tuyến phục vụ chu đáo.

MUỐN BIẾT THÊM CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ :

1 - TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH DU LỊCH SAIGONTOURIST, 49 Lê Thánh Tôn - Q. 1	ĐT : 244819 - 298914
2 - TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH DU LỊCH - VĂN PHÒNG 2, 1 Nguyễn Chí Thanh - Q.5	ĐT : 354539 - 350632
3 - 171 Nguyễn Công Trứ - Q.1	ĐT : 222066
4 - 206 Trần Hưng Đạo B - Q.5	ĐT : 567080
5 - 225A Trần Hưng Đạo B - Q.5	ĐT : 571837
6 - 329C Minh Phụng - Q.11	ĐT : 552221
7 - 75 Hoàng Văn Thụ - Q. Phú Nhuận	ĐT : 445599
8 - 84 Cách Mạng Tháng Tám - Q. Tân Bình	ĐT : 424751



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách



Công ty **Bia SAIGON**

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT: 559595 - 6 HAI BÀ TRUNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

X9
5
63
. 1995
b. 17
AIN

Tạp chí Công sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 01-09-96
Tạp chí công sản : C quan lý
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

17
12-1995

CÔNG TY GIẤY BÀI BẰNG

BÀI BẰNG PAPER COMPANY



TRẦN NGỌC QUẾ

Bí thư kiêm Tổng giám đốc

Địa chỉ :

- Thị trấn Phong châu - huyện Phong châu - Vĩnh phú
- Điện thoại : 01-21-46733/42154/42028
- Telex : 411498 SCANMABBVT
- Fax : 84 - 21 46732

- Công ty giấy Bài Bằng thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ là công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển có thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn giấy/năm.
- Sản phẩm của Công ty bao gồm : giấy in, giấy viết, giấy Telex, giấy potaobpy ; giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 GAM/M2 - 120 GAM/M2
- Độ trắng 74-830 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc RAM từ khổ A0 - A4.
- Sản phẩm của Công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước



- Năm 1995 kế hoạch sản xuất 38.000 tấn, 6 tháng đầu năm đã sản xuất được 21,670 tấn, nhờ cải tiến công nghệ và tổ chức quản lý mà riêng quý II/95 đạt sản lượng cao chưa từng có 13.033 tấn. Trước tình hình đó Bộ Công nghiệp nhẹ giao thêm kế hoạch là 42. 000 tấn, công ty đang phấn đấu đạt 50.000 tấn. Dự kiến từ 1997 trở đi sản xuất 70.000 tấn/năm ; sau năm 2000 sản xuất trên 10 vạn tấn/năm.



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

SỐ 485

BỘ BIÊN TẬP : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII CỦA ĐẢNG

Thông báo Hội nghị lần thứ chín BCH TƯ Đảng (khóa VII)	3
ĐỖ MƯỜI - Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và năng lực sáng tạo, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đại hội VII và tích cực chuẩn bị cho Đại hội VIII	5
XÃ LUẬN - Tích cực chuẩn bị, bảo đảm cho Đại hội VIII của Đảng thành công tốt đẹp	7
PHAN ĐĂNG PHÚ - Quá trình đổi mới ở Việt nam : thành tựu, khuyết điểm và bài học	8
NGUYỄN HÀ - Về phương hướng phát triển đất nước trong thời kỳ mới	15
LƯU BÍCH HỒ - Một số vấn đề về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	19

KỶ NIỆM 65 NĂM TẠP CHÍ LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG (1930 - 1995)

Tạp chí Cộng sản qua các thời kỳ phát triển	24
Năm 1995 : Ban đọc với Tạp chí	28

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

ĐẶNG HÙNG VÕ - Vấn đề quan hệ đất đai trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	31
NGUYỄN THƯỜNG LẠNG - Cần có một hệ thống quan điểm phát triển hình thức liên doanh trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài	36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN NGHĨA VỤ - Đảng bộ Lào cai tăng cường sự lãnh đạo đối với chính quyền các xã vùng cao	39
NGUYỄN THẾ CƯỜNG - Một số vấn đề về nâng cao chất lượng đảng viên ở cơ sở xã, phường, tỉnh Minh hải	42
THANH SƠN - Hải quan Quảng ninh, người gác cửa năng động vùng Đông - Bắc	44

ĐIỀU TRA

DOÃN QUANG THIÊN - Ngành du lịch trước vận hội và thách thức mới	48
--	----

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

PHAN THẾ HẠO - Cần kiên quyết bác bỏ những luận điệu sai trái	51
---	----

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NGUYỄN ĐIỀU HƯƠNG - "Cồng bà"	52
-------------------------------------	----

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

PHẠM THỊ NGỌC TRÂM - Môi trường sinh thái với sự phát triển của thế giới hiện đại	54
---	----

QUA SÁCH BẢO NƯỚC NGOÀI

*** Kinh nghiệm quản lý công ty cổ phần ở một số nước	57
---	----

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

Tập I bộ Từ điển bách khoa Việt nam ra mắt bạn đọc	60
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

● К 8^{ому} Всенациональному Съезду Партийных представителей * Информационное сообщение о 9^{ом} Пленуме ЦК КПВ (7^{ого} созыва). ДО МЫОЙ - Повышая самостоятельность и инициативность, боремся за успешное решение задач 7^{ого} Съезда Партии и всестороннюю подготовку к 8^{ому} Съезду ● Передавая * Гарантии успеха 8^{ого} Съезда Партии - активная подготовка к нему. ФАН ДАНГ ФУ - Обновление во Вьетнаме - Достижение, дефекты и уроки. НГУЕН ХА - Об ориентации развития страны в новой стадии. ЛУУ БИК ХО - Некоторые проблемы в развитии и перестановке экономической структуры, нацеленной на индустриализацию и модернизацию ● К 65^{ому} годовщине партийного теоретического журнала (1930-1995) * Стадии развития журнала "Коммунист". 1995^{ый} год: читатели и Журнал ● Исследование - обмен мнениями * ДАНГ ХУНГ ВО - Аграрные отношения в рыночном механизме с социалистической ориентацией в нашей стране. НГУЕН ТХЫОНГ ЛАНГ - Потребность в системе взглядов для развития формы совместного предприятия в привлечении инвестиций ● Обследование * ЗОАН КУАНГ ТХИЕН - Туризм - новые возможности развития и предстоящие проблемы ● Мир: проблемы, события * ФАМ ТХИ НГОК ЧАМ - Экология и развитие современного мира ● Информация научно - практической деятельности * Выход первого тома Вьетнамской энциклопедии.

CONTENS

● Towards the 8th National Congress of the Party's Delegates * Communique of the 9th Plenum of the Executive Central Committee of the Party (7th tenure). ДО МУОЙ - Raising high the spirit of independence and self-reliance and the ability of creativeness, striving to perfectly implement the tasks of the 7th Congress and actively preparing for the 8th Congress ● Editorial * Actively preparing to ensure a full success of the 8th Party's National Congress. PHAN DANG PHU - The process of renovation in Vietnam: achievements, mistakes and lessons drawn thereby. NGUYEN HA - On the orientation of development of the country in the new period. LUU BICH HO - Some problems of developing and shifting the economic mechanisms in the direction of industrialisation and modernisation ● On the occasion of 65th anniversary of the Review on the Party's theory (1930-1995) * The Communist Review through its periods of development. The year 1995: The Review and its readers ● Research - Exchange of Views * DANG HUNG VO - Problem of land relations in the market mechanism under the socialist orientation in our country. NGUYEN THUONG LANG - It's necessary to have a system of viewpoints on the development of the joint-venture forms in the investment capital attraction ● Surveys * DOAN QUANG THIEN - The Tourism industry facing new opportunities and challenges ● The World: its Problem and Facts * PHAM THI NGOC TRAM - Ecological environment and the development of the modern world ● Theoretical - Practical Activities * The 1st volume of the "Vietnamese Encyclopedia" coming out to readers.

SOMMAIRE

● Vers le VIII^e Congrès national des Délégués du Parti communiste du Vietnam * Communiqué du 9^e Plénium du CC du PCV (issu du VII^e Congrès national) ДО МУОЙ - Porter haut l'esprit d'indépendance, de souveraineté et la capacité créative, s'efforcer à mener à bien les tâches définies par le VII^e Congrès national et se préparer activement pour le VIII^e Congrès national ● Editorial * Mener à bien les préparatifs pour le succès du VIII^e Congrès national du PCV. PHAN DANG PHU - Processus du renouveau au Vietnam: réalisations, fautes et leçons tirées. NGUYEN HA - Sur l'orientation du développement du pays dans la nouvelle étape. LUU BICH HO - Sur quelques problèmes du développement et de la transmutation de la structure économique dans le sens d'industrialisation et de modernisation. ● A l'occasion du 65^e anniversaire de la fondation de la Revue théorique du Parti (1930-1995) * La Revue du Communisme à travers des étapes de son développement. * L'année 1995: Les lecteurs et la Revue ● Etudes - Echanges de vues * DANG HUNG VO - Sur les rapports nés des terres dans le mécanisme de marché suivant l'orientation socialiste au Vietnam. NGUYEN THUONG LANG - Il est nécessaire d'établir un système des points de vue sur le développement de la forme de joint-venture pour attirer les investissements. ● Enquête * DOAN QUANG THIEN - Le tourisme vietnamien, face aux opportunités et défis nouveaux ● Le Monde: problèmes - événements * PHAM THI NGOC TRAM - Le milieu écologique et le développement du monde moderne. ● Activités théoriques - pratiques * Parution de l'Encyclopédie du Vietnam (Volume I).

SUMARIO

● Hacia el Octavo Congreso de representantes del Partido * Comunicado del Noveno Pleno del C.C. del Partido (Séptimo Congreso). ДО МУОЙ - En despliegue del espíritu de independencia, soberanía y capacidad creadora para cumplir excelentemente las tareas trazadas por el Octavo Congreso ● Editorial * Activos preparativos por el aseguramiento del buen éxito del Octavo Congreso del Partido. PHAN DANG PHU - El proceso de renovación en VN: logros, errores y lecciones. NGUYEN HA - Sobre la orientación del desarrollo del país en el nuevo periodo. LUU BICH HO - Algunos problemas sobre el desarrollo y la modificación de la estructura económica en orientación n de la industrialización y modernización ● 65 aniversario de la Revista teórica del Partido (1930-1995) * Los periodos de desarrollo de la Revista del Comunismo. 1995: el año del lector con la Revista. ● Estudios - Intercambios * DANG HUNG VO - El problema de la relación territorial en el mecanismo de mercado en la orientación socialista en Vietnam. NGUYEN THUONG LANG - Hace falta un sistema de criterios de desarrollo de la forma mixta en atraer el capital inversionista ● Encuesta * DOAN QUANG THIEN - La Rama turista ante la oportunidad y las pruebas nuevas ● El Mundo: problemas y acontecimientos * PHAM THI NGOC TRAM - El medio biológico y el desarrollo del mundo moderno ● Actividades teóricas-prácticas * Aparición del Tomo I de la Enciclopedia de Vietnam.

目錄

● 迎接黨八大的到來 ● 越共七屆九中全會的通告 ● 杜梅: 〈提高獨立、自主精神和創造能力, 爲出色地完成黨七大的任務和積極地做好黨八大的準備工作而奮鬥〉 ● 社論: 〈積極地準備, 使黨八大圓滿成功〉 ● 潘登福: 〈在越南的革新過程: 成就、缺點和教訓〉 ● 阮河: 〈關於我國在新時期的發展方向〉 ● 劉碧胡: 〈關於向工業化、現代化的經濟機構發展和轉移的若干問題〉 ● 紀念我黨的理論雜誌創刊65周年(1930年—1995年) ● 歷次發展時期的〈共產雜誌〉 ● 1995年: 讀者與雜誌 ● 研究與交換 ● 鄧雄武: 〈在我國向社會主義定向的市場經濟機制中的土地關係問題〉 ● 阮常諒: 〈在引進投資資金過程中應有一個關於發展合資形式的觀點系統〉 ● 調查 ● 尹光善: 〈面臨新機遇和考驗的旅游業〉 ● 世界: 問題與事件 ● 范氏玉沉: 〈生態環境與現代世界的發展〉 ● 理論和實踐活動的信息: 〈越南百科大辭典〉第一卷已經出版、發行

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN BCH TƯ ĐẢNG (KHÓA VII)

HỘI nghị lần thứ 9 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đã họp từ ngày 6 đến ngày 14-11-1995 tại Hà Nội để thảo luận và thông qua các dự thảo báo cáo của Ban chấp hành trung ương chuẩn bị trình Đại hội VIII của Đảng.

Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc hội nghị. Đồng chí nhấn mạnh : "Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận và quyết định nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, bao gồm : *Báo cáo chính trị, Báo cáo phương hướng nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, Báo cáo về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng và Điều lệ Đảng sửa đổi.*

Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII cũng như việc thực hiện *Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng* ; tổng kết mười năm đổi mới ; đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2000 và 2020 ; bổ sung và sửa đổi *Điều lệ Đảng*. Vì vậy, Đại hội VIII có ý nghĩa rất trọng đại. Đây là đại hội đánh dấu bước chuyển quan trọng của đất nước ta sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Qua 6 ngày thảo luận với gần 400 lượt đồng chí phát biểu ý kiến, Hội nghị đã đi đến nhất trí cao về nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII. Hội nghị cho rằng qua những năm đổi mới, đất nước ta đã có những thay đổi to lớn và sâu sắc. Trong những hoàn cảnh hết sức phức tạp, khó khăn, kiên trì đường lối đổi mới và những phương hướng đúng đắn mà Đại hội VI và Đại hội VII đề ra, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân và lực lượng vũ trang ta đã phấn đấu, dũng cảm và kiên cường, đạt được những tiến bộ trên nhiều mặt, tạo ra tiền đề thuận lợi cho bước phát triển tiếp theo.

Đánh giá mười năm đổi mới vừa qua, Hội nghị Trung ương nhận định :

- Công cuộc đổi mới mười năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ của Đại hội VII đề ra được hoàn thành về cơ bản.

- Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa được củng cố vững chắc.

- Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã được hoàn thành về cơ bản ; nước ta chuyển sang một thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Những thành tựu đạt được là kết quả của cả một quá trình tìm tòi, đổi mới, lao động và phấn đấu gian khổ của Đảng ta và nhân dân ta từ nhiều năm nay, cùng với sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

Hội nghị Trung ương đã rút ra 6 bài học chủ yếu : *Một là*, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới ; *hai là*, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội ; *ba là*, đổi mới kinh tế, coi kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước ; *bốn là*, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần tự lực tự cường và sức mạnh của toàn thể dân tộc ; *năm là*, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta, thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa ; *sáu là*, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Về phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn tới, Hội nghị nhận định :

Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Nhưng bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức.

Hội nghị xác định : xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào *Cương lĩnh* do Đại hội VII nêu lên, cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là biến đổi nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, nguồn lực con người được phát huy, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong vài chục năm, từ nay đến năm 2020, chúng ta ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới. Nhiệm vụ của nhân dân ta là tập trung mọi lực lượng tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* : tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội và an ninh, quốc phòng, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân. nâng cao tích lũy nội bộ, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Hội nghị đã nêu lên những định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu là : phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần ; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ; phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo ; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc ; chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội ; thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh ; chính sách đối ngoại ; thực hiện đại đoàn kết dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân ; tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành trung ương đặc biệt quan tâm đến vấn đề Đảng và công tác xây dựng Đảng. Hội nghị cho rằng toàn bộ thành tựu và thiếu sót của công cuộc đổi mới gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của đảng ta. Sự lãnh đạo và hoạt động của Đảng là một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đổi mới. Sự tiến bộ và trưởng thành của Đảng là một thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới. Đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo đổi mới mà Đảng ngày càng trưởng thành, nhận rõ hơn những mặt yếu kém và khuyết điểm của mình để có biện pháp khắc phục.

Để xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới, phải chú trọng giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng - người đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Phải nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và phẩm chất cách mạng ; củng cố Đảng về mặt tổ chức, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Hội nghị cũng đã đề nghị bổ sung, sửa đổi một số vấn đề về Điều lệ Đảng để đưa ra lấy ý kiến các cấp, các ngành và trình Đại hội VIII của Đảng xem xét quyết định.

Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành trung ương Đảng đã ra nghị quyết ủy nhiệm Bộ Chính trị Ban Chấp hành trung ương Đảng căn cứ vào kết quả biểu quyết của Ban chấp hành trung ương về một số vấn đề thuộc nội dung các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII và những ý kiến phát biểu tại Hội nghị Trung ương 9 để chỉnh lý dự thảo các văn kiện, sau đó đưa ra lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Hội nghị kêu gọi toàn đảng, toàn quân, toàn dân hăng hái thi đua hành động cách mạng, lập thành tích chào mừng Đại hội VIII của Đảng bằng cách đóng góp tích cực vào các dự thảo văn kiện và hoàn thành mọi nhiệm vụ năm 1995, chuẩn bị tốt mọi mặt để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996, mở đầu cho nhiệm vụ 5 năm 1996 - 2000 □

NÊU CAO TINH THẦN ĐỘC LẬP TỰ CHỦ VÀ NĂNG LỰC SÁNG TẠO, PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI VII VÀ TÍCH CỰC CHUẨN BỊ CHO ĐẠI HỘI VIII *

ĐỖ MƯỜI

Tổng bí thư BCHTƯ Đảng

SAU tám ngày làm việc khẩn trương và nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương khóa VII đã hoàn thành nhiệm vụ. Các đồng chí dự hội nghị đã nhất trí về cơ bản nội dung các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng; đồng thời, phát biểu nhiều ý kiến làm phong phú thêm nội dung các văn kiện đó. Được sự ủy nhiệm của Trung ương, Bộ chính trị sẽ chỉ đạo việc bổ sung, chỉnh lý các văn kiện trên cơ sở kết quả biểu quyết của Trung ương để đưa ra thảo luận, đóng góp ý kiến trong toàn Đảng thông qua đại hội đảng bộ các cấp và lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân.

Đại hội VIII của Đảng có ý nghĩa lịch sử đánh dấu bước ngoặt chuyển đất nước ta sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Vì vậy, chuẩn bị tốt cho Đại hội VIII là việc rất quan trọng.

Trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta được hun đúc từ bốn ngàn năm lịch sử và tiếp thụ tinh hoa của nhân loại, chúng ta phải tiếp tục khơi dậy tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, năng lực sáng tạo và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nhiệm kỳ VII và tích cực đóng góp vào thành công của Đại hội VIII, tạo nên sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần của toàn

xã hội, ra sức phấn đấu đưa nước ta quá độ vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

TỪ nay đến Đại hội VIII, thời gian còn rất ngắn mà chúng ta lại có rất nhiều việc phải làm. Vì vậy, phải tiến hành rất khẩn trương. Ngay sau Hội nghị Trung ương, các đồng chí cán tập trung chỉ đạo tổ chức đại hội đảng bộ các cấp theo đúng chỉ thị hướng dẫn của Ban bí thư; vận dụng tinh thần và nội dung Hội nghị Trung ương lần này vào việc chuẩn bị Báo cáo chính trị của các cấp ủy trình ra đại hội đảng bộ cấp mình; đồng thời, tổ chức tốt việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội VIII.

Cùng với cuộc thảo luận trong Đảng, phải thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội để thu thập ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân đóng góp vào các dự thảo văn kiện, làm cho việc chuẩn bị Đại hội VIII không chỉ là việc của Đảng mà còn là mối quan tâm thiết thân của mọi người, để Đại hội VIII trở thành ngày hội của toàn Đảng, toàn dân.

Quá trình chuẩn bị tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc của Đảng phải gắn liền với hoạt động thực tiễn. Trước mắt, phải đẩy lên phong trào hành động cách mạng của nhân dân để hoàn thành thắng lợi

* Nội dung bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 9 BCH TƯ Đảng, ngày 14-11-1995. Đầu đề là của *Tạp chí Cộng sản*

mọi nhiệm vụ năm 1995 ; chuẩn bị tốt mọi mặt để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996, mở đầu cho nhiệm vụ 5 năm 1996 - 2000. Trong đó, phải phấn đấu tiếp tục giữ vững nhịp độ tăng trưởng kinh tế, quan tâm thích đáng đến năng suất, chất lượng và hiệu quả ; tăng cường kiểm kê, kiểm soát, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, phải có chương trình, kế hoạch, biện pháp xóa đói, giảm nghèo, quan tâm đến công bằng xã hội, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe của dân, làm tốt việc đền ơn đáp nghĩa và các chính sách xã hội khác ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chống lại có hiệu quả sự xâm nhập của văn hóa phẩm đồi trụy, độc hại, lai căng ; chăm lo củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Các ngành, các cấp, các đơn vị cần tổ chức cho đảng viên và nhân dân hăng hái tham gia các hoạt động chào mừng Đại hội VIII của Đảng.

Phải tích cực chống tham nhũng, một tệ nạn đang gây nhức nhối cho xã hội. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa VII đã coi tệ quan liêu và tham nhũng là một nguy cơ của đất nước. Tại Hội nghị Trung ương lần này, nhiều đồng chí đã lên tiếng phê phán mạnh mẽ tệ nạn đó. Tham nhũng có quan hệ mật thiết với buôn lậu, trốn thuế, xa hoa, lãng phí, gây thất thoát lớn tiền bạc, của cải của nhân dân, làm hư hỏng một bộ phận đảng viên, cán bộ. Trong lúc nước còn nghèo, dân còn khó khăn, thiếu thốn, thì tham nhũng, lãng phí là tội ác, làm giảm lòng tin của nhân dân và giảm sức chiến đấu của Đảng. Bác Hồ đã coi tham ô, lãng phí như giặc nội xâm. Tôi đề nghị các đồng chí Trung ương phụ trách các ngành, các cấp đề cao trách nhiệm, quan tâm thích đáng và có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, đáp ứng lòng mong đợi của nhân dân. Thủ trưởng các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải là người gương mẫu chống tham nhũng, lãng phí, chịu trách nhiệm khi những hiện tượng đó xảy ra ở cấp, ngành, cơ quan, đơn vị mình.

Đi đôi với chống tham nhũng, lãng phí, phải tiến hành rộng rãi cuộc vận động tiết kiệm

trong toàn xã hội. Các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể phải nghiêm chỉnh thực hiện chỉ thị của Ban bí thư và chỉ thị của chính phủ gần đây về thực hành tiết kiệm. Trước mắt, phải hết sức tránh lãng phí, phô trương, hình thức ngay trong quá trình tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc.

Đó là những việc làm thiết thực, hợp lòng dân, làm cho Đảng ta và nhân dân ta phấn khởi, tin tưởng, góp phần bảo đảm thành công của đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng.

CHÚNG ta đang phấn đấu kết thúc thắng lợi năm 1995 và chuẩn bị bước vào năm 1996, năm tiến hành Đại hội VIII, với nhiều thuận lợi và cũng nhiều thử thách. Để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang và nặng nề của mình, toàn Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải chăm lo xây dựng Đảng, tiếp tục nghiên cứu quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, chống chủ nghĩa cá nhân, chống tham ô, lãng phí, quan liêu, làm cho Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, tăng cường đoàn kết, nhất trí trong Đảng, tăng cường mối liên hệ mật thiết, gắn bó giữa Đảng với dân, tiếp tục phát huy truyền thống bất khuất, kiên cường, ra sức phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân. Đảng ta phải động viên toàn dân nắm vững thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, giành thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. Đó là nhiệm vụ trọng đại mà Đảng và nhân dân ta nhất định phải làm bằng được.

Thay mặt Bộ chính trị, tôi chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương và các đồng chí tham dự Hội nghị sức khỏe dồi dào, làm tốt mọi việc bảo đảm cho đại hội đảng bộ các cấp thành công tốt đẹp, chuẩn bị tích cực tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta ▽

Xã luận

TÍCH CỰC CHUẨN BỊ, BẢO ĐẢM CHO ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG THÀNH CÔNG TỐT ĐẸP

TRONG không khí khẩn trương đầy mạnh mẽ xuất, công tác của những tháng cuối năm 1995, kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất, một tin vui mới đến với toàn đảng, toàn quân, toàn dân ta : Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) - một hội nghị có tầm vóc lớn lao và ý nghĩa quan trọng đặc biệt - đã thành công tốt đẹp. Hội nghị đã thảo luận và quyết định những nội dung cơ bản, những vấn đề trọng đại nêu trong các dự thảo văn kiện của Trung ương trình Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng. Những tư tưởng, quan điểm cơ bản của Hội nghị là cơ sở, định hướng chỉ đạo toàn Đảng chuẩn bị tốt đại hội các cấp, tiến tới Đại hội toàn quốc của Đảng, chuẩn bị đưa đất nước ta tiến vào một thời kỳ phát triển mới.

Đại hội VIII có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII cũng như việc thực hiện Cương lĩnh, Chiến lược, Điều lệ Đảng ; tổng kết 10 năm đổi mới ; đề ra phương hướng, giải pháp thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2000 và 2020 ; bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng ; bầu ra một ban chấp hành trung ương mới. Vì vậy, Đại hội VIII có ý nghĩa lịch sử. Đây là đại hội đánh dấu bước chuyển quan trọng của đất nước ta sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Tích cực chuẩn bị, bảo đảm cho Đại hội VIII của Đảng thành công là một nhiệm vụ rất quan trọng của toàn Đảng ta. Như đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nói trong buổi bế mạc Hội nghị, từ nay đến Đại hội, có nhiều việc phải làm. Bên cạnh việc lãnh đạo, tổ chức hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị thường xuyên, các cấp ủy đảng có trách nhiệm tập trung chỉ đạo tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp theo chỉ thị của Ban bí thư ; quán triệt những quan điểm cơ bản, vận dụng tinh thần nội dung, định hướng của Hội nghị Trung ương lần thứ chín vào việc chuẩn bị báo cáo chính trị trình ra đại hội đảng bộ cấp mình ; đồng thời tổ chức tốt việc thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII. Thành công của Đại hội VIII phụ thuộc rất nhiều vào quá trình chuẩn bị chu đáo và tiến hành có kết quả đại hội các cấp. Trước Hội nghị Trung ương 9, các dự thảo văn kiện của Đại hội VIII đã được các cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc, nhiều cơ quan nghiên cứu khoa học, nhiều chuyên gia và cán bộ lão thành đóng góp ý kiến. Hội nghị Trung ương lần này đã nghiêm túc xem xét và tiếp thu các ý kiến đóng góp để hoàn chỉnh các dự thảo báo cáo. Đại hội các cấp bên cạnh việc quán triệt những quan điểm, những định hướng cơ bản, phải tiếp tục thảo luận, bổ sung hoàn chỉnh thêm các dự thảo báo cáo đó, góp phần nâng cao hơn nữa tính khoa học, tính cách mạng của các văn kiện Đại hội VIII.

Cùng với việc thảo luận trong đảng, chúng ta phát huy trí tuệ của toàn dân, lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân đóng góp vào các dự thảo văn kiện của Đại hội VIII một cách thiết thực. Thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức xã hội để làm tốt việc này, tạo ra bầu không khí sinh hoạt chính trị cởi mở, dân chủ, làm cho việc chuẩn bị Đại hội VIII không chỉ là công việc của Đảng mà còn là sự quan tâm thiết thân của mọi người, làm cho Đại hội VIII thật sự là ngày hội của toàn đảng, toàn dân.

Quá trình chuẩn bị tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc của Đảng gắn liền với hoạt động thực tiễn, đẩy lên phong trào hành động cách mạng của nhân dân, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ năm 1995 ; chuẩn bị và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1996, mở đầu cho nhiệm vụ 5 năm 1996 - 2000. Các ngành, các cấp, các đơn vị cần tổ chức và động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân hăng hái tham gia các hoạt động chào mừng Đại hội VIII của Đảng. Các hoạt động cần thiết thực, có hiệu quả góp phần tăng thêm niềm tin và sự phấn khởi của toàn dân.

Mỗi kỳ Đại hội toàn quốc của Đảng đánh dấu một bước trưởng thành của Đảng về chính trị, lý luận và tổ chức thực tiễn, về ý chí chiến đấu vì sự nghiệp của giai cấp và dân tộc, về tinh thần đoàn kết thống nhất, ý thức tổ chức kỷ luật trong toàn Đảng, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Trách nhiệm và yêu cầu của Đại hội VIII rất nặng nề và trọng đại. Toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta ra sức thi đua hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, phát huy cao độ tinh thần làm chủ, đóng góp trí tuệ, chuẩn bị tốt nhất để Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng thành công tốt đẹp □

QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM : THÀNH TỰU, KHUYẾT ĐIỂM VÀ BÀI HỌC

PHAN ĐĂNG PHÚ

NGAY từ cuối những năm 70, khi nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, Đảng ta, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, đặc biệt là tổng kết những kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân, đã đề ra một số chủ trương đổi mới, góp phần quan trọng làm tăng đáng kể tốc độ phát triển kinh tế 5 năm 1981 - 1985. Tuy vậy, trong thời gian này, những nhược điểm của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chưa được khắc phục về cơ bản, đã tiếp tục cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất ; những tiến bộ và mức độ tăng trưởng kinh tế chưa đủ để khắc phục khó khăn ; đất nước vẫn còn bị bao vây, cấm vận và phải chi phí lớn về quốc phòng. Thêm vào đó, một số sai lầm về xử lý vấn đề giá lương tiền làm cho khủng hoảng kinh tế - xã hội tiếp tục diễn ra rất gay gắt, lạm phát lên đến hơn 700% vào năm 1986.

Dù sao những kết quả đổi mới từng phần đã cung cấp cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý báu. Chính dựa trên tổng kết thực tiễn, xem xét những kinh nghiệm ấy, và nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các nước trên thế giới, mà Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986) đã có những quyết sách mới rất đúng đắn. Tại đại hội này, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, Đảng ta đã nghiêm khắc kiểm điểm tình hình, phân tích những sai lầm, khuyết điểm, rút ra những kết luận cần thiết và đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra một bước ngoặt trong quá trình đi lên.

Năm năm sau Đại hội VI là một thời gian phấn đấu gian khổ, quyết liệt của toàn Đảng, toàn dân ta. Công cuộc đổi mới được triển khai mạnh mẽ. Nhưng tình hình diễn biến phức tạp,

có lúc khó khăn tưởng chừng khó vượt qua : 3 năm liền lạm phát ba con số, đời sống của những người sống dựa vào tiền lương và trợ cấp xã hội giảm sút mạnh ; nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp sản xuất cầm chừng, thậm chí phải đóng cửa, giải thể ; hàng chục vạn công nhân phải rời dây chuyền sản xuất ; nhiều cán bộ văn hóa, giáo dục lương không đủ ăn, phải bỏ nghề ; những vụ lừa đảo, đồ võ tín dụng xảy ra liên tiếp. Những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới cũng đã tác động xấu đến nước ta.

Trong tình hình ấy, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta một lần nữa đã tỏ rõ bản lĩnh vững vàng và phẩm chất cao quý, nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì phấn đấu, vừa tập trung sức giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội cấp bách, giữ vững ổn định chính trị, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, từng bước đưa Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đi vào cuộc sống, tạo ra chuyển biến tích cực. Năm 1987, lạm phát còn ở mức 416,7 % ; đầu năm 1988 còn có nạn đói lớn ở nhiều vùng ; nhưng từ năm 1989 trở đi nước ta đã bắt đầu xuất khẩu được mỗi năm từ 1 đến 1,5 triệu tấn gạo ; hàng tiêu dùng ngày càng đáp ứng nhu cầu của xã hội khá hơn ; lạm phát giảm dần. Đời sống của nhân dân được cải thiện, dân chủ trong xã hội được phát huy, lòng tin của nhân dân từng bước được khôi phục. Việc thực hiện "3 chương trình kinh tế lớn" đạt được những tiến bộ rõ rệt. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước bước đầu hình thành. Các mặt điều chỉnh chiến lược quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, tăng cường hoạt động đối ngoại, đẩy lùi

tình trạng bị bao vây, cô lập, công tác xây dựng đảng... đều có những tiến bộ đáng khích lệ.

Tuy vậy, những kết quả đạt được còn nhiều hạn chế và chưa vững chắc, nhiều vấn đề xã hội bức xúc nảy sinh. Đại hội VII của Đảng nhận định : Công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, nhưng nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Đại hội VII đã thông qua **Cương lĩnh, Chiến lược, Báo cáo chính trị và Điều lệ Đảng** (sửa đổi). Xuất phát từ thực trạng của đất nước, bối cảnh quốc tế khi bước vào thập kỷ 90 và căn cứ vào mục tiêu của chặng đường đầu thời kỳ quá độ, Đại hội đã đề ra *mục tiêu tổng quát* cho nhiệm kỳ khóa VII là : *vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng*. Đại hội đã phát triển đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở theo tinh thần "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Sau Đại hội VII không lâu, việc Liên xô và Đảng cộng sản Liên xô tan rã đã tác động sâu sắc đến nước ta. Rất nhiều cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người dao động, hoài nghi về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các thị trường truyền thống bị đảo lộn. Trong khi đó, Mỹ vẫn tiếp tục cấm vận. Các thế lực thù địch bên ngoài đã đẩy mạnh những hoạt động "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, lật đổ. Một số phần tử phản động trong nước thừa cơ ngóc đầu dậy, ráo riết hoạt động chống phá. Nước ta một lần nữa lại đứng trước những thử thách rất gay gắt.

Trong bối cảnh hết sức phức tạp ấy, Đảng ta và nhân dân ta đã kiên trì đường lối đổi mới và những phương hướng đúng đắn mà Đại hội VII đề ra, phấn đấu giành được nhiều thắng lợi to lớn mới. Nổi bật nhất là :

1 - *Chúng ta đã đẩy nhanh được nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, lần đầu tiên hoàn thành vượt mức nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm.*

Trong 5 năm 1991 - 1995, nhịp độ tăng bình quân hằng năm về *tổng sản phẩm quốc nội* (GDP) đạt 8,2% (kế hoạch đề ra là 5,5 - 6% và nhịp độ của 5 năm 1986 - 1990 là 3,9%). Nhịp độ tăng bình quân hằng năm về *sản xuất công nghiệp* là 13,3%, về *nông nghiệp* là 4,5% (5 năm 1986 - 1990 là 5,9% và 3,6%). Cơ cấu kinh tế có bước chuyển đổi theo hướng tiến bộ : tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ 22,6% năm 1990 tăng lên 30,3% năm 1995 ; tỷ trọng dịch vụ từ 38,6% tăng lên 42,5% ; kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hằng năm 20%. Vốn đầu tư cơ bản toàn xã hội năm 1990 chiếm 15,8% GDP, đến năm 1995 lên 27,4% GDP, trong đó, nguồn đầu tư trong nước chiếm 16,7% GDP ; bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Nguồn vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiếp nhận từ nước ngoài tăng nhanh. Đến cuối năm 1995, số dự án đầu tư của nước ngoài được cấp giấy phép đạt tổng số vốn đăng ký khoảng 18 tỷ USD, trong đó 1/3 số vốn đã được thực hiện. Lạm phát giảm từ 67,1% năm 1991 xuống còn 5,2% năm 1993, 14,4% năm 1994 và 12,3% trong 10 tháng đầu năm 1995.

Hoạt động khoa học - công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường. Ngày càng có thêm những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ được áp dụng có hiệu quả vào sản xuất, đời sống, trong đó có một số công nghệ tiên tiến tiếp thu từ nước ngoài.

Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần phát triển ; quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất ; cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

2 - *Tạo được một số chuyển biến tốt về mặt xã hội.*

Đời sống vật chất của phần lớn nhân dân được cải thiện. Số hộ có thu nhập trung bình và số hộ giàu tăng lên, tỷ lệ số hộ nghèo giảm tương đối nhanh. Mỗi năm có thêm trên 1 triệu lao động có việc làm. Mức tăng hằng năm của số người có việc làm bắt đầu ngang bằng và vượt chút ít so với số tăng thêm trong năm của

lực lượng lao động. Trong 5 năm, khối lượng hàng hóa tiêu thụ trên thị trường tăng gấp đôi (đã loại trừ yếu tố tăng giá). Mức tiêu dùng hàng lâu bền của nhân dân còn tăng nhanh hơn. Thêm nhiều nhà ở và đường giao thông được cải tạo và xây dựng mới ở cả nông thôn và thành thị. Sự nghiệp y tế, nhất là công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, ngăn chặn bệnh dịch, có tiến bộ. Thể dục thể thao có bước phát triển, cả về phong trào phổ cập và một số hoạt động đỉnh cao.

Trình độ dân trí được nâng lên đáng kể ; đời sống văn hóa của nhân dân có cải thiện. Hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, sự nghiệp giáo dục, đào tạo, các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, công tác kế hoạch hóa gia đình và nhiều hoạt động xã hội khác đều có những mặt phát triển và tiến bộ.

Tính năng động, sáng tạo của người dân được khơi dậy và phát huy. Người lao động chủ động, năng động hơn trong việc tìm việc làm, tìm cách tăng nguồn thu nhập, tự cải thiện đời sống ; hăng hái hơn trong việc tham gia ý kiến đóng góp vào các sinh hoạt chung của cộng đồng xã hội. Tính kỷ luật, tự giác, trật tự, nghiêm túc, dựa dẫm tập thể được khắc phục đáng kể.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với người có công được toàn dân hưởng ứng ; phong trào xóa đói, giảm nghèo và các hoạt động từ thiện giúp đỡ người tàn tật, người gặp rủi ro ngày càng mở rộng, góp phần giảm bớt khó khăn cho không ít gia đình và cá nhân. Có thể nói, đây là một nét đẹp mới trong đời sống của nhân dân ta.

Lòng tin của nhân dân đối với tiền đồ của đất nước, đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và với chế độ, được nâng lên.

3 - Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ chế độ, giữ vững độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước. Thành quả này là kết quả tổng hợp của công cuộc đổi mới, trong đó quốc phòng, an ninh giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

Đảng đã xác định rõ hơn phương hướng, nhiệm vụ và quan điểm chỉ đạo sự nghiệp bảo

vệ Tổ quốc trong tình hình mới : tiếp tục thực hiện thành công việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh trên nhiều mặt. Mặt trận an ninh được tổ chức lại và tăng cường. Chúng ta đã đập tan được các vụ bạo loạn lật đổ và hoạt động gây rối về chính trị. Các nhu cầu củng cố quốc phòng, cải thiện đời sống của lực lượng vũ trang được quan tâm đáp ứng tốt hơn. Chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội được nâng lên. Thế trận quốc phòng toàn dân được củng cố vững chắc thêm.

4 - Thực hiện có kết quả nhiều đổi mới quan trọng về hệ thống chính trị.

Trên cơ sở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng đã từng bước bổ sung, cụ thể hóa đường lối đổi mới, làm rõ dần con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta ; củng cố Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đổi mới phương thức lãnh đạo, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong xã hội. Chúng ta đã sửa đổi Hiến pháp, sửa đổi và ban hành nhiều văn bản pháp luật quan trọng, trong đó có những luật về tổ chức bộ máy nhà nước, Luật dân sự, Luật đất đai, Bộ luật lao động, Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật đầu tư trong nước... ; tiến hành cải cách một bước nền hành chính quốc gia, xây dựng và từng bước hoàn thiện nhà nước pháp quyền Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp có những đổi mới và tiến bộ theo hướng phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương và nâng cao hiệu lực. Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, hội quần chúng và tổ chức xã hội từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa được phát huy. Đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân ngày càng đoàn kết, gắn bó trong sự nghiệp chung : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đồng bào ta ở nước ngoài cũng ngày càng hướng về quê hương vì mục tiêu ấy.

5 - Phát triển mạnh mẽ quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây, cô lập, tham gia tích cực vào đời sống của cộng đồng quốc tế.

Triển khai tích cực và năng động đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, nước ta đã khôi phục quan hệ bình thường và phát triển sự hợp tác nhiều mặt với Trung quốc và các nước láng giềng, các nước trong khu vực ; trở thành thành viên đầy đủ của tổ chức ASEAN ; tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống với nhiều nước, từng bước đổi mới quan hệ với các nước thuộc Liên xô trước đây và Đông Âu ; khôi phục và tăng cường quan hệ với các nước công nghiệp phát triển, các tổ chức quốc tế và khu vực ; bình thường hóa quan hệ Việt - Mỹ ; mở rộng quan hệ với các nước Nam Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh, Trung Đông.

Tiếp tục phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập, các tổ chức và phong trào cách mạng tiến bộ trên thế giới ; thiết lập và thúc đẩy quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước. Hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân, tổ chức chính trị, xã hội, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ được mở rộng.

Quan hệ đối ngoại phát triển về nhiều mặt chính trị, kinh tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật..., trong đó quan hệ kinh tế đối ngoại mở rộng tương đối nhanh. Đến nay nước ta đã có quan hệ ngoại giao với 156 nước, có quan hệ buôn bán với trên 100 nước ; hơn 50 nước và vùng lãnh thổ có quan hệ đầu tư trực tiếp (FDI), nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho ta viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển (ODA).

Thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại là một nhân tố quan trọng góp phần giữ vững hòa bình, phá bỏ thế bị bao vây, cấm vận, cải thiện môi trường quốc tế, nâng cao vị thế của nước ta trên thế giới, tạo thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó cũng là sự đóng góp tích cực của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Với những thành tựu trên đây, chúng ta đã tạo ra môi trường trong nước và quốc tế ngày càng thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, công cuộc đổi mới của chúng ta còn *không ít khuyết điểm và những mặt yếu kém*. Đáng chú ý là :

1 - *Nước ta còn nghèo, nhưng chưa thực hiện tốt cân kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng ; tích lũy từ nội bộ nền kinh tế quá thấp.*

Đến nay, nước ta vẫn là một trong vài chục nước nghèo nhất trên thế giới, trình độ phát triển sản xuất và năng suất lao động xã hội thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế còn nhiều mặt lạc hậu ; nhu cầu vốn đầu tư phát triển rất lớn và cấp bách. Nhưng một bộ phận cán bộ và nhân dân tiêu xài lãng phí, tiêu dùng quá mức mình làm ra, chưa tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển. Nhà nước thiếu chính sách để huy động có hiệu quả nguồn vốn trong dân. Năm 1995, đầu tư xây dựng cơ bản bằng vốn trong nước (kể cả nguồn vốn khấu hao cơ bản) chỉ chiếm 16,7% GDP, trong đó phần vốn ngân sách chỉ chiếm 4,2% GDP, còn rất thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế và để tiếp thu có hiệu quả nguồn vốn bên ngoài. Sử dụng nguồn lực còn phân tán, kém hiệu quả, chưa kiên quyết tập trung sức cho các chương trình, dự án kinh tế - xã hội cấp bách.

2 - *Trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới vừa lúng túng, vừa có tình trạng buông lỏng, chưa phát huy tốt nhiều tiềm năng, giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất.*

Chậm tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách để tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nhà nước nâng cao hiệu quả hoạt động, tích lũy vốn, tự đầu tư phát triển, phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Chưa quan tâm tổng kết thực tiễn, kịp thời chỉ ra những phương hướng, biện pháp đổi mới kinh tế hợp tác xã, để cho hợp tác xã ở một số nơi tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, cản trở sản xuất phát triển ; chưa kịp thời tổng kết, giúp đỡ các hình thức kinh tế hợp tác mới xuất hiện phát triển thuận lợi. Chưa giải quyết tốt một số chính sách để khuyến khích kinh tế tư nhân yên tâm và hăng hái phát huy tiềm năng, góp phần phát triển đất nước, đồng thời chưa quản lý tốt thành

phần kinh tế này. Chưa tích cực chỉ đạo thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế cổ phần. Việc quản lý kinh tế liên doanh hợp tác với nước ngoài có nhiều sơ hở. Có nơi, có lúc đã xuất hiện khuynh hướng sai lầm muốn tư nhân hóa tràn lan doanh nghiệp nhà nước, coi nhẹ, thậm chí gần như không quan tâm gì đến việc chỉ đạo phát triển kinh tế hợp tác xã.

3 - Cơ chế thị trường còn sơ khai, vai trò quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế còn yếu.

Hệ thống quản lý kinh tế còn đang trong quá trình chuyển đổi ; luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, nhất quán và tác động cùng chiều để thúc đẩy và hướng dẫn nền kinh tế phát triển mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả và đúng hướng.

Cơ chế chính sách quản lý về tài chính, ngân hàng, giá cả, về kế hoạch hóa và định hướng phát triển nền kinh tế, về quy hoạch xây dựng, quản lý sử dụng đất đai, về thủ tục hành chính... có tiến bộ, nhưng nhìn chung đổi mới chậm. Thương nghiệp nhà nước bỏ trống một số "trận địa" quan trọng, chưa phát huy tốt vai trò chủ đạo trong lưu thông hàng hóa, ổn định giá cả thị trường, bảo vệ người sản xuất và người tiêu dùng. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ hở, tiêu cực, không ít trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất trong nước. Chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý. Bội chi ngân sách và nhập siêu còn lớn. Lạm phát chưa được kiềm chế vững chắc. Nhìn chung, sự phát triển của nền kinh tế còn mang tính tự phát, kém hiệu quả.

Các hoạt động khoa học, kỹ thuật, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, cũng như sự nghiệp giáo dục, công tác đào tạo cán bộ và một số hoạt động văn hóa nghệ thuật chưa đem lại kết quả tương xứng với vị trí và tầm quan trọng của các lĩnh vực này.

4 - Tình hình xã hội còn nhiều mặt tiêu cực ; tệ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa được ngăn chặn, thậm chí tiếp tục tăng. Tiêu cực trong bộ máy nhà nước, đảng và đoàn thể, nhất là trên các lĩnh vực đầu tư, nhà

đất, xây dựng cơ bản, thuế, xuất nhập khẩu... và cả trong hoạt động của nhiều cơ quan thi hành pháp luật, nghiêm trọng và kéo dài. Sự phân hóa giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn và giữa các tầng lớp trong nhân dân ngày càng mở rộng. Đời sống một bộ phận nhân dân, nhất là ở một số vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến, một số vùng núi, vùng đồng bào dân tộc còn quá khó khăn, chậm được cải thiện. Chất lượng phục vụ y tế, chất lượng giáo dục, đào tạo ở nhiều nơi còn thấp kém. Người nghèo không đủ tiền để chữa bệnh và cho con em đi học. Tệ nạn xã hội phát triển. Trật tự an toàn xã hội chưa được bảo đảm tốt.

5 - Hệ thống chính trị có đổi mới nhưng còn nhiều nhược điểm.

Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể nhân dân chưa nâng lên kịp với đòi hỏi của tình hình. Bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể chậm được sắp xếp lại, tinh giản và nâng cao chất lượng ; còn nhiều biểu hiện quan liêu, chưa tôn trọng đầy đủ, thậm chí còn vi phạm nghiêm trọng quyền dân chủ của nhân dân. Công tác tuyển chọn, bồi dưỡng, thay đổi, trẻ hóa cán bộ, chuẩn bị cán bộ kế cận, còn lúng túng, chậm trễ. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ. Điều đáng lo ngại là trong hoàn cảnh mới, một bộ phận cán bộ, đảng viên giảm sút lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất, đạo đức ; sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng suy yếu.

Như vậy, xét trên tổng thể, chúng ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, tạo tiền đề thuận lợi cho bước phát triển tiếp theo. Có cơ sở để nhận định rằng : *Đến nay, tuy còn một số mặt chưa được củng cố vững chắc, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, đã hoàn thành về cơ bản những nhiệm vụ của chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, có điều kiện bước sang một thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.*

*
* *

Nhìn lại chặng đường đổi mới thời gian qua, toàn đảng, toàn dân ta có quyền tự hào về những thành tựu đã đạt được, và điều quan trọng là rút ra được *những bài học kinh nghiệm* để đi tiếp những chặng đường sắp tới. Những bài học đó là :

1 - *Trong quá trình đổi mới, phải luôn luôn giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

Thực tiễn chứng minh rằng, quyết định đổi mới toàn diện của Đảng ta tại Đại hội VI là đúng đắn, đúng đắn và sáng suốt, phù hợp với đòi hỏi của cuộc sống và hợp với lòng dân. Điều quan trọng là, ngay từ đầu chúng ta đã xác định rõ đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp.

Đổi mới phải trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống quý báu của dân tộc và những thành tựu cách mạng đã đạt được. Phê phán sai lầm, khuyết điểm phải đi đôi với khẳng định những việc làm đúng, không phủ nhận sạch trơn quá khứ, không hoang mang, mất phương hướng, không từ thái cực này nhảy sang thái cực khác.

Trong quá trình đổi mới phải luôn luôn nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ; giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng.

2 - *Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới kinh tế*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị. Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới về tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác. Đồng thời, Đảng xác định rằng phải tập trung trước hết vào việc đổi mới kinh tế, khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cần thiết về vật chất và tâm

lý để giữ vững ổn định chính trị, tạo dựng niềm tin của nhân dân, tạo thuận lợi để đổi mới các mặt khác của đời sống xã hội.

Trong việc đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đi những bước thận trọng và vững chắc, chú ý giải quyết những vấn đề cấp bách nhất và đã chín muồi. Thực tế cho thấy đây là cách đi đúng đắn, bởi vì tổ chức và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị là lĩnh vực đặc biệt phức tạp, nhạy cảm, nếu vội vã dễ xảy ra sai lầm thì sẽ phải trả giá rất đắt, có khi không cứu vãn được.

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới chính trị là thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Bài học lớn là dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương. Khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phải chống khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích. Kiên quyết bác bỏ mọi mưu toan lợi dụng "dân chủ", "nhân quyền" để gây rối về chính trị, chống phá chế độ, hoặc can thiệp vào nội bộ nước ta. Chúng ta dứt khoát không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

3 - *Đổi mới kinh tế, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước.*

Chúng ta học tập và vận dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý nền kinh tế thị trường của các nước tư bản để phục vụ cho mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội, không để đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. Kinh tế thị trường có mặt tích cực, nhưng cũng có mặt tiêu cực, mâu thuẫn với bản chất của chủ nghĩa xã hội. Đó là xu thế phân hóa giàu nghèo quá mức dẫn tới phân cực xã hội, là tâm lý sùng bái đồng tiền, vì đồng tiền mà chà đạp lên đạo đức xã hội... Vì vậy, phát triển kinh tế thị trường, chúng ta đồng thời đấu tranh để khắc phục những khuynh hướng tiêu cực đó, hạn chế tối đa cái giá phải trả.

Để phát triển sức sản xuất, Đảng ta chủ trương phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư bản tư nhân, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hóa

giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, hạn chế sự phân hóa giàu nghèo, vừa khuyến khích làm giàu chính đáng, vừa coi trọng xóa đói giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội. Nói cách khác, phát triển kinh tế phải đi đôi với giải quyết đúng đắn các vấn đề xã hội.

4 - Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn thể dân tộc.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân. Chính những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là một nguồn gốc hình thành nên đường lối đổi mới của Đảng. Cũng do nhân dân ta hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm đổi mới, chịu đựng thử thách, vượt qua khó khăn mà công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu hôm nay. Để đưa sự nghiệp đổi mới đi vào chiều sâu, giành những thành tựu lớn hơn, chúng ta cần tiếp tục mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, kể cả kiều bào ở nước ngoài, đoàn kết tất cả những ai muốn đóng góp cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, huy động tối đa sức mạnh bên trong của toàn thể dân tộc để vận dụng thời cơ phát triển đất nước và vượt qua mọi nguy cơ, thử thách.

5 - Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta.

Công cuộc đổi mới của nước ta phù hợp với xu thế phát triển của thời đại, được sự đồng tình, ủng hộ sâu rộng của nhân dân các nước trên thế giới. Mở rộng quan hệ đối ngoại, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước vì mục tiêu hòa bình, độc lập và phát triển, sẽ tạo được môi trường quốc tế thuận lợi và tranh thủ những nhân tố tích cực phục vụ cho công cuộc đổi mới, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Mở rộng quan hệ quốc tế phải đi đôi với giữ vững độc lập tự chủ, giữ vững bản sắc và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc; có thêm bạn mới nhưng luôn chung thủy với đồng chí, bạn bè cũ và trân trọng những quan hệ truyền thống.

6 - Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Đảng ta là đảng cầm quyền. Những thắng lợi và thành tựu, những thất bại và tổn thất của cách mạng đều gắn liền với trách nhiệm của Đảng. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng đã soát xét lại nghiêm túc những sai lầm và yếu kém của mình, đề ra nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo lên ngang tầm đòi hỏi trong giai đoạn mới. Các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội luôn tập trung sức chống phá nền tảng tư tưởng và tổ chức của Đảng. Ở những bước ngoặt của cách mạng, hoạt động chống phá ấy càng quyết liệt. Thực tế ở nước ta và nhiều nước cho thấy, thủ đoạn họ thường dùng là xuyên tạc lịch sử, gieo rắc hoài nghi, hạ thấp và phủ nhận thành tựu cách mạng, phủ nhận sự hy sinh và công lao của những người cộng sản. Họ thổi phồng sai lầm, khuyết điểm của Đảng, tìm mọi cách vu khống Đảng. Họ lợi dụng những kẻ cơ hội, bất mãn, phản bội, hoặc thoái hóa về phẩm chất đạo đức, để phá hoại sự đoàn kết thống nhất của Đảng từ bên trong, làm cho Đảng suy yếu, tan rã. Họ rêu rao vấn đề "nhân quyền" và "dân chủ", đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, trước hết là các lực lượng vũ trang, đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, tước bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng.

Nhận rõ yêu cầu mới của cách mạng và nguy cơ nói trên, Đảng ta xác định trong giai đoạn hiện nay, phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Coi trọng tổng kết công tác xây dựng Đảng. Chú ý củng cố Đảng cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và sinh hoạt đảng. Tăng cường giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm và tính tiên phong gương mẫu của đảng viên. Kiên trì đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện tiêu cực, thoái hóa trong Đảng, chống khuynh hướng phủ định vai trò lãnh đạo của Đảng. Rút kinh nghiệm, tìm tòi đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao trình độ và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị và toàn xã hội □

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ MỚI

NGUYỄN HÀ

THỰC tế những năm qua cho thấy, đổi mới là một sự nghiệp cách mạng đầy khó khăn và thử thách. Ở nước ta, khó khăn và thử thách càng đặc biệt gay gắt vì công cuộc đổi mới được bắt đầu đúng vào lúc nước ta đang khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế xã hội, tình hình quốc tế phức tạp, quan hệ đối ngoại có nhiều khó khăn. Và chính trong hoàn cảnh khó khăn đó, Đảng ta, nhân dân ta đã dũng cảm phấn đấu, tiến hành đổi mới có kết quả, hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ mà Đại hội VII đề ra, khắc phục được tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội, đưa đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

I

Những năm sắp tới, sự nghiệp cách mạng của nước ta chắc chắn sẽ có bước phát triển sôi động trong một bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh chóng có nhiều thuận lợi nhưng cũng chứa đựng không ít yếu tố bất trắc.

Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu khiến chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, nhưng điều đó không làm thay đổi tính chất của thời đại ; loài người vẫn ở trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới (giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản; giữa các nước tư bản đế quốc với nhau ; giữa lao động và tư bản ở các nước tư bản chủ nghĩa ; giữa các dân tộc và các nước đang phát triển với chủ nghĩa đế quốc) vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn,

mức độ và hình thức biểu hiện có nhiều nét mới. Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp tiếp tục diễn ra dưới nhiều hình thức.

Nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi, nhưng xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về sắc tộc và tôn giáo, việc sản xuất và buôn bán vũ khí, chạy đua vũ trang, các hoạt động can thiệp, bạo loạn, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở nhiều nơi.

Cách mạng khoa học và công nghệ mà nội dung cơ bản là cách mạng về công nghệ thông tin, sinh học, năng lượng, vật liệu mới... tiếp tục phát triển nhanh với trình độ ngày càng cao, làm thay đổi nhanh chóng tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hóa nền sản xuất và đời sống xã hội.

Các nước đều đứng trước những cơ hội để phát triển ; nhưng do ưu thế thuộc về các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các công ty xuyên quốc gia (về vốn, công nghệ, thị trường v.v.), các nước chậm phát triển và đang phát triển đứng trước những thách thức to lớn. Cuộc cạnh tranh kinh tế thương mại - khoa học công nghệ diễn ra gay gắt trên phạm vi toàn thế giới.

Cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề chung có tính chất toàn cầu (bảo vệ môi trường, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo), không một quốc gia riêng lẻ nào có thể tự giải quyết, mà cần phải có sự hợp tác đa phương để xử lý thông qua các cơ chế đa phương, nhất là Liên hợp quốc và các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế và khu vực.

Khu vực châu Á - Thái bình dương, nhất là vòng cung Đông Á - Thái bình dương, là khu vực đang phát triển năng động nhất thế giới về kinh tế và sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ cao hơn các khu vực khác. Trong khu vực này đang diễn ra xu thế tự do hóa thương mại và quá trình liên kết, hợp tác kinh tế trên nhiều tầng nấc : đại khu vực, khu vực, tiểu khu vực, tam giác, tứ giác... Tuy vậy, khu vực này cũng tiềm ẩn một số nhân tố có thể gây mất ổn định và chịu sự tác động mạnh của các nước lớn.

Từ những đặc điểm nêu trên, trong quan hệ quốc tế, đã và đang nổi lên *những xu thế chủ yếu* sau đây :

- Hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển ngày càng trở thành đòi hỏi bức xúc của đông đảo các dân tộc và các quốc gia. Các nước dành ưu tiên cho yêu cầu phát triển kinh tế, coi phát triển kinh tế có ý nghĩa quyết định đối với việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của một quốc gia.

- Các quốc gia lớn, nhỏ tham gia ngày càng tích cực vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, quốc tế hóa và toàn cầu hóa về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác.

- Các dân tộc nâng cao ý thức độc lập, tự lực tự cường, kiên quyết đấu tranh chống lại sự áp đặt và can thiệp của nước ngoài, vì hòa bình, độc lập và phát triển.

- Các nước xã hội chủ nghĩa, các đảng cộng sản và công nhân, các lực lượng cách mạng, tiến bộ khác trên thế giới kiên trì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu cho một xã hội mới tốt đẹp, một cuộc sống hòa bình, độc lập, tự do, công bằng, ấm no, hạnh phúc, chống lại các mưu toan và hành động chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

- Các nước có chế độ chính trị xã hội khác nhau vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình ; hợp tác ngày càng tăng lên và sâu thêm nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt và quyết liệt.

Sự vận động của các mâu thuẫn cơ bản và tác động của các xu thế chủ yếu nêu trên

làm nảy sinh tính đa phương, đa dạng trong quan hệ quốc tế, từ đó nhiều nước điều chỉnh chiến lược và thể hiện chính sách đối ngoại đa phương hóa và đa dạng hóa.

Tình hình thế giới và khu vực tác động sâu sắc đến các mặt trong đời sống xã hội nước ta, đưa đến cho chúng ta những thuận lợi lớn và cả những khó khăn lớn.

Đối với nước ta, những thành tựu của công cuộc đổi mới đã và đang tạo ra thế và lực mới, cả ở bên trong và bên ngoài để chúng ta bước vào một thời kỳ phát triển mới. Chưa bao giờ nước ta có quan hệ quốc tế rộng rãi và nhiều mặt như hiện nay. Uy tín của nước ta được nâng cao trên thế giới. Khả năng giữ vững độc lập tự chủ và hội nhập với cộng đồng thế giới ngày càng tăng thêm.

Tuy nhiên, bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (tháng 1-1994) nêu lên cho đến nay vẫn rất lớn. Bốn nguy cơ ấy có mối liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau và đều nguy hiểm, không thể xem nhẹ nguy cơ nào.

Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế vẫn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của nước ta quá thấp, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Có nhiều thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện "diễn biến hòa bình", thường xuyên gây áp lực với ta về những vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", can thiệp vào nội bộ nước ta. Cuộc chạy đua vũ trang, tranh giành ảnh hưởng trong khu vực châu Á - Thái bình dương và tình hình Biển đông còn diễn biến phức tạp. Nguy cơ lệch hướng xã hội chủ nghĩa và nguy cơ về tệ quan liêu, tham nhũng vẫn đang là những nguy cơ thật sự to lớn. Tệ quan liêu, tham nhũng và suy thoái về phẩm chất, đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên làm cho bộ máy đảng và nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch. Đó là mảnh đất thuận lợi cho "diễn biến hòa bình".

Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau và cùng tác động tới chiều hướng phát triển. Chúng ta phải chủ động nắm lấy thời cơ để vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới ngày càng lớn hơn, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kẻ cả những nguy cơ mới có thể nảy sinh, bảo đảm phát triển đất nước đúng hướng. Cần lưu ý đến những nhân tố có thể làm mất thời cơ. Nếu chúng ta sơ hở hoặc phạm sai lầm trong việc xử lý các vấn đề về chủ quyền và an ninh quốc gia, xử lý không đúng quan hệ đối ngoại ; nếu quản lý kinh tế, xã hội kém, xử lý không kịp thời và đúng đắn các mâu thuẫn trong nội bộ ; nếu đội ngũ cán bộ không được đào tạo bồi dưỡng nhanh, không vươn lên ngang tầm ; nếu để tệ tham nhũng tràn lan không khắc phục được, gây ra sự mất ổn định chính trị, xã hội, thì đó chính là những nhân tố làm mất thời cơ và tăng thêm nguy cơ.

II

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào *Cương lĩnh* do Đại hội VII đề ra, chúng ta cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, phấn đấu chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại ; có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất ; có mức sống vật chất và tinh thần cao ; quốc phòng, an ninh vững chắc ; dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Trong vài chục năm, từ nay đến khoảng năm 2020, chúng ta ra sức phấn đấu để biến nước ta về cơ bản trở thành một *nước công nghiệp*. Cụ thể là :

Về *lực lượng sản xuất*, đến lúc đó nước ta sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại ; năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất

kinh doanh cao hơn nhiều so với hiện nay. Trong cơ cấu kinh tế, tuy nông nghiệp tiếp tục phát triển, song công nghiệp và dịch vụ sẽ chiếm tỷ trọng rất lớn trong GDP và lao động xã hội.

Khoa học tự nhiên và công nghệ đạt tới trình độ trung bình của thế giới. Khoa học xã hội và nhân văn có khả năng làm cơ sở cho việc xây dựng hình thái ý thức của xã hội mới. Sự phát triển của khoa học đủ sức cung cấp luận cứ cho việc hoạch định các chính sách và quy hoạch phát triển.

Về *quan hệ sản xuất*, chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

Kinh tế nhà nước thực hiện tốt vai trò chủ đạo và cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng trong nền kinh tế. Kinh tế tư bản tư nhân, cá thể chiếm tỷ trọng đáng kể. Kinh tế tư bản nhà nước dưới các hình thức khác nhau tồn tại phổ biến.

Về *đời sống vật chất và văn hóa*, nhân dân có cuộc sống no đủ, có nhà ở tương đối tốt, có điều kiện thuận lợi về đi lại, học hành, chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa ; quan hệ xã hội lành mạnh.

Làm được những việc nói trên sẽ là một bước tiến lớn trong quá trình quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trong toàn bộ tiến trình đó, *giai đoạn từ nay đến năm 2000 có vị trí và ý nghĩa cực kỳ quan trọng*. Đây là giai đoạn bản lề, nhân dân ta phải tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, thúc đẩy công cuộc đổi mới phát triển một cách toàn diện và đồng bộ, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu của *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000* : tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội và an ninh, quốc phòng, vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy nội bộ, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau.

Theo tính toán của các nhà hoạch định chính sách, đến năm 2000, GDP bình quân đầu người tăng gấp đôi năm 1990. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt khoảng 9 - 10% ; sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp khoảng 4,5 - 5% ; công nghiệp : 14-15% ; dịch vụ : 12-13% ; xuất khẩu : 25 - 30%. Tỷ lệ đầu tư/GDP khoảng 30%. Năm 2000, nông nghiệp chiếm khoảng 25%, công nghiệp và dịch vụ khoảng 75% GDP.

Phát huy tốt tiềm lực khoa học, công nghệ ; làm chủ và thích nghi hóa các công nghệ nhập và tích cực chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn ở giai đoạn sau.

Muốn thế, phải đổi mới căn bản tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả khu vực doanh nghiệp nhà nước để phát huy tốt vai trò chủ đạo. Đổi mới và phát triển đa dạng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao theo hướng xây dựng hình thức hợp tác xã cổ phần là chính. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết trực tiếp, giữa các doanh nghiệp nhà nước với nhau, giữa kinh tế nhà nước với kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, cá thể và các công ty nước ngoài.

Tạo việc làm nhiều hơn số lao động tăng thêm hàng năm, giảm đáng kể thất nghiệp ; xóa đói, tiếp tục giảm nghèo. Cải thiện điều kiện ăn ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi. Tới năm 2000, tỷ lệ tăng dân số không vượt quá 1,8%. Thanh toán nạn mù chữ cho người trong độ tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, kể cả dạy nghề ngắn hạn lên 20 - 25%. Ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường. Đẩy lùi tiêu cực và các tệ nạn xã hội.

Giữ vững sự ổn định chính trị và định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển. Tạo chuyển biến căn bản trong đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước, trọng tâm là cải cách nền hành chính, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước ; mở rộng dân chủ, thiết lập kỷ cương, trật tự an

toàn trong đời sống xã hội. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động tham gia các tổ chức quốc tế và khu vực, củng cố và nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế.

Trong quá trình phấn đấu đạt những mục tiêu nói trên, chúng ta phải chú ý xử lý thật tốt các vấn đề :

- Phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận dụng cơ chế thị trường là để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhất thiết không được để đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa.

- Đương đầu với những âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình", chúng ta phải giữ vững ổn định chính trị, giữ vững chế độ và độc lập, chủ quyền của đất nước.

- Mở cửa, hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới, tranh thủ vốn bên ngoài, nhưng phải giữ được bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy được nguồn lực bên trong, bảo đảm phát triển kinh tế, không bị lệ thuộc nước ngoài.

- Lãnh đạo đất nước trong điều kiện mới, đứng trước những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, hằng ngày đối mặt với sự tác động của những nhân tố tiêu cực, Đảng ta phải giữ vững bản chất giai cấp công nhân, nâng cao tầm trí tuệ, khắc phục sự thoái hóa, biến chất, phát huy phẩm chất cao quý của người đảng viên.

- Muốn thực hiện được những đòi hỏi trên chúng ta phải củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh dân tộc kết hợp với sức mạnh quốc tế, sức mạnh truyền thống kết hợp với sức mạnh thời đại.

Làm được như vậy, chúng ta nhất định sẽ giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đổi mới mà không đổi màu, hội nhập mà không hòa tan, bảo đảm thực hiện thắng lợi phương hướng nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ mới □

Một số vấn đề về PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

LƯU BÍCH HỒ

Dự thảo báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng chuẩn bị trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nêu rõ : "nước ta chuyển sang một thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Báo cáo cũng đã nêu lên những định hướng phát triển trên các lĩnh vực chủ yếu, trong đó có vấn đề phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Từ Hội nghị Trung ương 7 (1994) đến nay, xoay quanh vấn đề CNH, HĐH đất nước, đã có thêm nhiều công trình nghiên cứu khoa học và đã triển khai xây dựng các dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương. Những kết quả nghiên cứu đó, tuy chưa đủ để có thể hình thành một chiến lược hoàn chỉnh về CNH, HĐH, song cũng cho phép chúng ta hình dung được rõ hơn nhiều vấn đề của công cuộc CNH, HĐH ở nước ta đã được đặt ra và cần giải quyết. Một trong những vấn đề *cơ bản nhất* là *định hướng về sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, ít nhất là cho thời gian trước mắt đến năm 2000.

Chúng ta khẳng định rằng, CNH, HĐH là nhằm đạt mục tiêu "biến đổi nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, nguồn lực con người được phát huy, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" ⁽¹⁾. Như vậy, về thực chất, CNH cũng là một quá trình lâu dài để tạo ra một sự chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động gắn

với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ, tạo ra năng suất lao động, hiệu quả và trình độ văn minh kinh tế, xã hội cao và bền vững. Rõ ràng, với một nước còn ở giai đoạn kém phát triển như nước ta, đây là một quá trình cần phải trải qua nhiều thập kỷ. Và lại trong thời đại ngày nay, một khi công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa tương ứng với tiến bộ khoa học và công nghệ, đồng thời làm cho nước đi sau rút ngắn khoảng cách với các nước đi trước về phát triển kinh tế, thì việc đạt tới những chuyển biến sâu sắc nêu trên càng đòi hỏi phải có thời gian.

Để chỉ đạo thực hiện CNH, HĐH trong những điều kiện cụ thể của nước ta, Đảng ta đã đề ra một hệ thống các quan điểm cơ bản thể hiện ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 và Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội VIII. Cần nhấn mạnh rằng những quan điểm này là sự kế thừa, đúc kết và phát triển đường lối của Đảng về CNH, HĐH đất nước phù hợp với giai đoạn mới.

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản đó, Dự thảo báo cáo chính trị lần này xác định *nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm còn lại của thập kỷ 90* là : Rất quan tâm đến công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn ; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn. Đẩy mạnh các hoạt động kinh

(1) Thông báo Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII)

tế đối ngoại. Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, trước hết ở những khâu ách tắc và yếu kém nhất đang cản trở sự phát triển. Xây dựng có chọn lọc một số cơ sở công nghiệp nặng trong những ngành trọng yếu mà nhu cầu đòi hỏi bức bách và có điều kiện về vốn, công nghệ, thị trường, phát huy tác dụng nhanh và có hiệu quả cao. Phát triển mạnh sự nghiệp nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thông tin, y tế, thể dục thể thao, bảo vệ môi trường. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch.

Những nội dung cơ bản về CNH, HĐH nêu trên có tầm quan trọng hàng đầu vì nó xác định phương hướng cho việc đổi mới cơ cấu kinh tế, đề cập tới những mối quan hệ cơ bản trong nền kinh tế : quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng với công nghiệp nặng, xây dựng cơ sở hạ tầng ; quan hệ giữa khu vực sản xuất và dịch vụ ; quan hệ giữa hướng nội và hướng ngoại, hướng về xuất khẩu và thay thế nhập khẩu ; quan hệ giữa cơ sở hạ tầng vật chất và cơ sở hạ tầng xã hội. Đồng thời cũng đã nêu bật các mũi nhọn cần hình thành trong nền kinh tế. Giải quyết đúng đắn những vấn đề trên là điều kiện cơ bản để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong 5 năm tới.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng ngày càng tiến bộ là một xu thế tất yếu, khách quan của các nền kinh tế quốc gia, vừa có những nét chung mang tính quy luật, vừa có những nét riêng mang tính đặc thù phù hợp với yêu cầu và điều kiện cụ thể của nền kinh tế mỗi quốc gia ấy trong từng thời kỳ lịch sử.

Từ kinh nghiệm các nước trên thế giới, đặc biệt kinh nghiệm các nước công nghiệp mới (NIC) cho thấy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế không chỉ là kết quả của sự phát triển trong cạnh tranh trên thị trường, những ngành có hiệu quả cao sẽ phát triển ngày càng mạnh, các ngành kém hiệu quả sẽ bị thu hẹp lại, mà việc chủ động thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo mục tiêu và nhu cầu của sự phát triển, gắn với dự báo tiến bộ khoa học - công nghệ và thị trường là một trong những khâu quyết định tạo ra tăng trưởng kinh tế. Ở những

nước có nền công nghệ tiên tiến thì luôn tạo ra công nghệ mới, còn ở những nước đang phát triển thì tiếp nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến, từ đó hình thành cơ cấu mới trong công nghiệp và trong nền kinh tế với các ngành nghề mới, các sản phẩm mới, tạo sức cạnh tranh cao và tăng trưởng nhanh.

Các nước đã công nghiệp hóa, dù phát triển đa dạng cũng đều trải qua những mô hình thay đổi cơ cấu điển hình, đó là các mô hình : thay đổi vị trí giữa nông nghiệp và công nghiệp theo hướng công nghiệp ngày càng tăng và nông nghiệp giảm, chuyển đổi cơ cấu giữa ba khu vực : nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ; thay đổi cơ cấu giữa các nhóm ngành ứng với ba giai đoạn phát triển trong khu vực công nghiệp chế tác (manufacturing) gồm : giai đoạn *khởi đầu*, trọng tâm là phát triển các ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, dệt, da, may, giấy dếp, nông cụ...; giai đoạn *hoàn thành* công nghiệp hóa, trọng tâm là phát triển các ngành lắp ráp, chế tạo cơ khí kể cả máy móc nặng, luyện kim, vật liệu xây dựng, chất dẻo, giấy ; giai đoạn *hậu* công nghiệp hóa, phát triển các ngành hàng hóa lâu bền cao cấp, cơ khí chính xác, điện tử, công nghệ thông tin... Cùng với phát triển và hiện đại hóa công nghiệp, dịch vụ và kết cấu hạ tầng, khu vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn cũng ngày càng được hiện đại hóa, giảm bớt và xóa dần sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Các mô hình chuyển đổi cơ cấu trên, nói chung diễn ra theo xu hướng phát triển từ thấp đến cao ; từ hướng nội, thay thế nhập khẩu sang hướng ngoại, hướng vào xuất khẩu, từ phát triển không đồng đều sang phát triển đồng đều về kinh tế và xã hội giữa các vùng.

CNH, HĐH ở nước ta diễn ra trong bối cảnh có những biến đổi sâu sắc trên thế giới gắn với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ở giai đoạn mới ; với nền kinh tế thế giới có xu thế ngày càng quốc tế hóa và toàn cầu hóa, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh đan xen phức tạp. Trong quá trình này nước ta có những cơ hội mới và những tiền đề cần thiết, đó là tình hình kinh tế - xã hội ổn định về cơ bản ; vấn đề lương thực được giải quyết tương đối vững chắc ; khả năng cung cấp nguyên liệu nông lâm hải sản cho công nghiệp chế biến ngày càng tăng ; cơ sở sản xuất năng lượng, nguyên liệu, vật liệu, kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đã hình thành một bước và đang được xây dựng

khẩn trương ; nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu của CNH, HĐH đã được đào tạo đáng kể và có tiềm năng phát triển lớn ; thị trường trong nước được mở rộng và sinh động ; nền kinh tế bắt đầu có tích lũy nội bộ ; xuất khẩu tăng nhanh ; quan hệ quốc tế mở rộng chưa từng có cho phép tranh thủ ngày càng nhiều nguồn lực và sự hợp tác từ bên ngoài... Tuy nhiên, cũng có nhiều khó khăn, yếu kém và thách thức lớn phải đương đầu và vượt qua, mà chủ yếu là điểm xuất phát của nền kinh tế còn thấp và sức cạnh tranh còn yếu.

Xuất phát từ thực tiễn nước ta trong bối cảnh thế giới ngày nay và tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài một cách chọn lọc, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong CNH, HĐH ở nước ta được xem xét một cách tổng hòa các mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nền kinh tế - xã hội ; nghiên cứu sự biến đổi và tác động cả về lượng và về chất ở bên trong nền kinh tế và với bên ngoài ; chú ý đến hiệu quả tổng hợp và toàn diện cả trước mắt và lâu dài ; thực hiện theo những bước đi kết hợp tuần tự với đi tắt đón đầu ở những chỗ có điều kiện, tránh nguy cơ tụt hậu xa hơn với các nước. *Nội dung chủ yếu của sự chuyển dịch cơ cấu trong quá trình CNH, HĐH là :*

- *Cơ cấu ngành gắn liền với cơ cấu công nghệ* phản ánh mối quan hệ kinh tế và công nghệ, có ý nghĩa quan trọng và cơ bản nhất đặc trưng cho tính chất của lực lượng sản xuất. Quá trình CNH, HĐH ở Việt nam sẽ tạo sự chuyển dịch cơ cấu theo hướng phần đầu trong vài thập kỷ, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm xuống còn khoảng trên dưới 10%, công nghiệp và dịch vụ đạt tới khoảng 90%. Trong công nghiệp, công nghiệp chế tác chiếm tỷ trọng lớn (70 - 80%), trong đó những năm trước mắt thực hiện việc đổi mới về cơ bản công nghệ và tăng sức cạnh tranh của các cơ sở công nghiệp hiện có. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến và chế tạo, nhất là chế biến thực phẩm, dệt, da, may mặc, cơ khí, lắp ráp ô tô, xe máy và hàng điện tử. Đẩy mạnh việc tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí, sử dụng hiệu quả nguồn khí. Xây dựng một số công trình công nghiệp nặng quan trọng về điện, xi măng, cán luyện thép, phân bón. Sau năm 2000, ngoài việc tiếp tục phát triển các ngành công nghiệp đã có, sẽ tiến tới hình thành một số ngành và lĩnh vực mới : công nghiệp hóa dầu, hóa lỏng khí đốt ; công

ngiệp đóng tàu lớn, sản xuất giàn khoan và phương tiện trên biển ; công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy ; công nghiệp điện tử ; công nghiệp luyện kim lớn, chủ yếu là luyện thép, luyện nhôm và hợp kim nhôm ; công nghiệp khai khoáng có quy mô tương đối lớn quặng sắt, bô xít, vàng, đá quý và kim loại quý ; sản xuất lớn và có phần xuất khẩu máy công cụ, máy động lực và một số dây chuyền thiết bị toàn bộ. Điểm quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu ngành là hướng tới trong vài thập kỷ vươn lên đạt trình độ trung bình về công nghiệp và công nghệ của các nước trong khu vực, có đủ năng lực làm chủ công nghệ hiện đại nhập khẩu, sáng tạo một số công nghệ mới, giải quyết được các vấn đề do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đặt ra. Phần đầu sớm hình thành một số mũi nhọn như khai thác và chế biến dầu khí, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch, và sau đó có những mũi nhọn ở bước phát triển cao hơn. Tạo ra một nền dân trí và nguồn lực có trình độ tương đối cao, làm động lực cơ bản và mạnh mẽ trong phát triển.

Về cơ cấu công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, nông nghiệp. Trong 5 năm trước mắt, chúng ta không những không xem nhẹ mà rất coi trọng nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn ; cũng không thiên lệch quá nhiều về công nghiệp nặng.

Trong quy hoạch và kế hoạch 5 năm có tính đến việc hình thành các khu công nghiệp tập trung (khoảng gần 20 khu) và các điểm công nghiệp rải ra xung quanh các thị xã, thị trấn và dọc theo một số trục đường chính. Chỉ trừ một vài khu phát triển công nghiệp nặng là chính như khu Tuy hạ, Gò dầu (Đồng nai), Dung quất (Quảng Ngãi)..., còn phần lớn là dành cho các cơ sở công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và chế biến như hàng dệt, da, may mặc, điện tử dân dụng, mỹ phẩm, đồ điện tiêu dùng, bao bì, chế biến nông, lâm, hải sản v.v.. Trong các khu, cụm công nghiệp đang xây dựng và chuẩn bị xây dựng, theo thiết kế, đến 70 - 80% giá trị gia tăng (GDP) là thuộc về công nghiệp nhẹ, công nghiệp tiêu dùng. Ở các điểm công nghiệp khác ở các tỉnh, tỷ lệ công nghiệp nhẹ còn cao hơn.

Công nghiệp nông thôn cần được phát triển mạnh. Hướng xây dựng các nhà máy chế biến liên kết trực tiếp với việc trồng trọt hoặc khai thác nguyên liệu tại chỗ đã tương đối rõ.

Các làng nghề truyền thống đang được khôi phục và phát triển.

Trong nông nghiệp, chúng ta vẫn đặc biệt coi trọng phát triển sản xuất lương thực, phấn đấu đạt 30 triệu tấn năm 2000, bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, đồng thời ra sức phát triển cây công nghiệp, chăn nuôi, khôi phục và phát triển vốn rừng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho nông dân.

Về công nghiệp nặng, thực hiện tinh thần của Nghị quyết Trung ương 7 và trong tình hình mới, chúng ta cần tranh thủ thời cơ huy động vốn trong nước và ngoài nước để xây dựng một số công trình then chốt có nhu cầu cấp bách và có hiệu quả. Theo chủ trương đó, đến năm 2000, ta cần có một nhà máy lọc dầu 5 - 6 triệu tấn/năm, có khả năng sản xuất 1,8 - 2 triệu tấn thép, 16 - 20 triệu tấn xi măng, 70 vạn tấn urê, 1 triệu tấn phân lân các loại, 30 tỷ kWh điện, v.v.. Vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp nặng trong 5 năm tới chiếm khoảng 70% tổng vốn đầu tư cho các ngành công nghiệp vì tính cả điện, dầu khí, nguyên vật liệu, là lĩnh vực dùng vốn lớn, song tạo điều kiện rất quan trọng cho sự phát triển của toàn nền kinh tế, kể cả nông nghiệp, công nghiệp nhẹ.

Với đặc điểm lao động nông nghiệp nước ta chiếm tới 73% lực lượng lao động đang làm việc, không thể giải quyết quá trình chuyển đổi cơ cấu theo hướng tăng nhanh công nghiệp và dịch vụ ở nước ta bằng cách chuyển phần lớn số lao động dôi dư ở nông thôn sang làm dịch vụ và công nghiệp ở đô thị. Mặt khác, do mức sống chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, làn sóng di dân từ nông thôn vào thành thị làm cho các đô thị trở thành quá tải. Vì vậy, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải gắn liền với việc điều tiết quá trình phát triển và phân bố dân cư. Công nghiệp hóa nông nghiệp, phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn gắn liền với đô thị hóa tại chỗ, là một nội dung quan trọng của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phương hướng đi lên chủ yếu của kinh tế nông thôn trong quá trình CNH, HĐH. Công nghiệp hóa nông nghiệp hướng vào việc thực hiện thủy lợi hóa sớm, cơ giới hóa từng phần công việc, mở rộng điện khí hóa; phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, đồng thời tích cực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn.

Khu vực dịch vụ trong nền kinh tế có vị trí rất quan trọng, vừa tạo điều kiện cho phát triển, vừa đáp ứng những nhu cầu cơ bản và ngày càng nâng cao của đời sống kinh tế và xã hội. Đặc điểm và xu thế chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa đã khẳng định dịch vụ là khu vực có tỷ trọng rất lớn, ở nhiều nước nó vượt trên cả công nghiệp (50 - 60 - 70%). Ở nước ta, thời gian vừa qua, khu vực này phát triển khá nhanh, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế (từ 38,6% năm 1990 tăng lên 42% GDP năm 1995). Sắp tới, chúng ta tiếp tục coi trọng phát triển toàn diện các lĩnh vực dịch vụ thương mại, vận tải, viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, công nghệ, pháp lý, thông tin, các dịch vụ phục vụ cuộc sống nhân dân...; từng bước đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch thương mại - dịch vụ có tầm cỡ trong khu vực.

Cùng với quá trình phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị, việc xây dựng ưu tiên, có lựa chọn trong từng bước, các trọng điểm của hệ thống kết cấu hạ tầng vật chất và xã hội như giao thông vận tải, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp, thoát nước, cơ sở y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học, văn hóa... có vai trò làm nền tảng để thực hiện CNH, HĐH nhanh. Sự yếu kém và lạc hậu của những lĩnh vực này thực sự đang tạo ra những ách tắc cản trở sự phát triển cả về kinh tế và xã hội. Trước mắt, cần khắc phục tình trạng xuống cấp, khôi phục, nâng cấp và mở thêm các tuyến giao thông trọng yếu trên các vùng, giải tỏa ách tắc ở các thành phố, mở đường đến các vùng sâu, vùng xa; cải tạo, nâng cấp một số cảng biển, sân bay lớn, xây dựng dân cảng biển nước sâu. Tiếp tục hiện đại hóa mạng thông tin bưu điện và mở thông liên lạc điện thoại đến các xã. Cung cấp điện ổn định cho thành phố, khu công nghiệp và từng bước điện khí hóa nông thôn. Cải thiện việc cấp, thoát nước ở đô thị, nước sạch ở nông thôn. Đầu tư nhiều hơn cho cơ sở hạ tầng xã hội, nhất là ở nông thôn, miền núi. Phấn đấu sau vài thập kỷ đất nước có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tương đối hiện đại, tạo bộ mặt mới của một nước công nghiệp.

- *Cơ cấu lãnh thổ* phản ánh quan hệ kinh tế và xã hội giữa các vùng lãnh thổ, thể hiện việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên gắn với bố trí và sử dụng có hiệu quả nguồn lao động. Mục đích chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ trong quá trình CNH, HĐH ở

nước ta là hình thành một cơ cấu lãnh thổ hợp lý nhằm phát huy những lợi thế và khắc phục những hạn chế của từng vùng, từng tỉnh, tăng thêm và khai thác hết mức nguồn nội lực, đón những cơ hội tranh thủ tối đa nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển. Vấn đề quan trọng trong quá trình CNH, HĐH là phải thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và mức sống dân cư giữa các vùng lãnh thổ, giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi... Song quá trình đạt được sự đồng đều đòi hỏi thời gian dài, với những mục tiêu và bước đi thích hợp cho từng vùng trong từng thời kỳ.

Ở nước ta, Nghị quyết Đại hội VII, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ và Hội nghị Trung ương 7 đã xác định ba vùng kinh tế trọng điểm ở ba miền đất nước. Đây là những vùng có sẵn những ưu thế về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng cơ sở giao thông tương đối thuận tiện, có cửa biển và sân bay, có thành phố lớn để bảo đảm hậu cần về dịch vụ, nhân lực, kỹ thuật, tập trung lớn dân cư và lao động, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng khá và lao động có kỹ thuật, có sẵn công nghiệp, dịch vụ, có thị trường tiêu thụ lớn và là vùng cung ứng cho cả nước nhiều sản phẩm hàng hóa, vùng có khả năng phát huy nhanh nguồn lực tại chỗ và thu hút mạnh đầu tư nước ngoài cho phát triển kinh tế. Từ lợi thế nêu trên, các vùng này, đặc biệt ở các đô thị lớn, sẽ có tăng trưởng kinh tế nhanh, chiếm tỷ trọng cao trong GDP, trong đóng góp cho ngân sách và xuất khẩu, có tác dụng làm hạt nhân thúc đẩy và hỗ trợ các vùng khác phát triển.

Đồng thời với phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các vùng khác cũng được chú ý phát triển, và một số mặt là trọng tâm chỉ đạo của Nhà nước. Nhìn chung các vùng này có khó khăn về kết cấu hạ tầng, thiếu lao động có văn hóa và kỹ thuật; nhiều nơi, ở vùng sâu, vùng xa trên miền núi phía Bắc, Tây nguyên và một số khu vực ở đồng bằng sông Cửu long, còn chậm phát triển, đời sống kinh tế, xã hội có phần tách rời với những vùng khác. Mục tiêu chuyển dịch cơ cấu trong những vùng này là tạo điều kiện hỗ trợ của Nhà nước, của các vùng phát triển kinh tế trọng điểm và hợp tác với nước ngoài để phát huy nguồn nội lực vươn lên phát triển một cách tương đối nhanh và bền vững cả về kinh tế và xã hội. Định hướng thích hợp cho việc thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ này là:

Trong tất cả các vùng đều phải coi trọng và đẩy mạnh hơn nữa phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, đồng thời tranh thủ mọi điều kiện để phát triển công nghiệp, dịch vụ; sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái.

Đối với các vùng và các tỉnh giáp với các vùng kinh tế trọng điểm, tăng cường sự liên kết và tác động qua lại với vùng trọng điểm, tạo ra các cơ sở công nghiệp trước hết là gắn với phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, cơ sở công nghiệp bổ trợ và một số khu công nghiệp có tính "vệ tinh" hoặc "ngoại vi" để tiếp nhận sự giải tỏa công nghiệp từ các thành phố lớn.

Về phân phối vốn, một phần lớn vốn đầu tư của Nhà nước sẽ giao cho các ngành trung ương quản lý để xây dựng nhiều công trình nằm ở các vùng khác nhau, dù ở vùng trọng điểm thì cũng là phục vụ chung cho cả nước. Phần còn lại thì giao cho địa phương quản lý, khoảng 30% cho vùng trọng điểm, 70% cho các vùng khác. Đối với số vốn mà Nhà nước chỉ có thể hướng dẫn bằng các chính sách khuyến khích và ưu đãi (như vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài và vốn của các thành phần kinh tế khác), thì các vùng trọng điểm chiếm khoảng 70%, còn 30% là ở các vùng khác. Nguồn vốn này trong thời gian gần đây có xu hướng bớt tập trung hơn ở các vùng trọng điểm. Như vậy, Nhà nước tuy không điều khiển toàn bộ, song cũng khống chế được phần quan trọng vốn đầu tư, hướng nó trước hết vào xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội và một số công trình then chốt, bảo đảm tạo dần sự hài hòa trong quá trình phát triển của các vùng.

Như vậy là cùng với 3 vùng kinh tế trọng điểm có vai trò động lực ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam, còn có một loại trọng điểm nữa là vùng kinh tế trung du miền núi, nơi sinh sống của đa số đồng bào các dân tộc ít người, có nhiều khu căn cứ cách mạng và kháng chiến, nơi còn tập trung nhiều khó khăn bức xúc cần giải quyết. Chúng ta sẽ cố gắng giải quyết tốt các vấn đề của các vùng có nhiều khó khăn này, nhất là ở khu vực III của các vùng miền núi là khu vực có nhiều khó khăn nhất với khoảng 2,4 triệu đồng bào các dân tộc.

- Cơ cấu thành phần kinh tế thể hiện mối quan hệ tác động qua lại bổ sung, hỗ trợ lẫn

(Xem tiếp trang 38)

Tư liệu

Tạp chí Cộng sản QUA CÁC THỜI KỲ PHÁT TRIỂN

HỘI nghị thành lập Đảng họp từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 2 năm 1930, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã quyết định xuất bản một *tạp chí lý luận* của Đảng.

Từ đó đến nay, qua các giai đoạn cách mạng, các tạp chí lý luận của Đảng đã nối tiếp nhau ra mắt bạn đọc. Tuy tên gọi có khác nhau, như tạp chí *Đỏ*, tạp chí *Bôn-sơ-víc*, tạp chí *Sinh hoạt nội bộ*, tạp chí *Học tập*, *Tạp chí Cộng sản* (trong đó tên *Tạp chí Cộng sản* được dùng đến năm lần), nhưng các tạp chí đó, về nội dung, luôn luôn là tạp chí lý luận và chính trị của Đảng. Cùng với quá trình phát triển của sự nghiệp cách mạng, Tạp chí lý luận của Đảng đã không ngừng trưởng thành và có những đóng góp tích cực vào việc vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, giáo dục lý luận của Đảng.

Quá trình 65 năm tồn tại và phát triển của Tạp chí có thể chia thành mấy giai đoạn sau:

1- Giai đoạn 1930 - 1954

Đây là giai đoạn nước ta còn dưới ách thống trị của thực dân Pháp, cách mạng gặp muôn vàn khó khăn, Đảng ta phải hoạt động bí mật; do sự cấm đoán, khủng bố của địch, Tạp chí của Đảng không ra được đều kỳ và liên tục. Từ khi Đảng ta thành lập cho đến khi kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, Trung ương Đảng ta lần lượt xuất bản các Tạp chí sau:

Tạp chí *Đỏ* ra số đầu tiên vào ngày 5-8-1930 và được xuất bản ở Trung quốc. Tạp chí giới thiệu những vấn đề lý luận và kinh nghiệm hoạt động cách mạng. Tuy nội dung và hình thức còn đơn giản, nhưng nó đã mang tính chất của một tạp chí lý luận của Đảng; đã góp phần hướng dẫn nhận thức, công tác cho cán bộ, đảng viên trong giai đoạn đầu khi Đảng ta mới thành lập.

Tạp chí *Cộng sản* ra số 1 ngày 1-2-1931, ngay sau Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng ít lâu. Tạp chí do đồng chí Tổng bí thư Trần Phú phụ trách. So với tạp chí *Đỏ*, Tạp chí *Cộng sản* có nội dung phong phú hơn, và thể hiện rõ nét là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng. Tháng 4-1931, trước sự khủng bố dã man của thực dân Pháp, cơ quan trung ương Đảng bị vỡ, đồng chí Trần Phú bị bắt, Tạp chí *Cộng sản* phải đình bản ⁽¹⁾.

Tạp chí *Bôn-sơ-víc* được xuất bản theo quyết định của Ban chỉ huy ở nước ngoài của Đảng trong cuộc họp với đại biểu các đảng bộ trong nước tháng 6-1934. Lúc đầu, tạp chí *Bôn-sơ-víc* là "cơ quan lý thuyết của Ban chỉ huy ở ngoài của Đảng cộng sản Đông dương (phân bộ của Quốc tế Cộng sản)"; đến sau Đại hội lần thứ nhất của Đảng tháng 3-1935 thì được đổi thành "cơ quan lý thuyết của Đảng cộng sản Đông dương". Tạp chí đã giới thiệu với bạn đọc các luận điểm của Lê-nin về đảng, nông dân, tôn giáo; các bài đấu tranh tư tưởng và kinh nghiệm hoạt động cách mạng cũng được chú ý. Nó đã đóng góp vai trò quan trọng trong việc khôi phục cơ sở và hệ thống tổ chức đảng, thống nhất đảng về lý luận, tư tưởng, chính trị và tổ chức để chuẩn bị đón cao trào cách mạng mới.

Tạp chí *Cộng sản*, cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, được xuất bản lại vào cuối tháng 9-1941, do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh trực tiếp phụ trách. Tạp chí đã đặc biệt chú ý các vấn đề: xây dựng Đảng, thay đổi khẩu hiệu cách mạng, tổ chức mặt trận chống Pháp, Nhật, phát động cao trào cứu nước, xây dựng lực lượng vũ trang... Tạp chí chỉ tồn tại một thời gian ngắn rồi đình bản.

Đầu năm 1943, Tạp chí *Cộng sản* được xuất bản lại theo quyết định của Ban thường

(1) Có tài liệu ghi đến tháng 8-1934 tạp chí *Cộng sản* còn tồn tại. Xem: *Lịch sử Đảng cộng sản Việt nam* (sơ thảo). Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, tr 209.

vụ Trung ương Đảng. Đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Tạp chí được in tại Nhà in mang tên đồng chí Trần Phú. Tạp chí đã đăng các văn kiện và bài quan trọng về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong nước và thế giới như : *Nghị quyết Hội nghị Ban thường vụ Trung ương* ; *Vài ý kiến về chỉ bộ Đảng* (bài dịch của đồng chí Hoàng Văn Thụ) ; *Việc giải tán Quốc tế cộng sản* ; *Vấn đề khởi nghĩa - Kỷ niệm Xô viết Nghệ an* (của đồng chí Trường Chinh)... Tạp chí có tác dụng hướng dẫn quần chúng vào những nhiệm vụ chủ yếu lúc đó là sửa soạn khởi nghĩa, lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, giải phóng dân tộc.

Tháng 8-1947, trong bối cảnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống thực dân Pháp giành được những thắng lợi bước đầu, Trung ương Đảng quyết định xuất bản tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* nhằm đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Đảng và tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng. Tạp chí là "cơ quan trung ương huấn luyện công tác và lý luận", do đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng trực tiếp phụ trách. Nhiều đồng chí lãnh đạo của Đảng như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ, Trần Đăng Ninh, Lê Văn Lương, Nguyễn Chí Thanh... đã viết bài trên tạp chí. Nội dung chính của tạp chí là các vấn đề lý luận cơ bản, việc tổ chức, lãnh đạo các hoạt động thực tiễn. Nó có tác dụng to lớn trong việc tuyên truyền đường lối và các chính sách lớn của Đảng trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tháng 7-1950, theo quyết định của Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp tại Việt bắc từ ngày 21-1-1950 đến ngày 3-2-1950, *Tạp chí Cộng sản* lại được xuất bản thay cho tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* ; và do đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh làm chủ nhiệm, đồng chí Trần Quang Huy làm thư ký tòa soạn. Với tiêu đề "cơ quan trung ương huấn luyện lý luận và công tác của Đảng", so với *Sinh hoạt nội bộ*, *Tạp chí Cộng sản* đi vào lý luận nhiều hơn, các vấn đề đề cập trên tạp chí mang tính khái quát cao hơn, và do đó nó góp phần nâng cao trình độ lý luận và công tác của cán bộ và đảng viên trong toàn Đảng.

Sau đó một năm, tháng 7-1951, tạp chí *Nghiên cứu*, cơ quan lý luận của Trung ương

Cục miền Nam, cũng được xuất bản. Tạp chí do đồng chí Hà Huy Giáp làm chủ nhiệm, đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm chủ bút. Tạp chí đăng các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh, của các đồng chí ủy viên Trung ương cục miền Nam... ; đăng các bài giới thiệu kinh nghiệm công tác của các đảng anh em.

2- Giai đoạn 1955-1976

Kể từ giai đoạn này, tạp chí lý luận của Đảng được xuất bản liên tục đều kỳ hàng tháng.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Để "giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng", Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng (khóa II) họp vào tháng 3-1955 đã ra nghị quyết xuất bản tạp chí *Học tập*. Sau khi có nghị quyết, một ban biên tập đã được thành lập gồm 4 đồng chí : Trường Chinh, Tổng biên tập ; Võ Nguyên Giáp, ủy viên ; Hà Huy Giáp, ủy viên ; Trần Quang Huy, thư ký tòa soạn. Tạp chí ra số đầu tiên vào tháng 12-1955. Nó là "cơ quan lý luận và chính trị của Đảng", do Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo. Nhiệm vụ của tạp chí *Học tập* là "lấy học thuyết Mác - Lê-nin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng nước ta để tuyên truyền, giáo dục đường lối, phương châm, chính sách của Đảng một cách sâu sắc". Nó còn có nhiệm vụ "hướng dẫn cán bộ học tập theo chương trình do Đảng quy định". Đối tượng phục vụ của Tạp chí là "cán bộ Đảng từ trung cấp trở lên, những cán bộ ngoài Đảng và những người trí thức thích nghiên cứu chính trị và có trình độ đọc hiểu được". Phương châm biên tập của Tạp chí là "làm cho nội dung Tạp chí gắn chặt với chính sách và sinh hoạt chính trị, sinh hoạt tư tưởng của Đảng", "dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin để giải thích đường lối, phương châm, chính sách của Đảng, kết hợp với thực tế nước ta mà giáo dục lý luận".

Giữa năm 1957, Ban bí thư chỉ định đồng chí Trần Quang Huy làm Tổng biên tập Tạp chí. Tại Đại hội III của Đảng (tháng 9-1960), đồng chí Trần Quang Huy được bầu làm Ủy

viên dự khuyết Trung ương Đảng. Tháng 2-1961, được phân công chuyên trách công tác tuyên giáo. Đồng chí Trần Hồng Chương được Bộ chính trị chỉ định làm quyền Tổng biên tập Tạp chí. Tháng 9-1962, Ban bí thư cử đồng chí Vũ Tuân làm Tổng biên tập Tạp chí. Tháng 3-1965, đồng chí Vũ Tuân chuyển sang công tác khác ; đồng chí Trần Quang Huy lại được Bộ chính trị cử làm Tổng biên tập Tạp chí. Tháng 8-1965, đồng chí Đào Duy Tùng được Bộ chính trị cử làm Tổng biên tập Tạp chí thay đồng chí Trần Quang Huy trở lại chuyên trách công tác tuyên giáo.

Được sự quan tâm của Trung ương Đảng, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, với chức năng nhiệm vụ được giao, Tạp chí *Học tập* đã ngày một trưởng thành, góp phần tích cực trên mặt trận chính trị, tư tưởng, trong công tác đối nội và đối ngoại của Đảng. Vì vậy, ngày 25-8-1962, tạp chí đã được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng hai*, và năm 1965 được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương lao động hạng nhất*.

Từ đầu năm 1966, tạp chí *Học tập* bước vào thời kỳ mới của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ban bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 116/CT-TW (ngày 14-12-1965) về *Nâng cao chất lượng của tạp chí Học tập để phục vụ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Đảng, tạp chí *Học tập* trong thời kỳ này đã tập trung tuyên truyền cho đường lối chống Mỹ cứu nước, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, coi trọng nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng. Tạp chí đã tích cực đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm trong một bộ phận cán bộ đảng viên, góp phần nâng cao phẩm chất cách mạng của mọi người, củng cố sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Tạp chí cũng đã tích cực tuyên truyền đường lối đối ngoại và quan điểm quốc tế đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sự đoàn kết quốc tế, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh tạp chí *Học tập*, tạp chí chung của toàn Đảng, ở miền Nam trong những năm 1962-1975 còn có tạp chí *Tiền phong*, do Trung ương cục miền Nam xuất bản làm tài liệu nghiên cứu, học tập cho cán bộ có trình độ tương đương từ quận ủy trở lên.

Tham gia Ban biên tập tạp chí *Tiền phong* qua các thời kỳ có các đồng chí Trần Trọng Tân, Trần Văn Quang, Trần Bạch Đằng, Tô Văn Lâm, Hà Phú Thuận... Cuối năm 1969, Ban biên tập tạp chí *Tiền Phong* do đồng chí Phạm Hùng, Bí thư Trung ương cục đứng đầu.

Ra đời trong hoàn cảnh hết sức khó khăn tại chiến trường miền Nam, dưới tiêu đề "Nội san của Đảng nhân dân cách mạng Việt nam", tạp chí *Tiền phong* đã làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, tích cực góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. Ngày 10-1-1971, tạp chí đã vinh dự được Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt nam tặng thưởng *Huân chương giải phóng hạng nhất*.

Năm 1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc toàn thắng. Tạp chí *Tiền phong* giải thể vì đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình.

3- Giai đoạn 1977 - 1986

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp vào tháng 12-1976 đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước và quyết định đổi tên Đảng thành Đảng cộng sản Việt nam. Ngày 5-1-1977, Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã ra Nghị quyết số 01/NQ-TW đổi tên tạp chí *Học tập* thành *Tạp chí Cộng sản*. Đồng chí Đào Duy Tùng là Tổng biên tập tạp chí *Học tập* lúc đó, tiếp tục làm Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*.

Nhiệm vụ của *Tạp chí Cộng sản* như Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 7-1-1978 của Bộ chính trị nêu rõ là "đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm cơ sở kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt nam để tuyên truyền đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng một cách sâu sắc". Tạp chí phải "vận dụng lý luận Mác - Lê-nin, phân tích những chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức của cán bộ và đảng viên về tư tưởng,

chính sách và quan điểm của Đảng, phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong khi thi hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước ta". Tạp chí phải "giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chống tư tưởng tư sản và tàn dư tư tưởng phong kiến, phê phán tư tưởng tiểu tư sản, quét sạch ảnh hưởng của tư tưởng thực dân mới". Tạp chí phải "đi hàng đầu trong việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ đường lối cách mạng và các quan điểm của Đảng, đồng thời làm nổi bật việc Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt nam để lãnh đạo cách mạng Việt nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác...".

Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng họp vào tháng 4-1982 đã khẳng định những thắng lợi to lớn mà nhân dân ta giành được trong những năm qua, đồng thời cũng phân tích những khuyết điểm, thiếu sót trong công tác lãnh đạo của Đảng. Ngày 30-4-1982, Bộ chính trị ra quyết định đề bạt đồng chí Hồng Chương lúc đó là Phó tổng biên tập giữ chức Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, thay đồng chí Đào Duy Tùng được cử làm Trưởng Ban tuyên huấn của Trung ương Đảng.

Tháng 12-1985, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày xuất bản số đầu tạp chí *Học tập - Tạp chí Cộng sản* (1955-1985), Tạp chí Cộng sản đã được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh* vì "Trong 30 năm qua đã có nhiều cống hiến vào việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ và nhân dân". Trong thư của đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* nhân buổi lễ kỷ niệm và trao tặng huân chương cao quý đó, có đoạn viết: "Đồng đảo cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng coi tạp chí là tài liệu tin cậy để học tập, nghiên cứu đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà nước ta. Tạp chí Cộng sản xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng cộng sản Việt nam".

4- Giai đoạn từ 1986 đến nay

Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng họp tháng 12-1986, sau khi đánh giá những thắng lợi mà Đảng và nhân dân ta đã giành được, và thẳng thắn phân tích những sai lầm,

khuyết điểm, trong đó có những sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện, đã quyết định phải tiến hành *đổi mới toàn diện* các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị đến tư tưởng, văn hóa, xã hội, khắc phục tư duy cũ và cách làm ăn cũ, xa rời cuộc sống, kìm hãm sự phát triển năng động. Sau Đại hội VI, đồng chí Hà Xuân Trường, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, được cử làm Tổng biên tập Tạp chí thay đồng chí Hồng Chương nhận công tác khác. Ngày 29-3-1988, Ban bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về công tác của Tạp chí Cộng sản trong công cuộc đổi mới.

Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp vào tháng 6-1991 đã khẳng định toàn Đảng, toàn dân tiếp tục thực hiện đổi mới, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu, nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt nam. Tháng 8-1991, đồng chí Hà Xuân Trường thôi giữ chức Tổng biên tập; đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Phó tổng biên tập, được cử làm Tổng biên tập Tạp chí.

Đầu năm 1992, Bộ chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết 01/NQ-TW "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay" nhằm nâng cao trình độ lý luận của toàn Đảng, thúc đẩy công tác lý luận của Đảng lên một bước mới. Cùng với các văn kiện của Đại hội VII, Nghị quyết trên của Bộ chính trị có ý nghĩa quyết định chỉ đạo nội dung biên tập và soi sáng hoạt động của Tạp chí.

Từ tháng 5-1995, trước yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, Thường trực Bộ chính trị - Ban bí thư quyết định từ tháng 7-1995 "*Tạp chí Cộng sản* cần ra nửa tháng một số".

Nhận xét về quá trình hoạt động của *Tạp chí Cộng sản* 65 năm qua, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã viết trong *Lời tựa* cuốn *Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển* do Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản biên soạn và Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản đúng vào dịp kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Đảng ta: "Quá trình hoạt động của Tạp chí gắn liền với quá trình đấu tranh và trưởng thành của Đảng. Trong mọi thời kỳ, Tạp chí đã cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng" □

NĂM 1995

Bạn đọc với tạp chí

NĂM 1995, *Tạp chí Cộng sản* tiếp tục nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc gần xa gửi đến. Nhân dịp tổng kết cuối năm, chuẩn bị chào đón năm mới 1996, chúng tôi xin chân thành bày tỏ lời cảm ơn tới độc giả khắp mọi miền của Tổ quốc, thuộc nhiều lứa tuổi, ngành nghề... khác nhau, cũng như bạn đọc ở nước ngoài, luôn quan tâm đến Tạp chí, đã gửi bài hoặc thư nhận xét, góp nhiều ý kiến quý báu cho *Tạp chí Cộng sản* trong năm 1995.

Sau đây chúng tôi xin giới thiệu một số ý kiến chính mà bạn đọc và các cộng tác viên đã gửi đến Bộ biên tập.

Đồng đạo bạn đọc đều có nhận xét, trong năm qua, nhất là từ khi ra mỗi tháng 2 kỳ, Tạp chí đã có nhiều đổi mới về hình thức, nâng cao chất lượng về nội dung bài vở, từng bước đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, phản ánh nhiều mặt của công cuộc đổi mới đất nước và luôn giữ vững tôn chỉ, mục đích, xứng đáng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng.

Đồng chí *Phạm Văn Việt* (Quảng hà, Quảng xương, Thanh hóa), một trong nhiều bạn đọc có thư gửi đến đã tâm sự : "Từ trước, đặc biệt từ khi Liên xô sụp đổ, *Tạp chí Cộng sản* đã củng cố thêm niềm tin về lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng đối với tôi".

Còn đồng chí *Đỗ Thanh Mai* (ở Thanh hà, Thái bình) tâm sự : "Dù đời sống có khó khăn nhưng là một đảng viên, tôi cũng đặt mua một số Tạp chí để có "kim chỉ nam" cho mình suy nghĩ và hành động".

Một bạn trẻ ở trường Đại học luật TP Hồ Chí Minh viết : "Tôi chọn *Tạp chí Cộng sản* để đọc, nghiên cứu và tìm được nhiều điều bổ ích. Từ lúc rời ghế nhà trường phổ thông trung học năm 1990, tôi bắt đầu tiếp cận và tìm thấy ở Tạp chí những điều hay, ý tốt và chính thức từ cuối năm 1991 đến giờ tôi đọc hầu hết các số ra hàng tháng của Tạp chí, đồng thời lưu giữ để khi cần đọc lại, mà mỗi lần đọc lại càng thấy sâu sắc, mới mẻ hơn.

Đặc biệt từ khi tôi vào Đại học luật (1992) thì lượng kiến thức mà Tạp chí trang bị cho tôi có ý

nghĩa rất lớn. Tôi đọc Tạp chí không chỉ đơn thuần để thu lượm kiến thức mà muốn tìm hiểu sâu hơn về đường lối, chính sách mới của Đảng và Nhà nước ta, về lịch sử và bản chất chân chính của Đảng ta - một chính đảng mà cha mẹ, người thân của tôi đã trọn đời cống hiến, hy sinh... tôi lại càng thấy tự hào về những người cộng sản xung quanh mình... Mặc dù đời sống khó khăn, tôi vẫn góp nhặt để mua cho mình các số Tạp chí - nguồn kiến thức cần thiết, nguồn động viên mạnh mẽ cho tôi".

Trong năm 1995, Tạp chí đã chuyển tới bạn đọc nội dung các nghị quyết của Trung ương Đảng và việc triển khai các nghị quyết đó trong nhiều lĩnh vực, ở nhiều địa phương. Tạp chí đã có một loạt bài về những định hướng để xây dựng và phát triển đất nước, về tình hình kinh tế xã hội, về thời cuộc hiện nay, về xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng, về cải cách bộ máy hành chính... Những loạt bài nêu trên được bạn đọc đánh giá cao.

Bạn đọc hoan nghênh Tạp chí năm nay có nhiều bài phục vụ kịp thời dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn như bài : "Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, phấn đấu mãi mãi xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân, đưa đất nước vào thời kỳ phát triển mới" của đồng chí *Đỗ Mười* (số 2), "Sự kiện lịch sử và tác dụng lịch sử của nó" (số 2) và bài "Tâm vóc và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nhà nước Việt nam mới" của đồng chí *Phạm Văn Đồng* (số 11), "Nửa thế kỷ chiến đấu và xây dựng của Nhà nước Việt nam độc lập trong thời đại Hồ Chí Minh" của đồng chí *Lê Đức Anh* (số 11), "Tư tưởng của V.I Lê-nin sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta" của đồng chí *Nguyễn Đức Bình* (số 5), "Một sự chỉ đạo chiến lược chính xác, sắc bén và linh hoạt" của đồng chí *Văn Tiến Dũng* (số 4), "Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - bước phát triển mới của nghệ thuật quân sự Việt nam" của đồng chí *Hoàng Minh Thảo* (số 4), "Hồ Chí Minh với việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin" của đồng chí *Đặng Xuân Kỳ* (số 5), "Nhà nước kiểu mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh" của đồng chí *Nguyễn Văn Thảo* (số 5), "Bảo chí cách mạng Việt nam - Chặng

đường 70 năm" của đồng chí Hoàng Tùng (số 6), "Lê-nin với báo chí cách mạng" của đồng chí Tô Huy Rứa (số 4)...

Thay mặt nhóm bạn đọc ở Thừa thiên - Huế, đồng chí Nguyễn Đình Thí viết : "...chất lượng các số *Tạp chí Cộng sản* ngày càng phong phú và được nâng cao rõ rệt. Tạp chí đã đăng tải nhiều vấn đề rất lớn về lý luận cũng như thực tiễn, với *nội dung sâu sắc và hấp dẫn*, giúp cho bạn đọc hiểu sâu về đường lối quan điểm của Đảng và tình hình chuyển biến của nước ta và thế giới... Đọc *Tạp chí Cộng sản* càng củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào công cuộc đổi mới của đất nước".

Nhiều bạn đọc đánh giá những bài đấu tranh tư tưởng trên Tạp chí rất kịp thời, sắc sảo, "giúp bạn đọc định hướng trong công tác tư tưởng", "giải quyết được những nỗi lo của quần chúng, cung cấp cho cán bộ, đảng viên thêm lý luận để thuyết phục quần chúng (*Nguyễn Quý Nỹ*, Kim môn, Hải hưng). Đồng chí Nguyễn Chính, cán bộ về hưu ở phường Láng thượng, Đống đa, Hà nội viết : "Trên lĩnh vực đấu tranh chống các tư tưởng và quan điểm sai trái, *Tạp chí Cộng sản* đã có một số bài nghiêm túc, sâu sắc, rất có giá trị nghiên cứu và do đó có hiệu quả". "Đứng trước những hoàn cảnh khó khăn, phức tạp, nếu không có tiếng nói của *Tạp chí Cộng sản* phân tích đúng, sai, phải, trái thì dễ có người lầm lẫn". "Tạp chí đăng những bài có giá trị, danh thép, sắc bén, vạch trần mọi quan điểm đi ngược, phản lại quyền lợi của Đảng, của dân tộc" (*Lê Tê*, Phú tiên, Hải hưng)... Đó là những bài : "Vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin ?" của đồng chí Nguyễn Phú Trọng (số 11), "Lợi cho ai và hại cho ai ?" của đồng chí Lê Xuân Vũ (số 12), "Về một số luận điệu xuyên tạc và bịa đặt" của đồng chí Lê Xuân Lưu (số 13), "Sự lựa chọn giá trị của người Việt nam" của đồng chí Dương Vũ (số 14), "Về những đòi hỏi vô lý đối với sự lãnh đạo của Đảng" của đồng chí Bùi Minh Thắng (số 15)...

Đồng chí Nguyễn Thúy Hoàn ở Láng hạ, Hà nội viết : "Tôi đặc biệt quý bài "Vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin ?", bởi lối viết giản dị, dễ hiểu, gọn, rõ, mạch lạc, lô gích, khúc chiết. Bài viết có tác dụng giáo dục tư tưởng, giải thích 'tốt'. Bài tùy bút của Mai Trang "Việt nam trên đường chúng ta đi" cũng được bạn đọc ưa thích vì "làm giảm" cái "căng thẳng của chính luận, nhưng không mất đi "cái" hào hùng của đất nước, tầm vóc của dân tộc". Các chuyên mục *Nghiên cứu - Trao đổi*, *Thực tiễn - Kinh nghiệm* năm nay cũng được bạn đọc đánh giá có nhiều bài có giá trị, làm sáng

tỏ nhiều vấn đề bức xúc của thực tiễn, cung cấp nhiều thông tin, nhiều khái niệm mới, lý giải được nhiều thắc mắc của bạn đọc. Ví dụ như bài : "Chuẩn mực thẩm mỹ trong lối sống xã hội" của đồng chí Đỗ Kim Thịnh (số 7), "Góp thêm ý kiến về kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" của đồng chí Trần Hồ (số 6), "Tương lai dưới con mắt nhà tương lai học An-vin Tô-phlơ" của đồng chí Trần Xuân Trường (số 7, 8), "Vấn đề lập thị trường chứng khoán ở nước ta" của các đồng chí Nguyễn Khắc Hiền và Nguyễn Xuân Quang (số 8), "Nguyên cơ tụt hậu về kinh tế : những vấn đề đang đặt ra và kiến nghị" của đồng chí Nguyễn Văn Phương (số 8), "Vẫn còn đó cuộc đấu tranh giai cấp" của đồng chí Vũ Hiền (số 10)... Các bài "Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Cần thơ" của đồng chí Võ Hoàng Xinh (số 12), "Thành phố Hồ Chí Minh với việc xóa đói giảm nghèo" của đồng chí Đặng Ngọc (số 7) và loạt bài về địa phương được một số bạn đọc viết thư phản ánh "đó là những bài học quý đối với các cán bộ, đảng viên và các cấp lãnh đạo ở các tỉnh". Cuộc Hội thảo về "Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác xã trong nông nghiệp" tổ chức ở Thanh hóa đăng trên Tạp chí được bạn đọc quan tâm nghiên cứu. Sau khi đọc Tạp chí, nhóm bạn đọc ở Hải hưng đã viết thư yêu cầu tiếp tục tổ chức những cuộc hội thảo như vậy và đề nghị *Tạp chí cộng sản* phản ánh cụ thể để bạn đọc biết và học tập.

Bạn đọc cũng viết thư cho biết : Bài "Hồ Chí Minh - nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt nam" đã giúp cho bạn đọc nắm được những nội dung cơ bản của bộ *Hồ Chí Minh Toàn tập*. Bài "Liên Hợp quốc : chặng đường 50 năm và trước thềm thế kỷ XXI" của đồng chí Lê Mai (số 14) và bài "Những thông điệp đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Liên hợp quốc" của đồng chí Phạm Xanh (số 13) là tư liệu quý cho các giáo viên lịch sử" (*Nguyễn Hữu Vĩnh*, giáo viên, Hải hưng).

Bạn đọc rất tâm đắc với bài "Thấy gì qua 2 cuốn sách gần đây của Bùi Tín" của đồng chí Lê Phan Di (số 7), trong mục *Đọc sách*. Các bài "Toàn cầu hóa, khu vực hóa" của đồng chí Vũ Khoan (số 2), "Nước Pháp với cuộc bầu cử tổng thống" của đồng chí La Côn (số 6), "Ý kiến nhỏ về thắng lợi lớn của ngoại giao Việt nam" của đồng chí Võ Thử Phương (số 13), "Những vấn đề của thế giới hiện nay" của Nguyễn Thị Hoa (số 13), "Việt nam gia nhập ASEAN và tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế" của đồng chí Hà Văn Thắm (số 8)

trong mục *Thế giới : Vấn đề, sự kiện*, và bài "Cần sớm thực hiện một nền nông nghiệp sạch" của đồng chí Nguyễn Khắc Trung (số 8)... trong mục *Thư gửi Bộ biên tập*, cũng đã được bạn đọc viết thư khen ngợi. Mục *Sinh hoạt tư tưởng* với những bài như : "Phổ "Trần Dư" của Vũ Lâm (số 7), "Dấn mác" của Hồ Quang Phương (số 11), "Tân quan tân chính sách" của Nguyễn Văn Lộc (số 12), "Cũng là kiểu đốt đèn Ác-tê-mi" của Nguyễn Trung Thực (số 13)... được nhiều bạn đọc quan tâm, viết thư về Tạp chí bày tỏ sự đồng tình. Có bạn đọc còn đến Tòa soạn hoan nghênh và đề nghị Tạp chí cần duy trì thường xuyên mục *Sinh hoạt tư tưởng* và đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa với những việc làm sai trái trong xã hội. Đồng chí *Phạm Văn Việt*, một bạn đọc ở huyện Quảng xương, Thanh hóa bày tỏ tâm sự : "Là một giáo viên năm nay trên 70 tuổi, đang nghỉ hưu tại địa phương, tôi hoàn toàn ủng hộ bài "Lạc điệu" của tác giả Tân Minh Sinh đăng trên Tạp chí số 6/1995".

Nhiều bạn đọc gửi thư về tòa soạn hoan nghênh mục *Tim hiểu khái niệm* và *Tin hoạt động lý luận*, cho đây là chuyên mục bổ ích đối với đồng bào bạn đọc, nhất là đối với những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy.

Về hình thức, nhiều bạn đọc có chung nhận xét với đồng chí *Nguyễn Hữu Vĩnh* : "Báo in rõ, khổ chữ có to hơn trước nên dễ đọc, kiểu chữ đa dạng, phong phú, tạo cảm giác vui mắt. Hình ảnh bìa 1 đẹp, phù hợp với nội dung..."

Việc phát hành báo khẩn trương, kịp thời, "...chỉ sau 5 ngày, những thông tin của Tạp chí đã đến với bạn đọc một cách rộng rãi ở Kim môn (Hải hưng). Qua đó chúng tôi nghĩ đến sự làm việc khẩn trương của Ban biên tập và nhà in đến mức độ nào" (nhóm bạn đọc Kim môn, Hải hưng).

Bên cạnh những ý kiến trên, bạn đọc cũng đã thẳng thắn chỉ ra *những thiếu sót, khuyết điểm* trong năm 1995 của *Tạp chí Cộng sản* và nêu lên những kiến nghị cụ thể.

Đồng chí *Bùi Hóa* ở Cam ranh, Khánh hòa cho biết Tạp chí số 5 đóng thiếu và nhầm một số trang. Đồng chí *Nguyễn Thủy Hoàn* (Hà nội) viết : trong bài tùy bút của Mai Trang "già mà người biên tập chú ý một chút rút ngắn đi phần bình về giọng hát hay của nghệ sĩ Lê Dung và một số chi tiết bất hợp lý thì bài sẽ hay hơn". Có bạn đọc phê bình có bài trong mục *Sinh hoạt tư tưởng* nêu chung chung, bàn đến những khái niệm rất rộng lại có nhiều ý sơ hờ. Bạn đọc đề nghị : ngoài các bài chính luận, hoặc nghiên cứu, cũng có thể dùng hình thức tiểu phẩm. Nhưng tiểu phẩm thì không

nên ôm đồm nội dung rộng lớn, mà chỉ nên lấy ra từ đó một khía cạnh một sự việc, nhằm vào một luận điệu, một đối tượng cụ thể để phê phán chế giễu, bằng văn phong hóm hỉnh nghe có vẻ nhẹ nhàng mà đòn chỉ trích vẫn sâu xa.

Còn *Đỗ Thanh Mai* (Thanh hà, Thái bình) bày tỏ băn khoăn "thử hỏi các đảng bộ cơ sở (xã) mỗi nơi mua được mấy số, nếu có thì ai đọc và đảng ủy đã sử dụng Tạp chí này như thế nào để nâng cao trình độ lý luận cũng như hiểu biết về đường lối chủ trương của Đảng". Đồng chí đề nghị : "Nhân dịp 3-2 tới, Tạp chí nên có bảng thống kê về tình hình và số lượng của từng xã, huyện đã mua và đọc Tạp chí ; đồng thời nêu gương những cơ sở tổ chức đọc, sử dụng Tạp chí tốt nhất". Bạn *Hoàng Đức Tâm* (TP Hồ Chí Minh) có một ý kiến nhỏ "tôi không phản đối việc quảng cáo trên tạp chí, song quảng cáo mặt hàng như bia Sài gòn trên Tạp chí lý luận quan trọng này liệu có hợp không ?". Có cộng tác viên gửi thư đến cho biết Tạp chí số 9 đến tay cộng tác viên quá chậm.

Còn đồng chí *Hoàng Tô Khương* (Thư viện tỉnh Yên Bái) đề nghị "Tạp chí nên mở thêm chuyên mục thông tin tư liệu, trong đó thông báo thường xuyên cho độc giả về sách mới xuất bản trong và ngoài nước cũng như những bài quan trọng trên các tạp chí khác. Ngoài ra, Tạp chí nên tóm tắt những tài liệu quan trọng nhất trong mỗi số, giúp cho việc xử lý và tuyên truyền các bài của Tạp chí trong các thư viện, các cơ quan thông tin khoa học và đại chúng được thuận lợi hơn". Đồng chí *Bùi Hóa* nêu nguyện vọng và cũng là ý kiến đề xuất : "làm sao các bài báo về các ngày kỷ niệm đảng sớm hơn đến kịp thời với bạn đọc mới có tác dụng tốt, còn đến chậm sau ngày kỷ niệm thì rất đáng tiếc".

Bạn đọc thân mến !

Chúng tôi xin cảm ơn những ý kiến đóng góp chân thành của bạn đọc đối với Tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Chúng tôi sẽ nghiên cứu và tiếp thu những ý kiến đó một cách đầy đủ, nghiêm túc, đồng thời tiếp tục cải tiến về mọi mặt của Tạp chí để đáp ứng được yêu cầu và sự tin yêu của bạn đọc, góp phần có hiệu quả hơn vào công tác lý luận và tư tưởng của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng.

Chắc rằng trên đây chúng tôi chưa phản ánh hết được những suy nghĩ của bạn đọc đối với *Tạp chí Cộng sản*. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được nhiều bài, thư góp ý và những thông tin mới của các bạn.

BẠN ĐỌC

Vấn đề quan hệ đất đai trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta

ĐẶNG HÙNG VÕ *

BA yếu tố lao động, đất đai và tài chính có tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của mọi quốc gia, dân tộc. Trong những quan hệ phức tạp của ba yếu tố đó chúng ta cần nghiên cứu kỹ lưỡng để tìm ra yếu tố nào của đất đai sẽ tham gia thị trường để tạo hiệu quả phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan hệ đất đai ở nước ta bắt đầu đổi mới từ đầu thập kỷ 80 sau khi có Chỉ thị 100-CT/TW (13-1-1981) của Ban bí thư Trung ương Đảng về mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp và Nghị quyết 10-NQ/TW (5-4-1988) của Bộ chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Hệ thống luật đất đai hiện hành đã quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Nhà nước giao đất cho người sử dụng đất để sử dụng ổn định và lâu dài. Người sử dụng đất có 5 quyền: *chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp và cho thuê*. Nhà nước cho thuê đất, Nhà nước *xác định giá đất để tính thuế, thu tiền khi giao đất hoặc cho thuê đất và có trách nhiệm bồi thường khi thu hồi đất*. Như vậy, những mặt cơ bản của quan hệ sở hữu, quản lý và phân phối đối với đất đai đã được đặt nền móng trong hệ thống luật này.

Từ năm 1988 đến nay, việc giao đất nông - lâm nghiệp cho các hộ nông dân sản xuất đã thực sự giải phóng lực lượng sản xuất nông nghiệp, góp phần quyết định để

tăng năng suất lao động. Đối với khu vực kinh tế công nghiệp và dịch vụ, Nhà nước đã cho phép kinh doanh nhà ở nhằm hạn chế hoạt động của thị trường "ngầm" về nhà đất ở đô thị và động viên được nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, giải quyết khó khăn về nhà ở cho dân. Nhà nước cũng đã cho thí điểm đấu thầu xây dựng, cơ sở hạ tầng trên đất ở một số khu vực đất phát triển đô thị, để từ đây có thêm kinh nghiệm trong khi cho các thành phần kinh tế có thể tham gia đầu tư. Nhà nước cũng đã cho phép nhiều liên doanh đầu tư trồng rừng, xây dựng khu chế xuất, khu công nghiệp, khu du lịch để thu hút vốn nước ngoài và trong nước đầu tư cho đất đai. Như vậy, Nhà nước đã có những chính sách bước đầu để các thành phần kinh tế cùng tham gia đầu tư đất đai nói chung, đặc biệt cho khu vực công nghiệp và dịch vụ. Mặc dù vậy, nhiều vấn đề trong quan hệ đất đai vẫn chưa được thể hiện rõ trong các chính sách về đất đai hiện nay. Chính vì vậy mà nhiều hiện tượng tiêu cực trong quản lý và sử dụng đất đai đã xảy ra. Đó là hoạt động của thị trường "ngầm" nhà - đất, sử dụng đất sai mục đích, cấp đất sai thẩm quyền, lấn chiếm đất đai, đô thị hóa không theo quy hoạch. Điều này đã làm cho đất nông nghiệp bị mất nhiều, một số hộ nông dân không có đất sản xuất, ngân sách nhà nước thất thu từ quỹ đất v.v.. Vì vậy, một mặt cần tăng

* GS. TS khoa học kỹ thuật, Tổng cục địa chính

cường hiệu lực của bộ máy quản lý đất đai các cấp, mặt khác cần sớm hoàn thiện hệ thống chính sách đất đai trên cơ sở phân tích quan hệ đất đai trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Phân tích quan hệ đất đai trong một cơ chế kinh tế, chúng ta cần phân tích các mặt của quan hệ sản xuất có liên quan tới việc sử dụng đất đai. Đó là *quan hệ sở hữu, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối*.

1- Quan hệ sở hữu

Trong hình thái kinh tế - xã hội phong kiến, chế độ độc quyền sở hữu tư nhân về đất đai được bảo vệ. Khi hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa được hình thành, chế độ sở hữu này vẫn tiếp tục được chấp nhận như một tồn tại lịch sử mặc dù không phù hợp với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các nhà kinh tế học tư sản đã lên tiếng công kích sở hữu tư nhân về đất đai và coi đây là một vật thừa phi lý vì tiền thuê đất làm tăng giá thành sản phẩm. Vì vậy, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bắt hình thái sở hữu tư nhân về đất đai phụ thuộc vào tư bản bằng cách chuyển hóa cho phù hợp thông qua hình thức thuê đất. Mặc dù vậy, hình thức sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về đất đai vẫn được duy trì và được ngày càng tinh vi hơn.

Mác đã phân tích mặt xã hội của sở hữu về đất đai. Trong một hình thái kinh tế xã hội công bằng và văn minh thì quyền tư hữu của một số người cá biệt đối với những bộ phận nào đó của trái đất là hoàn toàn phi lý. Ngoài tính phi lý về quyền bình đẳng giữa mọi người trong quan hệ với tự nhiên, còn có tính phi lý thể hiện rõ ràng trong giải quyết bài toán môi trường hiện nay đang bị suy thoái do việc khai thác triệt để tài nguyên thiên nhiên trong đó có đất đai vì lợi nhuận riêng. Như vậy, sở hữu tư nhân về đất đai không phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội công bằng và văn minh vì lợi ích chung của mọi người, của các dân tộc và của toàn nhân loại.

Mác đã nhận thấy sự khác nhau giữa đất đai với tư cách là *vật chất* và đất đai với tư cách là *tư bản*. Bản thân đất đai tự nhiên không có một lao động nào được vật hóa trong nó, do đó đất đai nếu có chỉ là sở hữu đất đai tự nhiên, không liên quan gì đến việc tạo ra lợi nhuận từ việc đầu tư vào đất đai. Trong nền kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp, con người chỉ nhấn mạnh mặt hiện vật của đối tượng sở hữu, tức là chỉ để trả lời cho câu hỏi "của ai" (chỉ quan tâm tới quyền chiếm hữu trong quan hệ sở hữu). Trong nền kinh tế hàng hóa, nhất là khi đã chuyển sang cơ chế thị trường, con người nhấn mạnh tới giá trị của đối tượng sở hữu, tức là khả năng sinh lợi của nó (nhấn mạnh tới quyền sử dụng và quyền định đoạt trong quan hệ sở hữu). Vì vậy, đất đai với tư cách là tư bản hay là giá trị đầu tư cho đất đai để sinh lợi nhuận mới là yếu tố chính của đất đai tham gia hoạt động trong cơ chế thị trường. Kết quả đầu tư cho đất đai đã được kết tinh lao động trù tượng trong nó, tức là có giá trị sử dụng, vậy đó là hàng hóa và được tham gia thị trường. Đến đây có thể kết luận là : *sở hữu toàn dân về đất đai không hề gây bất kỳ một trở ngại nào cho hoạt động của đất đai trong cơ chế thị trường*. Nền kinh tế thị trường chỉ cần có thị trường đầu tư đất đai, một yếu tố thực sự là hàng hóa do các thành phần kinh tế cùng tham gia. Thị trường đầu tư đất đai cần được xây dựng cùng với thị trường lao động, thị trường tài chính, thị trường hàng hóa để tạo một hệ thống thị trường đồng bộ. *Sở hữu toàn dân về đất đai là một yếu tố quyết định để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Sở hữu toàn dân về đất đai thể hiện ý chí của nhân dân về quyền chiếm hữu và thực hiện quyền định đoạt của nhân dân đối với đất đai thông qua quy hoạch sử dụng đất và chế độ sử dụng đất được Nhà nước, đại diện cho toàn dân quyết định. Các thành phần kinh tế được Nhà nước giao quyền sử dụng đất theo những chế độ riêng tùy thuộc

vào mục đích sử dụng đất thuộc khu vực kinh tế nào. Các chế độ sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy luật của thị trường thông qua hoạt động của thị trường đầu tư đất đai, đúng tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất trong từng khu vực kinh tế nông nghiệp, công nghiệp hay dịch vụ, đúng định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong khu vực kinh tế nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp) trình độ sản xuất còn thấp, chưa thoát khỏi cơ chế kinh tế tự túc tự cấp, kinh tế hộ gia đình đang phát huy tác dụng tăng năng suất lao động. Vì vậy Nhà nước có thể giao đất không thu tiền cho các thành phần kinh tế sản xuất nông nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài. Người sử dụng đất được hưởng 5 quyền : *chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê* để tạo điều kiện hình thành thị trường hàng hóa nông nghiệp. Kinh nghiệm của các nước trên thế giới cũng như trong khu vực đã cho thấy, tổ chức sản xuất nông nghiệp theo phương thức *trang trại gia đình* là phù hợp với việc phát triển kinh tế nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa. Hiện nay, mức độ phát triển công nghiệp của mỗi nước tỷ lệ nghịch với số lượng lao động trong khu vực nông nghiệp và tỷ lệ thuận với quy mô trang trại gia đình là một vấn đề có tính quy luật được rút ra từ thực tiễn. Ở những nước công nghiệp phát triển, kinh tế nông nghiệp đóng vai trò không lớn trong tổng sản phẩm quốc nội, nhưng lại đặc biệt quan trọng trong vấn đề an toàn lương thực và bảo vệ môi trường. Chế độ sử dụng đất nông nghiệp của chúng ta hiện nay là phù hợp với quy luật thị trường và đúng định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa.

Đất nhà ở đóng vai trò bảo đảm tư liệu sinh hoạt cho con người. Nhà nước giao đất ở cho hộ gia đình và cá nhân có thu tiền sử dụng đất với mức thu tùy theo khu vực và đối tượng được quyền sử dụng, trong đó ưu tiên các gia đình thuộc diện chính sách và

các hộ nghèo. Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, ở khu vực đô thị, người sử dụng đất ở thường tổ chức kinh tế hộ gia đình làm dịch vụ giống như kinh tế hộ gia đình làm nông nghiệp ở nông thôn. Tương tự như người sử dụng đất nông nghiệp, người sử dụng đất ở được hưởng 5 quyền là phù hợp. Để giải quyết tốt vấn đề nhà ở, kiểm soát được quá trình đô thị hóa và tăng nguồn thu cho ngân sách, *cần sớm hình thành thị trường đầu tư nhà ở thuộc khu vực phát triển đô thị và ven trục đường giao thông.*

Trong khu vực kinh tế công nghiệp và dịch vụ, chế độ sử dụng đất phải có quy định phù hợp với hiệu quả của hoạt động thị trường. Quá trình sản xuất công nghiệp và tổ chức hoạt động dịch vụ ở trình độ cao làm cho người sử dụng đất chỉ quan tâm tới đất đai như một yếu tố đầu vào, cần tính toán chi phí sao cho ít nhất để thu được lợi nhuận cao nhất. Ở đây người sử dụng đất không quan tâm tới hình thức được giao hay đất được thuê mà chỉ quan tâm tới giá cả và thời gian sử dụng đất. Vấn đề có tính chất tính toán lợi nhuận này sẽ được tự điều chỉnh trong hoạt động của thị trường đầu tư đất đai.

2- Quan hệ quản lý

Nhà nước thống nhất quản lý về đất đai là một quy định không chỉ ở nước ta mà được thực hiện ở nhiều nước, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Đất đai do Nhà nước quản lý đã trở thành điều kiện cần để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhà nước ta thực hiện quản lý đất đai bằng pháp luật (như Hiến pháp năm 1992 và Luật đất đai năm 1993 đã quy định). *Hệ thống các cơ quan quản lý đất đai được tổ chức theo 4 cấp : trung ương, tỉnh, huyện và xã* đã bước vào hoạt động.

Hệ thống quản lý nhà nước về đất đai của ta đang còn nhiều bất cập. Pháp luật đất đai cùng với các chính sách đất đai đã được hình thành nhưng còn thiếu đồng bộ, chưa được phổ biến sâu rộng để toàn dân tự giác thực hiện. Bản đồ địa chính và hồ sơ địa

chính là cơ sở pháp lý của quyền sử dụng đất triển khai chậm, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Quy hoạch sử dụng đất toàn quốc cũng như của các ngành, các cấp địa phương chưa được chuẩn bị thấu đáo, chưa đủ cơ sở để các cấp có thẩm quyền có thể quyết định một cơ cấu sử dụng đất hợp lý. Quy hoạch sử dụng đất là công cụ để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, có tác dụng quyết định để cân đối giữa nhiệm vụ an toàn lương thực và nhiệm vụ công nghiệp hóa, đô thị hóa, khắc phục hiện tượng mất đất nông nghiệp có năng suất cao.

Để đảm bảo tính hiệu lực của hệ thống quản lý nhà nước về đất đai trong cơ chế thị trường, cần thiết phải thực hiện các biện pháp sau :

- Xây dựng pháp luật, chính sách, quy hoạch sử dụng đất đai phải được coi là một sự nghiệp của toàn dân, do nhân dân tự giác tham gia đóng góp ý kiến và tự giác thực hiện.

- Hoàn thành sớm nhất việc lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm nắm lại chính xác hiện trạng sử dụng tài nguyên đất và hoàn thiện cơ sở pháp lý của quyền sử dụng đất.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính sách đất đai trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Dựa vào thị trường đầu tư đất đai để điều tiết việc sử dụng đất đai cho mục đích đô thị, công nghiệp, dịch vụ và khuyến khích sử dụng đất hoang hóa để mở rộng quỹ đất. Khắc phục từng bước các hiện tượng tiêu cực trong quản lý và sử dụng đất đai, tăng nguồn thu từ đất cho ngân sách.

- Tăng cường hiệu lực của chính quyền nhà nước các cấp về quản lý đất đai và đầu tư phát triển thị trường đất đai.

- Sớm thành lập hệ thống thông tin đất đai trên cơ sở công nghệ tin học. Hệ thống đó chứa tất cả những thông tin về tự nhiên, xã hội và kinh tế của thửa đất, được nối

mạng từ trung ương tới địa phương để cập nhật được biến động sử dụng đất phục vụ điều tra hiện trạng, thống kê - kiểm kê, quản lý biến động, xây dựng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, cung cấp thông tin về đất đai và đầu tư đất đai rộng khắp trong thị trường.

3- Quan hệ phân phối

Phân tích quan hệ phân phối trong sử dụng đất đai phải xuất phát từ sự phân tích lợi nhuận thu được trong quá trình đầu tư vào đất đai. Trong cơ chế thị trường, vấn đề định giá đất và định thuế đất hợp lý là giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết quan hệ phân phối.

Lợi nhuận của việc sử dụng đất được Mác nghiên cứu công phu dựa trên phân tích phạm trù địa tô. Mác đã chia địa tô thành 2 loại : *địa tô chênh lệch* và *địa tô tuyệt đối* ; trong địa tô chênh lệch lại có *địa tô chênh lệch 1* và *địa tô chênh lệch 2*. Địa tô chênh lệch 1 là lợi nhuận chênh lệch thu được khi sử dụng 2 lượng vốn như nhau, 2 lượng lao động như nhau trên 2 thửa đất có diện tích như nhau nhưng đem lại kết quả khác nhau. Như vậy địa tô chênh lệch 1 có nguồn gốc do sự ưu đãi hơn về điều kiện tự nhiên (độ phì nhiêu tự nhiên và vị trí địa lý tự nhiên) của thửa đất này so với thửa đất khác. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân nên toàn bộ *địa tô chênh lệch 1 phải được thu nộp ngân sách*. Địa tô chênh lệch 2 là lợi nhuận chênh lệch thu được do cường độ đầu tư nhiều hơn trên cùng một mảnh đất. Cường độ đầu tư có thể hiểu như biện pháp thâm canh, tăng vụ, áp dụng công nghệ mới v.v.. Để khuyến khích sử dụng đất có hiệu quả, *người sử dụng đất phải được hưởng địa tô chênh lệch 2* cho tới khi biện pháp đầu tư mang lại nó trở thành phổ biến trong xã hội. *Địa tô tuyệt đối* hình thành khi xét vấn đề địa tô trên quy mô toàn xã hội, trong đó quy luật giá trị của thị trường là quy luật chủ yếu chi phối các thành quả đầu tư vào đất đai. Loại địa tô này có liên quan tới quan hệ về hiệu quả đầu tư vào đất đai giữa các khu vực

kinh tế khác nhau, tư bản sẽ được đầu tư vào khu vực kinh tế nào mang lại lợi nhuận lớn hơn. Ở nước ta hiện nay không có chế độ tư hữu đất đai. Nhà nước điều tiết để định hướng cơ cấu đầu tư vào các khu vực kinh tế, vì vậy *địa tô tuyệt đối hầu như không còn tồn tại*.

Bên cạnh địa tô chênh lệch I, do điều kiện thuận lợi của tự nhiên mang lại, quá trình đầu tư của con người cho đất đai cũng mang lại những lợi nhuận tương tự. Khái niệm đầu tư cho đất đai ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ những *đầu tư trực tiếp* mà cả những *đầu tư gián tiếp* và *đầu tư trừu tượng*. Ví dụ : một thửa đất ở ven đô thị, nếu sử dụng cho mục đích nông nghiệp thì đầu tư chỉ bao gồm cải tạo đất, thủy lợi v.v. nhằm làm tăng sản lượng nông nghiệp ; nếu sử dụng vào mục đích đô thị thì đầu tư không chỉ là công trình xây dựng trực tiếp trên thửa đất mà còn gồm cả một phần nhận được từ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của toàn đô thị đang tồn tại cạnh đó. Trừu tượng hơn, quy hoạch sử dụng đất hợp lý cũng là một đầu tư cho đất đai để mang lại sử dụng đất có hiệu quả hơn. *Trong cơ chế thị trường, các thành phần kinh tế đều có thể tham gia đầu tư cho đất đai, giá trị của toàn bộ đầu tư được cấu thành trong giá đất*.

Luật đất đai năm 1993 đã quy định đất có giá để tính các nguồn thu từ đất (thuế và tiền sử dụng đất) và tính các khoản đền bù khi thu hồi đất. Cần phân tích thêm ở đây nguồn gốc của giá đất. Khi nghiên cứu về địa tô, Mác đã chỉ ra rằng đất đai không có giá trị nhưng giá cả thị trường của nó là sự phản ánh đơn thuần số địa tô được tính toán theo phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, không chỉ các thửa đất đang sử dụng mới có giá mà cả những thửa đất chưa sử dụng cũng có giá. Giá đó phản ánh khả năng mang lại địa tô nếu đưa vào sử dụng. *Giá đất không gia nhập trực tiếp vào giá cả sản xuất mà chỉ được cấu thành trong chi phí sản xuất cá biệt của người sử dụng đất*. Theo

kết luận này, việc thừa nhận đất có giá là phù hợp với quy luật thị trường trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Khung giá đất được tính theo khả năng mang lại địa tô và khả năng mang lại lợi nhuận từ tổng giá trị đã đầu tư còn lại chưa khấu hao. Nhà nước quy định giá đất phù hợp với giá trên thị trường và nhà nước điều tiết giá đất bằng quỹ đất thông qua thị trường đầu tư đất đai để bảo đảm xóa bỏ địa tô tuyệt đối do mất cân bằng cung, cầu tạo nên.

Nguồn thu ngân sách từ sử dụng đất bao gồm : *thuế đất và tiền sử dụng đất*. Trong thuế đất có một phần là nghĩa vụ xã hội mà mọi người sử dụng đất đều phải đóng góp tính theo diện tích sử dụng và một phần là địa tô chênh lệch I tính theo mức độ ưu đãi của điều kiện tự nhiên so với loại đất kém nhất. Tiền sử dụng đất là tiền phải trả cho mọi giá trị đầu tư của nhà nước trên đất theo giá cả thị trường. Các doanh nghiệp công nghiệp và dịch vụ trả tiền thuê đất trên nguyên tắc khấu hao giá trị đầu tư cho đất theo thời gian (tiền sử dụng đất và tiền thuê đất đều tính theo giá thị trường). Ngoài ra, còn một số loại thuế khác như thuế mua bán đất nhằm thu lại chênh lệch giá đất giữa 2 loại đất có mức đầu tư khác nhau. Thuế đất đối với đất ở cần được tính theo nguyên tắc thuế của các tư liệu sinh hoạt.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân là một đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa rất chắc chắn. Vấn đề đặt ra là tìm phương thức phù hợp để đưa hoạt động đất đai vào cơ chế thị trường hiện tại. Thị trường đầu tư đất đai vốn là một đòi hỏi khách quan của hệ thống thị trường hiện đang được đồng bộ hóa từng bước đảm bảo thắng lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Việc xây dựng thị trường đầu tư đất đai phải đi đôi với việc tăng cường hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước về đất đai để quản lý thống nhất trên toàn lãnh thổ và quản lý toàn diện các mặt tự nhiên, xã hội, kinh tế của đất đai □

Cần có một hệ thống quan điểm phát triển hình thức liên doanh *trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài*

NGUYỄN THƯỜNG LẠNG *

ĐỊNH hướng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào việc thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước là một định hướng đúng đắn, phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay. Định hướng này cho phép khai thác mọi nguồn lực tự nhiên, kinh tế, tài chính, công nghệ, con người,... không chỉ từ trong nước mà còn từ ngoài nước, vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước. Để định hướng thực hiện được thành công, phải áp dụng *đồng bộ* các biện pháp khác nhau như cải thiện môi trường đầu tư về mặt luật pháp và chính sách, nâng cấp cơ sở hạ tầng của nền kinh tế, đổi mới cơ chế vận hành, cải cách bộ máy hành chính, hiện đại hóa hệ thống giáo dục, đào tạo... Về cơ bản, đây là các biện pháp khai thác các lợi thế kinh tế để mở rộng đầu tư nước ngoài trên bình diện nguồn lực sẵn có. Tuy vậy, các biện pháp nhằm tăng cường, mở rộng đầu tư nước ngoài dưới khía cạnh *lựa chọn chính sách*, cũng đóng vai trò quan trọng. Nếu lựa chọn chính sách đúng thì các nguồn lực sẽ được động viên với hiệu quả tối đa; ngược lại, nếu lựa chọn chính sách chưa thật đúng thì hiệu quả khai thác các nguồn lực sẽ bị hạn chế.

Ở giai đoạn *đầu* của việc thực hiện chính sách "mở cửa" nền kinh tế, vốn đầu tư nước ngoài được thu hút ồ ạt *theo chiều rộng* nhằm tập dượt, tích lũy kinh nghiệm về thu hút vốn đầu tư cũng như tạo điều kiện cho

đất nước tiếp cận dần với nền kinh tế thế giới. Nhưng ở giai đoạn *tiếp theo*, sau khi đã có một số thành công nhất định, thì quan điểm "đa dạng hóa cách thức thu hút vốn đầu tư" cần được chuyển sang trình độ *cao hơn*, tức là phải hướng dòng đầu tư vào những trọng

điểm với những dự án quan trọng cho phép phát huy tác dụng lớn nhất đối với nền kinh tế thông qua việc lựa chọn chính sách. Thực chất, đây là quan điểm *đa dạng hóa việc thu hút vốn đầu tư có trọng điểm*, một cách thức khai thác tối đa các ưu thế của hình thức đầu tư có tác dụng lớn nhất đối với nền kinh tế quốc dân theo *hiệu ứng bội số*.

Trong tất cả các loại hình đầu tư nước ngoài được đề cập trong *Luật đầu tư* nước ngoài tại Việt nam, như hợp đồng hợp tác kinh doanh, xí nghiệp liên doanh, xí nghiệp 100% vốn nước ngoài và hình thức xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T), mỗi loại hình đều có những thế mạnh riêng, nhưng hình thức **liên doanh** có nhiều ưu thế bởi những khía cạnh sau đây :

Thứ nhất, xí nghiệp liên doanh là phương tiện để thu hút vốn đầu tư nước ngoài có hiệu quả do kết hợp được lợi thế của các bên tham gia và chia sẻ được rủi ro trong quá trình kinh doanh.

Thứ hai, xí nghiệp liên doanh là công cụ chuyển giao công nghệ nước ngoài vào Việt nam thuận tiện nhất và nhanh chóng nhất, phát huy được tối đa hiệu quả của công nghệ từ nhiều khía cạnh. Việc tham gia kinh doanh trực tiếp với phía nước ngoài là cơ hội tốt để phía Việt nam học tập được kinh

* Thạc sĩ quản trị kinh doanh, Đại học kinh tế quốc dân Hà nội

những chuyên gia công nghệ, kinh nghiệm quản lý, sản xuất và từng bước làm chủ công nghệ chưa có ở Việt nam. Với hình thức hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng, quan hệ giữa các bên tham gia lỏng lẻo và chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, cơ hội học tập kinh nghiệm nước ngoài sẽ bị hạn chế. Còn với hình thức xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, xí nghiệp hoàn toàn do phía nước ngoài sở hữu và quản lý, thì cơ hội học tập nước ngoài về công nghệ càng ít hơn.

Thứ ba, xí nghiệp liên doanh là hình thức kinh doanh tạo cho phía Việt nam có điều kiện để học tập kinh nghiệm và kiến thức quản lý bằng phương thức trực tiếp tham gia giải quyết mọi vấn đề phát sinh và chứng kiến trực tiếp kết quả kinh doanh đạt được. Dù có thể phải trả giá cho giai đoạn đầu do quản lý kinh doanh còn yếu kém, nhưng đó là sự trả giá để tiến bộ, đi lên. So với các hình thức đầu tư khác thì liên doanh có thể ví như một "trường học" tốt để bồi dưỡng kiến thức quản lý cho các cán bộ, cũng như "rèn giũa" tay nghề cho công nhân. Liên doanh cũng là nơi đào tạo một thế hệ những nhà quản lý kinh doanh hiện đại, hoạt động có hiệu quả trên thương trường, góp phần đáp ứng yêu cầu quản lý nền kinh tế đất nước trong tương lai. Kiến thức quản lý với kiểu tư duy nhạy bén, xét trên quan điểm dài hạn, sẽ là tài sản vô hình có giá trị hơn nhiều so với số tài sản hữu hình.

Thứ tư, xí nghiệp liên doanh sẽ tạo điều kiện để phía Việt nam trở thành một đối trọng quan trọng trong hoạt động quản lý khi cùng kinh doanh với nước ngoài. Phía Việt nam có thể giám sát, chi phối hoạt động của phía nước ngoài nhằm hạn chế bớt những tiêu cực mà phía nước ngoài có thể gây ra.

Thứ năm, việc thành lập và hoạt động của các liên doanh còn tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cho dân cư, mở rộng hoạt động xuất khẩu,

tăng thu cho ngân sách quốc gia, hạn chế sự thâm hụt của cán cân thanh toán...

Như vậy, xét từ góc độ *tạo ra những lợi ích thiết thực* cho nền kinh tế nước ta, *xí nghiệp liên doanh* là một hình thức đầu tư *cần được đề cao*. Hơn nữa, theo ý kiến của một số chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn đầu tư cho nhiều nước trên thế giới, thì liên doanh là hình thức lựa chọn *tối ưu* đối với các nước đang phát triển nhằm thu hút vốn đầu tư, công nghệ và kinh nghiệm quản lý của nước ngoài để thoát khỏi vòng luẩn quẩn đói nghèo và lạc hậu. Thế nhưng, theo số liệu của Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI), số dự án liên doanh ở nước ta *lại đang có xu hướng giảm đi*: tỷ lệ số dự án liên doanh trong tổng số dự án đầu tư của nước ngoài được cấp giấy phép ở nước ta tính đến tháng 9-1991 là 80% thì đến tháng 4-1995 chỉ còn 46%. Đây là sự thay đổi lớn trong cơ cấu hình thức đầu tư. Có sự thay đổi này chủ yếu là do số dự án 100% vốn nước ngoài tăng lên. Tại sao như vậy? Rõ ràng, phía nước ngoài đang muốn tăng tính tự chủ của họ trong hoạt động kinh doanh ở Việt nam. Mặc dù đối với ta, hình thức xí nghiệp 100% vốn nước ngoài cũng có những ưu điểm nhất định, nhưng đừng quên đây là kiểu cài cắm chi nhánh của các công ty đa quốc gia. Về lâu dài, khi hệ thống chi nhánh này đã ăn sâu, bám rễ và mở rộng trong mọi lĩnh vực và mọi ngành kinh tế nước ta, chúng ta sẽ gặp không ít khó khăn nếu phải điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế. Không phải ngẫu nhiên người ta thường nói tới tình trạng một số nước đang phát triển đã lâm vào là "có một nhà nước trong một nhà nước" - nhà nước đó không phải ai khác mà chính là các công ty đa quốc gia. Suy cho cùng số dự án liên doanh giảm đi, cũng có nghĩa là lợi ích của chúng ta sẽ bị giảm theo hiệu ứng bội số.

Vì vậy, cần xem xét kỹ lưỡng tình hình nói trên để có biện pháp hữu hiệu. Theo tinh thần này, việc xây dựng một *hệ thống quan điểm phát triển hình thức liên doanh*, là việc

làm cần thiết và cấp bách. Hệ thống quan điểm đó, theo tôi, gồm những điểm sau đây:

- Đề cao hình thức đầu tư dưới dạng liên doanh trong quá trình thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tư tưởng này, trước hết, cần được thể hiện trong Luật đầu tư nước ngoài cũng như các văn bản pháp lý có liên quan.

- Ưu tiên xét duyệt các dự án liên doanh, đặc biệt là những dự án liên doanh lớn, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội lâu dài cho đất nước.

- Tạo mọi điều kiện cần thiết để các dự án liên doanh có thể sớm đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả (nhANH chóng giải phóng mặt bằng, ưu đãi về thuế đất, thuế xuất - nhập khẩu, thuế thu nhập, thuế lợi tức và các loại lệ phí khác...).

- Thực hiện biện pháp khuyến khích tái đầu tư thích hợp đối với các dự án liên doanh, như áp dụng thuế suất ưu đãi đối với

các khoản lợi nhuận tái đầu tư (nếu có). Ưu đãi các dịch vụ và đơn hàng công cộng có ý nghĩa cho các liên doanh, cũng như có sự quan tâm có hiệu quả khác của các cơ quan có liên quan.

- Có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ, các ngành, các cấp quản lý để bảo đảm cho hình thức liên doanh phát triển đều trong mọi lĩnh vực chế tạo, lắp ráp, chế biến dịch vụ...

Tóm lại, việc xây dựng một hệ thống các quan điểm phát triển hình thức đầu tư liên doanh trong điều kiện hiện nay là một bước thực hiện quan điểm đa dạng hóa có trọng điểm hình thức đầu tư nước ngoài theo nguyên tắc *khai thác tối đa lợi thế so sánh của đất nước*. Hệ thống quan điểm này là một bước định hình chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài thích hợp với điều kiện Việt nam nhằm đem lại nhiều lợi ích cho xã hội, cho đất nước □

Một số vấn đề...

(Tiếp theo trang 23)

nhau giữa các thành phần kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Trong nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, việc xác định một cách đúng đắn vị trí của các thành phần kinh tế là vấn đề rất quan trọng trong công cuộc CNH, HĐH ở nước ta.

Trong cơ cấu thành phần kinh tế, vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt được thể hiện trọng việc giữ vững những khâu trọng yếu nhất của nền kinh tế như: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hệ thống tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, một số cơ sở sản xuất và dịch vụ then chốt. Cùng với kinh tế hợp tác dần dần được mở rộng, khu vực kinh tế nhà nước bảo đảm cho toàn bộ nền kinh tế phát triển nhanh, ổn định và đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần khác bao gồm cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ... tồn tại một cách rộng rãi trong các ngành, các

lĩnh vực và địa bàn, góp phần huy động hết các nguồn lực tạo tăng trưởng kinh tế nhanh và hiệu quả. Hình thành các công ty, tập đoàn kinh doanh lớn của kinh tế nhà nước và liên doanh giữa kinh tế nhà nước và các thành phần khác, trong đó có những công ty, tập đoàn ở tầm vóc quốc gia, khu vực và quốc tế.

Vấn đề quan trọng trong cơ cấu thành phần là tạo được sự tác động tương hỗ, bổ sung lẫn nhau, đan xen, gắn kết với nhau trong từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa bàn, để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế và xã hội.

Sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nêu trên không tách rời mà có quan hệ mật thiết với các lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, kinh tế đối ngoại theo yêu cầu kết hợp chặt chẽ và hài hòa giữa phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, giữa phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại trong những điều kiện mới của công cuộc phát triển đất nước □

ĐẢNG BỘ LÀO CAI TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN CÁC XÃ VÙNG CAO

NGUYỄN NGHĨA VỤ *

LÀ một tỉnh miền núi cao, Lào cai có diện tích 8 050 km² với hơn 203 km biên giới, số dân 56 vạn người, bao gồm 27 dân tộc anh em. Lào cai có 180 xã, phường thì có tới 152 xã vùng cao. Những năm qua, cùng với các thành tựu đạt được trên các mặt kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng, công tác xây dựng đảng và chính quyền ở cấp xã được chấn chỉnh, sắp xếp phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Đảng và Nhà nước ta phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước. Hoạt động của bộ máy chính quyền các xã vùng cao cơ bản tuân thủ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, phân định khá rõ về cơ cấu, chức năng, quyền hạn. Bộ máy chính quyền cấp xã tập trung vào công tác điều hành, quản lý đề ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng cao, thực hiện từng bước xóa đói giảm nghèo, củng cố quốc phòng, an ninh, quản lý biên giới và cửa khẩu, chống tham nhũng và buôn lậu. Cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân bước đầu đã xây dựng được quy chế phối hợp làm việc. Do vậy năm 1994, trong 152 xã vùng cao, qua phân loại chất lượng cơ sở đảng, đã có 42 cơ sở đạt *trong sạch vững mạnh* (chiếm 27, 63%), 82 cơ sở đạt loại *khá* (chiếm 53,94%). Những nơi cơ sở đảng trong sạch vững mạnh và khá thì ở đó chính quyền được củng cố, niềm tin của nhân dân vào cấp ủy, chính quyền tăng lên, đời sống của nhân dân được cải thiện một bước.

Tuy nhiên, sự lãnh đạo của đảng đối với chính quyền ở các xã vùng cao cũng như

công tác quản lý, điều hành của chính quyền ở đây còn những bất cập. Một số tổ chức đảng vẫn còn bao biện làm thay, can thiệp sâu vào những công việc thuộc chức năng điều hành quản lý của chính quyền; cán bộ lãnh đạo một số tổ chức đảng nặng về sự vụ; vẫn còn trường hợp cấp ủy quyết định thay cho chính quyền, còn chính quyền thì ỷ lại, dựa vào tổ chức đảng. Có nơi cấp ủy và tổ chức đảng còn buông lỏng vai trò lãnh đạo, xem nhẹ sự lãnh đạo tập thể của cấp ủy đối với chính quyền. Không ít các quyết định của chính quyền chỉ thông qua cấp ủy và tổ chức đảng một cách hình thức. Một số hoạt động của chính quyền không đặt dưới sự kiểm soát, giám sát của cấp ủy và tổ chức đảng. Ý thức đảng ở một bộ phận cán bộ chính quyền và cán bộ quản lý kinh tế còn thấp; chưa hết hiện tượng coi thường vai trò và hiệu lực lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng. Một số nơi chưa xây dựng được quy chế, chương trình công tác cụ thể, do đó việc chỉ đạo điều hành còn thiếu kiên quyết, dứt điểm.

Tổ chức đảng và chính quyền cấp xã giữ vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện mọi hoạt động trên địa bàn xã; sự vững mạnh của các tổ chức này trực tiếp quyết định chất lượng, hiệu quả của toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội, văn hóa, an ninh - quốc phòng ở đây. Tổ chức đảng với chức năng lãnh đạo, luôn luôn là cơ quan vạch phương hướng cho chính quyền và mọi tổ chức thực hiện, biến ý định chủ trương lãnh

* Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy Lào cai

đạo của Đảng thành hiện thực. Đây cũng là sự nối tiếp vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong hoạt động thực tiễn ; là biểu hiện của tính đảng, tính giai cấp công nhân ; là sự thể hiện phong cách, tác phong công tác khoa học hiện nay của Đảng ta. Đó là sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, nói đi đôi với làm.

Trên nền tảng nhận thức và phân tích thực trạng như trên, trong quá trình tăng cường lãnh đạo chính quyền các xã vùng cao, đảng bộ Lào cai bước đầu rút ra một số nhận xét có ý nghĩa quan trọng là :

1) Phát triển kinh tế xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc là nội dung cơ bản, cấp bách và lâu dài đối với hoạt động lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng cũng như đối với hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở ở vùng cao. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chính quyền phải luôn luôn tập trung vào những vấn đề trọng tâm, trọng điểm, cơ bản và cấp thiết như : thực hiện những dự án phát triển kinh tế - xã hội ; xây dựng và phát triển vùng kinh tế mới, phát triển cây công nghiệp, cây đặc sản. Khai thác tài nguyên rừng và khoáng sản, phát triển cơ sở hạ tầng như làm đường giao thông, đưa điện về vùng cao, đảm bảo nước sinh hoạt cho nhân dân. Tập trung xây dựng phương án bảo vệ an ninh chính trị, an ninh biên giới, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phương tiện cho lực lượng an ninh, dân quân du kích. Phát huy vai trò của đội ngũ trưởng thôn, trưởng bản, già làng trong công tác quản lý, duy trì trật tự kỷ cương ở từng thôn, bản. Phát triển y tế, văn hóa, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, văn minh tiến bộ.

Đối với các xã có đường biên giới quốc gia, nhất là nằm ở khu vực cửa khẩu, đường qua biên giới, cần có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, thành lập những đội kiểm soát liên ngành để kiểm tra và giải quyết tốt những vụ buôn lậu, xuất nhập khẩu trái phép. Giải quyết tốt những vấn đề kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, từng bước xóa

đói giảm nghèo... đó là nội dung, biện pháp cơ bản của công tác đổi mới chính đồn đảng, xây dựng và củng cố chính quyền ở các xã vùng cao.

2) Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ giác ngộ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc vùng cao có những khó khăn riêng : địa bàn rộng, phức tạp, dân cư sinh sống phân tán ; các phương tiện thông tin tuyên truyền thiếu, lạc hậu, trong khi đồng bào các dân tộc nghe, nói và viết tiếng phổ thông chưa thạo. Bởi vậy, việc truyền đạt các nghị quyết, chủ trương, chính sách của trung ương, của tỉnh và của huyện ở xã cần được tiến hành linh hoạt sáng tạo và cụ thể. Cấp ủy đảng các xã vùng cao ở Lào cai coi trọng biện pháp phân công đảng viên đi sâu vào quần chúng, gặp gỡ, trao đổi với từng người dân, từng gia đình để giải thích cho mọi người rõ âm mưu của địch, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, vận động mọi người làm theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tích cực hưởng ứng các phong trào cách mạng của địa phương. Tuyên truyền, giác ngộ bằng người thực, việc thực, người tốt, việc tốt, cho đi tham quan hoặc qua phim ảnh, sách báo hướng dẫn, là một trong những biện pháp có hiệu quả cao của công tác tư tưởng. Bởi vậy, Trung ương nên đầu tư thêm cho công việc này. Làm như thế chẳng những không tốn kém, mà còn mang lại hiệu quả cao cho việc giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân dân ở vùng cao.

3) Kiện toàn tổ chức, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của chính quyền cấp xã vùng cao. Thông qua việc phát động tư tưởng, tuyên truyền, giải thích, tổ chức tỉ mỉ, chu đáo, thận trọng, giúp đồng bào các dân tộc phát hiện, lựa chọn một cách dân chủ và chính xác những người có phẩm chất, năng lực tham gia các tổ chức chính quyền. Ở Lào cai hiện nay, những người được lựa chọn vào bộ máy chính quyền cơ sở, về cơ bản là những người đã qua thử thách và trưởng thành từ hoạt động thực tế. Hiện nay ở Lào cai hầu hết bí thư đảng ủy

xã đều kiêm luôn chức chủ tịch hội đồng nhân dân ; còn bí thư chi bộ thì kiêm luôn chức trưởng thôn, trưởng bản. Theo chúng tôi, ở Lào cai, đây là cách phân công hợp lý nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Tất nhiên, điều này đặt ra yêu cầu rất cao đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở về kiến thức và kinh nghiệm xây dựng đảng, về trình độ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất - kinh doanh, về phong cách làm việc sâu sát, chan hòa, cởi mở, về thái độ kiên quyết, dứt khoát, chí công vô tư. Và cũng vì vậy, ở Lào cai, công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ lý luận và trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ cơ sở ở các xã vùng cao hiện nay trở thành vấn đề cơ bản và cấp bách.

Do bí thư đảng ủy (hay chi bộ) thường đảm nhiệm cả chức chủ tịch hội đồng nhân dân và do bí thư chi bộ kiêm luôn cả chức trưởng thôn, trưởng bản và là thành viên của hội đồng nhân dân, nên đã có điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng hoạt động và uy tín của hội đồng nhân dân, làm cho hội đồng nhân dân thực sự trở thành cầu nối giữa nhân dân với đảng, nhà nước. Mọi quyền lợi của nhân dân được bảo đảm và thực hiện thông qua hội đồng nhân dân. Tổ chức tiếp dân, giải quyết tâm tư nguyện vọng, quyền lợi của nhân dân có phần trách nhiệm lớn của hội đồng nhân dân. Chúng tôi đang cố gắng từng bước nâng cao chất lượng các kỳ họp của hội đồng nhân dân các xã vùng cao. Mọi vấn đề đưa ra bàn bạc tại hội đồng nhân dân phải chính xác, cụ thể, thiết thực. Cố gắng khắc phục hiện tượng dân chủ hình thức trong các cuộc họp hội đồng nhân dân.

4) Coi trọng hơn nữa công tác cán bộ ở cấp xã vùng cao. Trước tiên phải tuyển chọn cán bộ trong những người đã được thử thách, gấn bó và trưởng thành từ phong trào thôn bản. Họ phải là những đại biểu ưu tú của nhân dân các dân tộc, là con em đồng bào dân tộc, có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, lối sống trong sạch, am hiểu về vùng cao ; đồng thời phải có kiến thức văn hóa

tối thiểu (cấp I phổ thông), nói thông thạo tiếng Việt, có kiến thức cần thiết về chính trị, pháp luật, về quản lý kinh tế, phát triển sản xuất. Cần lựa chọn cán bộ trẻ trong số đã qua rèn luyện, thử thách và trưởng thành từ trong quân đội trở về, lựa chọn những học sinh đang học ở các trường nội trú, trường phổ thông... rồi cử đi học tiếp ở các trường quản lý.

Cần đổi mới cả về nội dung và hình thức đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ cơ sở vùng cao. Sử dụng linh hoạt, đa dạng và kết hợp nhiều hình thức đào tạo bồi dưỡng ; vừa mở nhiều lớp bồi dưỡng ngắn ngày tại xã, tại khu vực, vừa mở các lớp tập trung ở huyện, bảo đảm cho cán bộ cơ sở có thể vừa học, vừa làm, đi lại vất vả, tốn kém, lại được trang bị đủ những kiến thức cần thiết, vừa cơ bản trước mắt, vừa tương đối có hệ thống. Ngoài ra, cán bộ trẻ cần được gửi đi học ở các trường đào tạo cán bộ của tỉnh và trung ương. Trong học tập, cần kết hợp nghiên cứu ở trường, lớp, với đi tham quan, học tập kinh nghiệm ở các địa phương khác.

Đời sống của phần đông cán bộ cơ sở vùng cao hiện nay còn rất khó khăn. Bởi vậy, việc bảo đảm chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ này có ý nghĩa quan trọng. Ngoài Nghị định số 50/CP ngày 26-7-1995 về chế độ sinh hoạt phí chung cho cán bộ xã, phường, chúng tôi đề nghị Chính phủ nghiên cứu ban hành thêm những văn bản bổ sung về chế độ chính sách đối với cán bộ cơ sở ở vùng cao, nhất là cán bộ ở cấp phó, cấp thường trực mặt trận tổ quốc và các đoàn thể. Để tính bù mức sinh hoạt phí cho cán bộ cơ sở ở vùng cao, cùng với việc thực hiện quy định tỷ lệ cán bộ theo số dân cư, cần tính đến cả các yếu tố khác nữa như : diện tích, địa bàn hoạt động, số lượng xóm, bản, địa hình... Ở Lào cai, số dân ở các xã vùng cao chủ yếu chưa đến 5 000 người, nhưng địa bàn lại quá rộng, mỗi xã vùng cao trung bình có từ 12 đến 15 thôn, bản, cá biệt có xã tới 27 bản. Nhiều xã diện tích

(Xem tiếp trang 59)

I. Ở Minh hải, số lượng đảng viên sinh hoạt ở xã, phường, thị trấn là 11 057 đồng chí ; trong đó số đảng viên ở xã, thị trấn là 9 484, đảng viên sinh hoạt ở phường là 1 573. Đảng viên hưu sinh hoạt ở xã thường chiếm khoảng 20%, ở phường từ 60 đến 70%. Có những phường trung tâm ở Bạc

quân số con của gia đình đảng viên ở xã, thị trấn là 4,2 ; ở phường là 3,4. Đảng viên trẻ (dưới 35 tuổi) có số con ít hơn, nhưng trung bình cũng là 2,8. Có thể nói nghèo, đông con, lạc hậu đang là nỗi lo toan, vất vả cực nhọc của đảng viên và nhân dân nông thôn Minh hải.

Mấy vấn đề về

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐẢNG VIÊN Ở CƠ SỞ XÃ, PHƯỜNG TỈNH MINH HẢI

NGUYỄN THẾ CƯỜNG *

liều và Cà mau, đảng viên hưu chiếm gần 80%.

20 năm sau giải phóng, trình độ học vấn, trình độ chính trị, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ đảng viên ở xã, phường của Minh hải tuy có được nâng lên, nhưng còn rất chậm. Đảng viên công tác ở xã mới có 13,5% có trình độ cấp III, còn lại 86,5% là cấp II và cấp I. Số đảng viên mới được kết nạp năm 1994 có tới 40% có trình độ văn hóa tối thiểu theo quy định của Ban bí thư. Trình độ văn hóa của đội ngũ đảng viên thấp dẫn tới sự bất cập về nhiều mặt : nhận thức về đường lối, chính sách, pháp luật, còn hạn chế ; việc cụ thể hóa đề tổ chức thực hiện... chưa đáp ứng kịp đòi hỏi của thực tiễn.

Về đời sống kinh tế, trên 60% gia đình đảng viên ở xã, phường thuộc diện trung bình và nghèo. Số giàu còn quá ít, số khá chưa nhiều . Một số ít đảng viên ở diện rất nghèo. Điều đó làm cho đảng viên khó có thể yên tâm công tác tốt được. Những đồng chí tham gia công tác ở xã, phường không được hưởng lương (chỉ có sinh hoạt phí) lại càng gặp khó khăn. Đã có hiện tượng do khó khăn kinh tế mà hà lạm công quỹ, hoặc phải dành nhiều thời gian lo cuộc sống gia đình. Thêm vào đó ở Minh hải hiện nay bình

Tuy kết cấu hạ tầng còn kém, đời sống còn khó khăn, thông tin còn hạn chế, việc tự học của cán bộ, đảng viên ở xã chưa được quan tâm đúng mức nhưng nhìn chung đội ngũ đảng viên cơ sở xã, phường ở Minh hải có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, thể hiện ở lòng tin, và sự trung thành với Đảng với cách mạng. Về hành động, đại đa

số cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước, giữ vững được vai trò lãnh đạo và sự đoàn kết thống nhất từ cơ sở ; được quần chúng tin tưởng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên có cố gắng học hỏi vươn lên để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

Nhưng ở một số ít cơ sở còn bộc lộ tư tưởng bè cánh, cục bộ ; một bộ phận đảng viên kém gương mẫu, phai nhạt lý tưởng, thoái hóa, biến chất, suy giảm nhiệt tình, ngại học tập để vươn lên. Ở một vài cơ sở có sự mâu thuẫn giữa đảng viên đương chức và đảng viên đã nghỉ hưu, gây trở ngại cho công tác lãnh đạo đơn vị.

II. Một trong những vấn đề mấu chốt để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng xã, phường ở Minh hải hiện nay là phải nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đây là vấn đề vừa có tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài đối với Minh hải. Trước hết, muốn nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở xã, phường theo tôi phải có sự quan tâm thực sự của các cấp ủy đảng ở địa phương và cả trung ương về các mặt sau :

* Trường khoa xây dựng Đảng, Trường chính trị tỉnh Minh hải.

1) Cần có kế hoạch cụ thể để nâng cao trình độ học vấn cho đảng viên từ xã, phường cho tới cấp ủy huyện, thị và tỉnh. Để có đội ngũ đảng viên có trình độ cấp III thì cấp ủy tỉnh phải có kế hoạch, cấp ủy cơ sở phải thống kê cụ thể số lượng và yêu cầu học tập của đảng viên, cấp ủy huyện thị tổng hợp và xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hàng năm. Quy định cụ thể về học vấn phải trở thành tiêu chuẩn bắt buộc đối với đảng viên mà trước hết là những đồng chí trong cấp ủy cơ sở. Tỉnh phải dành một khoản ngân sách cho công tác đào tạo nói chung và đặc biệt là cho việc tổ chức các lớp bồi túc văn hóa, để ít nhất từ 1995 đến đầu thế kỷ 21 đội ngũ đảng viên đang công tác phải có học vấn tốt nghiệp cấp III.

Kinh nghiệm 3 năm qua ở thị xã Bạc Liêu cho thấy, nhờ có sự quan tâm đầy đủ và biện pháp kiên quyết, nên số cấp ủy cơ sở nhiệm kỳ này cơ bản đều đã học hết cấp III.

Công tác thông tin, tuyên truyền đối với các đảng bộ cơ sở ở xã thường rất chậm. Một số xã chưa có báo Đảng, còn phổ biến các xã chưa có Tạp chí Cộng sản. Việc tổ chức học tập các Nghị quyết của Đảng có hiện tượng xuống đến đảng viên và cơ sở bị xem nhẹ, làm qua loa, nên chất lượng thấp. Ví dụ : một Nghị quyết của Trung ương, cán bộ cấp tỉnh học 3 ngày, cấp huyện học 2 ngày, xuống xã chỉ còn 1 ngày (có khi là nửa ngày). Vì thế sự hiểu biết của đảng viên ở xã càng bị hạn chế. Chất lượng báo cáo viên đối với việc học tập Nghị quyết của đảng viên cũng là vấn đề rất đáng quan tâm. Cần quy định cụ thể về việc đặt báo Nhân dân và báo của đảng bộ địa phương đối với cấp ủy cơ sở. Mỗi chi bộ cần có một tờ báo Nhân dân. Ở xã cần từng bước kiện toàn phòng đọc, có quy chế sinh hoạt thường xuyên và đọc báo hàng ngày với đối tượng cụ thể.

Ban tuyên giáo tỉnh ủy và Trung tâm giáo dục chính trị huyện, thị có kế hoạch bồi dưỡng một đội ngũ báo cáo viên đáp ứng được yêu cầu, phù hợp với nội dung và đối tượng, bố trí thời gian phù hợp cho các

đợt học tập Nghị quyết để cho đảng viên từng đảng bộ, hoặc liên đảng bộ cơ sở được học tập đầy đủ, kịp thời.

Trung tâm giáo dục chính trị, theo sự phân cấp, thường xuyên mở các lớp theo chương trình lý luận phổ thông cho đảng viên ; chương trình bồi dưỡng bí thư chi bộ, chi ủy viên và trưởng ban nhân dân ấp ; các lớp bồi dưỡng phát triển đảng ; các buổi thông tin thời sự, giáo dục chuyên đề theo yêu cầu.

2) Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Đây là vấn đề được nhiều cấp ủy, chi bộ, nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, nhưng nhìn chung chất lượng sinh hoạt chi bộ chưa cao. Đối với các chi bộ nông thôn và các chi bộ khóm ở Minh hải, sinh hoạt định kỳ cần có các nội dung như : thông tin thời sự chính trị, học tập hoặc phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật, kiểm điểm tình hình hoạt động của chi bộ và của đảng viên ; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đảng viên, tự phê bình và phê bình, bàn phương hướng hoạt động hàng tháng của chi bộ. Cấp ủy cơ sở phải chỉ đạo sinh hoạt chi bộ hàng tháng. Phân kiểm điểm và phân phương hướng của chi bộ phải rất cụ thể, vì vậy chi ủy phải chuẩn bị chu đáo cho mỗi kỳ sinh hoạt, làm sao cho mỗi đảng viên cảm thấy hứng thú khi đến sinh hoạt chi bộ và ít nhiều được nâng lên về nhận thức, có chuyển biến trong hành động sau sinh hoạt.

3) Chất lượng của cấp ủy đảng có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng đảng viên. Cấp ủy đề ra phương hướng hoạt động của đảng bộ. Các đồng chí cấp ủy viên là những tấm gương cho đảng viên và quần chúng noi theo. Vì vậy, đối với đội ngũ này cần đánh giá đúng từng người và có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có cơ chế, chính sách phù hợp ; đồng thời có sự đào thải và bổ sung kịp thời. Với cơ chế chính sách như hiện nay thì không phát huy được tính sáng tạo, năng nổ của cán bộ xã, phường ; thậm chí hạn chế nguồn cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Trung ương cần sớm giải quyết vấn đề này. Phải coi cán bộ xã, phường là công

chức có thang bậc lương cụ thể. Trước hết tỉnh phải có một "phần mềm" tạm thời động viên cán bộ công tác ở cơ sở xã, phường.

4) Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, những đảng viên "nhật đảng" và thoái hóa, biến chất cần phải đưa ra khỏi đảng. Đối với những đồng chí thiết tha với Đảng nhưng năng lực quá yếu không phát huy được vai trò của người đảng viên cũng nên vận động họ xin ra Đảng. Sàng lọc đội ngũ đảng viên hiện có ở xã, phường Minh hải phải dựa vào sự đánh giá đảng viên của các chi bộ, đảng bộ hàng quý, hàng năm. Mặt khác, phải thông qua các tổ chức quần chúng ở cơ sở để phân tích đúng phẩm chất và năng lực từng người. Đối với những người chuẩn bị kết nạp vào Đảng phải chú ý đến tiêu chuẩn là cơ bản; họ phải thực sự là người tiêu biểu trong phong trào quần chúng, được quần chúng tín nhiệm giới thiệu. Chống hiện tượng xuê xoa, hạ thấp tiêu chuẩn và chạy theo số lượng đơn thuần.

5) Giải quyết đời sống đối với đảng viên nghèo phải được chú ý từ cơ chế chính sách và phải đồng bộ với việc nâng cao đời sống nhân dân nói chung ở xã, phường. Nêu cao ý chí tự vươn lên của bản thân mỗi đảng viên và gia đình. Bên cạnh đó rất cần sự giúp đỡ của tổ chức đảng. Các chi bộ ấp, khóm cần có các hội nghị chuyên đề về vấn đề này. Các đảng viên trong chi bộ có thể giúp nhau về vốn và phương pháp sản xuất để trồng cây, chăn nuôi hoặc tạo công ăn việc làm cho vợ, con, em những đảng viên nghèo.

Đảng ủy xã, phường cần có các hội nghị chuyên đề hàng năm để có sự chỉ đạo cụ thể giúp đảng viên nghèo. Những vấn đề không thuộc quyền thì đề nghị lên cấp ủy hoặc chính quyền cấp trên giải quyết, như: vấn đề vay vốn với lãi suất thấp từ ngân hàng, vấn đề trợ cấp giúp đỡ khi đảng viên nghèo có những khó khăn đột xuất... Cùng với các công tác và xây dựng nội bộ, việc giúp đỡ đảng viên thoát nghèo phải là một trọng tâm của các chi bộ, các đảng bộ cơ sở xã, phường ở Minh hải hiện nay. ↴

HẢI QUAN QUẢNG NINH người gác cửa năng động vùng Đông Bắc

THANH SON

TRONG những năm đổi mới vừa qua, Hải quan Quảng ninh phải thực hiện những chức năng và nhiệm vụ chủ yếu như: thu thuế xuất nhập khẩu; cùng các lực lượng liên ngành đấu tranh chống buôn lậu và gian lận trong thương mại; bảo vệ an ninh kinh tế và cùng các lực lượng vũ trang bảo vệ an ninh lãnh thổ vùng biên giới.

Mọi người đều đã biết, Quảng ninh, là tỉnh có nhiều thế mạnh thuộc vùng Đông Bắc của Tổ quốc. Nơi đây có cảng Hòn gai, Cẩm phả, Cửa ông; có cảng chuyên tải Vạn gia và đảo Trà cô; có vùng kinh tế cửa khẩu Hải ninh với các cửa khẩu quốc tế Ca long, Bắc luân, nối liền hai thị xã Đông hưng (Trung quốc) và Móng cái (Việt nam).

Đến giữa thập kỷ 80, vùng núi đồi, sông biển Đông Bắc này vẫn còn như nằm ngủ. Nhưng từ 1988 trở đi, thị xã Móng cái bỗng sôi động lên với các hoạt động thương mại và dịch vụ. Ô tô, thuyền máy, xe máy chở hàng từ trong vùng sâu nội địa của hai bên dón ra biên giới. Bãi chợ, bến sông, hai đầu cầu Bắc luân tấp nập người bán mua, trao đổi. Các tụ điểm buôn bán khác cũng xuất hiện ngày càng nhiều trên đất liền, cửa sông và trên đảo, biển mênh mông, lúc cố định, lúc di động. Cùng với nó là những đội quân "cửu vạn" chuyên chở hàng lậu và "đánh quả ngầm" cũng hoạt động rất tinh vi... Tình hình ấy đặt ra cho Hải quan Quảng ninh hai sự lựa chọn. Một là, co lại đối phó một cách thụ động; và hai là, bình tĩnh, tự tin, kịp thời chấn chỉnh lực lượng, vươn lên trong cơ chế mới. Hải quan Quảng ninh đã chọn

cách thứ hai. Một mặt, lãnh đạo Cục (cơ quan lãnh đạo hải quan của tỉnh) chủ trương *đổi mới tư duy và phương thức hoạt động ; vận dụng thực hiện nghiêm túc Pháp lệnh Hải quan ; tham mưu đề xuất với Tổng cục và Tỉnh ủy, UBND tỉnh từng bước hoàn chỉnh cơ chế quản lý nhà nước* cho phù hợp với nhu cầu xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh trong "kinh tế mở". Mặt khác, tranh thủ sự lãnh đạo của Đảng, chủ động liên hệ với bộ đội biên phòng, hải quân, các ngành thuộc khối nội chính, khối kinh tế và chính quyền nhân dân các địa bàn trọng yếu để họ ủng hộ và phối hợp cộng tác với hải quan.

Tỉnh ủy Quảng ninh vừa xác định rõ trách nhiệm cho Cục hải quan tỉnh tham gia đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, vừa ra chỉ thị cho các cấp ủy đảng trong tỉnh tăng cường lãnh đạo công tác hải quan ; yêu cầu các ngành của chính quyền và các tổ chức xã hội phối hợp giúp đỡ hải quan. Tỉnh ủy yêu cầu ngành hải quan tỉnh phải đổi mới tổ chức bộ máy, cải tiến công tác quản lý và phục vụ, chống gây phiền hà, tham nhũng, để tạo thuận lợi cho các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu đúng pháp luật đạt hiệu quả cao.

Quản triệt các quan điểm trong nghị quyết của Tỉnh ủy, chấp hành những nhiệm vụ mà Tổng cục hải quan giao cho, Hải quan Quảng ninh đã khẩn trương "vừa hành quân, vừa xếp hàng", vừa xây dựng lực lượng, tập huấn nghiệp vụ, vừa bám trụ, kiểm soát trên tất cả địa bàn, đặc biệt là vùng xung yếu, nên hiệu quả tăng lên rõ rệt.

Đối với công tác giám sát và quản lý nhà nước (giám quản). Trong 5 năm từ 1990 đến đầu 1995, Hải quan Quảng ninh đã kiểm tra, và làm thủ tục đúng nguyên tắc, quy định cho 5 238 chuyến tàu xuất nhập cảnh ; 18 692 889 tấn hàng xuất khẩu ; 4 027 890 tấn hàng nhập khẩu. Để tránh phiền hà, chậm trễ trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, Cục hải quan tỉnh đã đưa việc đăng ký tờ khai, tính thuế, xuống các cửa khẩu, tạo thuận lợi cho các chủ hàng làm thủ tục được nhanh chóng. Cục cũng phối hợp chặt chẽ với báo, đài và Hội luật gia

tỉnh phố biển Pháp lệnh hải quan, những quy định, chế độ, chính sách về hải quan cho nhân dân biết để thực hiện và giám sát. Hình thức mở hội nghị khách hàng hàng năm để lấy ý kiến đóng góp về cải tiến thủ tục hải quan cũng được Cục coi trọng. Qua các hội nghị này Cục đã nắm được tình hình cụ thể và có thêm biện pháp xin xử lý kịp thời, thỏa đáng. Những năm qua, công tác giám quản của Hải quan Quảng ninh đã để lại ấn tượng tốt về sự nghiêm túc trong thực thi Pháp lệnh, loại bỏ dần được những quy định hành chính không cần thiết, rườm rà.

Đối với nhiệm vụ thu thuế xuất nhập khẩu. Để thực hiện thu đúng, thu đủ, đạt và vượt chỉ tiêu được giao, tăng mức nộp vào ngân sách nhà nước, lãnh đạo Cục đã thành lập phòng kiểm tra thu thuế, kiện toàn bộ máy, bố trí những đồng chí có đủ trình độ ở các phòng, ban sang làm công tác thu thuế, do một đồng chí phó cục trưởng trực tiếp chỉ đạo. Đồng thời chủ động khai thác các nguồn thu bằng cách tạo ra những điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu phát triển. Cải tiến mạnh việc quản lý, phúc lập hồ sơ, hạn chế đến mức thấp nhất việc thất thu thuế, và loại bỏ hành vi lạm dụng biển thủ tiền thuế. Tính ra 5 năm qua, Hải quan Quảng ninh đã thu nộp vào ngân sách nhà nước hơn 1 162 tỷ đồng tiền thuế xuất nhập khẩu. Mức thu qua mỗi năm không ngừng tăng lên.

Công tác kiểm soát chống buôn lậu và các gian lận trong thương mại. Tình hình buôn lậu ở Quảng ninh những năm qua diễn ra nóng bỏng, đa dạng, phức tạp và có mặt nguy hiểm đối với công tác an ninh. Trước tình hình đó, lãnh đạo Cục hải quan tỉnh đã xác định rõ phương hướng đấu tranh chống buôn lậu, tập trung vào các đường dây, các ổ nhóm lớn, có tổ chức, ở các địa bàn trọng điểm. Cục đã kịp thời thành lập phòng điều tra chống buôn lậu và 2 đội kiểm soát cơ động mạnh ; tổ chức cho cán bộ, chiến sĩ đi tham quan, tập huấn nghiệp vụ chống buôn lậu ở trong, ngoài nước, tăng cường trang bị, đổi mới phương tiện thông tin liên lạc, mua sắm thêm ô tô, xuống máy cho lực lượng kiểm soát để đáp ứng yêu cầu "tiếp

cận mục tiêu nhanh, xử lý hiện trường gọn". Hải quan Quảng ninh đã phối hợp tốt với bộ đội biên phòng, sư đoàn X. hải quân trong công tác điều tra, kiểm soát, và kết hợp với công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh trong xử lý các vụ việc một cách có hiệu quả. Ví dụ như vụ tàu của một nước ngoài chở 9 xà lan sắt lậu trị giá gần 10 tỉ đồng, vừa vi phạm luật hải quan, vừa gian lận trong thương mại. Hoặc vụ chủ hàng lậu khi bị phát hiện đã lợi dụng và mua chuộc một số thương binh nhẹ dạ đứng ra làm vật che chắn để khỏi bị nộp thuế hoặc bị tịch thu hàng, thì Cục đã phối hợp tốt với các lực lượng chống buôn lậu, các đoàn thể, thuyết phục anh em thương binh nhận rõ âm mưu của bọn gian thương, giúp Cục giải quyết vấn đề một cách êm thấm và nhanh gọn.

Nét nổi bật trong công tác đấu tranh chống buôn lậu mà Hải quan Quảng ninh tiến hành là *đã đánh trúng nhiều đối tượng buôn lậu lớn*. Trong vòng 5 năm, đơn vị đã bắt và xử lý 461 vụ, trị giá tới 44 tỉ 631 triệu đồng.

*
* *

Nhìn lại những kết quả mà Hải quan Quảng ninh đạt được trong những năm đổi mới vừa qua, đồng chí Cục trưởng Phạm Văn Duyên cho rằng, nguyên nhân quan trọng là sự chỉ đạo của Tổng cục hải quan, và vai trò, tác động to lớn của chỉ thị 03 của Tỉnh ủy. Tuy nhiên, theo chúng tôi, vai trò chủ động, năng động của Cục hải quan tỉnh có ý nghĩa quyết định. Điều này thể hiện ở những điểm như :

1 - *Chủ động đổi mới cách nghĩ, cách làm, đi đôi với chủ động xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh*.

Cách làm cũ là "đóng cửa" thu hẹp dịch vụ xuất nhập khẩu và tham gia chống buôn lậu một cách thụ động. Cách làm mới là "mở cửa", Hải quan tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất nhập khẩu hợp pháp để khuyến khích lưu thông hàng hóa. Trong cách làm mới, Hải quan vừa tăng cường công tác quản lý nhà nước về mặt hải quan,

vừa trực tiếp thu thuế xuất nhập khẩu và đấu tranh chống buôn lậu. Do vậy, việc xây dựng lực lượng trong sạch vững mạnh, vừa có đủ hành trang pháp lý và phương tiện cần thiết, vừa phải có những con người trung thực, liêm khiết được lãnh đạo Cục coi là yếu tố quan trọng hàng đầu. Cục đã kịp thời bố trí lại cán bộ, sắp xếp lại bộ máy, thành lập 7 phòng, ban chuyên môn, 9 hải quan cửa khẩu, và đội kiểm soát trực thuộc Cục làm việc thường xuyên. Các hội đồng tư vấn cho Cục trưởng về các vấn đề lương, thưởng, tuyển dụng và kỷ luật, xử lý vi phạm, định giá giao bán hàng tịch thu... cũng được thành lập. Hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng (gồm đảng bộ, 11 chi bộ trực thuộc và 2 đoàn thể thanh niên, phụ nữ) cũng được Cục coi trọng, tạo điều kiện tốt để xây dựng, củng cố, và hoạt động có hiệu quả. Các chủ trương, và những quyết định công tác lớn của cấp trên, của đảng ủy, và lãnh đạo Cục đều được phổ biến đến chi bộ và các tổ chức quần chúng. Trong sinh hoạt chi bộ và tổ chức quần chúng, mọi người có thể đề xuất các sáng kiến về việc thực hiện nhiệm vụ, về cải tiến thủ tục nghiệp vụ và dư luận quần chúng đối với hải quan. Sự phối hợp chặt chẽ giữa lãnh đạo Cục với đảng ủy, lãnh đạo đơn vị với các chi bộ, thực sự có hiệu quả cao trong việc xử lý kỷ luật kịp thời đối với cán bộ đảng viên và các chiến sĩ vi phạm kỷ luật. Hàng năm, lãnh đạo Cục phối hợp với đảng ủy tổ chức gặp mặt các đồng chí bí thư, chủ tịch, trưởng công an phường ở hai khu vực Hòn gai và Cẩm phả, nơi có nhiều cán bộ, chiến sĩ hải quan cư trú để nghe ý kiến nhận xét, phê bình đối với cán bộ, chiến sĩ trong ngành. Phẩm chất cán bộ, đảng viên được lãnh đạo nhìn nhận không chỉ ở cơ quan mà cả nơi cư trú. Những vi phạm nhỏ trong sinh hoạt, đã kịp thời được uốn nắn. Những vi phạm nặng như tham ô, hối lộ và tha hóa biến chất về đạo đức, lối sống đã được kịp thời phát hiện và xử lý.

Do đổi mới cách nghĩ, cách làm, đi đôi với chăm lo xây dựng lực lượng trong sạch, vững mạnh, nên Hải quan Quảng ninh đã tạo cho mình một tư thế vững và một môi

trường tâm lý tốt để tiếp nhận, thực thi một cách chủ động, sáng tạo những chủ trương, quyết định công tác của Tổng cục, cũng như của Tỉnh ủy, Ủy ban tỉnh giao cho ngành.

2 - *Bám sát hiện trường, xử lý nhanh gọn, đúng pháp luật, kịp thời đề xuất ý kiến với Tổng cục và Tỉnh ủy, không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động hải quan.* Địa bàn Quảng ninh lăm cửa khẩu đất liền và biển, đảo, giao thông cách trở, liên hệ khó khăn, nhưng các đơn vị hải quan đã kiên quyết bám trụ. Có nơi như cảng chuyển tải Vạn gia, cán bộ chiến sĩ phải túc trực ngày đêm chẳng khác gì các chiến sĩ biên phòng trấn giữ hải đảo. Những đường dây trốn tránh cửa khẩu, đưa hàng lậu vượt sông Bắc luân bằng những con đò nhỏ để trốn thuế, thì các cán bộ chiến sĩ phải kiên trì theo dõi, tìm cách đưa đối tượng vào luồng kiểm soát. Ở các cửa khẩu lớn như Ca long, cầu Bắc luân, vào giờ cao điểm có hàng trăm nghìn người chen lấn, xô đẩy nhau để đưa hàng vào chợ Móng cái bán mua, trao đổi... nếu làm thụ động, tắc trách, thì sẽ thất thu cho nhà nước 60-70%. Nhưng với quyết tâm bám hiện trường, chủ động tìm cách xử lý nhanh, gọn, các cán bộ, chiến sĩ hải quan ở đây đã có nhiều sáng kiến như : Để tránh ùn tắc thì cho khai gom ; thiếu người giám sát thì tăng thêm người vào giờ cao điểm ; thiếu bàn khai thì đặt thêm bàn ; thu tiền không kịp và thiếu người giữ tiền thuế hàng ngày thì liên hệ mời kho bạc lập bàn thu nhận bên cạnh hải quan... Việc lập bàn thu tiền của kho bạc bên cạnh hải quan đã giảm được phiền hà cho chủ hàng, làm cho đồng tiền thu được có thể đi thẳng vào kho bạc của nhà nước một cách nhanh nhất và hạn chế được tình trạng đồng tiền đi vòng vo hoặc bị biến thủ.

Mỗi khi phát hiện ra những khâu bất hợp lý trong vận hành, lãnh đạo Cục đã kịp thời cho sửa chữa. Những mặt chưa hợp lý về chủ trương chính sách thì kịp thời báo cáo, xin chỉ thị của cấp trên. Lãnh đạo Cục hải quan Quảng ninh nhờ bám sát hiện trường, với tư duy mới và tinh thần phấn đấu đã từ thực tiễn suy nghĩ, đề xuất với Đảng, Nhà nước và lãnh đạo ngành nhiều

ý kiến có giá trị. Trong số những đề xuất ấy, phải kể tới những đề xuất về mặt chính sách quản lý và việc loại bỏ những thủ tục hành chính rườm rà, chấp hành nghiêm chế độ kế toán. Đặc biệt, Cục đã nghiên cứu và đề xuất với UBND tỉnh lập khu kinh tế cửa khẩu để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, khai thác thế mạnh vùng Đông Bắc. Tỉnh đã lập dự án trình Tổng cục và Chính phủ, được Chính phủ phê duyệt. Lãnh đạo Cục hải quan Quảng ninh cũng đã đề xuất và được chấp nhận việc thành lập kho ngoại quan, cửa hàng miễn thuế, tuyến du lịch Đông hưng - Trà cổ - Hạ long...

Thành công nhiều nhưng khó khăn tồn tại đối với Hải quan Quảng ninh cũng không phải ít. Trước mắt Hải quan Quảng ninh còn phải đối mặt với nhiều vấn đề, từ cơ chế chính sách quản lý vĩ mô đến một số mặt bất cập trong các nhiệm vụ được giao. Chẳng hạn, bên cạnh những nỗ lực cải tiến nghiệp vụ, giải quyết khâu ùn tắc ở các cửa khẩu, thì cũng tại nơi này còn những cán bộ, nhân viên yếu về nghiệp vụ, làm việc tùy tiện, dẫn đến thiếu sót trong việc tiếp nhận tờ khai, kiểm hóa và thanh khoản. Lĩnh vực điều tra chống buôn lậu, trình độ năng lực của không ít cán bộ, nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu. Một số còn ngại khó, một số mắc khuyết điểm về phẩm chất, phải xử lý kỷ luật v.v..

Mặc dù vậy, Hải quan Quảng ninh đã đứng đúng vị trí, bước đầu gánh vác trách nhiệm nặng nề của "người gác cửa về kinh tế" ở một địa bàn quan trọng của đất nước. Muốn tiếp tục tiến lên, đi kịp bước phát triển của nền kinh tế mở và xu hướng hội nhập, theo kịp trình độ hải quan các nước phát triển, thời gian tới Hải quan Quảng ninh vẫn phải không ngừng nâng cao nghiệp vụ và phương tiện hiện đại để thực thi nhiệm vụ một cách nhanh gọn, chính xác, lịch sự, văn minh ; đồng thời thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp, để giữ cho từng người và cả đội ngũ thực sự trong sạch, vững mạnh □

NGÀNH DU LỊCH

trước vận hội và thách thức mới

DOÀN QUANG THIÊN *

TỪ ngày thực hiện chính sách mở cửa, ngành du lịch nước ta đã "bung" ra ở mọi thành phần kinh tế và tăng trưởng khoảng 40%/năm. Nếu như những năm trước đây, du lịch chỉ phát triển ở khu vực kinh tế nhà nước, thì nay hàng trăm doanh nghiệp du lịch tư nhân đã có chỗ đứng trên thương trường. Tuy quy mô còn nhỏ, nhưng khả năng cạnh tranh của nó đang đuổi kịp và vượt doanh nghiệp nhà nước cả về tỷ suất tích lũy và chất lượng phục vụ. Nó có lợi thế về nhiều mặt, kỹ thuật không phức tạp, thu hồi vốn nhanh. Tuy chi phí ban đầu có cao, nhưng chi phí gián tiếp thấp, các khoản nộp ngân sách còn "lấn lút" được dưới nhiều hình thức, kể cả trốn lậu thuế.

Hệ thống doanh nghiệp nhà nước đang giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, song đang giảm dần tính hiệu quả, lại còn bị xé lẻ, manh mún. Năm 1994, chín doanh nghiệp du lịch loại khá ở Hà nội tích lũy cho nhà nước không quá 50 tỉ. Du lịch Sài gòn chiếm gần 1/3 cơ sở vật chất của toàn ngành (về khách sạn quốc tế), nhưng tích lũy năm 1994 (theo báo cáo) cũng chỉ đạt 150 tỉ đồng. (Trong khi đó nhà máy thuốc lá Thăng long, năm 1994 nộp ngân sách là 175 tỉ): Điều đó chứng tỏ việc quản lý các nguồn thu trong các doanh nghiệp quốc doanh của ngành du lịch chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp.

Hệ thống doanh nghiệp du lịch quốc doanh có ưu thế về nhiều mặt như : tài sản kế thừa lớn ; giá trị khi giao vốn thấp ; có thị trường ổn định ; còn được giữ thế độc quyền trong kinh doanh, đặc biệt ở 2 khâu lễ hành và khách sạn. Trong khi đó các doanh nghiệp tư nhân vốn ít, quy mô nhỏ (cho đến nay chưa có khách sạn nào trên 100 phòng và được xếp hạng "sao"). Mặc dù du lịch quốc doanh có nhiều lợi thế như vậy, nhưng nếu đem so sánh với một số ngành thì mức tích lũy còn quá ít.

Đây cũng là khó khăn lớn nhất cho quá trình hiện đại hóa ngành du lịch. Trong số hơn một triệu khách vào ta năm 1994, khách du lịch ký kết mới chỉ ở mức trên 200 000 người, còn phần lớn là khách mời, khách tìm hiểu thị trường, khai thác đầu tư, hội nghị, quá cảnh... Thực tế này chứng tỏ việc khai thác có hiệu quả thị trường du lịch đang là vấn đề bức xúc và có tính chất sống còn đối với các doanh nghiệp kinh doanh du lịch nước ta. Số liệu Tổng cục du lịch công bố 1994 như sau :

Năm	Vốn đầu tư (tỉ đồng)	Khách (lượt người)	Doanh thu (tỉ đồng)	Nộp ngân sách (tỉ đồng)	Nộp ngân sách so với doanh thu (%)
1990		250 000	650	28.4	4.4
1991		300 000	800	80	10.0
1992	} 140	440 000	1 350	229	17.0
1993		670 000	2 500	400	16.0
1994	} 2 200	1 018 000	4 000	800	20.0
1995					

Số liệu thống kê trên cho thấy tỷ lệ nộp ngân sách mỗi năm một tăng, nhưng so với nguồn vốn tái đầu tư của Nhà nước cho ngành du lịch thì với tốc độ này khó có thể tạo ra nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của ngành trong những năm tới. Cho dù toàn bộ số vốn đó được tái đầu tư cho ngành du lịch thì cũng chỉ đủ để xây dựng khoảng trên dưới 1 000 phòng. Sự thật là trong hơn 3 thập kỷ qua, nguồn vốn tự có của ngành còn quá ít, chưa làm được khách sạn nào có tầm cỡ quốc tế từ 4 đến 5 sao. Những công trình ở các trung tâm du lịch lớn : Hải phòng, Hạ long, Vũng tàu, Đà nẵng... đều là nguồn vốn cấp phát không nhỏ của Nhà nước.

Toàn bộ khách sạn ở nước ta hiện nay mới có khoảng 36 000 phòng. Theo cách đánh giá

* PTS. Công ty du lịch Việt nam

của chúng ta thì có khoảng 17 000 phòng (tức 47%) đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhưng nếu theo tiêu chuẩn của tổ chức du lịch thế giới thì tỷ lệ đó mới ở khoảng 25 - 30%. Số khách sạn được xếp hạng 4 - 5 sao của cả nước chỉ có 5%. Về chất lượng khách sạn như vậy là còn quá thấp, về số lượng đòi hỏi chúng ta phải có thêm 1 500 - 2 000 phòng mỗi năm ở khu vực kinh tế nhà nước. Thực tế đó đòi hỏi ngành du lịch nước ta phải chủ động vươn lên tạo nguồn vốn từ bên trong, kết hợp với huy động mọi nguồn vốn bên ngoài, không nên trông chờ, ỷ lại vào nhà nước.

Trong tình hình hiện nay, Nhà nước không đủ nguồn vốn cấp cho các doanh nghiệp, và cũng không nên áp dụng phương pháp cấp phát vốn như thời bao cấp, ngay cả vốn vay cũng phải gắn trách nhiệm vật chất đối với việc hoàn trả và sử dụng. Nhiều công trình du lịch xây dựng kéo dài cả chục năm chưa hoàn thành như khách sạn Lê Lợi ở Sầm sơn (Thanh hóa). Có khách sạn đến khi đưa vào sử dụng thì cũng là lúc phải cải tạo, nâng cấp. Trong vài khách sạn liên doanh với nước ngoài, phía ta thua thiệt nhiều hơn là có lợi. Có nơi khi ký kết liên doanh, do đánh giá tài sản thấp nên tỷ trọng trong vốn pháp định của chúng ta không vượt quá 30% ; bởi vậy, khi chia lãi, do vốn góp thấp nên phía ta bị thiệt rất nhiều. Ấy là chưa kể đến việc nhập "tùm lum" trang thiết bị cũ, sai quy cách, không hợp thời trang, cộng với khoản lậu thuế, phía đối tác áp đặt giá thiết bị, càng làm cho sự thua thiệt được nhân lên. Tuy đến nay đã có khoảng 100 dự án với số vốn trên 1 tỉ USD, nhưng vẫn chưa có sự tổng kết đánh giá một cách khách quan cái được, cái mất, để có bài học cho phương thức làm ăn mới trong thời mở cửa. Thực tế cho thấy, chúng ta còn nhiều sơ hở, thậm chí có cả tình trạng bị "dắt mũi" do yếu kém về tri thức quản lý. Một số người do lợi lộc cá nhân đã làm ngơ, hoặc bặt "đền xanh" cho bên đối tác trốn tránh pháp luật. Thực chất số người này đã làm "tay sai" cho đối tác ngoại quốc, gây thiệt hại cho đất nước.

Điểm lại, số doanh nghiệp du lịch quốc doanh ăn nên làm ra không nhiều. Số làm ăn thua lỗ thì bán dần tài sản hoặc buồn bán lòng vòng, kinh doanh từng phi vụ để duy trì sự sống. Có tình trạng "lãi thật để chia nhau, lỗ

giả để báo cáo", và tình trạng bất hợp lý trong cơ cấu : vốn, tiền lương và tiền lãi. Đây là vấn đề mà Nhà nước cần có biện pháp quản lý chặt chẽ hơn.

Hệ thống doanh nghiệp của ngành du lịch đang bị phân tán, xé lẻ. Giữa trung ương và địa phương sự phân cấp quản lý không rõ ràng dẫn đến tình trạng mạnh ai nấy làm, giành giật khách hàng, nhất là khách quốc tế, làm cho sản phẩm du lịch bị ép giá hoặc mất giá, khó có thể giữ được mức giá ngang với thị trường khu vực.

Trong bất cứ điều kiện nào, vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước luôn là yếu tố tạo nên sức mạnh thống nhất cùng hướng vào mục tiêu chung của nền kinh tế. Trong thời gian gần đây, Nhà nước đã cho ra đời hàng loạt các tổng công ty chuyên ngành là để khắc phục những khuyết tật của cơ chế tập trung quan liêu, phát huy sự chuyên sâu của từng ngành, gắn với thị trường, đồng thời không làm suy giảm thế mạnh của kinh tế nhà nước.

Vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh được vận dụng tùy theo tính chất quan trọng của mỗi ngành kinh tế. Đối với ngành du lịch, kinh tế quốc doanh vẫn còn chiếm tỷ trọng lớn, do đó, mặc nhiên giữ vai trò chi phối điều tiết thị trường.

Sự ra đời các tổng công ty mạnh và xoay quanh nó là hệ thống các công ty vừa và nhỏ của các thành phần kinh tế càng củng cố vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh. Thông qua các công ty mạnh (quốc doanh), Nhà nước thực hiện vai trò điều tiết nền kinh tế.

Hiện nay mô hình quản lý ngành du lịch còn đang "lai ghép", chưa có sự phân biệt rõ ràng giữa cái cũ và cái mới, giữa quản lý nhà nước với quản lý nghiệp vụ kinh doanh, giữa trung ương và địa phương. Bản thân cơ chế quản lý "khấp khểnh" này đã sinh ra tầng nấc trung gian vừa kìm hãm, vừa chông chéo. Chúng ta phải làm sao có một mô hình quản lý mà ở đó kinh tế trung ương không bị phân tán, kinh tế địa phương vẫn được phát huy hết tiềm năng sẵn có, mỗi doanh nghiệp giảm bớt các đầu mối để phát huy hiệu quả trong kinh doanh.

Ngành du lịch nước ta đang có những tín hiệu đáng mừng, và thời cơ để phát triển. Song

bên cạnh đó, nếu phân tích kỹ về cơ sở vật chất, trình độ quản lý, về vốn... thì thấy có nguy cơ tụt hậu. Ngày 24/5/1995 Chính phủ đã thông qua dự án của ngành du lịch là : Đến năm 2000, cần có thêm 25 270 phòng, với số vốn khoảng 1 478 triệu USD (bình quân mỗi năm hơn 295 triệu USD) tương đương 3 500 phòng/năm, đủ để đón 3,5 - 3,8 triệu khách quốc tế. Với dự án này thì nguồn tích lũy 800 tỉ đồng (mà ngành du lịch công bố) chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ. Nếu không có giải pháp về vốn thì dự án khó có thể thực hiện được. Để mục tiêu biến thành hiện thực đòi hỏi một sự trăn trở, tìm tòi, kể cả việc rút ra bài học từ những thất bại một thời nhằm tìm ra giải pháp tối ưu, mang lại hiệu quả thiết thực đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành du lịch.

Hiện nay hiệu quả của nhiều doanh nghiệp còn quá thấp, không tương xứng với nguồn vốn đầu tư và tài sản (khách sạn) đang được thừa hưởng của đất nước. Trong khi đó phương thức quản lý của ngành lại lúng túng, nhiều doanh nghiệp bị "thả nổi", tự bươn chải trong cơ chế thị trường. Những doanh nghiệp ăn nên làm ra thì tìm cách chia nhau, ít mang lại hiệu quả cho nhà nước. Những doanh nghiệp làm ăn kém thì xoay đủ nghề, kể cả lừa đảo, chup giật để có tiền. Thậm chí có doanh nghiệp còn đem nợ của cơ quan cũ gán cho cơ quan mới trong quá trình sáp nhập, làm tổn thất không ít công quỹ quốc gia. Có thể nói, hệ thống doanh nghiệp du lịch đang "chập chờn" lúng túng trong việc đổi mới mô hình quản lý và chưa thoát khỏi tầm nhìn của thời bao cấp. Chừng nào chưa nhận thấy sự bức bách phải hình thành ngay tập đoàn kinh tế, củng cố vững chắc bộ phận kinh tế vốn được coi là vai trò chủ đạo của ngành, khắc phục tình trạng xé lẻ, manh mún... thì chừng đó chúng ta khó có thể phát huy thế mạnh vốn có về du lịch ở nước ta.

Từ thực trạng trên tôi thấy trước mắt cần xúc tiến một số giải pháp sau :

1 - Đi đôi với việc củng cố sắp xếp lại các đơn vị du lịch quốc doanh (theo hướng trên), cần tăng cường hơn nữa hiệu lực quản lý của nhà nước đối với khu vực tư nhân kinh doanh du lịch. Đây không chỉ đơn thuần phát triển về mặt doanh số, khuyến khích thương mại

thu, mà còn là vấn đề xã hội, giải quyết việc làm. Do đó, Nhà nước phải có định hướng rõ ràng. Mọi hoạt động kinh doanh của họ không được vượt ra khỏi hành lang pháp lý. Các tệ nạn xã hội phát sinh do bị cuốn theo dòng xoáy của lợi nhuận, mà lĩnh vực kinh doanh du lịch vốn đang rất nhạy cảm phải được ngăn chặn.

2 - Phát huy vai trò điều hành tập trung của Nhà nước đối với toàn ngành du lịch, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức kinh doanh du lịch, thông qua hệ thống chính sách và luật pháp. Chấp nhận sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp tư nhân trong nền kinh tế nhiều thành phần, nhưng phải giữ vững vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Phải sớm thành lập *Tập đoàn kinh tế* hay các *tổng công ty kinh doanh du lịch* mới có thể tạo ra thế mạnh của ngành, đảm bảo tính hiệu quả cả kinh tế, xã hội ; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và sự an ninh chính trị trong mở rộng giao lưu quốc tế.

3 - Áp dụng các giải pháp đa dạng hóa nguồn vốn, mở rộng liên doanh hợp tác ; trước hết là phải coi trọng việc cổ phần hóa ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ (quy mô 40 phòng trở xuống). Trong nguồn vốn đó Nhà nước giành cho mình từ 30 đến 40% số cổ đông, còn lại huy động nguồn vốn từ các thành viên của các xí nghiệp, công ty du lịch. Việc bán cổ phần và mua cổ phiếu đối với cán bộ, nhân viên là nhằm phát huy quyền làm chủ thực sự, tạo nên sự gắn bó giữa họ với doanh nghiệp. Đẩy nhanh sự nghiệp hiện đại hóa trên cơ sở dựa vào nguồn vốn do chính ngành du lịch tạo ra (góp vốn, cổ phần hóa, giải thể đầu thầu những đơn vị làm ăn thua lỗ, huy động nguồn vốn nhân rồi trong nhân dân...), tài trợ của Nhà nước và gọi vốn đầu tư nước ngoài là rất quan trọng. Đây thực sự là quá trình tìm hiểu, thử nghiệm, vận dụng chủ trương của Đảng và Chính phủ một cách sáng tạo, nhằm thoát khỏi sự tụt hậu đang thường trực trong mỗi doanh nghiệp du lịch. Sự tạo vốn và góp vốn trong thời điểm này, có tính chất quyết định đến tiến trình đổi mới ngành, nhanh chóng tiến kịp với xu thế phát triển của thời đại ☐



Cần kiên quyết bác bỏ những luận điệu sai trái

PHAN THẾ HẠO *

TẠP chí Cộng sản số 11, tháng 9 năm 1995, có đăng bài : "Vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin ?" của đồng chí Nguyễn Phú Trọng. Trong bài viết, tác giả đã phê phán bác bỏ một số luận điểm của bọn người xấu, mang tư tưởng thù địch đối với chủ nghĩa cộng sản, xuyên tạc lịch sử, hòng phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng tôi rất đồng tình với bài viết này.

Qua *Tạp chí Cộng sản*, chúng tôi muốn nhắn gửi thêm vài ý kiến ngắn đến những người cố tình gieo rắc những luận điệu chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, hòng xóa bỏ những thành quả cách mạng và làm thay đổi mục tiêu mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Chúng tôi cho rằng đó là những ý kiến hết sức sai trái, đầy ác ý, cần phải được kịp thời phê phán.

Lịch sử đã cho thấy, kể từ khi xuất hiện chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì đồng thời cũng đã có những trào lưu của các thế lực thù địch điên cuồng chống lại, chứ không phải bây giờ mới có. Những kẻ thù của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trước đây cũng không kém phần "thông thái", "bác học", cũng đã dùng mọi âm

mưu nham hiểm, thủ đoạn tinh vi hòng phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngay từ khi mới ra đời. Nhưng rồi "bóng ma cộng sản ở châu Âu" không chỉ lờn vờn, mà lại trở thành hiện thực thức tỉnh nhân loại. Bọn tự xưng "học giả", "thông thái" hôm nay chống lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống lại Đảng cộng sản chỉ xứng đáng là kẻ "nhai lại", "nói leo", "theo đóm ăn tàn", nhằm cơ hội "đục nước béo cò" ; có chăng, cái mới hơn ở họ là sự hần học, thâm thù, bất mãn, mù quáng và hỗn láo hơn mà thôi !

Lịch sử vẫn cứ đi theo tiến trình của nó. Công xã Pa-ri thất bại, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công (1917). Cả một tập đoàn đế quốc xúm lại hòng tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản thế giới từ trong trứng nước. Nhưng chúng đã thất bại. Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết ra đời. Chủ nghĩa phát xít muốn làm bá chủ toàn cầu gây bao hiểm họa cho loài người, nhưng rốt cuộc đã bị tiêu diệt. Chủ nghĩa xã hội lan rộng không chỉ ở Liên xô, Đông Âu mà sang cả các châu lục khác.

Cuối thập kỷ 90, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan vỡ. Đó là một thực tế, một tổn thất đau đớn, nhức nhối đối với các đảng cộng sản, giai cấp công nhân,

nhân dân lao động và nhân loại tiến bộ toàn thế giới. Nhưng có một thực tế khác là học thuyết Mác - Lê-nin, học thuyết khoa học, một chân lý khách quan đã và vẫn đang thức tỉnh hàng tỉ người trên trái đất này, không có một thế lực, một sức mạnh nào xóa bỏ được nó. Tiềm lực ấy mới thực sự là đời sống tương lai của nhân loại. Tôn thất của Liên xô và Đông Âu càng nhắc nhở loài người tiến bộ tăng cường cảnh giác với các thế lực thù địch của chủ nghĩa xã hội.

Nhân dân Việt nam đã từng chịu áp bức, bóc lột và sự đàn áp dã man của bọn thực dân phong kiến, lại trải qua hàng mấy chục năm phải cầm súng chiến đấu chống sự xâm lược và ách thống trị của đế quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Vì vậy, sự định hướng xã hội chủ nghĩa ngày nay không phải ngẫu nhiên, không phải theo ý muốn chủ quan của Đảng khi hoạch định đường lối. Những thực tế nghiệt ngã của quá khứ đã đưa Đảng ta, dân tộc ta đến sự lựa chọn đúng đắn ấy, không thể nào khác được. Ai nói rằng "Ông Hồ du nhập chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam là một sai lầm, là nguyên nhân "đưa đất nước vào tối tăm, trì trệ, đói vỡ, nhục nhã, đau đớn", đó thực sự là kẻ vu khống. Họ chỉ càng bộc lộ rõ ý đồ chống cách mạng, chống dân tộc, chứ không thể nào lừa bịp

(Xem tiếp trang 53)

* Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

"CỒNG BÀ"

NGUYỄN DIỆU HƯƠNG

CÁI tin ông Q phải đi "cấp cứu", nằm viện được truyền đi rất nhanh. Không chỉ trong cơ quan biết, mà hầu như tất cả các đơn vị trực thuộc và có quan hệ công tác với ông đều biết.

Biết được cái tin chẳng lành đó, có rất nhiều ý kiến nhận định. Người thì ái ngại bảo rằng : "Đúng là đá đổ mồ hôi. Quanh năm thủ trưởng lăn lộn với công việc, chẳng ngơi tay chút nào, bây giờ phải chịu nằm bẹp một chỗ, chắc là bệnh trọng". Người thì đoán định : "Thủ trưởng chẳng chịu nằm viện lâu đâu ; chỉ vài ngày, bệnh đỡ lại năng nặc đòi về cho mà xem". Và, còn nhiều người nữa thì nói : "Thôi, sếp nằm viện ít ngày cũng phải. Thế mới có dịp nghỉ ngơi, thư giãn một chút, và cũng để cho cấp dưới bày tỏ tình cảm đối với sếp" v.v.. Tóm lại, chỉ có những nhận xét tốt đẹp về ông Q, chứ chưa thấy ai tỏ lời chê trách cả.

Ông Q vào viện buổi sáng thì ngay buổi chiều đã có người đến thăm. Đầu tiên là đoàn của lãnh đạo cơ quan do ông "thủ phó" dẫn đầu. Người ta thấy anh chánh văn phòng chỉ xách cái túi toòng teng có dăm, bảy quả táo tươi Trung quốc. Họ thăm hỏi bệnh tình của thủ trưởng. Ông có vẻ mệt mỏi thật sự, giọng nói không được hoạt bát, sang sảng như mọi

ngày. Ông thủ phó ân cần ngồi bên giường bệnh đưa tay sờ trán thủ trưởng rồi nói : "Anh sốt cao đấy. Thôi, cố gắng nghỉ ngơi lấy ít ngày ; công việc cơ quan anh cứ yên tâm, đã có chúng tôi lo". Ngồi với nhau ít phút rồi họ đứng dậy ra về cốt để thủ trưởng có thời gian nghỉ ngơi. Vợ thủ trưởng rất xúc động, cảm ơn rồi rít mọi người, rồi tiễn họ tới tận cầu thang. Mọi người xuống trước, riêng anh chánh văn phòng lùi lại đi song song với vợ thủ trưởng. Anh vừa an ủi bà, vừa đưa cho bà một phong bì nhỏ rồi nói khéo : "Nhờ chị chăm sóc anh giúp bọn em". Hai bên đều vui vẻ.

Những ngày tiếp sau là đại diện của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và rất nhiều các cơ quan bạn có quan hệ công tác đều đến thăm ông Q. Nhiều đoàn chẳng mang theo quà cáp gì cả. Họ chỉ đi người không. Ông Q rất vui và cảm động trước tình cảm chân thành của bạn bè, đồng chí. Ông cũng thật sự hài lòng khi thấy họ không bày vẽ, quà cáp tốn kém như nhiều trường hợp khác mà ông đã được thấy hoặc được nghe. Song có một điều mà ông **tuyệt nhiên không biết** là đoàn nào cũng **bí mật** đưa

cho vợ ông một phong bì kèm theo lời nói khéo đại loại như : nhờ chị chăm sóc anh giúp chúng tôi, hoặc chúng em v.v..

Suốt nửa tháng nằm viện, ngày nào ông Q cũng có người tới thăm. Máy bệnh nhân ở các phòng bên cạnh phát ghen lên với ông Q, nhưng cũng phải phục ông là sống liêm khiết, thanh tao, bạn bè, đồng chí đến thăm vì tình là chủ yếu.

Song, *sự thật* của vấn đề ra sao và cái "tổ con chuồn chuồn" là ở chỗ nào ? Sau một buổi đi làm về, quả thật ông Q có bị "hắt hơi, sổ mũi", người cảm thấy gai lạnh và biếng ăn. Vợ ông thấy thế bèn kiên quyết "bắt" ông đi khám bệnh. Ông bảo tôi chẳng làm sao hết, chỉ cảm thấy hơi mệt, nghỉ ngơi một chút lại khỏe ngay thôi mà. Song, "cồng bà" to lắm, nên ông đành phải chịu thua. Tới bệnh viện, bà rí tai nói khéo với các bác sĩ : "Nhà tôi chẳng chịu nằm viện bao giờ cả. Kỳ này sức ông ấy đuối quá, nhờ các anh giúp ông ấy điều trị ít ngày". Thật ra, bệnh tình của ông Q chẳng đến nỗi nguy hiểm lắm, chỉ cần uống vài thứ thuốc cần thiết là khỏi. Song, xem y bạ thì thấy đúng là ông Q

chẳng khám bệnh hoặc nằm viện khi nào. Thế là các bác sĩ quyết định lưu ông Q ở lại bệnh viện để điều trị (thực ra là để điều dưỡng) ít ngày. Vốn có tính tổ chức và kỷ luật, cho nên ông Q đành "y lệnh". Thấy ông Q chịu nằm viện, vợ ông mừng lắm bèn gọi điện ngay cho chánh văn phòng cơ quan ông và các đơn vị có liên quan thông báo cái tin chẳng lành : "*Nhà tôi phải đi cấp cứu, nằm viện*". Bà còn nói thêm : "*Nhà tôi yếu lắm, chẳng ăn uống được gì, chỉ mong các anh tới thăm, động viên ông ấy vài lời giúp tôi là quý lắm rồi và nhớ đừng mang theo quà cáp gì cả, ông ấy không bằng lòng đâu*". Và... thế là mọi việc diễn ra đúng như kịch bản do bà dàn dựng.

Viết đến đây, tôi định dừng, nhưng thấy như vậy rất dễ gây ra sự hiểu lầm, cho nên xin nói thêm một

đôi điều nữa. Con người ta chẳng ai muốn ốm đau nằm viện. Và khi chẳng may phải nằm viện thì gia đình, bè bạn, anh em tới thăm nom chăm sóc là lẽ thường tình, là sự cần thiết và lâu nay đã thành nét đẹp trong lối sống của người Việt nam ta. Tiếc thay, trong thời buổi cơ chế thị trường này, cũng giống như nhiều việc làm tình nghĩa khác, việc thăm nom người ốm đôi khi cũng bị biến tướng, bị lợi dụng. Trường hợp mà tôi kể ở đây chỉ là cá biệt nhưng rất đáng nói, vì nó là hậu quả của một sự tính toán thực dụng, không hay ho gì. Do có chỉ thị tiết kiệm của Đảng và Chính phủ cho nên đạo này "bổng lộc" đến với ông Q không có mấy. Thế là nhân dịp ông bị "hắt hơi, sổ mũi", vợ ông bèn nảy ra sáng kiến bắt ông phải nằm viện. Quà cáp, phong bao cho người

ốm phải nằm viện thì có chỉ thị nào cấm đoán đâu và như thế thì ai dám bảo là tham nhũng? Thế mới biết là vợ ông Q thông minh và cao kiến thật ! Tôi cũng xin tiết lộ thêm điều cơ mật này nữa. Sau nửa tháng ông Q nằm viện và sau khi cộng lại tất cả các phong bì của những người tới thăm, bà Q nói với cô con gái rệu rã : "*Bố con nằm viện đợt nữa thì đủ tiền mua cho con một cái xe DREAM II mới toanh*".

Chuyện đơn giản chỉ có thế, chẳng phải là cái gì to tát cả. Nhưng qua đó tôi nghĩ các bậc thủ trưởng từ lớn đến nhỏ cũng có thể rút ra được một bài học là : *cần phải hết sức tỉnh táo và cảnh giác ; vợ, con làm gì cũng phải để mắt đến, chớ có quan liêu ; nếu không thì nhiều khi chỉ vì vợ, con mà mất uy tín có ngày* □

Cần kiên quyết...

(Tiếp theo trang 51)

được ai. Nỗi tâm tối, đổ vỡ, nhục nhã, đau đớn... mà họ nói, chỉ dành cho số phận những kẻ điên cuồng chống lại sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Còn dân tộc Việt nam, nhân dân Việt nam rất xứng đáng và tự hào với niềm vinh quang mà những thành tựu hơn nửa thế kỷ qua cũng như sự nghiệp đổi mới ngày nay đã mang lại. Con đường mà Đảng lãnh đạo đưa

nhân dân ta hướng tới chủ nghĩa xã hội là hoàn toàn đúng. Đảng nhất định sẽ giành được thắng lợi to lớn hơn nữa trong vai trò lãnh đạo của mình, xứng đáng với niềm tin của cả dân tộc và bạn bè quốc tế. Những kẻ nói quàng nói xiên, cố tình bôi nhọ Đảng ta với tất cả sự hèn học và căm giận, mù quáng, mới là những kẻ đáng nguyên rủa.

Cách mạng làm thay đổi chế độ chính trị - xã hội, xóa bỏ áp lực bất công, đem lại cho nhân dân lao động các

quyền cơ bản của con người, đâu có thể diễn ra chỉ trong một sớm, một chiều, một vài năm, và càng không thể như một cuộc đi xem hội. Vì vậy, cách mạng khi lên khi xuống, do có nơi, có lúc phạm sai lầm, thiếu sót, là điều khó tránh khỏi. Song, đúng như người đời thường nói và cũng là lòng tin sắt đá của Đảng ta, của dân tộc ta : "*chớ cứ sửa, đoàn người vẫn tiến*", không gì ngăn cản nổi lịch sử diễn biến theo những quy luật phát triển của nó □



MÔI TRƯỜNG SINH THÁI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI

PHẠM THỊ NGỌC TRÂM *

MỤC tiêu phát triển chung của xã hội loài người mà hiện nay nhiều nước đang hướng tới là đạt được sự phồn thịnh về kinh tế, tiến bộ về xã hội và sự trong sạch về môi trường sinh thái. Các mục tiêu đó gắn bó chặt chẽ với nhau tạo thành nền tảng cho sự phát triển bền vững của xã hội. Sự phát triển lâu bền được hiểu đó là sự phát triển không chỉ vì thế hệ hiện nay mà còn vì các thế hệ mai sau. Chỉ trong những năm gần đây, vấn đề phát triển bền vững mới được đặt ra một cách hết sức cấp thiết. Bởi vì, chính những gì được loài người coi là thành tựu to lớn của sự phát triển xã hội, như sự tăng trưởng nhanh của các nền kinh tế, sự phát triển nhanh và mạnh mẽ của khoa học và công nghệ cùng với quá trình công nghiệp hóa ồ ạt ở các nước phát triển v.v., đã và đang có những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường tự nhiên - ngôi nhà sinh tồn của xã hội loài người. Những cuộc khủng hoảng sinh thái cục bộ đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới và sự đe dọa của một cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu đang buộc loài người phải suy nghĩ, phải thay đổi chiến lược phát triển của mình.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế tỷ lệ với tốc độ phát triển của công nghiệp hóa, của khoa học và công nghệ. Đó là một thực tế. Song, cùng với sự phát triển của công nghiệp hóa là sự suy thoái của môi trường tự nhiên. Đó cũng là một thực tế.

Cuộc cách mạng công nghiệp được tiến hành với sự ra đời của máy hơi nước, đã

đánh dấu bước chuyển của xã hội loài người từ nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh công nghiệp. Để công nghiệp hóa, cần phải có nhiều nguyên, vật liệu và nhiên liệu..., tất cả những thứ đó con người phải lấy từ tự nhiên. Con người đã thực sự coi tự nhiên là đối tượng khai thác và "bóc lột", là kho tài nguyên vật chất và năng lượng vô tận. Với sự trợ giúp của công nghệ cơ khí, máy móc, sức khai phá tự nhiên của con người ngày càng mạnh mẽ hơn, tinh xảo hơn, toàn diện hơn. Nếu như trước đây, trong nền văn minh nông nghiệp, con người chỉ mới tập trung khai thác đất đai, động vật và thực vật với một quy mô và phạm vi hạn chế, thì trong nền văn minh công nghiệp, con người đã khai thác và sử dụng hầu hết các tài nguyên trên trái đất, cả loại tái tạo được và loại không tái tạo được. Sức mạnh và sự tàn phá của nền sản xuất công nghiệp đối với tự nhiên có thể so sánh với sức mạnh và sự tàn phá của bão táp, động đất, núi lửa...

Trong thời đại công nghiệp hóa, sức mạnh của lao động cơ bắp đã dần dần được thay bằng sức mạnh của lao động trí tuệ. Lao động trí tuệ của con người được vật thể hóa nhờ khoa học và công nghệ trong thời đại công nghiệp hóa, đã tạo ra một sức mạnh phi thường, áp đảo so với tự nhiên. Nếu so với toàn bộ lịch sử của xã hội loài người thì thời gian 300 năm thực hiện công nghiệp

* PTS triết học, Viện triết học

hóa, phát triển khoa học kỹ thuật và công nghệ, thật ngắn ngủi, nhưng nó cũng đủ để chứng minh cho sức mạnh của con người trong việc chinh phục thiên nhiên. Chỉ trong vòng một trăm năm, từ năm 1876 đến năm 1975, loài người đã khai thác một khối lượng khổng lồ tài nguyên từ trong lòng đất, trong đó có khoảng 137 tỉ tấn than, 46,7 tỉ tấn dầu mỏ, 20 nghìn tỉ mét khối khí thiên nhiên, 24,5 tỉ tấn quặng sắt, đặc biệt nhanh là 25 năm cuối thời gian trên ⁽¹⁾.

Rừng, đất đai, động vật, thực vật cũng là những đối tượng khai thác mạnh mẽ của con người. Rừng đã và đang bị tàn phá nghiêm trọng. Mỗi phút trên toàn thế giới có 21,5 héc ta rừng nhiệt đới bị phá hủy, trung bình mỗi năm là 17 triệu héc ta. Cho đến nay con người đã chặt phá gần 50% rừng nói chung, có một số vùng có thể lên đến 80% hoặc thậm chí 90%. Trên trái đất đã từng tồn tại 7,6 tỉ héc ta rừng, đến thập kỷ 80 chỉ còn lại hơn 4,1 tỉ. Tỷ lệ phủ xanh trên toàn lục địa 31,7%, nhưng ở nhiều nước vùng nhiệt đới đã xuống thấp hơn mức báo động (dưới 30%). Rừng bị tàn phá là nguyên nhân chủ yếu gây ra nạn suy thoái đất đai, sa mạc hóa, "hiệu ứng nhà kính", tăng nhiệt độ trên toàn trái đất, v.v.

Nhìn một cách bao quát, chỉ trong vòng ba thế kỷ công nghiệp hóa, sự suy thoái của môi trường tự nhiên đã trải qua *ba* mức độ. Ở thế kỷ XVIII Man-tuyt và Tiu-go mới đưa ra cái gọi là "quy luật về sự giảm dần độ phì nhiêu của đất đai", tới thế kỷ XIX Tô-m-xơn và Cơ-ru-xơ mới đặt vấn đề về "sự cạn kiệt nguồn năng lượng trên trái đất", thì ngày nay, người ta đã phải nói đến *nguy cơ cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên* trên hành tinh của chúng ta. Điều đó chứng tỏ môi trường sống của con người đang bị suy giảm nghiêm trọng.

Việc khai thác ồ ạt và sử dụng hết sức lãng phí các tài nguyên cùng những chất thải độc hại của nền sản xuất công nghiệp

chưa được hoàn thiện, trong nhiều thập kỷ đã gây ra sự ô nhiễm môi trường sinh thái hết sức nguy hiểm. Hiện tượng "hiệu ứng nhà kính" do nhiều khí thải của sản xuất công nghiệp, chủ yếu là CO₂, CH₄, N₂O, O₃, CFC (clorôfluorôcacbon), và rừng bị tàn phá nhanh chóng, đã làm cho nhiệt độ trung bình trên trái đất tăng lên, dự tính trong thế kỷ tới sẽ tăng 4 - 5°C. Sự tăng nhiệt độ này chắc chắn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sự sống. Hiện tượng "hiệu ứng nhà kính" và mưa axit (do sự phát triển của cả SO₂ lẫn N₂O làm cho không khí bị ô xy hóa và thủy phân thành mưa axit) có tác hại rất lớn đến các hệ sinh thái nông nghiệp, làm giảm năng suất mùa màng, chất lượng cây trồng và vật nuôi, tác động xấu đến các loại vật liệu như ăn mòn, làm mờ xỉn, hư hỏng. Chẳng hạn, do các chất gây ô nhiễm khí quyển tạo thành mưa axit mà nhiều công trình xây dựng và di tích lịch sử ở toàn bộ bắc bán cầu đã bị tàn phá.

Hiện tượng tầng ôzôn (cái áo giáp che chở cho trái đất) bị phá hoại là một nguy cơ rất lớn đối với sự sống trên hành tinh chúng ta. Từ những năm 80, người ta đã phát hiện ra hai lỗ thủng ôzôn ở bắc và nam bán cầu, nguyên nhân là do có hàng triệu tấn chất thải độc hại của nền công nghiệp hiện đại tung vào môi trường, trong đó đặc biệt có chất CFC là chất phá hoại tầng ôzôn mạnh nhất. Rồi hàng loạt hiện tượng ô nhiễm môi trường nguy hiểm khác nữa, như sa mạc hóa, thiên tai nặng nề và dồn dập, nước ở các đại dương bị nhiễm bẩn do hoạt động kinh tế, hậu quả của các cuộc chiến tranh vi trùng, hóa học, của các cuộc thử nghiệm vũ khí, đặc biệt là vũ khí hạt nhân v.v.. Tất cả những hiện tượng trên do hậu quả tiêu cực của nền sản xuất hiện đại, đang làm suy giảm trầm trọng chất lượng môi trường, đặt cả hành tinh trước hiểm họa

(1) Xem Lê Quý An : "Dân số và môi trường" báo Nhân dân 13-6-1989, tr 3.

của những cuộc khủng hoảng sinh thái cục bộ và toàn cầu. Ngày nay, con người đang phải chịu sức ép của hai "quả bom" : bom nguyên tử và bom sinh thái. Sự bùng nổ của một trong hai quả bom đó sẽ dẫn đến sự hủy diệt toàn bộ sự sống trên hành tinh chúng ta. Song, điều đó có diễn ra hay không còn tùy thuộc vào hoạt động của con người.

Trong lịch sử nhân loại đã từng tồn tại những nền văn minh huy hoàng, nhưng chúng đã lặn lẽ biến mất do sự hoạt động vô ý thức của con người. Sự tiêu vong của nền văn minh Mai-a là một ví dụ điển hình. Sau hơn 15 thế kỷ hưng thịnh, nền văn minh đó đã suy tàn chỉ vì phương thức khai thác tự nhiên của con người. Sản xuất nông nghiệp theo lối độc canh, nạn đốt phá rừng bừa bãi, dẫn đến đất đai bị chai cứng, bạc màu, hạn hán, lũ lụt liên miên, mùa màng thất bát và nạn đói khủng khiếp đã ập đến cuốn đi tất cả. Người dân đã chết đói dưới chân những tượng đài, những đền thờ, nhà cửa đồ sộ mà tổ tiên họ từng xây dựng. Ví dụ vừa nêu dù sao cũng chỉ là hiện tượng lẻ tẻ diễn ra ở các vùng khác nhau trên trái đất vào thời kỳ văn minh nông nghiệp và trước đó, khi mà sự tác động của con người đối với tự nhiên còn bị hạn chế do phương thức sản xuất kém phát triển. Còn ngày nay, với nền văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp, điều gì sẽ xảy ra nếu như bùng nổ cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu ?

Cuốn sách trắng của Tổ chức môi trường Nhật bản mới công bố đã cảnh báo : nếu nền văn minh dựa trên sản xuất và tiêu dùng hàng loạt, về cơ bản không thay đổi mục đích, thì nó sẽ sớm biết thế nào là số phận của những nền văn minh cổ xưa đã biến mất. Ông Xê-đi I-ca-tai giám đốc của tổ chức đó, đã khẳng định : chúng ta có thể nghĩ gì khi biết nền văn minh Cơ-rét bị tiêu diệt bởi những sự hủy hoại tàn khốc của con người đối với môi trường. Các nền văn minh La mã và Hy lạp cũng như nền văn minh

Lưỡng hà cũng đã cùng chung số phận bởi những lý do tương tự. Nền văn minh hiện nay cũng đang bị một mối đe dọa như vậy.

Do đó, ngày nay *sự phát triển bền vững* được đặt ra cấp bách hơn bao giờ hết. Trong nhiều mục tiêu của sự phát triển bền vững, nổi lên *hai* mục tiêu cơ bản : *tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái*. Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững có mối quan hệ rất khăng khít với nhau. Không có sự tăng trưởng kinh tế thì không thể có sự phát triển của xã hội, nhưng nếu vì sự tăng trưởng kinh tế mà hy sinh môi trường sinh thái thì chắc chắn không có sự phát triển bền vững, thậm chí còn bị hủy diệt. Sự phát triển bền vững là sự phát triển trong mối quan hệ hài hòa với thế giới tương lai, là sự tạo tiền đề của các thế hệ hôm nay cho sự phát triển của các thế hệ mai sau. Do vậy, nó phải là sự phát triển kinh tế - xã hội lành mạnh dựa trên một nền khoa học và công nghệ hiện đại nhất để có thể khai thác và sử dụng hợp lý các tài nguyên, không hủy hoại môi trường, vừa bảo đảm thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ hôm nay, vừa không ảnh hưởng xấu tới việc thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ mai sau.

Ngày nay, với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ mới, con người hoàn toàn có thể hướng quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào việc thực hiện cùng một lúc hai mục tiêu *tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái* nhằm bảo đảm cho xã hội phát triển bền vững. Việc thay đổi chiến lược phát triển, từ chỗ đối lập với tự nhiên, coi tự nhiên là đối tượng khai thác, tới chỗ coi tự nhiên là người bạn đồng hành, sống hài hòa thật sự với tự nhiên, đó không phải chỉ vì tự nhiên, mà *trước hết*, chính vì sự sống của con người, sự tồn tại và phát triển của xã hội □



KINH NGHIỆM QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN Ở MỘT SỐ NƯỚC

TAI các nước tư bản phát triển, việc quản lý các công ty cổ phần đã phát triển tới giai đoạn rất cao. Họ đã thành công trong việc giải quyết mối quan hệ giữa chủ sở hữu cổ phần và người quản lý xí nghiệp. Thông thường, các cổ đông - chủ cổ phần, giao quyền kinh doanh tài sản cho người khác, nhưng vẫn có quyền kiểm soát có tính chất quyết định đối với tài sản pháp nhân. Quyền kiểm soát này được thực thi thông qua những trình tự nhất định. Có thể gọi đó là chế độ giao quyền và quyền đại diện.

Vấn đề quan trọng là làm thế nào để người đại diện làm việc có hiệu quả nhất, vừa phát huy quyền chủ động của người quản lý, vừa thỏa mãn tối đa yêu cầu của chủ sở hữu tài sản (chủ cổ phần).

Trong các giải pháp thành công, có *mô hình quản lý của Mỹ*, được coi là mô hình điển hình của chủ nghĩa tư bản phát triển. Thực chất của mô hình Mỹ là thiết lập cơ chế khuyến khích và cơ chế giám sát của cổ đông (chủ sở hữu cổ phần) đối với người kinh doanh. *Cơ chế khuyến khích* bao gồm : nước lên thuyền lên, thu nhập của người kinh doanh phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh ; trả lương cao và người kinh doanh có quyền mua cổ phần. *Cơ chế giám sát* bao gồm giám sát nội bộ và giám sát bên ngoài. Giám sát nội bộ là tăng cường quyền lực của đại hội cổ đông đối với hội đồng quản trị và ban kiểm soát, tăng cường quyền lực của hội đồng quản trị đối với giám đốc, cũng như quyền lực của ban kiểm soát đối với hội đồng quản trị và giám đốc. Những quyền lực đó đều mang tính chất luật định, bao gồm : bổ nhiệm, bãi miễn, giám sát, thẩm định, bình xét.

Ở Mỹ, theo quy định, trong hội đồng quản trị công ty, số đại biểu cổ đông bên ngoài công ty phải chiếm một tỷ lệ bình quân là 56% (ở Nhật chỉ có 24%). Luật pháp Mỹ còn quy định : các thành viên của ban kiểm soát phải do các ủy viên hội đồng quản trị bên ngoài công ty đảm nhận. Những công ty nào không làm đúng như vậy, sẽ không được phép hoạt động. Đó là những biện pháp kiểm soát từ bên ngoài, nhằm ngăn chặn hiện tượng lộng quyền trong quan

hệ nội bộ cổ đông pháp nhân. Sự kiểm soát từ bên ngoài đó còn gọi là sự kiểm soát của thị trường. Khi các cổ đông không đồng ý với cách kinh doanh của người đại diện, họ có thể "bỏ phiếu bằng chân", tức là, các cổ đông bán rẻ cổ phiếu của mình, làm cho giá cổ phiếu của công ty giảm sút, công ty đứng trước nguy cơ bị các đối thủ thu mua và sáp nhập. Lúc này, người kinh doanh có khả năng mất cả "niều cơm".

Mô hình quản lý của Mỹ có ưu điểm là có sự kiểm soát chặt chẽ của cổ đông và của thị trường, cho nên quan hệ quyền lực nội bộ công ty được cân bằng ; hoạt động kinh doanh của công ty được công khai. Vì vậy, quyền lợi của cổ đông được bảo đảm.

Về vấn đề đánh giá hiệu quả kinh doanh, các công ty Mỹ chủ yếu dựa vào chỉ tiêu lãi suất đầu tư. Người kinh doanh có trách nhiệm tạo ra lãi suất đầu tư cao và tỷ lệ ăn chia cao.

Nhược điểm của mô hình Mỹ lại chính là do việc trả tiền lương rất cao trong khi bộ máy giám sát đông, làm tăng giá thành quản lý. Đồng thời, do sức ép của các cổ đông đòi hỏi tỷ lệ ăn chia cao, làm cho người kinh doanh có xu hướng chạy theo lợi nhuận trước mắt, thường là hạ thấp tỷ lệ tích lũy để tăng ăn chia. Cách thức đó làm cho xí nghiệp ngày càng mất tiềm lực phát triển.

Mô hình quản lý của Nhật rất chú trọng cơ chế tạo động lực cho người kinh doanh, xây dựng quan hệ chặt chẽ và ổn định giữa các cổ đông và người kinh doanh. Đặc điểm của công ty cổ phần Nhật bản là số cổ đông pháp nhân chiếm ưu thế tuyệt đối (trên 70%). Phần lớn pháp nhân có cổ phần là những thành viên của những xí nghiệp có quan hệ ngành nghề với nhau, hoặc là những thành viên của các xí nghiệp và các ngân hàng có quan hệ nghiệp vụ với nhau. Nghĩa là người của đơn vị này mua cổ phiếu của đơn vị kia, quan hệ đan chéo vào nhau. Người mua cổ phiếu chủ yếu không phải để thu lãi suất đầu tư, mà chủ yếu để duy trì quan hệ hợp tác trong ngành nghề và duy trì quan hệ giao dịch ổn định lâu dài. Vì vậy, trong

tình hình bình thường, các cổ đông pháp nhân không cần phải can thiệp vào công việc của đối phương. Ở đây, quan hệ phụ thuộc lẫn nhau đã thay thế sự giám sát của các cổ đông đối với người kinh doanh. Do vậy, người kinh doanh có quyền chủ động rất lớn.

Trong quan hệ nội bộ công ty, đại hội cổ đông của công ty Nhật có rất ít quyền lực; đa phần thành viên của hội đồng quản trị và ban kiểm soát đều do các quan chức cao cấp kiêm nhiệm; người kinh doanh (người đại diện) về cơ bản có quyền độc lập quyết định phương hướng và biện pháp kinh doanh của công ty. Mặc dù người kinh doanh có quyền hành lớn như vậy, nhưng không có chuyên lam quyền. Bí quyết là ở chỗ các công ty mua cổ phần của nhau. Thực chất đó cũng là hình thức các công ty đều là con tin của nhau. Bất cứ bên nào làm điều gì có hại đến quyền lợi của cổ đông, tất yếu sẽ bị đối phương trả thù lại, cũng bằng hình thức tương tự. Vì vậy, giữa pháp nhân và cổ đông, không ai can thiệp ai. Ngược lại, họ quan tâm lẫn nhau, chiều cổ lẫn nhau.

Có thể gọi mô hình quản lý Nhật là cổ đông ít kiểm soát, người kinh doanh có quyền lớn. Cách quản lý như vậy có lợi là người kinh doanh gần bó lâu dài với công ty, chăm lo trước hết cho sự thành đạt của công ty. So với các nước châu Âu và Bắc Mỹ, các công ty Nhật có khả năng cạnh tranh hơn, chiếm lĩnh thị trường giỏi hơn, phát triển sản phẩm mới và công nghệ mới nhanh chóng hơn. Đồng thời, do các cổ đông không đòi hỏi nhiều về việc chia lãi, cho nên các nhà kinh doanh có thể tăng tích lũy, ăn chia ít, nhằm lợi ích lâu dài của công ty. Kết quả cuối cùng là tỷ lệ gia tăng tư bản cao, và các cổ đông đều có lợi.

Cái bất lợi của mô hình Nhật là: 1) Theo thống lệ, khi công ty đối phương làm ăn không sinh lợi, những công ty có cổ phần cũng không thể chuyển nhượng cổ phiếu. Như vậy sẽ làm giảm hoạt động của thị trường vốn và giảm vai trò điều chỉnh tài nguyên. 2) Hiện tượng mua cổ phiếu đan xen lẫn nhau, tuy có lợi cho cổ đông pháp nhân, nhưng lại coi thường quyền lợi của cổ đông cá nhân. Về điểm này, có thể nói, trong một chừng mực nào đó, là sự hy sinh lợi ích của các cổ đông vừa và nhỏ để bảo đảm vận hành cơ chế. Rõ ràng đây là một sự bất công.

Tại Trung quốc, hiện đang triển khai việc cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh, do đó vấn đề quản lý và vận hành các công ty cổ phần

đang nổi lên như là vấn đề bức xúc. Về lĩnh vực này, Trung quốc trước hết chú trọng xây dựng cơ chế hoạt động của pháp nhân, đồng thời đẩy nhanh sự hình thành cơ chế thị trường có hiệu quả. Ngoài ra, điều quan trọng hơn là thiết lập một cơ chế có thể tạo ra động lực và khả năng tự kiểm chế của nội bộ công ty.

Đối với các xí nghiệp quốc hữu, cách làm của Trung quốc như sau: cơ quan quản lý tài sản quốc hữu giao quyền cho các cơ quan pháp nhân, bao gồm các công ty có cổ phần không chế, công ty đầu tư và quỹ công hữu. Các cơ quan pháp nhân đại diện chủ sở hữu tài sản có quyền nắm cổ phần không chế, hoặc chủ sở hữu cổ phần tại các xí nghiệp quốc hữu loại vừa và loại lớn. Trong khi sở hữu đang là vấn đề nổi cộm trong kinh tế xã hội chủ nghĩa thì mô hình này có tính chất khả thi vì nó thích hợp với việc giải quyết mối quan hệ phức tạp hiện nay trong lĩnh vực sở hữu tài sản và quản lý, kinh doanh tài sản... Tuy nhiên, mô hình này cũng bộc lộ một số nhược điểm: 1) Các cơ quan pháp nhân như công ty có cổ phần không chế, công ty đầu tư và quỹ công hữu đều là các cơ quan pháp nhân mang thuộc tính đầu tư bị động - không phải là người chủ động đầu tư, không chủ động bỏ tiền ra mua cổ phần. Hoạt động của các cơ quan pháp nhân đó hầu như không có liên hệ gì với hoạt động nghiệp vụ chủ yếu của xí nghiệp cổ phần. Do đó, rất khó giải quyết những bất đồng giữa cơ quan giao quyền và người đại diện trong quá trình thông tin giữa đôi bên hoặc trong quá trình kiểm tra, giám sát. 2) Các cơ quan pháp nhân nơi trên hoạt động với tư cách là người đại diện trung gian, kết quả hoạt động và việc cải thiện phúc lợi của họ hoàn toàn tùy thuộc vào lợi nhuận cổ phần do xí nghiệp cổ phần tạo ra. Vì vậy, để nâng cao thu nhập, họ sẽ can thiệp nhiều vào công việc của các xí nghiệp cổ phần, làm ảnh hưởng đến quyền chủ động kinh doanh của các xí nghiệp đó, hoặc họ sẽ lôi kéo xí nghiệp cổ phần để cùng nhau chiếm đoạt tài sản công hữu. 3) Quá nhiều tầng cấp, giá thành quá cao, quan liêu càng nhiều.

Thực tiễn ở Trung quốc cho thấy cách làm tốt nhất là quan hệ giao quyền và đại diện, thực hiện trong hệ thống cùng ngành nghề, cùng là đơn vị tiêu thụ một loại hàng hóa. Trừ trường hợp một số ít xí nghiệp loại vừa và loại lớn thuộc những ngành quan trọng hoặc công trình quan trọng, cần phải do các công ty đầu tư quốc hữu nắm cổ phần không chế, còn lại phần lớn các xí nghiệp quốc hữu thuộc ngành chế tạo, có thể

thực hiện việc mua cổ phần đan chéo giữa các xí nghiệp cùng ngành nghề. Ví dụ, với tư cách là đơn vị đại diện quốc hữu, các xí nghiệp thuộc công đoạn sản xuất sau (ha du), có quyền mua cổ phần của xí nghiệp thuộc công đoạn sản xuất trước (thượng du). Xí nghiệp trung tâm của tập đoàn, có quyền mua cổ phần của các xí nghiệp khác trong tập đoàn. Xí nghiệp lắp ráp có quyền mua cổ phần của các xí nghiệp sản xuất linh kiện. Xí nghiệp lớn bán buôn bán lẻ, có quyền mua cổ phần tại các xí nghiệp sản xuất hàng hóa chủ yếu v.v.. Ngược lại, các xí nghiệp thượng du cũng có quyền mua cổ phần của xí nghiệp hạ du.

Việc xác lập quan hệ sở hữu theo ngành nghề như trên vừa có lợi cho xí nghiệp cổ đông (xí nghiệp chủ sở hữu cổ phần) vừa có lợi cho xí nghiệp bán cổ phần. Xí nghiệp bán cổ phần vừa là cơ quan đại diện cho xí nghiệp cổ đông, vừa là cửa hàng chuyên cung cấp sản phẩm cho xí nghiệp cổ đông. Hiệu quả kinh doanh của xí nghiệp bán cổ phần không chỉ có quan hệ với lợi ích đầu tư của xí nghiệp cổ đông, mà còn quan hệ đến tình hình cung cấp và chất lượng hàng hóa mà xí nghiệp cổ đông phải thu

mua và tiêu thụ. Đối với xí nghiệp bán cổ phần, các xí nghiệp mua cổ phần của mình (đối phương) vừa là cổ đông, vừa là đối tượng tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ của mình. Nếu xí nghiệp bán cổ phần có hành vi gây thiệt hại đến lợi ích của cổ đông, nghĩa là làm thiệt hại người tiêu dùng của mình, sẽ dẫn tới sự bất lợi trong cạnh tranh thị trường.

Có thể gọi cơ chế nói trên là quan hệ lợi hại song trùng. Cơ chế ấy tạo cho các xí nghiệp cổ đông có tư tưởng làm ăn lâu dài khi đầu tư. Các xí nghiệp bán cổ phần cũng cố gắng nâng cao hiệu quả kinh doanh, để nhận được sự khen ngợi của các cổ đông kiêm người tiêu dùng.

Đó là sự lồng ghép quan hệ giao quyền đại diện vào quan hệ nghiệp vụ ngành nghề, giảm bớt bất đồng trong quan hệ thông tin giữa đôi bên, giảm bớt giá thành quản lý. Đối với nhà nước, với tư cách là người giao quyền cao nhất, dù không can thiệp bằng biện pháp hành chính, vẫn bảo đảm duy trì và gia tăng giá trị tài sản.

L.T.

(Theo Nhân dân nhật báo 25-4-1995)

Đảng bộ Lào cai...

(Tiếp theo trang 41)

tương đương như một huyện miền xuôi. Cán bộ ở 2/3 số xã vùng cao trong tỉnh khi về huyện phải đi bộ mất cả ngày đường, thậm chí 2-3 ngày. Thực trạng này cho thấy điều kiện sống và làm việc của cán bộ cơ sở ở vùng cao khó khăn hơn nhiều so với ở miền xuôi, do đó nếu sinh hoạt phí của họ có cao hơn so với ở miền xuôi thì cũng là hợp lý.

5) Đặc biệt coi trọng việc xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong đảng, trước hết là trong cấp ủy. Hiện nay, chúng ta đang đứng trước thử thách mới rất phức tạp. Các thế lực thù địch đang ra sức thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", nhất là trong lĩnh vực tư tưởng hòng chia rẽ nội bộ ta. Kinh nghiệm lịch sử đã nhiều lần chứng minh : đoàn kết, thống nhất, luôn là nguồn gốc sức mạnh của Đảng. Sự đoàn kết thống nhất trong Đảng phải trên cơ sở cương lĩnh, đường lối, chính sách và nguyên tắc tập trung dân chủ. Đi đôi với dân chủ cần có

chủ trương, biện pháp đồng bộ, mạnh mẽ, dứt khoát về tổ chức để xử lý những hiện tượng tiêu cực, đảng viên không đủ tư cách. Kỷ luật của Đảng và Nhà nước phải nghiêm minh và kịp thời, trước hết từ cấp trên. Chấm dứt tình trạng nặng dưới, nhẹ trên ; kiên quyết đẩy lùi tư tưởng cục bộ, địa phương, tự do vô kỷ luật ; khắc phục bệnh quan liêu, mất dân chủ trong nội bộ đảng. Hiện nay 100% cơ sở đảng ở Lào cai đã tiến hành cuộc vận động đổi mới chỉnh đốn đảng. Đảng viên đã được phân công nhiệm vụ rõ ràng. Định kỳ đảng viên có báo cáo, được kiểm tra, nhận xét. Nhìn chung, chất lượng mọi mặt của các cơ sở đảng đều được nâng lên. Năm 1992 mới có 190 cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, năm 1994 số này đã tăng lên 217 ; năm 1992 số cơ sở yếu kém là 43. năm 1994 chỉ còn 28. Ba năm qua toàn tỉnh kết nạp được 1 578 đảng viên mới, trong đó 60% là người thuộc các dân tộc thiểu số. Các chi bộ và đảng bộ các xã vùng cao ở Lào cai đang dần dần vươn lên, làm tròn vai trò lãnh đạo toàn diện của mình ┐

TẬP I BỘ TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA VIỆT NAM RA MẮT BẠN ĐỌC

Tháng 12 năm nay, tập I bộ **Từ điển bách khoa Việt nam** gồm 4 tập được xuất bản phát hành tại Hà nội. Năm 1996 sẽ xuất bản 3 tập tiếp theo.

Từ điển bách khoa Việt nam là bộ từ điển liên ngành lớn nhất đầu tiên của Việt nam. Từ điển có hơn 40 000 mục từ thuộc 33 chuyên ngành khác nhau của Việt nam và thế giới như chính trị, kinh tế, quân sự, văn học, triết học, giáo dục, lịch sử, mỹ thuật, âm nhạc, y dược, vật lý, toán học, tin học, địa chất, công nghệ hiện đại, sinh thái, thiên văn... Riêng tập I có 10 307 mục từ, trong đó có 9 000 mục từ chuyên ngành, trên 600 mục từ nhân vật, trên 500 mục từ địa danh, trên 100 mục từ về các tổ chức, gồm 90 mục từ tác phẩm, hơn 300 ảnh minh họa, 44 trang phụ bản màu.

Với mục đích góp phần nâng cao dân trí, phổ cập văn hóa khoa học và công nghệ, thúc đẩy công cuộc đổi mới và hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, **Từ điển bách khoa Việt nam** phản ánh một cách tương đối đầy đủ những tri thức về mọi lĩnh vực thuộc khoa học xã hội và khoa học tự nhiên từ trước đến nay ở trong và ngoài nước, chú trọng những tri thức trong nước và cận hiện đại, nhằm cung cấp những hiểu biết cơ bản về nền văn hóa và khoa học, về lịch sử đất nước và con người xưa và nay. Những tri thức đó được rút ra từ những công trình đã được nghiên cứu, đánh giá và tổng kết. Từ điển bách khoa đòi hỏi chất lượng cao, kiến giải khoa học và chính xác, có căn cứ tư liệu đầy đủ, được xã hội công nhận. Vì vậy, nói chung những gì chưa tổng kết thì chưa đưa vào từ điển bách khoa. Phương châm biên soạn từ điển bách khoa là *khoa học, cơ bản, hiện đại, dân tộc, thời đại*, dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cố gắng bảo đảm chất lượng ở mức cao nhất trong khả năng và kiến thức hiện có. Từ điển biên soạn cho đông đảo bạn đọc, trước hết là những người có trình độ trung học trở lên. Đây là loại sách bách khoa dùng để tra cứu học tập, nghiên cứu và giảng dạy.

Ngay từ tháng 12 năm 1987, để chỉ đạo việc tổ chức biên soạn **Từ điển bách khoa Việt nam**, cố vấn Phạm Văn Đồng đã nhấn mạnh: "Từ điển bách khoa và các loại sách bách khoa là một công trình rất công phu và đầy trách nhiệm, nhằm tạo ra cái chuẩn về sự hiểu biết của loài người và của dân tộc ta ở từng thời điểm lịch sử. Đó là sự tập hợp cao trí tuệ của dân tộc, góp phần tăng thêm vốn hiểu biết của nhân dân ta để xây dựng đất nước, làm cho sự phát triển của dân tộc ăn nhịp với sự phát triển của loài người... Thực hiện được nhiệm vụ đó, từ điển bách khoa và các sản phẩm bách khoa sẽ góp phần quan trọng xây dựng lòng tự hào dân tộc chính đáng, tạo cơ sở cho việc phát huy mạnh mẽ sức mạnh của dân tộc trong thời đại mới."

Việt nam ta có một nền văn hiến lâu đời, có kho tàng văn hóa dân tộc đa dạng và phong phú, cần được tổng kết và giới thiệu cho nhân dân các dân tộc nước ta và thế giới. Từ thế kỷ 18, nước ta đã có những bộ bách khoa như Lê Quý Đôn với *Văn đài loại ngữ*, và Phan Huy Chú với *Lịch sử hiến chương loại chí* (49 tập) được viết vào đầu thế kỷ 19. Việt nam là dân tộc có học, ham học, và tôn trọng tri thức. Trong xu thế phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ hiện đại, công cuộc đổi mới của đất nước đòi hỏi bức xúc phải nhanh chóng biên soạn và xuất bản *bách khoa toàn thư*, bước đầu là *từ điển bách khoa*. Chúng ta phải kế thừa và phát huy kho tàng văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, để trang bị cho nhân dân ta bản lĩnh của những con người khai phá con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến nghèo nàn lạc hậu, con đường mà dân tộc ta, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Với tinh thần nói trên, tập thể tác giả bao gồm 1 200 nhà khoa học trong cả nước, chiếm 1/8 tổng số cán bộ khoa học có trình độ trên đại học của nước ta, đã làm việc miệt mài hơn 6 năm dưới sự chỉ đạo của *Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt nam*⁽¹⁾. Hội đồng tiến hành công việc của mình dưới sự quan tâm theo dõi của Ban bí thư và Bộ chính trị Trung ương Đảng. Từ lâu, trước khi hội đồng thành lập, Bộ chính trị Trung ương Đảng khóa V đã ra Nghị quyết ngày 20/4/1981 về việc biên soạn

(1). *Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn từ điển bách khoa Việt nam* gồm 44 nhà khoa học có uy tín do giáo sư Hà Học Trạc làm chủ tịch, giáo sư Nguyễn Duy Quý và nhà văn hóa Cù Huy Cận làm phó chủ tịch, được thành lập theo Quyết định ngày 15/5/1987 và Quyết định ngày 4/8/1992 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng nay là Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng quốc gia chỉ đạo đã thành lập Ban biên tập từ điển bách khoa Việt nam do giáo sư Nguyễn Văn Trương làm tổng biên tập, bao gồm trưởng ban của 33 ban biên tập chuyên ngành. Giúp việc thường trực cho Hội đồng quốc gia chỉ đạo và Ban biên tập từ điển bách khoa Việt nam là Trung tâm biên soạn từ điển bách khoa Việt nam được thành lập theo Quyết định ngày 26/12/1988 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng. Ban biên tập chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung của từ điển. Trung tâm chịu trách nhiệm biên tập kỹ thuật và làm chức năng như Nhà xuất bản từ điển bách khoa Việt nam.

và xuất bản **Từ điển bách khoa Việt nam**. Nguyên Thủ tướng Chính phủ, nay là Cố vấn Ban chấp hành Trung ương Đảng Phạm Văn Đồng, Tổng bí thư Đỗ Mười, Thủ tướng Võ Văn Kiệt và nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã thường xuyên chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc tổ chức biên soạn từ điển.

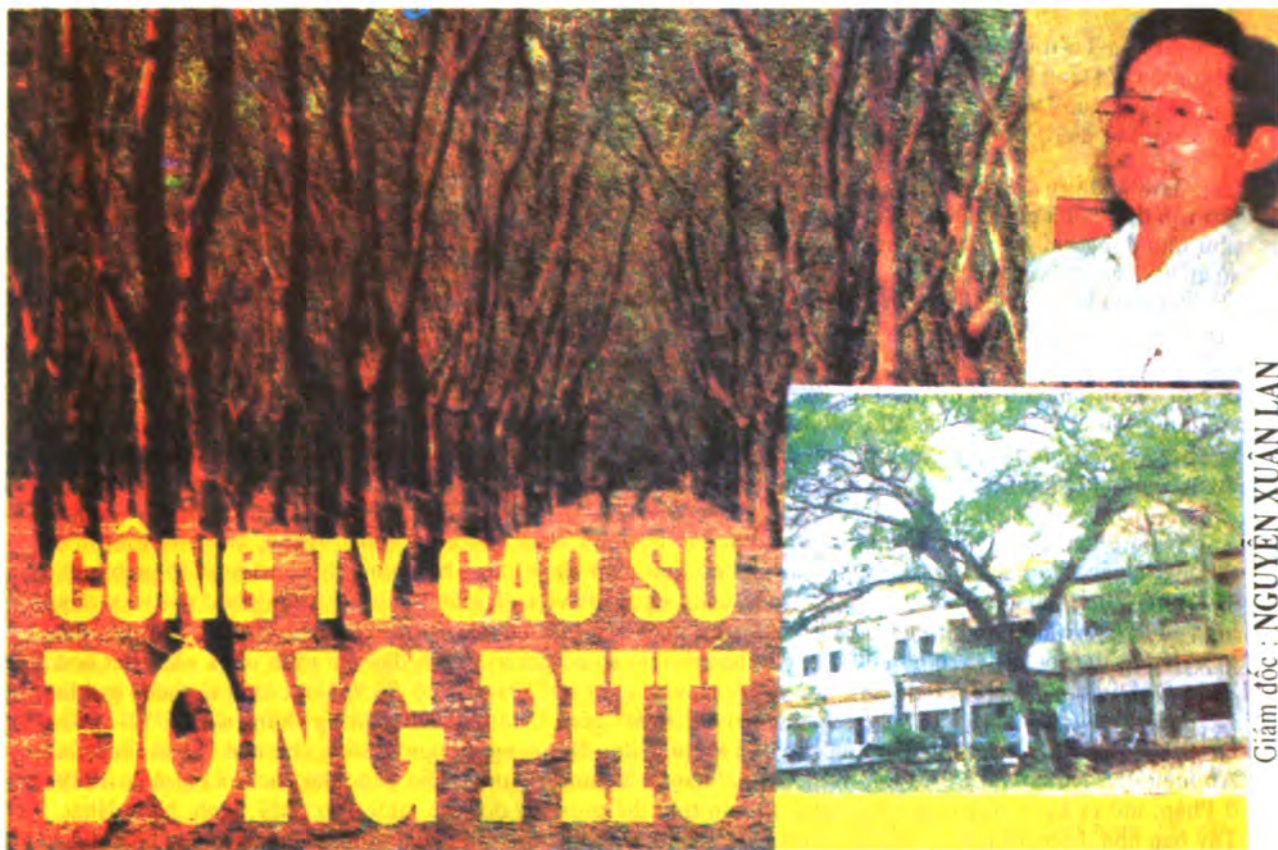
Trước khi in chính thức, tập I bộ từ điển đã được in thử để trưng cầu ý kiến. Hơn 160 người đã đọc tập I in thử và đã góp nhiều ý kiến có giá trị. Trong đó, có 8 ủy viên Bộ chính trị và phó thủ tướng Chính phủ như đồng chí Đào Duy Tùng, Trần Đức Lương; 20 bộ trưởng và ủy viên Trung ương Đảng; 51 giáo sư tiến sĩ và chuyên gia cao cấp ở các cơ quan trung ương, các trường đại học và viện nghiên cứu; 85 chuyên gia khoa học đầu ngành của các chuyên ngành. Rất nhiều đồng chí đã đọc kỹ nội dung thuộc lĩnh vực công tác hoặc nghiên cứu của mình và đã trực tiếp sửa chữa hàng chục mục từ, đồng thời nêu nhiều ý kiến có giá trị. Hầu hết đều ghi nhận rằng từ điển bách khoa là công cụ quan trọng giúp đồng bào người đọc đi sâu tìm hiểu toàn bộ các lĩnh vực tri thức cơ bản; việc xuất bản **Từ điển bách khoa Việt nam** với số lượng lớn là một việc bức xúc, nó đáp ứng nhu cầu của đông đảo cán bộ nhân dân đang ngày càng đòi hỏi nâng cao trình độ học vấn mọi mặt để xúc tiến công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Việt nam thành một nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Nhìn lại lịch sử thế giới thời cổ đại, khi các bộ môn khoa học chưa phân ngành, các nhà triết học thường là các nhà bách khoa. Những bài viết có tính chất bách khoa, bao gồm chính trị học, lô gích học, siêu hình học... do A-ri-xtôt (430-355 trước công nguyên) viết để giảng dạy tại trường học ở A-ten (Hy Lạp) được coi là những văn hiến bách khoa sớm nhất của loài người. Từ đó cho đến thời kỳ cận đại, thế giới đã lần lượt chứng kiến nhiều bộ bách khoa thư đồ sộ có giá trị. Cách đây hai trăm năm, nhà triết học Pháp D. Đi-đơ-rô (1713-1784) đã cùng với A-lam-be (1717-1783) viết bộ *Bách khoa toàn thư*, còn gọi là *Từ điển giải thích về khoa học, nghệ thuật và ngành nghề* (gồm 35 tập) xuất bản trong những năm 1751-1780. Đó là bộ bách khoa toàn thư đầu tiên của thời kỳ hiện đại. Nó mang lại nguồn sáng cho nền văn minh châu Âu hiện đại. Nó có vai trò to lớn trong việc chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc đại cách mạng năm 1789 ở Pháp, mở ra kỷ nguyên của chủ nghĩa tư bản trên thế giới. Từ đó, các nước Đức, Mỹ, Anh, Nga, Nhật, Tây ban nha, Liên xô (cũ) .. đều lần lượt biên soạn bách khoa toàn thư của mình. Gần đây, ngay cả những nước đang phát triển như Ấn độ, Thổ nhĩ kỳ, Xi Lan-ca, thậm chí những nước chỉ có 400 000 dân như Xu-ri-nam cũng có bách khoa toàn thư. Tháng 9/1993, Trung quốc hoàn thành việc xuất bản *Đại bách khoa toàn thư Trung quốc* (74 tập) bao gồm 77 859 mục từ, sau 15 năm biên soạn. Vừa qua, các nhà bách khoa Trung quốc cho biết: Trung quốc đang viết thêm những gì còn thiếu về Việt nam (bộ bách khoa toàn thư ấy viết khi quan hệ Việt - Trung chưa bình thường hóa) để bổ sung vào lần tái bản tới.

Bách khoa toàn thư là một công trình khoa học tổng hợp, phản ánh trình độ phát triển văn hóa và khoa học của một nước. Từ nay, mặc dù còn dưới dạng khiêm tốn là từ điển, nước ta đã có thể sánh vai với các nước với bộ **Từ điển bách khoa Việt nam** trên giá sách bách khoa của Liên hợp quốc. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên nước ta biên soạn từ điển bách khoa - một sản phẩm trí tuệ đa ngành cao cấp, lại tiến hành trong điều kiện thiếu thốn, thậm chí còn chưa có cả trụ sở làm việc chính thức; các ngành văn hóa, khoa học, nghệ thuật nước ta phát triển không đồng đều, chưa tổng kết đánh giá đầy đủ; đội ngũ tác giả và biên tập chưa có kinh nghiệm. Hầu hết đều làm việc kiêm nhiệm và tự nguyện; vì vậy, bộ từ điển bách khoa đầu tiên của đất nước không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót. Hy vọng đông đảo bạn đọc sẽ đồng góp nhiều ý kiến để nâng cao chất lượng khi tái bản. Đồng thời, cũng để tích cực chuẩn bị cho việc biên soạn và xuất bản *Bách khoa toàn thư Việt nam*.

Việc xuất bản tập I cũng như sự hoàn thành cơ bản việc biên soạn trọn bộ 4 tập **Từ điển bách khoa Việt nam** không tách rời sự quan tâm chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự cộng tác và đóng góp nhiệt tình của đông đảo chuyên gia và các nhà khoa học, sự ủng hộ và giúp đỡ nhiệt tình của các ngành, các cấp, các địa phương. Có thể khẳng định rằng, việc xuất bản và phát hành tập I bộ **Từ điển bách khoa Việt nam** đã đáp ứng lòng mong đợi từ lâu của người Việt nam ở trong và ngoài nước, của bạn bè khắp năm châu đang khao khát tìm hiểu và quan hệ với Việt nam, là công trình trí tuệ Việt nam chào mừng Đại hội VIII của Đảng cộng sản Việt nam, một đại hội vạch hướng cho nhân dân ta đi nốt chặng đường cuối cùng của thế kỷ 20 và tiến sang thế kỷ 21.

Theo PGS, PTS NGUYỄN HỮU QUỲNH,
Giám đốc Trung tâm biên soạn Từ điển bách khoa Việt nam



Giám đốc : NGUYỄN XUÂN LAN

Địa chỉ : xã Thuận Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé
Điện thoại : (0165) 79709 - 79786 - **Fax :** (0165) 79620

Công ty Cao su Đồng Phú với tổng diện tích 7.800 ha, trong đó diện tích khai thác 3.800 ha. Hàng năm, công ty đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo cho việc khai thác chế biến và khai hoang trồng mới.

Hiện nay, công ty có 5 nông trường :

**Thuận Phú, Tân Thành, Tân Lợi,
Tân Lập và An Bình.**

Sản lượng mủ bình quân năm 1994 :

3.600 tấn/năm

Các sản phẩm chính :

CSV5L, CSV5, CSV10, CSV20...

Sản phẩm của Công ty đã xuất khẩu qua các nước :

Trung Quốc, Singapore, Đài Loan...

Có 5 đơn vị trực thuộc công ty :

Trung tâm Y tế, Xí nghiệp Vật tư, Xưởng chế biến cao su, Đội thi công cơ giới, Xưởng cưa.



HÂN HẠNH ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Số : 13C10 Đại lộ 30-4 Thị xã Tây Ninh
● ĐT : 22315 ● Fax : 84.8.27536

Giám đốc : NGUYỄN XUÂN HỒNG

- Thành lập : 3/1981
- Thị trường tiêu thụ từ Bình Thuận đến các tỉnh miền Tây, tại Tây Ninh lượng vé tiêu thụ khoảng 10% vé phát hành mỗi kỳ.
- Doanh thu tăng hàng năm, đóng góp cho ngân sách từ 25-30%. So tổng thu ngân sách địa phương :

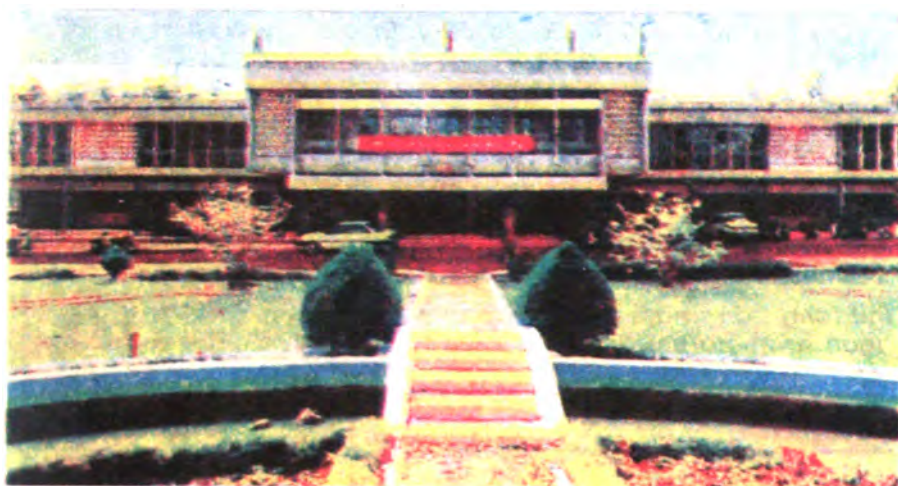
Năm	Doanh thu	Nộp ngân sách	Đạt % so kế hoạch
1990	44,29 tỷ	11,55 tỷ	113
1991	68,692 -	22,0 -	120
1992	113,460 -	29,3 -	138
1993	159,14 -	46,072 -	136
1994	213,158 -	66,0 -	143



CÔNG TY CAO SU BÌNH LONG

BÌNH LONG RUBBER COMPANY

THỊ TRẤN AN LỘC - HUYỆN BÌNH LONG - TỈNH SÔNG BÈ TEL : 01.65.66324 FAX : 65.66222



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NGUYỄN VĂN SAO



Ảnh :

- Trụ sở Công ty cao su Bình Long.
- Công nghệ sản xuất cao su bằng máy ly tâm.
- Thác số 4 - thắng cảnh du lịch ở Công ty Cao su Bình Long.
- Vườn cây khai thác của Công ty Cao su Bình Long.

Tiến thân là đồn điền TERRE ROUGE trên vùng đất đỏ màu mỡ

- 10 năm qua trồng mới 15.500 ha cao su với các loại giống năng suất cao. Đã có 9.643 ha đang sung sức cho mủ. Năm 1994 ước lượng 7.400 tấn cao su chế biến.
- Công nghệ mủ kem (Latex) đầu tiên và duy nhất của ngành cao su những năm qua.
- 9 nông trường, lao động có tay nghề cao. Cơ sở hạ tầng, giao thông liên lạc thông suốt bảo đảm đầu tư phát triển công nông nghiệp.





CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III HẢI PHÒNG

PETROLIMEX

Số 1 Sở Dầu - Hồng Bàng - Hải Phòng

Tel : 50632 - 50533 - 50522 - 50524

Telex : 311265 XDKV3 VT

Fax : 84-31-50333 XDKV3 VT

**ON VỊ ANH HÙNG
C LƯỢNG VŨ TRANG
NHÂN DÂN**



CHUYÊN KINH DOANH :

- * Xăng dầu mỡ các loại
- * Gas và các thiết bị dùng gas
- * Hóa chất, dung môi

CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI :

- * Đồng hồ lưu lượng
- * Cột bơm hiện đại
- * Hệ thống thử nồng độ
- * Bể chứa - đường ống dẫn cung cấp trực tiếp v.v..

**IN - CHẤT LƯỢNG - CHÍNH XÁC
ÔNG TY XĂNG DẦU
KHU VỰC III
A CHỈ TIN CẬY
A KHÁCH HÀNG**





Hân hạnh được
đón tiếp quý khách



Công ty Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRUNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 2940

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng.

IN TẠI NHÀ IN NHÂN DÂN HÀ NỘI II CHỈ SỐ 12651- ISSN 0846-7276 GIÁ : 2500Đ

Digitized by Google

89
5
63
. 1995
no. 18
MAIN

Tạp chí Công sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 02-02-96
Tap chí công sản : C quan ly
luan va chinh tri ca dang
cong san Viet-Nam

Tạp chí
Công sản

HỌC TẬP

65
NĂM

tiền phong

Bên-Sơ-Dĩc
Tạp Chí

TẠP CHÍ
CÔNG SẢN

SINH HOẠT CÔNG SẢN

18

Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác lý luận. Ngay từ khi mới thành lập, trong hoàn cảnh rất lúc khó khăn, Đảng ta đã quyết bản "Tập chí" lý luận. Qua thời hoạt động của "Tập chí" gần liền với quá trình đấu tranh và trưởng thành của Đảng. Trong mọi thời kỳ, "Tập chí" đã cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng.

Tình hình và nhiệm vụ hiện nay đặt ra cho công tác lý luận những yêu cầu rất hết sức quan trọng. Là tờ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, "Tập chí" công sản phải phản ánh tâm tất hân của các tầng, nhiệm vụ của mình theo những hướng dẫn chủ yếu của công tác lý luận trong giai đoạn mới mà Bộ chính trị đã đề ra.

Tôi tin rằng, với những kinh nghiệm và tích lũy được trong 65 năm qua, với tinh thần tôi mới không ngừng, luôn luôn kiên định thêm từ trí của mình, "Tập chí" sẽ góp phần hướng Đảng vào sự nghiệp tôi mới rất vẻ vang, tập trung yêu cầu ngày càng cao của cách mạng và đối với của bạn đọc, của nhân dân.

(Trích Lời tựa của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười viết cho cuốn "Tập chí Cộng sản - những chặng đường phát triển", Nxb Chính trị quốc gia, 2-1995)



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Số 486

BỘ BIÊN TẬP : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội - Dây nói : 252061 - 252062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3,
Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 225768

MỤC LỤC

**KỶ NIỆM 65 NĂM TẠP CHÍ LÝ LUẬN
- CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG RA SỔ ĐẦU
(1930 - 1995) VÀ 40 NĂM
RA ĐỀU KỶ (12.1955 - 12.1995)**

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Để xứng đáng là Tạp chí lý luận - chính
trị đầu đàn3
NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng :
Quá trình phát triển và trưởng thành7

**TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII
CỦA ĐẢNG**

VĂN TIẾN DŨNG - Quân đội ta mãi mãi xứng đáng với lời tuyên
đương công trạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh13
NGUYỄN VĂN ĐẶNG - Về phương hướng tiếp tục đổi mới cơ
chế quản lý kinh tế18
VŨ HIỀN - Vấn đề xây dựng quan hệ sản xuất, phát triển các
thành phần kinh tế25
ĐINH SƠN HÙNG - Kinh tế tư bản nhà nước - vài nét lý luận và
thực tiễn29

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN PHÚC THẮNG - Tinh khoa học của quan điểm mác xít
về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp33
DƯƠNG TÙNG - Áp đất giá trị - ngôn chơi cũ rích của một số
thể lực phương Tây36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

VŨ NGỌC KỶ - Những kết quả bước đầu chuyển dịch cơ cấu
kinh tế ở tỉnh Yên Bái41
PHẠM THẮNG - Những điều ghi nhận từ công tác thuế ở tỉnh
Hải hưng46
TRẦN NGỌC THANH - Điện ảnh Việt nam và 100 năm điện
ảnh thế giới50
HOÀNG MANH PHIỆT - Dấu ấn lãnh đạo của một chi bộ đảng53

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

VŨ LÂN - Để tương lai không phải dùng "đại bác"55

THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

HÀ MINH TÂN - Cơ sở khách quan bền vững của mối quan hệ
đặc biệt Việt - Lào56
VŨ THỦ PHƯƠNG - Sức sống mãnh liệt của Hòn đảo tự do58

TÌM HIỂU KHÁI NIỆM

Công chức, công vụ, công sở60

**TIN HOẠT ĐỘNG
LÝ LUẬN - THỰC TIỄN**

Hội thảo "Nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí lý luận -
chính trị của Đảng trong giai đoạn hiện nay"61

СОДЕРЖАНИЕ

НГУЕН ДЫК БИНЬ - Быть достойным предназначения ведущего политического и теоретического журнала. НГУЕН ФУ ЧОНГ - Процесс развития и качественного улучшения партийного политического и теоретического журнала. ВАН ТЬЕН ЗУНГ - Наша армия всегда достойна слов вдохновения Президента Хо Ши Мина. НГУЕН ВАН ДАНГ - Об ориентации дальнейшего обновления в экономическом управлении. ВУ ХИЕН - Проблема развития производственных отношений и экономических секторов. ДИНЬ ШОН ХУНГ - Государственно - капиталистическая экономика - некоторые теоретические и практические характеристики. ЧАН ФУК ТХАНГ - Научность марксистских взглядов на классовый вопрос и классовую борьбу. ЗЫОНГ ТУНГ - Навязывание ценностей - старомодный трюк определенных сил на западе. ВУ НГОК КИ - Первые результаты в перестановке экономической структуры в провинции Йен Бай. ЧАН НГОК ТХАНЬ - Вьетнамская кинемато-графия на фоне столетия мировой кинематографии. ХА МИНЬ ТАН - Прочный объективный фундамент особых вьетнамо - лаоских отношений. ВО ТХУ ФЫОНГ - Неугасимая жизненная сила "Острова Свободы".

CONTENTS

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - To deserve to be the leading politico-theoretical review. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - The politico-theoretical review of the Party : its stages of development and maturity. VÂN TIẾN DŨNG - Our army is always worthy of the commendation upon its merits by President Ho Chi Minh. NGUYỄN VĂN ĐĂNG - On the direction to the further renovation of the mechanisms of economic management. VŨ HIẾN - Problems of building up the relations of production and developing the economic sectors. ĐINH SON HÙNG - The State capitalist economy - several theoretical and practical points. TRẦN PHÚC THĂNG - The scientific character of the marxist viewpoint on the class and the class struggle. DUONG TÙNG - Imposing values - an old trick of some Western powers. VŨ NGỌC KỶ - Some initial achievements gained in the shift of economic structure in the province of Yen Bai. TRẦN NGỌC THANH - The Vietnam's cinematography and 100 years of the world's cinematography. HÀ MINH TÂN - The solid objective basis of the specific Vietnam - Lao relationship. VÕ THU PHƯƠNG - The impetuous vitality of the 'Island of Freedom'.

SOMMAIRE

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Pour être digne d'être la Revue théorique-politique de premier rang. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - La Revue théorique-politique du Parti : processus de développement et de grandissement. VÂN TIẾN DŨNG - Notre Armée est toujours digne des mérites cités par le Président Ho Chi Minh. NGUYỄN VĂN ĐĂNG - A propos de l'orientation de continuer la rénovation du mécanisme de gestion économique. VŨ HIẾN - Sur l'établissement des rapports de production et le développement des composantes économiques. ĐINH SON HÙNG - Economie du capitalisme d'Etat - quelques traits théoriques et pratiques. TRẦN PHÚC THĂNG - Le caractère scientifique des points de vue marxistes sur la classe et la lutte de classes. DUONG TÙNG - Imposer la valeur - truc suranné de certaines forces occidentales. VŨ NGỌC KỶ - De premiers résultats de la transmutation du mécanisme économique dans la province de Yen Bai. TRẦN NGỌC THANH - Le cinéma du Vietnam et le centenaire du cinéma mondial. HÀ MINH TÂN - Le fondement objectif solide des relations spéciales Vietnam-Laos. VÕ THU PHƯƠNG - La vitalité vive de l'Île de la Liberté.

SUMARIO

NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Para merecer una Revista teórica-política de cabeza. NGUYỄN PHÚ TRỌNG - La Revista teórica-política del Partido : un proceso de desarrollo y crecimiento. VÂN TIẾN DŨNG - Nuestro Ejército debe merecer siempre de los méritos proclamados por el Presidente Ho Chi Minh. NGUYỄN VĂN ĐĂNG - Sobre la orientación de proseguir la renovación del mecanismo de la gestión económica. VŨ HIẾN - El problema de edificar las relaciones de producción y desarrollar los componentes económicos. ĐINH SON HÙNG - La economía de capitalismo de Estado - algunos rasgos teóricos y prácticos. TRẦN PHÚC THĂNG - El carácter científico del punto de vista marxista acerca del problema clasista y la lucha de clases. DUONG TÙNG - Imposición del valor - un antiguo juego de algunas potencias occidentales. VŨ NGỌC KỶ - Iniciales éxitos en el cambio de la estructura económica en la provincia de Yen Bai. TRẦN NGỌC THANH - La cinematografía vietnamita y el centenario de la cinematografía mundial. HÀ MINH TÂN - Las sólidas bases objetivas de las particulares relaciones vietnamita-lao. VÕ THU PHƯƠNG - La vigorosa vitalidad de la Isla de la Libertad.

目錄

●阮德平：〈與領頭的政治理論相稱〉●阮富仲：〈黨的政治理論雜誌：發展和成長過程〉●文進勇：〈我們軍隊必須永遠與胡志明主席對軍隊功績的表彰相稱〉●阮文鄧：〈經濟管理機制繼續革新的方向〉●武賢：〈有關建立生產關係，發展各經濟成份的問題〉●丁山雄：〈國家資本經濟——理論、實際點滴〉●陳福升：〈馬克思主義有關階級和階級鬥爭觀點的科學性〉●楊松：〈強加之價值——西方某些勢力所採用的陳腐伎倆〉●武玉其：〈安沛省在經濟結構轉移過程中所取得的初步成績〉●陳玉清：〈越南電影事業及100周年的世界電影事業〉●何明新：〈越南一老過牢不可破的特殊關係的客觀基礎〉●武守方：〈自由之島旺盛的生命力〉

ĐỂ XƯNG ĐẢNG LÀ TẠP CHÍ LÝ LUẬN - CHÍNH TRỊ ĐẦU ĐÀN★

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

TRƯỚC hết, tôi hoan nghênh Bộ biên tập Tạp chí tổ chức kỷ niệm 65 năm từ ngày tạp chí lý luận - chính trị của Đảng ra số đầu và 40 năm xuất bản đều kỳ *Tạp chí Cộng sản* bằng một hoạt động thiết thực là sinh hoạt, trao đổi ý kiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng *Tạp chí Cộng sản* trong giai đoạn hiện nay.

Mấy năm gần đây, cùng với sự khởi sắc chung của đội ngũ báo chí Việt nam, *Tạp chí Cộng sản* đã có những cải tiến rõ rệt cả về nội dung và hình thức. Đặc biệt, từ tháng 7 năm nay, *Tạp chí Cộng sản* đã ra được mỗi tháng hai kỳ, tức là tăng gấp đôi số bài đăng tải. Đây là một nỗ lực lớn trong điều kiện có nhiều khó khăn, có lẽ khó khăn nhất là về khâu phát hành và kinh phí đảm bảo. Nhờ những cố gắng đó, *Tạp chí Cộng sản* vẫn tiếp tục giữ vững được vị trí trung tâm trong hệ thống các báo, tạp chí của Đảng. Các tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo và nghiên cứu của Đảng, Nhà nước và đoàn thể ở các cấp, giới khoa học và văn hóa vẫn coi *Tạp chí Cộng sản* là tiếng nói chính thống, đáng tin cậy của Trung ương Đảng. Niềm tin ấy bắt nguồn từ chỗ *Tạp chí Cộng sản* tiếp nối được phương châm đã thành truyền thống là giữ vững tính đảng, nghiêm túc về chính trị và khoa học, không để xảy ra những sai sót về lập trường, quan điểm, sự mơ hồ về lý luận, ngay cả trong những cơn sóng gió dữ dội về chính trị và tư tưởng.

Về cơ cấu bài, trên Tạp chí đã có thêm nhiều bài tổng kết thực tiễn của các địa

phương, các ngành và đoàn thể ; số bài về đấu tranh tư tưởng, góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng được tăng lên rõ rệt; có tỷ lệ thích đáng cho lĩnh vực văn hóa-xã hội, nhất là các bài lý luận phê bình văn học - nghệ thuật. Vào các dịp kỷ niệm lớn, Tạp chí tổ chức được một số bài viết quan trọng của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Chuyên mục "Tìm hiểu khái niệm" của Tạp chí được dư luận bạn đọc hoan nghênh. Chuyên mục "Sinh hoạt tư tưởng" vẫn có sức lay động và tính sắc bén như hàng bao năm nay.

Tuy nhiên, *Tạp chí Cộng sản* còn phải phấn đấu nhiều mặt mới nâng tầm vóc của mình lên hơn nữa, phản ánh được quy mô, nhịp độ và chiều sâu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đáp ứng được mong mỏi của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp độc giả khác nhau.

Có những nhân tố gì mới - cũng có thể gọi là những thách thức gì mới - đang đòi hỏi *Tạp chí Cộng sản*, tạp chí lý luận - chính trị của Đảng, phải đặc biệt chú ý, từ đó ra sức phấn đấu làm cho Tạp chí không ngừng được nâng cao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu ngày càng cao của Đảng và của độc giả ? Theo tôi, có *mấy nhân tố* phải tính đến :

★ Bài phát biểu tại Hội thảo "Nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng trong giai đoạn hiện nay" do Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* tổ chức ngày 18-11-1995

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng



Hội thảo nâng cao chất lượng Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng

Một là, những nhiệm vụ đặt ra đối với công tác lý luận và sự lãnh đạo chính trị của Đảng trong giai đoạn mới là hết sức khó khăn, phức tạp. Đại hội VIII mà toàn Đảng (và rồi ra cả toàn dân) đang chuẩn bị sẽ đưa lại những câu trả lời cần thiết về con đường và phương pháp đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước tiến bước vững vàng và chuẩn bị "cất cánh" vào thế kỷ XXI. Tuy vậy, những khó khăn phức tạp trên phương diện lý luận còn nhiều. Bởi vì công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bằng một nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường và mở cửa với bên ngoài có sự quản lý của nhà nước, đang đặt ra và chắc chắn sẽ còn nảy sinh rất nhiều vấn đề mới mẻ. Trong khi đó, những lực cản lại không nhỏ - cả sự lạc hậu về trình độ lý luận, cả khả năng và nguy cơ mất phương hướng trước những lý thuyết "mới lạ" và đặc biệt là sự xuyên tạc của những luồng tư tưởng xấu và sai trái, sự chống phá của những thế lực phản động.

Hai là, trình độ nhận thức của cán bộ các cấp đã có sự trưởng thành một bước đáng kể qua mười năm đổi mới, mở cửa; yêu cầu của người đọc cũng cao hơn trước. Điều đó có thể thấy rõ qua hiện tượng này:

những năm gần đây, đội ngũ cán bộ các loại, các cấp của chúng ta qua các lớp lý luận chính trị cũng như các hội nghị quán triệt nghị quyết của Đảng cho thấy là họ hiểu về quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước không còn theo kiểu thụ động như trước mà theo cách tích cực hơn, bằng cả bản lĩnh chính trị của mình đã qua thử thách, kinh nghiệm thực tiễn sôi động trong đổi mới và có sự đối chiếu nhất định với các thông tin khoa học xã hội và thực tiễn của nước ngoài.

Ba là, hệ thống các báo, tạp chí ở nước ta mấy năm nay đã phong phú, đa dạng hơn rất nhiều; số đầu báo, số kỳ phát hành, số trang in của nhiều tờ báo tăng thêm, trình bày đẹp hơn và chất lượng không ngừng được cải tiến. Nhiều báo và tạp chí của ngành, đoàn thể cũng đề cập ở mức độ này hay mức độ khác những vấn đề chung ở tầm quan điểm lý luận, nhất là những bài mang tính tổng kết thực tiễn.

Những người làm báo và tạp chí của Đảng hiểu hơn hết chiều sâu của những thách thức đó.

Vậy, "lỗi ra" ở đâu? Làm thế nào để vượt qua những thách thức nói trên? Hiển nhiên là từng báo, tạp chí vẫn phải giữ đúng tôn chỉ, mục đích, tính chất của tờ báo mình,

trên cơ sở đó cần đầu tư suy nghĩ cải tiến cả nội dung lẫn hình thức để nâng cao chất lượng.

Muốn cho *Tạp chí Cộng sản* thật sự trở thành một tạp chí lý luận - chính trị đầu đàn, xứng đáng là một cơ quan ngôn luận lý luận - chính trị trực thuộc Trung ương Đảng, cần có sự vươn lên mạnh mẽ hơn nữa, không chỉ dừng lại ở mức là công cụ tuyên truyền, phổ biến các nghị quyết, mặc dù đó vẫn là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, mà phải trở thành người tổ chức tập thể công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, giáo dục và nghiên cứu có chiều sâu lý luận và thực tiễn đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia có hiệu quả việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng.

Tôi nghĩ về cách làm tạp chí cần chú trọng hơn nữa việc tổ chức các số tạp chí ; từ khâu kế hoạch biên tập hằng năm và cho từng số cho đến khâu chuẩn bị, viết bài theo yêu cầu có chủ đích của Bộ biên tập Tạp chí. Cụ thể là, trên cơ sở các nghị quyết của Đảng, các chính sách lớn của Nhà nước, từ những vấn đề nổi cộm phát sinh trong thực tiễn kinh tế và quản lý xã hội, từ đời sống tư tưởng của cán bộ, đảng viên và cả xã hội, tạp chí lựa chọn ra những vấn đề quan trọng và cấp bách để tổ chức nghiên cứu, trao đổi và phản ánh những kết quả nghiên cứu đó trên Tạp chí. Ngoài một số chuyên mục thường xuyên, mỗi số tạp chí tập trung vào một chủ đề - chiếm khoảng 1/2 số trang, chẳng hạn - đề cập tương đối có hệ thống, toàn diện và đạt tới chiều sâu nhất định, đi tới được những kết luận chính trị - thực tiễn có giá trị cho cả nhận thức lẫn cho việc chỉ đạo hoạt động thực tiễn.

Làm được như vậy sẽ có mấy cái lợi :

Thứ nhất, khắc phục được sự tách rời giữa việc phục vụ các nhiệm vụ chính trị trực tiếp (đăng lại hoặc phổ biến các nghị quyết) với tính lý luận, tính thực tiễn (tuy có đăng bài của đồng chí lãnh đạo hoặc một

chùm bài về hoạt động của một địa phương, một ngành hay một số cơ sở), tính chiến đấu (bài thuần túy phê phán, nhất là các bài phê phán các luận điểm ít liên hệ tới đa số người đọc) và tính thông tin đơn thuần. Nếu tập trung xoay vào một chủ đề nào đó thì trong từng bài viết đều có sự phân tích, tranh luận bằng cả lý luận, quan điểm của Đảng, kinh nghiệm thực tiễn và bài học của thế giới, vừa chỉ ra tính thiếu căn cứ của các cách hiểu lệch lạc ; mỗi số tạp chí đều có tác động mạnh, gây được tiếng vang nhất định trong xã hội.

Thứ hai, tập hợp được cùng một lúc nhiều tác giả, hình thành diễn đàn tập thể của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cán bộ chỉ đạo thực tiễn ở các ngành, các địa phương, các cán bộ nghiên cứu lý luận và nghiệp vụ, những người làm công tác thông tin - tư liệu. Trong công trình chung đó, tất cả những người tham gia viết bài đều phải tìm hiểu sâu về lý luận, đường lối, tình hình thực tiễn, kinh nghiệm lịch sử và tư liệu nước ngoài, các ý kiến khác nhau, thực hiện "nghe người khác nói, đọc cái người khác viết trước khi viết cho người khác đọc". Các bài viết như thế chắc chắn sẽ sâu sắc, có lý có lẽ hơn và sống động hơn rất nhiều so với các bài viết theo sự "đặt bài" đơn lẻ lâu nay (Tạp chí khá vất vả mà tác giả có khi viết chủ yếu vì trách nhiệm), cũng không phải loay hoay tìm cho đủ các loại bài điều tra, tổng kết thực tiễn, đấu tranh tư tưởng... Với cách tổ chức mới này, các biên tập viên tạp chí thành "đồng tác giả" của mỗi bài và "cầu nối" giữa các tác giả, nắm bắt được cốt lõi của vấn đề và các khía cạnh khác nhau liên quan đến chủ đề.

Thứ ba, tất cả mọi người đọc ở các cương vị khác nhau đều có thể hòa cùng dòng suy nghĩ, tìm tòi chung về từng chủ đề, tự khảo nghiệm lại nhận thức của mình, cái gì chưa tới thì bổ sung, cái gì lệch lạc thì uốn nắn, cái gì sai hoặc đã lạc hậu thì từ bỏ, v.v. ; hơn nữa, có thể tham gia ý kiến

trao đổi lại về điểm này hay điểm khác không giống với các bài đã đăng. Nói cách khác, Tạp chí thành lớp học lý luận - chính trị không tập trung cho cán bộ. Được như thế, mọi người sẽ chờ đợi, đón đọc từng số tạp chí.

Cuối cùng, bằng cách này, *Tạp chí Cộng sản* sẽ phát huy được thế mạnh riêng có của mình để tạo ra bản sắc riêng mà không một tờ báo, tạp chí nào dễ dàng có được.

Đương nhiên, tôi hiểu, làm được như thế đòi hỏi rất nhiều công phu. Quan trọng nhất là chọn cho đúng chủ đề và đặt đúng tầm các vấn đề - không quá chung, mà cũng không quá cụ thể; trong chủ đề phải có các "tình huống" về lý luận và thực tiễn. Cùng với việc đó là khâu tổ chức cộng tác viên. Lại phải lựa chọn các cộng tác viên thực sự nhiệt tình, có tâm huyết và khả năng nghiên cứu, đề xuất ý kiến. Tốt nhất là tổ chức cho các cộng tác viên cùng trao đổi trước về các vấn đề chính của chủ đề, cùng đi khảo sát thực tế và thông tin cho nhau những tư liệu cần thiết mà mình có được...

Theo hướng hoạt động này, công việc của Tạp chí sẽ nhiều hơn gấp bội. Sẽ phải hình thành mạng lưới cộng tác viên đông đảo, thuộc nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, ở cả trung ương và địa phương. Trình độ lý luận và hiểu biết thực tế của cán bộ Tạp chí phải được nâng lên, phong cách làm việc phải năng động hơn đủ sức hỗ trợ cho các tác giả. Công tác tổ chức một số tạp chí và các số trong năm cũng phải khoa học, có kế hoạch chặt chẽ hơn. Quan hệ giữa Tạp chí với các cơ quan tham mưu tổng hợp, các cơ quan khoa học và cấp ủy các ngành, các địa phương sẽ phải mở rộng và chặt chẽ thêm nữa. Song, để tiếp tục truyền thống vẻ vang của mình, giữ vững vị trí được Đảng tin cậy, nhất định phải vươn lên, không ngừng đổi mới đội ngũ và phương thức tổ chức, hoạt động để nâng cao không ngừng chất lượng của Tạp chí.

Với tư cách một cộng tác viên, một người đọc thường xuyên *Tạp chí Cộng sản*, tôi xin nêu một số gợi ý để các đồng chí ở Tạp chí và các cộng tác viên của Tạp chí cùng thảo luận.

Về phương hướng, nhiệm vụ của Tạp chí trong những năm tới, tôi muốn nhấn mạnh *mấy công việc chính yếu nhất*.

Trước mắt, từ nay đến giữa năm 1996, Tạp chí phải tập trung sức và có kế hoạch cụ thể tổ chức tốt việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng. Đây là một nội dung công tác rất quan trọng của Đảng ta mà Tạp chí có trách nhiệm góp phần tích cực nhất của mình. Trong công việc này, *một mặt*, tạp chí cần đăng ý kiến của các cán bộ lão thành, các cán bộ khoa học, các văn nghệ sĩ, nhân sĩ, các tầng lớp nhân dân, kể cả Việt kiều; *mặt khác*, chú trọng phản ánh những ý kiến thảo luận, đóng góp của đại hội đảng các địa phương, các ngành.

Sau khi có các nghị quyết của Đại hội, Tạp chí cần có những loạt bài phổ biến, nghiên cứu văn kiện Đại hội, góp phần tạo nên sự nhất trí cao về tư tưởng, quan điểm trong toàn Đảng, toàn dân, cụ thể hóa và đưa nhanh nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Muốn vậy, phải có sự chuẩn bị ngay từ trước Đại hội.

Toàn bộ các công việc đó phải gắn chặt với việc tổng kết thực tiễn và đấu tranh tư tưởng - lý luận. Quá trình tham gia đóng góp vào các văn kiện của Đại hội cũng như việc quán triệt các nghị quyết của Đảng không thể thoát ly tình hình thực tiễn và những kinh nghiệm đúc rút được từ hoạt động thực tiễn của các tổ chức đảng, các ngành, các cấp, các đoàn thể, không thể không tiến hành phê phán, uốn nắn những quan điểm lệch lạc và đấu tranh thẳng thắn, có nguyên tắc với những luận điểm xuyên tạc, phản động.

Nhiệm vụ đặt ra với *Tạp chí Cộng sản* là rất nặng nề. Rất mong các đồng chí cố gắng, đoàn kết, cùng nhau tìm ra biện pháp thực hiện có kết quả cao. ▮

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ TRƯỞNG THÀNH

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác lý luận (bao gồm việc nghiên cứu lý luận ; học tập, vận dụng lý luận ; giáo dục, truyền bá lý luận ; tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận). Bác Hồ đã khẳng định : "Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi"⁽¹⁾. Chính Bác là người cộng sản Việt nam đầu tiên đã tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lý luận cách mạng của thời đại, và đã tìm mọi cách truyền bá và vận dụng lý luận Mác- Lê-nin vào Việt nam. Tập sách *Đường cách mệnh*, tập hợp các bài viết, bài giảng của Bác được xuất bản năm 1925 đánh dấu một kiểu mẫu vận dụng lý luận cách mạng vào thực tế đất nước.

Ngày 3-2-1930, Hội nghị thành lập Đảng do Bác chủ trì, cùng với việc thông qua các văn kiện quan trọng của Đảng (như *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt của Đảng, Điều lệ tóm tắt của các đoàn thể quần chúng*), đã quyết định "xuất bản một tạp chí lý luận chung cho toàn Đảng".

Thực hiện quyết định đó, Ban chấp hành trung ương lâm thời của Đảng đã xuất bản tạp chí *Đỏ*. Số đầu của tạp chí *Đỏ* ra đời vào ngày 5-8-1930. Theo nhiều công trình nghiên cứu khoa học thì tạp chí *Đỏ* do chính Bác Hồ sáng lập và chủ trì biên tập.

Tuy về nội dung và hình thức còn đơn giản do phải thích ứng với điều kiện Đảng

mới thành lập và hoạt động bí mật, trình độ của cán bộ, đảng viên còn có hạn, tạp chí *Đỏ* đã có tác dụng hướng dẫn nhận thức, hướng dẫn công tác cho cán bộ, đảng viên, và đã thể hiện rõ nét là một tạp chí lý luận - chính trị của Đảng.

Sau Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng (tháng 10-1930), Trung ương Đảng xuất bản *Tạp chí Cộng sản* do đồng chí Tổng bí thư Trần Phú làm chủ nhiệm để thay cho tạp chí *Đỏ*. *Tạp chí Cộng sản* số 1 ra ngày 1-2-1931.

Năm 1934, Ban lãnh đạo hải ngoại của Đảng được thành lập do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu. Ban lãnh đạo đã quyết định xuất bản *Tạp chí Bôn-sơ-vic* thay cho *Tạp chí Cộng sản* phải đình bản từ tháng 4-1931 do đồng chí Trần Phú, Tổng bí thư của Đảng bị bắt, cơ quan trung ương của Đảng bị vỡ. *Tạp chí Bôn-sơ-vic* tồn tại được trên hai năm. Tạp chí đã có vai trò quan trọng trong việc khôi phục cơ sở và hệ thống tổ chức Đảng, chuẩn bị cho Đại hội I của Đảng (năm 1935) và sau đó tập trung tuyên truyền cho các nghị quyết của Đại hội. Tạp chí cũng tuyên truyền cho Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế cộng sản, góp phần tích cực phát động phong trào Mặt trận dân chủ ở Đông dương.

Sau hơn 5 năm bị ngắt quãng, cuối tháng 9-1941, tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng lại ra đời với tên gọi *Tạp chí Cộng*

(1) Hồ Chí Minh : *Về xây dựng con người mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 66

sản do đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng, làm chủ nhiệm.

Trong những năm 1945 - 1946, công cuộc chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám, sau đó giữ gìn chính quyền non trẻ và rồi lại bắt tay ngay vào cuộc trường kỳ kháng chiến, cho nên Đảng ta không có điều kiện xuất bản tạp chí lý luận. Nhưng từ tháng 8-1947, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã giành được những thắng lợi bước đầu, đội ngũ đảng viên được mở rộng, đội ngũ cán bộ ngoài đảng, cán bộ các đoàn thể cũng tăng nhanh, Trung ương Đảng quyết định xuất bản tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* nhằm đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Đảng và tăng cường công tác lãnh đạo của Đảng.

Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* do đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng trực tiếp phụ trách. Trong hoàn cảnh kháng chiến, thiếu thốn nhiều về cơ sở vật chất - kỹ thuật, trình độ lý luận của cán bộ đảng viên còn thấp, nhưng do sự nỗ lực chung, tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* đã có nội dung phong phú, thiết thực, có tác dụng rõ rệt trong việc tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Nó giúp ích nhiều cho các địa phương trong công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong việc đấu tranh chống các khuynh hướng sai lầm.

Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp tại Việt Bắc từ ngày 21-1-1950 đến ngày 3-2-1950, trên cơ sở đánh giá trình độ lý luận và ý thức chính trị của cán bộ đảng viên chưa tiến kịp những nhiệm vụ mỗi ngày một nặng, đã quyết định đẩy mạnh việc học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và đấu tranh tư tưởng. Để góp phần tiến hành tốt nhiệm vụ đó, Hội nghị đã quyết định "ra *Tạp chí Cộng sản* thay cho tờ *Sinh hoạt nội bộ*".

Tạp chí Cộng sản ra tháng 7-1950, cũng do đồng chí Trường Chinh làm chủ nhiệm. *Tạp chí Cộng sản* vừa coi trọng việc hướng dẫn công tác, vừa coi trọng bồi dưỡng lý luận, qua hướng dẫn công tác mà bồi dưỡng lý luận, chú ý việc vận dụng lý luận Mác - Lê-nin

nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể của cách mạng Việt nam.

Từ tháng 7-1951, Trung ương cục của Đảng ở miền Nam đã xuất bản Tạp chí *Nghiên cứu* với tiêu đề "cơ quan lý luận của Trung ương cục miền Nam" do đồng chí Hà Huy Giáp, ủy viên Trung ương cục làm chủ nhiệm và đồng chí Nguyễn Văn Nguyễn làm chủ bút. Ngoài việc đăng lại một số bài rút trong tạp chí lý luận của Trung ương Đảng, Tạp chí *Nghiên cứu* đã có những bài tổng kết kinh nghiệm công tác, đặc biệt là ở miền Nam. Tạp chí *Nghiên cứu* tồn tại được gần 2 năm và đã ra được 6 số.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn mới. Hội nghị lần thứ 7 của Trung ương Đảng (khóa II) họp từ ngày 3 đến ngày 12 tháng 3-1955 tại Hà Nội đã ra nghị quyết "xuất bản tạp chí *Học tập* để giúp vào việc nghiên cứu chính sách và giáo dục tư tưởng, bước đầu xây dựng công tác lý luận của Đảng". Đề án xuất bản được Bộ chính trị thông qua đã nêu rõ tạp chí *Học tập* là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Nhiệm vụ của Tạp chí là lấy học thuyết Mác - Lê-nin làm cơ sở, kết hợp chặt chẽ lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng nước ta để tuyên truyền giáo dục đường lối, phương châm, chính sách của Đảng một cách sâu sắc. Bộ chính trị đã cử một ban biên tập do đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng làm tổng biên tập, đồng chí Trần Quang Huy làm thư ký tòa soạn.

Tạp chí *Học tập* ra số 1 vào tháng 12-1955, cách đây vừa tròn 40 năm. Sự kiện này đánh dấu một mốc mới trong lịch sử tạp chí Đảng. Từ đó tới nay, tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng được xuất bản đều kỳ hằng tháng, ngay cả trong những ngày ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Trong những năm 1955 - 1976, tạp chí *Học tập* đã tích cực góp phần đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc

sống. Tạp chí đã tuyên truyền tập trung cho đường lối chống Mỹ cứu nước và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, góp phần động viên toàn dân ta, triệu người như một, vượt lên mọi thử thách hiểm nguy, đóng góp sức người, sức của đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Gắn với nhiệm vụ nói trên, tạp chí đã góp phần đắc lực vào việc thực hiện các nhiệm vụ sửa sai và hoàn thành cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa, tiến hành ba cuộc cách mạng, thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, làm cho miền Bắc trở thành cơ sở vững chắc cho công cuộc chống Mỹ, cứu nước của toàn dân ta. Cùng với việc phục vụ công tác xây dựng Đảng về tổ chức, Tạp chí đã tích cực đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, góp phần nâng cao phẩm chất cách mạng, củng cố khối đoàn kết nhất trí trong Đảng. Tạp chí đã đi đầu trong cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái của nhóm "Nhân văn - Giai phẩm", chống thuyết nhân vị - duy linh của tập đoàn Ngô Đình Diệm, chống hệ tư tưởng tư sản cùng các trào lưu tư tưởng phi vô sản khác, bảo vệ sự lãnh đạo của Đảng. Tạp chí đã tích cực tuyên truyền đường lối đối ngoại và quan điểm quốc tế của Đảng; phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại, chủ nghĩa cơ hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ sự đoàn kết quốc tế, kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bên cạnh tạp chí *Học tập* - tạp chí chung của toàn Đảng, ở miền Nam trong những năm 1962 - 1975 có tạp chí *Tiền phong*, do Trung ương cục miền Nam của Đảng xuất bản, với tiêu đề "Nội san của Đảng nhân dân cách mạng Việt nam". Trong hoàn cảnh kháng chiến cực kỳ gian khổ, cán bộ thiếu, điều kiện nghiên cứu, biên tập, in ấn, phát hành hết sức khó khăn, tạp chí *Tiền phong* đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ của mình, phục vụ tích cực sự nghiệp chống Mỹ cứu nước. Ngày 10-1-1971 tạp chí

Tiền phong (mang bí danh D205) đã vinh dự được Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt nam tặng thưởng *Huân chương giải phóng hạng nhất*.

Đại hội IV của Đảng (tháng 12-1976) đã vạch ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Đại hội cũng quyết định đổi tên Đảng là Đảng cộng sản Việt nam. Trên cơ sở tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới, ngày 5-1-1977, Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV) đã quyết định đổi tên tạp chí *Học tập* thành *Tạp chí Cộng sản* bắt đầu từ tháng 1-1977. Đây là lần thứ năm tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng lấy tên là *Tạp chí Cộng sản*. Tiếp tục phát huy những thành tựu đã có, *Tạp chí Cộng sản* ngày càng cố gắng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, quán triệt và thể hiện đúng đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước, tiếp tục góp phần nâng cao trình độ chính trị và lý luận của cán bộ trong Đảng và cán bộ ngoài Đảng, nhằm đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng xuất bản đều kỳ hằng tháng (1955 - 1985), ngày 28-11-1985, *Tạp chí Cộng sản* đã được Hội đồng nhà nước tặng thưởng *Huân chương Hồ Chí Minh*. *Tạp chí Cộng sản* là cơ quan báo chí đầu tiên ở nước ta được tặng thưởng huân chương cao quý này. Trong thư gửi Bộ biên tập Tạp chí ngày 3-12-1985, đồng chí Trường Chinh, Chủ tịch Hội đồng nhà nước đã chỉ rõ: "Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* đã cố gắng kết hợp lý luận Mác - Lê-nin với thực tiễn cách mạng Việt nam để tuyên truyền đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước ta một cách sâu sắc. Tạp chí đã góp phần nâng cao trình độ lý luận và chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Đồng đảo cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng coi Tạp chí là tài liệu tin cậy để học tập, nghiên cứu đường lối, chính sách và quan điểm của Đảng và Nhà

nước ta. *Tạp chí Cộng sản* xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng cộng sản Việt nam"⁽²⁾.

Từ khi Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, *Tạp chí Cộng sản* đã cố gắng tìm tòi để tự đổi mới cả về nội dung và hình thức theo đúng chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích của mình.

Nội dung của *Tạp chí* đã được chuyển hướng kịp thời cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ mới. Các lĩnh vực quan trọng của cuộc sống đã được *Tạp chí* đề cập dưới ánh sáng của tư duy mới đúng đắn. Cụ thể là : *Tạp chí* đã tuyên truyền kịp thời và có hiệu quả đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, trước hết là đổi mới tư duy, những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như sự vận dụng và phát triển sáng tạo những vấn đề đó trong thực tiễn cuộc sống. Tích cực tham gia tổng kết thực tiễn, giới thiệu các nhân tố mới, kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, luật pháp của Nhà nước. Đấu tranh với những quan điểm sai trái, bảo vệ sự trong sáng và tính đúng đắn của học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng ta. *Tạp chí* cũng đã đi sâu vào những vấn đề lý luận và thực tiễn đang cần tháo gỡ; những vấn đề nổi cộm cần được cắt nghĩa; những vấn đề của cuộc sống đặt ra; những định hướng trong công tác tư tưởng, lý luận của Đảng v.v..

Trong buổi đến thăm *Tạp chí Cộng sản* (3-2-1993), đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã khẳng định : "Hòa nhịp với tiến trình đổi mới của đất nước, *Tạp chí Cộng sản* đã có những bước tiến đáng khích lệ. *Tạp chí* đã tập trung làm sáng tỏ và tuyên truyền rộng rãi những quan điểm cơ bản của Đại hội VI, Đại hội VII của Đảng, các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng, của Bộ chính trị, Ban bí thư, các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước; vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc nghiên cứu nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nóng hổi của cách mạng nước ta; đồng thời đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội,

bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ quan điểm và đường lối của Đảng, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, góp phần củng cố niềm tin và định hướng chính trị cho bạn đọc. Có những bài viết phong phú về kinh nghiệm thực tiễn, về những nhân tố mới; một số bài có nội dung khám phá tìm tòi. *Tạp chí* cũng có nhiều cải tiến về hình thức, bài viết ngắn gọn hơn, giữ đúng thời gian phát hành." ⁽³⁾

Để đáp ứng yêu cầu của công tác tư tưởng và lý luận trong giai đoạn mới, được Thường trực Bộ chính trị - Ban bí thư cho phép, bắt đầu từ tháng 7-1995, *Tạp chí Cộng sản* đã ra 2 kỳ/tháng. Đây cũng là một sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, phản ánh sự trưởng thành của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng ta.

Trong cơ chế thị trường, với sự ra đời và cải tiến của hàng loạt báo và tạp chí thuộc mọi lĩnh vực, *Tạp chí Cộng sản*, với chức năng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, vẫn được đông đảo bạn đọc tin tưởng, yêu thích; số lượng phát hành tạp chí mỗi kỳ ngày càng tăng.

*
* *

Nhìn lại chặng đường 65 năm qua, điều đáng vui mừng là *Tạp chí* đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc, trước hết là vào việc tuyên truyền giáo dục đường lối quan điểm của Đảng, bồi dưỡng thế giới quan và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, vận dụng, phát triển lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Những thành tựu nói trên của *Tạp chí bất nguồn trước hết từ sự lãnh đạo của Đảng*. Qua các thời kỳ cách mạng, Đảng ta đã xác định đúng đắn, kịp thời đường lối, chính sách, vạch rõ các quan điểm của Đảng về tình hình và

(2) "Thư của Chủ tịch Hội đồng nhà nước Trương Chinh gửi Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*", *Tạp chí Cộng sản*, số 12-1985, tr 25

(3) Đỗ Mười : "Nâng cao chất lượng lý luận và tính chiến đấu của *Tạp chí Cộng sản*", *Tạp chí Cộng sản* số 3-1993, tr 3

nhệm vụ. Chính nhờ quán triệt đường lối chính trị của Đảng, Tạp chí mới có được sự nhạy bén về chính trị.

Nói đến đường lối của Đảng, phải nói đến sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và của Bác Hồ. Bác Hồ là người sáng lập và chỉ đạo trực tiếp tạp chí *Đỏ*, tạp chí lý luận đầu tiên của Đảng. Năm 1955, khi tạp chí Đảng có điều kiện xuất bản đều kỳ, tự Bác đã đề nghị với Bộ chính trị đặt tên tạp chí là Tạp chí *Học tập*. Và, mặc dù bận rất nhiều công việc trọng đại của Đảng và của đất nước, Bác đã dành thì giờ viết bài cho tạp chí *Học tập*. Ngoài những bài nói, bài viết của Bác mà các báo cùng đăng, Bác Hồ đã viết riêng cho Tạp chí *Học tập* nhiều bài. Trong tạp chí *Học tập* số đầu tiên xuất bản tháng 12-1955, Bác đã viết bài xã luận "Âm mưu Mỹ - Diệm ở miền Nam và đối sách của ta". Trong các bài Bác viết cho tạp chí, có những bài có giá trị giáo dục và chỉ đạo rất lớn như: "Đạo đức cách mạng" (số 12-1958), "Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội" (số 4-1961); "Con đường tiến đến ấm no sung sướng" (số 5-1962), v.v.. Từ năm 1931 cho đến 1955, các tạp chí Đảng đều do Tổng bí thư của Đảng làm chủ nhiệm. Ít lâu sau khi tạp chí *Học tập* ra đời, Trung ương Đảng đã cử Tổng biên tập chuyên trách tạp chí, nhưng các đồng chí trong Bộ chính trị, trong Ban bí thư thường xuyên quan tâm chỉ đạo tạp chí. Ngoài các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về tình hình và nhiệm vụ chung mà Bộ biên tập dùng làm cơ sở để định ra chương trình nghiên cứu và biên tập của mình, ngoài các cuộc gặp và làm việc của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng với Bộ biên tập tạp chí, chỉ tính từ năm 1955 đến nay, Bộ chính trị và Ban bí thư đã tám lần ra chỉ thị hoặc thông báo về công tác của tạp chí.

Những thành tựu của tạp chí 65 năm qua còn bắt nguồn từ *những đóng góp rất to lớn của đội ngũ cộng tác viên*. Khi Đảng còn phải hoạt động bí mật, việc tập hợp đội ngũ cộng tác viên của tạp chí dĩ nhiên rất khó khăn; người viết bài cho tạp chí chủ yếu là cán bộ lãnh đạo của Đảng. Nhưng sau khi Đảng đã giành được chính quyền, đặc biệt là từ khi tạp chí xuất bản đều kỳ hằng tháng thì việc huy

động những cộng tác viên có tài năng vào việc viết bài cho tạp chí được coi là một hoạt động quan trọng của tạp chí. Hiện nay, bình quân hằng năm, cộng tác viên đóng góp khoảng 65% đến 75% số bài đăng trên tạp chí. Đội ngũ đó trước hết gồm các đồng chí lãnh đạo của Đảng, của các ngành, các cấp. Ở các thời kỳ, nhiều đồng chí ủy viên Trung ương Đảng, nhất là các đồng chí trong Bộ chính trị và Ban bí thư đã quan tâm viết bài cho tạp chí. Tính bình quân từ 1955 đến nay, số bài do các ủy viên Trung ương Đảng viết cho tạp chí hằng năm chiếm khoảng 1/4.

Đội ngũ cộng tác viên của tạp chí còn bao gồm những cán bộ lý luận, cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học làm việc ở các ngành chung quanh trung ương và ở các địa phương. Đó là những người vừa có trình độ lý luận, vừa có sự hiểu biết thực tiễn. Những kết quả nghiên cứu của họ là chất liệu làm nên chất lượng tạp chí.

Thành tựu của tạp chí mấy thập kỷ qua còn bắt nguồn từ *sự giúp đỡ tận tình của các cấp ủy, các ngành, các địa phương*, thể hiện ở việc động viên cán bộ viết bài cho tạp chí, tổ chức tốt việc phát hành và đọc tạp chí, góp phần xây dựng mạng lưới thông tin viên và tổ chức các cuộc họp bạn đọc của tạp chí, tạo điều kiện cho cán bộ tạp chí đi sâu nghiên cứu tình hình thực tế của các địa phương. Đặc biệt các bạn đọc gần xa đã thường xuyên có thư từ trao đổi tình hình, đề xuất ý kiến nhận xét, nguyện vọng, nhằm chỉ hướng thúc đẩy Bộ biên tập nâng cao chất lượng tạp chí.

Được sự chăm sóc của Trung ương Đảng, của các cấp, các ngành, trong niềm ưu ái của bạn đọc, *Bộ biên tập của Tạp chí cũng đã ngày càng trưởng thành*. Với chức trách của mình, đội ngũ cán bộ tạp chí đã không ngừng cố gắng vươn lên đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ. Hiện nay, cán bộ thuộc Bộ biên tập, ngoài việc tổ chức công tác biên tập của cộng tác viên, còn viết khoảng 1/4 số bài đăng trên tạp chí, phần lớn là các bài xã luận, bình luận, các bài trong các mục "Sinh hoạt tư tưởng", "Qua sách báo nước ngoài", "Tìm hiểu khái niệm", "Tin hoạt động lý luận - thực tiễn", v.v..

Bên cạnh những thành tựu có ý nghĩa cơ bản, trong mỗi chặng đường phát triển, tạp chí cũng còn không ít nhược điểm, khuyết điểm. Đã có lúc do bị hạn chế trong tư duy cũ, và đôi khi do bệnh rập khuôn, giáo điều, tạp chí đã có một số bài viết nặng tính kinh viện, ít mang hơi thở sinh động của cuộc sống. Lỗi viết cũng nhiều lúc khô khan, đơn điệu, thiếu sự tìm tòi, sự thông thoáng về thể loại, về phong cách để hấp dẫn người đọc. Từ sau Đại hội VI của Đảng, những khuyết điểm trên đã từng bước được khắc phục nhưng vẫn còn không ít tồn tại. Gần đây, qua ý kiến đóng góp của các hội nghị công tác viên và bạn đọc ở nhiều vùng trong cả nước, và qua các thư góp ý của bạn đọc, bên cạnh rất nhiều ý kiến biểu dương những cố gắng và tác dụng của tạp chí, coi tạp chí là "sách gối đầu giường" là "người hướng dẫn đắc lực và đáng tin cậy", là "tài liệu nghiên cứu không thể thiếu", v.v. cũng có ý kiến phê bình thẳng thắn, chân tình, chỉ rõ những mặt còn yếu kém của tạp chí.

Ví dụ : tạp chí cần chú trọng nhiều hơn nữa đến các vấn đề lý luận và thực tiễn đang cần tháo gỡ, những vấn đề nổi cộm cần được định hướng cách giải quyết ; tăng thêm bài đấu tranh chống các luận điểm thù địch, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như bài đấu tranh chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Các bài của tạp chí cần cố gắng tăng thêm hàm lượng khoa học, mang tầm tổng kết lớn hơn và có nhiều thể loại phong phú hơn. Bên cạnh các bài chính luận, tạp chí cần coi trọng các bài nghiên cứu, trao đổi ý kiến, trao đổi kinh nghiệm, các bài bình luận, điều tra, tùy bút chính trị, với những kiến nghị, đề xuất, những khám phá tìm tòi... theo đúng tinh thần dân chủ mà Đảng ta đã đề xướng.

Đó là những ý kiến quý báu mà Bộ biên tập Tạp chí cần tiếp thu để không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng tạp chí lý luận của Đảng.

*
* *

Trong "Lời tựa" viết cho cuốn "*Tạp chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển*" do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành

tháng 2-1995, đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư của Đảng đã viết : "Tình hình và nhiệm vụ hiện nay đặt ra cho công tác lý luận những yêu cầu hết sức quan trọng. Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* phải phấn đấu làm tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của mình theo những phương hướng chủ yếu của công tác lý luận trong giai đoạn mới mà Bộ chính trị đã đề ra".

Theo sự chỉ đạo của Đảng và trân trọng những ý kiến đóng góp của đồng đảo bạn đọc, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã xác định phương hướng chung của tạp chí trong thời gian tới :

Một là : Tiếp tục tuyên truyền lý giải, làm sáng tỏ đường lối quan điểm của Đảng, chủ trương chính sách của Nhà nước, những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm cách vận dụng và phát triển sáng tạo những vấn đề đó trong thực tiễn cuộc sống.

Hai là : Coi trọng hơn nữa việc tổng kết thực tiễn, phát hiện và giới thiệu các nhân tố mới, kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, nâng những kinh nghiệm thành lý luận nhằm góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối chủ trương của Đảng, chính sách luật pháp của Nhà nước.

Ba là : Tiếp tục đấu tranh kịp thời hơn, sắc bén hơn chống những quan điểm sai trái, những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, bảo vệ sự trong sáng và tính đúng đắn của học thuyết Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng.

Trước mắt, Tạp chí cần góp phần chuẩn bị tốt Đại hội VIII của Đảng và có kế hoạch tuyên truyền tốt nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Đó là những nhiệm vụ rất nặng nề, khó khăn, đòi hỏi Bộ biên tập Tạp chí phải nỗ lực phấn đấu, không ngừng nâng cao phẩm chất và trình độ về mọi mặt của mình, làm tốt hơn nữa công tác nghiên cứu, biên tập, tổ chức đội ngũ công tác viên, tăng cường mối quan hệ với bạn đọc ┘

QUÂN ĐỘI TA MÃI MÃI XỨNG ĐÁNG VỚI LỜI TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Đại tướng VĂN TIẾN DŨNG

NỬA thế kỷ qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta với tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường đã kết hợp nhuần nhuyễn học thuyết Mác - Lê-nin với sự kế thừa, phát huy truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc, đề ra đường lối cách mạng và đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo, đưa cách mạng Việt nam liên tiếp giành được những thắng lợi vĩ đại : giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà, xây dựng chế độ xã hội mới - chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản ở Việt nam. Thắng lợi đó do nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân cơ bản là : trong điều kiện một nước kinh tế nghèo nàn, lạc hậu vừa thoát khỏi ách thống trị lâu đời của thực dân - phong kiến và trong hoàn cảnh liên tục chiến đấu chống giặc ngoại xâm, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công Quân đội nhân dân Việt nam - một quân đội kiểu mới, chính quy, ngày càng hiện đại, mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, một quân đội thực sự của dân, do dân, vì dân. Quân đội đó đã cùng với toàn dân liên tục chiến đấu và chiến thắng các đội quân xâm lược hung hãn, giải phóng dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Quân đội nhân dân Việt nam anh hùng ngày nay có nguồn gốc sâu xa từ các đơn vị vũ trang cách mạng. Đầu tiên là các *đội tự vệ công nông* (tự vệ đỏ), ra đời trong cao trào cách mạng Xô viết Nghệ tĩnh (1930 - 1931). Đến thời kỳ các lực lượng cách mạng chuẩn

bị cho khởi nghĩa vũ trang (1939 - 1945) thì *những tổ chức tiền thân của Quân đội nhân dân* đã hình thành : đội du kích Bắc sơn, quân du kích Nam kỳ, các đội Cứu quốc quân, đội Việt nam tuyên truyền giải phóng quân, đội du kích Ba tư. Đến tháng 6-1945, khi gấp rút chuẩn bị tiến hành tổng khởi nghĩa, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo hợp nhất *Cứu quốc quân* với *Việt nam tuyên truyền giải phóng quân* thành **Việt nam giải phóng quân**. Tất cả các đội quân cách mạng nói trên, đều từ nhân dân mà ra, được nhân dân xây dựng và nuôi dưỡng, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, đã cùng với nhân dân hăng hái bước vào cuộc đấu tranh quyết khởi "đem sức ta mà giải phóng cho ta". Giải phóng quân từ Bắc chí Nam đã cùng với nhân dân cả nước tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 thành công, lật đổ chế độ thống trị thực dân phong kiến, lập nên nước Việt nam dân chủ cộng hòa - nhà nước công nông đầu tiên ở Việt nam và Đông - Nam Á - với bản *Tuyên ngôn* nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một trong những bản tuyên ngôn độc lập bất hủ của dân tộc Việt nam anh hùng. Tiếp liền sau cuộc tổng khởi nghĩa, ngay trong tháng 9-1945, *Giải phóng quân* (sau trở thành *Quân đội quốc gia Việt nam*) đã tiếp tục sát cánh với đồng bào Nam bộ và sau đó, với đồng bào cả nước, tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Trong cuộc kháng chiến kéo dài suốt hơn 3000 ngày đêm đầy hy sinh gian khổ, quân và dân ta đã kiên cường, bền bỉ chiến đấu,

càng đánh càng mạnh và càng thắng lớn. Cuối cùng, ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp có sự giúp sức của đế quốc Mỹ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp với trận quyết chiến chiến lược "Điện biên phủ", giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề thuận lợi cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà. Trên miền Bắc đã được độc lập tự do, quân đội ta có điều kiện mới thuận lợi để xây dựng lớn mạnh vượt bậc, đã phát triển thành một quân đội cách mạng chính quy, từng bước hiện đại với nhiều quân chủng, binh chủng kỹ thuật.

Sau khi thực dân Pháp thất bại, đế quốc Mỹ đã phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ, đặt chế độ thực dân kiểu mới ở miền Nam, ngang nhiên đưa quân xâm chiếm miền Nam, dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc, buộc nhân dân ta phải tiếp tục tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài để chống lại cuộc chiến tranh xâm lược ác liệt nhất của chúng trên cả hai miền Nam Bắc. Trong cuộc đụng đầu lịch sử kéo dài 21 năm, vượt qua muôn trùng khó khăn, thử thách, chúng ta đã đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận và đấu tranh ngoại giao, liên tiếp đánh bại ba chiến lược chiến tranh thực dân mới của Mỹ và cuối cùng đã đánh bại chúng, đập tan huyền thoại về "sức mạnh thần kỳ" của quân đội Hoa kỳ mạnh nhất thế giới. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã góp phần quyết định kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thực hiện trọn vẹn mục tiêu của cuộc kháng chiến và cũng là mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta : "giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất nước nhà, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội". Đi đôi với việc hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, Quân đội nhân dân Việt nam đã làm tốt nhiệm vụ quốc tế cao đẹp đối với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia anh em, góp phần cùng hai nước giành thắng lợi trong cuộc chiến đấu gần nửa

thế kỷ chống kẻ thù chung trên bán đảo Đông dương.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, quân đội ta đã cùng với toàn dân tiếp tục làm tốt nhiệm vụ bảo vệ vững chắc độc lập và chủ quyền dân tộc, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình, ổn định của đất nước, tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh của Tổ quốc.

Điểm lại lịch sử ra đời, lớn mạnh, chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt nam, chúng ta tự hào là quân đội ta và lực lượng vũ trang nhân dân ta, được Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, lãnh đạo và giáo dục, được nhân dân xây dựng, nuôi dưỡng, tin yêu và tận tình giúp đỡ, đã hình thành và phát triển từ không đến có ; từ nhỏ đến lớn ; từ yếu đến mạnh, vừa chiến đấu, vừa xây dựng ; từ tiến hành "chiến tranh du kích" với gây tầm vong và súng kíp, tiến lên thành những binh đoàn chính quy, hiện đại, thiện chiến, cùng với nhân dân liên tục chiến đấu và chiến thắng những đội quân xâm lược nhà nghề của các nước đế quốc lớn trong thế kỷ XX. Quân đội nhân dân đã cùng với toàn dân lập nên những chiến công vang dội từ trận Điện biên phủ đến chiến dịch Hồ Chí Minh, tiếp tục phát huy và nâng cao truyền thống quân sự Việt nam lên một trình độ mới, một chất lượng mới, tô thắm thêm truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất và tài thao lược của dân tộc Việt nam anh hùng, tiếp tục làm rạng rỡ bản anh hùng ca chiến tranh nhân dân bách chiến bách thắng của dân tộc Việt nam trong thời đại Hồ Chí Minh.

Quân đội nhân dân Việt nam thật xứng đáng với lời tuyên dương công trạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" (1).

*
* *

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 9, tr 814

Hiện nay tình hình thế giới và nước ta có những biến đổi lớn.

Trên thế giới, cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc - xét về bản chất, vẫn tiếp tục gay gắt, nhưng về hình thái và thủ đoạn đấu tranh đã có sự biến đổi. Từ chỗ đấu tranh trên mặt trận quân sự là chính, nay có xu hướng thiên về đấu tranh trên các mặt trận kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, lối sống v.v.. Về thủ đoạn đấu tranh từ chỗ "đối đầu" là chính, nay thiên dần về "đối thoại" để giải quyết mọi bất đồng và tranh chấp quốc tế. Các thế lực xâm lược và bành trướng quốc tế từ chỗ dùng bạo lực vũ trang để thôn tính các nước khác, nay chuyển dần sang dùng bạo lực phi vũ trang là chính như "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ", "dùng sức mạnh kinh tế, khoa học kỹ thuật để khống chế buộc phải khuất phục" v.v., đồng thời vẫn tăng cường sức mạnh vũ trang và tiếp tục răn đe quân sự.

Ở nước ta, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đã xuất hiện một số đặc điểm mới : cơ sở kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; cơ cấu xã hội biến đổi và phân hóa giai cấp phức tạp hơn trước ; nước ta mở cửa hợp tác đa dạng, đa phương với các nước trong cộng đồng quốc tế để cùng phát triển v.v..

Những đặc điểm mới trên đây tác động nhiều đến nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, nhiệm vụ xây dựng quân đội ta. Nó đòi hỏi chúng ta phải suy sâu, nghĩ rộng, dày công nghiên cứu cả thực tiễn và lý luận về mọi mặt, để hiểu ta, hiểu bạn, hiểu địch, thì mới có thể nhận thức đúng và đánh giá đúng cả hai mặt : thuận lợi và phản tác dụng. Nắm chắc các mặt thuận lợi để tranh thủ thời cơ, nhạy bén, táo bạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong việc đổi mới. Nắm chắc các mặt phản tác dụng để tỉnh táo, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn mọi nguy cơ có thể xảy ra làm suy yếu quân đội và nền quốc phòng - an ninh của ta.

Để đạt được yêu cầu trên, trong quá trình xây dựng quân đội nhân dân trong thời kỳ mới,

trên cơ sở quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, chúng ta cần nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo vào điều kiện mới một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - *Luôn luôn kiên định phương châm xây dựng quân đội về chính trị là vấn đề quan trọng hàng đầu, làm cơ sở cho các mặt xây dựng khác.*

Xây dựng quân đội về chính trị có nhiều việc phải làm, nhưng trước hết cần tập trung vào các vấn đề mấu chốt như :

- *Giữ vững và tăng cường hiệu lực lãnh đạo về mọi mặt của Đảng đối với quân đội.* Trước đây, hiện nay và sau này sự lãnh đạo của Đảng vẫn là tất yếu và là nhân tố cơ bản hàng đầu quyết định mọi sự thành công trong sự nghiệp xây dựng, chiến đấu và chiến thắng của Quân đội nhân dân Việt nam. Dĩ nhiên, muốn giữ vững và tăng cường hiệu lực lãnh đạo thì phải kiên quyết chỉnh đốn Đảng, làm cho đảng bộ trong quân đội trong sạch vững mạnh. Đội ngũ đảng viên trong quân đội thực sự tiên phong, gương mẫu về mọi mặt, được quần chúng mến phục, tin tưởng noi theo. Cơ cấu tổ chức lãnh đạo của Đảng trong quân đội phải cải tiến tinh gọn, sắc bén hơn nữa. Phương pháp lãnh đạo và tác phong công tác của cán bộ trong quân đội phải năng động, dân chủ, thiết thực, có lý, có tình và có tính thuyết phục cao hơn nữa.

- *Xây dựng cho quân đội có bản lĩnh chính trị ngày càng sắc sảo vững vàng.* Trên cơ sở giáo dục thấm triệt ngày càng sâu sắc, đúng đắn về tư tưởng cách mạng, tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh, về chân lý "Không có gì quý hơn độc lập tự do", về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa và đường lối đổi mới của Đảng, về nhiệm vụ chính trị của quân đội trong giai đoạn mới, xây dựng và củng cố bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định trước bất cứ sóng gió chính trị nào. Bản lĩnh chính trị vững vàng mà quân đội ta đã có được trong mấy thập kỷ qua là vốn quý đã được gây dựng, vun đắp bằng công sức và xương máu của bao thế hệ dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch

Hồ Chí Minh. Vốn quý đó phải được giữ vững và phát triển trong tình hình mới.

Xây dựng quân đội về chính trị là một nguyên tắc cơ bản không bao giờ được xem nhẹ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy chúng ta : "Phải học tập chính trị : quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại. Quân đội ta là quân đội nhân dân. Nhân dân có Đảng lãnh đạo. Đảng có chính cương, chính sách. Đã là quân đội nhân dân thì phải học chính sách của Đảng"(2).

2 - *Thấu triệt quan điểm "lấy dân làm gốc", "dân làm chủ" của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, thường xuyên xây dựng và củng cố mối quan hệ đoàn kết máu thịt giữa quân đội và nhân dân, xem đây là cội nguồn sức mạnh của quân đội, của nền quốc phòng toàn dân.*

Quân đội càng tiến lên chính quy, hiện đại, càng phải ra sức làm tốt *chức năng đội quân công tác*, vận dụng những hình thức công tác mới, thích hợp với hoàn cảnh mới để thắt chặt mối quan hệ quân dân, thực hiện quân với dân một ý chí. Quân đội ta phải mãi mãi là "anh bộ đội Cụ Hồ" sống trong lòng dân, tận hiếu với dân, hết lòng vì nhân dân mà phục vụ. Chỉ có như vậy thì nhân dân mới hết lòng tin yêu quân đội, luôn chăm sóc, đùm bọc, giúp đỡ, cộng tác chặt chẽ với quân đội. Ra sức củng cố vững chắc "lầu độc lập trên nền nhân dân" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy, thì dù kẻ thù có âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, hoặc phiêu lưu gây chiến tranh xâm lược, nhất định chúng sẽ bị đánh bại.

3 - *Ra sức nâng cao trình độ chính quy, hiện đại của quân đội, nhằm tạo ra bước phát triển vượt bậc về sức chiến đấu trong thời gian tương đối ngắn nhằm đáp ứng được yêu cầu cao của chiến tranh hiện đại bảo vệ Tổ quốc trong tương lai.*

Hiện nay, vấn đề này không những là yêu cầu tất yếu, mà còn là yêu cầu cấp thiết có tầm quan trọng đặc biệt đối với quân đội ta. Nền khoa học kỹ thuật trên thế giới phát triển rất cao đã và đang không ngừng đưa đến những

thay đổi nhanh chóng và to lớn về trang bị kỹ thuật của quân đội các nước. Quân đội nào thiếu nhạy bén trong vấn đề này thì khó tránh khỏi nguy cơ tụt hậu, vì : "Một đội quân giỏi nhất, những người trung thành nhất với sự nghiệp cách mạng cũng đều sẽ lập tức bị kẻ thù tiêu diệt, nếu họ không được vũ trang, tiếp tế lương thực và huấn luyện đầy đủ"(3).

Trong điều kiện hiện nay, chúng ta cần chủ động nắm bắt mọi thời cơ thuận lợi, tiếp thu và sử dụng kịp thời, có hiệu quả các thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật tiên tiến để nhanh chóng nâng cao trình độ hiện đại của quân đội, cũng như tạo lập được nền quốc phòng tự chủ và hiện đại của Việt nam. Việc tiếp thu và sử dụng khoa học kỹ thuật mới, tất nhiên đòi hỏi phải cải tiến, đổi mới công tác quân sự từ biên chế tổ chức, trình độ tổ chức quản lý chỉ huy, năng lực làm chủ trang bị kỹ thuật mới, đến các vấn đề chiến lược, chiến thuật sao cho phù hợp. Việc nâng cao trình độ hiện đại của quân đội và nền quốc phòng phải phù hợp với điều kiện và khả năng của nền kinh tế nước ta và khả năng tranh thủ thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa hình và phù hợp với đối tượng tác chiến trong tương lai ; mặt khác lại phải biết trên cơ sở nắm vững nguyên tắc kỹ thuật, tìm cách cải tiến và sử dụng một cách linh hoạt sáng tạo các phương tiện chiến tranh hiện đại phù hợp với điều kiện chiến trường và cách đánh sở trường của quân đội ta. Việc hiện đại hóa quân đội và nền công nghiệp quốc phòng phải dựa chắc và gắn chặt với công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Vì vậy, từ mục tiêu đến bước đi phải phù hợp với khả năng kinh tế và tiềm lực mọi mặt của đất nước trên cơ sở kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, dân sự và quân sự, dân sinh và quốc phòng.

Đi đôi với chăm lo, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của quân đội và nhân dân, cần tập trung sức làm tốt việc

(2) Hồ Chí Minh : *Những bài viết và nói về quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà nội, 1987, t 2, tr 53-54

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978 t 35, tr 497

xây dựng lực lượng dự bị (lực lượng rất lớn quân đội "gửi" trong dân), tạo điều kiện vững chắc để nhanh chóng phát triển quân đội cả số lượng và chất lượng khi cần thiết.

4 - *Kiên quyết đổi mới vấn đề đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ trong quân đội.*

Đây là vấn đề vừa cấp thiết, vừa có tầm quan trọng then chốt trong việc nâng cao sức mạnh chiến đấu tinh nhuệ của quân đội ta hiện nay. Cần thấu triệt và thực hiện tốt hơn nữa lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "cán bộ là cái gốc của mọi công việc"⁽⁴⁾, "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"⁽⁵⁾.

Mấy chục năm qua, quân đội ta đã "có những cán bộ đã trải qua rèn luyện thử thách nhiều trong thực tế, có kinh nghiệm phong phú. Tuy nhiên, do hoàn cảnh phải chiến đấu liên miên, ít được huấn luyện cơ bản và có hệ thống nên số đông có nhược điểm về trình độ lý luận và tri thức khoa học quân sự hiện đại"⁽⁶⁾.

Hiện nay ta đã có đủ điều kiện để khắc phục nhược điểm này. Điều cần thiết là phải kiên quyết đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ kế cận đạt được tiêu chuẩn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn chúng ta : "Trí, dũng, nhân, tín, liêm, trung". Để chữ TRÍ lên hàng đầu, Người muốn nhắc nhở chúng ta về tầm quan trọng có ý nghĩa quyết định của trình độ uyên thâm về lý luận và tri thức quân sự của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy quân đội cách mạng, chính quy, hiện đại. Sáu chữ "vàng" trên đây nói lên đầy đủ yêu cầu về đạo đức cách mạng và tài năng của cán bộ mà Chủ tịch Hồ Chí Minh gọi là "cán bộ tốt".

5 - *Kiên định "học thuyết quân sự Mác-Lê-nin" và "tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh" luôn luôn là nền tảng tư tưởng quân sự và kim chỉ nam cho tư duy và hành động của Đảng và quân đội ta.*

"Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh" là sản phẩm tổng hợp của quá trình vận dụng đúng đắn, sáng tạo học thuyết quân sự Mác - Lê-nin

vào điều kiện khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng của Việt nam, kết hợp nhuần nhuyễn với sự kế thừa, phát huy truyền thống quân sự đặc sắc của dân tộc Việt nam lên một trình độ mới, một chất lượng mới trong thời đại Hồ Chí Minh. Gần nửa thế kỷ lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng thắng lợi của Đảng ta đã chứng minh một cách đanh thép sự đúng đắn, sáng tạo, tính cách mạng và khoa học của "tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh". Vì thế, không những trước đây mà cả hôm nay và sau này, "tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh" luôn là nền tảng tư tưởng quân sự trực tiếp của đường lối quân sự của Đảng cộng sản Việt nam, của nền khoa học quân sự Việt nam và của Quân đội nhân dân Việt nam hiện đại.

Do tình hình thế giới và nước ta hiện nay có nhiều biến đổi khác trước, nên đòi hỏi nền khoa học quân sự Việt nam phải làm tốt vai trò lý luận khoa học và đi trước một bước trong việc khám phá, phân tích những vấn đề mới, đưa ra được những đáp án đúng đắn phục vụ kịp thời cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh, quân đội. Chúng ta còn phải dày công nghiên cứu một cách cơ bản, có hệ thống tư tưởng cách mạng và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì mới hy vọng có thể thấu triệt sâu sắc nội dung lý luận, quan điểm, tư tưởng, phương pháp của Người trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt nam trong giai đoạn mới ; giải quyết tốt những vấn đề phức tạp không ngừng nảy sinh trong quá trình xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, ngày càng hiện đại, tinh nhuệ và luôn luôn xứng đáng là công cụ bạo lực cách mạng trung thành và tin cậy của Đảng và nhân dân, thực hiện thắng lợi đường lối đối mới đúng đắn, sáng tạo của Đảng □

(4) (5) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 487, 492

(6) *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước : thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 290

VỀ PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

NGUYỄN VĂN ĐẶNG *

THIẾT lập và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhân tố có ý nghĩa quyết định trực tiếp đối với việc thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực tiễn chứng tỏ, bằng cơ chế đó, chúng ta đã đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện chuyển sang thời kỳ phát triển mới ; đồng thời, một trong những nguyên nhân quan trọng hạn chế thành quả đạt được cũng chính là do tình trạng sơ khai, thiếu kiến thức và kinh nghiệm trong tạo lập cơ chế mới.

Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua, trong đó có đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa ; nên kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng. Đáng chú ý là trong cơ chế mới, tính năng động, sáng tạo của nhân dân được khơi dậy và phát huy ; người lao động chủ động hơn trong tìm việc làm, tăng thu nhập ; tính ý lại, trông chờ nhà nước, dựa dẫm vào tập thể được khắc phục đáng kể.

Việc chỉnh đốn, sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế luôn được coi là nhiệm vụ quan trọng và được tiến hành kiên trì, liên tục trong nhiều năm. Thực hiện xóa bao cấp ngày càng triệt để, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh, đi liền với phát huy quyền tự chủ sản xuất kinh doanh trong

quan hệ bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, tự do cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh tự nguyện. Áp dụng một số hình thức thu hút thêm vốn hoạt động, mở đường cho sự xuất hiện ngày càng nhiều đơn vị kinh tế chủ động tìm tòi, vượt qua khó khăn, hoạt động có hiệu quả. Sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế đều phát triển ; số lượng các doanh nghiệp nhà nước bị thua lỗ giảm bớt.

Trong xóa bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh, đã kịp thời phát hiện sai lầm, triển khai từng bước vừa khẩn trương, tích cực, vừa vững chắc, phù hợp với tình hình cụ thể, làm cho sản xuất kinh doanh phát triển và không gây chấn động, dằn ổn định đời sống của người lao động. Đã lấy khâu đột phá có tính quyết định là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp trong giá - lương - tiền. Từng bước xóa bỏ bao cấp qua giá, qua vốn, qua bù lỗ và tín dụng, tính đủ giá trị nguyên vật liệu trong giá thành, khắc phục dần tình trạng tính thiếu quá lớn giá trị tài sản cố định vào giá thành. Việc giao vốn cho các doanh nghiệp và bước đầu đổi mới chính sách phân phối lợi nhuận, thực hiện cơ chế giá tiêu thụ hầu hết các sản phẩm theo quan hệ cung cầu trên thị trường, đã làm cho các doanh nghiệp nhà nước chuyển mạnh sang kinh doanh gắn với thị trường, nâng cao hiệu quả hoạt động. Luật đất đai giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân đã giúp kinh tế hộ nông dân có thêm động lực phát triển mới.

* PGS, Tiến sĩ kinh tế, Phó trưởng Ban kinh tế trung ương

Các yếu tố của thị trường cũng dần được hình thành tuy chưa đồng bộ, bao gồm thị trường tư liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, dịch vụ, lao động, tiền tệ, một số hình thức sơ khai của thị trường vốn. Quan hệ cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng, phạm vi độc quyền nhà nước gắn với diện cấm hay hạn chế các thành phần kinh tế khác kinh doanh thu hẹp rõ rệt.

Công tác kế hoạch hóa đã có những đổi mới, chuyển sang tính chất định hướng là chính và vận phát huy tác dụng quan trọng. Đã chuyển dần từ kế hoạch tập trung và bao cấp đối với nền kinh tế chủ yếu gồm hai thành phần quốc doanh và tập thể, sang kế hoạch hóa phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Thu hẹp dần kế hoạch hóa trực tiếp, mở rộng kế hoạch hướng dẫn. Các đơn vị kinh doanh của nhà nước đã bước đầu gắn với thị trường, tự quyết định kế hoạch và tự chịu trách nhiệm trên cơ sở những định hướng chủ yếu của nhà nước. Bước đầu sử dụng các đòn bẩy kinh tế và lực lượng vật chất để đảm bảo cân đối tổng cung tổng cầu trong nền kinh tế, khắc phục các cơn sốt giá, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát. Tăng cường nghiên cứu chiến lược, quy hoạch ngành và vùng. Chuyển trọng tâm sang kế hoạch đầu tư phát triển, huy động các nguồn vốn toàn xã hội. Bước đầu áp dụng phương pháp kế hoạch hóa theo chương trình, dự án.

Hệ thống tài chính, tiền tệ, tín dụng đã có một số cải cách quan trọng, xóa bỏ về cơ bản cơ chế bao cấp, góp phần kiềm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô. Thiết lập cơ chế mới theo nguyên tắc tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sản xuất kinh doanh. Ban hành luật và các chính sách khuyến khích mạnh đầu tư của nước ngoài và đầu tư trong nước. Bước đầu tham gia hoạt động của các tổ chức tài chính quốc tế. Ban hành hệ thống luật thuế áp dụng thống nhất cho mọi thành phần kinh tế. Thay đổi về cơ bản phương thức cân đối ngân sách, hạn chế và đi đến chấm dứt phát hành

để bù đắp bội chi ngân sách. Cơ chế quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ dự trữ quốc gia, quỹ bình ổn giá, quỹ giải quyết việc làm đã bước đầu được đổi mới thích ứng hơn với tính chất và nội dung hoạt động trong cơ chế thị trường. Hệ thống ngân hàng 2 cấp đã được xác lập trên cơ sở phân định chức năng quản lý nhà nước của ngân hàng nhà nước và chức năng kinh doanh của ngân hàng thương mại. Việc điều hòa lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền Việt nam, quản lý ngoại hối, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp và các hoạt động tín dụng, thanh toán đều có bước tiến.

Chính phủ đã ban hành chính sách tiền lương mới theo hướng tiền tệ hóa một bước tiền lương, thực hiện nguyên tắc trả lương theo công việc thực tế và tương ứng với ngành nghề được đào tạo ; tách tiền lương và chính sách đối với người có công và các chính sách xã hội khác ; bảo hiểm xã hội chung cho các thành phần kinh tế.

Quản lý nhà nước từng bước được đổi mới và có thêm nhiều kinh nghiệm ; có tiến bộ rõ nét trong quản lý, điều hành vĩ mô. Các luật pháp, chính sách tuy chưa đồng bộ, nhưng đã bước đầu hình thành khuôn khổ pháp lý và có tác dụng kích thích mặt tích cực của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường. Đã sửa Hiến pháp năm 1992, ban hành gần 100 bộ luật, luật, pháp lệnh và gần 12 000 văn bản pháp quy. Vai trò kiểm tra, kiểm soát của nhà nước về kinh tế được tăng cường, có tác dụng hạn chế một phần những tiêu cực của cơ chế thị trường.

Quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong từng thời gian cũng đồng thời gắn với giải quyết những vấn đề cấp bách, nóng bỏng của nền kinh tế. Kết quả đẩy lùi và kiềm chế lạm phát trong điều kiện chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế và bối cảnh quốc tế có nhiều mặt không thuận lợi là một trong những thành tựu nổi bật nhất của đất nước ta thời gian qua.

Một trong những khuyết điểm và yếu kém hiện nay là cơ chế thị trường còn sơ khai, vai trò quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế - xã hội còn yếu.

Đối với các đơn vị kinh tế trong nông nghiệp, tuy có đổi mới cơ chế, tạo ra được động lực thúc đẩy nông nghiệp phát triển gắn với việc tăng cường đầu tư của nhà nước, chuyển dịch dần cơ cấu, bước đầu đưa khoa học, công nghệ mới vào nông nghiệp, nhưng việc tổng kết các loại hình hợp tác xã đa dạng làm còn chậm. Trong khu vực doanh nghiệp nhà nước còn chưa tạo được động lực khuyến khích mạnh mẽ; chậm phân định rõ trách nhiệm của chủ sở hữu và trách nhiệm được giao quản lý, sử dụng của doanh nghiệp, để có cơ chế tổ chức và quản lý đúng đắn, bảo đảm quyền làm chủ trực tiếp, trách nhiệm và lợi ích rõ ràng đối với việc sử dụng có hiệu quả các tài sản của nhà nước. Người lao động chưa có động lực thường xuyên và gắn bó thiết thân với sự phát triển của doanh nghiệp, chưa có quyền hạn và tổ chức đủ mạnh để tham gia định đoạt các quyết sách làm ăn, ngăn chặn từ gốc tệ tham nhũng, làm thất thoát tài sản nhà nước. Không ít doanh nghiệp vì lợi ích cục bộ, cá nhân mà chạy theo lợi nhuận thuần túy, không tính đến lợi ích của người tiêu dùng, cạnh tranh không lành mạnh, buôn lậu, trốn thuế, làm ăn phi pháp.

Các yếu tố của thị trường chưa hình thành đồng bộ. Thị trường sức lao động, thị trường công nghệ, thị trường tiền tệ và thị trường vốn mới phôi thai, kinh doanh bất động sản chủ yếu là hoạt động ngấm mang nhiều tính chất đầu cơ. Môi trường cạnh tranh chưa được tạo lập đầy đủ với hành lang pháp chế rõ ràng; tình trạng lạm dụng độc quyền kinh doanh còn nhiều.

Hệ thống quản lý còn đang trong quá trình chuyển đổi; luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đồng bộ, nhất quán để thúc đẩy, hướng dẫn nền kinh tế phát triển. Các công cụ quản lý vĩ mô như pháp chế, kế hoạch hóa, tài chính tiền tệ đổi mới chậm, vừa chưa

khắc phục hết những khuyết tật của cơ chế cũ, vừa chậm thiết lập trật tự kỷ cương theo cơ chế mới, nên sự vận hành chưa thông suốt và thiếu lành mạnh; mặt trái của cơ chế thị trường chưa được ngăn chặn kịp thời. Quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai, thủ tục hành chính... đổi mới chậm. Quản lý xuất nhập khẩu có nhiều sơ hở, tiêu cực, một số trường hợp gây tác động xấu đối với sản xuất. Chế độ phân phối thu nhập còn nhiều bất hợp lý.

Công tác kế hoạch chưa bao quát và phát huy tốt tiềm năng của các thành phần kinh tế, vẫn còn tập trung nhiều vào việc sử dụng nguồn lực từ ngân sách nhà nước. Nghiên cứu dự báo nhu cầu kinh tế - xã hội, dự báo diễn biến của thị trường trong, ngoài nước còn yếu. Còn khuyết điểm trong sử dụng các nguồn lực vật chất của nhà nước và điều hành xuất - nhập khẩu... để điều tiết quan hệ cung cầu, làm cho giá cả thị trường có những lúc tăng đột biến.

Hệ thống thuế còn chồng chéo, chưa hợp lý, vừa ít khuyến khích sản xuất, vừa có nhiều kẽ hở dễ bị lợi dụng. Phân cấp ngân sách chưa hợp lý, còn phân tán, thiếu ổn định, phát sinh nhiều tiêu cực, hạn chế tính năng động, sáng tạo. Tài chính quốc gia, tài chính công và tài chính doanh nghiệp nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, còn sơ hở để xảy ra nhiều thất thoát, lãng phí.

Thị trường tiền tệ, thị trường vốn chậm phát triển. Lãi suất tín dụng chưa phù hợp với cơ chế thị trường và hạn chế đầu tư phát triển. Các công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ chưa được sử dụng đồng bộ, có hiệu quả. Tỷ lệ dùng tiền mặt còn quá lớn. Ngoại tệ còn được sử dụng nhiều trong lưu thông nội địa.

Chưa ngăn chặn được tình trạng buôn lậu, đầu cơ, làm hàng giả... Chưa xử lý đúng mối quan hệ giữa độc quyền nhà nước và cạnh tranh trên thị trường của các đơn vị kinh doanh trong một số ngành, lĩnh vực; nhiều trường hợp cạnh tranh không lành

mạnh gây tổn thất cho cả doanh nghiệp và nhà nước.

Tiền lương, tiền công thực tế của khu vực sản xuất kinh doanh chưa phản ánh đúng giá cả tiền công của từng ngành trên từng khu vực. Hiện tượng khá phổ biến trong khu vực doanh nghiệp nhà nước là đưa một phần lợi nhuận vào tiền lương và ăn vào tài sản của doanh nghiệp.

*
* *

Từ thực tiễn hơn 10 năm qua, có thể khẳng định *một số nhận thức quan trọng, có ý nghĩa chỉ đạo và bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế :*

Một : Sản xuất hàng hóa không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản, không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan và cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hai : Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta, thị trường xã hội là một thể thống nhất với nhiều lực lượng tham gia, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Thị trường thống nhất trong cả nước và gắn với thị trường thế giới.

Ba : Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch chủ yếu mang tính định hướng ; thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh. Vận dụng cơ chế thị trường phải đi liền với phát huy đầy đủ hơn chức năng định hướng và điều tiết vĩ mô các hoạt động kinh tế, xã hội, bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế.

Bốn : Vận dụng cơ chế thị trường đòi hỏi phải nâng cao năng lực quản lý của nhà nước, đồng thời xác lập đầy đủ chế độ tự chủ của các đơn vị kinh tế ; phát huy mặt tích cực đi đôi với ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những mặt tiêu cực của thị trường.

Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng lực lượng vật chất của khu vực kinh tế nhà nước.

Gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, từ nay đến năm 2000, chúng ta phải thực hiện *chương trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với mục tiêu xóa bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Nội dung của chương trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tập trung vào những nhiệm vụ sau :

1 - Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường :

Tiếp tục phát triển mạnh thị trường hàng hóa và dịch vụ. Phải mở rộng thị trường, thực hiện giao lưu hàng hóa thông suốt mọi vùng của đất nước thông qua đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, mở mang giao thông vận tải, phát triển mạng lưới các thị trấn, thị tứ. Đồng thời với phát triển thị trường các sản phẩm, cần phát triển mạnh thị trường công nghệ, các dịch vụ thông tin, tư vấn, tiếp thị, pháp lý, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, bảo lãnh...

Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm minh các vi phạm để làm lành mạnh thị trường, khắc phục tình trạng kinh doanh ngầm. Cần có những quy định pháp lý về cạnh tranh và độc quyền theo quan điểm : cạnh tranh lành mạnh bằng những phương pháp, biện pháp văn minh, hợp pháp, đi liền với tăng cường hợp tác để nâng cao hiệu quả ; thực hiện độc quyền nhà nước trong một số ngành, một số lĩnh vực nhất định vì lợi ích của đất nước, hạn chế độc quyền kinh doanh, không để lợi dụng địa vị độc quyền duy trì đặc quyền, đặc lợi, lũng đoạn thị trường.

Chỉnh đốn hoạt động của các tổ chức thương nghiệp thuộc mọi thành phần kinh

tế. Chú trọng đổi mới hệ thống thương nghiệp nhà nước để phát huy vai trò chủ đạo, khắc phục tình trạng chia cắt giữa sản xuất và lưu thông, giữa nội thương và ngoại thương. Làm tốt chức năng điều tiết, ổn định thị trường, nhất là đối với một số mặt hàng thiết yếu. Đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường của nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Hình thành thị trường sức lao động có tổ chức. Xác định một mục tiêu xã hội hàng đầu là bảo đảm công ăn việc làm cho dân, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên. Quan điểm chỉ đạo trong giải quyết việc làm là : nhà nước chú trọng đầu tư tạo việc làm, đồng thời tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và người lao động tạo thêm chỗ làm việc và tự tạo việc làm ; khuyến khích các tổ chức và cá nhân cùng nhà nước tổ chức tốt dịch vụ giới thiệu việc làm, đào tạo nghề nghiệp.

Thị trường sức lao động cần được hình thành có sự tổ chức của nhà nước, với sự trân trọng người lao động một cách đầy đủ và sự bình đẳng trước pháp luật giữa người lao động và người sử dụng lao động. Nhà nước chú trọng kiểm tra, kiểm soát việc thuê mướn, sử dụng và trả công lao động ; bảo đảm thực hiện tốt những quy định về bảo hộ, an toàn lao động ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa người lao động và người sử dụng lao động theo pháp luật, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động.

Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, tiền thưởng trong khu vực nhà nước ; có chính sách định hướng và điều tiết tiền công trong toàn xã hội. Thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

Quản lý chặt chẽ đất đai và thị trường nhà cửa. Quan điểm chỉ đạo việc quản lý đất đai của chúng ta là : đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư nhân hóa, không cho phép mua bán đất đai. Trên quan điểm đó, cần tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Luật

đất đai. Trong việc giao quyền sử dụng hay cho thuê đất phải xác định đúng giá các loại đất để dùng đất có hiệu quả, duy trì và phát triển quỹ đất, bảo đảm lợi ích của toàn dân. Khắc phục tình trạng đầu cơ đất đai ; thu hồi các phần đất chiếm dụng, chuyển nhượng trái phép hoặc sử dụng sai mục đích. Quản lý chặt chẽ quỹ đất xây dựng trong cả nước, nhất là ở đô thị. Khuyến khích sử dụng đất hoang hóa để phát triển quỹ đất ; áp dụng nhiều hình thức đầu tư, cải tạo mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng để sớm đưa đất vào sử dụng có hiệu quả, đặc biệt là trong việc hình thành các khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất.

Nhà nước có trách nhiệm chăm lo giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân, nhất là ở các vùng đô thị lớn ; chủ động phát triển và quản lý tốt thị trường nhà. Đề từng bước giải quyết tốt vấn đề nhà ở, cần phát triển các doanh nghiệp nhà nước xây dựng và kinh doanh nhà ở ; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế xây dựng nhà theo đúng quy hoạch đô thị để ở, bán hoặc cho thuê. Trước mắt cần sớm chuyển quỹ nhà ở do nhà nước quản lý sang kinh doanh.

Xây dựng thị trường vốn, từng bước hình thành thị trường chứng khoán. Tiếp tục phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức thu hút tiền gửi trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để cho vay đầu tư theo lãi suất thị trường. Xây dựng thị trường chứng khoán để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn trong xã hội. Đây là một lĩnh vực rất mới mẻ đối với nước ta, cần chuẩn bị chu đáo về thể chế, cán bộ và các điều kiện cần thiết khác để hình thành từng bước. Cần quy định chặt chẽ về phát hành cổ phần, mua và bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán, không để xảy ra đầu cơ hoặc lũng đoạn. Phải bảo đảm thị trường chứng khoán ở nước ta hoạt động lành mạnh, phù hợp với điều kiện Việt nam và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2 - Hoàn chỉnh hệ thống luật pháp về kinh tế :

Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống pháp luật để thể chế hóa các nội dung của Cương lĩnh, Chiến lược và các chủ trương, chính sách của Đảng.

Nghiên cứu ban hành một số luật mới về ngân sách nhà nước, thuế (trị giá gia tăng, thu nhập dân cư, thu nhập công ty), thương mại, hợp tác xã, bưu chính - viễn thông, xây dựng, khoa học - công nghệ, tài nguyên nước, ngân hàng, hải quan... Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các luật và pháp lệnh hiện hành, trước hết về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt nam, công ty, doanh nghiệp tư nhân...

3 - Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hóa :

Để thực sự là một công cụ định hướng và dẫn dắt sự phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch nhà nước phải quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng để đưa ra một hệ thống mục tiêu vĩ mô, xác định tốc độ phát triển, cơ cấu và các cân đối lớn, lựa chọn phương án tối ưu, các chính sách, giải pháp.

Tập trung xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển, các chương trình và dự án lớn cho cả nước và cho từng ngành, từng vùng, từng lĩnh vực. Chuyển dần sang kế hoạch 5 năm là chính, có phân ra từng năm, giữa kỳ có xem xét điều chỉnh ; giảm nhẹ việc xây dựng và xét duyệt kế hoạch hằng năm.

Việc lập và giao kế hoạch phải phù hợp với cơ chế thị trường, bao quát hoạt động của các thành phần kinh tế. Nâng cao chất lượng dự báo, hướng dẫn đầu tư trong và ngoài nước. Kế hoạch đầu tư bằng nguồn vốn tập trung của ngân sách là có tính pháp lệnh, phải làm tốt việc xây dựng, thẩm định kế hoạch, dự án đầu tư, phân bổ vốn và quản lý quá trình thực hiện, bảo đảm tính công minh, hiệu quả, xóa bỏ cơ chế "xin" và "cho" dẫn đến tiêu cực. Hình thành quy chế kết hợp chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch với

việc hoạch định các chính sách xử lý kịp thời những mất cân đối lớn, những vấn đề mới nảy sinh. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ đấu thầu để lựa chọn đối tác đối với các dự án lớn của nhà nước và phần đầu tư bằng nguồn vốn tập trung của ngân sách.

4 - Đổi mới các chính sách tài chính, tiền tệ, giá cả :

Chính sách tài chính phải nhằm mục tiêu sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển, bảo đảm quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia. Trong hoạch định các chính sách tài chính phải luôn chú trọng xử lý đúng đắn các mối quan hệ và cân đối lớn : tích lũy và tiêu dùng ; tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp và tài chính dân cư ; ngân sách trung ương và ngân sách địa phương ; chi tiêu thường xuyên và chi đầu tư phát triển, chi bảo đảm quốc phòng - an ninh ; huy động vốn trong nước và vốn bên ngoài ; vay nợ và trả nợ...

Để tạo vốn đầu tư phát triển, giải pháp cơ bản và lâu dài là phải làm ăn có hiệu quả, phát triển kinh tế, thực hành triệt để tiết kiệm ; khuyến khích mạnh tiết kiệm và đầu tư, đa dạng hóa các kênh huy động vốn.

Để tăng được nguồn thu vững chắc lâu dài, cần có tầm nhìn xa trong chính sách thu, tính đến nhu cầu chi cấp thiết trước mắt, nhưng phải chú trọng bồi dưỡng nguồn thu lâu dài. Với quan điểm đó, chính sách thuế phải được đổi mới theo hướng : đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp ; bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước, đồng thời thúc đẩy thực hành tiết kiệm và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển, từ đó mà nuôi dưỡng và mở rộng nguồn thu. Thực hiện chính sách ưu đãi hơn nữa về thuế đối với đầu tư phát triển và đối với những vùng có nhiều khó khăn. Bổ sung thuế và phí sử dụng tài nguyên không tái tạo được. Sớm ban hành các loại thuế và phí nhằm kiểm soát, hạn chế các đối tượng

gây ô nhiễm môi trường. Triển khai mạnh việc làm thử để mở rộng áp dụng thuế trị giá gia tăng (TVA). Tăng cường hiệu lực của bộ máy thu thuế.

Để có động lực khuyến khích tạo nguồn thu và tiết kiệm chi tiêu dùng, cần đổi mới phân cấp thu chi ngân sách nhà nước trên cơ sở phân cấp thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội và phân giao ranh mạch nhiệm vụ thu chi ; ổn định tỷ lệ điều tiết nguồn thu giữa các cấp ngân sách trong từng thời gian ; bố trí ngân sách nhà nước theo nguyên tắc chặt chẽ chi tiêu dùng, tăng chi cho đầu tư phát triển ; vốn đầu tư của ngân sách nhà nước cũng phải được hoàn trả, trừ một số trường hợp đặc biệt. Thực hiện chặt chẽ chế độ kế toán, kiểm toán và chế độ kiểm tra, thanh tra tài chính.

Chuyển mạnh chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần ổn định sức mua của đồng Việt nam, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, duy trì tỷ giá hối đoái hợp lý, huy động và cho vay vốn có hiệu quả... Xác định rõ trách nhiệm chính của Ngân hàng trung ương trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, quản lý ngoại tệ và vàng. Nâng cao hiệu quả điều hành hoạt động của ngân hàng hai cấp. Tổ chức lại hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Quản lý tốt hoạt động của các ngân hàng nước ngoài.

Tiếp tục chuyển các ngân hàng thương mại sang cơ chế kinh doanh đầy đủ ; Ngân hàng nhà nước chỉ quy định lãi suất tối đa, còn lãi suất cụ thể do các tổ chức tín dụng quyết định. Có biện pháp đồng bộ để giảm dần lãi suất, tạo điều kiện đẩy mạnh đầu tư phát triển. Đổi mới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ, giảm chi phí trong các dịch vụ ngân hàng. Ổn định tỷ giá hối đoái phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền, thúc đẩy xuất khẩu và điều tiết được nhập khẩu. Có chính sách quản lý ngoại hối hợp lý và chủ động, đẩy lùi dần tình trạng "đô la hóa" trong lưu thông tiền tệ, từng bước làm cho

đồng tiền Việt nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện *hệ thống giá cả và công tác quản lý giá*. Chú ý làm tốt công tác thông tin, phân tích, dự báo thị trường và giá cả. Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước về giá, từng bước luật hóa chế độ quản lý giá, hạn chế tối đa việc can thiệp giá cả mang tính hành chính, mệnh lệnh. Tăng lực lượng dự trữ quốc gia. Đổi mới cơ chế dự trữ lưu thông, cơ chế hình thành và hoạt động của quỹ bình ổn giá, phương thức can thiệp để bình ổn giá một số mặt hàng hết sức thiết yếu. Điều chỉnh hợp lý các loại giá đất, điện, nước, xăng dầu, cước vận chuyển... theo hướng xóa bao cấp, bù lỗ, bảo đảm khả năng tái sản xuất mở rộng. Đánh giá đúng giá trị tài sản của doanh nghiệp.

5 - Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý kinh tế của nhà nước :

Để bảo đảm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhà nước phải thực hiện tốt chức năng : định hướng sự phát triển ; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nỗ lực phát triển ; thiết lập một khuôn khổ luật pháp thống nhất, có hệ thống chính sách phù hợp để tạo môi trường ổn định và động lực phát triển, tạo điều kiện cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt ; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường ; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân ; quản lý tài sản công và kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội.

Trước mắt, cần sớm xác định rõ và thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, chức năng chủ sở hữu tài sản công của nhà nước. Các bộ và các cấp chính quyền làm đúng chức năng quản lý nhà nước, không can thiệp vào chức năng kinh doanh và quyền tự chủ hạch toán của doanh nghiệp □

VẤN ĐỀ XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

VŨ HIỀN

TẦM vóc trí tuệ của Đảng ta và nhân dân ta trong quá trình tìm tòi sáng tạo, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiến lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được khẳng định, nhất là sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới, bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng. Từ đó đến nay, quan niệm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã được xác định ngày càng rõ hơn.

Nói như vậy không có nghĩa là mọi điều mà cuộc sống đặt ra chúng ta đều đã làm xong. Còn nhiều vấn đề rất quan trọng cần được tiếp tục giải quyết. Một trong những vấn đề đó là việc **xây dựng quan hệ sản xuất, phát triển các thành phần kinh tế**.

Xung quanh vấn đề này hiện nay có nhiều cách nhìn nhận khác nhau và có không ít những băn khoăn. Xin nêu một số loại ý kiến để cùng trao đổi.

1 - *Có ý kiến cho rằng : nếu như trước đây ta thường nhấn mạnh đến việc xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất để nó "đi trước mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển", thì nay lại chú trọng đến lực lượng sản xuất, cho nó "bung ra" hết cỡ, ít chú ý đến quan hệ sản xuất. Như vậy phải chăng đã từ "tả" nhảy sang "hữu" và không khéo sẽ phá vỡ những quan hệ sở hữu mà bao nhiêu năm mới tạo dựng được.*

Đây là câu hỏi lớn mà nhiều người quan tâm. Xin được nêu một số khía cạnh.

Một là, trước đây chúng ta chú trọng xây dựng và hoàn thiện quan hệ sản xuất cũng là hợp lẽ, vì đây là một cách đi có sự tìm tòi, phát huy vai trò tích cực của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất. Mặt khác, chúng ta không chỉ nói đến quan hệ sản xuất mà chủ

trương đồng thời tạo lập cả quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất vì ở cả hai yếu tố đó của nền kinh tế, nước ta vẫn ở điểm khởi đầu. Tuy nhiên, khi thực hiện chủ trương này, do chủ quan và nóng vội, có lúc chúng ta đã làm sai quy luật, xóa bỏ quá nhanh các thành phần kinh tế tư bản tư nhân, biến nó thành quốc doanh hoặc công ty hợp doanh ; đưa ồ ạt những người sản xuất nhỏ trong các ngành tiểu, thủ công nghiệp và nông nghiệp vào các hợp tác xã để sớm có quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu *toàn dân* và *tập thể* chiếm ưu thế tuyệt đối. Thực tế cho thấy cách làm này lúc đầu cũng tạo ra động lực nhất định cho sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đáng kể vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Nhưng do không được tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời để sửa chữa những gì không đúng, trái với quy luật, nên cách làm trên mất dần tác dụng tích cực và ngày càng trở thành nguyên nhân gây nên sự trì trệ, ách tắc, tiêu cực về mặt kinh tế xã hội. Chúng ta đã nhận biết được điều đó và chuyển sang cách làm khác : *phát triển một nền kinh tế nhiều thành phần*.

Hai là, việc chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần chính là để giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Làm như vậy thực chất cũng là để xây dựng, củng cố và phát triển quan hệ sản xuất; thực hiện mọi giải pháp để phát triển có hiệu quả các thành phần kinh tế thuộc khu vực sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, củng cố và nâng cao địa vị làm chủ của người lao động trong sản xuất xã hội, thực hiện công bằng và tiến

bộ xã hội ; thực hiện nhiều hình thức phân phối, dựa vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời dựa vào mức đóng góp của các nguồn lực khác... Như vậy, sự chuyển hướng kinh tế mà chúng ta đang làm, cả trên phương diện lý luận và trong thực tế, sẽ giúp cho việc giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, củng cố và hoàn thiện thêm một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, và hơn thế nữa, từng bước làm cho quan hệ sản xuất ở nước ta phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất.

Ba là, xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần không có gì là nhảy cực cả. Thấy sai thì sửa, và sửa không phải là từ bỏ định hướng, mà chỉ nhằm bảo đảm cho định hướng được thực hiện có hiệu quả, đúng quy luật kinh tế hơn mà thôi. Ví dụ vừa qua chúng ta sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, giảm số doanh nghiệp từ 12 297 đơn vị năm 1989 xuống còn 6 213 đơn vị năm 1995. Kết quả thế nào ? Tuy số doanh nghiệp giảm đi gần một nửa, nhưng tổng số vốn lại tăng đáng kể : từ 34 nghìn tỉ đồng năm 1989 lên 63 nghìn tỉ đồng năm 1994. Phần doanh nghiệp nhà nước trong tổng thu nhập quốc dân (GDP) cũng tăng : từ 32,4% năm 1990 lên 36,7% năm 1994. Năm 1995, kinh tế quốc doanh đóng góp cho ngân sách nhà nước khoảng 49%, còn kinh tế ngoài quốc doanh - 24%, khu vực đầu tư nước ngoài - 27%. Rõ ràng, việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước như vậy là cần thiết và có hiệu quả.

2 - *Khi đánh giá kết quả việc xây dựng quan hệ sản xuất và phát triển các thành phần kinh tế trong thời gian qua, có ý kiến cho rằng chúng ta chưa làm được bao nhiêu, kết quả thì ít mà khuyết điểm thì nhiều, coi chừng đang bị lệch hướng !*

Ai cũng biết rằng, xây dựng quan hệ sản xuất và phát triển các thành phần kinh tế không phải là công việc dễ dàng và càng không thể hoàn thành ngay trong một thời gian ngắn. Vậy nên những kết quả đạt được vừa qua mới chỉ là bước đầu và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trên cũng còn không ít sai sót. Song không thể vì thế mà không nhận thấy rằng phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, mở cửa thu hút đầu tư trực tiếp của bên ngoài là một chiến lược đúng đắn. Không thể có các thành tựu

kinh tế như vừa qua, nếu không thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, nếu quan hệ sản xuất không được điều chỉnh, đổi mới phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất. Đã làm là có thể có sai sót, yếu kém. Nhưng nếu sớm phát hiện và tìm mọi cách để khắc phục những khuyết điểm thì không những quan hệ sản xuất mới được xây dựng, củng cố và phát triển vững chắc hơn, mà còn giải phóng mạnh mẽ hơn lực lượng sản xuất. Đó cũng là điều mà Đảng ta luôn quan tâm để giải quyết.

Không thể nói chúng ta chệch hướng hay không chệch hướng một cách giản đơn, thiếu căn cứ xác đáng. Phải nói rằng Đảng và Nhà nước ta nhận thức đầy đủ về tính phức tạp của quá trình chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, nên không chỉ thường xuyên nhắc nhở phải cảnh giác với nguy cơ chệch hướng, mà còn thường xuyên nghiên cứu, tìm tòi, đưa ra những *chủ trương và giải pháp đồng bộ* để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa như : tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý vĩ mô của nhà nước, khai thác triệt để tính tích cực đi đôi với khắc phục ngăn ngừa và hạn chế tính tự phát tiêu cực của cơ chế thị trường; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, giảm dần sự chênh lệch quá đáng về mức sống và trình độ phát triển giữa các vùng, các tầng lớp dân cư ; mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và bảo vệ lợi ích chân chính của quốc gia, dân tộc.

Mặt khác, việc phát triển kinh tế nhiều thành phần ở ta luôn được tiến hành đồng thời với việc không ngừng đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế nhằm bảo đảm việc phát triển đó không xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa. Đúng là các thành phần kinh tế ở ta vận động theo cơ chế thị trường, nhưng thị trường này không phải thị trường hoàn toàn tự do mà có sự quản lý, điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Như vậy, thị trường tuy được phát triển cùng với các thành phần kinh tế, nhưng nó phải chịu sự quản lý có hiệu quả của nhà nước, vì lợi ích của nhân dân lao động. Nhà nước quản lý thị trường bằng pháp luật, kế hoạch, cơ chế chính sách, các công cụ đòn bẩy kinh tế và bằng lực lượng vật chất

của khu vực kinh tế nhà nước để phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu đời sống, phân phối và phân phối lại hợp lý thu nhập quốc dân, thực hiện chính sách xã hội và công bằng xã hội... Rõ ràng là các chủ trương và giải pháp nêu trên đều là những yếu tố quan trọng để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa sự chệch hướng.

3 - Có đồng chí cho rằng phát triển các thành phần kinh tế như vừa qua là quá chậm, quá rụt rè. Đề nghị cứ để cho các thành phần kinh tế phát triển thật mạnh, hòa đồng với nhau ; bỏ hẳn phạm trù "thành phần kinh tế" đi cũng được, không nên chia nền kinh tế theo thành phần, mà nên chia nó theo quy mô doanh nghiệp.

Có thể nói ngay rằng, việc phát triển kinh tế nhiều thành phần ở ta nhanh hay chậm, rụt rè hay không, là phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Đây là một vấn đề rất phức tạp, lại rất hệ trọng vì liên quan đến đời sống của hàng chục triệu người, ảnh hưởng quyết định đến vận mệnh của đất nước. Ở ta, phát triển kinh tế nhiều thành phần là để xây dựng chủ nghĩa xã hội nên càng khó. Đó là điều mà cả trong lý luận và thực tiễn đều chưa có. Vậy nên khi làm chúng ta phải rất thận trọng, vừa làm vừa thử nghiệm, vừa sáng tạo không ngừng, quyết làm nhưng lại phải biết lường trước tính sau, để tránh hoặc hạn chế những hậu quả không đáng có.

Cũng cần thấy những việc làm của chúng ta vừa qua đâu có chậm. Chỉ trong vòng 5 năm, chúng ta đã sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo hướng giảm số lượng, tăng chất lượng và hiệu quả kinh doanh. Khu vực kinh tế tư nhân ngày càng phát triển. Hiện có 15 435 doanh nghiệp tư nhân, 5 925 công ty trách nhiệm hữu hạn trong nước ; 329 doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài với tổng số vốn đầu tư lên 2,3 tỉ USD. Cùng với việc giải thể 2 958 hợp tác xã và 33 804 tập đoàn sản xuất, 42 000 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp... vì thấy không còn phù hợp, đã từng bước phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng, phong phú hơn và hợp lý, hiệu quả hơn.

Việc giữ hay bỏ phạm trù "thành phần kinh tế" cũng là điều cần bàn. Sự tồn tại nhiều

thành phần kinh tế là một thực tế khách quan của nền kinh tế trong thời kỳ quá độ. Mỗi một thành phần kinh tế được đặc trưng bởi một kiểu chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất, với những quan hệ đặc thù về sản xuất, quản lý và phân phối. Tương ứng với các thành phần kinh tế là các giai cấp và tầng lớp xã hội có lợi ích và vai trò, địa vị nhất định trong nền sản xuất xã hội. Sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế còn bắt nguồn từ chỗ trình độ phát triển của lực lượng sản xuất chưa đủ chín muồi để cho phép hình thành đồng thời và đều khắp chế độ sở hữu và quan hệ sản xuất kiểu mới trong toàn bộ nền kinh tế.

Xuất phát từ lý do trên, cần phân định thành phần kinh tế và lấy nó làm cơ sở để đề ra những chính sách kinh tế, chính trị, xã hội thích hợp. Không thể thay thế việc phân định các thành phần kinh tế bằng việc phân định theo các loại hình doanh nghiệp hay quy mô doanh nghiệp. Các thành phần kinh tế bình đẳng trước pháp luật nhưng không có vai trò, vị trí như nhau trong quá trình hình thành và xây dựng chế độ kinh tế - xã hội mới. Vì thế, cần phân biệt giữa sự yếu kém về mặt trang bị kỹ thuật, trình độ quản lý, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh với bản chất kinh tế - xã hội của mỗi thành phần kinh tế.

4 - Một số người băn khoăn và đặt vấn đề : cho nhiều thành phần kinh tế tồn tại lâu hay chóng ; làm thế nào để các thành phần kinh tế tồn tại, phát triển một cách bình đẳng, vừa phát huy được vị trí, vai trò và bảo đảm lợi ích của từng thành phần kinh tế, vừa đem lại hiệu quả hữu ích cho toàn xã hội.

Đảng ta đã nhiều lần khẳng định, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần cũng như xây dựng quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội, có tác dụng to lớn để huy động mọi tiềm lực của nhân dân xây dựng kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất. Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới phải được tiến hành từng bước với sự đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, thích hợp về bước đi ; tổ chức nhiều loại hình sở hữu hỗn hợp đan xen để bổ sung cho nhau, bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế trong phạm

vi luật pháp. Nền kinh tế nhiều thành phần của nước ta phải lấy kinh tế quốc doanh là chủ đạo; quốc doanh và hợp tác xã dần dần trở thành nền tảng.

Trong quá trình xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã vừa làm vừa rút kinh nghiệm, dần dần hình thành những chủ trương, chính sách đối với từng thành phần kinh tế :

a) *Đối với kinh tế nhà nước*

Kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp nhà nước và các sở hữu nhà nước như đất đai, ngân sách, lực lượng dự trữ, kể cả một phần vốn của nhà nước đưa vào các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Doanh nghiệp nhà nước có vai trò chủ đạo và là nền tảng của chế độ mới ; nó có nhiệm vụ mở đường, hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác phát triển theo đúng định hướng, đồng thời là lực lượng vật chất cần thiết để nhà nước thực hiện hữu hiệu chức năng quản lý.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế nhà nước trong các ngành và lĩnh vực trọng yếu nhất của nền kinh tế. Thường xuyên nghiên cứu áp dụng các biện pháp cần thiết để doanh nghiệp nhà nước thực sự đóng vai trò chủ đạo, như : tiếp tục tổ chức, sắp xếp lại các doanh nghiệp sao cho ngày càng có hiệu quả hơn ; giải quyết vốn, thanh toán nợ tồn đọng ; bỏ cơ quan chủ quản; phát huy quyền chủ động của cơ sở ; bố trí lại và bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp; ngăn ngừa mọi hành vi lạm quyền của một số doanh nghiệp mang tính độc quyền, khắc phục tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gây thiệt hại cho đất nước ; có chính sách và cơ chế riêng đối với những loại hình doanh nghiệp công ích. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước ta đang làm thử, đúc rút kinh nghiệm để sắp tới có thể triển khai mạnh mẽ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

b) *Đối với kinh tế hợp tác*

Kinh tế hợp tác là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động, kết hợp sức mạnh tập thể với sức mạnh của từng thành viên để giải quyết có hiệu quả hơn những vấn đề của sản xuất kinh doanh và đời sống. Hợp tác

xã được tổ chức trên cơ sở đóng góp cổ phần và sự tham gia lao động trực tiếp của xã viên, phân phối theo kết quả lao động và theo cổ phần, mỗi xã viên có quyền định đoạt ngang nhau đối với công việc chung.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương giúp đỡ để kinh tế hợp tác phát triển. Nhưng để phát triển có hiệu quả, kinh tế hợp tác nhất thiết phải được xây dựng trên các nguyên tắc : *tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ*. Tuyệt đối tránh phạm những sai lầm trước đây : gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất ; áp đặt hình thức tổ chức kinh doanh, phương thức và cơ chế quản lý nội bộ...

c) *Đối với kinh tế cá thể, tiểu chủ*

Đảng và Nhà nước ta chủ trương tăng cường giúp đỡ kinh tế cá thể, tiểu chủ giải quyết các khó khăn về vốn, về khoa học và công nghệ, về thông tin thị trường... để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, hướng dẫn thành phần kinh tế này từng bước đi vào làm ăn hợp tác một cách tự nguyện.

d) *Đối với kinh tế tư bản tư nhân*

Khuyến khích tư bản tư nhân đầu tư vào sản xuất ; bảo hộ quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân về các mặt tín dụng, khoa học-công nghệ, thông tin... đi đôi với việc tăng cường quản lý, hướng dẫn họ làm ăn đúng pháp luật, có lợi cho quốc kế dân sinh. Nhà nước góp vốn đầu tư, liên doanh với tư nhân trên cơ sở thỏa thuận nhằm tạo thế và lực cho các doanh nghiệp Việt nam phát triển trong khi mở cửa với bên ngoài.

đ) *Đối với kinh tế liên doanh, hợp tác với nước ngoài*

Phát triển đa dạng các hình thức thu hút đầu tư, giải quyết đồng bộ các vấn đề như tài chính, đất đai, kết cấu hạ tầng, pháp lý, thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư trực tiếp của bên ngoài.

Đảng và Nhà nước ta chủ trương sử dụng một cách rộng rãi các hình thức kinh tế tư bản nhà nước. Đó là sự phát triển sâu rộng, đa dạng và ở mức độ khác nhau, những quan hệ kinh tế, những hình thức tổ chức kinh doanh dựa trên cơ sở liên doanh liên kết giữa nhà nước với tư nhân trong và ngoài nước □

KINH TẾ TƯ BẢN NHÀ NƯỚC

vài nét lý luận và thực tiễn

ĐINH SƠN HÙNG *

KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ TƯ BẢN NHÀ NƯỚC

1. Hình thức kinh tế tư bản nhà nước tồn tại trong nhiều chế độ kinh tế với quy mô và mức độ khác nhau. Nhưng dù tồn tại ở đâu, trong các nước đang phát triển hay những nước đang thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thì kinh tế tư bản nhà nước cũng hoạt động theo nguyên tắc kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Nghĩa là, với tiềm năng giới hạn, kinh tế tư bản nhà nước luôn luôn dựa vào thị trường để quyết định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai, sản xuất ở đâu, và sản xuất khi nào thì đạt hiệu quả kinh tế cao nhất, mang lại lợi nhuận tối đa. Và chính vì dựa trên nguyên tắc hoạt động này nên kinh tế tư bản nhà nước *một mặt*, "vô tình" thỏa mãn có hiệu quả nhu cầu của xã hội ; *mặt khác*, kích thích động lực thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế ở những quốc gia mà nó tồn tại.

2. Thực tiễn cho thấy, so với nền kinh tế ở các nước đang phát triển, thì hình thức kinh tế tư bản nhà nước có ưu thế hơn hẳn về trình độ công nghệ, tổ chức, về trình độ xã hội hóa của sản xuất, về hiệu quả kinh tế và năng suất lao động. Do vậy, hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở các nước đang phát triển giữ vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế. Nó làm giảm bớt sự phụ thuộc của các nước này vào chủ nghĩa thực dân mới ; tăng khả năng sử dụng các nguồn lực của nền sản xuất xã hội, đặc biệt là lực lượng lao động và tài nguyên thiên nhiên ; giúp sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước vào việc phát triển kinh tế, nhất là trong lĩnh vực nâng cấp, xây dựng cơ sở

hạ tầng ; đẩy nhanh quá trình tích tụ sản xuất, hình thành những "cực tăng trưởng" của nền kinh tế ; tạo thêm điều kiện, tiền đề để nâng cao trình độ của công tác kế hoạch hóa, luật pháp và sử dụng linh hoạt chính sách tài chính, tiền tệ trong điều tiết kinh tế. Nói một cách tổng quát, việc sử dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở những nước đang phát triển sẽ tạo điều kiện thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn và tăng khả năng thực hiện cân đối kinh tế vĩ mô.

3. Nhờ đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 1991-1995 (bình quân mỗi năm tăng 8,2%), nền kinh tế nước ta đã ra khỏi khủng hoảng, nhưng có những yếu tố chưa được củng cố vững chắc. Bên cạnh đó, cơ cấu kinh tế đất nước còn mang nặng đặc trưng của cơ cấu kinh tế xã hội truyền thống cũ ; quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong nông nghiệp, nông thôn kém phát triển. Do đó, việc sử dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước không chỉ là công cụ để thúc đẩy phân công lao động xã hội phát triển, khắc phục tình trạng phân tán và tính tự phát của sản xuất nhỏ, mà còn là điều kiện và phương tiện để phát triển nhanh lực lượng sản xuất. Và nhờ đó, có thể tận dụng những ưu thế của thị trường, kết hợp năng lực "nội sinh" với "ngoại sinh", tạo đà tăng trưởng nhanh hơn cho nền kinh tế, chống nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các nước trong vùng và trên thế giới. Nói cách khác, từ kinh tế hiện vật chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, từ cơ chế quản lý tập trung bao cấp

(*) PTS. Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta chấp nhận sự phát triển ở chừng mực nhất định của kinh tế tư bản ; "dung nạp", đồng thời "du nhập" kinh tế tư bản từ bên ngoài vào hoạt động dưới sự kiểm soát, hướng dẫn của Nhà nước ta thông qua các công cụ như luật pháp, kế hoạch hóa định hướng, các chính sách hành chính, tài chính - tiền tệ... Làm như vậy chính là chúng ta vận dụng những thành quả phát triển của loài người, kể cả của chủ nghĩa tư bản, nhằm lôi cuốn và tạo điều kiện để kinh tế tư bản tham gia vào sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" của chúng ta.

4. Quá trình chuyển dịch nền kinh tế luôn luôn tiềm ẩn nguy cơ và những yếu tố gây mất ổn định, trong khi đó sức ỳ của tâm lý, thói quen lại tương đối vững chắc. Vì vậy, trong nhiều trường hợp, tư duy và phương pháp làm việc cũ vẫn được vận dụng để xử lý các vấn đề mới nảy sinh. Bên cạnh đó, như kinh nghiệm cho thấy, nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa quan liêu và tẻ tham nhũng ở những nước kinh tế kém phát triển là do sự hạn chế của trao đổi và tự do kinh doanh, sự thiếu liên hệ chặt chẽ giữa sản xuất với tiêu dùng, sự thiếu phân công, hợp tác giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa thành thị với nông thôn...

Thông qua sự phát triển các loại hình kinh tế tư bản nhà nước, một mặt, những tồn tại nêu trên sẽ được khắc phục dần dần; mặt khác, giai cấp công nhân có thể học tập được cách quản lý nền sản xuất lớn, đội ngũ công nhân sẽ nhanh chóng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nguồn lực cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó, những trở ngại cho sự phát triển sẽ được tháo gỡ, nhịp độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiên tiến, hiện đại sẽ được đẩy nhanh. Vì lẽ đó, Lê-nin từng chỉ rõ : Nếu không sử dụng được chủ nghĩa tư bản nhà nước thì đó không phải là biểu hiện sức mạnh và trí thông minh của

chúng ta, mà là biểu hiện của cách nhìn hẹp hòi, yếu kém, ngu ngốc.

5. Một trong những xu hướng lớn của thế giới ngày nay là xu hướng quốc tế hóa và khu vực hóa trên mọi lĩnh vực. Quá trình quốc tế hóa và khu vực hóa sâu sắc đang ảnh hưởng ngày càng lớn đến nhịp độ phát triển của lịch sử và cuộc sống của mỗi dân tộc ; đến quan hệ quốc tế và chính sách của mỗi quốc gia. Phải khách quan thừa nhận rằng, chủ nghĩa tư bản đã góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình quốc tế hóa - toàn cầu hóa, khu vực hóa của nhân loại.

Trong tình hình như trên, phát triển các hình thức kinh tế tư bản nhà nước, không chỉ tạo điều kiện để chúng ta khai thác tiềm năng của đất nước, phát huy tối đa lợi thế so sánh, mà còn là điều kiện cần thiết để chúng ta thực hiện quá trình hội nhập nền kinh tế nước ta vào nền kinh tế thế giới, gắn sự phân công và hợp tác của nước ta với sự phân công và hợp tác quốc tế, gắn thị trường nước ta với thị trường thế giới. Vì vậy, nếu như trong hoàn cảnh nước Nga khi chuyển sang chính sách kinh tế mới (NEP), Lê-nin đã thấy rằng không thể xây dựng trực tiếp chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông mà phải "bắt những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội", thì trong xu hướng quốc tế hóa, khu vực hóa ngày nay, phát triển kinh tế tư bản nhà nước cũng là quá trình chúng ta "bắt những chiếc cầu nhỏ vững chắc" từ nền kinh tế kém phát triển của đất nước nối liền với nền sản xuất lớn, tiên tiến của thế giới, để xuyên qua đó đi đến chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, trong hiện trạng kinh tế của nước ta, thì việc áp dụng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước là rất cần thiết. Nó góp phần nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, trình độ xã hội hóa của sản xuất, phương thức tổ chức lao động, quản lý kinh doanh, và kết quả cuối cùng là nâng cao hiệu quả kinh tế, năng suất lao động. Mở rộng các hình thức kinh tế tư bản nhà nước

như một công cụ, cách thức, biện pháp để hoàn chỉnh cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ

nghĩa nhằm đạt tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", là con đường phát triển hợp quy luật kinh tế.

THỰC TIỄN VẬN DỤNG KINH TẾ TƯ BẢN NHÀ NƯỚC Ở TA VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT

1- Trong thực tế có nhiều hình thức kinh tế tư bản nhà nước, trong đó có các loại hình cơ bản sau :

a) Tô nhượng, đây là loại hình nhà nước vô sản nhượng cho tư bản nước ngoài quyền khai thác một số xí nghiệp, hầm mỏ, khu rừng... dưới sự kiểm soát của nhà nước.

Với loại hình này, nhà nước vô sản và tư bản nước ngoài cùng ký kết một hợp đồng gọi là *hợp đồng tô nhượng* trong đó quy định rõ : thời hạn khai thác, quy mô xí nghiệp, khối lượng đầu tư, sản lượng, doanh lợi của đôi bên, điều kiện cho hoạt động bình thường và những căn cứ để hủy bỏ hợp đồng trước thời hạn... Đây là hình thức kinh tế vừa có lợi cho nhà nước vô sản, vừa có lợi cho tư bản nước ngoài. Như vậy, mọi hình thức hợp tác, kêu gọi đầu tư nước ngoài, đều thuộc loại hình tô nhượng. Tuy nhiên, để thật sự có lợi khi áp dụng hình thức này, nhà nước cần : 1) Có thông tin đầy đủ về tư cách pháp nhân, tiềm lực tài chính, trình độ công nghệ, khả năng quản lý... của đối tác nước ngoài ; 2) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên trong các ngành thuế, hải quan, thẩm định dự án... thật sự trong sạch về phẩm chất, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Chỉ có như thế thì việc ký kết, thực hiện hợp đồng mới không gây nên những tổn thất cho nền kinh tế và không gây trở ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài.

Ở nước ta, từ khi Luật đầu tư nước ngoài được ban hành, hình thức tô nhượng phát triển khá đa dạng, phong phú và góp phần tạo nên sinh khí mới của nền kinh tế. Đặc biệt, nó giúp cho việc gia tăng đều đặn vốn đầu tư, tạo thêm nhiều chỗ làm và đổi mới công nghệ sản xuất.

b) Nhà nước vô sản cho tư bản trong nước thuê để kinh doanh một xí nghiệp, một

cửa hàng, một khu rừng, mảnh đất nào đó. Hợp đồng làm trong trường hợp này cũng giống như hợp đồng tô nhượng.

Ở nước ta, loại hình này chỉ được áp dụng đầy đủ và đúng nghĩa từ khi Đảng và Nhà nước ta thực hiện đường lối đổi mới. Với luật khuyến khích đầu tư trong nước, hình thức này chắc sẽ có bước phát triển mới trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong nông nghiệp.

c) Nhà nước vô sản thuê nhà tư bản với danh nghĩa là nhà buôn. Trong trường hợp này, nhà nước giao cho nhà tư bản bán những sản phẩm của doanh nghiệp nhà nước và thu mua cho nhà nước những sản phẩm mà mình cần. Hoàn thành nhiệm vụ, nhà tư bản được nhà nước trả cho một món tiền hoa hồng nhất định.

Cũng như hình thức trên, hình thức này chỉ được áp dụng đầy đủ và đúng nghĩa ở ta cùng với công cuộc đổi mới. Trong kinh tế thị trường, tiêu thụ hàng hóa trở thành vấn đề sống còn của mọi doanh nghiệp. Hơn ai hết, tư bản thương nghiệp là người có ưu thế trong việc mua bán hàng hóa đạt hiệu quả cao. Sử dụng họ, nhà nước sẽ tiết kiệm được chi phí lưu thông, đẩy nhanh được vòng quay của vốn và đẩy mạnh được quá trình tập trung sản xuất.

d) Các tư nhân hùn vốn với nhau lập ra các hợp tác xã dưới sự hướng dẫn của nhà nước. Đây là hình thức tập trung và xã hội hóa sản xuất diễn ra dưới tác động của các quy luật kinh tế. Bởi vậy, quy mô và hoạt động của hợp tác xã là do hiệu quả kinh tế và năng suất lao động của nó quyết định.

Những điều vừa trình bày cho thấy, trước Đại hội VI của Đảng, hình thức kinh tế tư bản nhà nước ở ta chưa có bao nhiêu, nếu có thì cũng rất hạn hẹp, không đúng

thực chất, vì bị "kiềm tỏa" bởi nền kinh tế hiện vật gắn liền với cơ chế quản lý tập trung bao cấp. Chỉ từ Đại hội VI đến nay, với việc nước ta chuyển sang cơ chế thị trường, các hình thức kinh tế tư bản nhà nước mới thực sự được chú ý và có bước phát triển.

Chúng ta thường nói : phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, là một mô hình *chưa có tiền lệ* trong lịch sử. Nói như vậy là đúng vì trên thực tế cũng như trong lý luận chưa có một mô hình cụ thể nào như vậy. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu thật kỹ lý luận của *Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước*, hạt nhân của *chính sách kinh tế mới* (NEP), chúng ta có thể tìm thấy ở đây những ý tưởng "chấm phá" ban đầu về một mô hình như vậy.

2 - Để có thể "bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội" ở nước ta, theo tôi, cần chú ý một số vấn đề như sau :

Thứ nhất, cần quán triệt tầm quan trọng của kinh tế tư bản nhà nước ở nước ta. Đối với nền kinh tế đang phát triển như ở nước ta thì kinh tế tư bản nhà nước là một hình thức kinh tế quá độ, góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ công nghệ, trình độ tổ chức, quản lý năng suất lao động và hiệu quả kinh tế. Phát triển các hình thức kinh tế tư bản nhà nước sẽ tạo nên những "cực tăng trưởng" đáng kể của nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, tư bản tư nhân cũng như các loại hình kinh tế tư bản nhà nước đều hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận. Do đó, muốn phát triển loại hình này thì phải bảo đảm cho họ có lợi nhuận thỏa đáng. Ngoài trừ lĩnh vực mà luật pháp nghiêm cấm, cần tạo điều kiện cho tư nhân đầu tư vào lĩnh vực nào mà họ tự thấy có thể đạt hiệu quả cao.

Thứ ba, luật pháp cũng như các chính sách của nhà nước, một mặt, phải bảo đảm

trên thực tế sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế ; mặt khác, phải kích thích ý chí làm giàu chính đáng của mọi tầng lớp dân cư và khuyến khích các thành phần kinh tế cạnh tranh lành mạnh trong khuôn khổ luật pháp ; chống độc quyền.

Thứ tư, với xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa ngày nay, để có thể hội nhập với nền kinh tế thế giới và phát triển các loại hình kinh tế tư bản nhà nước, cần cấu trúc lại nền kinh tế nước ta cho phù hợp với cơ cấu kinh tế thế giới. Liên quan đến vấn đề này có việc cô phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước. Để đẩy nhanh tiến độ cô phần hóa, cần phân định rõ các doanh nghiệp nhà nước thành hai loại : một loại hoạt động vì mục tiêu kinh tế - xã hội ; và một loại hoạt động vì mục tiêu kinh tế thuần túy. Đối với loại *thứ hai*, doanh nghiệp nào làm ăn thua lỗ thì phải kiên quyết giải thể.

Thứ năm, nhanh chóng kiện toàn, xây dựng một hệ thống hành chính quốc gia trong sạch, có hiệu quả và năng động, đủ khả năng kiểm tra, kiểm soát và hướng dẫn các loại hình kinh tế tư bản nhà nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ sáu, cần nhận rõ hình thức kinh tế tư bản nhà nước chỉ là *đường đi*, là *phương tiện*, là *biện pháp*, *cách thức* để thúc đẩy nhanh sự hình thành nền sản xuất lớn ở nước ta, chứ không phải là mục tiêu. Mục tiêu cao cả mà chúng ta hướng tới là : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh. Vì lẽ đó, lựa chọn hình thức kinh tế tư bản nhà nước nào, quy mô, dung lượng ra sao, cần chú ý hai mặt : một mặt lấy mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" làm tiêu chí để tính toán ; mặt khác, phải chấp nhận trả "học phí" để có thể nhanh chóng đạt mục tiêu.

Tóm lại, kinh tế tư bản nhà nước với tính cách là một thành phần kinh tế, cần được tạo điều kiện để phát triển dưới sự kiểm tra, giám sát và hướng dẫn của nhà nước chúng ta do Đảng cộng sản lãnh đạo □

TÍNH KHOA HỌC CỦA QUAN ĐIỂM MÁC XÍT VỀ VẤN ĐỀ GIAI CẤP VÀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP

TRẦN PHÚC THĂNG *

CÁC Mác đã khẳng định rằng, ông không phải là người phát hiện ra sự tồn tại của các giai cấp trong xã hội hiện đại cũng như cuộc đấu tranh của các giai cấp ấy. Lê-nin cũng nhấn mạnh : Thuyết đấu tranh giai cấp không phải do Mác mà do giai cấp tư sản trước Mác tạo ra...

Tuy nhiên, có thể nói rằng học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp là học thuyết mác xít bởi vì chính Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin đã hoàn chỉnh học thuyết này và làm cho nó trở thành một học thuyết thực sự khoa học.

Tính khoa học của học thuyết mác xít về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp là ở chỗ : nó đã đi tìm cơ sở của sự phân chia giai cấp trong xã hội loài người không phải từ yếu tố tinh thần mà từ điều kiện vật chất, từ cơ sở kinh tế, từ tính tất yếu khách quan của sự phát triển xã hội. Ăng-ghe-n đã từng cho rằng : Sự phân chia xã hội thành giai cấp bóc lột và bị bóc lột, giai cấp thống trị và giai cấp bị trị, là kết quả tất yếu của sự phát triển ít ỏi trước đây của sản xuất...

Nếu không có sự phát triển "ít ỏi" của lực lượng sản xuất so với thời cộng sản nguyên thủy thì người ta vẫn không có "cái đẻ chiếm hữu", đẻ tước đoạt. Tư tưởng đó khác xa với cách giải thích những sự phân chia giàu nghèo từ lòng tham lam ích kỷ hay từ "tính vốn ác" của con người.

Tính khoa học của học thuyết mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp còn ở chỗ nó đã đánh giá một cách khách quan vai trò của các giai cấp khác nhau trong xã hội và

hệ quả của việc phân chia xã hội thành giai cấp. Mặc dù lên án xã hội có giai cấp, chỉ ra những bất công, những sự mục ruỗng của giai cấp thống trị ở các giai đoạn lịch sử khác nhau, nhưng Mác, Ăng-ghe-n, Lê-nin không bao giờ xem giai cấp là cái "bướu thừa" của lịch sử hay cái "quái thai" của xã hội loài người. Ngược lại, các ông cho rằng, chính việc phân chia xã hội thành giai cấp là một bước tiến có ý nghĩa lịch sử đối với toàn thể xã hội. Nhờ có bước chuyển này mà lực lượng sản xuất đã có sự thay đổi căn bản, sự phân công lao động xã hội được thúc đẩy, sự phân biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay xảy ra và kinh tế hàng hóa thời cổ đại đã hình thành. Không có chế độ chiếm hữu nô lệ thì không hề có triết học và các khoa học khác ở Ấn độ, Trung quốc, Hy lạp và La mã cổ đại, do đó cũng không có khoa học sau này. Ngay cả những khuyết tật mà xã hội có giai cấp đã tạo ra cho giai cấp bóc lột cũng được những người mác xít đánh giá một cách đúng đắn; đó không chỉ là những hiện tượng thuần túy tiêu cực mà có những cái, xét về một phương diện nào đó, đã giữ vai trò thực sự tích cực trong lịch sử. Ăng-ghe-n đã viết : "...từ khi sự đối lập giữa các giai cấp xã hội xuất hiện thì chính những dục vọng xấu xa của con người - lòng tham lam và sự thèm muốn quyền thế - đã trở thành cái đòn bẩy cho sự phát triển lịch sử..."⁽¹⁾.

* PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C.Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t. 6, tr 392

Mác và Ăng-ghe-n đã hướng mũi nhọn phê phán của mình vào chế độ tư bản chủ nghĩa và giai cấp tư sản ; nhưng các ông cũng đánh giá tất cả các mặt tích cực của nó. Ngay trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Mác và Ăng-ghe-n đã cho rằng, bản thân giai cấp tư sản hiện đại cũng là sản phẩm của một quá trình phát triển lâu dài, của một loạt những cuộc cách mạng trong phương thức sản xuất và phương thức trao đổi. Và giai cấp tư sản đã đóng một vai trò hết sức cách mạng trong lịch sử ; nó không những đã đập đổ những quan hệ phong kiến gia trưởng và chất phác, mà "chính giai cấp tư sản là giai cấp đầu tiên đã cho chúng ta thấy hoạt động của loài người có khả năng làm được những gì" (2).

Giai cấp tư sản đã tạo ra sự biến đổi sôi động và liên tục trong toàn bộ đời sống xã hội, bởi vì giai cấp tư sản không thể tồn tại nếu không luôn luôn cách mạng hóa công cụ sản xuất, do đó cách mạng hóa những quan hệ sản xuất, nghĩa là cách mạng hóa toàn bộ những quan hệ xã hội. Nhờ thế, giai cấp tư sản đã có thể lôi cuốn cả những dân tộc đã man rợ nhất vào trào lưu văn minh. Nó đã tạo nên những dân tộc thống nhất, những thị trường thống nhất và thúc đẩy sự tiến bộ xã hội không chỉ về mặt vật chất mà cả các lĩnh vực của đời sống tinh thần. Lê-nin cho rằng mặc dù về thực chất, dân chủ tư sản chỉ là chế độ dân chủ làm thuê, nhưng chủ nghĩa tư bản là một bước tiến lịch sử thế giới trên con đường "tự do", "bình đẳng", "dân chủ", "văn minh". Vì vậy, đối với nước Đức ở thế kỷ XIX, Mác đã khẳng định : Chúng ta đau khổ không phải chỉ vì sự phát triển của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa mà còn đau khổ vì nó phát triển chưa đầy đủ.

Tính khoa học của học thuyết mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp còn ở chỗ nó chỉ ra rằng mâu thuẫn giai cấp thực chất chỉ là sự phản ánh, sự biểu hiện dưới hình thức xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Chỉ khi nào giai cấp bóc lột đại diện cho một quan hệ sản xuất đã lỗi thời và bản thân nó không

còn đủ sự minh mẫn để biến đổi các hình thức của quan hệ sản xuất nữa thì đấu tranh giai cấp mới thực sự đi tới đỉnh cao, mới chuyển thành cách mạng xã hội để loại bỏ quan hệ sản xuất đã lỗi thời và đồng thời xóa bỏ cả giai cấp thống trị đã lỗi thời. Cho nên, theo các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác, không phải chỉ tuyên bố một giai cấp nào đó là xấu mà có thể xóa bỏ nó đi được. Muốn xóa bỏ một giai cấp phải có những tiền đề kinh tế xã hội nhất định và "chừng nào chưa thể sản xuất với một quy mô có thể không những đủ cung cấp cho mọi người mà còn có thừa sản phẩm để tặng thêm tư bản xã hội và tiếp tục phát triển lực lượng sản xuất hơn nữa, thì chừng đó, luôn luôn còn phải có một giai cấp thống trị chi phối lực lượng sản xuất của xã hội, và một giai cấp khác nghèo đói, bị áp bức"(3).

Tuy nhiên, ngay từ giữa thế kỷ XIX, giai cấp tư sản đã bộc lộ những hạn chế của nó. Nhưng cũng chính giai cấp tư sản và cả xã hội tư bản chủ nghĩa đã chuẩn bị những điều kiện, những tiền đề để cho chủ nghĩa xã hội có thể ra đời. Chủ nghĩa tư bản phát triển càng cao bao nhiêu thì những tiền đề cả vật chất và tinh thần của chủ nghĩa xã hội càng nhiều bấy nhiêu. Cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra không phải do sự thúc đẩy của lòng hận thù giai cấp mà là kết quả của sự tác động lịch sử do những tất yếu kinh tế - xã hội quy định. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa cộng sản là có ý nghĩa kinh tế, như Mác và Ăng-ghe-n đã từng khẳng định. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu của tiến bộ, của văn minh. Nó nhằm khắc phục những khuyết tật của chủ nghĩa tư bản, giải quyết những mâu thuẫn xã hội mà giai cấp tư sản không thể giải quyết được. Vì vậy, đối với bộ phận bảo thủ, cực đoan của giai cấp tư sản, những người không chịu nhìn nhận lịch sử một cách sáng suốt, mới coi chủ nghĩa xã hội là thù địch.

(2) C.Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Sđd*, t I, tr 544

(3) C.Mác - Ph. Ăng-ghe-n : *Sđd*, t I, tr 453

Còn đối với bộ phận khác, bộ phận những nhà tư sản tiến bộ, những người nắm bắt được quy luật vận động của lịch sử thì chủ nghĩa xã hội là một hiện tượng tự nhiên. Vì vậy, từ thế kỷ thứ XIX đến sau Cách mạng Tháng Mười Nga và cho đến hiện nay, giai cấp tư sản luôn chia làm *hai* bộ phận. Một bộ phận là tư sản văn minh; họ có khả năng tổ chức quản lý sản xuất, quản lý xã hội và không thù địch với chủ nghĩa xã hội. Đối lập với lực lượng trên là bộ phận tư sản không văn minh. Những người này, ngay từ thời Mác, đã tìm mọi cách phá hoại phong trào công nhân. Thời Lê-nin, họ kiên quyết chống lại chính quyền xô viết và ngày nay họ chống lại chủ nghĩa xã hội với tất cả lòng thù hận và hằn học. Theo Lê-nin, những người cộng sản phải có thái độ kiên quyết đối với bộ phận tư sản không văn minh, còn đối với bộ phận tư sản văn minh thì có thể thỏa hiệp, thậm chí phải biết thỏa hiệp. Mác còn cho rằng, đối với bộ phận tư sản văn minh, trong những hoàn cảnh lịch sử thuận lợi, công nhân có thể chuộc lại những xí nghiệp, những tư liệu sản xuất nhất định.

Điểm qua một số nét cơ bản trên đây, chúng ta càng thấy tính khoa học, tính tiên bộ và tính nhân văn của học thuyết Mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Tuy nhiên, việc vận dụng một lý thuyết khoa học vào đời sống xã hội, hoàn toàn không giản đơn. Suốt từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đến nay, trong nhận thức cũng như trong sự vận dụng học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, đã có những sai lầm tả khuynh hoặc hữu khuynh.

Tư tưởng tả khuynh thường tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, thổi phồng vai trò của đấu tranh giai cấp trong xã hội, quy mọi quan hệ xã hội vào quan hệ giữa các giai cấp đối kháng và muốn sử dụng những biện pháp "cứng rắn", "kiên quyết", đặc biệt là vũ lực, để giải quyết những mâu thuẫn đối kháng hoặc những mâu thuẫn được xem là đối kháng. Lê-nin gọi loại hình tư tưởng này

là chủ nghĩa giáo điều tả khuynh mà thực chất là cách mạng tiểu tư sản, biểu lộ sự "uất giận" của những "kẻ tiểu tư hữu" chống lại "bọn đại tư hữu". Lê-nin đã kiên quyết đấu tranh với chủ nghĩa giáo điều tả khuynh và đã giành được thắng lợi, đưa nước Nga xô viết vượt qua những khó khăn phức tạp của thời kỳ sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917. Nhưng rồi, sau Lê-nin, tư tưởng tả khuynh lại có lúc xuất hiện ở Liên xô và một số nước xã hội chủ nghĩa khác dưới những hình thức khác nhau. Chủ nghĩa giáo điều tả khuynh đã mang lại những tổn thất cho cách mạng và cho đến nay kẻ thù vẫn bám lấy những sai lầm này để phản bác chủ nghĩa Mác, đặc biệt là học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Trái với tư tưởng tả khuynh là tư tưởng hữu khuynh. Thực chất của tư tưởng hữu khuynh là chủ nghĩa cơ hội, xét lại, muốn đem điều hòa lợi ích giai cấp để thay cho đấu tranh giai cấp; vì cái trước mắt mà bỏ cái lâu dài, hy sinh cái toàn bộ để có được cái bộ phận; hy sinh mục tiêu chính trị vì những lợi ích kinh tế trước mắt. Tư tưởng hữu khuynh là tư tưởng thỏa hiệp vô nguyên tắc với kẻ thù. Những kẻ bám giữ tư tưởng này cuối cùng thường đi tới phản bội cách mạng, đứng vào hàng ngũ các thế lực đối lập. Tư tưởng hữu khuynh biểu hiện sự thiếu kiên định, ngả nghiêng về lập trường giai cấp, nó làm giảm vũ khí sắc bén của cuộc đấu tranh cách mạng và có khi còn đưa phong trào đến thảm họa.

Chính trong thời kỳ cải tổ ở Liên xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã có những biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh. Có những người đã lên án học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, cho học thuyết đó là lỗi thời, cho giai cấp là vấn đề thứ yếu. Điều đó đã dẫn họ đến sa lầy và thất bại. Chúng ta cũng không ngạc nhiên khi Liên xô tan rã và Đông-Âu sụp đổ, lại thấy sự ăn mừng thắng lợi của những kẻ thù địch với chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại, chủ nghĩa tả khuynh và hữu khuynh đều là sự xa rời học thuyết giai cấp và đấu tranh giai cấp, đều dẫn đến những sai lầm phải trả giá đắt. Điều đó một lần nữa khẳng định tính khoa học, tính chân thực của học thuyết mác xít về giai cấp và đấu tranh giai cấp.

Ngày nay, thế giới đang có những biến đổi lớn lao. Loài người đang có những bước phát triển kỳ diệu trên con đường văn minh và tiến bộ. Sự giao lưu quốc tế rộng mở chưa từng thấy. Việt nam đang trong quá trình đổi mới, đã có những thành tựu ban đầu và đang từng bước hòa nhập vào cộng đồng quốc tế. Xu hướng hợp tác trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, lấy đối thoại thay cho đối đầu đang trở thành chính sách đối ngoại quan trọng của nhiều quốc gia. Mặc dù vậy, đấu tranh giai cấp vẫn chưa chấm dứt. Chiến tranh lạnh đã qua đi nhưng những thế lực bảo thủ nhất, phản động nhất vẫn tiếp tục theo đuổi mục tiêu xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trước năm 2000. Đối với họ, sự mở rộng quan hệ quốc tế và chính sách mở cửa của Việt nam là một thời cơ mới để có thể thực hiện mưu đồ phá hoại sự ổn định chính trị và xã hội của Việt nam, lái Việt nam đi theo con đường của họ. Họ móc nối với các thế lực phản động trong nước, nuôi dưỡng lực lượng này, dùng tiền của để nhử những con mồi khờ dại dễ tin. Họ sử dụng "tự do", "nhân quyền" làm vũ khí để thực hiện những ý đồ chính trị sâu xa. Họ sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh ý thức hệ dưới một hình thức mới, những hình thức nằm trong chiến lược "diễn biến hòa bình".

Cuộc đấu tranh hiện nay đang diễn ra một cách gay gắt và phức tạp đòi hỏi chúng ta trong khi phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, phải đề cao cảnh giác, phân biệt các lực lượng hòa bình và tiến bộ với các lực lượng thù địch, sẵn sàng đập tan bất cứ âm mưu nào, bất cứ lực lượng nào cản trở sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân ta ☐

ÁP ĐẶT GIÁ TRỊ ngón chơi cũ rích của một số thế lực phương tây

DƯƠNG TÙNG

ÔNG Lý Quang Diệu, cựu thủ tướng Xin-ga-po trong bài *Các nước châu Á cần ổn định chính trị* đã viết: "Chính trị dân chủ là một hệ tư tưởng mà phương Tây dùng để đối phó với chủ nghĩa cộng sản. Phương Tây muốn áp đặt dân chủ và nhân quyền của họ như một biện pháp giải quyết mọi vấn đề của mọi quốc gia, bất chấp sự khác biệt về bối cảnh lịch sử, truyền thống, giá trị văn hóa và tình trạng kinh tế giữa các nước"⁽¹⁾.

Gần đây, ông M. Mô-ha-mát, thủ tướng Ma-lai-xi-a, trong bài *Phương Đông vượt lên phương Tây* cũng nhận định rằng người phương Tây không thể thoát ra khỏi cảm giác về sự siêu việt của họ. "Họ vẫn coi những giá trị và những chế độ chính trị cũng như kinh tế của họ là tốt đẹp hơn bất cứ nước nào khác. Sẽ không tồi tệ lắm nếu chỉ dừng lại ở đó. Thế nhưng, dường như họ sẽ không hài lòng cho đến khi nào họ buộc được những nước khác phải chấp nhận những con đường đi của họ. Tất cả các nước phải dân chủ, nhưng chỉ theo khái niệm dân chủ của phương Tây, không nước nào được vi phạm nhân quyền, cũng lại theo cách giải thích chính đáng của họ về nhân quyền"⁽²⁾.

Tại sao lại có hiện tượng kỳ lạ như vậy khi nền văn minh nhân loại sắp bước sang thiên niên kỷ thứ ba ?

(1) Tuyển 40 năm chính luận của Lý Quang Diệu, Nxb chính trị quốc gia 1994, tr 243

(2) Báo Nhân dân, ngày 2-11-1995

Cần có sự lần mò về cội nguồn lịch sử. Cội nguồn đó chính là tư tưởng bá quyền, muốn thống trị thế giới của chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là Mỹ - một nước giành được nhiều lợi thế nhất trong các cuộc biến động thời cuộc.

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô bị sụp đổ, chủ nghĩa đế quốc nhanh chóng chuyển hướng chiến lược, lợi dụng quá trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa để "tư bản hóa" toàn thế giới. Đó là sự áp đặt giá trị, "đồng hóa" thế giới theo màu sắc và kiểu cách của họ. Đó cũng là việc phá vỡ các giá trị truyền thống của các dân tộc và các quốc gia có chủ quyền, là trò chơi trịch thượng xưa nay của kẻ mạnh hay dùng sự giàu có và nắm đầm để dọa nạt người khác.

Tuy nhiên, lịch sử đâu có đi theo cái trật tự mà Mỹ mong muốn xếp đặt.

Lời hứa của ông Ha-ri Tơ-ru-man với "thế giới tự do" năm 1947 rằng sẽ bao vây và phá vỡ toàn bộ khối xã hội chủ nghĩa và đập tan phong trào giải phóng dân tộc đã không thực hiện được. Nhưng hình ảnh "một thế giới tự do" theo kiểu phương tây vẫn ám ảnh mãi các chính khách ở đây, và họ lấy đó làm thước ngắm để vẫy vùng trên chính trường suốt mấy thập kỷ.

Thực hiện chủ nghĩa thực dân cũ không thành (diễn hình là Pháp ở Việt nam), các nước đế quốc chuyển sang thực hiện chủ nghĩa thực dân mới, giả vờ trao trả độc lập cho hàng loạt quốc gia, xây dựng một số liên minh, liên hiệp (liên hiệp Pháp, liên hiệp Anh...) ; ký kết với và nhiều hiệp định viện trợ, hồng che đậy hành vi ăn cướp tình vị của mình. Đây thực sự là thủ đoạn "trao tay này, lấy lại tay kia" của chủ nghĩa tư bản.

Với Mỹ, chủ nghĩa thực dân mới với chính sách "củ cà rốt và cây gậy", thực tế đã giúp nó hất cẳng dần các đồng minh khỏi các thuộc địa cũ và thay thế họ thống trị các nước đó.

"Củ cà rốt" là thủ đoạn ve vãn, tạo dựng một số cơ sở sản xuất và dịch vụ hiện đại cho bọn tay sai, qua đó tăng cường khả năng vơ vét, bóc lột, tạo nên mẫu hình "theo Mỹ thì sẽ giàu lên và sung sướng" (!?). Còn "cây gậy"

là hành động rắn đe, sẵn sàng thanh toán, lật đổ nếu ai đó có ý chống lại.

Với ngón chơi quen thuộc, vừa êm ái, vừa trắng trợn này, các nước đế quốc đã và sẽ còn can thiệp tức thời, thô bạo vào mọi công việc nội bộ nước khác.

Liên với "cây gậy, củ cà rốt", "đồng đô la và trái bom", các chuyên gia tư tưởng của chủ nghĩa tư bản đã và đang tung ra một mớ lý thuyết rất ăn ý để vỗ về, lừa bịp dư luận. Nổi lên nhất vẫn là chủ nghĩa thực dụng kiểu Mỹ xâm nhập nhiều nước, kể cả những nước có nền văn hiến lâu đời.

Thời chiến tranh lạnh, các loa tuyên truyền của chủ nghĩa tư bản ngày đêm đổ tội cho con "ngáo ộp" cộng sản : nào là "bạo loạn, xáo trộn, độc tài", nào là "cực quyền, xâm lược"... Và vì vậy, đương nhiên, phương Tây phải "có trách nhiệm" đứng ra đề bảo vệ nền dân chủ, bảo vệ quyền tự do của con người trên toàn bộ hành tinh (! ?).

Tất cả lối sống quái gở nhất của chủ nghĩa tư bản cạnh tranh được vẽ thành "lý tưởng tự do", thành giá trị cao đẹp hướng tuổi trẻ toàn thế giới noi theo. Chủ nghĩa tư bản đã dùng một hệ thống truyền thông đồ sộ tuyên truyền có chủ đích vào các nước xã hội chủ nghĩa, nhằm làm tan rã hệ tư tưởng và tiến tới đánh sập toàn bộ khối nước Đông Âu và Liên xô (cũ). Theo lời Ních-xơn "ta phải làm cho thế giới thấy rõ lập trường của Mỹ về các vấn đề quốc tế, và tin tưởng vào giá trị đạo đức của ta"(3).

Bên cạnh đòn tiến công về tư tưởng, các nước tư bản phát triển, đặc biệt là Mỹ, đã đổ tiền của vào nhiều nước (gần 150 tỉ đô la) kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai với tinh thần như Ních-xơn đã tổng kết : Viện trợ kinh tế kỹ thuật đã đem lại kết quả (hiệu theo nghĩa *giành thắng lợi* - D.T.) gấp 10 lần viện trợ quân sự (4).

Ở Mỹ, lâu nay người ta đã xác định chức năng thứ hai của hệ thống giáo dục là "góp

(3) Trích cuốn sách "1999 chiến thắng không cần chiến tranh" của Ních-xơn, *Thông tin chuyên đề* (tài liệu nghiên cứu tham khảo), Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt nam, số 6 - 7, 1989, tr 67

(4) Xem *Tài liệu đã dẫn*, tr 68

phần vào sự thắng lợi của chính sách đối ngoại" thông qua những hình ảnh tinh thần toàn cầu, "rằng Mỹ là trục của chiếc bánh xe thế giới, rằng tất cả những lợi ích và nguyện vọng của các nhóm khác, và nước khác phải xoay quanh cái trục đó" (5). Người Mỹ đã tính cứ mỗi tỉ đô la xuất khẩu sẽ có thêm 25 000 chỗ làm. Một nửa thu nhập của 23 ngân hàng lớn nhất của Mỹ là từ bên ngoài. Xuất khẩu của Mỹ hiện nay chiếm tới 9% sản lượng quốc gia (6). Người ta hô hào rùm beng cái gọi là "trách nhiệm công dân vượt qua biên giới quốc gia" của người Mỹ.

Mỹ lợi dụng triệt để diễn đàn Liên hợp quốc, nghị quyết Liên hợp quốc và thường đưa ra cái nhãn "giá trị toàn nhân loại" để áp đặt, ép buộc nhiều dân tộc nghe theo, làm theo. Vừa lừa mị, vừa răn đe, vừa tuyên bố thẳng thừng như kiểu các đời tổng thống của Mỹ từng bắt chấp dư luận, chà đạp lên lòng tự tôn của các dân tộc khác.

Chỉ có điều, nên quan niệm giá trị nhân loại thế nào ? cần xử lý với giá trị đó ra sao?

Phải thừa nhận, cho đến nay đang tồn tại một số giá trị chung của loài người. Khi nền sản xuất ngày càng có xu hướng quốc tế hóa, khi chủ nghĩa đế quốc chuyển dần sang các hình thức tập đoàn xuyên quốc gia thì xuất hiện một số vấn đề mang tính toàn cầu, như vấn đề mậu dịch, thuế quan, vấn đề sinh thái môi trường, vấn đề bảo vệ sức khỏe, chống các dịch bệnh chung...

Nhưng xét cho cùng, sự tồn tại của giá trị toàn nhân loại không có nghĩa là thủ tiêu tính chế ước, tính đặc thù của từng quốc gia, dân tộc, từng giai cấp, chế độ chính trị khác nhau.

Trong thế giới bao la của giá trị, để phân biệt đâu là giá trị của *toàn nhân loại*, đâu là giá trị của *giai cấp tư sản*, và đâu là giá trị của *chủ nghĩa xã hội*, cũng cần có những tiêu chí nhất định. Tiêu chí cao nhất là xét xem *mục đích* của hành vi, có từ con người và vì con người không, có vì sự nghiệp phát triển xã hội hay không.

Người ta thấy những giá trị *tiền bộ* của nhân loại có thể hấp thu, dung nạp vào kho tàng giá trị của chủ nghĩa xã hội. Bởi chủ

thể các giá trị xã hội chủ nghĩa chính là giai cấp vô sản, một lực lượng tiên tiến của thời đại, một lực lượng có khả năng đại diện cho quyền lợi của dân tộc, của người lao động nói chung. Giai cấp vô sản có quyền và có khả năng tiếp thu tất cả những giá trị nhân đạo, hợp tiền hóa, thuộc cả nền văn minh phương Đông và phương Tây. Chẳng phải chủ nghĩa Mác cũng đã là một học thuyết biết kế thừa tất cả những tinh hoa lý luận của loài người đó sao ?

Tuy vậy, không thể đánh đồng giá trị xã hội chủ nghĩa cũng như giá trị tư bản chủ nghĩa với giá trị toàn nhân loại. Nói rằng trong cái đặc thù (giá trị xã hội chủ nghĩa và giá trị tư bản chủ nghĩa) có bao hàm những nhân tố, những thành phần có khả năng đưa vào kho báu các giá trị chung của nhân loại, điều đó không có nghĩa bản thân cái đặc thù đó là tất cả, được coi là cái chung, cái phổ biến. Vì vậy, có thể khẳng định dứt khoát : giá trị của giai cấp tư sản *tuyệt nhiên* không phải đã là giá trị chung toàn nhân loại.

Đi vào thực chất hơn, ngay những vấn đề "tự do", "bình đẳng", "bác ái" đã từng được ghi trên lá cờ giải phóng của chủ nghĩa tư bản, nay cũng đã bạc màu và đổi thay rất nhiều ý nghĩa. Thậm chí, theo nhận định của Nô-am Chôm-xki, một học giả nổi tiếng người Mỹ : "Những thuật ngữ của thuyết trình chính trị có hai nghĩa điển hình. Một là nghĩa đen theo từ điển và nghĩa khác được giải thích theo hướng có lợi cho việc phụng sự quyền lực (của bọn thống trị - D.T.).

Hãy lấy từ "dân chủ" làm ví dụ. Theo nghĩa chung, một xã hội dân chủ là dân chúng có thể tham gia quản lý các công việc của mình một cách có ý nghĩa. Nhưng ý nghĩa học thuyết của từ "dân chủ" thì lại khác hẳn - nó ám chỉ một hệ thống mà trong đó mọi quyết định đều do các khu vực của cộng đồng doanh nghiệp và các nhóm tinh tú có liên

(5) (6) Earl H. Fry, Stan A. Taylor, Robert S. Wood : *America - The Vincible*, U.S. Foreign Policy for The Twenty-first Century (Mỹ - nước có thể bị đánh bại. Chính sách đối ngoại của Mỹ cho thế kỷ 21), Nxb Prentice Hall, Englewood Cliffs, New Jersey 07632, 1994, tr 122, 123

quan đưa ra. Quân chúng chỉ là "những người quan sát sự việc" chứ không phải là "những người tham dự" như các nhà lý thuyết dân chủ hàng đầu đã giải thích... Họ được phép thông qua quyết định của những người ở trên họ và cho mượn sự ủng hộ của mình nhưng không được can thiệp vào các vấn đề...

Nếu quân chúng rời bỏ sự lãnh đạo của mình và bắt đầu tổ chức và đi vào hoạt động thì đó không còn là dân chủ nữa. Đúng hơn đó là sự khủng hoảng dân chủ theo cách sử dụng thuật ngữ thích hợp, một nguy cơ phải vượt qua được bằng cách này hay cách khác: Ở En Xan-va-do bằng các đội quân thần chết ở trong nước bằng các biện pháp gián tiếp và tế nhị hơn" (7).

Nô-am Chôm-xki còn nhấn mạnh: "Thực tế, theo cách dùng được thừa nhận, bất cứ cụm từ nào chứa từ "tự do" đều có nghĩa là cái gì đó trái với nghĩa thực của nó" (8). "Phòng thủ chiến lược, tìm kiếm hòa bình", những cụm từ mỹ miều đó đều theo hướng ngược lại như vậy.

Nhân loại võ lữ ra rằng: Tất cả những giá trị mà Mỹ đã, đang và sẽ áp đặt cho nước này hay nước khác chẳng qua chỉ là giá trị ảo, giá trị lộn ngược, mập mờ con đen... Trong thời đại ngày nay, khi chiến tranh lạnh kết thúc, sự đối đầu hai phe dường như không còn nữa, chủ nghĩa tư bản đứng ở vị thế khác, ắt hẳn những chính khách sẽ còn hung hăng, ngạo mạn tỏ ra bất cần đến mức có thể tuyên bố bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào về "sự nghiệp áp đặt giá trị" của mình.

Lẽ đương nhiên, các dân tộc còn chút lương tri và lòng tự trọng đâu có coi những lời tuyên bố đó là khuôn vàng thước ngọc. Chính vì thế ông Lý Quang Diệu, ông Mô-ha-mát và nhiều người khác không nhìn được đã phải đưa ra lời tuyên bố rõ ràng và dứt khoát cũng là lẽ thường tình. Còn nhiều dân tộc khác trên hành tinh, không những không "xài" được mà họ còn tỏ ra cứng rắn chống lại những "giá trị không hợp thời" đó một cách quyết liệt.

Đối với Việt nam, sự áp đặt giá trị của người Mỹ thế nào, không phải đến bây giờ mọi người mới nhận ra. Chúng ta đã mấy chục năm ròng rã trải một cuộc xâm lăng bằng súng đạn và cả một cuộc xâm lăng bằng văn hóa của Mỹ. Chỉ có điều, giờ đây ta đối mặt với cuộc xâm lăng này trong một bối cảnh hoàn toàn khác: một mảng lớn các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô đã sụp đổ; đất nước ta đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế; nền kinh tế thị trường và mở cửa đặt ra nhiều tình huống mới; Mỹ sau nhiều năm cấm vận thất bại nay trở lại bình thường hóa quan hệ với Việt nam. Đó là tiền đề và điều kiện cho bước phát triển mới trong quan hệ hai nước; là dịp tốt để ta tiếp cận hòa nhập với bạn bè chân chính trên thế giới. Tuy vậy, chúng ta cũng đã thấy một làn sóng, lúc âm ỉ, trầm lắng, lúc bùng lên sôi động, đó là làn sóng giá trị ào vào từ nhiều phía, bằng nhiều con đường, dưới nhiều hình thức khác nhau. Đầu tiên là đủ loại hàng hóa "tân kỳ", bia "hào hạng", nước ngọt "mê ly"...; các sản phẩm điện tử "tuyệt vời", "tuyệt mỹ", "đi trước thời đại" v.v.. Người ta dựng chai Côca Côla sừng sững trước Nhà hát lớn thành phố không được, thì dựng nó ở khắp chốn cùng những mác rượu mạnh của tất cả các nước. Thuốc lá ngoại kẻ biển to bày la liệt mặt tiền các đường phố. Các ông chủ nước ngoài chăm chú đầu tư vào dịch vụ khách sạn, nhà hàng, sông bạc, dạ hội, vũ trường, câu lạc bộ...

Đan xen với hàng hóa là những tài liệu in đẹp được tán phát, tặng biếu rộng rãi hết người này đến người khác, hết cơ quan này đến cơ quan khác, tán dương giá trị mới, phủ nhận giá trị cũ, suông sã bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thay thế vào đó cái gọi là lý thuyết về "văn minh trí tuệ", "xã hội hậu công nghiệp" "xã hội thông tin"..., về làn sóng nọ làn sóng kia, rối tung rối mù như canh hẹ.

(7) Nô-am Chôm-xki: *Chú Sam thực sự muốn gì*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 75-76

(8) *Sđd*, tr 76

Về kinh tế, thấy rõ một mưu đồ tiềm ẩn là từng bước đẩy mãi, đẩy mãi nhu cầu con người lên thật cao trong điều kiện hiện tồn một nền kinh tế xã hội còn ở mức rất thấp. Người ta thích tiêu xài, trọng và ưa dùng đồ xịn, đồ sang. Mới đầu, không khí xã hội có nhộn nhịp lên, sức mua của dân tiến thêm một bước ; mặt đó đáng ghi nhận và đáng mừng đối với một xã hội vốn ngưng trệ qua một thời bao cấp. Nhưng nhìn kỹ sẽ thấy nhiều mặt không ổn. Con người giờ đây luôn dần vật, tự mâu thuẫn với mình, khát tiền và lao đi tìm tiền, tồn vinh đồng tiền lên quá mức. Lô gích của tâm lý sẽ là một sự hối thúc bức bối trước thực trạng xã hội ; con người luôn trong trạng thái không thỏa mãn, cảm thấy bất công, vô lý, muốn phá bung tất cả.

Về văn hóa, sự xâm nhập và áp đặt giá trị đa dạng và tinh vi hơn nhiều. Trước hết là sức mạnh tấn công của hệ thống phương tiện nghe nhìn. Mặt tốt, mặt thuận lợi của các loại phương tiện này ai cũng thấy rõ. Mặt xấu, mặt tiêu cực của nó thật không thể coi thường. Nó tác động trực tiếp, rì rả, len lỏi đến mọi đối tượng, trong mọi không gian và thời gian. Nó tràn lan và ào ạt không gì có thể kiểm soát nổi.

Đài phát thanh là phương tiện nhanh nhạy và phổ biến nhất. Có 23 đài trên thế giới phát tiếng Việt (người ta tính rằng 4/5 dân số thế giới có thể nghe được đài tiếng nói Hoa kỳ).

Các đài phản động phát ca nhạc xen kẽ với tin tức xuyên tạc, với kinh cầu nguyện đủ loại đánh vào tâm lý người nghe đến nỗi lòng. Bài hát "Chút quà cho quê hương" của Việt Dũng và Xuân Sơn, nghe xong có gia đình đã khóc nức nở.

Cơn sốt băng hình nhập lậu và thu trộm từ các kênh truyền hình bên ngoài, cùng với sách dịch vơi vãi, sách tuyên truyền về tôn giáo cho mọi đối tượng đã làm xoay chuyển thị hiếu thưởng thức thẩm mỹ của một bộ phận lớn quần chúng, lung lạc tư tưởng tình cảm con người đến bất ngờ. Phim bạo lực và truyện chương hồ vào tận góc học tập của

con em mỗi gia đình, tác động đến mức có học sinh gây án mạng đau lòng.

Để chống lại thủ đoạn áp đặt giá trị từ bên ngoài, nhiều quốc gia đã tìm sức mạnh trong nội lực dân tộc ; bằng đủ hình thức và biện pháp giữ gìn và phát huy truyền thống tinh hoa của dân tộc. *Chống* đi liền với *xây*, và nhiều khi *xây* và *phòng* phải đi trước một bước. Ở đây, có mấy vấn đề đáng lưu ý:

Thứ nhất, dùng chính sách xã hội để tác động gián tiếp và trực tiếp đến cộng đồng, nhằm hình thành những chuẩn mực và định hướng giá trị mới. Chính sách xã hội phải trở thành công cụ có sức lay chuyển đến nhu cầu và lợi ích thiết thân của con người, không để sự tách biệt và phân cực quá đáng trong xã hội.

Thứ hai, tạo ra sức mạnh chống đỡ từ phong trào quần chúng ở cơ sở ; sử dụng nhiều lực lượng xã hội, bủa vây, ngăn chặn, tổ chức những hoạt động, lôi kéo con người vào môi trường lành mạnh, trong sạch.

Thứ ba, tăng cường vai trò lãnh đạo và quản lý nhà nước trong mọi hoạt động xã hội; giữ vững chủ quyền trong giao lưu, hợp tác kinh tế văn hóa với nước ngoài bằng hệ thống pháp luật chặt chẽ. Có hình thức xử phạt kịp thời và nghiêm minh với mọi đối tượng vi phạm.

Thứ tư, nghiên cứu biên soạn, tổ chức học tập theo chương trình (ở tất cả các loại nhà trường) hệ thống giá trị cốt lõi của dân tộc ; phân tích những phản giá trị, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc để tuổi trẻ cảnh giác tránh đỡ và dự phòng.

Thứ năm, chủ động và đầu tư thỏa đáng để đưa ra xã hội nhiều sản phẩm văn hóa có giá trị (theo một cơ chế ưu đãi), để phổ biến dễ dàng và rộng rãi đến tận người đọc, người xem. Thông qua đó xác định niềm tin của con người vào cái chân, thiện, mỹ; trân trọng những giá trị văn hóa của dân tộc, biết chọn lọc tinh hoa văn hóa của loài người. Chỉ có như vậy chúng ta mới có khả năng chống lại có hiệu quả cơn lốc áp đặt giá trị từ bên ngoài ▢

NHỮNG KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ Ở TỈNH YÊN BÁI

VŨ NGỌC KỲ *

Là một tỉnh miền núi, Yên Bái có hơn 68 vạn dân bao gồm nhiều dân tộc anh em sinh sống (trong đó người kinh chiếm 54% ; 31 dân tộc khác chiếm 46%). Tổng diện tích đất tự nhiên là 680 807 ha, trong đó đất có khả năng canh tác chỉ chiếm 13,4% ; còn lại 86,56% là đất đồi rừng. Toàn tỉnh có 9 huyện, thị thì 2 huyện (Trạm táu và Mù cang chải) là vùng cao trọng điểm của cả nước, 70 xã với 510 thôn, bản là vùng cao (chiếm 67% diện tích và 30,2% dân số).

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên và xã hội, có thể khái quát thực trạng kinh tế của Yên Bái như sau : tài nguyên rừng và đất rừng nhiều, khoáng sản phong phú, đa dạng, nhưng chưa được khai thác tốt, phần lớn còn nằm dưới dạng tiềm năng. Sản xuất nông - lâm nghiệp tuy đã có tiến bộ, song nhìn chung còn mang nặng tính tự cung tự cấp, thuần nông, chậm phát triển. Những trục giao thông chính tương đối thuận lợi hơn so với một số tỉnh vùng cao lân cận, nhưng nhìn chung cơ sở hạ tầng vẫn yếu kém. Trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân các dân tộc, nhất là ở vùng cao còn rất khó khăn.

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, với việc thực hiện bước chuyển nền kinh tế sang sản xuất hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ý thức sâu sắc được những khó khăn, thách thức và trách nhiệm nặng nề của mình, Đảng bộ tỉnh Yên Bái đã huy động trí tuệ trong và ngoài Đảng, nhận rõ những khó khăn, đánh giá đúng những tiềm năng và lợi thế so sánh của mình, xác định phương hướng, bước đi

thích hợp bảo đảm phát triển kinh tế xã hội một cách vững chắc và đỡ tụt hậu xa hơn so với các tỉnh trong vùng. Đại hội đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ nhất đã quyết định lựa chọn cơ cấu kinh tế nông lâm - công nghiệp chế biến - dịch vụ và xuất khẩu. Cho đến nay cơ cấu đó vẫn phù hợp. Để đưa Yên Bái nhanh chóng vươn lên trở thành một tỉnh có nền kinh tế phát triển, Tỉnh ủy Yên Bái đã xác định phương châm chỉ đạo kiên trì con đường đổi mới như sau :

Một là, động viên toàn đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy cao độ ý thức tự lực tự cường, năng động sáng tạo, đi lên từ tiềm năng, thế mạnh và bằng các nguồn lực hiện có của mình. Tích cực tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương Đảng, Chính phủ, các bộ, các ban ngành, đồng thời mở rộng sự hợp tác với các tỉnh trong nước và nước ngoài nhằm thu hút vốn và các nguồn lực tập trung cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, tăng khả năng hội nhập nền kinh tế của tỉnh vào sự phát triển chung của vùng và cả nước.

Hai là, đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông lâm - công nghiệp chế biến - dịch vụ và xuất khẩu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác làm nền tảng, liên doanh liên kết, hướng dẫn và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

* Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái

Ba là, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái làm thước đo sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực và các thành phần kinh tế. Tập trung đầu tư có trọng điểm phát triển những ngành kinh tế mũi nhọn (lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, trồng rừng, công nghiệp chế biến, công nghiệp vật liệu...), gắn phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng đô thị phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cho phép của tỉnh miền núi. Chú trọng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng.

Bốn là, tập trung đưa nền kinh tế từ tự cung tự cấp lên sản xuất hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa: đẩy mạnh việc tiếp thu, ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, xây dựng một nền sản xuất nông-lâm - sinh thái phát triển gắn với công nghiệp chế biến theo vùng nguyên liệu, gắn sản xuất với thị trường, ưu tiên tiếp thu những công nghệ có khả năng tạo được nhiều việc làm cho người lao động.

Năm là, kết hợp phát triển kinh tế với chăm lo các mặt đời sống văn hóa, xã hội của nhân dân, coi trọng phát triển các nguồn lực thông qua việc thực hiện có hiệu quả các chương trình về giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe của nhân dân; nâng cao trình độ dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài, lấy mục tiêu "dân giàu tỉnh mạnh, xã hội công bằng văn minh" làm động lực phát triển.

Sáu là, kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị xã hội.

Bảy là, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh để thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ đề ra.

Nhìn lại trong 5 năm qua (1991-1995), nền kinh tế tỉnh Yên Bái đã đi vào ổn định và bước đầu có khởi sắc. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm là 7,5%, thu nhập bình quân đầu người năm 1995 là 170 USD, tăng 1,5 lần so với năm 1990. Kết quả đó cũng được thể hiện qua sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ. Nếu lấy kết quả của năm 1995 so với năm 1990 thì tỉ trọng ngành nông-lâm nghiệp giảm từ 68% xuống 55,5%, còn

lĩnh vực công nghiệp và thương mại dịch vụ tăng từ 32% lên 44,5%.

Sản xuất nông - lâm nghiệp được coi là mặt trận hàng đầu nên tỉnh đã tập trung đầu tư vốn và chỉ đạo sát sao, nhờ đó đã đạt được nhịp độ tăng trưởng trung bình hằng năm là 5,65%, cao hơn các thời kỳ trước 1990, nhất là về sản xuất lương thực. Mỗi năm tỉnh đã chủ động đầu tư gần 1 tỉ đồng trợ giá giống lúa, ngô, giá cước vận chuyển phân bón, đồng thời tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao kỹ thuật cho nông dân... Nhờ đó, năng suất lúa bình quân toàn tỉnh đã đạt trên 72 tạ/ha, đưa tổng sản lượng quy thóc năm 1995 lên 17 vạn tấn, cao nhất từ trước tới nay. Do giải quyết được lương thực, đồng bào các dân tộc đủ ăn, nên nạn đốt rừng làm nương rẫy đã giảm đáng kể. Kết quả tuy mới bước đầu nhưng có ý nghĩa rất to lớn, tạo tiền đề cho nền kinh tế của tỉnh phát triển toàn diện.

Yên Bái có thế mạnh trước mắt cũng như lâu dài là kinh tế lâm nghiệp và cây công nghiệp. Mũi nhọn để khai thác thế mạnh này là tập trung phát triển các loại cây, con có giá trị kinh tế cao như: chè, quế, cà phê, chăn nuôi bò thịt, bò sữa... và gắn với nó là phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản xuất khẩu. Về cây chè, những năm qua tỉnh đã tập trung phát triển theo hai hướng, vừa mở rộng diện tích trồng mới, vừa đẩy mạnh thâm canh trên diện tích 7 300 ha hiện có, đồng thời chú trọng hoàn thiện và đổi mới công nghệ chế biến chè. Ngoài các cơ sở của Trung ương, tỉnh đã lắp đặt thêm hàng chục nhà máy chè công nghệ mới với quy mô vừa và nhỏ phù hợp với từng vùng nguyên liệu, đưa tổng công suất của các nhà máy chế biến chè búp tươi lên 118 tấn/ngày. Đi đôi với cây chè, tỉnh chủ trương đẩy mạnh phát triển trồng cây quế nên diện tích tăng gấp đôi so với trước (khoảng 1,1 vạn ha). Cây cà phê tuy mới đưa vào đất Yên Bái nhưng qua khảo sát (về chất đất và kiểm nghiệm về chất lượng cà phê) đã kết luận đây là loại cây hoàn toàn có thể đứng vững trên đất Yên Bái và có thể trở thành nguồn hàng xuất khẩu quan trọng. Mía cũng có khả năng phát triển mạnh ở Yên Bái. Đến nay toàn tỉnh đã có hàng ngàn ha mía đồi. Nếu có chính sách

khuyến khích thỏa đáng và có nhà máy chế biến đường tại chỗ thì vùng mía đồi của tỉnh Yên Bái cũng có triển vọng. Ngoài cây công nghiệp, phong trào phát triển cây ăn quả cũng khá mạnh. Chỉ trong vòng 4 - 5 năm trở lại đây, diện tích cây ăn quả đã lên tới 3 500 ha. Tỉnh đã hình thành vùng cây ăn quả tập trung như cam, bưởi, quýt, nhãn... với số lượng hàng hóa trên 1 000 tấn quả tươi, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh và bán ra ngoài tỉnh. Sản xuất lâm nghiệp 5 năm qua đã có bước phát triển nổi bật cả về số lượng và chất lượng. Tính đến nay toàn tỉnh đã giao 20 vạn ha đất rừng cho hộ nông dân, chuyển mạnh sang bảo vệ khoanh nuôi và trồng rừng 4,7 vạn ha (trong đó có 4 vạn ha rừng trồng mới) ; khoanh nuôi 3,9 vạn ha rừng; bảo vệ rừng tự nhiên 12,3 vạn ha, đưa tổng diện tích rừng toàn tỉnh lên 21 vạn ha, nâng tỷ lệ rừng có tán che từ 17% năm 1991 lên 30,5% năm 1995, giảm mức khai thác gỗ bình quân hằng năm là 18,5%. Năm 1995, mức khai thác rừng chỉ bằng 36% so với năm 1990. Ngành chăn nuôi trong 5 năm qua phát triển khá mạnh cả về số lượng, chủng loại và chất lượng (bình quân tổng đàn gia súc tăng 3,8% và tổng sản lượng thịt tăng 6%/năm). Năm 1995 bình quân mỗi hộ nuôi 1,15 con trâu bò, 2,5 con lợn. Riêng đàn dê tăng 13,75%. Phong trào nuôi cá, lươn, ếch, ba ba... phát triển ở nhiều nơi, mang lại thu nhập đáng kể, góp phần phát triển kinh tế hộ, cải thiện đời sống nhân dân.

Từ những kết quả trên có thể khẳng định rằng, nhờ những bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất đúng hướng mà nông - lâm nghiệp của Yên Bái bước đầu đã phá thế độc canh, thuần nông, giảm dần tính tự cung tự cấp, tăng tỷ trọng sản phẩm hàng hóa. Sản xuất đã bám sát nhu cầu của thị trường, chất lượng sản phẩm ngày càng khá hơn, hàng hóa làm ra đến đâu tiêu thụ hết đến đấy. Phương thức làm ăn bước đầu đã có thay đổi, hộ nông dân đã biết gắn trồng trọt với chăn nuôi, kinh doanh tổng hợp, sản xuất nông - lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến để nâng cao giá trị sản phẩm.

Cùng với nông - lâm nghiệp, ngành công nghiệp và thương mại dịch vụ đã có sự phát triển đáng kể. Bằng cách huy động nhiều

nguồn vốn từ ngân sách, tín dụng ngân hàng, vốn của các doanh nghiệp, hợp tác liên doanh, 5 năm qua Yên Bái đã huy động hàng trăm tỉ đồng cho việc đổi mới thiết bị công nghệ và xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp do tỉnh quản lý như : xây dựng nhà máy chế biến chè, gỗ, sản xuất giấy, lò nung sứ tuy-nen công suất 450 tấn/năm, lò nung gạch tuy-nen của công ty vật liệu Xuân lan công suất 20 triệu viên/năm... Công nghiệp nhỏ, thủ công nghiệp phát triển mạnh ở cả nông thôn, thị xã và thị trấn, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1995 đạt 105 tỉ đồng, tăng gấp đôi so với năm 1994.

Những năm qua Đảng bộ tỉnh đã coi trọng xây dựng cơ sở vật chất cho phát triển kinh tế - xã hội như điện, giao thông, thông tin liên lạc, các cơ sở phúc lợi ở tỉnh, các huyện, thị và nông thôn. Bằng các biện pháp tích cực từ nhiều nguồn, toàn tỉnh đã huy động được 931 tỉ đồng cho xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục. Nhờ những cố gắng trên, tỷ trọng ngành công nghiệp xây dựng đã tăng từ 11,7% năm 1991 lên 22,9% năm 1995 trong cơ cấu giá trị tổng sản lượng.

Kinh tế dịch vụ thương mại, xuất khẩu phát triển và chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế. Đáng chú ý là trong tỉnh đã hình thành 72 chợ nông thôn (mới), tạo điều kiện cho việc trao đổi giao lưu hàng hóa giữa các hộ nông dân, từ đó kích thích sản xuất phát triển. Một số sản phẩm hàng hóa như chè, gỗ, quế đã có mặt ở thị trường nước ngoài như : Hàn quốc, Nhật bản, Mỹ, Đài loan, Ba lan, Lào, Nga, Trung quốc v.v.. Nhờ nắm bắt và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, kim ngạch xuất khẩu năm 1995 tăng gấp 2,2 lần so với năm 1991. Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bình quân tăng 26,5%/năm, tạo cơ sở cho đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi phục vụ cho sản xuất và đời sống của đông bào các dân tộc trong tỉnh. Tính bình quân tốc độ tăng trưởng thương mại dịch vụ hằng năm là 10,5%, tỷ trọng kinh tế thương mại dịch vụ năm 1995 là 28,9% trong cơ cấu kinh tế chung của toàn tỉnh.

Nhờ có tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu theo hướng tích cực, đời sống của nhân

dân các dân tộc được ổn định và có bước cải thiện. Năm 1995 so với năm 1991, số hộ khá và giàu tăng từ 7% lên 14%, số hộ nghèo giảm từ 33% xuống 18%. Đến nay trên toàn tỉnh đã có 73 xã có điện lưới quốc gia, 15 ngàn hộ có máy thủy điện nhỏ, 57% số hộ có điện thấp sáng. Toàn tỉnh có 74,2% số xã có trạm y tế. Cứ 1 vạn dân có 22 giường bệnh và 4,6 bác sĩ. Yên Bái không còn xã "trắng" về cơ sở giáo dục, trong đó 70% số xã có trường cấp II, các huyện, thị đều có trường cấp III hoặc liên cấp II-III. Toàn tỉnh có 9 trường phổ thông dân tộc nội trú hằng năm thu hút 1 600 học sinh con em các dân tộc ít người vào học. Mức hưởng thụ văn hóa, thông tin của nhân dân tăng lên đáng kể. Có thể nói bộ mặt xã hội từ thị xã đến nông thôn đã có sự khởi sắc.

Quốc phòng an ninh được giữ vững và tăng cường, tổ chức đảng, chính quyền mặt trận và các đoàn thể chính trị từ tỉnh đến cơ sở được kiện toàn, chỉnh đốn và đổi mới. Đội ngũ cán bộ có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và lý luận nhiều hơn và được trẻ hóa một bước. Họ luôn tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, đã và đang thích ứng dần với cơ chế mới.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Yên Bái cũng còn nhiều tồn tại, yếu kém cần phải khắc phục. Cơ cấu kinh tế tuy có sự chuyển dịch nhưng còn chậm và chưa đồng bộ. Sản xuất nông - lâm nghiệp vốn là thế mạnh của tỉnh nhưng chưa được phát huy triệt để, còn lãng phí tài nguyên. Công nghiệp có bước phát triển mới nhưng chưa tương xứng với yêu cầu. Cơ cấu ngành còn chưa hợp lý, quy mô nhỏ, phân tán, chưa thật gắn chặt với nông - lâm nghiệp; thiết bị công nghệ còn lạc hậu. Cơ sở hạ tầng đã được xây dựng nhiều hơn trước nhưng vẫn trong tình trạng yếu kém, lạc hậu. Đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nhân và lao động lành nghề vừa thiếu lại vừa yếu, chưa tương xứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa còn khó khăn; sự chênh lệch giữa các vùng còn lớn. Đảng bộ Yên Bái đang tập trung lãnh đạo khắc phục những yếu kém tồn tại để đưa nền kinh tế - xã hội của

tỉnh phát triển hơn, sớm hòa nhập vào sự phát triển chung của cả nước.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong 5 năm qua, Đảng bộ và nhân dân Yên Bái nêu cao quyết tâm, thống nhất hành động, phấn đấu thực hiện bằng được các mục tiêu kinh tế - xã hội là: nâng mức bình quân GDP đầu người lên 2,5 lần vào năm 2000 (tức là 300 USD trở lên); nhịp độ tăng trưởng thời kỳ 1996-2000 bình quân 11%/năm. Nếu đạt được những chỉ tiêu này cơ cấu kinh tế của tỉnh đến năm 2000 sẽ chuyển dịch theo hướng: nông - lâm nghiệp chiếm 33%, công nghiệp dịch vụ là 67%, xóa xong nạn đói giáp hạt, rút ngắn khoảng cách giữa vùng giàu và vùng nghèo, tăng số hộ giàu lên 30%, giảm số hộ nghèo xuống 1/2 so với hiện nay.

Muốn thực hiện được mục tiêu tổng quát nói trên, chúng tôi phải tiến hành đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

1. *Khai thác và huy động mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế.* Trước mắt phải chấn chỉnh và sắp xếp lại các doanh nghiệp quốc doanh, làm cho chúng thực sự có vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế, đặc biệt trong một số ngành như: công nghiệp, cơ sở hạ tầng (đường, điện, nước, thông tin liên lạc), cung ứng vật tư - kỹ thuật, lưu thông hàng hóa thiết yếu... Có như vậy nhà nước mới vươn cánh tay tới các vùng cao, vùng sâu, vùng xa, nơi mà kinh tế tư nhân chưa thể làm được. Trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, khu vực quốc doanh phải tiếp tục vươn lên làm trung tâm, đầu mối ứng dụng và phổ biến khoa học - kỹ thuật, tổ chức liên doanh liên kết với kinh tế hộ và các thành phần kinh tế khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

Khuyến khích các thành phần kinh tế, các hộ nông dân vươn lên sản xuất hàng hóa, làm giàu bằng tiềm năng hiện có như đất đồi, rừng... Tạo cơ chế khuyến khích hộ nông dân tập trung vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh; hình thành các trang trại, tổ hợp tác... Hiện nay toàn tỉnh đã có 20 doanh nghiệp tư nhân, 6 công ty trách nhiệm hữu hạn, 7 300 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 5 900 hộ kinh doanh

thương mại, 3 250 chủ trang trại đang phát huy tốt.

2. *Đổi mới các hình thức kinh tế hợp tác.*
Yên Bái là một trong những tỉnh sớm có chủ trương đổi mới kinh tế hợp tác trong nông - lâm nghiệp và dịch vụ. Các hợp tác xã tổ chức theo mô hình cũ đã được chuyển đổi sang làm chức năng chủ yếu là dịch vụ cho kinh tế hộ từ một khâu đến nhiều khâu. Các hình thức hợp tác đa dạng trong nhiều lĩnh vực như hợp tác theo vụ, hợp tác chế biến, tiêu thụ sản phẩm, trồng và bảo vệ rừng, hợp tác về thủy lợi, góp vốn sản xuất - kinh doanh, dịch vụ... với nhiều quy mô tùy theo đặc điểm và trình độ sản xuất của từng vùng được khuyến khích, đang phát triển rộng khắp. Vấn đề quan trọng là làm thế nào tổng kết được kinh nghiệm, nêu bật những điển hình tiên tiến và nhân rộng ra toàn tỉnh.

3. *Sắp xếp lại cơ cấu vùng và tiểu vùng* nhằm khai thác và phát huy những lợi thế về địa lý và sinh thái, cơ sở hạ tầng và chất lượng nguồn nhân lực của từng vùng. Thực hiện từng

bước việc phân công lại lao động theo hướng chuyên môn hóa và tạo ra sức bật mới cho từng vùng. Sự phân công này mang tính chất tương đối, không khép kín, nhưng là cơ sở để bố trí hợp lý các ngành sản xuất và phân bố các nguồn lực trong vùng, xác định những mục tiêu cụ thể và trọng yếu, chọn hướng ưu tiên cho từng vùng, cũng như phối hợp đồng bộ trên toàn tỉnh.

4. *Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, chú trọng cán bộ đồng bào dân tộc vùng cao.*
Đây là vấn đề được lãnh đạo tỉnh và các cấp các ngành rất quan tâm. Tỉnh đã thực hiện đúng quy trình nghiên cứu, đánh giá và đề bạt cán bộ, thường xuyên duy trì chế độ luân chuyển cán bộ nhằm gắn lý luận với thực tiễn. Đồng thời tỉnh cũng đã làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về văn hóa, chuyên môn, lý luận, cho đội ngũ cán bộ cả trước mắt và lâu dài từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở xã. Trên cơ sở đó đội ngũ cán bộ của tỉnh từng bước được tiêu chuẩn hóa, nhất là cán bộ chủ chốt. ▮

Dấu ấn...

(Tiếp theo trang 54)

4 - *Quan tâm lãnh đạo các đoàn thể quần chúng.*

Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của công ty gồm 17 đoàn viên, chiếm 50% tổng số thanh niên. Xác định rõ thanh niên là lực lượng xung kích trên tất cả các mặt hoạt động, chi bộ đã tập trung sức lãnh đạo xây dựng chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh của công ty thật vững mạnh. Để kích thích và phát huy được vai trò của thanh niên thì điều trước hết là phải tin họ và mạnh dạn giao việc cho họ. Vì thế, theo đề nghị của chi ủy, giám đốc công ty đã giao cho chi đoàn thanh niên đảm nhiệm 2 công trình quan trọng. Đến nay, các công trình đó đã hoàn thành, đạt chất lượng cao và đã được đưa vào sử dụng. Số đảng viên mới được kết nạp phần lớn là những đoàn viên do chi đoàn giới thiệu.

Tổ chức công đoàn có 94 đoàn viên. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, tổ chức công đoàn đã nêu cao được vai trò của mình trong việc tham gia bàn định các kế hoạch sản xuất, kinh doanh; kiểm tra, giám sát cơ quan chuyên môn thực hiện chính sách, chế độ đối với công nhân viên chức; chủ động đề xuất và phối hợp với chính quyền cải thiện điều kiện làm việc, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động... cho cán bộ, công nhân viên.

Do những thành tích đạt được, chi bộ Công ty TVXDCT 625 đã được công nhận là đơn vị trong sạch, vững mạnh trong nhiều năm và năm 1994-1995 được Thành ủy TP Hồ Chí Minh biểu dương, khen thưởng.

Trên bước đường phát triển, mặc dù trước mắt còn nhiều khó khăn, song với những kết quả và kinh nghiệm đã tích lũy được, chắc chắn chi bộ Công ty TVXDCT 625 sẽ ngày càng ghi đậm nét hơn dấu ấn lãnh đạo của mình. ▮

Những điều ghi nhận từ công tác thuế ở tỉnh Hải hưng

PHẠM THẮNG

TRONG việc chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước ta đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau, trong đó công cụ *Tài chính - Thuế* có tầm quan trọng đặc biệt. Đây cũng là mặt trận nóng bỏng, cấp bách vì nó bảo đảm nguồn thu quan trọng của ngân sách nhà nước, thực hiện sự bình đẳng và công bằng xã hội, góp phần ổn định giá cả tiền tệ, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trong lĩnh vực này, nhiệm vụ thu thuế là hết sức quan trọng để bảo đảm các điều kiện vật chất cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung và các địa phương nói riêng. Vì vậy, thu thuế là mối quan tâm thường xuyên của toàn đảng, toàn dân, các cấp các ngành, cũng như ở từng địa phương.

Những năm gần đây, được sự chỉ đạo của tỉnh, Bộ tài chính, Tổng cục thuế và sự phối hợp của các cấp, các ngành liên quan, ngành thuế Hải hưng đã từng bước hoàn thiện, phát triển và công tác thu thuế đã đạt được những kết quả đáng mừng. Năm nào tỉnh cũng hoàn thành sớm và vượt mức kế hoạch nhà nước, năm sau cao hơn năm trước, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của ngân sách nhà nước và góp phần cân đối ngân sách địa phương, thực hiện tốt 4 chương trình kinh tế của tỉnh. Những con số dưới đây cho thấy rõ điều đó :

Đơn vị tỷ đồng

	1990	1991	1992	1993	1994
-Kế hoạch pháp lệnh	96,5	116,8	258,3	281,9	370,9
-Thực tế thu	116	131	275,2	328,3	498,5
-Tỷ lệ đạt (%)	115,5	112,6	106,5	116,4	134,4

Thu ngân sách 9 tháng đầu năm 1995 : 305 tỉ đồng, đạt 75,22% kế hoạch trung ương,

72% kế hoạch địa phương, tăng 57,7% cùng kỳ năm trước.

Kết quả đạt được trên đây là sự thể hiện tập trung quan điểm, chủ trương phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ; hiệu quả quản lý sản xuất kinh doanh ; quá trình tổ chức, thực hiện các pháp luật, pháp lệnh và chế độ chính sách thuế của tỉnh. Kết quả trên có nhiều nguyên nhân khách quan

và chủ quan, trong đó nổi lên một số nguyên nhân cơ bản sau :

1. *Kinh tế trên địa bàn tỉnh có mức tăng trưởng khá.*

Gốc của vấn đề chính là ở sản xuất kinh doanh phát triển. Chỉ trong điều kiện có sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ thì công tác thu mới có cơ sở đạt hiệu quả cao. Mấy năm qua, tình hình sản xuất kinh doanh của cả kinh tế trung ương và kinh tế địa phương ở Hải hưng đều có mức tăng trưởng khá, nhất là các sản phẩm then chốt tạo nguồn thu như : xi măng, điện, xăng dầu, sản phẩm công nghiệp nhẹ và chế biến. Tốc độ phát triển kinh tế bình quân 5 năm từ 1991 đến 1995 đạt 11,6%. Năm 1994, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) đạt 10,4% ; giá trị sản phẩm công nghiệp lãnh thổ tăng 17,9% trong đó công nghiệp địa phương tăng 25,5% ; giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 3,4%. Sáu tháng đầu năm 1995, giá trị sản lượng công nghiệp lãnh thổ tăng 40% , giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 10% ...

Có được mức tăng trưởng như trên là do tỉnh đã có các chủ trương phát triển kinh tế đúng đắn, xuất phát từ thực tế của địa phương. Là một tỉnh nông nghiệp, công nghiệp còn nhỏ bé và chưa phát triển, thương mại du lịch phát triển còn hạn chế, nên nguồn thu chỉ dựa vào thu từ nông nghiệp, kết quả không cao. Bởi lẽ, đặc điểm thu từ nông nghiệp là số thu nhỏ, đối tượng thu lại quá đông, địa bàn rộng nên công tác thu vất vả mà tổng thu lại thấp. Vấn đề là phải phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ, để từ đó có nguồn thu lớn. Muốn vậy, phải triệt để khai thác tiềm năng, sử dụng lợi thế so sánh để chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Về nông nghiệp, tỉnh đã sớm qui hoạch

đất đai và trao quyền sử dụng ruộng đất cho hộ nông dân : đẩy nhanh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng và chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng đạt hiệu quả cao ; hình thành các vùng chuyên cây đặc sản, rau màu... có giá trị kinh tế cao. Từng bước đổi mới, cải tiến quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn. Tháng 8/1994 tỉnh ủy đã có Nghị quyết 21/TU về đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nhằm củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, nông thôn; chuyển mạnh hợp tác xã nông nghiệp sang hướng cơ phân, làm dịch vụ cho các hộ gia đình xã viên. Về công nghiệp, từ những năm 1990 - 1991 toàn tỉnh có trên 400 cơ sở quốc doanh, sắp xếp lại còn gần 100 cơ sở và đó là những đơn vị sản xuất có hiệu quả. Phương hướng cơ bản của phát triển công nghiệp là khai thác tiềm năng sẵn có để đẩy mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng mà chủ yếu là xi măng với mục tiêu đạt sản lượng trên 5 triệu tấn/năm vào những năm sau năm 2000; hình thành khu công nghiệp mạnh ở Chí linh; mở rộng liên doanh liên kết trong và ngoài nước để phát triển các cơ sở công nghiệp sử dụng nhiều lao động và có thu khả như may, da giày xuất khẩu, chế biến nông sản, cơ khí điện tử... Bên cạnh đó tỉnh chú ý khuyến khích mở rộng kinh tế ngoài quốc doanh cả trong sản xuất cũng như buôn bán dịch vụ. Do nhiều biện pháp tích cực, nền cơ cấu kinh tế của tỉnh đã dần hợp lý hơn. Đến nay nông nghiệp : 45%, công nghiệp : 25% và dịch vụ : 30%. Tỷ trọng thuế nông nghiệp trong tổng thu ngân sách từ 24% - 33% (1990 - 1993) giảm còn 10% - 15% (1994 - 1995). Đó là một bước tiến quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

2. Sự hoàn thiện chính sách thuế và sự lãnh đạo triển khai của tỉnh.

Những năm qua, Nhà nước không ngừng cải tiến và hoàn thiện chính sách thu như sửa đổi và ban hành các luật, pháp lệnh, chế độ thu mới... nên đã vừa thúc đẩy sản xuất phát triển, vừa tạo điều kiện thu có hiệu quả. Cùng với việc cải cách hệ thống chính sách thuế để áp dụng cho các thành phần kinh tế, từ 1990 Chính phủ đã thành lập hệ thống thu thuế trực thuộc Bộ tài chính trên cơ sở sáp nhập 3 tổ chức cũ là : thu quốc doanh, thuế công thương

ng nghiệp và thuế nông nghiệp thành một bộ máy thống nhất từ trung ương đến địa phương, vừa chịu sự lãnh đạo của ngành dọc, vừa chịu sự lãnh đạo của ủy ban nhân dân cùng cấp. Thực tế cho thấy đây là những đổi mới quan trọng và đúng đắn, phù hợp với điều kiện hiện nay ở nước ta, tạo điều kiện cho công tác thu thuế ở các địa phương hoạt động thuận lợi và đạt hiệu quả.

Tỉnh đã nhận thức đúng đắn và coi trọng nhiệm vụ thu thuế, xác định thuế là nghĩa vụ pháp lệnh phải thực hiện nghiêm túc. Thu thuế không chỉ là vấn đề của ngành thuế mà còn là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp ở địa phương. Từ đó, tỉnh đã có một loạt chủ trương để chỉ đạo triển khai như sau :

Thứ nhất, xây dựng và củng cố mối quan hệ gắn bó giữa các ngành chức năng trong việc triển khai thực hiện luật, kiểm tra kiểm soát quá trình thi hành luật nhằm chống thất thu ngân sách. Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp thành lập ban chỉ đạo chống thất thu thuế. Ở xã, phường thành lập hội đồng tư vấn thuế để chỉ đạo toàn diện công tác thuế trên địa bàn.

Thứ hai, tăng cường sự quản lý nhà nước về kinh tế. Tỉnh đã đưa chỉ tiêu thu thuế vào tiêu chuẩn xây dựng đảng và chính quyền các cấp, vững mạnh; tiến hành bỏ trợ cấp ngân sách huyện, xã ; áp dụng khoán thu khoán chi với phương châm thu lấy mà chi. Xây dựng và giao mức khoán thu phù hợp với địa bàn và khoán chi dựa theo tỷ lệ hoàn thành thu. Thu vượt được để lại toàn bộ để xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi của địa phương.

Thứ ba, trên cơ sở chính sách, luật pháp của nhà nước, tỉnh có đề án hướng dẫn thi hành cụ thể để ngành thuế tổ chức thu đạt hiệu quả cao. Nhiệm vụ thu thuế là pháp lệnh, phải triệt để thu tạo nguồn cho ngân sách, nhưng thuế còn phải bảo đảm công bằng xã hội, và còn là động lực để thúc đẩy sản xuất phát triển. Do vậy, tỉnh luôn có chính sách hỗ trợ phù hợp để bồi dưỡng nguồn thu, tạo nguồn thu lâu dài vừa bảo đảm đúng luật, vừa phù hợp với phương hướng phát triển của tỉnh như chính sách hỗ trợ đầu tư, giảm thuế... đối với các ngành mũi nhọn gặp khó khăn, đối với kinh doanh lương thực, kinh doanh các mặt hàng thiết yếu....

Thứ tư, đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục cho các đối tượng nộp thuế nhận thức đầy đủ về ý thức trách nhiệm cũng như nội dung các chính sách thuế để từ đó họ tự giác chấp hành và vận động mọi người cùng thực hiện.

3. Sự cố gắng nỗ lực của bản thân ngành thuế Hải hưng.

Đây chính là nguyên nhân chủ quan thuộc về ngành thuế Hải hưng. Quá trình tổ chức triển khai công tác thu thuế của ngành thuế nổi lên một số nét đáng lưu ý như sau :

Một là, tích cực triển khai và hoàn thiện các biện pháp nghiệp vụ thuế như : tách 3 bộ phận độc lập đảm bảo tính khách quan trong quá trình thu thuế ; hướng dẫn các hộ lớn thực hiện kế toán tư nhân ; mở rộng diện nộp thuế qua kho bạc ở các thị xã, thị trấn và các nơi có nhiều hộ công thương tham gia kinh doanh. Không ngừng hoàn thiện các biện pháp thu theo trình tự luật thuế quy định : thuế có tờ khai, lên sổ bộ và thông báo nộp thuế.

Hai là, tổ chức tốt quản lý tài chính ngành từ lập kế hoạch kinh phí tới phân bổ, điều hành và chuyên kinh phí cho các chi cục, văn phòng để hoạt động có hiệu quả. Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất và trang bị vì tính cho chi cục các huyện.

Ba là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, vừa chống thất thu, vừa giúp các đối tượng nộp thuế nắm vững luật pháp để thực hiện và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước giao. Sáu tháng đầu năm 1995 đã kiểm tra 58 doanh nghiệp nhà nước (DNNN), lập biên bản truy thu 8,4 tỷ đồng ; kiểm tra 32 doanh nghiệp ngoài quốc doanh, 2.377 hộ cá thể, 418 hộ thuế sát sinh, trước bạ và thu khác, và đã lập biên bản truy thu 840 triệu đồng (trong đó thu nợ đọng và khai thác tăng thu 443 triệu đồng, thu ân lậu và phạt 397 triệu đồng) ; chống thất thu thuế trên khâu lưu thông xử lý 95 vụ, truy thu 125 triệu đồng...

Bốn là, thường xuyên củng cố bộ máy và cán bộ ngành thuế. Hiện nay, ngành thuế tỉnh có trên 1.000 cán bộ ; 12 chi cục thuế huyện, thị xã ; 13 phòng thuộc văn phòng cục. Ngành thuế đã kiện toàn 284 đội thuế thôn, xã để tổ chức thu thuế, thu lệ phí đến tận thôn, xóm ; tăng thu các loại thu ngân sách mà trước kia chưa thu được. Ngành đã xây dựng quy chế làm việc chặt chẽ theo 10 điều kỷ luật của

ngành trên cơ sở giao nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với từng tổ chức và cá nhân ; coi trọng công tác thi đua với các hình thức phong phú, có thưởng, phạt nghiêm minh. Thường xuyên nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ thông qua các lớp tại chức và bồi dưỡng nghiệp vụ mới. Vì vậy, số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên từ 39% (1990) đã tăng lên 100% (1995).

Có thể khẳng định các nguyên nhân trên đã tác động tới kết quả thu và làm cho công tác thu thuế ở Hải hưng hoàn thành toàn diện, đạt tỷ lệ cao so với kế hoạch pháp lệnh và kế hoạch phân đấu. Thành tích thu thuế những năm qua chứng tỏ sự phát triển vững chắc của kinh tế xã hội Hải hưng và sự trưởng thành của đội ngũ cán bộ thuế.

Tuy nhiên, từ thực tế công tác thu thuế ở Hải hưng, chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề cần quan tâm giải quyết kịp thời để công tác thuế của cả nước nói chung cũng như ở Hải hưng nói riêng đạt hiệu quả cao hơn.

1. Hải hưng là một tỉnh lớn, với dân số 2,7 triệu người, sản xuất nông nghiệp là chính với mức lương thực bình quân đầu người là 448 kg năm 1994. Nhìn chung những năm qua sản xuất kinh doanh phát triển khá, nhưng sự phát triển đó chưa đều, chỉ tập trung ở một số DNNN trung ương và địa phương trọng điểm. Thu từ DNNN nhất là của trung ương chiếm tới 70% thu ngân sách của tỉnh. (Chỉ riêng nhà máy xi măng Hoàng Thạch năm 1994 đã có mức thu 340 tỉ đồng). Nhiều DNNN của tỉnh công nghệ vẫn còn lạc hậu, quy mô nhỏ bé, sản xuất thủ công là chính, chất lượng không cao, doanh số thấp. Do đó, để có nguồn thu vững chắc, phải tạo ra sự phát triển mạnh mẽ của các DNNN, nhất là của địa phương. Tuy nhiên, tình trạng thiếu vốn làm cho các DNNN hoạt động khó khăn, vay vốn ngân hàng nhiều, trả lãi lớn, nên hiệu quả sản xuất thấp, thu nộp thấp. Bởi vậy, vấn đề vốn và tạo vốn cho các DNNN của địa phương đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ là điều hết sức có ý nghĩa. Nó đòi hỏi tỉnh phải có chủ trương, biện pháp hữu hiệu để gọi vốn đầu tư, mở rộng liên doanh liên kết, phát huy tiềm năng và hỗ trợ thích đáng cho các DNNN.

Những năm qua, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh của tỉnh phát triển phong phú, đa dạng về ngành nghề, mặt hàng, song nói chung quy mô kinh doanh chưa lớn, khối lượng hàng

bán buôn bán lẻ và sản xuất chưa cao. Một số công ty, doanh nghiệp tư nhân... đã cấp đăng ký kinh doanh nhưng không có khả năng hoạt động nên không đóng được thuế. Bởi vậy, việc xác định phương hướng và biện pháp bảo trợ, khuyến khích kinh tế ngoài quốc doanh yên tâm bỏ vốn đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh cần được tính nghiên cứu, xem xét kỹ hơn nữa để nuôi dưỡng và tạo nguồn thu.

Thuế công thương nghiệp ở Hải hưng còn thất thu về doanh số, nhất là với các hộ lớn. 5 tháng đầu năm 1995, tỉnh còn đọng 16 ngàn lượt hộ và trên 500 triệu đồng thuế. Vấn đề đặt ra ở đây là tỉnh cũng như ngành thuế cần khảo sát nắm vững các nguồn thu, theo kịp những phát sinh trong năm ; định mức thu sát hợp với diễn biến tình hình sản xuất kinh doanh của từng đối tượng. Từ đó, vừa có biện pháp thu triệt để, chống thất thu, vừa có biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn kịp thời...

Xét về cơ cấu ngành kinh tế, sự phát triển của thương mại, du lịch, dịch vụ của tỉnh còn nhiều hạn chế, thể hiện ngay trong phương hướng phát triển của tỉnh. Hải hưng nằm giữa tam giác kinh tế mạnh Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh do đó hệ thống giao thông đường sắt, đường thủy, đường bộ nối liền các tỉnh sẽ được hoàn thiện, nâng cấp. Đây là những điều kiện hết sức thuận lợi mà Hải hưng cần triệt để khai thác. Tỉnh cần đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, chế biến nông sản để đáp ứng nhu cầu phát triển chung và từ đó mới tăng cao hơn nữa nguồn thu cho ngân sách ; đồng thời tránh nguy cơ tụt hậu, nguy cơ trở thành "thành phố đi qua".

2. Thực tế ở Hải hưng cho thấy, việc tuyên truyền giác ngộ cho các đối tượng thuế là hết sức quan trọng. Do vậy, cần tăng cường hơn nữa vai trò của chính quyền các cấp trong việc chỉ đạo công tác thuế. Hiện nay, việc tuyên truyền chính sách thuế chủ yếu do ngành thuế đảm nhiệm. Nhà nước cần có quy định trao trách nhiệm cụ thể cho chính quyền các cấp phải chăm lo công tác này trên địa bàn của mình.

Xã là đơn vị hành chính nhà nước gần dân nhất, có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc tổ chức thực hiện mọi chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách thuế. Do vậy, Nhà nước cần có biện pháp cụ thể chỉ đạo xây dựng cấp xã vững mạnh, sớm

ban hành Luật ngân sách xã để đưa hoạt động thu chi ở xã vào hệ thống ngân sách nhà nước.

3. Về chính sách thuế. Từ 1989, Nhà nước đã tiến hành cải cách thuế cho phù hợp với cơ chế đổi mới và thực trạng kinh tế nước ta và đã đạt được nhiều kết quả tốt. Tuy nhiên, đến nay trước tình hình kinh tế có bước phát triển mới, hệ thống chính sách thuế nói chung cũng như từng sắc thuế nói riêng và cơ chế quản lý thu thuế đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết. Đó là hệ thống thuế còn quá phức tạp, chưa phù hợp với trình độ cán bộ thuế và đối tượng nộp thuế, chưa tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm sản xuất ; thuế chồng chéo, trùng lặp, cơ cấu phức tạp, nhiều thuế suất khác nhau, khung thuế trong biểu thuế quá rộng, những yếu tố không phải thuế còn ẩn chứa nhiều trong các sắc thuế... Điều đó gây khó khăn cho việc thu thuế, nộp thuế và dễ nảy sinh tiêu cực trong quá trình thu thuế.

Để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần phải nghiên cứu đầy đủ để cải cách từng bước vững chắc, tiến tới cải cách đồng bộ hệ thống chính sách thuế. Trước mắt cần khắc phục những bất hợp lý trùng lặp, chồng chéo trong hệ thống cũng như từng sắc thuế góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, bảo đảm công bằng xã hội và chống buôn lậu, trốn thuế. Đó là việc hoàn thiện các sắc thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập, thuế lợi tức, thuế xuất nhập khẩu và sớm triển khai sâu rộng thuế trị giá gia tăng (VAT). Đối với những pháp lệnh thuế đã trải qua thực tiễn kiểm nghiệm như : thuế tài nguyên, thuế nhà đất, thuế thu nhập cần phải nâng thành luật. Cần ban hành pháp lệnh phí và lệ phí thống nhất trong cả nước, tránh tùy tiện như hiện nay. Cần bỏ thuế sát sinh đánh vào người chăn nuôi, mà chỉ nên đánh thuế kinh doanh giết mổ...

Để cải cách thuế được tốt, cần tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để bảo đảm thi hành nghiêm túc, đạt kết quả cao nhất. Trước hết phải kiện toàn và hoàn thiện chế độ thống kê kế toán ; đưa việc mua bán có chứng từ hóa đơn vào nền nếp đối với mọi thành phần kinh tế ; đồng thời tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy thu thuế ; có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất đội ngũ cán bộ thuế. ─

THÁNG 12 năm nay, cả thế giới sẽ tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày ra đời một nền nghệ thuật mang tính tổng hợp đượm màu sắc công nghiệp đã có từ trước thế kỷ XX, đánh dấu bước phát triển của văn minh nhân loại : nghệ thuật điện ảnh.

Cách đây một thế kỷ, ngày 28 tháng 12 năm 1895, người dân thành phố Pa-ri đổ xô đến khu phố Ca-puy-xi-nơ để xem buổi chiếu phim đầu tiên. Bộ phim không có tiếng, chỉ dài gần 30 phút, mang nhiều chất thời sự (cảnh tan tằm ở một xưởng thợ, chiếc xe lửa đang vào một sân ga...), nhưng đó là kết quả một thời gian dài nghiên cứu, tìm tòi của Ô-guy-xtơ Luy-mi-e và Lu-i Luy-mi-e, đánh dấu một trong những phát minh kỳ diệu của loài người trước ngưỡng cửa thế kỷ XX.

Sau buổi chiếu phim lịch sử đó, nhiều bộ phim chưa có âm thanh lần lượt xuất hiện. Chỉ 5 năm sau (1900) đã ra đời những phim có thoại và nhạc thu vào đĩa, phát theo phim chiếu, và những bộ phim có sử dụng kỹ xảo do Gioóc-giơ Mê-li-e nghiên cứu sáng tạo và áp dụng trong công nghệ sản xuất. Nổi bật hơn cả là những phim của Sác-li Sa-plin với nhân vật hề Sác-lô đã chinh phục người xem khắp năm châu. Thế loại phim cũng phong phú hơn. Năm 1909 xuất hiện phim vẽ đầu tiên ở Mỹ ("Con khủng long thuần hóa" của W.Ki). Đến năm 1912, phim truyện màu ra đời ở Pháp, và rồi tiếp đó, mỗi năm hàng trăm phim được sản xuất ở các nước phương Tây.

Trong mấy mươi năm đầu của thế kỷ, đã hình thành một phong cách làm phim theo kiểu "biểu hiện" của trường phái ấn tượng Pháp mà sau này gọi là *trào lưu tiên phong*, một trào lưu rất phổ biến ở các nước châu Âu, với những tên tuổi đã được ghi trên những trang vàng của lịch sử điện ảnh thế giới, như : *Lu-i Be-lúc*, *Giăng Rơ-noa* ở Pháp ; *Êt-vin Po-tơ*, *D.W. Gri-phít* ở Mỹ ; *Gơ-na-dô-ni* ở Ý ; *Héc-man Uôm* ở Đức ; *An-phrét Hít-cốc* ở Anh... Ở Nga, thời Xa hoàng, nền điện ảnh bắt đầu từ năm 1908 với bộ phim

của Rô-ma-xcốp. Sau Cách mạng Tháng Mười Lê-nin ký sắc lệnh quốc hữu hóa nền điện ảnh cũ (1919), và từ đây mới xuất hiện những tên tuổi như *Ây-danh- stanh*, *Đốp-gien-cô*... với phong cách ngày càng rõ nét hơn của chủ nghĩa hiện thực.

Tuy không phải là nước phát minh ra điện ảnh, nhưng thời gian này, các hãng phim Mỹ xuất hiện hàng loạt và có khối lượng phim sản xuất ngày càng nhiều. Ra đời sau hãng Pa-tê (Pathé) và *Gô-mông* (Gaumont) của Pháp, các

Điện ảnh Việt nam và 100 năm điện ảnh thế giới

TRẦN NGỌC THANH •

hãng phim lớn của Mỹ như *Pe-rô-mao* (Paramount), *Phốc* (Fox), *MGM lu-ni-vơ-xơn* (Universal)..., do có quan hệ chặt chẽ với các tập đoàn tài chính Moóc-gân và, Rốc-cơ-phe-lơ, nên đã tập hợp được một đội ngũ đông đảo những người làm điện ảnh tài năng với phương tiện kỹ thuật cần thiết, biến điện ảnh Mỹ thành một nền công nghiệp mạnh thật sự.

Trong chiến tranh thế giới thứ hai, để tránh sự khủng bố của chế độ phát xít, nhiều nghệ sĩ điện ảnh ở châu Âu trong đó có các đạo diễn nổi tiếng như *Rơ-nê Cle*, *Giăng Rơ-noa*, *A. Hít-cốc*... cùng với các chuyên gia kỹ thuật đã lánh nạn sang Mỹ và được các nhà sản xuất phim Mỹ chào đón. Điều này đã tiếp thêm sức mạnh cho công nghiệp điện ảnh Mỹ độc chiếm thị trường thế giới, thu về những món lợi kếch sù. Hô-li-út nghiêm nhiên trở thành kinh đô điện ảnh của cả thế giới với số vốn đầu tư, số nghệ sĩ điện ảnh và chuyên gia kỹ thuật, số phim sản xuất hằng năm (trung bình 500 bộ) không một nước nào sánh kịp.

Bước vào những năm 50, điện ảnh đã thực sự trở thành một nhu cầu văn hóa của đời sống nhân loại. Số phim do các cường quốc điện ảnh sản xuất mỗi năm một tăng, dù đã chiếm lĩnh thị trường các châu lục cũng không đáp ứng được nhu cầu người xem. Mặt khác, vì ý thức dân tộc, nhiều nước tuy nền kinh tế kém phát

* Phó tổng biên tập tạp chí *Điện ảnh ngày nay*

triển cũng đã cố gắng sản xuất phim, do đó đã hình thành một sự chạy đua trong công nghiệp điện ảnh. Ví dụ, Ấn độ với số dân trên 300 triệu đã bắt đầu cạnh tranh thị trường điện ảnh với các nước có nền sản xuất phim mạnh như Mỹ, Anh, Pháp. Chỉ tính riêng năm 1956, Ấn độ đã sản xuất 300 bộ phim truyện, đứng vào nước có số phim sản xuất hàng năm nhiều thứ hai trên thế giới.

Ở Trung quốc dưới chế độ Quốc dân đảng, từ năm 1936, xưởng phim Nam kinh đã được thành lập. Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa ra đời, các xưởng phim ở Bắc kinh, Thượng hải... cũng đã đi vào hoạt động. Nhưng điện ảnh Trung quốc chỉ thực sự trở thành đối thủ đáng gờm đối với các nước phương Tây khoảng mấy chục năm gần đây. Để thỏa mãn nhu cầu của một lượng khán giả người Hoa khổng lồ (gồm không chỉ cộng đồng người Hoa ở Trung quốc, Đài loan, Hồng công với trên 1 tỉ người, mà cả cộng đồng người Hoa hiện sống khá tập trung ở nhiều nước trên thế giới) chỉ riêng nền điện ảnh ở Hồng công trong những năm 60, trung bình hàng năm đã phải sản xuất từ 290 đến 1280 bộ phim truyện. Các hãng phim lớn của Hồng công như : *Sân Bra-đơ* (Shaw Brother), *Gâu-đơn Ha-vít-xơ* (Golden Harvest) đã chiếm lĩnh thị trường chiếu bóng ở nhiều nước, nhất là ở các nước châu Á. Phim do người Trung hoa dựng ở trong nước và ở các nước phương Tây với những mảng đề tài về phong tục tập quán Á đông cũng mang đến cho người xem phương Tây một khẩu vị mới lạ. Những năm gần đây, phim nói tiếng Hoa không chỉ chiếm số lượng cao, mà về chất lượng nghệ thuật cũng đã làm những nhà điện ảnh phương Tây phải vì nể. Nhiều phim đã đi vào danh sách cạnh tranh ở các liên hoan phim quốc tế và đạt giải cao nhất. Những tên tuổi như *Trần Khải Ca*, *Trương Nghệ Muu*... đã trở nên quen thuộc với khán giả phương Tây và thế giới. Để có được một nền điện ảnh hùng mạnh với một đội ngũ đạo diễn, diễn viên... tài năng, kinh nghiệm của điện ảnh Trung quốc là phải hợp tác với nước ngoài và các kiều bào ở nước ngoài để tranh thủ vốn, chất xám... và tạo đất cho nghệ sĩ có thể dụng võ và thi thố tài năng.

Vào những năm 50 và 60, điện ảnh thế giới cũng có những nét chuyển biến mới. Thế hệ những người sáng lập ra điện ảnh và những danh

tướng của trường phái tiên phong lúc này đã trở thành già cỗi. Điện ảnh với những khoản chi phí khổng lồ đã đẩy những nghệ sĩ điện ảnh trẻ mới vào nghề với hai bàn tay trắng ra vìa hè. Nhưng họ, những nghệ sĩ điện ảnh trẻ, đã tìm đến nhau làm những bộ phim "đường phố" dung dị như đời thường vốn có, với một tấm lòng "tử vì đạo". Những bộ phim như thế ra đời ngay giữa lòng châu Âu và được gọi là phim của thế hệ trẻ theo trường phái *làn sóng mới*. "Làn sóng mới" xuất hiện đầu tiên ở Pháp đã nhanh chóng dâng lên ở hầu khắp các nước phương Tây, tạo nên một làn gió mới trong cách làm phim với những tên tuổi như : *Giăng Gô-đa*, *Phrăng-xi Tuýt-phăng* ở Pháp ; *Vi-xôn-ti* (Visonti), *Phe-li-ni* (Fellini) ở Ý, v.v.. Các thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật được nhanh chóng đưa vào các công nghệ sản xuất phim hiện đại : phim màn ảnh rộng, phim toàn cảnh, phim âm thanh nổi, âm thanh lập thể... Đề tài phim cũng được mở rộng với những câu chuyện người ngoài hành tinh, cuộc chiến giữa các vì sao, người máy..., với những tình tiết ma quái, kinh dị, rùng rợn được thể hiện bằng những kỹ thuật tiên tiến nhờ sử dụng các loại máy quay đa chức năng với hệ thống điều khiển điện tử từ xa rất hoàn hảo và các loại máy tính điện tử làm kỹ xảo có thể thỏa mãn mọi thị hiếu của khán giả.

Tuy nhiên, sau một thế kỷ ra đời và cải tiến không ngừng cả về nội dung nghệ thuật lẫn hình thức kỹ thuật biểu hiện, những bộ phim dựng lại trong ký ức người xem vẫn là những bộ phim có tính nhân văn cao cả cùng với lối biểu hiện nghệ thuật dung dị mà sâu sắc. *Chân, thiện, mỹ* vẫn là những tiêu chí cao nhất của nghệ thuật nhân loại. Qua nhiều cuộc thăm dò ý kiến người xem trên thế giới, qua những cuộc bình phim hay nhất thế kỷ trên các tạp chí chuyên ngành điện ảnh có tiếng của nhiều nước, vị trí xếp hạng những bộ phim hay nhất có thể thay đổi, nhưng tựu trung đó vẫn là những bộ phim đã được lịch sử thừa nhận, và đến nay khi đem chiếu lại, vẫn là những bộ phim ăn khách nhất, ví dụ : *Cuốn theo chiều gió* (Mỹ - 1939), *Công dân Ke-ơ* (Kare) (Mỹ - 1941), *Kẻ cắp xe đạp* (Ý - 1948), *Ra-sô-môn* (Nhật - 1950), *Ben Hơ* (Ben Hur) (Mỹ - 1979)...

Ở nước ta, từ những năm đầu của thế kỷ đã xuất hiện những bộ phim tài liệu về Việt nam

do quân đội viễn chinh Pháp thực hiện. Năm 1924, lần đầu tiên ở Hà nội và Sài gòn đã xuất hiện những phim tài liệu của hãng Anh-đô-sin (Indochine), như *Hội đèn kiếp bạc*, *Bê tỷ, cô gái Bắc kỳ*... Những bộ phim *Kim Vân Kiều* (1924), *Huyền thoại Bà Đẻ* (1929), *Cánh đồng ma* (1937), *Trận phong ba* (1938), *Trộn với tình* (1939)... là những phim truyện đầu tiên của các hãng nước ngoài sản xuất có sự tham gia của người Việt nam. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ở các đô thị bị tạm chiếm đã xuất hiện những hãng phim của người Việt nam với các bộ phim được sản xuất, như *Kiếp hoa* (1953), *Nghệ thuật và hạnh phúc* (1953), *Cô gái Việt* (1954), *Phạm Công, Cúc Hoa* (1954). Sau này ở các vùng tạm chiếm của Mỹ ngụy, số lượng phim sản xuất hàng năm ngày càng nhiều và trong số đó cũng có không ít những bộ phim có nội dung tiến bộ.

Ngày 15 tháng 3 năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập *Doanh nghiệp quốc doanh chiếu bóng và nhiếp ảnh*, và đây chính là ngày khai sinh của nền nghệ thuật điện ảnh cách mạng. Những bộ phim thời sự về Hội nghị Phòng-te-nơ-blô (1946) và những phim tài liệu về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (*Trận Mộc hóa* (1948), *Chiến thắng biên giới* (1950), *Chiến thắng Điện Biên phủ* (1954)) là những bộ phim tài liệu có giá trị lịch sử đặc biệt. Trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, các nghệ sĩ - chiến sĩ của ngành điện ảnh nước ta đã tiếp tục phát huy truyền thống, xây dựng những bộ phim tài liệu phản ánh cuộc kháng chiến thần kỳ của dân tộc, phản ánh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hàng loạt phim như *Nước về Bắc hưng hải*, *Đường dây lên sông Đà*, *Lũ thép Vĩnh linh*, *Du kích Củ chi*, *Đường ra phía trước*, *Thành phố lúc rạng đông*... không những được người xem trong nước hoan nghênh mà còn được bạn bè thế giới khâm phục. Có phim đã được tặng giải lớn của quốc tế.

So với phim tài liệu, phim truyện và hoạt hình của chúng ta phát triển chậm hơn, nhưng nhiều bộ phim truyện và hoạt hình bám sát hiện thực cuộc sống, phản ánh con người và xã hội Việt nam, đã đánh dấu sự trưởng thành của nền điện ảnh nước ta. Những bộ phim *Ông Gióng*, *Mèo con*, *Lạc Long Quân và Âu Cơ* (hoạt hình), *Chung một dòng sông*, *Chim vành khuyên*, *Chị Tư Hậu*, *Đến hẹn lại lên*, *Bao giờ cho đến tháng*

mười, *Cánh đồng hoang* (phim truyện)... đều là những phim có chất lượng, nội dung và nghệ thuật biểu hiện mang đậm màu sắc dân tộc. Một thế hệ các nghệ sĩ điện ảnh đã được hình thành: Mai Lộc, Khương Mỹ, Hồng Sến, Phạm Kỳ Nam, Bùi Đình Hạc, Trần Vũ, Hải Ninh, Đặng Nhật Minh, Huy Thành, Bạch Diệp, Trần Đức, Ngọc Quỳnh, Lê Mạnh Thích, Trần Văn Thủy, Trương Qua, Ngô Mạnh Lân...

Hơn 40 năm xây dựng và phát triển, nền điện ảnh của chúng ta đã gặp không ít khó khăn. Trong những năm chiến tranh, cơ sở vật chất kỹ thuật sơ sài và thiếu thốn. Đội ngũ làm điện ảnh tồn thất và hy sinh không nhỏ. Hòa bình được ít lâu, điện ảnh mới hồi phục lại phải đương đầu với làn sóng thông tin mới, đặc biệt là sự xâm nhập của băng hình nước ngoài cùng với sự thách thức của cơ chế thị trường. Một thế hệ mới của điện ảnh đã và đang cố gắng trụ vững, kế thừa và phát huy những đóng góp to lớn của các thế hệ đàn anh, tiếp thu những bài học quý giá của điện ảnh cách mạng. Đó là bài học bám sát cội nguồn dân tộc, bám sát cuộc sống hiện thực, phản ánh đúng những nỗi niềm và khát vọng sâu xa của nhân dân. Thực tế những năm đổi mới vừa qua, những bộ phim làm theo xu hướng thương mại sản xuất tuy nhiều, nhưng hầu như không để lại một tiếng vang trong khán giả, và cho đến nay, người xem đã thực sự quay lưng lại với những loại phim "hàng chợ" này. Bước vào năm 1995, năm kỷ niệm 100 năm điện ảnh thế giới, nhiều bộ phim với sự "trở về cội nguồn" được các nghệ sĩ trẻ làm một cách nghiêm túc, phản ánh sinh động hiện thực đất nước hôm qua và hôm nay, phản ánh những mất mát của qua khứ đau thương và anh hùng cũng như những vấn đề đặt ra trong cuộc sống hiện tại. Đó là những tín hiệu rất đáng mừng của một cuộc hồi sinh trong điện ảnh.

Cuối cùng, chúng ta cũng không quên rằng, điện ảnh không chỉ là một ngành nghệ thuật ; nó đồng thời còn là một ngành công nghiệp, mà về mặt này, so với thế giới, điện ảnh của ta còn quá thấp, nếu không nói là quá non yếu.

Đánh giá đúng những gì ta đã làm được cùng những gì ta còn non kém, đó là một thái độ khoa học và cách mạng để những người làm điện ảnh chúng ta bằng đôi chân của mình hội nhập cùng thế giới, đưa sự nghiệp điện ảnh của dân tộc bước vào thế kỷ XXI ▀

Dấu ấn lãnh đạo của một chi bộ đảng

HOÀNG MANH PHIẾT *

CÔNG ty tư vấn xây dựng công trình 625 (TVXDCT) thuộc Tổng công ty xây dựng công trình 6 (Bộ giao thông vận tải). Từ khi chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường, Công ty đã có những bước phát triển nhanh, mạnh và vững chắc, không có sự "bỡ ngỡ ban đầu" như nhiều đơn vị khác.

Trước đây nhiệm vụ của Công ty là khảo sát, thiết kế xây dựng công trình, nay được mở rộng hơn: thực hiện việc tư vấn, khảo sát thiết kế và xây dựng các công trình giao thông.

Công ty hiện có 109 cán bộ công nhân viên, trong đó 41,28% là cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ, đa số là kỹ sư các ngành, nghề, nhất là kỹ sư ngành xây dựng công trình. Các đơn vị trực thuộc Công ty gồm: xưởng thiết kế, xưởng thí nghiệm, đoàn khảo sát và 4 phòng chức năng (phòng sản xuất - kinh doanh, phòng tài vụ, phòng nhân chính, phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm). Nhờ có bộ máy quản lý tinh, gọn, đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ tinh thông nghề nghiệp và có tinh thần trách nhiệm cao, cho nên trong nhiều năm qua Công ty đã liên tục hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao.

Chỉ tính riêng năm 1994, giá trị tổng sản lượng của Công ty đạt 8 tỉ đồng, tăng gấp hai lần so với năm 1993. Từ tháng 11-1994 đến tháng 6-1995, Công ty đã ký được hợp đồng xây dựng hơn 70 công trình lớn nhỏ với tổng giá trị sản lượng là 12 tỉ đồng. Đời sống của cán bộ công nhân viên được cải thiện rõ rệt: thu nhập bình quân mỗi người đạt trên 1 triệu đồng/tháng. Vừa qua, Công ty đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng ba.

Công ty TVXDCT 625 có chi bộ đảng gồm 16 đảng viên, trình độ đảng viên không có gì thật "đặc biệt". Song, điều đáng chú ý

là, tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty đều thừa nhận vị trí, vai trò của chi bộ đảng và đều khẳng định mọi thành tựu của Công ty gắn liền với vai trò lãnh đạo của chi bộ. Có được điều đó là do đâu?

1 - Chi bộ đã tập trung sức lực, trí tuệ lãnh đạo Công ty hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh.

Để bảo đảm hiệu quả cao trong công tác, từ năm 1992 chi ủy đã phối hợp với ban giám đốc Công ty xây dựng được quy chế hoạt động sản xuất kinh doanh khá khoa học. Quy chế đó không ngừng được bổ sung và hoàn thiện, do đó khi thực hiện đã mang lại hiệu quả cao.

Chi bộ đã lãnh đạo và làm tốt công tác tư tưởng, phát huy được trí tuệ của các kỹ sư, chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực. Chi ủy và ban giám đốc có chế độ đãi ngộ thích đáng cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ nên họ rất yên tâm công tác, say mê nghề nghiệp và gắn bó với đơn vị.

Công ty ban hành quy định ký kết hợp đồng, giao cho các kỹ sư giỏi làm chủ đề tài thiết kế nhằm mở rộng phạm vi hoạt động và nâng cao chất lượng công trình để gây uy tín với khách hàng, do vậy số ban hàng của công ty ngày càng tăng. Cứ 3 tháng một lần, giám đốc công ty mở hội nghị kiểm điểm công tác sản xuất, kinh doanh của quý trước, bàn phương hướng nhiệm vụ quý sau, đồng thời trả lời kiến nghị của cán bộ công nhân viên về những vấn đề có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đời sống của Công ty.

Công ty đã áp dụng chế độ khoán gọn nhằm đẩy nhanh tiến độ sản xuất, kinh doanh, đồng thời kích thích nhiệt tình lao động, tinh

* Chuyên viên cao cấp Ban tổ chức trung ương (phụ trách phía Nam)

thần trách nhiệm và óc sáng tạo của toàn thể cán bộ, công nhân viên. Đi liền với điều đó là việc phân phối sao cho thật công bằng, bảo đảm sự đoàn kết, nhất trí.

Để phục vụ đắc lực cho việc phát triển sản xuất, kinh doanh, mặc dù nguồn vốn có hạn, Công ty đã đầu tư trên 500 triệu đồng để phục hồi và đổi mới trang thiết bị, máy móc, nhất là hệ thống máy vi tính thực hiện các chương trình hiện đại, đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Công ty cũng đã đầu tư 78 triệu đồng cho việc học tập nâng cao trình độ quản lý kinh tế, lý luận chính trị, ngoại ngữ và trình độ sử dụng máy vi tính cho đội ngũ cán bộ, công nhân.

2. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của chi bộ, chi ủy.

Cùng với ban giám đốc xây dựng quy chế hoạt động sản xuất, kinh doanh, chi bộ đã xây dựng được một quy chế làm việc đầy đủ, cụ thể. Nội dung quy chế làm việc của chi bộ dựa vào quy định 49 của Ban bí thư Trung ương Đảng và căn cứ vào tình hình cụ thể của đơn vị, có lấy ý kiến đóng góp của tập thể chi bộ và của các đoàn thể quần chúng. Sau khi được chi bộ nhất trí thông qua, quy chế đó trở thành "luật", và được mọi đảng viên thực hiện.

Do có quy chế làm việc rõ ràng, khoa học và thực hiện nghiêm túc, nên chi bộ đã thể hiện đúng được chức năng, nhiệm vụ của mình; mối quan hệ giữa chi ủy với ban giám đốc và các đoàn thể quần chúng tốt hơn, sự phối hợp hoạt động cũng nhịp nhàng, có hiệu quả hơn; vai trò của chi bộ và uy tín của đảng viên đối với quần chúng được nâng lên rõ rệt.

Nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách được thể hiện rõ trong quy chế và trong mọi hoạt động của chi bộ. Các phương hướng, nhiệm vụ, chủ trương biện pháp đều được thảo luận, bàn bạc dân chủ trong chi bộ. Sau khi đã thảo luận kỹ càng, chi ủy lấy biểu quyết và ra nghị quyết để mọi đảng viên thực hiện. Chi bộ giữ nền nếp sinh hoạt hàng tháng và có nội dung cụ thể. Trong sinh hoạt chi bộ, đảng viên thường xuyên tự phê bình, phê bình giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Do làm tốt việc này, mỗi đảng viên của chi

bộ đều có ý thức phấn đấu vươn lên. Kết quả phân loại chất lượng đảng viên năm 1994 và 6 tháng đầu năm 1995, 100% số đảng viên của chi bộ đều được xếp loại I (đủ tư cách, phấn đấu tốt).

3 - Chi bộ rất chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ và phát triển đảng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức các mặt cho cán bộ, đảng viên được coi là một nhiệm vụ quan trọng của công ty và luôn được chi bộ, ban giám đốc quan tâm. Chi ủy cùng với ban giám đốc chú ý lựa chọn những người đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ, năng lực và phẩm chất để đưa vào quy hoạch; trên cơ sở đó có kế hoạch cử họ đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo dự kiến sắp xếp, bố trí sau này. Do làm tốt công tác cán bộ nên công ty luôn có một đội ngũ cán bộ kế cận đáp ứng kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ. Đầu năm 1995, đồng chí giám đốc công ty được đề bạt làm tổng giám đốc Tổng công ty xây dựng công trình 6, chi ủy đã đề nghị lên cấp trên đề bạt đồng chí phó giám đốc Công ty lên làm giám đốc, và một đồng chí trưởng phòng làm phó giám đốc. Năm 1994, chi ủy cũng đã giới thiệu để giám đốc công ty đề bạt bốn đồng chí đảm nhận các chức vụ trưởng xưởng, đoàn trưởng, đoàn phó và phó phòng. Những đồng chí do chi ủy giới thiệu giám đốc công ty đều chấp thuận. Có được điều đó là do công tác nhân sự được chi bộ, chi ủy coi trọng và tiến hành chu đáo, hợp lý.

Công tác phát triển đảng viên mới được chi bộ, chi ủy rất quan tâm, coi đó là một trong những nhiệm vụ chính trị, là nguồn bổ sung đội ngũ cán bộ của đơn vị, cũng như sự lớn mạnh của chi bộ đảng. Năm 1994, chi bộ đã kết nạp 1 đảng viên mới, 6 tháng đầu năm 1995 kết nạp được 3 đồng chí. Hiện nay chi bộ đang làm thủ tục để cuối năm 1995 kết nạp thêm 2 đồng chí. Hướng phấn đấu của chi bộ là trên cơ sở tiêu chuẩn và chất lượng, đầu tư công sức cố gắng trong 2-3 năm tới có đủ số lượng đảng viên để thành lập đảng bộ cơ sở.

(Xem tiếp trang 45)

Đề tương lai không phải dùng "đại bác"

VŨ LÂN

TÌNH cờ tôi gặp anh nơi đất tổ Hùng Vương. Anh - một tri thức-từ bên kia Thái bình dương mới về thăm quê sau nhiều năm xa cách. Lần đầu tiên tiếp xúc, tôi cảm thấy anh khá am hiểu lịch sử. Khi biết tôi làm việc ở tạp chí của Đảng, anh ngó ý muốn mua vài số. Anh bảo : ở "bên kia" bằng những con đường khác nhau, thỉnh thoảng tôi cũng có dịp đọc báo chí từ "nhà mình" chuyển sang, và đôi khi cũng gặp những bài tâm đắc.

Tôi ngạc nhiên về nhu cầu đó của anh và biểu anh mượn cuốn tạp chí gần đây nhất. Mấy ngày sau gặp lại, tôi hỏi anh về ấn tượng khi về thăm Tổ quốc. Chúng tôi ngồi bên ấm trà, anh chậm thuốc hút và chậm rãi tâm sự như nói với chính bản thân mình :

Người mình ở trong nước hay có ai đó chỉ "ra ngoài" một thời gian ngắn, nếu không tâm huyết với quê hương, đất nước thì không thể có cảm giác nhớ nhung da diết, khắc khoải, có khi đến chảy lòng. Một mái nhà tranh, một lũy tre làng, mấy chiếc quán lụp xụp bên đường, thậm chí một cơn gió thoảng đưa mùi thơm mới, đều là những ấn tượng khó quên với người xa quê. Hiếm có một dân tộc, một đất nước nào trên thế gian này mà ý niệm về Tổ quốc, về dân tộc, lại thiêng liêng và cụ thể như dân tộc ta. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, ngôi mộ tổ Hùng Vương vẫn còn đó, trên đỉnh núi Hy Cương. Và không mấy người Việt nam lại không ghi nhớ lời dặn dò, nhắc nhở của Tổ tiên :

"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba".

Dù không về được đúng ngày giỗ Tổ, nhưng việc đầu tiên của tôi khi trở lại quê hương là đến thắp hương mộ các Vua Hùng và mộ

mả tổ tiên. Đặt chân lên đất tổ Hùng Vương, ngược về quá khứ của dân tộc, càng thấy giá trị và tự hào về bề dày văn hóa do cha ông ta tạo ra. Truyền thuyết "bọc trăm trứng" nở ra trăm con chia nhau lên rừng xuống biển mở mang bờ cõi giang sơn, là điểm xuất phát của văn hóa truyền thống dân tộc. Có sống ở nơi "đất khách quê người" mới cảm nhận hết được giá trị, ý nghĩa của hai chữ "đồng bào". Nó như là chất kết dính dân tộc Việt nam thành một khối. Những câu tục ngữ, ca dao, những điệu dân ca, vì von không biết từ đời nào đã thấm vào máu thịt của mỗi người Việt nam, theo họ từ thuở còn trong bụng mẹ, khi nằm trên nôi và trong suốt cả cuộc đời trên mọi nẻo đường xuôi ngược : "Nhiều điều phù lầy già gương, người trong một nước phải thương nhau cùng", "khôn ngoan đã đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau" ; "anh em như cội với cành" ; "chị ngã em nâng" ; "mội hờ răng lạnh", "máu chảy ruột mềm", v.v..

Người nước ngoài rất khâm phục và ngạc nhiên khi biết từ xa xưa, dân tộc ta đã đúc kết cho mình một phương châm xử thế : "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo". Đó chính là sức mạnh, là giá trị của dân tộc ta.

Đối với người Việt nam chúng ta, tội phản quốc "rước voi giày mả tổ" được coi là một tội tày đình. Kẻ phạm tội đó bị họ hàng, làng nước, đời đời con cháu nguyên rủa. Ấy vậy mà dù nhiều hay ít, mỗi thời đều có những người mắc phải tội này. Có lẽ chính vì lương trước điều này mà trong các truyền thuyết Việt nam có truyện kể về trong 100 con voi thì 99 con hướng về mộ Tổ, còn một con quay đi

nơi khác. Và lịch sử dân tộc mãi mãi ghi tạc gương Trần Bình Trọng đã gạt đi mọi sự ve vãn của giặc Nguyên - Mông, trả lời một cách danh thép : Ta thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc.

Chúng ta không sống bằng quá khứ, bằng hoài niệm về một lịch sử vinh quang. Nhưng lịch sử dân tộc ta, bề dày của một nền văn hóa 4000 năm là nền tảng vững chắc, góp phần làm nên sức mạnh hôm nay, và mai sau. Những gì mà dân ta có được như ngày hôm nay, đều gắn bó với lịch sử dân tộc. Vì thế, việc Đảng cộng sản Việt nam vẫn khẳng định được vai trò lãnh đạo của mình, được cả dân tộc thừa nhận cũng như hình ảnh và tư tưởng của Bác Hồ vẫn sống mãi trong mỗi người dân Việt nam không có gì là khó hiểu. Đó chính là sự kế thừa, kết tinh từ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Cũng rất dễ hiểu khi thấy những kẻ đứng đối lập với lợi ích dân tộc thường bịa đặt, vu khống, phủ nhận những gì dân tộc ta đã đạt được.

A-bu-ta-líp có một câu nói rất nổi tiếng : "Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác". Thực tế trên thế giới hiện nay đang là một minh chứng cho câu nói đó. Nhiều kẻ đã không phải dùng "súng lục" mà dùng "đại bác" bắn vào quá khứ. Và không phải đợi tới tương lai, hiện nay họ đang phải trả giá.

Ở Việt nam cũng đang có những người "dùng gậy chống trời", manh tâm "dùng súng lục" bắn vào quá khứ. Cứ theo họ thì "làm gì có các Vua Hùng", chuyện "bọc trăm trứng", "con Lạc, cháu Hồng", "Thánh Gióng" v.v. chẳng qua "chỉ là truyền thuyết, làm gì có thật" !?

Vậy, để dân tộc ta trong tương lai khỏi phải dùng đến "đại bác", cần ngay từ bây giờ chặn tay ai đó manh tâm dùng "súng lục"...

Tôi thấy anh là người tâm huyết với dân tộc, và những điều anh nói thật có lý. Vậy xin ghi ra đây để chúng ta cùng tham khảo □



CƠ SỞ KHÁC QUAN BỀN VỮNG CỦA MỐI QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT - LÀO

HÀ MINH TÂN *

TRÊN thế giới, từ trước đến nay, ở phương Đông cũng như phương Tây, trong cuộc đấu tranh để sinh tồn và phát triển của các quốc gia, các dân tộc, các tập đoàn giai cấp..., đã từng xuất hiện nhiều mối quan hệ liên minh hợp tác, với những hình thức, nội dung khác nhau như : liên minh chiến lược, liên minh sách lược, liên minh hữu cơ v.v.. Nhưng có thể nói, ít có nơi nào và lúc nào có được mối quan hệ đoàn kết, hợp tác bền vững, lâu dài, mẫu mực, trong sáng như mối quan hệ truyền thống chiến lược Việt - Lào.

Cùng với thời gian, mối quan hệ đó đã không ngừng được củng cố và phát triển. Từ quan hệ láng giềng gần gũi, thân thiện giữa hai quốc gia trong thời phong kiến, đến quan hệ gắn bó chung trong cuộc đấu tranh tự phát của các trào lưu dân tộc và các thân sĩ tiến bộ, khi cả hai nước đều bị đế quốc, thực dân xâm lược, thống trị. Đặc biệt, từ ngày Đảng cộng sản Đông dương ra đời đảm nhiệm sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng ba nước, mối quan hệ Việt - Lào có sự biến đổi về chất, trở thành mối quan hệ tự giác kiểu mới, mang bản chất chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, quan hệ đoàn kết liên minh chiến đấu Việt - Lào được củng cố và nâng lên thành một quy luật tồn tại phát triển, một nhân tố cơ bản bảo đảm thắng lợi của cách mạng mỗi nước và cả hai nước.

Xác định tính chất, nội dung để đặt tên cho mối quan hệ này, đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hàn, cố Chủ tịch Đảng nhân dân cách mạng Lào, từng nói : "... tôi còn nhớ như in buổi làm việc thân tình trong căn nhà của Bác. Khi thảo luận về mối quan hệ giữa

hai Đảng, hai Nhà nước và giữa nhân dân hai nước, Bác Hồ và chúng tôi đều thấy rằng, ngoài mối quan hệ giữa hai Đảng cùng chung lý tưởng cộng sản, giữa hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng, mối quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước chúng ta còn có sự gắn bó thân thiết không giống bất cứ nước nào... Bác Hồ tay gõ gõ lên trán rồi nói : "Chúng ta phải gọi là quan hệ đặc biệt"⁽¹⁾.

Vậy cơ sở nào đã tạo nên mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào và bảo đảm cho nó giữ được sự mẫu mực, trong sáng, lâu dài đến như thế ? Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu, bài viết của các nhà khoa học, các nhà chính trị, nhà văn, nhà thơ... đề cập đến vấn đề này với những cứ liệu và lập luận khác nhau. Tựu trung, có thể khái quát thành mấy điểm cơ bản như sau :

1 - Mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào không phải là một hiện tượng nhất thời, mà đã có tiền đề tự nhiên, lịch sử, có cơ sở xã hội từ lâu đời. Trong đó, nổi lên mối quan hệ về địa lý tự nhiên và địa lý quân sự. Hai yếu tố này kết hợp với nhau, tạo nên một mối quan hệ thống nhất mà trong công cuộc bảo vệ, xây dựng đất nước, hai dân tộc Việt-Lào phải nương tựa, gắn bó với nhau.

2 - Mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào được tạo nên không phải do ý muốn chủ quan của một tổ chức hay một cá nhân nào, mà là do yêu cầu khách quan bức thiết có ý nghĩa sống còn của cuộc đấu tranh để giành, giữ và xây dựng đất nước, đánh bại mọi thù trong giặc ngoài, trên cơ sở cộng

* Viện khoa học lịch sử quân sự Việt nam

(1) Đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hàn trả lời đặc phái viên báo Nhân dân trong dịp Đoàn đại biểu cấp cao Đảng cộng sản Việt nam sang thăm Lào, 4-7-1989

đồng về lợi ích, thống nhất về mục tiêu phấn đấu cơ bản của mỗi nước và cả hai nước qua các thời kỳ lịch sử.

Đây chính là *cái nền của mối quan hệ liên minh chiến lược* - mà trước kia Mác và Lê-nin từng nêu trong khẩu hiệu : "Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại !", và nó đã được Việt nam và Lào vận dụng, nâng lên thành một quy luật tồn tại và phát triển trong mối quan hệ giữa hai nước.

3 - Mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào không do sự áp đặt chủ quan, thực hiện theo kiểu rập khuôn máy móc, mà là kết quả của một quá trình vận động tự giác, từ thấp đến cao, trên cơ sở : tôn trọng độc lập tự chủ của mỗi dân tộc, coi trọng nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, thực sự tin cậy gắn bó với nhau, chân thành hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, vì lợi ích chung của mỗi nước và cả hai nước.

Đây là một nét đặc biệt không giống ở những nơi khác, một trường hợp ít thấy trong quan hệ láng giềng giữa các nước có biên giới sát nhau.

4 - Mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào không chỉ là vấn đề nhận thức mà còn là một thực tế lịch sử sinh động ; không chỉ là một khẩu hiệu động viên có tính chất tượng trưng, mà là một tổng thể năng động đầy trí tuệ, và hiệu quả, kết tinh của sức mạnh tổng hợp đã được thử thách rèn luyện qua cuộc

đấu tranh quyết liệt, lâu dài của quân và dân hai nước.

Sự năng động và tính hiệu quả đó thể hiện nhiều hay ít, cao hay thấp trong thực tế, là thước đo về tính đúng đắn và trình độ phát triển của mối quan hệ giữa hai nước.

Lịch sử đấu tranh cách mạng của hai nước từ trước đến nay, nhất là trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại vừa qua, đã chứng minh rằng nhờ biết khai thác, phát huy có hiệu quả sức mạnh của mối quan hệ đặc biệt đó, mà hai dân tộc Việt - Lào đã giành được những thắng lợi vô cùng oanh liệt, viết nên những trang sử chói lọi trong lịch sử đấu tranh kiên cường vẻ vang của mỗi nước.

Hiện nay, trước yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng lớn lao và nặng nề của giai đoạn mới, hai nước Việt - Lào đều có chung nguyện vọng là tiếp tục củng cố, tăng cường và phát triển mạnh mẽ hơn nữa mối quan hệ đặc biệt thủy chung, trong sáng giữa hai Đảng và nhân dân hai nước, phù hợp với điều kiện và tình hình mỗi nước, tình hình khu vực và thế giới. Nội dung, hình thức, biện pháp và cơ chế quan hệ và hợp tác giữa hai nước cần có sự đổi mới cho phù hợp với đặc điểm của tình hình mới, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả của mối quan hệ, trên cơ sở thực sự tôn trọng độc lập tự chủ, phát huy cao độ khả năng tự lực, tự cường của mỗi nước. Đó cũng là một yêu cầu bức thiết mà hiện nay cả hai Đảng, hai Nhà nước đang tập trung nghiên cứu và chỉ đạo thực hiện □

Sức sống...

(Tiếp theo trang 59)

toàn diện để hỗ trợ chương trình cải cách của Cu-ba. Mối quan tâm của người châu Âu và cả của người Mỹ hiện nay là làm sao giành được những vị trí chiến lược trong khu vực liên doanh (có vốn nước ngoài) của nền kinh tế Cu-ba, một khu vực hiện đang lớn lên không ngừng.

Cải cách kinh tế Cu-ba với những thành công ban đầu dù còn khiêm tốn, song nó cho thấy sự nỗ lực phi thường của Chính phủ và nhân dân Cu-ba và thêm một lần nữa, chứng tỏ sức sống

mãnh liệt của người dân Cu-ba. Từ thắng lợi mới này, với những bước cải cách hợp lý tiếp theo, chúng ta tin tưởng đất nước Cu-ba anh hùng, Hòn đảo tự do của châu Mỹ, nhất định sẽ vượt qua được mọi thử thách của thời kỳ đặc biệt, và đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa. Nhân dân Việt nam nguyện sát cánh bên nhân dân Cu-ba trong thời kỳ đặc biệt này, cũng như trước đây nhân dân Cu-ba từng sát cánh với nhân dân Việt nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, như Chủ tịch Phi-đen từng sát cánh với các chiến sĩ Quân giải phóng miền Nam Việt nam trong bức ảnh chụp tại vùng giải phóng năm nào □

NHÂN CHUYẾN THĂM VIỆT NAM CỦA CHỦ TỊCH PHI-ĐEN CA-XTƠ-RÔ

SỨC SỐNG MẠNH LIỆT CỦA HÒN ĐẢO TỰ DO

VÔ THỦ PHƯƠNG

CU-BA, Hòn đảo tự do của châu Mỹ, đã hơn 30 năm ròng phải đối mặt với bão giông, vượt qua mọi thử thách, và vẫn hiên ngang đứng đó. Sức sống mãnh liệt đến kỳ lạ của người dân hòn đảo này được bạn bè gần xa ngợi ca, khâm phục ; và làm cho các thế lực thù địch tức tối điên cuồng. Suốt 33 năm Mỹ đã tiến hành một chính sách thù địch chống Cu-ba, gần đây lại đẩy tới các chiến dịch bao vây, cấm vận đối với Cu-ba. Với nỗ lực nhằm thúc đẩy sự sụp đổ của chính quyền cách mạng ở Cu-ba do Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu, Thượng nghị sĩ Det Hê-lâm và Hạ nghị sĩ Dan Bơ-tơn đã đưa ra một dự luật nhằm xiết chặt hơn nữa các "đòn trừng phạt" đối với Cu-ba (hiện đã được Hạ nghị viện thông qua).

Thái độ của Mỹ đối với Cu-ba là thái độ thù địch và mang rõ tính chất hai mặt. Tổng thống Mỹ Bin Clin-tơn nói : "Chúng ta sẽ xiết chặt lệnh cấm vận để tạo áp lực buộc nhà cầm quyền Cu-ba phải cải tổ, nhưng đồng thời chúng ta sẽ thăng tiến dân chủ để cho hai quốc gia trao đổi ý kiến với nhau nhiều hơn nữa".

Bình luận về thái độ hai mặt của Mỹ, đồng chí Ac-man-đô Hat Da-va-lôt, Bộ trưởng văn hóa Cu-ba đã nói : "Chúng ta (Cu-ba) có hiệp định di cư, còn phía kia là dự luật Hê-lâm, giữa những cái đó, họ đang cố gắng đưa cho chúng ta cái mà họ gọi là vòng tay thần chết khi dành cho Cu-ba một số thuận lợi, kể cả việc nói đến chuyện hủy bỏ cấm vận nhưng lại xâm nhập chúng ta về mặt tư tưởng và văn hóa, chúng ta cần phải luôn luôn chuẩn bị cho tình huống này với một nền văn hóa vững vàng".

Dự luận quốc tế và Liên minh châu Âu đang chỉ trích dự luật Hê-lâm và coi đó là sự vi phạm tiềm tàng các hiệp định buôn bán quốc tế.

Đối với chính sách cấm vận của Mỹ, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã phản đối kịch liệt và ra nghị quyết "Sự cần thiết phải chấm dứt lệnh cấm vận tài chính, thương mại và kinh tế do Mỹ áp đặt để chống Cu-ba" với 117 phiếu thuận, 3 phiếu chống, 38 phiếu trắng. Nghị quyết này lại một lần nữa "yêu cầu các nước phải tiếp tục áp dụng các luật lệ và biện pháp nhằm tạo ra bước cần thiết để bãi bỏ hoặc làm mất hiệu lực lệnh cấm vận càng sớm càng tốt cho phù hợp với chế độ hợp pháp".

Đại sứ Cu-ba tại Mỹ, ông Bru-nô Rô-đri-gét Pa-ri-la coi lệnh cấm vận của Mỹ là một trong những hành động xâm lược trắng trợn nhất trong lịch sử nhân loại. Ông ước tính tổng thiệt hại mà kinh tế Cu-ba phải gánh chịu trong năm 1994 ở mức trên 1 tỉ USD.

Cùng với các thiệt hại về kinh tế do lệnh cấm vận của Mỹ, sự sụp đổ của Liên xô cũ và các nước Đông Âu đã giáng một đòn nặng nề vào nền kinh tế Cu-ba. Trước đây, Liên xô và các nước Đông Âu đã đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với kinh tế Cu-ba. Phần của các nước này chiếm tới 80% kim ngạch xuất nhập khẩu, 95% lượng xăng dầu, 57% tổng số lương thực, 51% lượng thịt, phần lớn thiết bị giao thông và hàng tiêu dùng thiết yếu của Cu-ba. Thế mà từ năm 1991, các nguồn hàng nói trên bị cắt hoàn toàn. Nền kinh tế Cu-ba lâm vào tình trạng như một căn nhà bị mất hơn nửa phần móng chống đỡ. Sản xuất công nghiệp hầu như bị tê liệt : xi măng chỉ đạt 30%, phân bón chỉ đạt

15% so với công suất. Mía đường là ngành kinh tế then chốt, cũng chỉ đạt 50% so với chỉ tiêu. Mức cung cấp thực phẩm chỉ bảo đảm 30% nhu cầu hàng ngày. Một khoảng trống rất lớn đột nhiên xuất hiện trong nền kinh tế mà không thể lấp gì bù đắp trong một thời gian ngắn. Năm 1993, sản lượng lúa tụt xuống mức thấp nhất chưa từng thấy: chỉ còn 4,2 triệu tấn so với 8 triệu tấn trước kia; trong khi đó khả năng nhập khẩu lại bị thu hẹp: chỉ còn 1,7 tỉ USD (so với 2,1 tỉ USD năm 1992 và 8,2 tỉ năm 1989). Việc cung cấp lương thực, thực phẩm gặp khó khăn nghiêm trọng. Báo *Diễn đàn* phát hành tại thủ đô La Ha-ba-na ngày 27/3/1994 cho biết: mỗi ngày người dân thủ đô được mua 1 cái bánh mì và một tháng được mua 3 kg gạo, 3 kg đường, 15 quả trứng, 0,5 kg dầu thực vật và 0,5 kg đồ. Các mặt hàng như sữa, nước hoa quả, thịt gà, khoai tây và chuối chỉ dành bán cho trẻ em dưới 7 tuổi và cho người già.

Cơn sóng gió về kinh tế đã kéo theo những biểu hiện rất đáng lo ngại về chính trị xã hội: số người di tản sang Mỹ và các nước khác ngày một tăng; hoạt động của lực lượng chống đối và của lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước rầm rộ hơn... Tuy Nhà nước và nhân dân Cu-ba đã phải tiết kiệm tiêu dùng, "thắt lưng buộc bụng" hết mức nhưng nền kinh tế vẫn không tránh khỏi trượt dài xuống dốc. Năm 1993 là năm tồi tệ nhất, năm mà không chỉ báo chí phương Tây mà ngay cả báo chí Cu-ba cũng gọi là "năm chạm đáy" của nền kinh tế Cu-ba.

Trước thực tế nghiệt ngã như vậy, Cu-ba chỉ còn cách lựa chọn: hoặc là đổi mới, cải cách; hoặc là suy thoái hơn nữa, và như vậy chắc năm 1993 chưa phải là "năm chạm đáy". Cu-ba đã lựa chọn con đường đổi mới. Và năm 1993 cũng là năm mở đầu cho nhiều cải cách kinh tế ở Cu-ba. Cu-ba bắt đầu hợp pháp hóa việc sử dụng ngoại tệ ở thị trường trong nước, cho phép mở rộng ngành nghề cá thể; cải tiến cơ chế quản lý nông nghiệp, mở cửa hơn nữa cho đầu tư nước ngoài; phát triển du lịch; từng bước lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, v.v.. Những cải cách nói trên tuy còn nhiều hạn chế, song thực tế đã góp phần làm dịu bớt các khó khăn về kinh tế, góp phần tháo gỡ những căng thẳng về xã hội, chính trị, khai thông được các hoạt động kinh tế đối ngoại và quan hệ quốc tế. Theo thông báo của Chính phủ Cu-ba, từ

năm 1994, đất nước bắt đầu thoát dần khỏi tình trạng điều đứng và đi vào phục hồi. Các nguồn tin nước ngoài cho biết: khối lượng giá trị xuất khẩu của Cu-ba năm 1994 đã đạt mức 2,4 tỉ USD, tức trở lại mức năm 1992.

Chủ tịch Phi đen Ca-xơ-rô trong bài trả lời phỏng vấn của ông Ma-ri-ô Va-ket Ran-sơ, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Tổ chức xuất bản Mê-hi-cô, đã nói: "Chúng tôi đã tiến hành một sự mở cửa quan trọng, đầu tiên là đối với tư bản (vốn) nước ngoài. Điều này chúng tôi đã có ý thức từ trước khi xảy ra thảm họa đối với phe xã hội chủ nghĩa... Đầu tư nước ngoài đang tiến triển tốt và chúng tôi coi đó là một nguồn vốn quan trọng cho sự phát triển".

Chủ tịch Phi đen còn cho biết: hiện nay không chỉ trên lĩnh vực quản lý khách sạn, mà cả trong các liên doanh sản xuất cũng đã có các giám đốc là người nước ngoài; vì họ vừa có kinh nghiệm quản lý vừa có thị trường tiêu thụ sản phẩm, nên các xí nghiệp liên doanh cho đến nay hoạt động rất tốt. Chủ tịch nhấn mạnh: chúng tôi không bán những xí nghiệp của mình, chúng tôi chỉ thành lập các xí nghiệp liên doanh... Chúng tôi không phải là các nhà tư bản mà là những người xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi không bán đất nước của mình.

Quan hệ kinh tế và ngoại giao của Cu-ba với các nước trên thế giới ngày càng tiến triển tốt. Các nước cùng khu vực Mỹ la tinh dù còn có những bất đồng với Cu-ba, nhưng vẫn kiên quyết ủng hộ sự độc lập tự chủ của Cu-ba. Họ hiểu rằng, nếu Cu-ba mất độc lập thì nền độc lập của chính họ cũng sẽ bị ảnh hưởng.

Từ tháng 9 năm nay, châu Âu và Mỹ bắt đầu có sự chạy đua về ngoại giao và thương mại hy vọng chiếm được những vị trí chiến lược trong thị trường Cu-ba đang ngày một mở rộng cửa. Ngày 6-10 Tổng thống Mỹ Bin Clin-تون thông báo một loạt biện pháp cho phép trao đổi nhiều hơn với Cu-ba bất chấp lực lượng cánh hữu trong Đảng cộng hòa chủ trương tăng cường hơn nữa cuộc bao vây thương mại đối với Cu-ba. Ngày 7-11, tại La Ha-ba-na, Chính phủ Cu-ba và Liên hiệp châu Âu (EU) đã bắt đầu vòng đàm phán cấp cao về tương lai của mối quan hệ song phương trên mọi lĩnh vực. Vòng đàm phán này hướng tới việc ký kết một thỏa thuận hợp tác kinh tế và thương mại

(Xem tiếp trang 57)



Tìm hiểu khái niệm

CÔNG CHỨC, CÔNG VỤ, CÔNG SỞ

• **CÔNG CHỨC.** Công chức, theo cách hiểu phổ quát, là người được tuyển dụng hoặc được bổ nhiệm vào làm việc trong một cơ quan của nhà nước ở trung ương hay địa phương, giữ một công việc thường xuyên ở một ngạch trong hệ thống ngạch bậc và được hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp. Công chức làm việc theo luật, pháp lệnh, quy chế do Nhà nước hoặc các cơ quan chức năng của nhà nước ban hành. Từ năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 76/SL ban hành "Quy chế công chức của nước Việt nam dân chủ cộng hòa". Ban quy chế nêu rõ *định nghĩa* về công chức, nêu rõ *nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi* của công chức, nêu rõ *cách tuyển dụng* cũng như *việc quản lý, sử dụng, thưởng phạt, cho thôi việc hoặc cho nghỉ hưu* đối với công chức.

Trong một thời gian dài, do nhiều nguyên nhân, chúng ta ít sử dụng thuật ngữ "công chức" mà thường gọi chung là "cán bộ" hoặc "viên chức", "nhân viên" - một khái niệm rộng, phản ánh nhiều đối tượng hơn là công chức. Gần đây, thuật ngữ "công chức" được sử dụng lại nhiều hơn trong các văn bản pháp luật. Nó vừa kế thừa nội dung cơ bản của "Quy chế công chức" nêu trên, vừa phát triển, bổ sung những điểm cần thiết cho phù hợp với điều kiện mới.

Công chức được xác định ở ba mức độ :

- Mức hẹp, gồm những người làm việc trong các cơ quan hành chính ở trung ương.
- Mức vừa, gồm những người làm việc trong các cơ quan hành chính ở trung ương và địa phương.
- Mức rộng, gồm những người làm việc ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước ở trung ương và địa phương.

Công chức hành chính là một đội ngũ được đào tạo, bổ nhiệm theo một hệ thống riêng và mang tính ổn định. Họ phải có các tiêu chuẩn sau:

- Là những người được tuyển dụng hoặc bổ nhiệm vào làm việc thường xuyên, tương đối ổn định trong bộ máy hành chính nhà nước; bao gồm những người làm nhiệm vụ chỉ huy, điều hành, làm công việc hành chính hoặc công việc phục vụ trong cơ quan hành chính nhà nước.
- Là những người được xếp vào một ngạch, bậc nhất định, phù hợp với khả năng và trình độ của từng người. Hệ thống ngạch, bậc được phân theo các chức danh công chức do nhà nước quy định. Họ phải được ghi trong danh sách biên chế của một cơ quan hành chính nhất định và được quản lý theo quy chế nhà nước.

Công chức hành chính nhà nước được trả lương và phụ cấp, được bảo đảm quyền lợi về vật chất và tinh thần để làm tròn bốn phận phục vụ nhà nước, phục vụ nhân dân. Nguồn kinh phí để trả lương cho họ hoàn toàn do nhà nước đài thọ. Việc chuyển chuyên, chuyển ngạch, đề bạt, cho họ nghỉ việc, thôi việc hoặc nghỉ hưu do nhà nước quy định theo một quy chế riêng. Cơ quan quản lý công chức loại nào thì xử lý đối với công chức loại đó. Họ cần được cơ quan trực tiếp quản lý tạo mọi điều kiện cần thiết để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Công chức hành chính nhà nước là những người làm các công việc có tính chất nghề nghiệp, nên họ phải được đào tạo, bồi dưỡng và sắp xếp theo trình độ chuyên môn. Những người tạm tuyển vào làm trong cơ quan hành chính nhà nước không thuộc phạm vi công chức hành chính nhà nước. Họ không được xếp vào ngạch bậc và danh sách chính thức của cơ quan. Tiền lương của họ do cơ quan tạm tuyển lấy từ ngân sách của mình trả ra.

Đại diện *dẫn* có theo nhiệm kỳ (như đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp), thẩm phán, người phục vụ trong lực lượng vũ trang, người hoạt động trong các đoàn thể không thuộc hệ thống hành chính và người làm việc trong các đơn vị sản xuất kinh doanh có chức danh riêng, không thuộc phạm vi công chức.

• **CÔNG VỤ :** Là chức năng tổ chức và hoạt động của nhà nước nhằm ổn định, phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhân dân thông qua hoạt động của các cơ quan và công chức nhà nước ; là toàn thể công chức làm việc thường xuyên trong bộ máy nhà nước và là toàn bộ quy chế (luật, văn bản pháp quy) về công chức.

Công vụ theo *nghĩa rộng* là dựa trên chức năng của toàn bộ các nhân viên các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương, không kể họ thuộc cơ quan nào, công sở nào, theo cơ cấu nào, cấp nào tuyển dụng và thang bậc lương bổng nào.

Công vụ theo *nghĩa hẹp* là dựa trên giác độ pháp lý bao gồm những viên chức có tư cách công chức, bị chi phối bởi quy chế công chức.

Có hai kiểu chế độ công vụ : *chế độ chức nghiệp* (career system) và *chế độ việc làm* (Job system).

+ *Chế độ chức nghiệp* là chế độ bảo đảm cho người công chức làm việc chuyên nghiệp suốt đời trong công vụ cho đến lúc về hưu trên cơ sở có sự phân ngạch, bậc riêng biệt. Ví dụ như ở Pháp, công chức được chia ra làm bốn loại : A, B, C, D ; trong mỗi loại có một số ngạch, trong mỗi ngạch có các cấp hay hạng, và trong mỗi cấp có các bậc hay trật.

O Việt nam, có thể chia công chức làm sáu ngạch : *tùy phái, tá sự, cán sự, tham sự, kiểm sự, và giám sự*, tương ứng với các chức danh : *nhân viên, cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, và cố vấn*. Mỗi ngạch đều phân theo các bậc gắn liền với trách nhiệm, trình độ, tiền lương, phụ cấp của nhà nước.

+ *Chế độ việc làm* (phổ biến ở Mỹ từ năm 1923) khác với chế độ chức nghiệp . Nó gồm *một danh mục các việc làm* của hệ thống hành chính trong đó sắp xếp các loại việc làm, các chức vụ, các nhiệm vụ phải hoàn thành nhằm xác định một chế độ tuyển dụng, vì mỗi việc đều được quy định rõ trình độ chuyên môn và thể thức tuyển dụng ; xác định một chế độ lương bổng với một bảng chỉ số theo tầm quan trọng của nhiệm vụ và trách nhiệm, trình độ chuyên môn. Mỗi việc làm được sắp xếp thành các hạng, hạng xếp thành loại. Mỗi hạng, loại kèm theo chỉ số tiền lương nhất định.

• **CÔNG SỞ :** Là nơi làm việc của các cơ quan, tổ chức nhà nước ở trung ương và địa phương có phương tiện vật chất và con người, có các chức năng quản lý nhà nước hoặc phục vụ việc công.

Có ba loại công sở :

- + Công sở *hành chính* : Bộ, sở và các cơ quan quản lý nhà nước khác. Loại công sở này do nhà nước bảo trợ hoàn toàn.
- + Công sở *phục vụ sự nghiệp công* như : trường học, bệnh viện, các trung tâm nghiên cứu khoa học quốc gia... Nó phải thực hiện chức năng của mình do nhà nước giao cho từ khi được thành lập. Các cơ quan này mang tính tự quản, có nguồn tài chính riêng hoặc bằng ngân sách nhà nước cấp hoặc có nguồn thu qua các hoạt động của mình.
- + Công sở *ban công* gồm các trung tâm đào tạo, dạy nghề, các hiệp hội... hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Nó hoạt động vì mục đích chung của xã hội bằng các nguồn vốn tự có, bằng quyền góp, hoặc sự trợ giúp của nhà nước.

HỘI THẢO "NÂNG CAO HƠN NỮA CHẤT LƯỢNG TẠP CHÍ LÝ LUẬN - CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY"

Thiết thực kỷ niệm 65 năm ngày Tạp chí lý luận chính trị của Đảng ra số đầu (1930 - 1995) và 40 năm xuất bản đều kỳ Tạp chí Học tập - Tạp chí Cộng sản (1955 - 1995), vừa qua, Bộ biên tập Tạp chí đã tổ chức hội thảo "Nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí Cộng sản trong giai đoạn hiện nay".

Dự hội thảo có đại diện của Ban tư tưởng văn hóa Trung ương, Bộ văn hóa - thông tin, Hội nhà báo Việt nam; đại diện một số báo và tạp chí ở trung ương và Hà nội; đồng đủ anh chị em hội viên nhà báo và cán bộ biên tập của Tạp chí. Đồng chí *Nguyễn Đức Bình*, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng đã đến dự và có bài phát biểu quan trọng (xin xem toàn văn bài phát biểu của đồng chí trong số này).

Mở đầu hội thảo, PGS, PTS *Nguyễn Phú Trọng*, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Tạp chí đã phát biểu ý kiến. Đồng chí nêu vắn tắt truyền thống lịch sử, và quá trình phát triển của Tạp chí; những đóng góp chủ yếu của Tạp chí vào sự nghiệp đổi mới đất nước trong 10 năm qua. Đồng chí nhấn mạnh, từ tháng 7/1995, theo quyết định của Thường trực Bộ chính trị - Ban bí thư, Tạp chí Cộng sản ra mỗi tháng hai kỳ. Đây là bước ngoặt quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành của Tạp chí, đồng thời cũng là một thử thách lớn đối với lãnh đạo và cán bộ của Tạp chí. Điều đáng mừng là công việc vừa qua vẫn chạy đều và từng bước đã đi vào nề nếp; số lượng phát hành không giảm; nội dung phong phú và hình thức ngày càng đẹp hơn, hấp dẫn hơn. Bài vở phản ánh trong năm, nổi lên 3 mảng chính:

Mảng một: Tập trung đi sâu, làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; và chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam; lý giải và luận chứng các nghị quyết, các quyết sách quan trọng của Đảng và Nhà nước. Gắn việc tuyên truyền giáo dục với các ngày kỷ niệm lớn của dân tộc.

Mảng hai: Tạp chí tham gia tích cực vào việc tổng kết thực tiễn; bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối của Đảng dưới các mục nghiên cứu trao đổi, ý kiến kinh nghiệm, điều tra...

Mảng ba: Tạp chí tham gia kịp thời và tương đối đều đặn cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng hiện nay.

Tạp chí đã tổ chức hội nghị cộng tác viên ở ba miền Trung - Nam - Bắc, ghi nhận nhiều ý kiến đóng góp bổ ích của bạn đọc xa gần.

Đồng chí *Nguyễn Phú Trọng* cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt còn hạn chế và yếu kém của Tạp chí: Bài vở chưa xứng với tầm vóc hiện nay của sự nghiệp đổi mới đất nước; những bài lớn, có tầm cỡ về mặt lý luận và thực tiễn chưa nhiều; chưa có bài điều tra sắc sảo, phát hiện kịp thời những khuynh hướng dễ uốn nắn hoặc bổ sung thiết thực cho đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Các bài đấu tranh tư tưởng chưa bao quát hết vấn đề; lý lẽ có chỗ chưa thấu đáo và chưa đủ sức thuyết phục. Trên một số bài, đây đó còn để sai sót (kể cả mặt nội dung); chưa huy động được hết lực lượng cộng tác viên giỏi nhất.

Đồng chí cũng nêu những nét lớn trong phương hướng biên tập của Tạp chí từ nay đến Đại hội VIII của Đảng. Đồng chí chân thành kêu gọi sự giúp đỡ, hợp tác của các địa phương, các ngành, các báo, đài, tạp chí bạn; mong muốn được sự quan tâm, chăm sóc và hướng dẫn truyền xuyên của các cấp lãnh đạo để Tạp chí ngày càng vươn lên hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng với vị trí truyền thống là "ngọn cờ tư tưởng và lý luận" của Đảng.

Nhiều ý kiến phát biểu trong hội thảo đã khẳng định bước trưởng thành rõ rệt của Tạp chí trong mấy năm qua, đặc biệt từ khi Tạp chí ra mỗi tháng hai kỳ. Đồng chí Trần Hữu Tiến (Tổng biên tập Tạp chí *Nghiên cứu lý luận*) nhấn mạnh: "Đây là công việc rất đáng hoan nghênh và đáng khâm phục". Đồng chí Nguyễn Thạc Hân (Tạp chí *Dân vận*) cho rằng "điều đáng học tập ở Tạp chí Cộng sản là nghệ thuật phát hành để giữ được số lượng gần 5 vạn số mỗi tháng, trong điều kiện hiện nay kinh phí của Đảng quá eo hẹp". Đồng chí Đức Lượng (Phó tổng biên tập Báo *Nhân dân*) nêu hiện tượng đáng mừng là ở nhiều nơi các bí thư, chủ tịch huyện, xã và đặc biệt là các giám đốc kinh doanh gần đây rất chú tâm đọc *Tạp chí Cộng sản*. "Chúng tôi rất muốn học kinh nghiệm làm bài và đặt bài trên phương diện đấu tranh tư tưởng", đó là ý kiến của đồng chí Đỗ Ba (Quyền Tổng biên tập Tạp chí *Thông tin lý luận*).

Đồng chí *Võ Tử Thành* (Vụ trưởng Vụ báo chí Ban tư tưởng văn hóa) đánh giá "trong số 240 Tạp chí cả nước, *Tạp chí Cộng sản* vẫn giữ được vị trí chính thống, chứng chắc, gần đây chất lượng khá hơn nhất là các bài trên lĩnh vực đấu tranh tư tưởng. Từ khi Tạp chí ra hai kỳ mỗi tháng, công việc nhiều thêm nhưng chất lượng bài vở không những không giảm đi mà có mặt còn phát triển tốt hơn. Đồng chí Nguyễn Hồng Cơ (Phó tổng biên tập Tạp chí *Xây dựng Đảng*) hoan nghênh việc tổ chức cuộc hội thảo này và gop thêm kinh nghiệm tổ chức phát hành và cân đối thu chi. Một số ý kiến chỉ ra những mặt hạn chế của Tạp chí Cộng sản cần khắc phục và đề nghị chú trọng hơn việc tổng kết thực tiễn. Có vấn đề có thể viết thành một hoặc nhiều bài đáng nhiều số. Trong cơ chế thị trường hiện nay, Tạp chí nên tập trung sức tổng kết vấn đề xây dựng Đảng cả trên lĩnh vực lý luận và thực tiễn.

Hội thảo sau đó đi sâu trao đổi 3 nội dung:

Nội dung thứ nhất được nhiều người quan tâm là làm thế nào nâng cao chất lượng bài trên Tạp chí? Đồng chí *Trịnh Cư* (chuyên viên lâu năm của Tạp chí) nêu vấn đề "chất lượng của Tạp chí trước hết là chất lượng lý luận". Nhưng "tinh lý luận của Tạp chí" có nội dung ra sao, đồng chí *Nguyễn Thiện Nhân* (Phó tổng biên tập) khẳng định: "Phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm cơ sở và vận dụng sáng tạo trên lập trường của giai cấp công nhân, soi sáng những vấn đề của sự nghiệp cách mạng nước ta; lý luận phải gắn với thực tiễn; lý luận trên Tạp chí phải khác với lý luận của các tạp chí chuyên ngành. Lý luận đó còn phải tiếp thu có chọn lọc những quan điểm của các bộ môn khoa học xã hội khác; tinh lý luận của Tạp chí gắn với tinh chính trị của Tạp chí."

Trong tinh hình hiện nay làm cách nào để nâng cao chất lượng Tạp chí, đồng chí *Trịnh Cư* nói: "Trên mặt bằng văn hóa, chính trị của Đảng ta đã được nâng cao một cách căn bản, Tạp chí phải làm sao nâng cao hơn mặt bằng đó mới có thể làm tốt chức năng là cơ quan lý luận chính trị của Trung ương Đảng... Tạp chí phải đứng vững trên đôi chân của mình trong cơ chế mới".

Một vấn đề liên quan đến chất lượng Tạp chí là "tinh chiến đấu". Hiểu thế nào là tinh chiến đấu, theo đồng chí *Vũ Hiến* (Phó tổng biên tập) thì đây là "thuộc tính của *Tạp chí Cộng sản*, là bản lĩnh của báo chí cách mạng". Còn theo đồng chí Nguyễn Văn Lộc (nguyên Ủy viên Ban biên tập) cho rằng tinh chiến đấu là sự đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái có khi là của nội bộ, có khi là của kẻ thù, nhất là khi xảy ra những sự kiện quan trọng đặc biệt. Song muốn nâng cao tinh chiến đấu là một việc làm không dễ. Theo đồng chí *Lê Xuân Vũ* (nguyên Trưởng ban văn xã): thực hiện điều này, người viết trước hết phải "là minh", "là đảng", "là nhân dân"; người viết cần hiểu biết rộng và cuối cùng cần có chỉ huy, có vai trò "nhạc trưởng", và đôi khi cần xuất tượng.

Loại bài lâu nay Tạp chí cố gắng phấn đấu nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu mong muốn, đó là bài "điều tra". Về vấn đề này, đồng chí **Đoàn Đình Huê** (biên tập viên Ban kinh tế) nêu 4 điểm cần chú ý : 1) Tăng cường điều kiện và phương tiện làm việc ; 2) Khắc phục tâm lý ngại va chạm, dửng dưng ; 3) Cân coi trọng bài này theo nghĩa khoa học của nó ; 4) Bài điều tra cần đưa vào kế hoạch đăng sớm, nếu không sẽ mất tinh thời sự.

Nội dung lớn thứ hai là tăng cường và mở rộng đội ngũ cộng tác viên. Đồng chí **Xuân Hải** (Phó trưởng ban xây dựng Đảng) nêu 4 khâu rất cơ bản, trong đó đồng chí nhấn mạnh khâu xây dựng chiến lược về cộng tác viên và tạo điều kiện để biên tập viên giao đãi, tiếp xúc rộng rãi với cộng tác viên. Muốn vậy đi dự các cuộc hội thảo, hội nghị không nên chỉ dành riêng cho cấp lãnh đạo. Lễ lỗi làm việc cần cải tiến để cộng tác viên sớm nhận được thông tin bài mình có được sử dụng hay không...

Trả lời câu hỏi "Vi sao bài của các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước chưa nhiều" đồng chí **Văn Đức** (Phó trưởng ban văn xã) nêu hai nguyên nhân chính : Về phía cán bộ biên tập, anh chị em đã phần còn e dè, ngại tiếp cận, tiếp xúc với các đồng chí lãnh đạo cấp cao ; do trình độ phát hiện vấn đề, triển khai vấn đề, vạch đề cương, gợi ý nội dung còn bị hạn chế (nhất là những vấn đề có tầm lý luận và thực tiễn lớn) ; do bám các hoạt động của lĩnh vực mình phụ trách chưa sâu, thông tin không đủ (rất ít điều kiện ra nước ngoài, tầm hiểu biết hạn chế) nên không nhạy bén đặt ra những vấn đề để kiến nghị các đồng chí lãnh đạo viết bài.

Về phía các đồng chí lãnh đạo cấp cao phần vì công việc quá bận rộn, phần vì chưa tạo ra cơ chế thuận lợi để anh chị em biên tập của Tạp chí tiếp xúc (qua thư ký nhiều khi rất khó, thành hoặc có đồng chí thư ký còn ngại việc). Một vài đồng chí lãnh đạo ngành còn ngại viết bài cho Tạp chí hoặc có phần thiếu sự quan tâm đến công việc của Tạp chí - một công việc chung của toàn Đảng.

Vấn đề cuối cùng nhưng lại quan trọng bậc nhất là vấn đề củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ biên tập của Tạp chí. Đồng chí **Nguyễn Văn Lộc** nêu câu nói của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh trước đây : "Làm lý luận là công tác thâm lặng mà anh dũng : là công tác thâm lặng mà phức tạp. Đó là một công tác rất khó...". Vì vậy theo đồng chí, cán bộ biên tập của Tạp chí Cộng sản cùng với việc nâng cao phẩm chất chính trị đạo đức cần không ngừng học tập, tự bồi dưỡng kiến thức, năng lực và nghiệp vụ biên tập để có thể biên tập và tổ chức biên tập, viết bài, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Tạp chí.

Sau bài phát biểu quan trọng của đồng chí **Nguyễn Đức Bình**, Hội thảo đã kết thúc trong không khí thân tình, cởi mở.

P.V.

★ TIN VĂN ★ TIN VĂN ★

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN KINH BÁO

Nhân dịp kỷ niệm 65 năm Tạp chí lý luận - chính trị của Trung ương Đảng ra số đầu (5-8-1930 - 5-8-1995) và 40 năm tạp chí *Học tập - Tạp chí Cộng sản* ra đều kỳ hằng tháng (15-12-1955 - 15-12-1995), Ban biên tập Tạp chí Cộng sản trân trọng gửi tới các đồng chí cán bộ, phóng viên, biên tập viên, những người đã từng công tác ở Tạp chí qua các thời kỳ, hiện đã nghỉ hưu hoặc chuyển cơ quan khác, lời thăm hỏi ân cần và lời chúc sức khỏe thân thiết nhất.

Buổi lễ kỷ niệm sẽ được tổ chức vào hồi 9 giờ ngày 15-12-1995 tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, số 3 Ngọc Hà, Hà nội. Kính mời các đồng chí có điều kiện cùng đến tham dự.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

TIN BUỒN

Như tin đã đưa, đồng chí **Hà Huy Giáp**, sinh ngày 4-4-1908, quê quán xã Sơn thịnh, huyện Hưng sơn, tỉnh Hà tĩnh ; nguyên Ủy viên dự khuyết BCH TU Đảng khoá II, Ủy viên BCH TU Đảng khoá III ; đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, giáo dục ; đã được tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương kháng chiến chống Pháp hạng nhất, Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, Huy hiệu 50 năm tuổi đảng và nhiều Huân chương, Huy chương cao quý khác.

Đã từ trần hồi 15 giờ 30, ngày 3-12-1995, thọ 87 tuổi.

Tang lễ đồng chí Hà Huy Giáp đã được tổ chức trọng thể vào hồi 8 giờ ngày 7-12-1995, tại Nhà Hữu nghị số 31, đường Lê Duẩn, TP Hồ Chí Minh và Trụ sở Bộ văn hóa - thông tin, 53 Ngõ quyền, Hà nội.

Đồng chí Hà Huy Giáp đã có thời gian là Ủy viên Ban biên tập của tạp chí *Học tập* (nay là *Tạp chí Cộng sản*) và làm chủ nhiệm tạp chí *Nghiên cứu*, "Cơ quan lý luận của Trung ương Cục miền Nam Đảng lao động Việt nam" (nay là Đảng cộng sản Việt nam).

QUẢNG CÁO



• CÔNG TY XI MĂNG HÀ TIÊN II

- Là doanh nghiệp nhà nước tách từ Nhà máy Liên Hợp Xi Măng Hà Tiên từ ngày 01/01/1993.

• Trụ sở : Thị trấn Kiên Lương - Huyện Hà Tiên - Tỉnh Kiên Giang

• Điện thoại : 01.77.53004 - 53090 • Fax : 84-77-53005

- ◆ Dây chuyền công nghệ hiện đại, thiết bị do Hãng POLYSIUS (Cộng Hòa Pháp) cung cấp. Nhiên liệu nung clinker là dầu MFO.
- ★ Năng lực sản xuất hiện nay : 1.150.000 tấn clinker và 500.000 tấn xi măng PC30 mỗi năm. 60% sản lượng clinker cung cấp Công ty xi măng Hà Tiên I để sản xuất xi măng tại Thủ Đức.
- ◆ Ngoài clinker thường để sản xuất xi măng PC30, công ty còn sản xuất theo đơn đặt hàng các loại clinker đặc chủng để sản xuất xi măng ít tỏa nhiệt, xi măng bền sulfat, xây dựng các công trình thủy điện, công trình ven biển.
- ★ Sản phẩm xi măng PC30 của Công ty là Xi Măng Hà Tiên đã có từ hơn 30 năm nay, hiện bán rộng rãi ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
- ★ Sản phẩm "XI MĂNG PORTLAND HÀ TIÊN II" luôn luôn bảo đảm chất lượng theo TCVN 2682-92. Trọng lượng bao bình quân $\geq$ 50kg/bao theo quy định đo lường của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.
- ◆ Vỏ bao P.P đảm bảo an toàn trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, bảo quản.
- ★ Huy chương vàng hội chợ quốc tế công nghiệp Việt nam năm 1993 tại Giảng Võ, Hà Nội.
- ★ Huy chương vàng "Chất lượng cao và ổn định" Bộ Xây Dựng năm 1993.
- ◆ Sản phẩm XI MĂNG PC30 của Công ty luôn luôn được kiểm tra chặt chẽ trước khi xuất xưởng.

CHI NHÁNH GIAO DỊCH VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM :

- | | |
|--|------------------------------|
| • TP. Hồ Chí Minh : Số 19 - Lầu 3 - Hồ Tùng Mậu - Quận 1 | • Điện thoại : 01.8.290324. |
| • Tiền Giang - Bến Tre : - 26/3 Lê Lợi - Mỹ Tho - Tiền Giang | • Điện thoại : 01.73.72042. |
| - 144 Hùng Vương - Bến Tre. | • Điện thoại : 01.75.22319. |
| • Vĩnh Long - Trà Vinh : 07/3 Phạm Hùng - Vĩnh Long. | • Điện thoại : 01.70.23507. |
| 06 Điện Biên Phủ - Trà Vinh. | • Điện thoại : 01.74.68.302. |
| • Sóc Trăng - Minh Hải : 202A Lý Văn Lâm - Cà Mau. | • Điện thoại : 01.78.31112. |
| 24 Trần Hưng Đạo - Sóc Trăng. | • Điện thoại : 01.79.52456. |
| • An Giang : Kho Long Xuyên - Cầu quay - Thị xã Long Xuyên | • Điện thoại : 01.76.53412. |
| • Đồng Tháp : Kho Cao Lãnh - Mỹ Tho - Cao Lãnh - Đồng Tháp | • Điện thoại : 01.67.22244. |
| • Cần Thơ : Kho Cô Bắc - phường Bình Thủy - Cần Thơ | • Điện thoại : 01.71.41326. |
| • Kiên Giang : Công ty Xi măng Hà Tiên II - Kiên Lương - Hà Tiên - Kiên Giang. | |

CÔNG TY NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU TỈNH CẦN THƠ

* 152 - 154 TRẦN HUNG ĐẠO - TP CẦN THƠ * TELEX : 711041 HAFPEX - VT

* TEL : 35542 - 35544 - 32058 - 32059

* FAX : 84 - 71 - 32060



Ảnh chụp tại buổi Lễ trao giải thưởng về Chất lượng tại GENEVA - THỤY SĨ ngày 28 tháng 04 năm 1994. Từ trái sang phải :

* Ô. MICHEAL SZABO - Chủ tịch GOM

* Ô. DƯƠNG VIỆT TRUNG - Giám đốc Cty NSTPKX Cần thơ

* Ô. DAVID J. ROE - Giám đốc GOM

* Ô. THÁI HUY DƯƠNG - Tham tán Thương mại Sư quán Việt nam tại LUÂN ĐÔN

* A. NGUYỄN MINH TRUNG - Cán bộ Cty NSTPKX Cần thơ.

KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP

- Sản xuất trứng vịt muối xuất khẩu.
- Xuất khẩu : Các loại hàng : lương thực, nông sản, thực phẩm thủy hải sản chế biến, tiểu thủ công mỹ nghệ.
- Nhập khẩu : Các loại vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất và các loại hàng tiêu dùng thiết yếu.
- Nhập ủy thác xuất nhập khẩu với lệ phí ưu đãi.
- Liên doanh với nước ngoài hình thành các xí nghiệp đi vào hoạt động có hiệu quả kinh tế.
- XÍ NGHIỆP LÒNG VŨ MEKO
- XÍ NGHIỆP MAY MẶC MEKO
- XÍ NGHIỆP GIA CẨM MEKO
- XÍ NGHIỆP THỦ CÔNG MỸ NGHỆ MEKO
- XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN THỨC ĂN GIA SÚC MEKO
- XÍ NGHIỆP THUỘC DA MEKO

Sẵn sàng hợp tác, liên doanh với các đơn vị trong và ngoài nước để đầu tư phát triển sản xuất và chế biến hàng xuất khẩu.

*Hân hạnh
được đón tiếp
quý khách*



BƯU ĐIỆN TỈNH VĨNH LONG

Số 14, Đường HOÀNG THÁI HIẾU

Phường 1, TX Vĩnh Long

Điện thoại : 22118 - 22483

Fax : 22444 - 33444

SẴN SÀNG PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH MỌI YÊU CẦU BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG.

Nhận khảo sát, thiết kế lắp đặt các loại thiết bị viễn thông như : Tổng đài PABX, thiết bị vô tuyến, thiết bị Fax, Telex, thiết bị bộ đàm cho các mạng thông tin nội bộ.

ĐẶC BIỆT CÓ CÁC DỊCH VỤ MỚI NHƯ SAU :

- 1) EMS : Bưu phẩm chuyển phát nhanh
- 2) Fax Collect đi Mỹ
- 3) Điện hoa
- 4) Videophone (điện thoại thấy hình)
- 5) Các dịch vụ tiện lợi của Tổng đài EWSD như : Quay số tắt truy tìm cuộc gọi phá rối, báo chuông hẹn giờ, điện thoại Hội nghị, thông báo vắng mặt, giới hạn cuộc gọi, chuyển cuộc gọi tạm thời, đường dây ưu tiên, ngăn các cuộc gọi đi, dịch vụ 108 v.v..
- 6) Chuyển tiền nhanh.
- 7) Ngoài ra Bưu điện Vĩnh Long có mở dịch vụ bán vé tàu hỏa đi trong nước và dịch vụ bán vé máy bay đi trong nước và Quốc tế.
- 8) Một ngày gần đây Bưu điện Vĩnh Long sẽ phục vụ Quý khách các dịch vụ : Thông tin di động, máy nhắn tin, điện thoại dùng thẻ, thư điện tử, Bưu điện công kênh v.v..



Mọi chi tiết xin Quý khách liên hệ các cơ sở Bưu điện gần nhất.

MỤC LỤC

TẠP CHÍ CỘNG SẢN NĂM 1995

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG		
- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân	Trường Mậu	1
- Chính quyền và nhiệm vụ dân vận	Nguyễn Khánh	1
- Chuyển giao công nghệ - yếu tố quan trọng thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Đình Tứ	1
- Phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, phấn đấu mãi mãi xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân, đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới	Đỗ Mười	2
- Sự kiện lịch sử và tác dụng lịch sử của nó	Phạm Văn Đồng	2
- Nhận thức lại cốt lõi một quy luật	Lưu Hà Vĩ	2
- Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa vững mạnh, thực sự của dân, do dân và vì dân	Xã luận	3
- Xây dựng và hoàn thiện chính quyền ngang tầm phát triển của đất nước, xứng đáng với lòng tin yêu của nhân dân	Đỗ Mười	3
- Một sự chỉ đạo chiến lược chính xác, sắc bén và linh hoạt	Văn Tiến Dũng	4
- Lê-nin với báo chí cách mạng	Tô Huy Rứa	4
- Lê-nin và khoa học tự nhiên	Nguyễn Đình Cát	4
- Tư tưởng của V.I.Lê-nin sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta	Nguyễn Đức Bình	5
- Vấn đề gia đình hiện nay	Nguyễn Khánh	5
- Hồ Chí Minh với việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Đặng Xuân Kỳ	5
- Điều kiện lịch sử - xã hội và nguồn gốc của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Doãn Tá	5
- Phải chăng lý luận giá trị thặng dư của C.Mác đã lỗi thời?	Mai Hữu Thực	5

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt nam	* * *	6
- Góp thêm ý kiến về kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Trần Hồ	6
- Cùng bạn đọc thân mến		7
- Trách nhiệm hàng đầu của nhà báo là trung thành với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa	Đỗ Mười	7
- Phát huy truyền thống hào hùng của báo chí cách mạng nước ta	Đào Duy Tùng	7
- Quy ước về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của báo chí Việt nam	* * *	7
- Tương lai dưới con mắt nhà tương lai học An-vin Tô-phơ	Trần Xuân Trường	7-8
- Tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong hệ thống chính sách kinh tế mới	Mai Hữu Thực	8
- 50 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng công an nhân dân	Bùi Thiện Ngộ	9
- Nửa thế kỷ thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp cách mạng Việt nam	Xã luận	10
- Dựa vào nhân dân, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi hoàn toàn	Nguyễn Văn Linh	10
- Ngoại giao Việt nam góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của dân tộc	Nguyễn Mạnh Cầm	10
- Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám	Đinh Xuân Lâm - Bùi Đình Phong	10
- Nửa thế kỷ chiến đấu và xây dựng của nhà nước Việt nam độc lập trong thời đại Hồ Chí Minh	Lê Đức Anh	11
- Tầm vóc và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt nam mới	Phạm Văn Đồng	11
- Vì sao Đảng ta kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin?	Nguyễn Phú Trọng	11
- Tính khoa học của chủ nghĩa xã hội mác xít	Phạm Văn Chúc - Lương Khắc Hiếu	11
- Tầm cao mới, chiều sâu mới của đại đoàn kết dân tộc	Vũ Oanh	12

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Lợi cho ai và hại cho ai ?	Lê Xuân Vũ	12
- Sở hữu và thị trường	Lưu Hà Vĩ	12
- Trong hành trình đưa đất nước tiến lên cần luôn luôn trân trọng, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc	Đỗ Mười	13
- Học thuyết kinh tế của Mác và thời đại hiện nay	Lê Ngọc Tông	13
- Một số vấn đề về chủ nghĩa tư bản nhà nước	Trần Đình Thiên	13
- Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp phát triển toàn diện đất nước	Võ Văn Kiệt	14
- Vai trò của phụ nữ Việt nam trong phát triển kinh tế, xã hội, tham gia quản lý nhà nước, và định hướng phát triển đến năm 2000	Trương Mỹ Hoa	14
- Cải cách hành chính - một trong những khâu then chốt của tiến trình đổi mới	Nguyễn Khánh	15
- Đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn mới	Lê Quang Đạo	16
- Nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và năng lực sáng tạo, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đại hội VII và tích cực chuẩn bị cho Đại hội VIII	Đỗ Mười	17
- Tích cực chuẩn bị, bảo đảm cho Đại hội VIII của Đảng thành công tốt đẹp	Xã luận	17
- Quá trình đổi mới ở Việt nam : thành tựu, khuyết điểm và bài học	Phan Đăng Phú	17
- Về phương hướng phát triển đất nước trong thời kỳ mới	Nguyễn Hà	17
- Một số vấn đề về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Lưu Bích Hồ	17
- Để xứng đáng là Tạp chí lý luận - chính trị đầu đàn	Nguyễn Đức Bình	18
- Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng : Quá trình phát triển và trưởng thành	Nguyễn Phú Trọng	18
- Quân đội ta mãi mãi xứng đáng với lời tuyên dương công trạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Văn Tiến Dũng	18
- Về phương hướng tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế	Nguyễn Văn Đăng	18
- Vấn đề xây dựng quan hệ sản xuất, phát triển các thành phần kinh tế	Vũ Hiền	18
- Kinh tế tư bản nhà nước - vài nét lý luận và thực tiễn	Đinh Sơn Hùng	18

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Tính khoa học của quan điểm mác xít về vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp	Trần Phúc Thắng	18
II - KINH TẾ		
- Phát triển kinh tế - xã hội ở Lạng Sơn	Hoàng Thanh	1
- Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các huyện ngoại thành Hà nội	Lương Ngọc Cừ	1
- Nhìn lại lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu long năm 1994	Xuân Hải	1
- Những vấn đề có tính quy luật trong việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn	Vũ Xuân Kiều	1
- Quy hoạch xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Lê Hồng Kế	1
- Nhìn lại ngân sách nhà nước năm 1994 và kế hoạch ngân sách năm 1995	Tào Hữu Phùng	2
- Trong lĩnh vực tiền tệ : Cần chú ý hơn đến việc tìm cơ sở lý luận đúng cho điều hành vĩ mô	Vũ Ngọc Nhung	2
- Lãi suất tín dụng và vấn đề tăng trưởng kinh tế	Lê Vinh Danh - Bửu Thùy	2
- Thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn nước ngoài để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Nguyễn Ngọc Tuấn	3
- Về tập đoàn kinh doanh và sự hình thành Tổng công ty hàng hải ở nước ta	Chu Quang Thứ	3
- Bình định tạo đà cho bước phát triển mới	Nguyễn Duy Quý	4
- Khánh hòa khẳng định bước đi trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Bùi Hồng Thái	4
- Huy động vốn trong nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Cao Sỹ Kiêm	4
- Vấn đề điện nguyên tử ở Việt nam	Cao Chi	4
- Về xây dựng hợp tác xã ở nước ta hiện nay	Đỗ Bá	4
- Cần thơ sau hai mươi năm giải phóng	Lư Văn Điền	5
- Quận 5 sau một chặng đường phát triển	Trần Hồi Sinh	5
- Con đường từ hộ nông dân tiến lên hợp tác xã	Trần Đức	5
- Bàn về thị trường vốn và thị trường chứng khoán ở Việt nam	Tào Hữu Phùng	6

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Đổi mới hợp tác xã và phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp (Tổng thuật cuộc hội thảo ở Thanh hóa)	* * *	6
- Quá trình đổi mới và phát triển ở Lâm đồng	Bùi Chí Kiên	6
- Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở Quảng bình	Công Hưng	6
- Nhà máy thuốc lá Thăng long đi vào kinh tế thị trường	Phan Văn	6
- Một số giải pháp tổ chức quản lý kinh doanh lương thực hiện nay	Vũ Đình Ngọc	7
- Vấn đề lập thị trường chứng khoán ở nước ta	Nguyễn Khắc Hiền - Nguyễn Xuân Quang	8
- Một số vấn đề về đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở nước ta hiện nay	Lê Hồng Tiễn	8
- Nguy cơ tụt hậu về kinh tế: Những vấn đề đang đặt ra và kiến nghị	Nguyễn Văn Phương	8
- Kim Sơn: Tiềm năng và những thách thức	Trần Anh Học	8
- Cần sớm thực hiện một nền nông nghiệp sạch (nông nghiệp bền vững)	Nguyễn Khắc Trung	8
- Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lạm phát	Cao Sỹ Kiêm	9
- Lạm phát ở nước ta hiện nay	Trần Hồ	9
- Chính sách hối suất và bài toán tỷ giá đồng Việt nam hiện nay	Nguyễn Trần Quế	9
- Ấn tượng đất mũi	Tiến Hải	9
- Một số vấn đề rút ra qua việc xây dựng khu chế xuất ở TP Hồ Chí Minh	Nguyễn Chơn Trung	9
- Góp thêm ý kiến vào phương hướng công nghiệp hóa	Văn Doanh	9
- Xây dựng giao thông nông thôn, tiền đề để đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	Bùi Danh Lưu	10
- Tổng quan kinh tế Việt nam sau 50 năm xây dựng và phát triển (1945-1995)	Nguyễn Sinh Cúc	11
- Cần kiểm chế lạm phát trên cơ sở lý luận Mác - Lê-nin	Vũ Ngọc Nhung	11
- Công ty sữa Việt nam đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường	Mai Kiều Liên	11
- Quá trình tự khẳng định của Công ty may 10	Vũ Lâm	11

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Thế nào là định hướng xã hội chủ nghĩa đối với các doanh nghiệp nhà nước ?	Bùi Văn Noãn	12
- Bước đầu tìm hiểu kinh tế trang trại ở nước ta	Trần Đức	12
- Góp thêm ý kiến về chống lạm phát	Trịnh Huy Quách	12
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Cần thơ	Võ Hoàng Xinh	12
- Thủy sản - mũi nhọn kinh tế của các tỉnh miền Trung	Vũ Xuân Kiều	12
- Khảo sát về sự phát triển kinh tế - xã hội ở một số tỉnh Tây nguyên	Hồ Tấn Sáng	12
- Ngoại thương với chiến lược tăng tốc	Nguyễn Thế Uẩn	13
- Tiết kiệm vốn trong xây dựng cơ bản - vấn đề cấp bách của nền kinh tế	Lương Xuân Hội	13
- Đổi mới quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước	Nguyễn Đình Bích	14
- Huyện Củ chi kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện tốt các chính sách xã hội	Xuân Hải	14
- Nhìn lại sự biến động giá cả ở thị trường nước ta	Xuân Hoàn	14
- Nông nghiệp, nông thôn sau hai năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII)	Nguyễn Sinh Cúc	15
- Các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn và vai trò quản lý của chính quyền cấp xã	Nguyễn Vũ Bình	15
- Nơi tập hợp công nhân, lao động khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	Đỗ Minh Nghĩa - Vũ Lâm	15
- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài	Nguyễn Khắc Hiền - Lê Thanh Bình	15
- Đổi mới công tác quản lý và điều hành ngân sách nhà nước	Tào Hữu Phùng	16
- Xuất khẩu lao động để giải quyết việc làm trong điều kiện hiện nay	Nguyễn Lượng Trào	16
- Góp thêm ý kiến về công nghiệp hóa nông thôn trong giai đoạn hiện nay	Dương Bá Phương	16
- Hàng không dân dụng Việt nam đổi mới và hội nhập với thế giới	Đào Mạnh Nương	16
- Chính sách tín dụng đối với hộ nông dân ở miền núi	Nguyễn Đắc Hưng	16

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Vấn đề quan hệ đất đai trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	Đặng Hùng Võ	17
- Cần có một hệ thống quan điểm phát triển hình thức liên doanh trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài	Nguyễn Thường Lạng	17
- Ngành du lịch trước vận hội và thách thức mới	Doãn Quang Thiện	17
- Những kết quả bước đầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở tỉnh Yên Bái	Vũ Ngọc Kỳ	18
- Những điều ghi nhận từ công tác thuế ở tỉnh Hải hưng	Phạm Thắng	18
III - CHÍNH TRỊ - TRIẾT HỌC		
- Máy suy nghĩ về giai cấp công nhân trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Thanh Lê	1
- Đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở TP Hồ Chí Minh	Nhật Tân	1
- Cải cách nền hành chính quốc gia - quan điểm và giải pháp	Ngọc Kim	3
- Về nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân	Hoàng Văn Hảo	3
- Tăng cường tính thống nhất của pháp chế, nghiêm chỉnh tuân theo và chấp hành pháp luật	Đào Trí Úc	3
- Máy suy nghĩ về vấn đề xây dựng nhà nước hiện nay	Hồ Văn Thông	3
- Nhà nước pháp quyền - lịch sử và hiện tại	Anh Phương	3
- Nhà nước với việc bảo đảm xã hội cho người nghèo	Bùi Ngọc Trinh	3
- Vai trò của các học thuyết tư tưởng và tôn giáo hiện nay ở Việt nam	Nguyễn Tài Thư	3
- Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - bước phát triển mới của nghệ thuật quân sự Việt nam.	Hoàng Minh Thảo	4
- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong tình hình mới	Đào Đình Luyện	4
- Thành phố Hồ Chí Minh sau 20 năm giải phóng	Trương Tấn Sang	4
- Việc giải quyết đơn thư đề nghị và khiếu kiện của nhân dân	Nguyễn Kim Thoa	4
- Nhà nước kiểu mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Văn Thảo	5
- Giải quyết quan hệ dân tộc và giai cấp theo tư tưởng Hồ Chí Minh	Trần Xuân Trường	5
- Những chân lý lịch sử không thể phủ nhận	Nguyễn Huy Quý	5

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Ổn định để phát triển theo con đường đã chọn	Khổng Doãn Hội	6
- Chính sách hậu phương quân đội : Đổi mới và kết quả	Đặng Vũ Hiệp	7
- Gương mặt nhân quyền	Nguyễn Linh	7
- Chung quanh việc xử lý vi phạm Pháp lệnh về đề điều ở Yên phụ - Nhật tân (Hà nội)	* * *	7
- Về đổi mới công tác lập pháp	Vũ Mão	8
- Thực tiễn chính sách xã hội và việc bảo vệ quyền con người ở Việt nam	Trần Đình Hoan	8
- Vũ khí sắc bén của các nhà tư tưởng	Tô Huy Rứa	9
- Xây dựng bộ đội biên phòng trong sự nghiệp quản lý, bảo vệ biên giới Tổ quốc	Trịnh Trân	9
- Đầu phải Cách mạng Tháng Tám không có đối tượng cụ thể, trực tiếp	Nguyễn Thành	10
- Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay	Lê Thế Tiệm	10
- Vẫn còn đó cuộc đấu tranh giai cấp	Vũ Hiền	10
- 50 năm bảo vệ và phát triển quyền con người ở Việt nam	Hoàng Công	10
- "Việt nam trên đà lột xác" (Trích <i>Cuốn Tâm thư</i> của Đỗ Mậu)	* * *	10
- An toàn khu II và Hội nghị quân sự cách mạng Bắc kỳ - sự chuẩn bị lực lượng tích cực và chủ động cho Cách mạng Tháng Tám	Trịnh Nhu - Trình Mưu	11
- 50 năm xây dựng và hoàn thiện chính quyền nhân dân	Thanh Sơn	11
- Việt nam trên đường chúng ta đi	Mai Trang	11
- 50 năm Hải quan Việt nam xây dựng và trưởng thành	Phan Văn Dĩnh	11
- Quyền con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta	Hoàng Văn Hào	12
- Cần nắm vững những yêu cầu của quản lý xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Thanh Lê	12
- Vấn đề đạo đức trong chống tham nhũng	Nguyễn Ngọc	12
- Về một số luận điệu xuyên tạc và bịa đặt	Lê Xuân Lựu	13
- Xây dựng đội ngũ công chức hành chính nhà nước	Tô Tử Hạ	13

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự ở Hải phòng	Nghiêm Hưng	13
- Công cuộc đổi mới - một số chỉ báo xã hội	Nguyễn Linh Khiếu	13
- Quân đội nhân dân trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình", bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội	Đặng Vũ Hiệp	14
- Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị	Hồ Văn Thông	14
- Văn hóa chính trị với việc nâng cao chất lượng lãnh đạo chính trị	Phạm Ngọc Quang	14
- Cần xem xét, đánh giá mỗi việc trong quá khứ trên quan điểm lịch sử cụ thể	Diệp Văn Sơn	14
- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo nguồn lực phát triển đất nước	Nguyễn Văn Tháo	15
- Một số vấn đề về xây dựng và hoàn thiện nhà nước ta hiện nay	Nguyễn Trọng Phúc	15
- Về những đòi hỏi vô lý đối với sự lãnh đạo của Đảng	Bùi Minh Thắng	15
- Về sự xuyên tạc và bôi nhọ Cách mạng Tháng Mười	Nhật Tân	15
- Vai trò pháp luật trong việc tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân	Võ Khánh Vinh	15
- 50 năm xây dựng và trưởng thành của ngành thanh tra nhà nước	Tạ Hữu Thanh	16
- Đường ta đi, đường thời đại	Khổng Doãn Hợi	16
- Sáng ngời tư tưởng biện chứng duy vật của Ph.Ăng-ghe-n	Phạm Phú Hồ	16
- Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo	Đào Trọng Cảnh - Nguyễn Phú Lợi	16
- Về vấn đề nhà nước pháp quyền và chế độ đa đảng	Nguyễn Văn Tài	16
- Hải quan Quảng ninh, người gác cửa năng động vùng Đông Bắc	Thanh Sơn	17
- Cần kiên quyết bác bỏ những luận điệu sai trái	Phan Thế Hạo	17
IV- VĂN HÓA - XÃ HỘI		
- Chảy máu chất xám tại chỗ - một sự thật nhức nhối	Nguyễn Trí Dũng	1
- Vài suy nghĩ về hình ảnh người cộng sản trong văn học	Lệ Mai	2

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- "Định hướng xã hội chủ nghĩa là văn hóa" (Thu hoạch nhỏ sau khi đọc tác phẩm <i>Văn hóa và đời mới</i> của đồng chí Phạm Văn Đồng)	Nguyễn Phú Trọng	2
- Phản ánh luận và một vài vấn đề lý luận văn học	Trần Đình Sử	4
- Khoa học xã hội và nhân văn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Duy Quý	4
- Mấy ý kiến chung quanh vấn đề lãnh đạo và quản lý văn hóa	Hồ Sĩ Vịnh	4
- Năm quốc tế về khoan dung và tinh thần khoan dung Việt nam - Hồ Chí Minh	Phạm Xuân Nam	5
- Báo chí cách mạng Việt nam - Chặng đường 70 năm	Hoàng Tùng	6
- Văn phong Hồ Chí Minh	Nguyễn Đình Cát - Đào Thán	6
- Hình thành và phát triển nhân cách trong kinh tế thị trường	Lê Đức Phúc	6
- Đọc "Tập chí Cộng sản - Những chặng đường phát triển"	Phương Hạnh - Vũ Lân	6
- Chuẩn mực thẩm mỹ trong lối sống xã hội	Đỗ Kim Thịnh	7
- Thành phố Hồ Chí Minh với việc xóa đói giảm nghèo	Đặng Ngọc	7
- Thấy gì qua hai cuốn sách gần đây của Bùi Tín ?	Lê Phan Di	7
- Vấn đề giàu nghèo trong cơ chế thị trường	Bạch Hồng Việt	8
- Đổi mới cách đầu tư ngân sách cho văn hóa	Hoàng Thị - Quỳnh Vân	8
- Kim bảng vượt lên trong phong trào xã hội hóa giáo dục	Phan Quỳnh Anh	9
- Nho học trong sự nghiệp đổi mới đất nước	Phan Văn Các	9
- Giáo dục trong bước đi lên của đất nước	Trần Hồng Quân	10
- Góp phần đánh giá 50 năm nữa sau thế kỷ của văn học Việt nam	Hà Xuân Trường	10
- Về cách tiếp cận để đánh giá văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám	Nguyễn Văn Long	10
- Về vai trò môn kinh tế chính trị Mác - Lê-nin trong các trường đại học và cao đẳng	Phan Thanh Phố	10
- Sức hấp dẫn và lan tỏa của sân khấu cách mạng	Nguyễn Phan Thọ	11

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Truyền hình Việt nam trước yêu cầu của nhiệm vụ mới	Hồ Anh Dũng	11
- Khoa học và công nghệ, lực lượng sản xuất hàng đầu	Vũ Đình Cự	12
- Tri thức trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Phan Thanh Khôi	12
- Phấn đấu xây dựng nền văn học nghệ thuật tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong bối cảnh mới	Cù Huy Cận	13
- Phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội nông thôn trong điều kiện đổi mới	Bùi Ngọc Thanh - Nguyễn Hữu Dũng	13
- Về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn nghệ hiện nay	Từ Đức Trịnh	13
- Qua những năm tháng cầm bút	Nguyễn Đình Thi	14
- Sự lựa chọn giá trị của người Việt nam	Dương Vũ	14
- Mấy ý kiến về báo đảng ở địa phương	Hồ Xuân Sơn	14
- Một vài suy nghĩ về Phật giáo ở Việt nam hiện nay	Nguyễn Tài Thư - Hồ Trọng Hoài	15
- Điện ảnh Việt nam trước yêu cầu hội nhập với điện ảnh thế giới	Trần Đắc	15
- Văn hóa Việt nam đối mặt với kinh tế thị trường	Trần Ngọc Thêm	16
- Giáo viên - một đại sự của ngành giáo dục	Võ Đăng Thiên	16
- Áp đặt giá trị - ngón chơi cũ rích của một số thế lực phương Tây	Dương Tùng	18
- Điện ảnh Việt nam và 100 năm điện ảnh thế giới	Trần Ngọc Thanh	18
V- XÂY DỰNG ĐẢNG		
- Tuổi trẻ hiện nay	Đoàn Nam Đàn	1
- Cái khó của nghề làm "sếp"	Mai Nguyễn	1
- Những chỉ báo khoa học của Đảng	Bùi Ngọc Thanh	2
- Bản lĩnh chính trị của Đảng ta	Nguyễn Trọng Phúc	2
- Sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ 1945-1946: rất kiên định về chiến lược và mềm dẻo về sách lược	Trình Mưu	2
- Công tác tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và người Việt nam ở nước ngoài	Phạm Ngọc Giao	2

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Bí thư "ba số"	Nguyễn Tiến Dân	2
- Đẩy mạnh công tác phát triển đảng trong thanh niên	Hồ Đức Việt	3
- Chung quanh vấn đề đảng lãnh đạo báo chí	Hà Xuân Trường	3
- "Đế vương chui"	Nguyễn Tiến	3
- "Đối ngoại phí"	Thái Sơn	4
- "Phát triển" nhìn dưới góc độ của tiến trình lịch sử	Nguyễn Viết Thảo- Nguyễn Thị Thanh	5
- Chuyện đời thường của Bác	Nông Quốc Tiến	5
- Người sáng lập ra tạp chí <i>Đỏ</i>	Nguyễn Trọng Thụ	5
- Lạc điệu	Tân Minh Sinh	6
- Công tác cán bộ nữ ở Hải hưng	Đặng Văn Cảo	6
- Phố "Trần Dư"	Vũ Lân	7
- "Trà đũa"	Nguyễn Trung Thực	8
- Đại hội quốc dân Tân trào, sự chỉ đạo chiến lược kịp thời, sắc bén của Đảng ta	Nguyễn Khang	10
- Đảng bộ khối trong hệ thống tổ chức đảng	Nguyễn Kim Đĩnh	10
- Phải chăng không cần sự lãnh đạo của Đảng cộng sản khi nước ta chuyển sang kinh tế thị trường?	Lê quang Diên	10
- Tân quan, tân chính sách	Nguyễn Văn Lộc	12
- Cũng là kiểu đốt đèn Ác-tê-mi	Nguyễn Trung Thực	13
- Cán bộ khoa học nữ thời kỳ đổi mới: Thực trạng và một số kiến nghị	Ngô Thị Ngọc Anh	14
- Cái "tâm" và cái "tướng"	Vê Hát Xê	14
- Giá trị bền vững của một đảng kiểu mới theo tư tưởng của Lê-nin	Nguyễn Quang Du	15
- Tri thức và quyền lực	Thái Sơn	15
- Kết quả và kinh nghiệm đổi mới, chỉnh đốn đảng ở Yên Bái	Nguyễn Đức Hà	16
- Tác đất, tác vàng	Hoành Nhị	16
- Đảng bộ Lào cai tăng cường sự lãnh đạo đối với chính quyền các xã vùng cao	Nguyễn Nghĩa Vụ	17

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Máy vấn đề nâng cao chất lượng đảng viên ở cơ sở xã, phường tỉnh Minh hải	Nguyễn Thế Cường	17
- "Công bà"	Nguyễn Diệu Hương	17
- Để tương lai không phải dùng "đại bác"	Vũ Lâm	18
- Dấu ấn lãnh đạo của một chi bộ đảng	Hoàng Mạnh Phiệt	18
VI- NHỮNG VẤN ĐỀ QUỐC TẾ		
- Chủ nghĩa cộng sản là tất yếu lịch sử	Bô-rít Xla-vin	1
- Đôi nét về thế giới năm 1994	Võ Thủ Phương	1
- Toàn cầu hóa và khu vực hóa	Vũ Khoan	2
- Báo chí Liên xô và những đảo lộn chính trị năm 1991	Tạ Ngọc Tấn	3
- Đám cháy vùng Cáp-ca-dơ	Nguyễn Thị Hoa	3
- Một phong trào, một sức mạnh của thời đại	La Côn	4
- Thấy gì qua cuốn sách <i>Giải phẫu một cuộc chiến tranh</i> của Ga-bri-en Côn-cô	Lê Phan Di	4
- Hoạt động và đóng góp của Hồ Chí Minh đối với Quốc tế cộng sản	Lê Văn Yên	5
- Tìm hiểu về trật tự mới của thế giới	Vũ Hiền	6
- Nước Pháp với cuộc bầu cử Tổng thống	La-côn	6
- Trung tâm quyền lực thế giới mới	Giôn Na-bít	6
- Vai trò nhà nước trong sự phát triển kinh tế ở Đài loan	Nguyễn Duy Hùng	7
- Việt nam gia nhập ASEAN và tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế	Hà Văn Thâm	8
- Bước tiến mới trong quan hệ Việt - Mỹ	Võ Thủ Phương	9
- <i>Nhìn lại quá khứ: "Tấn thảm kịch và những bài học về Việt nam"</i> (Trích hồi ký của cựu Bộ trưởng quốc phòng Mỹ Mắc Na-ma-ra)	***	9
- Quan hệ Việt nam và các nước Tây, Bắc Âu trong tình hình mới	Nguyễn Dy Niên	10
- Nhìn lại hai thập kỷ thực hiện nghị quyết của Liên hợp quốc về sự tiến bộ của phụ nữ	Nguyễn Hữu Cát - Ngô Thị Ngọc Anh	10

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Chiến lược toàn cầu "đánh lúu và mở rộng" của Mỹ đang gặp nhiều thử thách	Trần Bá Khoa	12
- Châu Á - sự tạm nghỉ để phục hồi	* * *	12
- Ý kiến nhỏ về thắng lợi lớn của ngoại giao Việt nam	Võ Thủ Phương	13
- Những vấn đề của thế giới hiện nay	Nguyễn Thị Hoa	13
- Xin-ga-po : Những bí quyết thành công	Gô Chốc Tông	13
- Liên hợp quốc : chặng đường 50 năm và trước thềm thế kỷ 21	Lê Mai	14
- Từ chủ nghĩa xã hội tới chủ nghĩa tư bản giả	***	14
- Quan hệ Bắc - Nam	Vũ Hiền	15
- "Công ty" là mô hình tổ chức kinh doanh có thể áp dụng ở Trung quốc	***	15
- Suy nghĩ về "ly nông bất ly hương" của nước bạn và của nước ta	Trần Trọng	16
- Kinh nghiệm tiếp nhận chuyển giao công nghệ của một số nước và hướng vận dụng ở Việt nam hiện nay	Nguyễn Hoàng Giáp	16
- Thách thức và thay đổi	Brai-ơn Ca-plơn	16
- Môi trường sinh thái với sự phát triển của thế giới hiện đại	Phạm Thị Ngọc Trâm	17
- Kinh nghiệm quản lý công ty cổ phần ở một số nước	***	17
- Cơ sở khách quan bền vững của mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào	Hà Minh Tân	18
- Sức sống mãnh liệt của Hòn đảo tự do	Võ Thủ Phương	18
VII - TÌM HIỂU KHÁI NIỆM		
- Khoa học, công nghệ, chuyển giao công nghệ		1
- Quốc tế hóa, khu vực hóa		2
- Cách mạng khoa học kỹ thuật. Nền văn minh mới		3
- Cơ cấu xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp		4
- Liên hợp quốc và các tổ chức chính của nó		5
- Kết cấu hạ tầng và phát triển kết cấu hạ tầng		6

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Lập pháp, hành pháp, tư pháp và quan hệ giữa ba quyền đó		7
- Tỷ giá, chính sách tỷ giá		8
- Chiến tranh lạnh, chiến tranh mềm		9
- Thuế, hệ thống thuế		10
- Xung đột sắc tộc		11
- Các chiến lược toàn cầu của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai		12
- Hình sự, dân sự. Tổ tụng hình sự, tố tụng dân sự		13
- Thuyết đô-mi-nô		14
- Tổng sản phẩm trong nước. Tổng sản phẩm quốc gia		15
- Dân chủ, dân chủ nhân dân, dân chủ - xã hội và dân chủ xã hội chủ nghĩa		16
- Công chức, công vụ, công sở		18
 VIII - TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN		
- Hội nghị chuyên đề về giải quyết đơn thư tố cáo các đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý		1
- Đại hội IV Hội nghệ sĩ sân khấu Việt nam : <i>Vì một nền sân khấu tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc</i>		1
- Hội nghị chuyên đề về tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng ở cấp phường, thị trấn		2
- Hội nghị chuyên đề về công tác phát triển đảng viên trẻ trong tình hình mới		3
- Hội nghị khoa học về Đảng		4
- Vấn đề bóc lột trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay		6
- Hội thảo khoa học: "50 năm văn học Việt nam sau Cách mạng Tháng Tám"		7
- Hội nghị tổng kết kinh nghiệm của các tổ chức cơ sở đảng vững mạnh ở Hà nội		9
- Nghiệm thu đề tài "Động lực phát triển kinh tế thị trường trong chế độ chính trị một đảng,(đảng cộng sản) ở Việt nam"		9

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Về Đại hội IV Hội điện ảnh Việt nam		11
- Hội thảo khoa học về chính sách tiền tệ phục vụ phát triển kinh tế giai đoạn 1996-2000		13
- Hội thảo "Nửa thế kỷ văn học Việt nam"		14
- Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện "Cải cách một bước nền hành chính nhà nước"		15
- Hội thảo khoa học - thực tiễn : Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất		16
- Tập I bộ <i>Từ điển bách khoa Việt nam</i> ra mắt bạn đọc		17
- Hội thảo "Nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí lý luận - chính trị của Đảng trong giai đoạn hiện nay"		18
IX - VĂN KIẾN - TƯ LIỆU		
- Thông báo Hội nghị lần thứ tám BCH TƯ Đảng (khóa VII)		2
- Hội nghị cộng tác viên <i>Tạp chí Cộng sản</i> . Đồng chí Nguyễn Đức Bình đến dự và phát biểu ý kiến	***	2
- Đồng chí Tổ Hữu thăm <i>Tạp chí Cộng sản</i>	***	3
- Hợp mặt đại diện cộng tác viên <i>Tạp chí Cộng sản</i> khu vực TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh Nam bộ		6
- Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc <i>Tạp chí Cộng sản</i> khu vực Đông - Bắc		7
- Đoàn đại biểu tạp chí A-lun-may (Lào) thăm Việt nam		7
- Hội nghị cộng tác viên, bạn đọc và phát hành <i>Tạp chí Cộng sản</i> đồng bằng sông Cửu long		9
- Những thông điệp đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Liên hợp quốc	Phạm Xanh	13
- Thông báo Hội nghị lần thứ chín BCH TƯ Đảng (khóa VII)		17
- <i>Tạp chí Cộng sản</i> qua các thời kỳ phát triển		17
- Năm 1995 : Bạn đọc với Tạp chí		17

CÔNG TY GIẤY BÀI BẰNG

BÀI BẰNG PAPER COMPANY



TRẦN NGỌC QUẾ

Bí thư kiêm Tổng giám đốc

Địa chỉ :

- Thị trấn Phong châu - huyện Phong châu - Vĩnh phú
- Điện thoại : 01-21-46733/42154/42028
- Telex : 411498 SCANMABBT
- Fax : 84 - 21 46732

- Công ty giấy Bài Bằng thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ là công trình hợp tác hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển có thiết bị hiện đại, dây chuyền sản xuất khép kín, công suất thiết kế 55.000 tấn giấy/năm.
- Sản phẩm của Công ty bao gồm : giấy in, giấy viết, giấy Telex, giấy potaobpy ; giấy tập kẻ ngang, vở học sinh và giấy máy vi tính. Định lượng từ 50 GAM/M2 - 120 GAM/M2
- Độ trắng 74-830 GE. Giấy được sản xuất thành cuộn hoặc RAM từ khổ A0 - A4.
- Sản phẩm của Công ty có bán trên thị trường trong và ngoài nước



- Năm 1995 kế hoạch sản xuất 38.000 tấn, 6 tháng đầu năm đã sản xuất được 21,670 tấn, nhờ cải tiến công nghệ và tổ chức quản lý mà riêng quý II/95 đạt sản lượng cao chưa từng có 13.033 tấn. Trước tình hình đó Bộ Công nghiệp nhẹ giao thêm kế hoạch là 42.000 tấn, công ty đang phấn đấu đạt 50.000 tấn. Dự kiến từ 1997 trở đi sản xuất

5/28



Hân hạnh được
đón tiếp quý khách

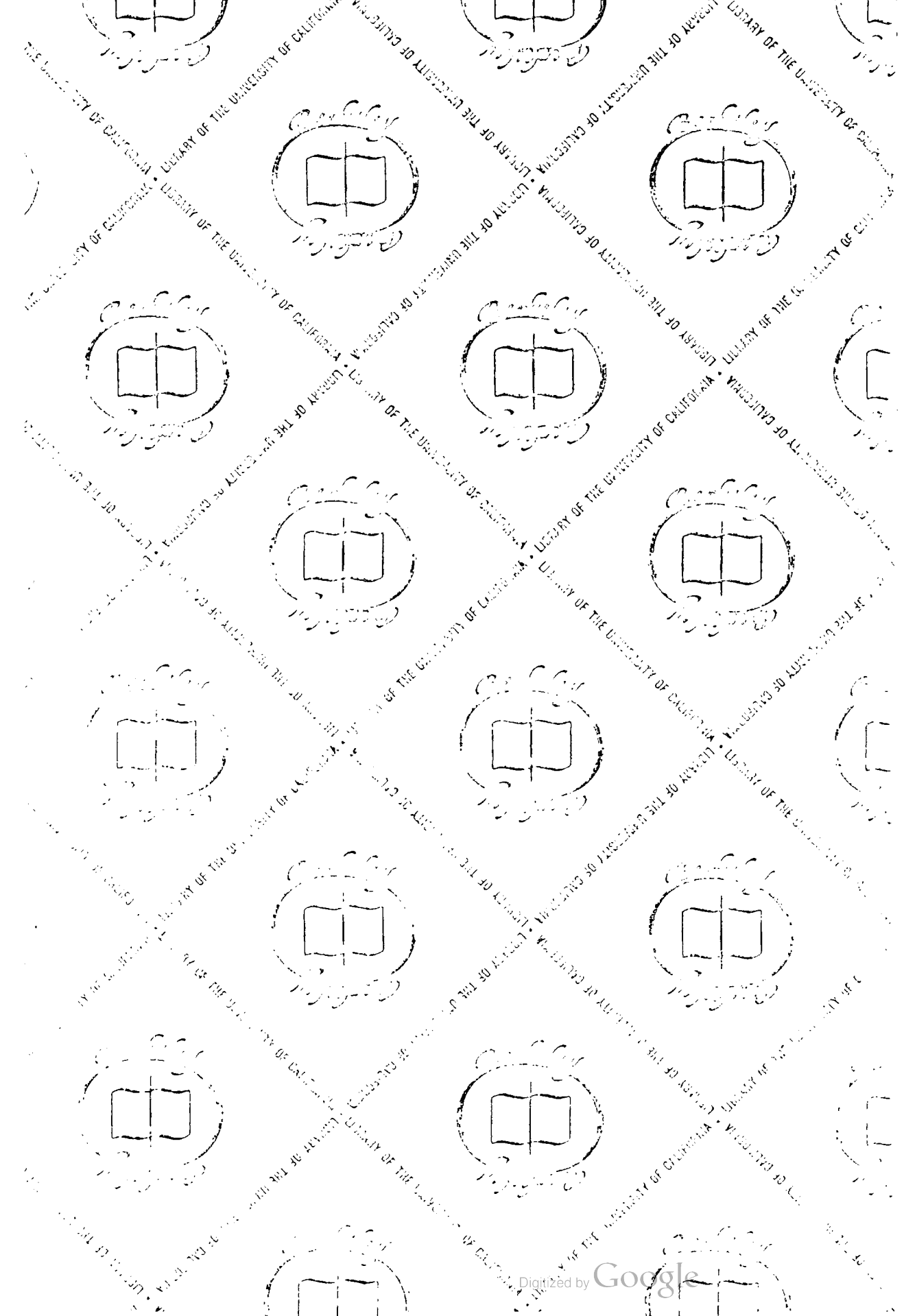


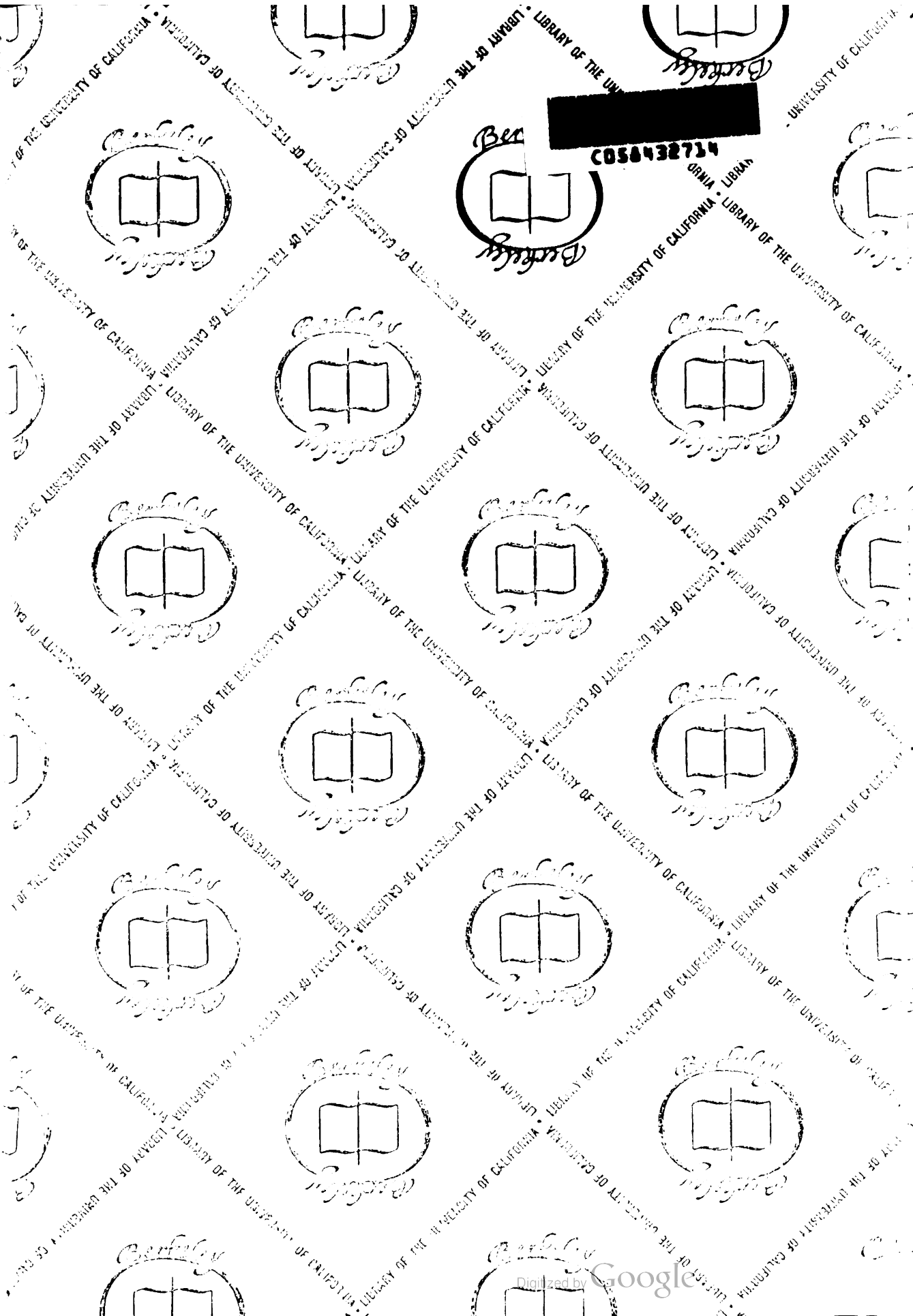
Công ty
Bia SAIGON

187 NGUYỄN CHÍ THANH, QUẬN 5 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐT : 559595 - 6 HAI BÀ TRUNG, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH. ĐT: 294083

Chất Lượng. Thơm Ngon. Bổ Dưỡng

173304





C058432714

